

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 2 - Quyển 2

Văn học các dân tộc thiểu số

Nhà thơ NÔNG QUỐC CHẤN
(chủ biên)



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



NÔNG QUỐC CHẤN

Nhà thơ, Nhà nghiên cứu Dân tộc học

- Sinh năm 1928
- Quê quán Tây Bắc
- Năm 1945-1956: Công tác Văn hóa Thông tin Tây Bắc.
Năm 1956 đến lúc nghỉ hưu:
Thứ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.
- Là nhà thơ, nhà nghiên cứu Dân tộc ít người.

Biên soạn:
Nhà thơ **NÔNG QUỐC CHẤN**
NÔNG QUỐC THẮNG

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

Tinh tuyển
Văn học Việt Nam

TẬP 2 - QUYỂN 2

Văn học các dân tộc thiểu số

Nhà thơ **NÔNG QUỐC CHẤN** (*chủ biên*)



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Văn học Việt Nam như một tấm gương, ở đó con người Việt Nam hiện lên với những vẻ đẹp về tâm hồn, cốt cách, bản lĩnh; hiện lên với những trạng thái buồn vui, khổ đau, hạnh phúc... Bức tranh chân thực nhất, sinh động nhất về bản tính Việt Nam không thể tìm từ đâu khác ngoài văn học Việt Nam. Hơn nữa, qua tác phẩm văn học, người đọc thấy được trình độ tư duy thẩm mỹ, tài hoa nghệ thuật ngôn từ của một dân tộc. Vì thế, từ trước đến nay, các nhà nghiên cứu luôn nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công việc sưu tầm, tuyển chọn các tác phẩm văn học với khát vọng không chỉ gìn giữ di sản của ông cha để lại, mà còn, qua các công trình sưu tập của mình, giới thiệu gương mặt Việt Nam.

Từ thời trung đại, chúng ta đã có các công trình sưu tập văn học nổi tiếng như *Việt âm thi tập* của Phan Phu Tiên (thế kỷ XV), *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương (thế kỷ XV), *Tinh tuyển chư gia thi tập* của Dương Đức Nhan (thế kỷ XV), *Toàn Việt thi lục* và *Toàn Việt văn hải* của Lê Quý Đôn (1726–1784), *Hoàng Việt thi tuyển* và *Hoàng Việt văn tuyển* của Bùi Huy Bích (1744–1818)...

Ngày nay, do tự thân cuộc sống của mỗi dân tộc đòi hỏi, do nhu cầu giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế..., sự ra đời các Biệt tập, Tinh tuyển, Hợp tuyển, Toàn tập, Tổng tập... về từng tác gia, tác phẩm, từng thể tài, thể loại văn học, từng giai đoạn, từng thời kỳ, hoặc của toàn bộ văn học Việt Nam... càng trở nên cấp thiết. Các biệt tập: *Quốc âm thi tập*, *Truyền kỳ mạn lục*, *Đoạn trường tân thanh*, *Hoàng Lê nhất thống chí*...; toàn tập: *Nguyễn Trãi*, *Nguyễn Du*...; hợp tuyển *Thơ văn Việt Nam* hoặc tổng tập *Văn học Việt Nam*... đã đáp ứng được nguyện vọng của nhiều người.

Tuy nhiên, để có trọn vẹn tác phẩm văn học Việt Nam trong khuôn khổ một bộ sách vừa đủ và gọn, chúng tôi cho ra mắt bạn đọc **TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM**. Với khái niệm tinh tuyển, chúng tôi chỉ chọn những gì gọi là tinh túy nhất, tiêu biểu nhất cho từng tác gia, từng thể tài, thể loại..., hoặc đại diện cho mỗi xu hướng, mỗi trào lưu, mỗi giai đoạn... phát triển văn học.

Đội ngũ chủ biên của từng tập trong **TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM** gồm các nhà khoa học có uy tín như GS. Nguyễn Đăng Mạnh, GS. TS. Kiều Thu Hoạch, GS. TS. Trần Đình Sử, PGS. Hoàng Hữu Yên, PGS. Nguyễn Thạch Giang, PGS. TS. Trần Thị Băng Thanh, PGS. TS. Nguyễn Đăng Na, nhà thơ Nông Quốc Chấn.

Nền văn học của bất cứ dân tộc nào bao giờ cũng gồm hai bộ phận: *văn học dân gian* và *văn học thành văn*. Việt Nam lại là quốc gia đa dân tộc, vì thế, trong văn học dân gian và văn học thành văn có cả tác phẩm của dân tộc ít người và có cả tác phẩm của dân tộc nhiều người. Vào thời trung đại, khi chức năng của các thể loại chưa phân hóa rõ ràng như ngày nay thì, khái niệm văn học hàm chứa cả văn học chức năng và văn học nghệ thuật. Bộ **TINH TUYỂN** đã thể hiện được đầy đủ những đặc điểm nói trên.

Văn học Việt Nam (thành văn) chính thức ra đời từ thế kỷ X. Tính đến nay, chúng đã trải qua hơn một ngàn năm lịch sử và được chia làm hai thời kỳ: thời kỳ thứ nhất từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX gọi là *văn học trung đại*; thời kỳ thứ hai từ đầu thế kỷ XX đến nay, gọi là *văn học cận - hiện đại*.

Dựa vào đặc điểm văn học trung đại và cận - hiện đại, trên cơ sở tính toán tỷ lệ giữa các bộ phận văn học, giữa các thời kỳ và các giai đoạn, giữa văn học dân tộc ít người và dân tộc nhiều người..., bộ **TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM** được cấu tạo như sau: *Văn học dân gian*, *Văn học các dân tộc thiểu số*, *Văn học thế kỷ X-XIV*, *Văn học thế kỷ XV-XVII*, *Văn học thế kỷ XVIII*, *Văn học thế kỷ XIX*, *Văn học giai đoạn 1900-1945*, *Văn học giai đoạn 1945-2000*.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Văn học Việt Nam là một di sản quý báu của nhân dân Việt Nam được lưu truyền từ thượng cổ tới nay. Đó là một tài sản hết sức phong phú, bao gồm từ những sáng tác dân gian truyền khẩu đến những công trình mang tính bác học được xuất bản không chỉ bằng ngôn ngữ dân tộc (bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ), mà còn cả bằng một thứ văn tự một thời được coi như chuyển ngữ chung cho cả vùng Đông Á – chữ Hán.

Từ lâu, các nhà nghiên cứu – trong cũng như ngoài nước – và các độc giả trông chờ một công trình có tính chất tổng hợp giúp cho người đọc khi cần có thể tra cứu nhanh và tìm thấy những tư liệu, chi tiết cụ thể trong cái đại dương mênh mông là nền văn học Việt Nam ấy. Một vài công trình như *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* và *Tổng tập văn học Việt Nam* ra mắt độc giả vào những năm 60 và 90 của thế kỷ trước, một phần đã đáp ứng được yêu cầu này, đã hoàn thành được cơ bản sứ mạng lịch sử của chúng và đang mong chờ những công trình mới tiếp theo.

Bộ **TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM** ra mắt bạn đọc lần này chính là sự tiếp bước có nâng cao của những công trình đi trước ở hai mặt: tiện dụng hơn và kiến thức cập nhật hơn.

Ngoài hai tập đầu dành cho văn học dân gian và văn học các dân tộc thiểu số, các tập còn lại là dành cho toàn bộ nền văn học viết được phân chia theo thời gian, từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XX, bao gồm cả các tác phẩm văn học bằng chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

Tôi vui mừng giới thiệu với độc giả gần xa một bộ sách không thể thiếu trong các tủ sách gia đình, cơ quan do một số nhà văn, nhà giáo có uy tín biên soạn trong

nhiều năm. Tôi tin chắc rằng bộ **TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM** sẽ đáp ứng được phần lớn nhu cầu tìm hiểu, học hỏi và thưởng thức văn học Việt Nam của đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2003

GS. VS. NGUYỄN DUY QUÝ

*Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội
và Nhân văn Quốc gia*

CÙNG BẠN ĐỌC

BỘ TÍNH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM được biên soạn nhằm cung cấp cho đông đảo bạn đọc và các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam trong và ngoài nước một cái nhìn tương đối toàn diện và có hệ thống về nền văn học Việt Nam trong quá trình phát triển từ khởi thủy đến ngày nay, thông qua những gì là tinh hoa nhất của nó trên các chặng đường lịch sử.

Chúng tôi quan niệm tính tuyển là sự chọn lựa những áng văn có giá trị nhất và tiêu biểu nhất về tư tưởng cũng như nghệ thuật của các giai đoạn văn học, đồng thời có vị trí quan trọng trong tiến trình lịch sử của nền văn học dân tộc. *(Điều này thực ra còn phụ thuộc vào tình hình tư liệu sưu tập được có đầy đủ hay không, có trường hợp chúng tôi không thực hiện được ý muốn nói trên chính là vì lý do đó).*

Lịch sử văn học mỗi thời đại, mỗi xu hướng, trường phái lại có những đặc trưng riêng về tư tưởng mỹ học, quan niệm về văn chương, về thi pháp, về hệ thống thể loại, về ngôn ngữ nghệ thuật và văn tự chuyển tải... Nguyên tắc tính tuyển của chúng tôi được thể hiện trong bộ sách là quan tâm tới những đặc trưng ấy để phản ánh được bộ mặt riêng của văn học mỗi thời đại (trung đại hay hiện đại), mỗi bộ phận (văn học dân gian hay văn học viết), mỗi xu hướng (chủ nghĩa lãng mạn hay chủ nghĩa hiện thực, v.v.).

Về văn bản các tác phẩm được tuyển chọn, có khi chúng tôi in lại toàn văn (như *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Hoa Tiên nhuận chính*, *Chinh phụ ngâm khúc*, *Cung oán ngâm khúc*, *Kim Vân Kiều truyện*...), có khi chỉ trích in một chương, một đoạn nào đấy. Điều này không liên quan đến chất lượng hay vị trí lịch sử có thể hơn kém nhau của các tác phẩm, mà chủ yếu do tình hình văn

học mỗi thời kỳ lịch sử có khối lượng tác phẩm không đồng đều. Thời trung đại, sáng tác văn học không có khối lượng lớn như ở thời hiện đại, đã thế lại bị mất mát nhiều, do thời gian làm cho hư nát, do không giữ gìn, bảo tồn được. Từ đầu thế kỉ XX về sau, tốc độ phát triển của văn học hết sức mau lẹ – Vũ Ngọc Phan đánh giá *"một năm đã có thể kể như 30 năm của đời người"* (Nhà văn hiện đại). Vì khối lượng lớn như thế, nên đối với văn học hiện đại, những tác phẩm có số trang lớn, chúng tôi không thể in toàn văn, dù là những kiệt tác.

Bộ TINHTUYỂN lấy chữ Quốc ngữ làm văn tự ghi chép các văn bản dù nguyên gốc là chữ Hán hay chữ Nôm. Tất cả đều được phiên âm bằng chữ Quốc ngữ, kèm theo các bản dịch ra tiếng Việt. (Về sáng tác thơ, chúng tôi chú trọng bản dịch xuôi hơn là bản dịch thơ vì quan niệm bản dịch xuôi mới chuyển tải đúng và đủ nội dung của nguyên tác). Còn tác phẩm viết bằng tiếng Pháp thì chỉ giới thiệu bản dịch ra chữ Quốc ngữ mà thôi.

Biên soạn bộ TINHTUYỂN này, chúng tôi đã kế thừa được nguồn tài liệu trong nhiều công trình sưu tập của người đi trước, đặc biệt là các bộ *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* của Nhà xuất bản Văn hóa năm 1963, của Nhà xuất bản Văn học những năm 1980–1987, và bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* do Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành năm 1993 và tái bản năm 2000–2001. Chúng tôi đã rà soát lại cẩn thận các văn bản ở những bộ sách này trên các mặt: phiên âm, dịch, chú thích. Chúng tôi bỏ đi những tác phẩm không phù hợp với nguyên tắc tinh tuyển và bổ sung nhiều sáng tác khác, mà vì lý do nào đấy chưa được đưa vào những bộ sách kể trên. Tóm lại, bộ TINHTUYỂN này đã trân trọng khai thác và phát huy thành tựu của người đi trước, đồng thời cố gắng tiếp thu tinh thần và thành tựu khoa học của ngày hôm nay về tư liệu cũng như về nguyên tắc tuyển chọn. Chúng tôi không nghĩ rằng, làm như thế bộ TINHTUYỂN đã tránh được mọi thiếu sót, bởi vì ước muốn và năng lực của con người thường không mấy khi tương xứng với nhau.

BỘ TÍNH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM được biên soạn thành 8 tập (gồm 10 quyển):

- Tập một: Văn học dân gian**
(GS. TS. Kiều Thu Hoạch chủ biên).
- Tập hai: Văn học các dân tộc thiểu số**
(Nhà thơ Nông Quốc Chấn chủ biên).
- Tập ba: Văn học thế kỷ X-XIV**
(PGS. TS. Nguyễn Đăng Na chủ biên).
- Tập bốn: Văn học thế kỷ XV-XVII**
(PGS. TS. Trần Thị Băng Thanh chủ biên).
- Tập năm: Văn học thế kỷ XVIII**
(PGS. Nguyễn Thạch Giang chủ biên).
- Tập sáu: Văn học thế kỷ XIX**
(PGS. Hoàng Hữu Yên chủ biên).
- Tập bảy: Văn học giai đoạn 1900-1945**
(GS. Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên).
- Tập tám: Văn học giai đoạn 1945-2000**
(GS. TS. Trần Đình Sử chủ biên).

Nhân dịp bộ sách ra mắt bạn đọc, Ban biên soạn xin trân trọng cảm ơn các cộng tác viên và mong được sự chỉ giáo của các bạn đọc xa gần.

Hà Nội ngày 2 tháng 9 năm 2003

Thay mặt Ban biên soạn

PGS. Nguyễn Thạch Giang – GS. Nguyễn Đăng Mạnh

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

I. THƠ

Hoàng Văn Thụ (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hoàng Văn Thụ. Sinh ngày 4 tháng 11 năm 1909. Quê quán: xã Nhân Lý, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Là một trong những cán bộ cấp cao của Đảng, phụ trách nhiều công tác quan trọng trong thời kì bí mật. Bị thực dân Pháp bắt và xử bắn ở Tương Mai, Hà Nội ngày 24 tháng 5 năm 1944. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hoàng Văn Thụ đã viết nhiều bài thơ bằng tiếng Tày, tiếng Việt, tiếng Hán để tuyên truyền vận động nhân dân đoàn kết, đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Nhấn bạn và Trăng soi là hai bài thơ tiêu biểu, tác giả viết khi đang bị giam hãm trong nhà tù của bọn thực dân Pháp xâm lược.

TRĂNG SOI

Trăng sáng lung linh chiếu khắp nơi
Nhưng ai đau khổ, nhưng ai cười
Nhưng ai đắm đắm đêm xum họp
Bao kẻ lênh đênh ở cuối trời

Khoảng năm 1940

NHẤN BẠN

Việc nước xưa nay có bại thành
Miễn sao giữ trọn được thanh danh
Phục thù chí lớn không hề nản
Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lành
Thân đầu lao tù lâm cảnh hiểm
Chí còn theo dõi buổi tung hoành
Bạn hỡi gần xa hăng chiến đấu
Trước sau xin giữ tấm lòng thành!

Năm 1944

Vương Anh *dân tộc Mường.*

HOA TRONG MƯỜNG¹

"Bàn tay là hoa một đời"
(Lời mẹ tôi)

I

Xòe hai bàn tay
Mười ngón
Mẹ bảo:
– Ngón dài, mơn đót giữa, bởi vít cần rượu uống
Ngón ngắn như vèo măng mai, măng hóp dựng nên nhà kín
cột, rộng gian
Ngón trở móc mắt ông đạo, ông quan
Để ngón lùn lùn giữ cửa
Mẹ ngồi xếp bằng giữa cửa
Ngó ra đồng cái, đồng con
Nơi gần – mặt lúa xanh ai nhuộm
Nơi xa – mặt ruộng phẳng ai bày?
Lúa nếp đồng trong chạy kín thung dài
Lúa chiêm đồng ngoài công nhau trèo từng thang đất²
Xòe hai bàn tay
Mẹ xếp vào mỗi đốt:
– Bông com ở đốt ngoài
Trái lúa ở đốt trong
Hoa trong Mường
Của lòng, của chu, của bản³
Gọi cánh cò dọn mây dọn gió
Dặn con suốt ngừng thờ vai hơi.

1. Giải nhì cuộc thi thơ năm 1969 của báo *Văn nghệ*.

2. *Lúa chiêm*: lúa tẻ.

3. *Lòng và chu*: chỉ làng nhiều nhà.

II

Chân mẹ đếm bậc thang khe khẽ
Xuống sàn
Mái gà vàng ong tác tác¹
Quả trứng bạc
Ổ trứng bạc đầu mùa
Mẹ ra ngõ
Ồ, đâu cháu của!
Ồ, đứa cháu nòi!
Đứa trai giật tay:
– Bà ơi, nhiều người lắm máy
Đứa gái lôi chéo váy:
– Bà chạy mau, chạy mau!
Cháu dẫn ra cầu ngó xe, ngó súng
Đứa trai mách:
– Bố dọn đường cho máy bom lên ruộng
Đứa gái khoe:
– Mẹ vác súng, vác đạn lên đồi...

III

Cơm sớm, đàn con ăn vội
Cơm tối, đàn con ăn nhạt, ăn khô
Ờ! Chúng nó đã hay lo
Bàn tay mó ra việc vái
Bụng biết còi điều hay
Mẹ chống tay vào hông
No mắt nhận "bông cơm trái lúa"²
Hoa trong vườn chàng đếm màu đỏ đỏ
Hoa trong cửa kể chỉ cánh tím cánh vàng
Cửa trong vườn đâu chỉ quế thanh, quế gấu...
Mẹ chờ con trai lại:
– Tay mày mới sờ máy, mở tao nhìn?
Mẹ nhìn con gái đến:
– Tay mày cầm súng, cầm có hay?
Con gái xòe hai bàn tay
Con trai xòe hai bàn tay...

1. Vàng ong: màu lông gà vàng như sấp ong.
2. Thành ngữ Mường.

CƠM MƯỜNG VÓ, LÚA MƯỜNG VANG

Con chim cánh đỏ hời!
Ơi, con chim cánh vàng
Cứ bay, cứ liệng, cứ tìm về đất ấy
Là cơm mường Vó, lúa mường Vang
Nơi ấy là kho cơm, núi của
Tiếng đồn đi rầm rầm sông cả
Tiếng đồn lại đã lở núi con
Muốn cưới được em, anh khắp khời đi tìm.

Con suối hời, đâu là mường Vó?
Cây lúa à, đâu chốn mường Vang?
Hỏi con đường, con đường uốn éo
Hỏi khôn, hỏi khéo cây ngô bật cò
Hỏi máy bơm, bơm bặt lụt to
Hỏi máy kéo, máy lo bấy gỗ
Hỏi máy cày, máy cày đang thờ
Hỏi "vườn cây ơn Bác" – Cây nghiêm

Đi chín vòng mường anh bắt được em
Lời em hát trong veo như suối
Tiếng em nói vang ngân tiếng công
– Anh ạ, chân anh vừa no chín vòng
Chừ sóng đôi ta đi vòng nữa
Đất này, anh vừa qua mường Vó
Ruộng đó, anh vừa đến mường Vang
Anh chớp mắt, mắt cứ ngỡ ngàng
Nhìn quanh quanh đồng mường chóng mặt
Anh nhìn đất, đất nâu hóa mặt
Anh nhìn đường, nhựa phẳng hóa lụa tơ
Anh nhìn máy bơm, máy hóa rồng to
Anh nhìn máy kéo, máy kéo là voi núi
Anh nhìn con suối, suối hóa khăn thêu
Anh nhìn người yêu, em là bông lúa...

Anh yêu em có cơm mường Vó
Anh yêu em có lúa mường Vang
Chẳng đợi con chim cánh lửa cánh vàng
Chim dẫn đường làm chi cho mệt

Cây lúa mừng Vang bằng que đưa bếp
Hạt nếp mừng Vó nhỏ bằng "móng tay"
Đất của mừng, của yêu ta đây
Đến mùa cưới, tất đồng về chim nhé!
Ăn cơm mừng Vang cần chi
Xay lúa mừng Vó xàng trắng!

Mừng Vó – 1973

TÌNH CÒN TÌNH CHIÊNG

"Trăng đợi đẹp ngày tròn
Còn đợi tung ngày hội"

Con trai ba bản bốn mừng
Sắp lên đường đánh giặc!...
Lấy chiêng đi
Ơi!
Con gái làng đang lau súng
Treo chiêng lên
Ơi!
Con gái lũng¹ mài mài dao
Buộc sào cao
Treo trống vào cột giữa...
Giăng đi!...
Giăng bảy giàn chiêng, ba ở cửa
Bày đi!
Bày chín lúa chiêng, năm đầu hồi
Ở đâu rồi –
Quả còn tua đỏ đỏ
Bỏ đâu rồi –
Quả còn tua xanh xanh?...
Nhuộm tua màu đi!
Hãy mang thêm đi!
Tung còn lên cho nhiều
Để giọng chiêng đan quán

1. *Lũng*: nhỏ hơn làng, có nơi gọi là lòng, lũng, lúng, lù...

Còn xanh – lựa chín đường mây cuộn
Còn đỏ – uốn mười đường lên
Tua qua như cánh én
Là quả còn bông mịn
Tua đến như chùm nơ
Là quả còn đeo vòng...
Sao?
Con gái cười nhiều
Tay bắt còn chẳng rời
Con trai hò lại
Đường còn xòe đuôi công...
Đánh chiêng lên đi!
Để trai làng ra chào ruộng
Tung còn lên nữa đi!
Đội trai lúng đi chào mừng...
Tua còn căng theo đường
Kéo giọng chiêng ngân
Mở đường...
Mở lối...
Trao quả còn...
Nắm tay người ở lại
Trai làng
Mang tiếng chiêng đi.

Hà Nội 3-1969

BUỘC CHỈ CỔ TAY

Buộc chỉ cổ tay
Cho rau sáng ngọt lời.
Cho hươu, nai kiệu sừng năm thung, chín suối
Cho nếp nương nhào về lòng cối
Bởi em đã có người tình.
Khi nếp nương thơm nứt sắn trắng
Nắng chuẩn choáng hong khô sợi chỉ
Buộc chỉ cổ tay ai nữa?
Khi bên nhau cuộn cuộn nhạc công

Sợi chỉ râm ran, óng ánh cầu vồng
Riêng cổ tay em tròn
Theo trăng vành vạnh...

LỜI CỦA LÁ

Nơi hò hẹn, nơi tâm tình của lá
Em cúi đầu, tay dứt một nhánh me
Lá me thờ phập phồng rơi nhỏ nhẹ
Lá thì thầm đang mách bảo điều chi?
Em không nói... Anh chỉ nghe lời lá
Người lặng im, nhưng tiếng lá nong nân.
Lá rơi nghiêng, ngón tay em như lụa.
Lá rơi chùm, ngọn vin nụ sang anh...
Ngón tay có mắt, sao lạ vậy?
Lá me nhìn lóng lánh vô vô tư...
Em dứt lá, đàn ngân vang từ lá
Tay em vò lá thiết tha mơ..
Nơi hò hẹn, nơi ban đầu nhờ lá
Nói hộ lòng tim biết hoa sim.
Nhưng chua me, cỏ may, cỏ gấu
Tay em cầm, thành hơi thở trái tim...

Ngọc Anh

BÓNG CÂY KƠ NIA

(Theo điệu Ka choi)

Buổi sáng em làm rẫy
Thấy bóng cây kơ nia
Bóng ngả che ngực em
Về nhớ anh không ngủ

Buổi chiều mẹ lên rẫy
Thấy bóng cây kơ nia
Bóng tròn che lưng mẹ
Về nhớ anh mẹ khóc.

Em hỏi cây kơ nia
Gió cây thổi về đâu?
Về phương mặt trời mọc
Mẹ hỏi cây kơ nia
Rễ cây uống nước đâu?
Uống nước nguồn miền Bắc

Con giun sống nhớ đất
Chim phí sống nhớ rừng
Em và mẹ nhớ anh
Uống nước nguồn miền Bắc

Như bóng cây kơ nia
Như gió cây kơ nia.

Ngọc Anh
(sưu tầm và phỏng dịch)

Hoàng An (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hoàng Văn An. Sinh ngày 26 tháng 9 năm 1945. Quê quán: xã Đại An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản: Con đường hẹn nhau (thơ song ngữ)

CON ĐƯỜNG HẸN NHAU

Lối anh đi, gà vắn gáy bên nương
Cái tên Đèo Gà quyến niềm thương nỗi nhớ
Túi đầy trám đen thời tung tăng nhịp thở
Nắng trưa hè, Anh gọi gió dưới vòm xanh
Cần quả hồi non đỡ khát có Em, Anh!

*

Ngày ấy qua đi hương tình để lại
Ngước nhìn lên cành trám -trái rung rinh
Những cánh sao hồi đượm bình minh xứ sở.

(Tác giả tự dịch từ tiếng Tày)

Triều Ân *dân tộc Tày.*

TIẾNG NGỰA HÍ

Núi cao cao ngất từng mây
Cụ già trong nắng xối cây vun cà
Đôi chim quẹt vỗ cánh xa
Sương tan nương lúa hiện ra toàn vàng
Gió đưa nhạc ngựa tinh tang
Năm ba tiếng hí rộn vang dưới đèo.

*

Lao làng đôi mắt đắm chiều
Tâm tư sống lại bao điều xót xa:
Tiếng ngựa hí, tiếng roi da
Quan châu đến bắt dân ta lên đồn
Đi phu năm tháng chết mòn
Khổ chung không kể dưới chòm trên cao
Tiếng ngựa hí như tiếng dao
Để quan lách ruột chạm vào tim ta.
Thóc ngô vất vả làm ra
Mừng một Tây cướp, mừng ba Nhật càn.
Chiều chiều gió thổi núi ngàn
Vợ con đói rách trên sàn nhìn sao...

*

Miền đồng ruộng, miền rẻo cao
Cảm cơ đồ, phát ánh sao, rực trời
Nắng hồng rọi chiếu khắp nơi
Giờ nghe ngựa hí khác thời năm xưa.

Dưới xuôi chắc hẳn được mùa
Ngựa đoàn vận tải Cụ Hồ phái lên
Cho gạo muối, cho thuốc men.
Cuốc dao, sách báo, chăn mền, áo bông...

Lá reo.
Ngựa hí.
Nắng hồng...

Đằm Hồng, 2-1958

NÀNG TIÊN

*Quê hương tôi hay kể tích nàng Tiên
Vui trẻ làng từ thuở chưa đặt tên...*

Tôi nhớ năm nao sống cạnh bà
Những đêm trăng sáng tiếng quỳn ca
Trong lòng thao thức bà không ngủ
Thủ thi kể câu chuyện bản ta...

"... Bản Lũng ngày xưa không biết khổ
Có nổi cơm trắng áo chơi xuân
Hàng năm có sáu nàng tiên giáng
Làm phúc nhân gian ở cõi trần..."

Năm này năm khác đi chăn trâu
- Áo rách sờn vai áo mới đâu?
- Mừng tám hàng năm không trúng nhuộm?
Hỏi bà, không nói, chỉ xoa đầu.

Mong mỗi nàng tiên chẳng thấy tiên
Đua nhau ăn ở sống cho hiền
Tiên về đâu nữa, tiên quên lối,
Lũ trẻ đua nhau hái "phjắc-gièn"¹.

"Phjắc-gièn" đắng nấu chùng lon gạo
Mười miệng người ăn vẫn thấy ngon,
Đưa cả bụng mong mùi nước cháo
Uống bao nhiêu bát bụng còn cồn,
Hột cơm dính ở đuôi con chó
Mẹ đuổi lấy về nuôi sống con...
*Tích nàng tiên đã lâu làng không kể
Trong lòng người một ngọn lửa mới nhen...*

1. Phjắc-gièn: rau má.

Cầm Biều (dân tộc Thái) tên khai sinh: Cầm Biều. Sinh ngày 5 tháng 5 năm 1920 tại xã Mường Thanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Mất ngày 19 tháng 4 năm 1998.

Tác phẩm đã xuất bản: Thơ ca Hạng Khuống (thơ, 1957); Cầu vào bản (thơ song ngữ, 1982); Ánh hồng Điện Biên (thơ song ngữ, 1984); Thơ xin cưới và lên nhà mới (sưu tầm, giới thiệu, 1992); Hạng Khuống (sưu tầm, biên dịch, in song ngữ -1992); Bản Mường nhỏ (thơ song ngữ, 1994); Ngọn lửa không tắt (thơ song ngữ, 1995)...

Giải thưởng Văn học: Giải thưởng Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 1994 với tác phẩm: Tục Xên Kề. Giải thưởng A Ủy ban Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, 1995 với tập thơ: Ngọn lửa không tắt (Peo phẩy mí mọt).

CHỈ CẦN MỘT LOẠI NGƯỜI

Có nước có tử người
Như thế hẳn còn thiếu
Có nước mấy trăm triệu
Ngần ấy cũng chẳng thừa
Vậy bao nhiêu thì vừa
Để xoay trời đổi đất
Thiên hạ sống yên vui
Người bảo: Nếu nghề nghiệp thật tình
Chỉ có năm người: sĩ, nông, công, thương, binh
Như thế vẫn còn nhiều
Người bảo: chỉ cần hai người
Cầm bút và cầm máy
Trí óc và chân tay
Tôi bảo: chưa thật hay
Chỉ cần một loại người
- Có một bộ óc sáng
Và một trái tim vàng
Trong óc có gân tay
Bàn tay có nếp nhăn của nãi

Loại người ấy không cùng một mẫu
Là con chim không chọn chỗ đậu
Vì mọi người
Làm hết mình ở bất cứ nơi đâu.

Trại viết Mộc Châu 9-11-1984

TRÈO NÚI

Đèo Chẹn anh chề thấp
Pú Luông anh chề cao
Đã trèo chưa anh biết
Thế anh chọn núi nào?

5-1978

Nông Văn Bút *dân tộc Tày.*

BẮC CẦU SANG LÀNG CAO

Tôi thấy thương ông giáo Tiếp.
Tối tối phải mò đi làng Cao.
Sớm sớm lại trở về làng Phật.
Vì muốn hai làng biết chữ như nhau.
Nước suối có lúc cạn lúc lũ.
Nước trên rừng có lúc hiền lúc dữ.
Mùa mưa, thương ông, mùa mưa tới rồi.
Người làng Cao mỗi người mỗi ý.
Đóng góp nhau mua một khóm mai.
Bắc nhịp cầu giữa làng Cao, làng Phật.
Cầu chúng ta vừa cao vừa chắc.
Chẳng còn lo nước lũ suối sâu.
Cùng đón ông giáo Tiếp sang cầu.
Để người già mừng khỏi khi mình chết
Không biết chữ nào, bụng người còn tiếc.
Chúng tôi cùng thương ông giáo Tiếp.
Bảo nhau bắc cầu qua làng Cao.

1-1956

Lò Văn Cây (dân tộc Thái) tên khai sinh: Lò Văn Cây. Sinh ngày 25 tháng 4 năm 1928. Quê quán: bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Mất năm 1995.

Tác phẩm đã xuất bản: Hạt muối, hạt tình (thơ, 1986).

HẠT TÌNH

(Gửi tặng bà con, anh chị em đồng muối
Băng La, Đổ Sơn)

Hôm nay kể chuyện muối
Để bác trai, bác gái nghe cùng
Trước kia ở Tây Bắc
Có chuyện như thế này:
Chuyện mẹ đi xin muối
Một hôm người mẹ ấy
Đeo lếp lên nhà trên xin vài hạt muối
Xuống nhà dưới xin vài hạt com
Nhưng, lên nhà trên không nửa hạt muối
Xuống nhà dưới cũng không nửa hạt com
Đói com đói muối, trời ơi!
Đói com còn vào rừng kiếm củ
Tạm thay bữa qua đi
Đói muối thì chỉ phù
Không có gì thay được
Ôi! Con phù, rồi mẹ phù!
Cả bản như ong đốt
Da như nhuộm thuốc vàng
"Con! Con! Con chết vì đói muối, con ơi!"
Người mẹ khóc giữa sàn, kêu đất
Khóc giữa cửa, kêu trời
Hỡi trời ơi! Hỡi đất!
Muối nhà quan hàng đóng
Muối nhà phía đáy kho
Nhưng, lên nhà phía, phía bảo:

Một bát muối, đổi một đứa con
 Mang con đến mới được
 Nếu không, xin cả năm, xin hoài.
 Lên nhà quan, quan gắt:
 Muối quan không đổi gì
 Vàng bạc quan đã có
 Cũng không đổi con như phía
 Đổi về chỉ tốn cơm
 Vì nhà quan lắm chó
 Còn được nhờ đi săn
 Còn mày, đến xin muối
 Muối nhà quan không nhiều
 Mới chỉ đầy một gian
 Dành ướp gan "cán bộ"
 Đổi lấy đầu Việt Minh
 Mỗi đầu là một tạ
 Về nhà bảo chồng mày đi kiếm
 Lấy một đầu cho quan
 Hoặc đi rình thấy họ
 Rồi dẫn lính quan đi
 Về nhà sẽ được thưởng
 Một tạ ngay tức khắc
 Nếu có nhận lời quan
 Lấy mười cân ăn trước.
 Người mẹ quay phắt lưng
 Đến cầu thang nhỏ bọ
 Túc cả vẩy lên hồng.
 Xuống bậc thang thứ nhất
 - Ướp gan mày thì có!
 Xuống bậc thang thứ hai
 - Đổi đầu mày thì có!

 Mười lăm năm giải phóng
 Điện Biên Phủ lấy lưng
 Mỗi cảnh vật Tây Bắc
 Đã bao ngàn đổi thay
 Gà sống đã sống lại gáy ròn báo đêm
 Đồng muối của nhà quan
 Đồng muối của nhà phía

Ổng tre bầu năm nọ
Đã trở lại với những người mẹ, người con
Tha hồ con nường cá
Bổ đi săn bắn được
Mẹ mổ cả đùi nai
Làm thịt chua ướp muối
Nếu vô tình muối rơi
Qua kẽ tay một hạt
Mẹ sực nhớ năm xưa
Vội nhặt ngay bỏ ổng...

9-1966

NGƯỜI MẸ

Mẹ dịu con trên lưng
Bóng mẹ trùm thay ô
Đi trên những chặng đường
Nắng xối
Mưa lũ
Chông gai
Dốc đứng
Bãi lầy
Đói suốt đêm
Rét suốt mùa
Áo quần rách tươm xin từng mảnh vá
Con vẫn trên lưng, rày quấy mẹ
Nghe con khóc
Con có biết mẹ cũng khóc trong lòng
Mẹ dấu nước mắt không cho con thấy
Để con yên lòng sưởi hơi ấm lưng mẹ
Cho con đỡ rét, đỡ đói
Mẹ yên tâm đi tìm lấy cái no, cái ấm
Mẹ giữ từng con muỗi, lo nó cắn tai con
Đêm con ngủ, mẹ giữ từng con chuột, lo nó cắn tay con
Tiếng hải hùng con thủ thủ kêu đêm
Mẹ đuổi nó đi xa, lo con sợ không ngủ
Mẹ xem từng kẽ chiếu sợ rệp dấy thân
Canh rau, mẹ xem lá, xem ngọn, lo con bị độc

Mẹ ngắm con những hình những nét
Để ghi thay tiếng, thay lời
Lâu ngày lâu tháng cũng không quên
Không quên đêm, ngày, sáng, tối
Không quên những chặng đường mẹ đi trên lưng.

.....

Đến hôm nay
Người Mẹ là ánh đuốc rực sáng cả bầu trời
Đuổi phá đêm đen!

Ngày 3-2-1963

Nông Quốc Chấn (dân tộc Tày) tên khai sinh: Nông Văn Quỳnh.

Sinh ngày 18 tháng 11 năm 1923. Mất ngày 4-3-2002 tại Hà Nội.
Quê gốc xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn.

Tác phẩm đã xuất bản: Tiếng ca người Việt Bắc (thơ tiếng Tày, tiếng Việt, 1959); Người núi Hoa – Cẩn phja Bjoóc (truyện thơ tiếng Tày, tiếng Việt, 1961); Đèo gió (thơ, 1968); Bước chân Pác Bó (thơ, 1971); Dòng thác (thơ, 1977); Suối và biển (thơ, 1984); Đường ta đi (tiểu luận, 1970); Một vườn hoa nhiều hương sắc (tiểu luận, 1977); Chặng đường mới (tiểu luận, 1985); Cách mạng – kháng chiến và thi ca (hồi kí, 1986); Dân tộc và Văn hóa (1993); Tuyển tập Nông Quốc Chấn (1998); Một ngôi nhà sàn Hà Nội (1999), Hành trang sang thế kỷ XXI (2000); Tính thống nhất và đa dạng trong văn hóa các dân tộc thiểu số (2002).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng tại Đại hội thanh niên, sinh viên thế giới họp tại Beclin 1951 (bài thơ Dọn về làng); Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954. Giải thưởng Hội Nhà văn Việt nam 1958 (một số bài thơ cách mạng và kháng chiến). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học – nghệ thuật

BỘ ĐỘI ÔNG CỤ

Đồ ăn sấm đủ rồi
Măng vầu, phjắc pàn¹, nồn chuối
Lợn, bò, gạo nếp, gạo nương...
Các bản người người đưa tới
Làng như sắp đám cưới
Lán này nhộn nhịp hơn mọi khi
Ai cũng mong để được xem bộ đội
Cơm trưa xong, nắng lui về ngọn núi
Anh giao thông đến đưa gói thư
Tin bay đi bản trên xóm dưới
Già già trẻ trẻ đợi hoan hô

1. Phjắc pàn: một loại rau rừng, thường ăn dọn với nồn chuối.

Lớp học tan, tiếng ríu rít của học trò
Tiếng của đồng bào gọi nhau tập hợp.

Bộ đội đã đến kia!

A lú¹! Những người là người!

Đeo súng ngắn, súng dài, súng dóp...

Hoan hô! Hoan hô!

Nhìn không chớp mắt

Có cả người mũi lỗ tóc quăn

Hai con mắt màu gio như lính Pháp²

Lại có cụ già chân đi đất

Mặc bộ quần áo Nùng

Tay cầm cái gậy mây rừng

Miệng ngâm một điệu can không khói

Bộ râu dài vừa trắng vừa đen

Chân tay nhanh nhẹn như thanh niên...

Cụ già cười, vẫy chào người đứng đón

Dân chúng rí tai nhau:

"Bộ đội gì toàn những người lạ lạ?"

Có lẽ đây là người gốc trở³

Khi ăn cơm chiều

Đốt đuốc đến xem quân Ông Cụ

Người già đến, Cụ mời niềm nở

Trẻ con lại, Cụ bế! Xoa đầu

Cụ nói, dân nghe rõ từng câu:

– "Muốn cách mệnh thành công mau

Ta phải kết đoàn như bó đũa...!"

Gà đã gáy lượt đầu

Nhưng tiếng vỗ tay còn như nửa nổ

Còn vang vang tiếng hát của thiếu nhi.

Hôm sau, Cụ rời bản lên đường.

Cho bộ đội xếp hàng

Đứng trước sân hát chào dân chúng

1. *A lú*: tiếng trâm trở khi ngạc nhiên.

2. *Mấy người Mĩ* (danh nghĩa đồng minh) cùng ở trong Giải phóng quân đánh Nhật.

3. *Gốc trở*: Ông tổ.

Cụ cảm ơn, Cụ trả tiền dù chủ nhà không nhận
Cụ bắt tay từng người
Cụ đi khỏi rồi
Ai cũng thương cũng nhớ
Người hỏi người không ai biết rõ
Tên cụ già là chi
Tóc bạc vẫn còn đi
Nhất định đây là Pô cốc¹
Dân ta sắp tới ngày độc lập.

Bước sang rằm tháng bảy
Nhận được một tin mừng:
"Giải phóng quân đã vào Hà Nội
Khắp nơi mở hội tưng bừng...!"
Có nhiều ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh
Nhìn đôi mắt, bộ râu ta nhớ nhớ
Giống cụ già trước đến bàn ta
Đúng! Đích đúng!
Đấy là Ông Cụ!
Sung sướng thay! Bàn ta toàn nam nữ
Lần đầu tiên đã được đón Cụ Hồ
Chúng ta xin gửi một bức thư
Rằng: "Cả bản mừng vẫn nhớ lời Người nói."

7-1948

KHÂU ÁO

Khi nghe gió thổi qua Phja Bjoóc²
Em biết mùa thu đã hết rồi.
Sáng dậy mái nhà sương muối buốt,
Thương anh bộ đội vượt rừng đồi.
Muốn lên khung cửi suốt ngày đêm,
Không để con thoi đứng lại xem.

1. *Pô cốc*: người đứng đầu.

2. Tên một quả núi cao ở tỉnh Bắc Cạn. Phja Bjoóc có nghĩa là núi Hoa, trước ngày Tổng khởi nghĩa được đặt tên mới là núi Cửu Quốc.

Dệt chóng kịp khâu quần áo ấm
Gửi ra mặt trận cả lòng em!

Bọn giặc ném tan những rầy chàm,
Chỉ còn đủ nhuộm một màu lam
Tìm nâu hòa lẫn cho thêm thắm,
Thương nhớ thì nâu cũng hóa chàm!

Kháng chiến còn chưa có chỉ màu,
Tạm dùng chỉ trắng để em khâu.
Mỗi đường kim chỉ bao lần nghĩ,
Cả nước tình ta mãi khắc sâu.

Các anh chiến sĩ của nhân dân!
Hãy nhận với em áo ấm thân.
Đánh giặc có sòn em vá lại,
Hết mùa đông lạnh sẽ sang xuân.

*Bản Hậu, tháng 10-1948
(Tác giả dịch và sửa, 31-12-1959,
từ tiếng Tây)*

DỌN VỀ LÀNG

Mẹ! Cao-Lạng hoàn toàn giải phóng
Tây bị chết bị bắt sống hàng đàn.
Vệ quốc quân chiếm lại các đồn.
Người đông như kiến, súng dầy như cũi.
Sáng mai về làng sửa nhà phát cỏ.
Cày ruộng vườn trồng lúa ngô khoai.
Mấy năm qua quên tết tháng Giêng, quên rằm tháng Bảy,
Chạy hết núi lại khe, cay đắng đủ mùi.
Nhớ một hôm mù mịt mưa rơi
Con gió bão trên rừng cây đổ
Con sấm sét lán sụp xuống nát cửa
Đường đi lại vất bầm đầy chân.
Súng nổ kia! Giặc Tây lại đến lưng.
Tùng cái lán nó đốt đi tro trụi,
Nó vơ hết áo quần trong túi,
Mẹ dịu em chạy tót lên rừng.

Lăn đi trước, mẹ vẫy gọi con sau lưng.
Tay dắt bà, vai đeo đẩy nải
Bà lòa mắt không biết lối đi.
Làm sao bây giờ: ta phải chống!
Giặc đã bắt cha con đi, nó đánh,
Cha chửi Việt gian cha đánh lại Tây.
Súng nổ ngay đi dùng một loạt,
Cha ngã nằm lăn trên mặt đất,
Cha ơi! Cha không biết nói rồi...
Chúng con còn thơ, ai nuôi ai dạy?
Không ai chống gậy khi bà cụ qua đời!
Mẹ ngồi khóc, con cúi đầu cũng khóc.
Sợ Tây nghe, mẹ dỗ "nín", con im.
Lăn anh em rải rác không biết nơi tìm
Không ván, không người đưa cha đi cất.
Mẹ tháo khăn phủ mặt cho chồng,
Con cởi áo liệm thân cho bố,
Mẹ con đưa cha đi nằm một chỗ.
Máu đầy tay, trên mặt nước tràn...
Mày sẽ chết! Thằng giặc Pháp hung tàn,
Bám xương thịt mày tan mới hả.
Hôm nay Cao Bắc Lạng cười vang,
Dọn lán, rời rừng, người xuống làng.
Người nói cò lay trong ruộng rậm
Con cày mẹ phát ruộng ta quang.
Đường cái kêu vang tiếng ô tô
Trong trường riu rít tiếng cười con trẻ.
Mờ mờ khói bếp bay trên mái nhà lá.
Mặc gà gáy, chó sủa không lo
Ngày hai bữa, rau ta có muối.
Ngày hai buổi, không tìm củ pấu, củ nâu
Có bắp xay độn gạo no lâu.
Đường ngô từ nay không cỏ rậm
Trong vườn chuối, hổ không dám đến đe con
Quả trên cành không lo tự chín tự rụng
Ruộng sẽ không thành nơi máu chảy từng vũng,
Bộ đội đỡ phải đi thung lũng núi rừng,
Ra đường xe, hát nói ung dung

Từng đoàn người dắt lá cây tiến bước
Súng trên vai, bao gạo buộc trên vai,
Chân đi có giày không sợ nê
Trên đầu có mũ che nắng mưa.

Mặt trời lên sáng rõ rồi mẹ à!
Con đi bộ đội, mẹ ở lại nhà,
Giặc Pháp, giặc Mỹ còn giết người cướp của trên đất ta
Đuổi hết nó đi, con sẽ về trông mẹ.

Mùa đông 1950
(Tác giả dịch từ tiếng Tày)

LỘI SUỐI

Lội khúc suối đầu em tiễn anh
Qua dòng nước xiết, chớ đi nhanh
Hãy nghe em dặn đôi lời chứ!
Anh giận em sao cứ lặng thinh?

Lội khúc thứ hai: mưa bóng mây
Áo em đã ướt, lại gần đây
Cùng chung tà lá che cho ấm
Ôi! Mắt của em lệ ứa đây!

Lội khúc thứ ba, tưởng suối dừng
Hai bóng người che kín cả rừng!
Hết suối giờ đây anh vượt núi
Ai người trước mắt? Ai sau lưng?

Em và anh chẳng phải si tình
Vẫn tỉnh khi say giữa chúng mình
Thực sự yêu nhau dù cách biệt
Hồn ta hòa một kiếp trường sinh.

Nông Minh Châu *dân tộc Tày.*

TUNG CÒN

Trong nôi trúc bé cười cùng mũ mới
Áo trên sàn sánh hoa mạn trong vườn
Tua còn đồ liệng chen đàn én nhận.
Yến đã cao, giọng lượn còn bổng hơn.

Hai năm rồi núi rừng thêm cánh nhận
Hôm nay trên đám ruộng thơm rạ xuân
Ta tung còn tung cả cánh hồng
Tung, đón lấy mùa xuân dân tộc.

Tết Bính Thân
28-1-1956

ĐẾN BA BỂ

Thuyền mộc chòng chành đưa khách lạ
Ba Bể cảnh đây nghiêng mối tình.
Lá xanh bay chéo như bướm tằm.
Nước xô vách đá bốn phương rung
Đàn khỉ tìm ăn cành tiếp cành.
Chiều về ra cửa hang sườn nằng
Cảnh trời xanh một nước xanh hai
Chim phượng bay đôi núi này ngọn khác.
Bên hồ nương lúa, nương chàm.
Gái làm cỏ lấy nước thay gương.
Đáy hồ giữ chặt bóng nhà sàn
Ngồi khung dệt ngắm sao dưới nước
Tiếng mõ sớm chiều rung mặt hồ
Mồ đổi công mồ học bình dân

Cảnh Ba Bể để lòng ta mãi
Lên Kéo Riu còn ngoảnh lại xem
Sương phủ nước như gương phủ lụa
Cảnh của ta ta giữ ngàn năm
Quyết không để giặc Tây lại xâm chiếm.

13-3-1957

Dịp công tác tại hồ Ba Bể, Bắc Cạn

Triệu Lam Châu (dân tộc Tày) tên khai sinh: Triệu Thế Châu. Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1952. Quê quán: xã Đức Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Nàng dâu (tiểu thuyết dịch, 1987); Lửa tình đã cạn (tiểu thuyết dịch, 1988); Hoa nở muộn mằn (truyện dịch, 1988); Người đàn bà tôi thương (truyện dịch, 1989); Một nhánh sao xuyên (thơ, 1991); Đi tìm hạnh phúc (tiểu thuyết dịch, 1994); Trăng sáng trên non (thơ, 1998)...

Giải thưởng văn học: Giải nhất thơ Phú Yên, 1991; Giải nhất cuộc thi dịch văn học nước ngoài ra tiếng Việt do Hội nhà văn Việt Nam, báo Văn nghệ và Nxb Văn học tổ chức, 1994 (truyện dịch Vương quốc chim họa mi); Giải khuyến khích của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1998 (tập thơ Trăng sáng trên non).

MỘT CHIỀU NGHE SLI

Cánh chim mờ dần sau mây ngàn xa thẳm
Gửi lại hồn ta ngơ ngẩn chiều vàng
Cùng tiếng sli mệnh mang vấn vít
Bên kia đèo theo gió đưa sang
"Có ngọn gió trôi về thung lũng
Thân neo đây, hồn neo ở phương xa..."
Tiếng sli mềm bùi như trám chín
Vỏ chàm đen mà lòng tím ngân nga
Lời sli lạnh lùng mà có lửa
Như người dung mà chẳng thể cảm lòng
Ta bước vào lòng sâu của núi
Tay cứ cầm lời sli ấy thông dong...

Vi Văn Chên *dân tộc Thái.*

MỘ BÊN ĐƯỜNG

Đường quanh đỏi nay héo lá
Rêu phủ đá cảnh động sương
Mười năm mộ mọc bên đường
Qua một đêm nghe súng
Thương người Mường thương quê bố
Đời xấu số ở lại đây
Các con tôi đi đánh Tây
Gặp nhau rồi chưa biết mặt
Người trong Nam hay người Bắc?
Người nên bác hay nên con?
– Biết, đêm qua dân trong chòm
Lần ven khe ra phối hợp
Đón Cổ Lũy chưa hết giặc
Máu nước mắt còn đang rơi
Có các con nằm đây rồi
Thêm vững lòng người kháng chiến
Nếu thắng giặc dám mò đến
Rừng kín tiếng mộ đất hoang
Nhưng nhân dân đến cảm nhang
Thì các con là người sống
Người bên nương khi sáng sớm
Kẻ đi săn lúc xế chiều
Nhìn đường rừng thấy thêm yêu
Nhưng nắm mồ người cứu nước
Ai khỏi đau quên ơn thuốc
Ai uống nước quên ơn nguồn
Ai sưởi củi quên ơn rừng
Cũng không quên ơn liệt sĩ

Bố dầm dầy mười bụi bí
Tìm thử quý cành hoa ngâu
Thành rừng rộng đẹp mai sau
Các con em đều đến viếng

Suối xa xa ngân nhẹ tiếng
Lòng nói chuyện núi cúi đầu
Địch bị đánh một trận đau
Nhưng đường tròn mười năm mộ

Thương người Mường thương quê bố
Đời xấu số ở lại đây
Các con ơi dân chòm này
Thương các con hơn ruột thịt

1952

Vi Văn Thới *sưu tầm*
Cầm Giang *dịch*

Hồ Chư (dân tộc Kiêu) tên khai sinh: Hồ Chư. Sinh năm 1949. Quê quán: xã Mỏ Ó, huyện Đắc Rông, tỉnh Quảng Trị.

Tác phẩm đã xuất bản: Một số bài thơ đăng trên báo trung ương và địa phương.

SÓNG

Sóng núi lặng lẽ xanh
Sóng biển âm ào trắng
Sóng lòng tôi vô hình
Ngọt ngào và cay đắng

Sóng cồn cào, phẳng lặng
Nhưng bước đi thẳng trảm
Sóng đời người cũng thế
Như thủy triều ngàn năm.

Bàn Tài Đoàn (dân tộc Dao) tên khai sinh: Bàn Tài Tuyên. Sinh ngày 28 tháng 9 năm 1913. Quê quán: xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Muối của Cụ Hồ (thơ, 1960); Có mắt thấy đường đi (thơ, 1962); Xuân về trên núi (thơ, 1963); Một giấc mơ (thơ, 1964); Kể chuyện đời (thơ, 1968); Chùn sẩy Cầu (thơ, 1969); Tháng Tám đổi mới (Thơ, 1971); Rừng xanh (thơ, 1973); Sáng cả hai miền (thơ, 1975); Gửi đồng bào Dao (thơ, 1979); Nơi ta ở (thơ, 1979); Bước đường tôi đi (thơ, 1985); Tuyển tập thơ Bàn Tài Đoàn (1993); Phạm Tầu Lầu (Ba con đường); Đời người Dao (Văn xuôi, 1948); Hồi kí khu Quang Trung (1994); Vấn đề văn nghệ miền núi (tiểu luận, 1948).

MUỐI CỦA CỤ HỒ

Người Mèo ngày xưa bao đời lại
Ở đất Đồng Văn đói khổ nghèo
Ngẩng đầu thấy núi cao chót vót
Cúi đầu thấy đá chồng chất nhau
Bấp vùi xuống đất trên khe đá
Nó mọc lên không chịu ra hoa
Con khóc đòi ăn cơm chấm muối
Mẹ tìm đâu hột muối cho con?
Mẹ dỗ: Con ơi đừng khóc nữa
Bố gánh củi đi chợ đổi muối rồi
Con nín nghe theo lời mẹ bảo
Bố về được muối đầu đĩa ngon
Cánh cửa nát xưa kẹt hé mở
Vui sướng biết bao thấy bố về
Nhưng sao im lặng bố không nói
Con hỏi muối đâu, bố lắc đầu
Không đủ tiền người giàu không bán
Niềm mong thất vọng đến với con
Nước mắt con chảy quanh má nhỏ
Bố chỉ nhìn con biết làm sao?

Đến ngày không có tàu bay giặc
Quán Pháp phải bỏ đất Hà Giang
Một buổi sáng đất trời ảm áp
Nắng non dọi chiếu qua đầu làng
Có một người lạ đến vùng cao
Trên người mặc bộ quần áo nâu
Nói tiếng gì, mẹ nghe không hiểu
Anh tìm hỏi đến những nhà nghèo
Mẹ hỏi: anh người ở đâu đến?
Vào đây sưởi lửa uống chè xanh
Người lạ tươi cười đáp lời mẹ
Tôi là người cán bộ Cụ Hồ.

Từ khi cán bộ Cụ Hồ đến
Ngoài chợ có bán nhiều thứ hàng
Có hàng bán muối tha hồ chọn
Có hàng bán vải đỏ, vải xanh
Cụ Hồ mang áo về, dân mặc
Cụ Hồ đem muối về, dân ăn.
Nay Bác bảo ta đi đào đất
Mở thêm đường cái lên Đồng Văn
Có xe mang thêm nhiều muối đến
Người Mèo ta không sợ đói nghèo.

3-4-1960

TÌM BẠN

Từ khi mẹ đẻ tôi ra
Sống ở trên rừng thẳm lại năm
Rừng cây làm nhà cho tôi ở
Rừng cây kê giường cho tôi nằm
Đất rừng gieo lúa cho tôi sống
Rừng có nước chảy cho tôi uống
Đời vui nhớ mãi khó xa lìa
Bởi vì không có đất ổn định
Chạy khắp núi rừng đi kiếm ăn
Chạy khắp bốn phương tuổi dần mất hết

Nhớ tới rừng xưa lại trở về
Về đến rừng xưa tìm chẳng thấy
Không biết rừng xanh đi lúc nào
Không nghe thấy gà rừng gáy nữa
Không nghe thấy họa mi kêu nữa
Rừng ơi, rừng chạy đi đâu nhỉ
Rừng xanh không cánh cũng biết bay
Không chân mà rừng cũng biết chạy
Ngẩng đầu thấy trời cao lồng lộng
Cúi đầu nhìn đất rộng bao la
Rừng ơi hãy về thương ta với
Cùng ta chung sống xanh trên núi.

NGƯỜI DAO SUY NGHĨ GÌ?

Gác tay lên trán, lòng tôi nghĩ
Đêm nằm khó ngủ nhớ đồng bào
Bao nhiêu đời bước chân chưa nghỉ
Cuộc sống du canh dân tộc Dao.
Cách mạng thành công mấy chục năm
Người Dao vẫn sống nghèo cơ cực
Trong lòng vẫn tối mịt như đêm
Có được vài chữ, nay lại mất.
Rừng xanh cây cối thật quý giá
Nồi lửa đốt, sau khi chặt phá
Không chặt trong bụng không có cơm
Phải chặt bừa để không đói lả.
Con gái lớn lên mười tám tuổi
Đổi bạc trắng mới đi nhà chồng
Lấy bạc để làm trang sức mới
Lấy vợ nặng vai mấy vạn cân.
Nhà nghèo nghĩ bụng thật đáng sợ
Không có bạc chẳng lấy được vợ
Tuổi lớn đi ở nhà người ta
Bỏ lại mẹ cha với tuổi già

Có người thuốc phiện thì nhau hút
Chẳng làm gì việc nhà, việc nước
Khắp nơi đều đổi mới ngày ngày
Chẳng thấy chẳng nghe cứ ngủ say.

Lòng người Dao ta suy nghĩ gì?
Chọn lấy đường nào là đường đi
Đường nào nghèo đói ta nên tránh
Đường nào no ấm ta tiến mạnh.

Đường trước, đường sau xem cho kĩ
Không nên nhắm mắt bước chân liều
Đường lên đằng trước dài thiên lí
Ai ơi, không quay lại đằng sau.

Mong các anh em và chị em
Cùng nhau đứng dậy ta đi tiếp
Con đường Đảng mở, một lòng tin
Cùng đồng bằng chúng ta đi kịp.

Con đường ta chủ nghĩa xã hội
Dù khúc khuỷu diu dặt nhau đi
Trông lúa trông bông, đất kêu gọi
Người Dao ta đang suy nghĩ gì?

5-1-1984

QUÉT NHÀ

Ngôi nhà sạch sẽ sau khi dựng
Nay sao rác rưởi từ đâu ra?
Chối rơm chối xế ta năng quét
Chớ để cái rác bẩn nhà ta!

Cầm chối ta năng quét bản thân
Tắm lòng, đầu óc lẫn tay chân
Nếu còn bẩn thì ta còn quét
Trong như nước suối, như chối xuân.

Hồ Đại Lải, 15-10-1983

Lương Định (dân tộc Tày) tên khai sinh: Lương Đình Định. Sinh ngày 27 tháng 5 năm 1957. Quê quán: xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản: Tương tư (thơ, 1991); Núi và hòn đá lẻ (thơ, 1995)...

MÙA THU DƯỚI LŨNG

Mây chờ thu về qua hẻm núi
Lời ru của mẹ nâng mây cao
Tiếng chim Từ Quy ca trên rẫy
Sương khói lên trời khăn ai bay

Cô gái lượm bông say tiếng hát
Sao để mùa thu buồn một mình
Mùa thu cho quả lê bớt chát
Em hát cho ai ngọt điệu khèn?

Đêm dưới lũng vàng trăng lên muộn
Tiếng chày giã cối nhịp dồn nhanh
Gió thu qua lũng hoang lỏng lộng
Sao để đông đầy hương cối xanh?

Mùa thu dưới lũng mùa gặt hái
Rượu rót thương vào đêm hội mới
Uống nào em, bản ta bình yên
Mai xa cách có mùa thu ở lại.

Lạng Sơn, thu 1980

LỜI NGƯỜI CHA LŨNG NÚI

(Tặng các con: Vũ – Châu – Long)

Con ơi con!
Làm người trai Lũng Núi

Khi đi rừng nhớ mang theo dao
Lối trong rừng
Không ai mở sẵn
Bằng con dao sắc của mình
Con tự mở lối đi...

Thay lời ru bao đời trong kinh kệ
Cha ru con bằng bài hát người Tây
Mở ra một con đường
Vực đá chênh vênh

Con trai ơi!
Chớ vội giật mình
Hãy lên đường
Bằng đôi chân đạp xô đá núi
Đứng ngồi trên mình ngựa
Dong dong theo lối mòn
Cha không thích những bài ca xưa cũ
Nghe họa mi hát mãi cũng nhàm
Nhìn con nhện giăng tơ
Sẽ làm con rối mắt
Bỏ con dao vào bao
Nhớ mài thật sắc
Khi cần rút ra
Tự mở một con đường...

Lạng Sơn – Tp. Hồ Chí Minh, 1985

NÚI VÀ HÒN ĐÁ LÊ

Đêm giao thừa xa xưa
Tôi – Hòn Đá Lê
Nhớ Núi Quê

Phiên chợ Kỳ Lừa
Nắm nem
Bát rượu
Ngày xuân
Câu lượn
Câu sli

Dìu nhau lên đôi vắng
Cha, mẹ không ưng
Ai cấm được chim trời...?

Ngược Kì Cùng
Tôi tìm lên chót núi
Chân trần
Đá nhọn
Quên đau

Ngày ấy
Mình yêu nhau
Em ở bên kia núi
Nơi vắng trắng lên

Tôi ở bên này núi
Nơi mặt trời lặn
Năm ngày phiên chợ
Ôi... đếm khuyết vắng trăng

Ngày ấy
Bây giờ
Đời quá nửa
Tôi – Hòn Đá Lẻ
Quê người thiếu núi...
Núi Quê ơi!

Tp. Hồ Chí Minh, 9-1989

Cao Sơn Hải *dân tộc Mường.*

HUYỀN THOẠI VỀ MỘT LOÀI HOA

Mỗi độ xuân sang
Hoa bông trắng¹ lại nở
Ngan ngát đưa hương
Rực rỡ hai màu
Trắng trong và đỏ thắm.

Các mẹ già thường bảo:
Hoa trắng là cái trắng trong
Hoa đỏ ấy màu trái tím
Người con trai, con gái
Của một mối tình oan trái
Từ thừa xa xưa
Trên đất Mường Ai² đọng lại.

Dòng suối tháng năm
Đã qua nắng dài mưa dâu
Nhưng lúa đôi bây giờ
Có vơi những nỗi đau
Mà bông trắng
Vẫn đỏ, trắng tươi màu
Giữa những ngày xuân?

LẶNG LẼ SUỐI XA

Suối xa róc rách tháng ngày
Khi chìm, khi nổi, lúc đầy, lúc vơi

-
1. *Hoa bông trắng*, một thứ hoa rừng, nở vào mùa xuân thường có hai màu: trắng và đỏ.
 2. *Mường Ai*: thuộc huyện Bá Thước – Thanh Hóa

Âm thầm tìm đến biển khơi
Lặng lẽ năm tháng ươm chồi, nuôi cây
Sông sâu lòng lững dăng đầy
Nhớ chẳng con suối từng ngày góp nên
Bao la biển cả có quên
Trăm dòng suối nhỏ khuất miền mờ sương?

Hoàng Đức Hậu (dân tộc Tày) sinh năm 1890. Quê quán: Thôn
Lam Sơn, xã Hồng Việt, Hòa An, Cao Bằng, mất năm 1945.

Tác phẩm đã xuất bản: Thơ Hoàng Đức Hậu (tiếng Tày và tiếng
Việt - 1961).

NHÀ PHA

Đôi chữ ghi truyền nhắn bạn ta
Thực phong lưu cái cảnh nhà pha?
Bữa ăn, kèn thổi Tây châu chực
Đi tiện, súng đeo lính gác xa
Nhà đá tường cao không sợ hổ
Cổng to cửa chắc chẳng lo ma
Vào mâm dè xén đôi ba miếng
Ai biết từ đây nghĩ nước nhà?

(Dịch từ bài tiếng Tày)

THÁC QUAN LÀNG

Một dải xuân sơn gió xạc xào
Quan Làng suối nọ cảnh thanh tao
Dòng treo đầu núi nghìn năm chảy
Sóng lẫn trên mây mấy trượng cao
Xanh biếc tường trời phơi tấm lụa
Ủ ào trên đất nổi con trào
Cảnh này trong sạch, công ai đó?
Hay đã từ xưa Chúa Vũ đào!

(Bài này tác giả viết bằng tiếng Việt)

Dư Thị Hoàn (dân tộc Hoa) tên khai sinh: Vương Oanh Nhi. Sinh ngày 1 tháng 8 năm 1947, trú tại Hải Phòng. Quê quán: Quảng Tây, Trung Quốc.

Tác phẩm đã xuất bản: Lối nhỏ (thơ, 1988); Bài mẫu giáo sáng thế (thơ, 1993).

LỐI NHỎ

Có lối nhỏ chia đôi thâm cỏ
Em thả bước chán chường
Có lối nhỏ gặp ghềnh sỏi đá
Gót chân em nện xuống dử dằn
Có lối nhỏ vương cây xấu hổ
Em sợ nó khép càn
Biết làm sao bây giờ
Chính lối này đưa em tới anh...

Cầm Hùng *dân tộc Thái.*

DẤU CHÂN NGƯỜI TÂY BẮC

Kính tặng anh hùng Đinh Đức Dừa

Tôi giạt mình giữa đảo san hô
Khi nhìn thấy dấu chân người miền núi
(Dáng to bè phía trước ấy không sai)
Thăm trong bụng đây dấu chân ai
Mà càng ngắm càng quen con mắt
Ồi đúng rồi: dấu chân người Tây Bắc
Vượt trùng dương ra đây đánh giặc
Mà dấu chân này đảo giữ lại tặng tôi.

Tàu địch nổ tung, chìm xuống đáy biển khơi
Chiến công lặng. Biển động. Sóng sôi
Mà người đó đi về phương nào nhỉ?
Tôi hỏi biển, biển nói nhỏ thầm thì
Rồi bỗng nổi lên cơn dông tố
Tia chớp lửa nhè nhàng
Biển bung vệt sóng
Nơi chân trời liền mép biển xa xa.

Đình Xăng Hiền (dân tộc H'rê) tên khai sinh: Đình Xăng Hiền. Sinh năm 1944. Quê quán: tỉnh Quảng Ngãi. Mất năm 1989.

Tác phẩm đã xuất bản: Một số bài thơ in trên sách báo ở địa phương và trung ương.

GIẢN ĐƠN VÀ YÊN LẶNG

Tiếng ru người mẹ trẻ nơi nao
Ngọt ngào muôn giấc
Ru cái dịu thơm tỏa khắp
Ché rượu nếp hai cần
Anh và em cùng uống
Như hai bờ suối trong
Lòng anh say mềm
Em vẫn như hoa A- tang
Trắng muốt bên bờ suối
Em không cười, chỉ nói
Học đâu lắm cái chữ yêu
Nghe ngọt hơn trái chín
Nồng hơn rượu mạnh
Mà cũng đáng sợ hơn nhiều
Ngực em thoảng hương hoa Pông
Như con nai tơ sười nắng
Phải em đợi một tình yêu
Giản đơn và yên lặng
Đất cho ta hoa thơm trái ngọt
Anh muốn học tình yêu của đất.

HẠT SƯƠNG

Tôi chỉ một hạt sương mỏng
Vương lá lúa nương buổi sớm
Ông trời ngắm men mặt đỏ

Sương xuống ở với lòng đất
Đêm hát ru ngủ cây lúa
Ngày tiếp sức cho cây non
Tôi chỉ một hạt sương trong
Long lanh lặng lẽ

11-1985

THÀNH PHỐ BIỂN

Tai quen nghe nhạc suối róc rách
Quen nghe chim hót gọi bạn tình
Mắt quen ngắm mây ngừng đỉnh núi
Lần đầu tiên tôi vào Quy Nhơn
Ở thành phố đang tắm mình nắng xuân
Như tiếng mẹ hát ru đêm rằm

Thành phố gói đầu lên
Chiếc gối núi chập chùng
Như vị thần
Trong truyện cổ quê tôi
Biển trời thành phố
Chung nỗi niềm sóng ru
Tôi như con thỏ rừng lạc giữa
Đất và người
Biển thăm thi bên tai thành phố
Như đôi tình yêu
Trong cặp mắt đen lánh
Tôi đi giữa thành phố biển
Lòng nghe huyền hoặc như kẻ ngấm tình.

Quy Nhơn mùa xuân 1975

Hà Lâm Kỳ (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hà Lâm Kỳ. Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1952. Quê quán: xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản: Kỉ vật cuối cùng (truyện dài, 1991); Chim rí núi (truyện vừa, 1992); Xôn xao rừng lá (thơ, 1992); Những đứa con lên núi (truyện ngắn, 1994); Gió Mùa Căng (truyện dài, 1995); Con trai bà Chúa Nả (truyện ngắn, 1996).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng của Hội đồng Văn học thiếu nhi – Hội Nhà văn Việt Nam, 1991 (truyện dài Kỉ vật cuối cùng); Giải thưởng của UBND tỉnh Yên Bái, 1994 (truyện vừa Chim rí núi), 1995 (truyện dài Gió Mùa Căng).

ĐI RỪNG

Vào rừng chẳng biết lối ra
Thấy cây núc nác tưởng là vàng tâm
(Ca dao)

Anh đi rừng với em
Hai ta cùng lội chín con suối
Anh đi rừng với em
Hai ta cùng vượt chín ngọn núi
Đi rừng cùng em
Cây lá đan nhau, mây song chẳng như mạng
Đi rừng cùng em
Con hổ thấy mùi người ngồi thu mình cạnh bụi sẹ
Anh đi rừng cùng em
Trời đổ mưa, gió thổi lật, hai ta nép vào tàu lá cọ
Và hôm đi rừng cùng em
Mặt trời từ phía đông, lặn lẽ sang phía tây, lối chúng ta về
bị tối
Cầm tay nhau anh và em xuống núi
Con dao sắc tìm đường em đeo gùi chẳng nói
Gió chiều thổi hướng này... con dao quăng nữa thôi
Rừng thì già, ngày cũng đã già mà hai ta vẫn cứ trẻ trung

Em bảo thương anh thương cả con chim về đêm vẫn kêu
"Công ai đắp cát"

Núi im lìm ơi... em khẽ ru và em khẽ hát
Làm cho mắt của trăng rằm muốn lảng tránh mắt em
Người già nhất trong làng bảo rừng nó thiêng
Hắn nào, chẳng thấy ai ngã cây to về làm nhà làm cửa
Chuyện của người già. Em cười anh cũng mỉm cười đi trong lá
Nơi thiêng, riêng ta sao hai ta không kiềng?
Bao nhiêu lần đi rồi, nên quen
Con rắn cũng hiền lành, chà gai rừng không sắc
Bấp chân anh, bấp chân em sẵn theo lườn dốc
Yêu biết nhường nào rừng của ta.
Đi với em vào rừng vui như rừng xòe hoa
Xôn xao như đàn ong mật treo hai đầu núi
Duyên nợ với rừng từ khi nào mà sao rừng chẳng nói
Rừng ơi, nhà của ta
Rừng ơi, rừng – Cuộc đời của ta

Kpa Ylăng *dân tộc Ê Đê.*

THÁNG BA TÂY NGUYÊN

Pôlôtôk! Pôlôtôk!

Con chim kêu, kêu báo mùa rẫy tới
Báo con suốt tháng này chẳng chày được xa
Báo mùa rẫy mới, tháng ba về mặt ngọt

Pôlôtôk! Pôlôtôk!

Con chim nó hót, hót gọi đàn
Bay vào rừng sâu nó làm tổ mới
Tháng ba về, mùa rẫy đợi người thương!

Tháng ba Tây Nguyên

Cái cuốc, cái dao lên nương xuống suối
Hạt muối theo người vượt núi qua khe
Con gái Gia Rai, chàng trai Ê Đê
Rừng già bên kia, rừng trên bên đây
Hương khói tháng ba bùng dậy núi rừng.

Khói bay, lá bay lòng say mùa tới

Tiếng hát ai nghe vời vọi buồn làng

Tháng ba Tây Nguyên

Trống, chiêng, kông ngày đêm vang dội
Báo ngày mùa gạo lúa bội thu.

Pôlôtôk! Pôlôtôk!

Con chim nó hót ngày đêm

Tháng ba không ngủ ở Tây Nguyên

Vì buôn Gia Rai gọi nhau lên núi

Vì làng Ê Đê giục nhau đi hội

Hội tháng ba mùa rẫy mới Tây Nguyên.

Bùi Thị Tuyết Mai (dân tộc Mường) tên khai sinh: *Bùi Thị Tuyết Mai*.
Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1971. Quê quán: xã Yên Trị, huyện
Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Tác phẩm đã xuất bản: Mưa trong nhà (thơ, 1998).

MÙA XUÂN

Lao xao
Rì rào
Người con gái nào đang yêu mà không trần trở
Những nụ hoa trong vườn mơ ngủ.

Mưa xuân
Câu thương của con trai Mường
Vọng sang vườn đào Mường Động
Lay cành lay búp nghiêng nghiêng.

Mưa xuân
Rơi xuống tàu lá chuối
Vội xuống lá dong
Biêng biêng núi chiều
Tết đang về Mường ta rậm rịch.

Mưa xuân
Thủ thi trên nương
Gọi hoa Ban nở đỏ
Và những hạt mầm hơn hờ
Đất mềm.

3-4-1998

Triệu Thị Mai (dân tộc Tày) tên khai sinh: Triệu Thị Mai. Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1957. Quê quán: xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Một số bài thơ, văn đăng trên các báo trung ương và địa phương.

NGỌN LỬA

Nhóm lửa lên rồi
Người lại bỏ đi đâu
Để cho lửa cháy đầu sàn em!

Nhóm lửa lên rồi
Người lại bỏ đi đâu
Để cho cây gạo đỏ bùng đầu thôn!

Ai nhóm lửa cho cây rừng kết trái
Mùa chín rồi người lại bỏ nơi đâu
Người vào rừng săn thú hái hoa
Hay đi uống nước nguồn miền xa
Mà lửa vẫn cháy bùng lên rất lạ!

MÂY TRẮNG

Mây trắng xuống đồng
Mây trắng xuống đồng
Anh chẳng hề nhìn
Anh chẳng hề trông
Mây bay về núi
Anh lại ngóng mây
Anh ơi, đừng chờ
Anh ơi, đừng trông
Em đã xuống thang
Đi về nhà chồng

Em đi qua đèo
Mây trắng vờn theo
Anh ơi, đừng chờ
Anh ơi, đừng trông.

Pờ Sảo Mìn (dân tộc Pa-dí) tên khai sinh: Pờ Seo Cáo. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1946. Quê quán: xã Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản: Hoa trên núi (thơ, in chung - 1975); Rừng sáng (thơ, in chung - 1977); Núi mọc trong mặt gương (thơ, in chung - 1978); Cây hai ngàn lá (thơ, 1992); Bài ca hoang dã (thơ, 1995).

Giải thưởng văn học: Giải khuyến khích cuộc thi thơ báo Văn nghệ, 1982 (bài Biển chầm trên núi); Giải tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, 1993 (tập thơ Cây hai ngàn lá); Giải tư cuộc thi thơ báo Văn nghệ, 1996 (bài Lời dân tộc tôi); Giải tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, 1996 (tập thơ Bài ca hoang dã).

CÂY ỐNG KHÓI

Tôi kể về một cái cây
Không phải cây trên rừng
Tôi nói về cái cây
Không phải cây dưới biển
Tôi nói về cái cây là cây ống khói
Cây ống khói
Xây bằng gạch đỏ chói
Từ lòng đất chắc nịch
Như cây măng tháng năm
Cây ống khói
Quả núi cao không bằng
Mười người ôm không hết
Cây ống khói
Làm việc suốt ngày đêm mãi miết
Cây ống khói
Xây bằng gạch đỏ chói
Tưởng nó khô và thô
Không! Cây ống khói
Ấy là hơi thợ trẻ

Người trai Mèo lửa tuổi hai mươi
Cây ống khói chạm trời
Bàn tay người vuốt thẳng
Suốt tháng năm... chỉ thờ làn khói trắng.

Cây ống khói
Giống cái cây không lá không cành
Không! Đây là cây đầy nhựa lá xanh
Sức sống người thợ
Tôi nói cây ống khói
Cây của tình yêu!

7-1972

CÂY HAI NGÀN LÁ

*"Lá cây rừng hãy cứ vi vu
Chẳng quản bão táp ngại gì mưa"
(Dân ca)*

Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Như cái cây hai ngàn chiếc lá

Ai nuôi ai hơi cái rễ cái cây
Ai yêu ai trong tình yêu thâm lặng
Cái tình yêu bé nhỏ trong cây
Rễ nuôi lá, lá nuôi cây cùng lớn

Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Một cây đứng trong muôn rừng cây đứng
Muốn hiểu ta đã qua chịu đựng
Thì cây ơi! Ta sẽ hát đời mình

Thế kỉ nào ai gieo mầm trên đất
Để hôm nay cây lớn tỏa xum xuê
Con trai trần trong mặt trời nắng cháy
Ép đá xanh thành rượu uống hàng ngày
Con gái đẹp trong sương giá đông sang
Tước vỏ cây thêu áo đẹp năm tháng

Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Biết gọi gió, gọi mưa, gọi nắng
Chặn suối, ngăn sông, bắt nước ngược dòng

Ngô lúa cười reo tận sân trời đỏ
Ta dang tay gặt mùa hạnh phúc ấm no
Hỡi trần gian
Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Như cái cây hai ngàn chiếc lá
Cạnh rừng già là rừng non trẻ đầy
Lá ơi!

28-4-1983

TIẾNG CHIM PÉC KÀ¹

(Tặng đồng bào miền xuôi
lên khai hoang miền núi)

Giữa đồng cỏ hoang dại
Ta nghe tiếng chim ca
Péc kà! Péc kà kà!
Ở rừng cỏ hoang vắng
Ở triền núi im lặng
Và đàn nhím trên mình khoang trắng
Hãy lui ra... vào rừng xanh, rừng già
Đất này là đất ta
Péc kà! Péc kà kà!
Ngày với đêm
Tiếng "Péc kà" vọng đến chân trời
Đất hoang ơi! Giấc ngủ dài
Hãy cùng ta mau dậy
Đất phải trời cây hoa
Đất phải mọc cây quả
Núi phải cười ra lúa
Đồi phải thở ra ngô
Cho người
Năm...
Tháng...
Những ngôi nhà mọc lên

1. Péc kà: chim gõ

Liên với nhau thành làng, thành xóm
Péc kà! Người người muôn màu áo
Péc kà! Những đàn trâu chân sắt đỏ da
Và đồng ruộng ta khai phá hôm qua
Đất trả cho người những màu xanh kết trái
Xóm khai hoang đêm nay
Mấy đám cưới liền
Chú rể và cô dâu
Người miền xuôi miền ngược
Ở hai vùng đất nước
Tiếng nói và tiếng cười
Sáng trong ngọn đèn vui
Tiếng chim xa hát vọng
Péc kà!... Péc kà kà!

LỜI DÂN TỘC TÔI

Nắng ban mai ta là con kiến cỏ
Giữa trưa hè ta đã hóa thành chim
Ta đứng lên thì đầu ta chạm trời
Ta ngồi xuống chân ta khua tới biển
Ta xuất hiện như trên trời rơi xuống
Ta ra đi tựa áng mây bay
Ta chẳng có gì cái con người đen đui
Suốt cuộc đời tìm kiếm thi ca
Và bỗng dưng ta giàu hơn tất cả
Khi ta nghĩ: Bầu trời và mặt đất cũng là ta.

Đại Lai, 5-1994

Đoàn Ngọc Minh (dân tộc Tày) tên khai sinh: Đoàn Ngọc Minh.
Sinh ngày 9 tháng 12 năm 1958. Quê quán: xóm Nà Cáp, phường
Sông Hiến, thị xã Cao Bằng.
Tác phẩm đã xuất bản: Dòng sông kỉ niệm (1997).

PHIÊN CHỢ

Năm ngày chợ họp một phiên
Mây nâng bước chân
Gió nâng vạt áo
Đàn ông cầm khèn bước hồi hả
Đàn bà áo chàm nhảy múa theo nhịp chân
Câu hát lượn lòng vòng chui vào khe núi
Phiên chợ quê tôi
Có rượu chum chắt từ đá núi
Có mật ong chắt từ hoa rừng
Có đắng cay của vạt ngô hái dở
Có trống trải của gió ngàn lấp mãi không đầy
Những vành ô khép nửa
Những dấu chân mòn bối rối...
Chiều nắng đỏ
Day dứt câu sli già bạn
Con ngựa gõ móng lên đèo
Lừng khùng nổi nhớ
Nắng nhạt thần thờ gói ngọn cây.

La Quán Miên (dân tộc Thái) tên khai sinh: Quán Vi Miên. Sinh ngày 31 tháng 10 năm 1951. Quê quán: xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản: Anh được về thăm (thơ, in chung, 1983); Truyện cổ Thái (1994); Hai người trở về bản (truyện và kí); Bản quê yêu dấu (thơ, 1996); Vùng đất hoa Kơ Mạ (truyện, 1997).

Giải thưởng văn học: Giải khuyến khích Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1997 (truyện Vùng đất hoa Kơ Mạ).

BẮP NƯỚNG

Bắp ngô nếp, nướng nguyên cả bẹ
Vị ngọt thom động hết vào trong
Cái vị ngọt thom tựa mật ong
Mẹ già Thái nướng mời linh trẻ.

Bắp mẹ nướng, mẹ ra rẫy bẻ
Mỗi bắp dài hơn một gang tay
Thứ ngô nếp ngút ngàn nương rẫy
Mẹ nướng rồi, mẹ dúi vào tay.

Mẹ nói bằng tiếng Thái rất hay
Chúng tôi chỉ biết cười, không hiểu
Chắc mẹ nói, mẹ thương bộ đội
Mới lên rừng, lên núi xa xôi.

Chúng tôi muốn nói nhiều cho mẹ hiểu, mẹ vui
Răng lữ giặc tan rồi
Đất nước lo làm ăn, làm mặc
Chúng con về với núi, với đồi.

Răng đất mênh mông, đất phải nuôi người
Mai chúng con sẽ vung riu, phá rẫy
Bằng sức trẻ, mở ra vùng đất mới
Cho hạt mầm lên biếc dưới bàn tay.

Chúng con sẽ mời mẹ ăn bắp nướng như đêm nay.

5-1977

NHÀ TÔI

Nhà tôi không ăn lúa đếm bông
Ăn kê đếm hạt
Ăn cá đếm xương
Trâu cọ sừng chuồng trâu đêm đêm
Ngày ngày
Nong tằm phơi nắng...

Khách xa, xin chào ngoài cổng
Khách gần, chào ở chân thang
Mũ nón treo ở phía dưới
Túi bạc, túi vàng treo ở phía trên...

Chiếu mới, trái chiếu mời
Thảm hoa, trái thảm ngồi
Ăn trâu trong khay
Hút thuốc trong gói
Ăn gà, nhường đùi gà cho trẻ con
Ăn cá, dành đầu cá cho người già
Đừng dòm góc nhà
Mắt đen
Mắt đỏ
Nhà tôi mặc áo chàm là bố
Đội khăn "piêu" là mẹ...

Muốn xem mặt trời
Muốn "nhởi" với trăng
Ra sà "Hạn khuống"

Ngoài miệng - đừng bôi mỡ
Trong bụng - đừng giấu chông
Muốn dẹt con rồng - đến ngồi khung cửi...

Nhà tôi
Mái lá
Nhà sàn sườn núi
Ngói đỏ
Tường cao
Điện sáng
Cung nhà tôi.

Chiếng Đôn, 6-1996

Lương Quy Nhân (dân tộc Thái) tên khai sinh: *Lương Văn Phồn*, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1926. Quê quán: xã Thâm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản: Cán bộ với dân Mường (thơ, 1947); Hoa đang nở (thơ, 1947); Thơ Lương Quy Nhân (tuyển thơ, 1960); Biên giới lòng người (thơ, 1983); Hoa trời (thơ, 1987); Độ dày của tình yêu (thơ, 1994).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng thơ tạp chí Văn nghệ quân đội.

ĐẤT

Như nói: Chết đất chôn, sống đất nuôi
Không phải đất đào mai, trâu sa hố chết đứng
Đất công nước, trăm thác không gãy
Đất gánh đá, gánh cát không quăn
Đất chín tầng vạn vạn cây mọc
Đất thành nôi, thành địu muôn triệu người
Đất ủ, đất bế, lo nuôi súc vật nghìn bầy
Đất mở mắt thành gạo
Đất quỳ gối thành nhà
Đất cong lưng quỳ nhà sắt, nhà gang
Đất vòng xoắn thành nhà máy nhiều tầng
Đất lắc cổ thành sá cây
Đất ho thành nhát mai
Đất mặc áo mường mới thơm hơi.
Đất giang tay thành đường lớn chằng chịt
Đất mới được nói năng, giải cốt lột lưng
Đất lật mình toàn dân khỏe mạnh
Đất thi với trời, sống lâu muôn đời
Đất khoanh vòng, bọc lấy dân mường
Đất thành đai, biên giới cầm chắc
Đất bằng một sợi tóc cắt vuông, không buông
Đất bằng một hạt cát bẻ đôi, không nhường
Đất đất, nước nước, con người, con người!

Đất Việt Nam, nước Việt Nam.
Con người Việt Nam quý yêu muôn phần

NÚI

Núi cao, núi có chủ
Núi già, núi có râu đầy cằm
Núi có máu, có xương núi sống
Núi có mặt mũi, núi có đá vôi
Núi có ao có ruộng, thả cá và cấy lúa
Có thuốc quý, thuốc bổ đầy vách đầy khe
Núi nuôi người mạnh khỏe hồng hào
Núi chọc trời, gỗ trắc
Núi ép sát nhau, gỗ chò
Núi trườn ruồi, chống chất gỗ quý
Núi chắn nước thành vực
Núi xanh rờn dựng thang mây lên trời
Núi ta đâu phải núi thường
Núi có tay vươn tới trời xanh
Một bước chân ngàn dặm vượt nhanh
Núi chớp mắt thành mỏ muối
Núi đổ mồ hôi thành mỏ gạo
Núi ấp trong lòng mỏ sắt, mỏ gang, mỏ vàng, mỏ bạc
Núi chống gậy, nước ngập trời
Núi vung tay, dân mừng giàu mạnh
Núi uốn lượn giọng chơi
Thì cùng trời ôm lấy Sông Đà, sông Cửu Long
Núi phập phồng thở xuống thở lên
Vận nước vững bền mãi mãi.

3-2-1979

DỐC

Dốc!
Dốc dữ dội
Dốc chất chống
Bước đi bước trượt

Dốc dựng đứng
Hai tay cũng thành hai chân
Dấn lên đầu gối thúc vào cằm
Vừa ngựa mặt nhìn trời
Mũ đội đầu đã rơi theo về chân dốc
Mắt nhìn dốc bằng sợi tóc
Chân đi dài suốt một ngày!...

Tới ngọn dốc gặp nhà
San sát mái tranh một "quê hương mới"
Mắt nhìn xuống thấy bật nổi
Dòng Nậm Na chảy hòa vào sông Đà xanh biếc
Và dốc nhỏ dưới chân
Sao bỗng hiền hòa thân thương!...

GIÓ

Gió về đây gió ơi!
Mong gió hãy về mát mẻ
Gió rong đường thuyền, gió ruổi đường xe
Gió lướt đường trời xanh cao, gió ơi!
Qua lều nương, gió rẽ
Gọi người xới cỏ vun ngô
Qua lều ruộng gió rẽ
Gọi người đỡ nâng hàng lúa
Qua rừng cây gió rẽ
Xua đàn sâu cắn hại lá cành
Gió độc, người sẽ trách
Gió lành, người sẽ khen gió ơi!
Đã làm gió, gió đừng giận dữ
Gió giận dữ lửa sẽ cháy tràn
Đã làm gió, gió đừng gắt gỏng
Gió gắt gỏng tim người sẽ đau
Gió bay thấp, hãy nhìn người nhìn đất
Gió bay cao, hãy nhìn đường mây
Gió bốc xoáy, phải thương ruộng lúa
Gió lướt thẳng, phải thương rừng cây
Gió bay dọc bay ngang rọi mát bản mường
Rồi gió lại tìm về ngủ đôi cùng núi, gió ơi!

Hoàng Nó *dân tộc Thái.*

Ở VÙNG CĂN CỨ

Hỡi anh em đồng chí trung kiên
Bầu trời u ám mây đen bao phủ
Mưa lũ ngập tràn đổi nước đỏ một màu son
Đôi vai ta nặng gánh nước non
Bụng đói ngồi sưng, sớm chiều bếp không đồ lửa
Đi đào mài -mưa tuôn lũ chặn
Phải kiếm rau rừng, măng non thay bữa
Hạt muối dành lâu cũng không còn nữa
Bỏ ớt thay vào canh không ngọt lại cay
Bởi đã lâu ngày anh em cách trở
Dưới bóng cây rừng mài miệt việc dân
Lòng thanh thản bởi sáng ngời chân lý
Ta suy nghĩ: bà con ta Tây nhốt trong đồn
Trai tráng trong làng chúng bắt phu bắt lính.
Vợ con ta chúng hăm hiếp nhục hình
Cảnh cá chậu chim lồng, nhiều nỗi lo âu
Đói rét theo sau trẻ thơ đòi sữa mẹ
Cổ khăng khiu, khóc chẳng ra hơi
Địu con trên lưng, mẹ lần rừng kiếm củi
Mùa mưa lũ chắc gì kiếm được bữa ăn
Ai thương cho củ bốn khúc mài
Cùng quần rồi biết tính sao đây
Lo kiếm củ ăn lại còn lo đến giờ Tây nhốt
Gặp lính đi tuần chúng cũng giật liên tay
Bữa chiều nay cả nhà bụng lép
Nghĩ đến sớm mai vào rừng đâu có kịp
Tây lại bắt phu hoặc nhốt trong đồn
Các đồng chí ơi!
Bà con đã chịu bao cay đắng
Lẽ nào chịu vùi xác giữa bùn đen cửa nhà xa vắng

Đêm tối mệnh mông biết tìm đâu ánh sáng
Mong Đảng về chỉ lối dẫn đường
Phá tan gông cùm xiềng xích
Giành lại tự do hạnh phúc cho đời
Những ai yêu nước thương nòi
Hay vưng chỉ bền gan gian khổ không sờn
Không tiếc mồ hôi, máu đổ
Cho tài trai xứng danh muôn thuở
Thà chết với giặc Pháp, đổi Độc lập – Tự do
Ta có Đảng, có Bác Hồ
Có quân dân đoàn kết
Quyết đánh tan quân cướp nước hôi tanh
Cho bản mường được sống thanh bình
Anh em ta thỏa nỗi niềm ước mong.

1949

Nguyễn Phá – dịch

XUÂN BÌNH NGỌ

Năm qua ta lớn lên như cây cao rễ ôm chum núi đá
Hàng trăm máy bay Mỹ rụng thành tro
Giặc lái co ro biết bao thăng vãi lậy
Và biết bao tên tan xương, máu đổ tưới rừng xanh
Đồng ruộng ta đậm khóm bông dày hạt mẩy
Trâu bò thêm sinh sản gặm cỏ non trên đồi
Mừng bông trắng phủ núi đồi
Cô giáo gõ bảng, tiếng cô đàn tiếng trẻ em ca
Giọng hát ngân vang tỏa khắp ruộng – làng
Quyết san bằng núi làm bản
Lấp hố bom tra lúa trồng khoai
Giờ đây – Năm mới đến – ta tắm nước đầu xuân thêm khỏe
Chúc bản mường ta hùng mạnh gấp trăm lần
Đánh cho giặc Mỹ tan tành
Tăng gia sản xuất càng vơn
Đất càn cát sỏi ất mọc lúa ngô khoai
Ruộng ao thêm đàn cá
Khe cạn – bãi khô nguồn nước mở
Mường phai bờ vũng nước tuôn dòng

Bạn lúa vui sân khên, sân chợ
Dân quân trực chiến bắn máy bay rơi thêm nhiều
Cho chúng phơi cày ngổn ngang xó núi
Lung linh ánh điện -- xưởng máy rộn tiếng vang
Thêm nhiều vải đẹp, cày, thuổng, cuốc, dao, rìu
Khắp nẻo đường đầm ảm tiếng còi xe
Gái trai mọi lứa lòng vui dựng nước giữ miền
Năm mới nhộn nhịp hơn trời nở sao.

Xuân 1966
Lò Văn Cậy -- dịch

Ma Trường Nguyên *dân tộc Tày.*

EM LÀ RIÊNG ANH CÙNG MƯA NẮNG

Sáng em đi mặt trời vừa ngủ dậy
Chiều em về mặt trăng vừa lên
Em đón nắng ra đi đón trăng về lòng lầy
Trở lại phòng êm ả bình yên

Em là nắng là trăng anh thăm ví vạy
Mang đến cho anh ấm nóng dịu lành
Là nắng là trăng là của đất trời hết thảy
Vội riêng em ấm mát với anh riêng

Em là ban ngày em là ban đêm
Là ngày tháng như đời anh nếm trái
Để anh có ánh nắng hồng, làn trăng êm ái
Cùng cả đêm giông, vắng trăng tán và mặt trời ngày mưa.

Thái Nguyên, 1988

GỌI EM

Anh muốn gọi em về bằng đường nắng
Nắng cứ quấn quanh trong mây mờ
Anh muốn gọi em về bằng đường mưa
Mưa cứ lặng chìm trong khô nỏ
Anh muốn gọi em về bằng đường gió
Gió cứ uể oải trong thung lũng biếng lười

Đất trời
Em ơi!
Ngọt ngọt.

Anh vội lấy dùi da nai bọc
Đánh liên hồi

Vào tim anh làm công vang dội
Thành lời
Gọi em tới
Anh.

Lò Cao Nhum (dân tộc Thái) tên khai sinh: Lò Cao Nhum. Sinh tháng 5 năm 1954. Quê quán: xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Tác phẩm đã xuất bản: Giọt sao trở về (thơ, 1995); Rượu núi (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học: Giải ba cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ quân đội, 1996-1997 (bài thơ Rượu núi).

RƯỢU NÚI

Bạn đến
Mời ngồi xếp bằng giữa chiếu
Chiếu đan bằng tia mặt trời.
Bát rượu trắng rằm
Mong hôn vĩa bạn đừng thất lạc
Cầu cụ ông, cụ bà, cây si, cây đa
Gái bản nụ hoa, trai mừng cây nghiêng
Ngựa bản tay cũng da
Úp bản tay cũng thịt.

Rượu nhà tôi
Ủ từ lá sắc rừng gai
Chắt từ củ mài hóc đá
Vợ tôi nấu thơm từ lúc đêm dài

Rượu nhà tôi
Có ngọt mật ong vách đá
Có chua măng ướp chum vò
Có cay của ghen
Có đắng của em chồng phải lòng chị dâu.

Rượu nhà tôi
Rượu buộc chỉ cổ tay
Thấp lửa tình chiềng, tình trống
Đã uống vắt kiệt chum mà uống
Đã say đổ tràn tình mà say.

Nào, bạn ơi
Cụng bát cùng rêu cao muôn đời
Chạm bên ngọn núi
Giữa chiều đan bằng tia mặt trời.

Trần Thanh Pôn (dân tộc Khome) tên khai sinh: *Trần Thanh Pôn*.
Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1940. Quê quán: xã *Hung Hội*, huyện
Vĩnh Lợi, tỉnh *Bạc Liêu*.

Tác phẩm đã xuất bản: Tuổi trẻ miền Nam với Bác Hồ (truyện ngắn, 1990); Lời thu của đất (thơ, 1992); Nguồn nước tuổi thơ (truyện ngắn, in chung, 1993); Đi tìm những nhà thơ (thơ, in chung, 1995). Nhà giáo – nhà thơ (thơ, in chung, 1997); Nhà giáo thành phố Hồ Chí Minh (thơ, in chung, 1997).

THUẬN TÌNH

(Phỏng theo dân ca Khome)

Anh đem bao lời thể thốt
Gánh bao gánh thóc
Dọt bao cối gạo trắng
Đem nơm úp cá
bắt về làm mâm cỗ
Mang sang nhà
hỏi em làm vợ
Em cũng chẳng thèm cho.

Dưới tán cây thốt nốt
Gió ém lời mật ngọt
Bên dòng kênh dừa nước
Anh nói với em những gì
như con bò cạp
Em chẳng thấu.

Chỉ có trăng đi đâu khuất
Gió áp sát lồng ngực tròn
Lên thom thom đôi thơ mộng
Bên cây si anh trồng
Cùng với cây sầu đông – sầu đầu.

Em mới tin rằng
Anh thiệt thiệt tình
có lòng sầu thương em.

Thế rồi anh hứng nắng tắm trắng
Cười ra nước mắt
 hóa thành trâu cau
Làm ai trong phum sóc cũng thích
Vui hai mình mau hóa mình
Thuận tình mình được cưới nhau

Sóc K'la – Trà Cú – Trà Vinh
tháng 9-1991

LỜI THU CỦA ĐẤT

"Con người là hoa của đất"

Muôn thuở đất làm chân đế
Cho núi non đến đài nhà cửa
Cho những túp lều cắm bằng chân nhỏ
Đất là điểm tựa
Cho thế gian này.

Ta sinh ra đất đã có rồi
Đất cũ vô cùng và vô cùng mới
Dù có lúc loài người mắc tội
Làm cho đất biến dạng hình hài
Đất thủy chung với số kiếp con người.

Cái nhau ta chôn dấu vào đất
Thành nụ hoa nở giữa con tim
Máu ta đổ cũng lẫn vào đất
Cho tương lai nhân loại hòa bình
Quả đất như trái cây không bao giờ rụng
Trong độ lạnh nóng không gian.

Anh và em yêu nhau
Trong vòm khí quyển
Bao quanh mặt đất
Khi ta thấy tim mình đập vội
Là trái đất bỗng bừng dậy non chồi
Ta hôn nhau đất chờ che rồi.

Trăm thứ thải ra lẫn vào đất
Nhưng đất nào đổi hờn
Cả loài người rơi lệ

Tan biến xuống mặt đất
Trái đất này vẫn cứ cô đơn
Bồi mặt trời mặt trăng xa quá
Trái đất quay theo quỹ đạo của mình.

Em ơi em ta đã tái sinh
Giữa vùng đất lá thu rơi
Như ta ắt có ngày trở về với đất
Dù sống đến trăm năm
Kẻ thù trước quốc tịch
Nhân loại xua đuổi
Đất như người Mẹ vĩ đại
Bao giờ cũng cho ta dung thân.

Lời ta hát, hay khóc, đất thu hết
Để tạo nên âm thanh tuyệt trần
Cả sóng biển bão rừng cùng lẫn vào đất
Bản giao hưởng nhiều bè dội mãi
Để cuối cùng gởi vào vũ trụ xa xăm...

TP.Hồ Chí Minh, 9-1991

MONG NHỚ ĐÊM TRẮNG

Mỗi độ trăng về
là những bận nhớ thương
Thốn thức lòng anh
như đêm sương buông giọt
Phủ khắp không gian
cả bầu trời trái đất
Em ở đâu rồi
xa tít tận cung trăng
Hãy nhìn xuống đây
có người trai tro tro
Ngước mắt tìm ai
khắc khoải giữa bầu trời
Đêm dài sương rơi
khuya thăm lòng cô quạnh
Mỗi độ trăng về
em à, anh nhớ mong...

Sơn Tây, ngày 15-10-1965

Từ Ngàn Phổ (dân tộc Tày) tên khai sinh: Nguyễn Tuấn. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1953. Quê quán: thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: *Lửa mẹ cho* (thơ, 1986); *Anh vẫn học cách yêu của cỏ* (thơ, 1995).

Giải thưởng văn học: Giải C cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ quân đội, 1984 (bài Với Thâm Tâm một chiều biên giới).

VỚI THÂM TÂM MỘT CHIỀU BIÊN GIỚI¹

Dẫu trong chúng tôi không ai biết mặt anh
Bao câu thơ anh chúng tôi đã thuộc
Những câu thơ về những hạt mưa
Bay chéo mặt đường số năm thuở ấy.
Thuở ấy –
 các anh
Với lưới mắc hình chiếc ngòi bút trong tay
Gió thổi xác xơ vành mũ lá
Áo trấn thủ bọc quả tim máu đỏ
Cháy đùng đùng như lửa giữa mưa sa.
Nhà thơ ơi,
Giá như anh còn đến bây giờ
Anh sẽ cùng chúng tôi hành quân lên biên giới
Giống năm xưa ba lô, súng, xẻng
Vượt đèo Gió, đèo Giàng, cắt rừng Cao Bắc
Ngang dọc khắp một miền nước độc
Để nhận về trận sốt rét mét da
Con đói dài bụng thắt, mắt hoa.
Thật diệu kì là chiếc đầu gối của nhà thơ
Không mỏi khi đi
Lúc dừng nghỉ –

1. Giải ba cuộc thi thơ, 1984 của Tạp chí Văn nghệ quân đội.

gấp ngay thành bàn viết
Đi như thế cho đến ngày nhắm mắt!
Chúng tôi
Những người linh mười bảy tuổi trẻ măng
Yêu thơ đến cháy lòng
Sẵn sàng thức thông đêm tập viết
Khi lửa bén một mảng trời cháy đen và quần lên như một tàu
chuối héo
Những bức tường xiêu dầy đứt mối cầm thù
Sẽ viết gì, viết gì đây vào trang sổ tay giấy trắng
Ngược con đường máu các anh đã đổ
Chúng tôi lần theo dấu các anh xưa!
Nhà thơ ơi
Giá như anh còn đến bây giờ
Ta sẽ rỗng rảnh nối nhau ra điểm tựa
Uớm bàn chân lên nghìn bậc đá
Vác trên vai một bọc nước thần
Làm thấm lại từng đôi môi khô khát
Trồng cây hoa giữa sườn non bạc phếch
Véo chia nhau điều thuốc
Thanh thân thả lên trời những vòng khói mộng mơ.
Và nhất định lúc ấy
Anh sẽ ngồi đọc thơ
Bài thơ mới còn hăng hăng mùi nhựa
Những câu thơ sâu thấm tựa lòng
Những câu thơ làm sóng xao trong mắt
Như chiều nay
Một chiều biên giới
Chỗ anh nằm
Suối chồm tung bờm đá
Sóng thơ anh...

Quảng Hòa, 15-7-1983

Y Phương (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hứa Vinh Sước. Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1948. Quê quán: xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Người núi hoa (kịch nói, 1982); Tiếng hát tháng giêng (thơ, 1986); Lửa hồng một góc (thơ, in chung, 1987); Lời chúc (thơ, 1992); Đàn then (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học: Giải A cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ quân đội, 1984 (hai bài: Tên làng, Phòng tuyến Khau Liêu); Giải A của Hội nhà văn Việt Nam, 1987 (tập thơ Tiếng hát tháng giêng); Giải A của Hội đồng văn học dân tộc thiểu số – Hội nhà văn Việt Nam, 1992 (tập thơ Lời chúc).

TÊN LÀNG

Con là con trai của mẹ
Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
Ba mươi tuổi từ mặt trận về
Vội vàng cưới vợ

Ba mốt tuổi tập tành nhà cửa
Rào miếng vườn trồng cây rau
Hạnh phúc xinh xinh nhỏ nhỏ ban đầu
Như mặt trời mới nhô ra khỏi núi

Con là con trai của mẹ
Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
Mang trong người con sốt cao nguyên
Mang trên mình vết thương
Ơn cây cỏ quê nhà
Chứa cho con lạnh lặn

Con là con trai của mẹ
Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
Lần đầu tiên ôm tiếng khóc lên ba
Lần đầu tiên sông núi gọi ông bà
Lần đầu tiên nhóm lửa trên mặt nước

Lần đầu tiên sứ sành rạn nứt
Lần đầu tiên ý nghĩ khôn lên
Ý nghĩ khôn lên nỗi buồn thấm tháp
Bàn chân từng đạp bằng đá sắc
Trở về làng bập bẹ bước đầu tiên
Ơi cái làng của mẹ sinh con
Có ngôi nhà xây bằng đá hộc
Có con đường trâu bò vàng đen đi kìn kịt
Có niềm vui lúa chín tràn trề
Có tình yêu tan tành tiếng thác
Vang lên trời
Vọng xuống đất
Cái tên làng Hiếu Lễ của con.

Mùa xuân 1983

ANH CHIẾN SĨ ÁO CHÀM

Quế
Anh chiến sĩ áo chàm
Trán nhô
Mũi thô
Môi dày
Chân đi dép bốn hai vẫn thừa năm ngón
Nhịn đói không kêu
Ốm đau không kêu
Nhớ mẹ quá thì ngồi trên đá
Nhờ rồi khóc không cho ai biết
Trốn ra sông vẫy nước
Về lên cát hình thù dãy núi quê hương
Về lên cát mái trường phố huyện
Về lên cát nhà sàn thoáng rộng
Về lên cát người con gái cao cao
Về lên cát thằng bạn đen đen
Về lên cát con nai bú mẹ
Chỉ có cát mới hiểu được lời của Quế
Cát ấm lên tươi xốp dưới nắng vàng

Một con chuồn chuồn chớp chớp bay sang
Một chú kiến re re chạy tới
Một cọng cỏ bình yên mát rượi
Ngón tay mềm Quế vuốt, Quế thương
Nhưng nằm ở chiến trường
Vẫn bình thường như thế.

EM – CON MƯA RÀO – NGỌN LỬA

Ngày ra tuổi nhớ em
Gặp bông hoa nhớ em
Nói chuyện với người con gái cũng nhớ em
Em hiền lành
Em chậm chạp
Em đội chum rượu đến với anh
Người con gái có bàn chân to khỏe
Đạp qua bao nhiêu đau khổ
Đến với anh.

Em đã nỡ cho anh một cô nàng đa cảm nữa
Em – con mưa rào – ngọn lửa
Có em rồi đời mất dần thói xấu
Biết ăn năn trước mỗi binh mình
Khẩu súng trường qua cuộc chiến tranh
Anh bắn vỡ tảng ngực trắng xâm lược
Em là mực trong ngòi là cơm trong nồi
là gà gáy nhưng cũng là quả ớt.

Những gì anh có được
Đều bắt đầu từ em
Chờ đón em
Hạt ngô, bông lúa
Em về cấy gặt
Có em rồi làm ngấn ngày tháng Chạp
Bàn tay mềm nẩy búp trên cây
Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp.

Cao Bằng, 7-1980

TIẾNG MẸ Ẹ

Hồi ấy
Ở làng tôi
Có một người đi lính về
Quên hết tiếng Tây
Sau đó
(Chùng vài ngày)
Người mẹ thất cổ chết
Người lính vật vã khóc
Gọi:
Mẹ ơi!
Đúng giọng người làng tôi
Bà khe mỉm cười
Rồi từ từ nhắm mắt

Hùng Đình Quý (dân tộc Mông) tên khai sinh: Hùng Đình Quý. Sinh ngày 14 tháng 1 năm 1938. Quê quán: xã Tùng Vài, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

Tác phẩm đã xuất bản: Người Mông nhớ Bác Hồ (thơ, 1991); Nếu sai tôi sẽ chết không nhắm mắt (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học: Giải tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, 1994 (tập thơ Người Mông nhớ Bác Hồ).

LÀM CỎ NGÔ

Đá lâu kêu đá lâu bên sườn núi
Đá lâu gọi con gái Mông vun ngô
Ấu vấu kêu ấu vấu bên sườn đồi
Ấu vấu gọi con trai Mông cuốc cỏ.

Đá lâu kêu đá lâu tiếng giòn già
Đá lâu nhắc:
Vun ngô dưới bầu trời nắng
Cỏ cuốc phải rải ra.

Ấu vấu kêu ấu vấu tiếng giòn tan
Ấu vấu bảo:
Cuốc cỏ dưới bầu trời râm
Cỏ vun phải lấp kĩ.
Cỏ cuốc cuốc được đúng thời
Cuốc xong ngô lớn mơn mớn
Như ống thổi lửa thúc
Ngô vun vun được đúng vụ
Vun xong ngô lớn mơn mớn
Như ống thổi lửa giục.

Ống thúc thúc quả ngô to nhanh tựa sừng trâu
Làm em gái Mông
Lòng dạ phơi phơi như suối chảy
Ống giục giục quả ngô to nhanh tựa sừng bò

Làm anh trai Mông
Lòng dạ dào dạt như suối reo.

1972

QUA ĐỐC CÁN TỶ

Trời đất thật khéo sinh
Sinh được đường Cán Tỷ dốc cao
Trời đất thật khéo đẻ
Đẻ ra Cán Tỷ đường dốc đứng.

Con đường dốc quá, quá dốc
Làm anh trai Mông leo như trèo thang gác!
Con đường đứng quá, quá đứng
Làm anh trai Mông leo như trèo thang tay!

Vì dân tộc công việc vội lo
Anh trai Mông lên đường
Lúc nắng mặt trời đang còn nấp
Mặt trời đứng bóng mới leo nửa dốc,
Vì Đảng công tác cần nhiều
Anh trai Mông lên đường
Lúc nắng mặt trời đang còn ngủ
Mặt trời ngả chiều mới lên đến nơi.

Con đường, mây bò qua đèo qua núi miết
Nhưng thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh đây
Vượt trăm lần vẫn thấy chưa chán
Con đường, mây bò qua đèo qua núi hoài
Nhưng thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh này
Vượt trăm lần vẫn thấy chưa chê.

Giờ đây anh trai Mông
Lấy dốc đèo vượt qua
Xin mời đường mây hãy vênh tai nghe
Ta – người trai Mông đây còn hát
Ba mươi ba bài dân ca nữa mới thôi,
Giờ đây anh trai Mông
Lấy đèo dốc vượt hết
Xin mời đường mây hãy vênh tai nghe

Ta – người trai Mông này còn ca
Ba mươi ba bài dân ca nữa mới chịu.

1969

NGƯỜI MÔNG CÓ CHỮ

Ngày xưa
Người Mông không có chữ
Phải sống cuộc đời bi thảm
Như con ma không mẹ cha ăn của thừa.
Người Mông không có học
Phải sống cuộc đời bi đát
Như con ma mồ côi chăn trâu người.

Người Hán có chữ
Người Hán ăn không hết tài, hết phép
Người Mông không có chữ
Quanh năm suốt tháng cơ cực
Cũng không đủ lấp cái hố khát.
Người Hán có học
Người Hán ăn không hết tiền, hết của
Người Mông không có học
Quanh năm, suốt tháng cơ hàn
Cũng không đủ lấp cái hố đói.
Ngày nay,
Có Đảng, Bác Hồ dìu tay dạy
Từ nay đổi đời người Mông có chữ viết.
Có Đảng, Bác Hồ dắt tay lên
Từ nay đời đời người Mông có chữ học.

Chữ mình học là biết ngay
Chữ dạy cách làm ăn tốt, làm uống hay
Chữ mình học là biết rộng
Chữ dạy cách làm ăn tốt, làm mặc đúng.

Có chữ giúp ghi lại cuộc đời
Học chữ, người Mông nhớ công ơn Đảng không nguôi.
Có chữ giúp ghi lại cuộc sống
Học chữ, người Mông nhớ công ơn Bác Hồ mãi mãi.

1968

QUA MÃ PÌ LÈNG

Ngày xưa qua Mã Pì Lèng
Đường chữ chi chín gấp khúc
Dòng Nho Quế trôi xuôi cười nhìn ta.
Những gái tài trai giỏi
Mở đường xuyên hốc đá
Dòng Nho Quế trôi xuôi nhìn ta cười.

Ngày nay qua Mã Pì Lèng
Không còn đường chữ chi chín khúc dài
Cưỡi xe qua con đường dạo hải chơi
Dòng Nho Quế nhìn mà thèm.

Từ nay đường xe Mã Pì Lèng thông
Hạnh phúc đời đời đến
Với đất Mèo Vạc quê hương của người Mông
Từ nay đường xe Mã Pì Lèng mở
Hạnh phúc đời đời đến
Với đất Mèo Vạc quê hương của người Lô Lô.

1962

Lâm Quý (dân tộc Cao Lan) tên khai sinh: Lâm Văn Quý. Sinh ngày 18 tháng 4 năm 1947. Quê quán: xã Quang Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tác phẩm đã xuất bản: Hát về nguồn (thơ, in chung, 1981); Truyện cổ Cao Lan (1982); Điều có thật từ câu dân ca (thơ, 1988); Kó Lầu Slam (thơ, 1992, 1994); Chàng út của ông Trời (truyện thơ, 1995).

Giải thưởng văn học: Giải ba thơ Hội văn học nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh, 1979; Giải B thơ báo Văn nghệ về đề tài Dân số kế hoạch hóa gia đình, 1995.

QUÊ CỎ

Ngân ấy năm rồi dù xa quê hương
Anh vẫn thấy cỏ xòe trong nón lá
Cái màu cỏ non, em ơi khó tả
Sao cứ non nà như đôi tay ai
Mùa hoa cỏ, trời đầy hương bay
Con chim én liệng về ủ tổ
Ngân vạn rặng cửa cắt ngang chiều gió
Nắng chảy tràn về phủ tím đôi sim

Nhớ những chiều cắt cỏ chăn trâu
Hai đứa mình tìm rình bắt bướm
Con mưa ập về ướt đôi mái đầu
Riu rít chung che tàu cỏ nhỏ
Tháng sáu mẹ đi bừa về, cua đầy móm cỏ
Em chạy sang anh hái mầm rau ngổ
Bát canh riêu văng đỏ rặng mùa.

"À ơi... đất đôi chưa nắng đã khô
Ai sang quê cỏ nhớ mưa quạt gỏi..."
Tiếng ru của mẹ lượn vòng quanh nôi
Lượn ra mái đôi xòe tay che nắng
Lượn ra đồng vắng nhuộm trắng cánh cò...

Phú Thọ, 8-1977

NẾU EM BỎ ÔM CHỒNG

Nếu em bỏ ôm chồng
Anh sẽ trả cả ngàn cái hôn
Cả ngàn ngọn núi
Cả ngàn con nai, con công
Nâng em lên thành bà chúa rừng.

Nếu em bỏ ôm chồng
Anh sẽ bứt hết lá rừng
Về nấu cao màu xanh
Để nhuộm tóc cho người đời xanh mãi.

Nếu em bỏ ôm chồng
Anh sẽ làm công không
Cho hoa nở và muôn đời quả ngọt.

Nhưng tôi được trả lời:
– Anh mà nói câu nữa
Mời ra uống nước lã ngoài sân...

LỜI ANH

*"Nuôi chim bằng muối
Trả chim về trời"
(tục ngữ Cao Lan)*

Hạt muối có từ đâu?
Sinh ra từ biển mẹ!
Cái mặn trong lòng đất
Mẹ chất chiu tháng ngày.

Lời anh có từ đâu
Sao mặn mà đến thế
Tai em chẳng nghe đâu
Mà lời anh như thể
Quả ngôa mật chín ngấu
Cứ lặn vào trong ngực...

Muốn ăn nữa hết rồi
Tân ngần bên con suối
Chảy đầy trong mong đợi

Uống ngụm nước cho vơi
Nước mặn mà như muối.

Suối ơi phải lời anh
Cứ hiện về là thật
Em đã đi hết đất
Em đã đi hết trời
Chẳng nơi đâu có suối
Không chốn nào có quả
Mặn mà như lời anh.

1983

ĐÊM VÙNG CAO

Đêm vùng cao
Đèn sao mây núi
Lăn vào nhau
Ta lẫn vào đêm
Đi vơ những vì sao
Ai đuổi
Chạy tung lên nóc núi
Vấp phải tiếng ngựa hí vang lưng trời

Đêm vùng cao
Trăng liềm móc vào đỉnh núi
Kéo lên
Giò và ngọn lau
Lao xao
Gà gáy cuốc vào đêm
Vỡ ra
Trăng tan từng mảnh
Thác trắng ào qua thung...

Huyện vùng cao Trạm Tấu – Yên Bái 1993

Inrasara (dân tộc Chăm) tên khai sinh: Phú Trạng. Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1957. Quê quán: huyện Mĩ Nghiệp, tỉnh Ninh Thuận.

Tác phẩm đã xuất bản: Từ vựng tiếng Chăm (1985); Văn học Chăm I, khái luận (1994); Văn học dân gian Chăm (1995); Từ điển Chăm – Việt (viết chung, 1995); Văn học Chăm II (trường ca, 1996); Từ điển Việt – Chăm (viết chung, 1996); Tháp năng (thơ và trường ca, 1996); Sinh nhật cây xương rồng (thơ tiếng Việt và tiếng Chăm, 1997).

Giải thưởng văn học: Giải CHCPI – Sorbonne (Pháp), 1994 (Văn học Chăm I); Giải thưởng của Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, 1995 (Vấn đề văn hóa – xã hội Chăm); Giải nhất của Hội đồng dân tộc – Ban văn học dân tộc, Hội Nhà văn Việt Nam, 1996 (Trường ca Văn học Chăm II); Giải B của Hội Nhà văn Việt Nam (không có giải A), 1997 (thơ và trường ca Tháp năng).

CON ĐƯỜNG LỬA THIÊNG

Con đường vẫn trầm vọng gọi băng qua những tầng dày mờ lịch sử dưới sóng lớp phé hưng của vạn ngàn triều đại đã qua và vạn ngàn triều đại sắp tới.

Con đường vẫn trầm vọng gọi.

Dù ban trưa là ban trưa đẫm máu chiến phần

Hay dù buổi chiều từ đây khu trục bước chim non

Dù buổi tối lao lung những vong hồn lang thang lạc lõng

Hay dù ban mai đã đánh rơi niềm thanh thần tiêu dao

và xô về bao nỗi lo âu thấp thỏm hằn lên từng khuôn mặt
đã vỡ vàng.

Con đường vẫn trầm vọng gọi.

Tiếng gọi xé không gian băng sa mạc rừng rú sông hồ làng
mạc hải đảo đồng bằng

Tiếng gọi làm tắt nghẽn tiếng động rì rầm của thành phố, âm thanh của bom đạn, của phản lực cơ rền vào vòm thời đại bao
lần làm nguy cơ xô con đường vào trường say sóng.

Tiếng gọi của con đường vẫn gọi về

Dù chiến cuộc đã đẩy tới vạn ngàn đám di dân đói khát lê
chân rớt lại trên con đường bao thi thể ồm nham.

Hay dù con người đã làm đầy ứ mặt đất với những rác rưởi
của đầu óc mưu toan tổ chức địa cầu bằng hằng
sa ý hệ chiến tranh.

Hay dù nỗi lo âu thường nhật từng đổ về bao khuôn mặt vô
hồn bôn chôn khua ồn những độn ngữ độn ngôn một thời toan
làm tiếng gọi của con đường im tiếng.

Con đường vẫn trầm vọng gọi.

Trên bước chân người nông dân ban mai chiếc xe trâu lịch
kịch vào rừng.

Qua tiếng chim vỗ cánh chờ ráng đỏ chiều hôm đi về vùng
bóng tối xa xăm.

Trong tiếng gà ban trưa vang qua cõi không gian lắng đọng.
Trong tiếng chó tru ma từ thuở nào mãi dội vào vùng hoài
vọng đêm tăm.

Tiếng gọi vô ngôn vọng từ những dấu chân vô ngần tích của
những thánh nhân ngàn xưa đã đi biệt về phía con đường.

Tiếng gọi trở về cho những con người còn biết im lặng lắng
nghe hân hoan đưa bàn chân đạp lên con đường trong tiếng gọi.
Con người cuối cùng không còn biết chối từ mê cung lịch sử
trăm kha vẫn mở tâm đón nhận tiếng gọi của con đường trên
bước chân đi về miền quê hương cháy lửa.

Và con đường mãi trầm vọng gọi.

Mùa mưa, 1982

THÁP NẮNG

Biết mấy trăm năm rồi tháp đứng

Biển bên kia và cát bên này

Biết mấy vạn đời rồi tháp nắng

Trên đồi hoang

như dấu lặng

phơi bày

Không một bụi cây – không một làn mây

Bao la nắng và mênh mông cát

Âm thanh câm – thời gian vắng mặt

Trắng không gian đậm đặc tứ bề

Chuyến xe Sài Gòn - Phan Rang
 Tôi đi lại quá trăm lần
 Tháp có đó - tôi vờ như không có
 Thoáng sát na (1) không gian bùng vỡ
 Tháp hiện nguyên hình

- thân thang.

98

Từ tiếng nói, câu cười, lá cây, ngọn cỏ
Từ cánh chim vỗ động không gian
Từ nước dòng xanh đến khuôn mặt quen thân
Hay từ sợi khói chiều bay là
Tất cả đã trôi xa, tất cả đã trở thành xa lạ.

Mùa A Sấu (dân tộc Mông) tên khai sinh: Mùa A Sấu. Sinh ngày 5 tháng 8 năm 1937. Quê quán: xã Sinh Chải, huyện Tủa Chùa, tỉnh Lai Châu.

Tác phẩm đã xuất bản: Núi mọc trong mặt gương; Đường ma ly pho; Trả lại cây cho rừng xanh; Bầu sữa đỏ; Người Mông làm chủ đất nước; Núi Mây.

NÚI MỌC TRONG MẶT GƯƠNG

Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi!
Miền núi cao như bức tranh đẹp hiện trong mặt gương...
Mùa đông mây nằm chưa trôi đi, mây mùa xuân đã xà xuống.
Ngọn núi và lưng rừng nào cũng đến mùa xuân hoa đào
mới nở...

- Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi!
Tiết trời miền núi cao gió thổi mát nhẹ cả bốn mùa,
không nóng, không rét.

Đỉnh núi nào cũng có gái giỏi sống ở trăm năm
Lưng núi nào cũng có trai tài sống ở trăm xuân...
Chân núi sinh ra người thầy nổi tiếng
Ngọn núi nuôi dưỡng người già đáng quý.

- Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi!
Triển núi cao sinh ra cây vàng, lòng núi cao sinh ra măng bạc
Sông núi là nơi che chở giúp cho cây vàng đánh thắng từ số
trăm nghìn trở lên.

- Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi!
Miền núi cao một tay vỗ không kêu
Nhưng ta biết nói, họ biết làm, thì có ngày họ đến tìm,
và nhiều tay vỗ kêu.
Một chân đứng lên thì không vững
Nhưng ta biết nói, họ nghe ra thì có ngày sẽ ào ào tiến cùng
một con đường.

– Ôi, bầu trời, hơi ngọn núi cao ơi!
Núi cao là nương của ta, đồng bằng là ruộng của ta
Đất nước rộng mênh mông, người chủ do ta bằng
Quyền lực là rất to, ruộng đất do ta quản
Kẻ nào bụng không tốt tỏ lời từ trong quả bầu, ta sẽ bóp chết
ngay từ trong trứng
Tỏ lời qua khe cửa và lỗ hổng chái nhà, ta bịt ngay không để
một ai nghe thấy.
Rừng núi ơi!

Đình Sơn (dân tộc Mường) tên khai sinh: Đình Sơn. Sinh năm 1913.
Quê quán: xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Mất năm
1987 tại Nghĩa Lộ.

Tác phẩm đã xuất bản: *Tình rừng (tho); Thơ Đình Sơn (1973)*
và nhiều tác phẩm khác in trên báo.

ĐỪNG NGHE LỜI NÓI DỐI CỦA GIẶC TÂY

Đất nước chiến tranh, chìm trên cảnh không yên chỗ đậu.
Bản Mường giặc già, mọi người dân khốn khổ, đau thương.

Giặc Tây tới, chúng đốt bản đốt làng, rồi nói dối
Rằng: "Việt Minh, Cộng sản đã đầu hàng,
Chỉ còn vài đũa lang thang
Nay mai cũng sẽ hàng quan Tây!"

Chúng nói láo, bịt mồm chúng lại
Bằng lưỡi lê, bằng dao mác, cung tên
Thù nhà, thù nước, ai quên
Lúa chiêm bị đốt, còn rên bên đồng.
Anh em Mường bản thấy không?
Ta ra hỏi lúa, hỏi đồng mà xem!
Bản Mường ơi! Chớ vội tin
Đất nước ta còn rộng
Bản Mường ta còn lắm
Toàn dân ta hai mươi năm triệu kia mà.
Nào có phải như lời Tây nói dối

Chúng chiếm cả châu trên và huyện dưới
... mưu lừa bịp ta hàng.
Tin gì bọn quỷ xâm lăng
Đến đâu cướp phá, đốt làng ruộng nương
.....

Cúi đầu chịu nhục sao đành
Cùng nhau đứng dậy để giành tự do

Theo lời Đảng, theo Bác Hồ
Người người đánh giặc, cùng lo cứu Mường
Giặc tan, yên ổn bốn phương
Ta xây đất nước, bản Mường đẹp vui.

1948

(Tác giả tự dịch từ tiếng Mường.
Trích từ *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam và
Văn học các dân tộc thiểu số*)

Lò Ngân Sủn (dân tộc Dáy) tên khai sinh: Lò Ngân Sủn. Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1945. Quê quán: xã Bán Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản: Chiếc vòng bạc (truyện kí, 1987); Chiều biên giới (thơ, 1989); Những người con của núi (thơ, 1990); Đám cưới (thơ, 1992); Đường dốc (thơ, 1993); Tục ngữ Dáy (sưu tầm, biên dịch, 1994); Dòng sông mây (thơ, 1995); Chợ tình (thơ, 1995); Hư tập thể (truyện vui, 1995); Suối Pí Lè (thơ thiếu nhi, 1996); Con của núi (thơ chọn I, 1996); Lều nương (thơ, 1996); Đầu nguồn cuối nước (thơ song ngữ Dáy – Việt, 1997); Bước đầu tìm hiểu về văn hóa Dáy (1997).

Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam, 1995 (tập thơ Dòng sông mây); Tặng thưởng của Nhà xuất bản Hội nhà văn, 1996 (Con của núi – thơ chọn I); Tặng thưởng của Hội nhà văn Việt Nam, 1997 (tập thơ Lều nương).

ĐẠO CẢNH

Đường lượn một khúc ve ngân
Chầm chậm bước, chầm chậm nghỉ
Núi núi, cây cây, cỏ cỏ
Trời trời, mây mây, gió gió
Thoang thoảng bờ suối mùa nếp tan
Bất ngờ trắng khuya nở đầy tràn...

RỪNG

Rừng
âm u
tĩnh mịch
như
cô gái
đang ngủ

trong mây

Gió
đánh thức
rừng dậy
cây nổi
nhạc lá
lao xao

Rừng
cái túi
thở cảm
đựng nắng
đựng mưa
đựng hoa
đựng quả
đựng
tiếng
chim
ca

Rừng
cái váy
xòe ra
muôn sắc
muôn hoa.

CHIỀU BIÊN GIỚI

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chồi non cỏ biếc
Như rừng cây của lá
Như tình yêu đôi ta.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn
Như đầu sông đầu suối
Như đầu mây đầu gió

Như quê ta – ngọn núi
Như đất trời biên cương.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn
Khi mùa đào hoa nở
Khi mùa sở ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùa tỏa ngát hương bay.

Chiều biên giới em ơi
Rừng chẳng dây điện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta thắm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh mông.

Chiều biên giới em ơi
Đôi ta cùng chiến hào
Gắn nhau thêm bền chí
Tình yêu là vũ khí
Giữ đất trời quê hương.

Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.

Bát Xát, 1980

NGƯỜI ĐẸP

*"Ai viết tên em bằng ánh sáng
Ai vẽ hình em bằng ánh trăng"
(Dân ca Dáy)*

Người đẹp trông như tuyết
Chạm vào lại thấy nóng
Người đẹp trông như lửa
Sờ vào lại thấy mát

Người không khát –
 nhìn thấy người đẹp cũng khát
Người không đói –
 nhìn thấy người đẹp cũng đói
Người muốn chết –
 gặp người đẹp không muốn chết nữa
O!
Người đẹp là ước mơ
Treo trước mắt mọi người.

NHỮNG NGƯỜI CON CỦA NÚI

*"Chết mà vẫn đứng
Đấy là những người con của núi"*
Chúng tôi
Nhưng người con của núi
Sinh ra ở trên núi
Hít thở khi trời ở trên núi
Uống nguồn sữa mẹ ở trên núi
Tập ăn, tập nói, tập nghe, tập nhìn ở trên núi
Tập bò, tập đứng, tập đi, tập chạy ở trên núi
Ngã ở trên núi
Khóc cười ở trên núi
Chúng tôi lớn lên
Từ những cuộc phi ngựa bắn cung
Từ những cuộc tung yến tung còn
Chúng tôi biết yêu
Từ trong cuộc hát đối
Từ lúc cầm cày bừa
Từ lúc thêu thùa dệt vải
Con gái ước mình đẹp mãi
Con trai ước vươn vai một cái đã cao bằng núi
Cha mẹ chúng tôi
Là những ông già bà già trăm tuổi
Đã từng một thời ném mình qua lửa
Hích vai hất ngã kẻ trên lưng

Để bây giờ sừng sững trong dáng đứng mây bay
Nguyện đứng vững như những ngọn núi đứng âm thầm.

Chúng tôi –

Những người con của núi

Sống ào ào như thác đổ

Sống dữ dội như lốc cuốn

Quanh năm vốc nước suối rửa mặt

Quanh năm thấp ngọn lửa làm mặt trời sưởi ấm

Những người con của núi

Dù ở đâu cũng vẫn nhận ra nhau

Đã vui – như chim hót

Đã cười – tươi như hoa

Đã buồn – im như đá

Cả dáng hình cũng là cái dáng hình của núi.

Nông Viết Toại (dân tộc Tày) tên khai sinh: Nông Đình Hàn. Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1926 tại bản Nà Cọt, xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Tác phẩm đã xuất bản: SLại SLóa vít pây (Xấu xa bỏ đi, điều lành trò chuyện (thơ tiếng Tày, 1956); Kín ngày phướn khát (Ăn ngay nói thẳng, thơ tiếng Tày, 1971); Đet chang nầu (Nắng ban trưa, thơ tiếng Tày, 1976); Đoạn đường ngoặt (truyện ngắn, dịch từ tiếng Tày, tập Boong tàng tập éo, 1982).

ĐI BỘ ĐỘI

(Dịch từ bài tiếng Tày "Pây bộ đội")

Bố ơi! Con xin nói
Khỏi thua kém người ta
Con sẽ đi bộ đội
Con ghi tên hôm qua.

Con biết cha cao tuổi
Mẹ con đã mất rồi
Ba em còn thơ dại
Nào việc nhà việc đời

Nhưng, nước mất nhà tan
Con phải đi đánh giặc
Ở nhà, cha bảo ban
Chắc các em sẽ ngoan

*

Con chớ lo cho cha
Cha vẫn còn sức khỏe
Giữ ruộng nương, giữ nhà
Trông nom mồ của mẹ.

Các em đang khôn lớn
Biết chăm học chăm làm
Nhớ lấy lời mẹ dặn

Đuổi giặc
Giữ Việt Nam.

Con dâu xin phép bố
Sang bà ngoại, vay tiền
Ngày mai con nhập ngũ
Tiễn con xuôi Thái Nguyên.

Giặc Pháp gây chiến tranh
Toàn dân ta đứng dậy
Dấu tạm xa gia đình
Hẹn nhau ngày gặp lại!

Bắc Cạn, tháng 4-1952

Quách Ngọc Thiên (dân tộc Mường) tên khai sinh: Quách Ngọc Thiên. Sinh năm 1944. Quê quán: xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Tác phẩm đã xuất bản: Hồ trong mây; Nàng gió nương (thơ, 1995).

Giải thưởng văn học: Tặng thưởng của Ban văn học Dân tộc và Miền núi và Hội nhà văn Việt Nam, 1994 – 1995 (tập thơ Nàng gió nương).

NHÀ SÀN

Mời bạn lên nhà sàn
Với những cột lùn cao
Như tay nâng mặt phẳng
Lòng người tìm thấy nhau

Nơi người xưa đi qua
Để nhà sàn câu ví
Để nhà sàn rượu cần
Để nhà sàn lời ru...

Ta chẳng muốn rời xa
Đã gần, gần thêm nữa
Cứ bình thân ngọn lửa
Gió mưa chẳng dập vùi

Nơi ruộng, lúa theo người
Về nhà sàn ở lại
Nơi ngoài vườn cây trái
Kể bốn mùa gần xa.

Có dòng sông đi qua
Núi đổi hình thác đổ
Giờ lặng yên đứng đó
Nhìn nhà sàn buông neo.

TIẾNG SA QUAY

Tiếng sa quay
Râm ran nhà sàn
Trong trẻo trắng tinh sợi chỉ
Chảy tràn kẽ tay em
Trong trẻo suốt mây trắng thả
Nền nã sợi bông êm
Vòng sa tròn cọng nước
Em quay đều tiếng mưa
Ngoài vườn lâm thâm lộc biếc
Lời hát sợi chỉ xe...

4-1988

RỜI BẢN VEN SÔNG ĐÀ

Con về gặp nắng chang chang,
Gặp nền đất cũ giầu làng nơi đây.
Gió rừng cuốn những lá cây,
Xoáy tròn mặt đất bay đầy lòng thung.
Bố già trong nắng trên lưng.
Tay nâng cái cột cuối cùng nhỏ đi.
Bố ơi, bố nghĩ những gì,
Cột này khó nhọc những khi chặt về?
Hôm nào rừng động tiếng ve
Nhát riu chém vỡ trưa hè chói chang.
Một vùng tiếng gỗ đổ vang,
Nắng như rây những hạt vàng bay bay.
Đòn xeo bầy, tiếng hô hầy,
Xoắn vào với chảo kéo, lay gỗ về.
Ven sông Đà dựng nên quê,
Đêm khuya im ắng đã nghe tiếng gà
Ấm êm từ bấy có nhà
Bảo bùng chẳng sợ, mưa sa chẳng sờn.
Cột là gỗ quý đen tròn,
Dẫu người ngồi tựa đã mòn tháng năm.
Con đi năm tháng xa xăm.

Nghĩ về nhà bố nhưng thầm nỗi mong.
Ngon đèn thấp đỏ hoa *giong*
Đêm đêm mơ có điện giăng đất Mường.
Hôm nay gặp bố dời làng,
Tới vùng đất lạ, đôi quang nhà tảng.
Nhường nền cũ để nước dâng,
Cho mình sáng điện, khắp mường sao mai.
Cái ngày vui ấy nay mai.
Quên sao, giờ bố nặng vai rời làng!

1967

Ma Đình Thu (dân tộc Tày) tên khai sinh: Ma Đình Thu. Sinh năm 1943. Quê quán: xã Thanh Định, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Tác phẩm đã xuất bản: Tiếng lượn vượt đèo (thơ, 1976); Nguồn suối (thơ, 1996).

GIỮA CÁNH RỪNG

Ta đã từng đi qua
Nhưng cánh rừng nắng mưa
Bảo tố
Kẻ cười
Người khóc
Nước mắt chảy nhiều hơn sương
Có gì đáng thương
Có gì đáng sợ
Khi nhìn kẻ ác tự đào vực sâu
Ta lại oán
Mặt trời thì cao
Mặt trăng thì khuất
Ta làm người đại lãn độn sung roi?
Ta tự vấn mình là ai?
Mà ta lại trách?
Ta tự biết mình đời sẽ vui hơn
Con mắt của mình cũng sáng trong hơn
Ta bỗng biến thành con chim gõ kiến
Ở giữa cánh rừng
Với mùa màng
Mưa nắng
Buồn vui.

1978

NĂM VỒNG Ở TRƯỜNG SƠN

Đêm nằm ở Trường Sơn
Máy bay địch bay luôn
Hết bom là pháo kích
Ít có giờ lặng im
Giò đu đưa cánh vồng
Nhìn cánh lá bay bay
Ru giấc ngủ ta say
Như bàn tay ai đó
Quạt muối cho ta nằm
Đã được mấy mùa trăng
Rừng thay bao sắc lá
Không tính tháng tính năm
Cả chặng đường hành quân
Của ta đi đánh giặc
Mỗi khi ta dừng chân
Bên bờ sông, bờ suối
Ở ngàn hoa Ê – pang
Công xòe đuôi cánh múa
Phải chăng đến mùa xuân
Trong nhà rộng rộn rã
Tiếng đàn, trống vang vang
Đón mừng ngày chiến thắng
... Đến khi bừng tỉnh giấc
Nhìn cánh lá bay bay
Ru giấc ngủ ta say
Như bàn tay ai đó
Quạt muối cho ta nằm

Trường Sơn 1-1-1968

Hoàng Trung Thu (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hoàng Trung Thu.
Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1939. Quê quán: xã Hoàng Văn Thu,
huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản: Tình yêu nơi biên giới (truyện); Biên giới
mùa hoa (thơ, in chung).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng truyện viết về miền núi của
Hội Nhà văn Việt Nam, 1970 (truyện Bèo dậu lên núi).

HÔN MẶT TRỜI

Anh nhìn lá cọ thấy mặt trời chia múi
Nhìn đôi chè thấy mặt trời tỏa tán lá tươi xanh
Nhìn suối trong thấy mặt trời tròn hạt ngọc long lanh
Nhìn em thấy mặt trời lặn vào đáy mắt
Và anh hôn lên những mặt trời

Vương Trung (dân tộc Thái) tên khai sinh: Luồng Văn Trung. Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1938. Quê quán: xã Mường E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản: *Ing-éng (thơ, tiếng dân tộc và dịch tiếng phổ thông, 1967)*; *Sóng Nậm Rốm (thơ, 1979)*; *Mối tình Mường Sinh (tiểu thuyết, 1994)*.

Giải thưởng văn học: Giải B do Sở Văn hóa khu tự trị Thái Mèo tặng, 1958 (bài thơ: Ngắm hót Mường Húa – Nhớ đến Mường Húa); Giải A giải thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, 1995 (tiểu thuyết Mối tình Mường Sinh).

NÚI, MÂY VÀ ĐÀN BÒ

Núi trùng trùng điệp điệp hóa mây
Mây trùng trùng điệp điệp hóa núi
Đàn bò cưỡi lưng núi cũng là cưỡi lưng mây
Tình sương, núi và mây công đàn bò đi
Chiều hôm, núi và mây công đàn bò lại
Núi, mây dừng bên trại
Đợi bò cho máy vắt bầu sữa căng
Và lim dim nhai lại cỏ
Tình sương núi, mây lại công đàn bò lên.

5-1973

THỜI GIAN

Cứ mơ đi! Mặt trời sắp lặn
Cứ mơ đi! Mặt trời sắp lên
Đã mơ... mơ...! Được hay mất?
Cảnh đời chẳng dễ phai
Thành đạt không dễ có
Ong giỏi thì mặt nhiều.

1984

CHIẾC KHĂN

Vừa bắn máy bay đứt đầu nát đuôi
Ánh lửa hồng chưa nguội
Anh lại sắp xa em đi bộ đội

Anh đi, chẳng có gì
Để nhìn khi thương nhớ
Em viên đôi mép khăn
Vải nơi khung cửa nhỏ...

Lúc tâm tình nỉ non
Chỉ vàng thêu tia nắng
Ban chiều chênh chếch soi
Chỉ hồng thêu cây súng
Sàn cao bắn máy bay:
Chỉ đỏ và chỉ tím
Thêu quạ Mỹ cháy bùng
Giữa trời như sao chổi,
Chỉ đào và chỉ xanh
Thêu hình anh cầm súng
Đứng trên xác giặc thù
Ngã dài đen khói cuộn
Xin tặng chiếc khăn này
Anh nhìn anh thương nhớ

Bon Phặng 24-12-1966

NÚI

Núi chen núi đua cao
Núi trào non chồng chất.
Muôn đời mây rủ núi đi núi không đi
Mặc mây đi, núi ở lại
Bởi mây không có rễ, mây bay
Núi có nhà, núi ở
Gây cơ đồ chẳng ngơi.
Mùa đông núi xanh thẫm
Thẫm lặng nghĩ mênh mông

Cần thêm bao của quý?
Mùa xuân núi sinh sôi
Và điểm trang duyên dáng
Hạ – Thu vỗ cây non.

Núi cười đón nắng sớm
Sưởi ấm gốc cỏ cây.
Núi chào mừng gió mát
Uyển chuyển mùa cảnh vui.
Núi mời chim ca hát
Quanh năm thán rộ rạo,
Nhưng khi gió bão bùng
Núi vững vàng ngăn lại.
Trăng vịn vai dịu dàng rủ nghiêng chẳng nghiêng
Mặt trời chiều níu lưng bão ngã không ngã
Sao xoa đầu dỗ ngủ núi vẫn không nghe
Vững lòng lo cuộc đời giàu mạnh.

Mường Lay, 27-5-1971

Dương Thuấn (dân tộc Tày) tên khai sinh: Dương Thuấn. Sinh ngày 7 tháng 7 năm 1959. Quê quán: xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn.

Tác phẩm đã xuất bản: Cưỡi ngựa đi săn (thơ, 1991); Đi tìm bóng núi (thơ, 1994); Đi ngược mặt trời (thơ, 1995); Con cô làm dâu (thơ song ngữ Tày – Việt, 1995); Bài học mùa hè (tập truyện, 1996); Bà lão và chích chòe (thơ, 1997).

Giải thưởng văn học: Giải khuyến khích cuộc thi thơ của tạp chí Văn nghệ quân đội, 1989 – 1990 (bài thơ Lá giầu); Giải A Văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam, 1992 (tập thơ Cưỡi ngựa đi săn).

LÁ GIÀU¹

Sớm mai anh xuống núi
Lá giầu em rọc đôi
Nửa em ủ dưới gối
Nửa anh mang về xuôi

Anh đi cắt cho kĩ
Kèo có kẻ rình mò
Nhờ có người nhìn thấy
Họ biết lại cười cho

Anh giữ lành anh nhé
Thơm cay một lá giầu
Nếu để rơi một nửa
Làm nửa lá kia đau.

1989

ĐI TÌM BÓNG NÚI

Bây giờ ngựa về tàu² khác

-
1. Giải khuyến khích cuộc thi thơ 1989–1990 của tạp chí Văn nghệ quân đội.
 2. Tàu mạ (tiếng Tày) nghĩa là chuồng ngựa.

Một mình anh ôm câu hát
Đi tìm bóng núi ngày xưa
Bây giờ không còn cơn mưa
Hai đứa đội chung tàu lá
Bây giờ không còn mùa hạ
Góc chiều đỏ chín chờ mong
Bây giờ em đã theo chồng
Lên núi phát nương tra lúa
Bây giờ buồng hờ nổi nhớ
Anh lang thang giữa loài người.

ĂN THEO NƯỚC

Người làm nương ăn theo lửa
Người làm đồng ăn theo nước
Sinh ra tắm nước thơm
Mới là con của mẹ
Lớn lên tắm nước sông
Mới thành người của làng
Đóng con tàu đi ra bể
Tắm giữa đại dương
Mới thành người của muôn nơi.

Biển Đông, 18-4-1996

CỤC TÌNH

Cái cây tình ái cong queo
Ai chẳng muốn trèo
Trèo lên lòng lại rối tình
Cành thì thẳng
Cành thì cụt
Cành thì cong
La đà...

Bước lên chôn gối
Bước xuống mắt hoa

Ngó đi ngó lại
Chẳng qua chặt liễu.

Đem về thày mẹ lại than phiền
Rằng mối
Rằng mọt
Hãy nghiền nó ra...

Cực tình
Ai dễ đứng xa
Kẻ mong lên
Người mong xuống
Biết cây là cong queo.

Vi Văn Thửa *dân tộc Thái.*

THAY ÁO

Áo chàm em làm nương
Chiều về thay áo tím
Cửa buồng chưa khép kín
Sao anh lại trộm nhìn?...

Đừng nhìn Em. "Em thẹn"
Đừng liếc Em. "Em rầy"
Bởi tình ta chưa hẹn
Nên áo này phải thay!

Áo tím em mới may
Chưa dính vào hạt bụi
Chưa vướng một áng mây
Chưa một lần ai phủi...

Áo in hình của núi
Áo giữ mùi của nương
Sao Em không may túi?
Cho Anh đựng tình thương!

Con Cường 1988

GỬI ANH QUA VẦN THƠ VIỆT BẮC

Kính tặng nhà thơ Nông Quốc Chấn

Anh gửi cho ai? "Tiếng ca người Việt Bắc!"
Đọc nửa chừng sung sướng quá đi thôi
Thương nhau nhiều qua dòng thơ cách mạng
Ngàn tiếng yêu thương để lại cho đời...

"Tiếng ca người Việt Bắc" để cho ai?
Hương vị quê hương, thơm đóa hoa nhài

Nghe những nhịp hành quân qua thời đại
Đôi cánh tâm hồn bay đến sao mai.

Anh gửi cho ai? Vần thơ xuân
Sưởi ấm lòng ta thấm thiết Thái - Nùng!
Hai dân tộc chung bài ca tụng
Cùng mẹ yêu thương đề lớp anh hùng

Em biết quê anh ở miền ngoài
Nơi ươm mầm cách mạng thuở sơ khai
Nghệ Tĩnh quê em vào buổi ấy
Xô Viết phong trào liêm búa kẻ vai!

Cầm Vĩnh Ui *dân tộc Thái.*

NHỚ VỢ

Tôi nhớ vợ tôi lắm
Xin anh về hai ngày
Nhà tôi ở Mường Lay
Có con sông Nậm Rốm
Ngày kia tôi sẽ đến
Lại cầm súng được ngay
Tôi còng bắn đúng Tây
Vì tay có hơi vợ
Cho tôi đi, đừng sợ
Tôi không chết được đâu
Vì vợ tôi lúc nào
Cũng mong chồng mạnh khỏe
Cho tôi đi anh nhé
Về ôm vợ hai đêm
Vợ tôi nó sẽ khen
Chồng em nên người giỏi
Ngày kia tôi về tới
Được đi đánh cái đồn
Hay được đi chống càn
Là thế nào cũng thắng
Nếu có được trên tưng
Cho một cái bằng khen
Tôi sẽ rọc đôi liên
Gửi cho vợ một nửa.

Bạc Văn Ủi *dân tộc Thái.*

EM TẮM

Sao anh lại rình
Trộm xem em tắm
Da của em ngân trắng
Da cha mẹ cho em
Tay của em lấm lem
Tay của than của bụi
Tay của rừng, của núi
Tay của đất, của nương
Em tắm xong lại sạch
Vẫn ngát thơm hoa rừng
Da của em trắng ngân
Là của anh tất cả
Không phải người xa lạ
Việc gì mà trộm xem
Em tắm suối giữa rừng
Tắm trong mối yêu thương
Có anh đang đứng giữ
Chớ để Tây đến rừng.

Cầm Bá Lai (dân tộc Thái) tên khai sinh: Cầm Bá Lai. Sinh ngày 6 tháng 1 năm 1950. Quê quán: xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Mất ngày 7 tháng 10 năm 1988.

Tác phẩm đã xuất bản: Hoa và nắng (thơ, 1997).

Giải thưởng văn học: Giải B Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1997 (tập thơ Hoa và nắng).

CỦ NÂU

Bè nâu chiều nay vượt thác về đâu
Lạch Bạng, Hải Thanh hay xuôi Diêm Phố?
Hắt xuống sông xanh cả nắng trời cháy đỏ
Bọt trắng tung lên thấp thoáng bóng sào.

Tựa đàn lợn con lúc lúu những chuồng nâu
Tình biển tình rừng bao đời đắm thắm
Chiếc quần nâu, lưới riu vung sáng loáng
Chiếc váy nâu, chang chang nắng đồng sâu.

Lắm thứ cây mế cạo vỏ ăn trâu
Lắm thứ lá bố nấu chài nhuộm lưới
Củ nâu, củ nâu, lẫn lóc nơi khe suối
Thách thức gió khơi, kiêu hãnh cánh bướm.

Củ nâu thiêng liêng trong lòng chúng con
Bồi bèn chặt với đời và với mẹ

Những củ nâu lớn ngồn vỏ sần sùi
Giữ bền cánh bướm, nhuộm tươi màu áo
Bổ đôi trên tay. Ruột nâu ứa máu
Nuôi sống bản chòm bao vụ đói rừng Si.

Màu nâu thân như tiếng khèn bè, quen như câu quan họ
Bà yêu ông – áo nhuộm nâu non.

Cơm trộn bã nâu mẹ nắm nhường con
Cả bản cả chòm chưa ai quên vị chất

Hạt cơm nâu thơm mỗi khi giáp hạt
Bổ đôi trên tay. Ruột nâu ứa máu tươi.

Những củ nâu lẫn lóc sản sùi
Tình đất, tình rừng, tình người đắm thắm
Nhìn những bè nâu nối nhau về biển
Lòng tôi căng buồm.

Hàm Rồng, 21-9-1986

BUỒN!

Buồn. Chiều nay hết rượu
Buồn. Bạn ta chưa sang
Buồn. Ngày mai hết tiền
Mẹ con lại lo lắng
Nhưng điều chưa quan trọng
Buồn nhất các con ơi
Lòng người chưa đứng thẳng.

31-10-1986

Bùi Nhị Lê (dân tộc Tày) tên khai sinh: Bùi Nhị Lê. Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1943. Quê quán: xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Tác phẩm đã xuất bản: Mỗi dốc một yêu (truyện kí, in chung); Đến hẹn (tho, in chung); Bản mừng trông trăng (truyện kí, in chung); Giương tuổi (tho)...

HÁT QUANH BẾP LỬA

Ở quê tôi nhà sàn nào cũng hồng bếp lửa
Qua ngày, thâu đêm

Con gái mừng lạ đến thăm
Xòe bàn tay trên ngọn lửa
Trai mừng thập thò liếp cửa
Ngồi bên ngoài rít thuốc Lào thật kêu

Đêm ấy là đêm nào
Đám con trai rúc rích bàn nhau lời chào bạn gái
Với lời xường:

"... Quê em trên com, dưới cá
Trắng xóa nương bông
Cầu qua khe như cầu vồng
Muốn thăm mừng em, ngại cầu trơn trượt ngã..."

Ngọn lửa bếp em thẹn thùng không cháy nữa
Rì rầm, rì rầm
Như gần như xa:

"... Nghe nói mừng ta đẹp lắm
Một lần xúc được đôi cá trắm
Mỗi cây ngô bông bé những hai buồng..."

Ngọn lửa bếp ngoài
Ngọn lửa bếp trong
Âm âm giọng con gái hỏi thăm:
"Mừng anh lúa chín chưa có ai gặt?"

Ngút ngát giọng con trai đáp:
"Mường em lúa gặt chưa có người gánh về"
Ngọn lửa lập lòe, lập lòe
Trai gái nhìn nhau qua giọng hát
Đêm này rồi đêm khác
Bếp vui vào tro những ánh mắt than hồng.
(Xuân Giáp Tuất)

BÀI CA LÒNG SÁN¹

I

Dưới thung hoa tím rung rinh khoe mình
trong nắng. Tiếng hát họa mi và tiếng
trẻ đọc bài ngân vang. Mãi yêu hoa
và ngắm cảnh bình minh đất nước,
cảm thấy tim đập niềm vui
xốn xang.

Khoác ba lô lên vai ngược nhìn Lòng Sán,
chỉ thấy núi chọc trời và tầng tầng
mây phủ. Cái tò mò bởi vì cái lạ.
Gặp mạch nước vực đầu xuống uống
Nước mát trong, chảy tràn trên mặt.
Làn tóc mỏng trơn sóng rêu. Rồi xốc
ba lô trèo lên dốc. Móng chân găm vào
đá đất. Đất đau, đất rừng mình thương
vết xước. Đất trên núi cứ dẫn lên cao,
về phía những vì sao.

II

Lòng Sán ơi, có phải Lòng Sán? Mảnh đất
của thần của tiên? Tùng mfei đã múa
ba ngàn sáu trăm bài khèn cái tử hoàn
sinh cho muôn loài trở về làm đời bình yên.
Tiếng khèn Tùng mfei vang vọng và âm
thầm xuyên chín tầng mây rung ngai
Ngọc Hoàng phải nhỏ nước mắt làm
mưa, xuyên vào tận tầng sâu động

1. *Lòng Sán* có nghĩa là đất thần.

trái tim thần linh buộc thả số phận
cho con người định đoạt tự do.
Xuyên vào kí ức người già, trẻ thơ
soi lại ngày xưa và giống vào mai sau.
Cho ta tung hoành cuộc sống Lũng Sán
cao cao mà cuộn cuộn sóng dòng sông.

III

Bước tới cổng Lũng Sán, lớp lớp mây vờn tí
tấp dưới chân. Lại ngược lên, đỉnh Lũng Sán
hãy còn cao. Làn làn gió mang âm khèn Tùng mfrei
thổi phồng cánh áo. Phanhtung lồng ngực
và phóng tầm mắt vào bể sâu
chiều dài chiều rộng, mới ngỡ ngàng vui
sương ôm lấy đất trên mênh mông.
Xin hôn lên những bàn chân dính đầy bùn đất,
Xin hôn lên những bàn tay tạo màu chàm ngân ngất.
Xin hôn lên những vàng trán trong mái tóc xanh rì,
Xin được tắm mình trong hiền lành giản dị,
Thức khuya bên bếp lửa đỏ trò chuyện,
nghe tiếng khèn rộn ràng hòa với tiếng
đọc bài vang vang, bỗng nhận ra đất
và người ở đây đều là tiên.

Sin-ma-cai, mùa thu 1976

NẮNG

Mẹ cha sinh, nắng có tự bao giờ
Cào ngực mẹ tôi nhảy dòng sữa trắng
Cha cầm lều trên nương, tôi đùa với nắng.

Ngồi lưng trâu, mắt vui cùng lũng vắng
Tiếng sáo bay, chim bướm kéo về nghe
Có hay đâu, đêm ngày trôi nhanh thế
Ngửa mặt lên, tôi say uống nắng vàng.

Tuổi thanh niên khoác súng trên vai cùng chúng bạn
Đôi chân dẻo, sải dài theo đất nước
Đi đến nơi đời ta hằng mong ước
Ở trên đầu chói mênh mang.

Có những khi buồn vui lẫn lộn
Tâm hồn như có đám mây che
Nắng lại tỏa, xua tan u ám
Trong lòng ta sắc nắng tràn trề.

Cuộc sống này sinh sôi vì có nắng
Nắng đậu trên môi, nụ cười tươi rạng
Nắng reo vui trên cờ đỏ sao vàng
Nắng nào đẹp hơn – nắng Việt Nam!

ĐÁ Ở SA PA

Đá!
Rất nhiều đá
Đâu đâu cũng đá.
Đá nằm như... hổ rình mồi
Đá đứng như trâu gặm cỏ
Đá vươn như ngựa phi giữa nắng chiều tà.
Từ đá
Vụt lên những bông hoa nhỏ nhoi
Chúng tôi gọi là hoa bất tử.
Từ đá
Mọc lên những rừng đào trĩu quả
Chúng tôi kêu đào vạn thọ.
Từ đá
Sinh ra những chàng thi sĩ
Hát ca về đất trời – tình yêu của mình.

20-2-1986

Mai Liễu (dân tộc Tày) tên khai sinh: *Ma Văn Liễu*. Sinh ngày 12 tháng 1 năm 1950. Quê quán: xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Tác phẩm đã xuất bản: Suối làng (thơ, 1994); Mây vẫn bay về núi (thơ, 1995); Lời then ai thuộc (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng Tân Trào của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, 1991–1995 (tập thơ Suối làng); Giải thưởng của Hội đồng Văn học dân tộc và miền núi, Hội nhà văn Việt Nam cũng cho tập thơ Suối làng; Giải thưởng tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, 1996 (tập thơ Lời then ai thuộc).

LỜI MẸ

Ngày còn bé
Mẹ bảo:
Quả ớt cay ăn được cả vỏ
Quả chuối ngọt bóc vỏ bỏ đi!
Lớn lên
Xa mẹ cứ mãi đi
Mãi mê sống, mãi mê vui chơi, mãi mê làm lụng
Lời mẹ dặn đã ngấm vào trong máu
Ngờ đâu lại có lúc vô tình
Ta chẳng nhớ:
Quả ớt cay vẫn ăn được cả vỏ
Quả chuối ngọt phải bóc vỏ bỏ đi!
Mẹ đã già lúc nhớ lúc quên
Các con ta sắp qua ngày thơ bé
Biết dặn chúng thế nào?
Chính ta đã có lúc u mê mà đánh rơi lời mẹ
Khi cảm lên: Lấm láp, bụi, bùn...
Không nhẽ để nguyên như thế trao cho con?

5-1995

LẶNG THÂM

Niềm vui không đo bằng thước bằng cân
Niềm vui đựng bằng hốc mắt.

Người già hốc mắt sâu
Người trẻ hốc mắt nông
Niềm vui bất chợt đầy lên
Vỡ thành giọt lệ

Rơi

Vào vạt áo

Vào khăn

Lặng lẽ

Ấy là khi

Người mẹ đón con

Người vợ đón chồng

Từ mặt trận trở về...

- Vợ tôi một lần có niềm vui như thế

- Mẹ tôi bốn lần có niềm vui như thế!

Đất nước sau chiến tranh

Bao nhiêu người đàn bà có niềm vui như thế?

Nhưng cũng còn bao nhiêu hốc mắt trũng sâu như năm tháng
đợi chờ?

Nhưng giọt lệ buồn không vỡ ra từ đó

Cứ đêm đêm thấm lặng nhỏ vào tim...

9-1993

MÙA BÔNG

Thấy em mê mãi với vườn bông
Tôi sốt ruột vịn cọc rào, thăm đếm

Một mùa bông

Hai mùa bông

Con gái đi lấy chồng

Gánh theo mấy mùa bông trắng?

Thấy em thức những đêm đông

Dệt tình vào vuông thổ cẩm

Tôi chẳng dám hẹn hò, lại đếm:

Một mùa đông
Hai mùa đông
Con gái đi lấy chồng
Gánh theo mấy mùa thao thức?...
Ngày tiễn em đi làm dâu bản khác
Người ta gánh theo mười hòm thổ cẩm...
Tôi về gom lại quả bông khô mà đốt
Lửa màu thổ cẩm cháy lan man.

20-3-1998

LÚC LẮC

Quả đài hái treo cành sáu cành sáng
Gió mưa lúc lắc!
Con sóc bay tìm đến đánh đu
Con cây hương mò về đánh vòng
Quả tim treo trong vòng ngực em
Không gió không mưa
Lúc lắc
Đu vào chao đảo đời anh!

11-1994

Chu Thùy Liên (dân tộc Hà Nhì) tên khai sinh: Chu Tá Nộ. Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1966. Quê quán: xã Chung Chải, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Tác phẩm đã xuất bản: Một số bài thơ đăng trên các báo trung ương và địa phương.

LỬA SÀN HOA

Khách đến bản
Lúng liếng ra chào
Nghênh sàn
Dựng đất
Măng đắng
Rượu nhạt
Chén rửa mặt
Lẩu sơ¹
Chén rửa chân tay
Lẩu sơ
Noọng Xao ơi²
Hoa ban trắng nở
Tỏa men nồng trời đất
Hương sắc núi rừng
Vòng xòe ngắt ngây
Tay nắm chặt tay
Xòe xuôi
Xòe ngược
Chum rượu cần vơi
Đêm hội tan cuộc
Hương ban theo nhau vào giấc ngủ
Lời yêu trong piêu đời piêu nhớ
Em – lửa sàn hoa
Hơ áo người đi xa!

1. *Lẩu sơ*: rượu cất nước đầu.

2. *Noọng xao*: em gái.

Ka Sô Liêng (dân tộc Chăm H'roi) tên khai sinh: Ka Sô Liêng. Sinh ngày 7 tháng 8 năm 1936. Quê quán: huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Tác phẩm đã xuất bản: Xing Chi ôn (trường ca, 1993).

Giải thưởng văn học: Giải khuyến khích của Hội văn nghệ dân gian, 1993 (trường ca Xing Chi ôn).

CÁNH CHIM

Con chim có hai cánh
Bay lên tận những tầng mây xanh
Bay qua trăm cánh rừng
Bay qua trời bão nổi
Bay qua trời mưa sa
Nhìn chim bay
Đã mấy ai nhận ra
Nó có đôi chân nhỏ xíu.

Đôi cánh đưa chim lên cao
Để thấy những khoảng cao xanh kì diệu
Con chim, không bao giờ quên
Mặt đất nuôi sống mình
Và khi chim mỗi cánh bay về
Đôi chân chim nhỏ bé kiên trì
Lại im lặng đưa chim đi vững vàng từng bước
Chim lại xòe đôi cánh bay cao...

Phú Yên, 1981

CON LẠCH

Hai tảng đá ngồi châu đầu
Giống hai con gà khổng lồ
Đang thủ thế đá nhau
Ở giữa có con lạch

Nước chảy rì rào như thác
Tôi đi đâu cũng qua lối này
Phải leo lên đầu tảng đá bên kia.
Như leo qua núi ngày nắng
Lội qua lạch nước chảy xiết
Như qua suối mùa mưa
Lại leo lên đầu tảng đá bên này
Cũng cao không kém
Mới bước được lên bờ
Ồi con lạch sao mà to và hiểm hóc.

Hơn hai mươi năm đánh giặc
Nay tôi trở về
Vẫn thấy hai tảng đá ngồi châu đầu
Giống hai con gà thân thuộc
Vẫn con lạch năm xưa chảy rì rào trong vát
Sao bây giờ nhỏ và hẹp vậy
Tôi qua chỉ mấy bước chân
Con lạch tuổi thơ chẳng bé đi đâu
Chỉ tám mắt và bước chân của mình đã lớn lên cùng Đất nước
Nhưng tôi đi đến cùng trời
Vẫn thấy tảng đá con gà trong tám mắt
Tôi đi tận cuối đất
Vẫn nghe con lạch rì rào chảy mãi trong tim.

Tây Sơn 5-1983

Bế Thành Long (dân tộc Tày) tên khai sinh: *Bế Thành Long*. Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1938. Quê quán: thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Cỏ may (tho, 1996).

Giải thưởng văn học: Tặng phẩm truyện ngắn hay năm 1988 của tạp chí Văn nghệ quân đội.

THẢO NGUYÊN XANH

Thảo nguyên xanh
Nơi ấy
Con bò không biết mình đường bệ
Đeo bầu vú nặng
Theo bầy chúc mũi nó đi nghiêng
Gặm vào mênh mông
Bầu trời – khoảng trống
Cái mênh mông ở dưới vai em
Và cô gái chấn bò vô tình chống nạnh
Thảo nguyên cứ thế đứng dung xanh.

HƯ KHÔNG

. . . Về trong mộng
Mái chèo nước đục
Bãi bờ khô xác gió hoa lau...
Em chẳng nói gì
Ta cũng chẳng nói gì
Đất nhẹ nở đầy hoa cúc dại
Hương thơm khắc khổ vậy ư?
Em có dịu dàng nữa đâu mà anh đợi
Em về thoáng nhẹ
Áo trắng ngày xưa lạnh mỏng manh

Đừng hỏi em
Anh biết -- đừng hỏi em
Tay nắm bắt vô cùng trắng sáng nhạt
Bãi bờ khô xác gió hoa lau...

Đoàn Lư (dân tộc Tày) tên khai sinh: Đoàn Lư. Sinh năm 1959. Quê quán: huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Miếng hiềm cuối cùng (truyện, 1995); Trăng rừng (truyện, 1996); Kỷ niệm về một dòng sông (truyện, 1997); Tướng cướp hoàn lương (truyện, 1997); Mùa Khẩu Lam (tho, 1997); Ngựa hoang lột xác (truyện, 1998).

Giải thưởng văn học: Giải ba văn học thiếu nhi trong cuộc thi "Vì tương lai đất nước" lần 2 (tập truyện Kỷ niệm về một dòng sông); Giải ba văn học thiếu nhi của Nxb Kim Đồng, 1997 (tập truyện Tướng cướp hoàn lương).

CỐI GIÃ GẠO

Bên bờ suối
Út... búp... xòa
Út... búp... xòa
Cối giã gạo
Giúp cả nhà
Suốt ngày đêm
Không ngại ngại
Cối thương chị
Bạn học bài
Thương em trai
Chăn trâu mệt
Cối cũng biết
Bố bận nhiều
Mẹ sớm chiều
Chăm ruộng, rẫy
Cối cũng thấy
Ông còng lưng
Đi run chân
Tay đã mỏi
Thương bà nội
Mắt đã nhòa...
Út... búp... xòa

Út... búp... xòa
Cối làm ra
Hạt gạo trắng
Dù trời nắng
Dù mưa ngâu
Mặc đêm thâu
Cối không nghỉ.

Cao Bằng, 1996

Đinh Đăng Lượng *dân tộc Mường.*

ĐƯỜNG LÀNG TA

(Theo điệu hát ví)

Anh ơi! Đường làng ta
Như đường tơ nối trăm nhà
Bờ tre che nắng, rặng hoa bông chinh¹
Bông chinh đỏ đỏ xinh xinh
Bờ tre rung trống rập rinh âm vang
Nhớ sao hôm ấy – đường làng
Mặt trời lên rắc nắng vàng lung linh
Con trai con gái làng mình
Đưa chân nhau đến sân đình – anh đi
Anh đi em biết tặng gì?
Tặng dây em tết để khi mắc màn...
Bông chinh đỏ trong đường làng
Ngoài đình trống giục vang vang
Vườn cau bóng ngả hàng hàng lay lay
Bông chinh đọng giọt sương mai
Bờ tre kéo kệt – ngỡ ai ngó mình
Sáng nay, đường tới sân đình
Tiễn em trai, quãng đường mình... ngày xưa
Bông chinh đón nắng đung đưa
Măng tre ngày ấy bây giờ vừa cao.

Tháng 9 năm 1974

1. *Bông chinh*: hoa dâm bụt.

HỘI CÔNG MÙA XUÂN

Đón đón: ở chợ Phương Lâm
Đất mừng náo nức mùa xuân hội công
Nghìn con suối đổ về sông
Trăm mừng con gái xách công đưa chen.

Chợ đông mắt cũng no nhìn
Bầm ơi, con gái quê mình đánh chiêng!
Lung xanh, váy lĩnh, áo troàng
Trái đào, dây bạc, vòng trăm rung reng...

Bung bung... chiêng khó bay ngang
Boong boong... chiêng chót vút sang cuối trời
Chiêng khảm ngân giọng bồi hồi
Chiêng boong beng nói bao lời ước mong...

Theo người, chiêng đến với sông
Đến trong tiếng máy hòa âm sớm chiều
Đôi bờ ngô lúa đua reo
Con đường uốn éo lượn theo tiếng công.

Chuyến đò vẫn một vòng cung
Sang ngang, uốn mãi tiếng công ngân nga
Bạn – người từ mãi nước Nga
Dừng xe, đứng cạnh Sông Đà nghe chiêng.

Nương xanh tiếng ngọc bay nghiêng
Lời vàng tươi mát khắp trên mặt bằng
Tiếng đàn lấy điệu thường rang
Lời nâng giọng ví em sang với người

Dàn chiêng tan hợp bao đời
Tiếng bay đi mãi, hôm nay trở về
Dấu mai máy móc bộn bề
Dàn chiêng vẫn đợi vẫn nghe tay người.

Miệng em hát tay múa dùi
Tung lời chiêng gọi đất trời mùa xuân
Trái đào bên những mặt trăng
Sáng xuân về cả Phương Lâm với người.

Phương Lâm 9-1977

Triệu Kim Văn (dân tộc Dao) tên khai sinh: Triệu Kim Văn. Sinh ngày 14 tháng 7 năm 1945. Quê quán: xã Cao Sơn, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn.

Tác phẩm đã xuất bản: Hoa núi (thơ, 1990); Mùa sa nhân (thơ, 1994).

Giải thưởng văn học: Giải chính thức Ban Văn học dân tộc và miền núi của Hội Nhà văn Việt Nam, 1995 (tập thơ Mùa sa nhân).

MÙA SA NHÂN

Tháng bảy

Mùa sa nhân chín...

Chờ tháng bảy

Ta rủ nhau vào rừng

Rừng bạt ngàn mênh mông

Cây lúa trên nương làn bông đầu ngọn

Quả sa nhân dưới gốc thấp mặt trời.

Trai gái nhanh tay

Tiếng gọi vọng khắp đồi

Mà em cứ cúi tìm những ước mơ nho nhỏ

Những nẹp chỉ màu sợi mềm thật đỏ

Những bông "gình gâu"¹

Mọc từng chùm từng chùm

Mọc lên ngực non.

Tháng giêng này nở một bông mẫu đơn

Anh hái lần bông mặt trời

Đỏ ngực tròn rực rỡ.

7-1992

1. Gình gâu: những gù vải đỏ đính ở hai bên ngực áo của phụ nữ Dao đỏ.

NẾU TÔI CHẾT

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Để hồn tôi tìm lại chiếc nhau mình¹
Trong lồng nhỏ mẹ tôi treo bờ suối
Cành cây giờ đã vươn xanh.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Để lòng tôi như mây gió phiêu diêu
Nơi hoang dã uống nước từ bụng đá
Đêm bập bùng ngọn lửa mái lều xiêu.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Được hồn nhiên chui hốc luồn rừng
Thu lượm hái bắt nhông đào nhộng mót
Đi săn về cả bản vui chung.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Với cha ông lại cầm búa, cầm dao
Bàn tổ chỉ có băng vân làm bấu²
Sống một đời thanh thản chốn non cao.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Nắm mở hoang lợt giữa đại ngàn
Cho cát bụi lại trở về cát bụi
Như thuở xưa ngày ấy họ Bàn

1991

CƯỜI MÙA HẠ

Người ta bảo
Mùa xuân là mùa của tình yêu
Chúng mình lại cười nhau vào mùa hạ
Có phải rồi cuộc đời vất vả
Coi nhau như mặt trăng, mặt trời?...

-
1. Tục cho nhau vào giỏ treo lên cây của người Dao.
 2. Băng vân: quá sơn băng vân, một loại chứng chỉ của các thời đại xưa lưu truyền trong người Dao.

Nhưng chúng mình vẫn yêu nhau đấy thôi
Dẫu có lúc giận hờn tí chút
Dẫu cuộc đời nhà tranh vách đất
Đồng lương đủ tiền hôm trước hôm sau
Dù sao chúng mình vẫn cứ yêu nhau
Mười hai ngù vải đỏ suốt bốn mùa vẫn đỏ¹
Khi xa thấp nỗi nhớ
Khi gần như lửa nhen
Tình yêu có chia mùa đâu em?

LỜI MÙA XUÂN

Đất nói lời mùa xuân
Bằng hạt mầm tách vỏ

Cây nói lời mùa xuân
Bằng chồi non khê nhú

Suối nói lời mùa xuân
Bằng rì rào khe đá

Mây nói lời mùa xuân
Bằng những làn mưa bụi

Em nói lời mùa xuân
Bằng long lanh mắt đợi

1986

1. Áo người Dao có 12 ngù len đỏ 2 bên ngực áo.

Lò Vũ Văn (dân tộc Thái) tên khai sinh: Lò Vũ Văn. Sinh ngày 19 tháng 8 năm 1943. Quê quán: xã Cao Đa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản: Vòng xòe (thơ, in chung, 1980).

Giải thưởng văn học: Giải ba cuộc thi truyện ngắn Sơn La.

XUÂN BẢN THẦN

Tết
Cái vui
Sôi lên
Từ
Hũ rượu cần
Bụng trống
Vú chiêng
Rung lên
Mái nhà sàn
Chao đảo
Đỉnh núi cao
Lúc lắc
Măng vầu
Măng sắt
Dòng tai
Đón
Mưa
Roi

1-1996

Hơ Vê (dân tộc Hrê) tên khai sinh: Hy Nga. Sinh ngày 30 tháng 12 năm 1948. Quê quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Tác phẩm đã xuất bản: Đóa hoa rừng (thơ, 1992); Tất cả cho anh (thơ, 1994).

Giải thưởng văn học: Giải B Hội Nhà văn Việt Nam, 1992 (tập thơ Đóa hoa rừng).

THƯƠNG LẮM NHỚ NHIỀU

Em yêu anh
Như con chim Vơ Linh yêu rừng
Em thương anh
Như con cá Ra-tang thương nước
Em nhớ anh
Cứ nhấp nha nhấp nhòm
Như có kiến cắn tim
Như có lửa đốt bụng
Muốn thấy ngay cái miệng
Muốn cầm ngay cái tay
Muốn đi bên anh như đôi chim cùng bay
Ơ! em nhớ đầy cả đêm
Em thương sáng cả ngày
Nhiều như cái sao cái lá
Cao như cái núi cái đồi.

Em đếm từng tiếng tim đập
Con tim đập nặng nề lắm
Em đếm từng cái nháy mắt
Con mắt nháy nhiều lắm.
Ơ! Thương lắm nhớ nhiều
Nhớ thương sáng cả đêm
Nhớ thương đầy cả ngày
Như con chim Vơ Linh
Như con cá Ra-tang.

VỚI GỌI

Ồ, hơn bốn mươi cái rầy rồi đó
Thời gian gieo màu tóc sương
Những sợi tóc rung rung vẩn vương
Cứ ngó hoài ông mặt trời đỉnh núi.

Hơn bốn mươi lần cha cắt cổ gà
– Ăn mừng lúa mới thơm ngon
Tiếng chày thùm thụp – cho hạt gạo trong
Và má ta hồng chờ ai bên suối.

Hơn bốn mươi lần mẹ cồng gửi lên rầy
Cồng mưa nắng gió sương
Cồng lưng mang về hơi thở
Để ta hát ka-lên với con chim chiều.

Ta quý mẹ như quý con tìm đập
Ta thương cha như thương con mắt nhìn
Mẹ đi rồi! Cha đi rồi! – Còn ta
Mái tóc màu sương năm tháng.

Ồ, hơn bốn mươi cái rầy rồi
Mắt ta thấy ông mặt trời đẹp hơn
Bà trắng dịu dàng quá
Tiếng chim hót rộn ràng.

Ta muốn được nghe, nhìn
Cùng mái tóc bay bay theo làn gió
Tắm trong con suối có mặt trăng
Trong cái rầy có mặt trời.

Ta với gọi muôn nơi
– Xin mặt trời đừng xuống núi
Hơn bốn mươi cái rầy rồi
Bụng ta có... lửa đốt không thôi.

LỀ LOI

Tưởng nhớ linh hồn anh
Đinh Xăng Hiến

Giọt nắng vừa rơi vào cửa sổ
Nghe nao nao nỗi nhớ một người

Một hoài niệm ngọt ngào dịu dịu
Mệt mỏi, rứt rề, khép mở, đầy vơi
Khúc ngoặt của dòng sông cuộc đời
Tôi hụt hẫng nỗi buồn sâu như hố
Lấp một tâm hồn u ám chơi vơi
Lấp nửa cuộc đời – tình yêu của tôi.

Tiu Voòng *dân tộc Gião.*

ĐỈNH NÚI PHA LUÔNG

Tôi đứng trên ngọn Pha Luông
Sớm chiều đón vạt sương buông
Dãy nhà đất mọc trên sườn núi
Khum khum hình những chiếc nắm động sương
Nhả ra từng giải khói lam
Trong hơi khói có hơi thịt nướng
Quay phía hang tôi nghe tiếng vượn
Lăn theo tiếng bò tót rống đàn
Vai đeo súng kíp chân bước lên hang
Thành trì mọc trên đỉnh núi
Nghe cha mẹ, ông bà, thường nói
Cách đây chẳng biết mấy đời người
Có ông tướng đem quân lên đóng
Giữ đất đai, yêu người Gião như con
Quân nhà vua lên đánh mấy lần
Lần nào cũng đi nhiều về ít
Đến khi ông tướng chết
Để lại một đàn bò câu
Người Gião mến yêu ông tướng
Không ai nỡ bắt bỏ câu
Bước đến hang cánh chim phủ trắng đầu
Tôi ngồi rình con gấu thật lâu
Nhìn xuống khon¹ tôi đang lên khói
Theo gió vọng tiếng chày khua cối
Dòng suối vắt ngang sườn núi
Như đàn bà thắt vải trắng ngang lưng
Pha Luông ơi! Hiền hậu tựa nắm rừng

1. *Khon*: làng.

Xinh đẹp như môi người con gái
Điểm nụ cười theo những bông hoa ngải¹
Ấm áp làn hơi vợ trẻ nũng nịu
Hay ngọt ngào bát nước rượu ủ sâm
Thơm mát quả táo Vân, đào Quảng
Pha Luông ơi! Đừng bao giờ tắt nắng
Không chìm vào đêm sẫm tối đen
Gió vuốt ve những mái tóc mềm
Pha Luông vững vàng, êm trong tiếng vượn
Hang núi vẫn cao, bỏ câu vẫn lượn
Có người trai cảm súng kíp ngồi đây.

1. Hoa ngải như hình cái loa, trong giữa vàng ngoài tám cánh đỏ tía, mùi thơm hệt như mùi lạc rang.

Môlô Yclavy *dân tộc Ê Đê.*

CÔ GÁI VỐT CHÔNG

Tiếng ai hát dưới ánh trăng tròn?
Cô gái sông Ba búi tóc thon
Tay vót chông – Miệng hát không nghỉ
Như bao cô gái ở trên non
Anh nhanh tay vót bằng tay em!
Chim hót không hay bằng em hát ru em
Mỗi mũi chông em vót cắm sâu xuống đất
Lũ giặc Mỹ lao vào là chết queo
Còn giặc Mỹ cộp beo
Lũ làng chưa yên bụng phát nương hát hò
Em chưa ngừng tay vót chông rào buôn rẫy
Bọn giặc Mỹ chạy rồi, tre rừng ta làm nhà, chòi cao
Chân ta đi chưa nghỉ, trời chưa xanh
Buôn làng ta nhà chưa dài thêm tranh
Em vót nhiều chông làm cạm bẫy
Đuổi *Ko-sóc*¹ Mỹ xuống biển xanh
Đất nước ta mới liền nhau
Em chặt tre làm đình hót, đình năm²
Quanh lửa hồng em vui nhảy múa
Đón Ama Hồ vô Nam cùng uống rượu cần...

1. *Ko-sóc*: con ma

2. Tên một số loại kèn của người Ê Đê.

Mã Thế Vinh (dân tộc Nùng) tên khai sinh: Mã Thế Vinh. Sinh ngày 9 tháng 5 năm 1932. Quê quán: xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản: Vẫy Lân (Kịch, 1963); Về bản đồ quê tôi (thơ song ngữ Nùng – Việt, 1981); Nàng tiên trứng (truyện cổ, 1988); Đिन Tỉ Lạng Sơn (diễn ca tiếng dân tộc, 1992); Thấy ma uống thuốc (kịch, 1994); Con đường anh đi (thơ song ngữ Nùng – Việt, 1995).

Giải thưởng văn học: Tặng thưởng của Hội Văn nghệ Việt Bắc, 1961 (tập thơ Đứng trên núi mẹ và Đắp ái); Tặng thưởng của Hội đồng Văn học dân tộc, Hội nhà văn Việt Nam và Ủy ban Dân tộc của Chính phủ, 1985 (tập thơ Về bản đồ quê tôi).

LỮ

Mây vù vù đầy núi
Đùng đùng sấm đấm trời
Mưa sấm sập trút xuống
Trời giận đất hay chăng?
Những cây rừng thích chí
Thúc đầu – tay khoác tay
Khuỳnh chân dài bám đất
Cản nước che đất dày!
Những đôi trọc trắng hếu
Ngồi dơ xương rên rĩ
Giọt mưa đột vào da
Trách người hay oán đất?
Lũ lụt réo òa òa...
Hò nhau băng xuống núi
Hỏi tội kẻ phá rừng?
Hỏi người lười đắp đập
Làm trời nổi trận hòn
Cho đất gày còm côi...

Mây bồng bênh trên núi
Chở nước nổi không gian

Làm "khăn bông" trải đất
Rửa mặt sáng mọi người
Tĩnh rồi con lủ lự
Trồng cây phủ núi đồi...

19-8-1971

ĐÊM THÁNG SÁU

Chập chờn đêm tháng sáu
Cánh đồng ruộng vào mùa
Lúa xuân phơi hạt óng
Thóc tràn bờ về kho.

Đêm hè như ngấn lại
Ta đo chiều chiều chẵn
Từng nhịp thở nhịp khoan
Canh năm lòng thao thức!...
Tiếng chày giã trong đêm
Động trời, gà ran gáy.

Bếp nhà dưới nhà trên
Những "cô dâu" nhóm lửa
Má ửng hồng trong đêm
Ngỡ mặt trời thức dậy.

Đường tháng sáu chập chờn
Nhưng gương trăng ken lối
Chạy mau theo nhịp thở
Ôa vào đồng trăng ngời
Ôm bó lúa chất cao
Cả chân trời bừng sáng.

Chập chờn đêm tháng sáu
Thôn bản ta hôm nay
Trăng lồng đầy bờ thóc
Những vòm trời ấm no.

Mở chân trời hạnh phúc
Gối vạ đông vạ hè
Nổi xuân vào tiếng máy
Đất màu ngậy hương hoa.

1972-1973

Vũ Go Xá *dân tộc Hà Nhì.*

LAI CHÂU THƯƠNG YÊU

Hoa ban nở trắng hàng khuy bạc
Chiếc ô hồng nâng bóng trời xanh
Núi Tà Tổng trên tầng mây đứng gác
Cho sông Đà đàn hát tình ca.
Ngôi mới im trời, trời xanh im nắng
Nghe thác Lay réo gọi điện sông Đà...

II. VĂN XUÔI (TRUYỆN NGẮN — KÝ — TIỂU THUYẾT)

Triều Ân (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hoàng Triều Ân. Năm sinh: 1931, tại xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Quê quán: Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Tung còn và suối đàn (thơ in chung, 1963); Tiếng hát rừng xa (truyện ngắn in chung, 1969); Tiếng khèn Apá (truyện ngắn, 1980); Nắng ngàn (thơ, 1974); Đường qua đèo mây (1988); Xứ sương mù (truyện, 2000).

Giải thưởng văn học: Giải nhì cuộc thi truyện ngắn Khu tự trị Việt Bắc 1963.

XỨ SƯƠNG MÙ

Thị xã sang xuân.

Ba dòng sông Hiến, sông Bằng, sông Cồn dồn nước về bao quanh gần như khép kín, thị xã trông như một hòn đảo.

Gió từ mặt sông lùa sương mù bay lên các đỉnh núi cao, nhường cho những chùm nắng tỏa ấm xuống đường phố.

Bà Loan cưỡi cái xe Hữu Nghị mới toanh, vành xe bóng loáng, đi vun vút trong dòng người qua cầu sông Cồn để kịp vào giờ dạy học. Hết hai tiết học, bà xin phép đồng chí hiệu trưởng để về nhà sớm hơn (và nghỉ luôn cả tiết bốn) vì sáng nay bà đi lên trường vội, quên không khóa cửa. Chiếc xe Hữu Nghị đi vun vút trên đường phố.

Đến ngõ, đẩy cánh cổng đi vào, nhìn thấy nhà đã khóa, bà ngạc nhiên vì sáng nay bà nhớ định ninh: Khi quay lại lấy tập bài chấm, vì vội, quên chưa khóa cửa; cuối tiết hai, mới nhớ ra... Bà lùa chìa, mở ổ khóa.

Bà ngẩng nhìn quang cảnh, thấy ngán nấp. Những ghế dựa xếp gọn dưới mặt bàn. Nhà cửa, khi đi chưa quét, nay ai đã quét hộ sạch sẽ. Cái chổi lạ còn dựa cạnh cửa. Bà xuống bếp thấy vại nước, ai đã gánh hộ đầy ắp? Bà nhìn gói hàng trên nóc tủ thấy còn nguyên.

Bà thoáng nghĩ đến hình ảnh cô Tấm trong truyện cổ, từ quả thị hiện về giúp đỡ bà lão nhà nghèo thu xếp nhà cửa.

Tình cảnh bà Loan có khác gì bà lão trong truyện cổ. Một mẹ góa nuôi một con cô. Đứa con cô đã lớn, sau khi học xong trường sư phạm 12 + 3 đã xung phong đi dạy học ở huyện Bảo Lạc cách xa tỉnh lỵ trên trăm cây số. Thỉnh thoảng Tân, con trai bà mới gửi thư về. Ngôi nhà gạch cổ rộng thênh thang này chỉ có một mình bà vào ra.

Bà bước ra sân, trông thấy Thời, cô gái lẳng giềng, đi tới. Thời tươi cười:

– Bá lên lớp về rồi ạ?

– A cháu! Hôm nay tôi phải về sớm vì có chút sơ xuất.

– Cháu biết rồi, bá ạ. Có phải bá vội đi nên quên khóa cửa, phải không ạ?

– Trời ơi, thì ra cháu đã...

– Vâng ạ. Sáng sớm cháu sang định nhờ bá trên đường đi giao hàng giúp cháu cho bà Ngôn. Nhưng khi cháu đến, bá đi rồi, mà cửa lại chưa khóa. Cháu quét tước, thu xếp nhà cửa rồi khóa hộ. E rằng xảy ra "mất mát mười ngàn" cháu phải sang thưa bá biết đấy ạ.

– Ôi chao! Cảm ơn cháu quá. Nhà tôi đây nghèo xơ xác, chỉ là một giáo viên thanh bạch. Ngay cái xe Hữu Nghị tôi đang dùng còn là của cháu cho mượn. Nhà tôi có gì mà sợ ai lấy cắp. Chẳng qua là không khóa cửa không yên tâm. Hơn nữa tôi còn lo cái bọc hàng cháu gửi để trên nóc tủ. Nếu tôi để mất nó hóa ra "chạy sói lại gặp lang". Thế thôi.

Bà mời Thời vào nhà.

Thời đi pha nước. Hai bá cháu ngồi trò chuyện. Một lát Thời xuống bếp làm cơm cho bà (như mọi khi thỉnh thoảng vẫn làm). Bà Loan ngồi nhẩn nha một mình ở nhà trên.

Uống xong hóp nước, đặt chén xuống. Bà Loan nhìn lên tường, đôi mắt bà dừng lại ở bức ảnh người con trai độc nhất: đó là Tân.

Tân có đôi mắt sáng long lanh như mắt chim phượng, giống cha nó. Trán cao, lông mày rậm. Một cái khoáy ngang tàng ở chân tóc trên trán. Đôi vành tai to. Rái tai nặng trĩu. Và ở rái tai trái có một nốt ruồi đỏ.

Mẹ nhớ kỹ về Tân tuy rằng trên ảnh kia không hiện rõ đủ những chi tiết ấy, là vì đời mẹ Loan chỉ có một mình Tân, để nó trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Và mẹ trở thành góa bụa, là gái góa nhưng ở vậy nuôi con. Một mẹ góa nuôi một con cô. Mới gần bốn lăm tuổi mà trên đầu bà đã lơ thơ vài sợi tóc bạc. Nay đứa con cũng đã lớn, đi dạy học ở vùng cao nguyên xa tít mù.

Sống trong cảnh cô đơn vắng vẻ, bà cũng may còn có cô láng giềng, cô Thời, con gái một nhà buôn giàu có. Bên ngoài, mẹ Thời chỉ là một bà hàng nước; ông Thời ngồi xem quán, giữa những âm thanh loạn xạ của cái đài Sáp.

Đêm đêm, từng tốp thanh niên đến nhậu nhẹt, rượu, thuốc. Có hôm họ nôn cả ra nhà. Có những đứa cọt nhả đôi ông bà bên ấy cho con gái ra mời rượu từng anh để nhận lấy những lời nói tục tĩu, những cái véo má, hoặc những tiếng cười rẻ tiền khả ố. Thời thì cứ nhon nhon. Đã có lần bà Loan ước hỏi:

– Cháu nhí, những đám thanh niên phở nhiều đêm đến quán nhà cháu uống rượu, đùa vui nhảy nhót xập xình, hoặc có những hành vi lợi dụng, trông khả ố, cháu nhí?

Thời nói tỉnh khô:

– Kệ họ, bá ạ. Chẳng sao hết. Miễn là nhà cháu hót về được nhiều tiền. Thế là thắng... Chúng là lũ hấp lì. Cháu vẫn là bà chúa, có nhiều ngón xoay xử tháo vát.

Cũng có lần Thời nói với bà Loan:

– Nói vậy chứ, đám thanh niên ấy bị sao được với anh Tân? Người như anh Tân cháu bái phục cái đức, cái tài. Còn bọn ấy, cháu chỉ mong moi túi chúng được nhiều tiền là tốt. Nhưng của đáng tội, chính vì cách sống trong sạch ấy, anh Tân quá nghèo, không giúp được gì cho bá cả.

Thời khéo nói thấp giọng xuống khiến bà Loan nghe rồi phải mủi lòng và nhớ Tân. Và bà mơ ước: giá như Thời là vợ Tân, là con dâu mình, nó sẽ vực gia tài nhà này lên.

Bà Loan cũng biết thừa Thời có những biểu hiện lảng nhãng, nhưng bà bỏ qua được mà vẫn quý Thời vì bà biết Thời khôn ngoan, luôn luôn biết giữ mình, không hề buông thả; mà còn vì Thời có tiền, nhà giàu. Xe đạp bà hỏng nặng, biết vậy, Thời cho bà mượn

luôn một cái xe đạp Hữu Nghị mới toanh. Bà cảm động quá chừng. Bà đi một hai lần, rồi một hai tuần, thành quen. Bà dùng xe này rất tự nhiên như chính nó là xe của bà vậy.

Thời hay sang nhà bà; thỉnh thoảng giúp bà gánh nước, nấu cơm... như con cháu trong nhà. Tình cảm giữa bà Loan và Thời ngày càng gắn bó. Có một hôm, chính quyền địa phương cùng các cơ quan chúc năng đến kiểm tra hành chính nhà Thời. Bà Loan lo lắng hỏi Thời:

– Nhà có bị bắt cái gì không, cháu?

– Không bá ạ. Nhà có ít hàng quý, cháu đã gửi sang nóc tủ nhà bá, gói lẩn trong đồng chăn bông, còn ai ngờ nữa, nhất là nhà bà lại là nhà giáo, vắng vẻ, liêm khiết xưa nay.

Nghe vậy, bà Loan tự dung thấy tự hào lạ lùng; bà thầm khen Thời khôn ngoan; bà mơ ước có được một người con dâu tháo vát như thế. Mặt khác, hằng ngày được Thời chăm sóc chu đáo, bà cũng quý mến Thời.

Từ đó, bà càng ngày càng thấy mình bệ vệ, đàng hoàng và tự thấy mình già đi hoặc chững chạc hơn lên như bất cứ một người mẹ nào sắp được lên ngôi mẹ chồng. Công tác bà có sao nhãng hơn, đã mất ba năm danh hiệu lao động tiên tiến; mỗi lần kiểm điểm đánh giá thành tích cuối năm, bà có áy náy ít nhiều, nhưng rồi cũng dễ cho qua.

Hôm nay bà bỏ tiết bốn, về khóa cửa. Cái khiến cho bà lo nhất vẫn là gói hàng gì đó của Thời gửi trên nóc tủ.

Bà mới nghỉ ngơi được một chút mà nghĩ lung tung bao nhiêu là chuyện. Vừa lúc đó, Thời gọi:

– Mời bá xuống xơi cơm ạ. Cháu đã sắp mâm xong. Cháu về, bá nhá!

Bà mời Thời ở lại ăn cơm nhưng Thời "xin phép". Bà nhìn theo Thời mà thèm có được một người con dâu như thế. Bà quyết định có dịp sẽ nói rõ ý đó với Tân. Bà nhìn lên nóc tủ. Gói hàng gì đó, bà không có quyền biết, không cần biết: Ở đây vắng vẻ, bà chỉ cần coi đồ cho Thời đừng để mất, khỏi mang tiếng, thế thôi...

Bà thoải mái đi vào bếp...

Cơm nước xong, bà nghỉ trưa một lát.

Dang mơ màng thì bà Loan nghe như có ai gọi giục giã. Bà lắng tai nghe. "Hay là họ đến khám nhà bà?" Bà tỉnh hẳn. Vô lý. Khi tỉnh táo bà Loan bình tâm hơn. "Không có lý gì họ nghi ngờ nhà một bà giáo nghèo để khám xét".

Đúng có tiếng gọi giạt:

– Bà Loan? Bà giáo Loan? Bà có nhà không, xin mở cửa?

Bà thua và lật đật đi ra cửa:

– Chào anh! Anh hỏi nhà ai?

– Thưa, đây có phải nhà bà giáo Trần Thị Loan không ạ?

– Vâng. Chính tôi. Anh ở đâu đến hỏi tôi.

– Thưa bà. Tôi ở bưu điện. Bà có thư.

Bà Loan hết hồi hộp, chìa tay nhận thư, cảm ơn và để người đưa thư đi về.

Bà ngắm nghía bì thư. Trên cùng viết: "Người gửi: Xứ sương mù". Tên người nhận thư đúng tên bà, nghề nghiệp, số nhà, tên phố...

Tay bà run run, bóc thư và đọc...

Thư con bà, thằng Tân, nhắn bà xin phép lên Bảo Lạc "để xin ý kiến mẹ về việc hôn nhân". Thư viết ngắn nên đọc xong thư, bà Loan chưa hiểu ngọn ngành thế nào cả. Chính vì thế mà bà thấy cần phải đi.

Bà lên trường gặp hiệu trưởng xin phép nghỉ vài hôm đi Bảo Lạc xa lắc. Bà giao nhà cửa cho Thời, bà đi.

*

Xe lên Bảo Lạc đường quanh co, uốn khúc. Núi non hùng tráng. Đèo vút cao lung trời. Những con đường oằn mình bám vào sườn núi trườn lên, xa xa trông như những dải lụa tung bay trong tiết mục múa lụa ngày hội xuân.

Lần đầu tiên xa thị xã, bà lên huyện vùng cao với tấm lòng háo hức. Bà nhớ các nơi xe đi qua: Tỉnh Túc, Cao Sơn, Cao Lù, Lùng Pán...

Nhưng càng đi, đồi núi, đèo mây càng điệp trùng. Đường dây thép bên đường đến đây chỉ còn chạy một dây heo hút. Bà nhìn qua cửa xe. Xe lăn bánh cheo leo men theo con sườn dốc, mà dưới sâu

kia là vực thẳm. Đường lại hẹp. Khủng khiếp quá. Nhiều đoạn đường, xe chui qua đám sương mù chùng nủa tiếng động hồ mới hết; khi đó xe phải bật đèn pha có kính màu vàng như đi đêm. Xe bò chậm chạp, cứ thế bồng bềnh...

Bà rợn tóc gáy, thương cho số phận con trai bà phải đi xa thị xã; và giờ đây bà mới hiểu tại sao trên phong bì thư con bà lại viết: "Người gửi: Xứ sương mù?" Bà đoán: chắc con bà buồn lắm, nhớ thị xã lắm. Bà biết rằng ở thị xã xinh đẹp kia, Tân có một mối tình dang dở: cái Thuận, con nhà bà Tường giàu sụ. Bà lại thoáng so sánh: cháu Thời hơn hẳn cháu Thuận ở đức tài và tuổi trẻ.

Phần vì nhìn con đường càng đi lên càng đáng sợ, phần vì hoa mắt say xe, bà nhắm nghiền mắt lại, phó mặc cho xe đưa mình đến huyện lỵ Bảo Lạc bất cứ lúc nào. Bà ngủ gật.

Khi mọi người ồn ào nói tếu: "Hết tiền rồi", bà Loan bùng tỉnh dậy. Đây là thị trấn Bảo Lạc. Bà nghỉ một đêm. Sáng hôm sau, bà bỏ tiền ra thuê một thanh niên địa phương vác súng kíp đưa đường, bà đi một buổi đường bộ nửa thì đến nơi.

Vừa lúc tan học.

Học sinh các dân tộc thiếu số địa phương trong những bộ y phục nhiều màu sắc, ủa ra sân trường, chạy ào ào tản về các ngã.

Bà để ý không thấy ai ăn mặc kiểu cách như bà. Gặp bà chúng đều hỏi một câu "Bá đi đâu ạ?" hay "Bá ăn cơm chưa ạ?" Bà Loan thấy lạ vì những câu hỏi xa lạ và bất lịch sự ấy.

Bà đứng tần ngần giữa sự ồn ào thì Tân xuất hiện. Hai rái tai to, nặng trĩu. Rái tai trái có một nốt ruồi. Bà ứa nước mắt, xúc động, ôm lấy con.

Nhiều người chạy tới, vây quần quanh hai mẹ con bà. Trong số đó có một cô gái xinh đẹp đến tuyệt nhưng ăn mặc lạ kỳ, dưới mắt bà Loan thì ngồ ngổ. Người ấy hỏi Tân:

- Ai thế, anh Tân?

- Mẹ anh đấy. Mẹ anh là giáo viên ở thị xã lên thăm.

Cô gái nở nụ cười:

- Bá mới lên Bảo Lạc lần đầu ạ? Bá có bị say xe không ạ?

Bà Loan nhìn chăm chăm người nữ thanh niên dân tộc Mông ấy vì nụ cười duyên dáng, nước da trắng hồng, má lúm đồng tiền. Đôi mắt tinh lợi như mắt bồ câu. Nhưng bà không có cảm tình vì lối ăn mặc áo váy dân tộc lạ kỳ, nặng nề ấy. Bà thầm nghĩ: Giá như cháu gái này ăn mặc kiểu thị xã, phải là hoa khôi.

Để phá tan sự ngượng ngập ban đầu ấy, Tân nói:

– Em về phòng anh đặt giúp siêu nước.

– Cháu xin phép bá ạ.

Peng vụt chạy đi, vui sướng. Tân nói với mẹ:

– Đây là Peng, bạn con, bí thư chi đoàn thanh niên địa phương. Tiếng dân tộc: Peng là hoa, trể peng là đóa hoa.

Đồng chí hiệu trưởng cùng các thầy cô giáo ở đây phấn khởi lộ ra nét mặt, mời bà lên phòng họp Hội đồng xoi nước nói chuyện.

Sống ở Bảo Lạc hai hôm, bà Loan đã thấy buồn chán. Cảnh đô hội phồn vinh nơi thị xã đã lùi vào dĩ vãng. Ở đây tuyệt đối không có tiếng xe máy, mà chỉ có tiếng chim muông hót, lần đầu nghe vui, nghe mãi gọi sự nhớ nhà.

Hai hôm nay bà Loan ca ngợi người con gái thị xã mà bà yêu quý, nói tình cảm đạo đức của Thời, nói cả xe đạp Hữu Nghị Thời cho mượn, nói về gói hàng trên nóc tủ...

Nhưng Tân nghe qua cứ dửng dưng. Bà kết luận:

– Việc hôn nhân của con, mẹ tính kỹ rồi. Chỉ được cháu Thời ở cạnh nhà ta, đẹp người, có tài tháo vát xoay xở làm giàu. Mà con trước sau cũng phải về thị xã, cái bán đảo xanh đầy nắng xinh đẹp ấy. Thời bình rồi, ai còn nghĩ đến nông thôn và miền núi? Thời bình phải là thị xã.

Tân vẫn dè dặt:

– Có việc này con nghĩ mãi không biết có nên nói để mẹ biết không, con không muốn xây dựng gia đình ở thị xã. Nơi ấy con đã phải ô m hận vì mối tình với Thuận. Như mẹ biết, chúng con yêu nhau, xin mẹ đi dạm hỏi. Bà Tường, mẹ của Thuận khinh nhà ta quá lắm, những nói nào là "ngôi sao đôi sánh với mặt trời", nào là "con cóc lại ước lấy nàng tiên". Thuận cũng nghe mẹ, không phát biểu lấy một lời. Con thể độc: không lấy vợ thị xã. Con có lòng tự trọng của con, phải xây dựng tình yêu với người bạn đời nào có

chung một lý tưởng. Còn bất cứ một mảnh đất nào có tình thương và cuộc sống lao động hạnh phúc thì con đều quý cả.

Mẹ Tân dẫn đo và trách:

– Con đoạn tuyệt không lấy vợ thì xã là cố chấp.

– Không, mẹ ạ. Con nghe mẹ kể quá nhiều và ca ngợi hết lời về em Thời. Khi cái gì người ta ưa, ít ai để ý đến nhược điểm, đến mặt trái của nó. Con người ấy, cả nhà ấy, con biết chứ ạ. Mẹ quan hệ với Thời, mẹ chỉ là nô lệ của gói hàng gửi trên nóc tủ ấy. Thời đã lợi dụng ngôi nhà ta ít người ra vào vắng vẻ, lợi dụng danh nghĩa một nhà giáo thanh bạch để giấu hàng hóa không ai nghi ngờ. Mẹ có biết đó là hàng lậu hay hàng quốc cấm? Mẹ đừng để ô danh. Mẹ hãy trả cô ta cái xe Hữu Nghị để lòng mẹ thanh thản hơn.

Mẹ anh càng trách móc:

– Con ơi! Sao con mẹ lại nói những lời độc?

– Con xin lỗi. Nhưng xin mẹ nghĩ lại xem?

Vốn là nhà giáo nên bà Loan cũng khá nhạy cảm. Bà dè dặt hỏi Tân:

– Vậy con mời mẹ lên đây để bàn về hôn nhân là thế nào?

Tân bèn kể cho mẹ tình cảm của mình đối với một cô gái người Mông trẻ tuổi, bí thư đoàn thanh niên địa phương kết nghĩa với chi đoàn giáo viên nhà trường (mà Tân là bí thư). Tân kể về tính tình, đức độ, khả năng đảm đang việc nhà, việc xóm bản, việc nước của Peng. Tân cho mẹ biết: qua thực tiễn công tác ở địa phương, Tân hiểu thêm rằng ấn tượng xưa nay hiểu người Mông là phải ngây ngô (ngay từ lời nói), thấp kém là sai. Đến nay người ta cần phải hiểu lại con người dân tộc ấy đã có những nét hiện đại.

Mẹ không phản đối gì vì chính con người ấy mẹ đã tiếp xúc và ít nhiều có thiện cảm. Biết con đã trưởng thành, con trai mẹ đã ưng ai, mẹ cũng phải dẫn đo mới dám nói những lời quyết định. Song mẹ vẫn còn băn khoăn:

– Có lẽ không được, con ạ. Mẹ thấy cách ăn nói của Peng chưa biểu lộ là một người có lễ độ.

– Mẹ nói sao ạ?

– Nó là con gái đã lớn khi gặp mẹ mở miệng chỉ là những lời lục vắn sổ sàng: "Bá đi đâu ạ?", hay: "Bá ăn cơm chưa ạ?", hay: "Bá đi giặt ạ?"... Ít nhất phải biết nói: "Chào bá ạ!" hay "Cháu chào cô ạ!". Thật là không ra cái thể thống gì. Lắm lúc nghĩ: Nó còn chưa bằng một học sinh trường mẫu giáo thị xã.

Tân phá lên cười:

– Mẹ ơi, mẹ là giáo viên Văn ở Cao Bằng mà mẹ xa thực tế quá đấy ạ. Đây là cách chào của cả một vùng quê theo tập tục địa phương đấy, mẹ ạ.

Bà Loan ngơ ngác như chợt vỡ lẽ ra một điều gì mới lạ.

Vừa khi đó, trống trường đã điểm mấy hồi dài.

Chiều nay học sinh lên rừng lấy vầu về sửa nhà ký túc xá. Thầy trò tấp nập lên đường. Cùng đi chỉ có chi đoàn thanh niên địa phương.

Bà Loan ở nhà vá quần áo cho Tân.

Gần chiều, bỗng nổi lên những tiếng xôn xao, lộn xộn. Học sinh từ các góc rừng, mặt tái xanh tái mét chạy về trường. Tiếng bàn tán âm ỹ.

Bà Loan ra khỏi cửa, đón hỏi các em học sinh. Không ai nói nên lời. Sự hoảng sợ hiện trên những đôi mắt trẻ thơ.

Bà chạy ngược đường học sinh, gặp một cô giáo:

– Làm sao hả cô?

– Gấu. Gấu. Chạy về thôi, bà ạ.

– Anh Tân đâu, hả cô?

– Chạy thôi, bà ạ. Đánh gấu không phải việc đàn bà con gái.

Ai cũng chạy mong thoát thân. Nhưng vì quá thương con, bà phải vượt lên, vừa chạy vừa gọi:

– Tân ơi, ơi Tân!

Một giáo viên chạy tới bịt mũi bà:

– Đừng gọi, bà! Gấu đang đánh nhau với người đằng kia, nghe tiếng gọi, nó chạy lại đây thì khốn.

Đến lượt mặt bà tái mét. Đôi mắt bà mở to. Mũi bà mấp máy không nói nên lời.

Bà đã trông thấy con gấu đen đang lừ lừ đi bằng hai chân sau, đứng cao như người chồm lên người con gái Mông. Tân hét lên một tiếng, con gấu quay lại phía Tân. Bà Loan kêu lên một tiếng thất thanh và ngã vật xuống chết giắc...

Khi bà tỉnh lại đã thấy mình nằm ở phòng khách nhà trường. Bà lên tiếng gọi. Một cô giáo ở khu nhà tập thể chạy lên.

– Anh Tân đâu, cô?

– Anh đã theo cô Pèng về trạm xá xã, bà ạ.

– Ai bị làm sao?

– Pèng bị gấu cào, sút miếng thịt ở bắp tay. Pèng thật là can đảm. Không có Pèng, anh Tân đã không thoát nạn.

– Trời ơi! – Bà Loan thốt lên, hai tay run rẩy giữ chặt lấy cô giáo địa phương.

Cô giáo kể cho bà nghe về cô gái Mông Lưu Thị Pèng, bí thư chi đoàn thanh niên địa phương. Vì là hai chi đoàn kết nghĩa, hôm nay chi đoàn địa phương cùng nhà trường vào rừng khai thác vầu đem về sửa nhà ký túc xá cho các em học sinh. Đang chặt vầu, Pèng phát hiện có một con gấu tiến về phía anh Tân.

Pèng hét lên:

– Anh Tân! Con gấu ở đằng sau anh đấy!

Tân chạy lại phía Pèng. Pèng vung dao nhọn... Con gấu vẫn đi bằng hai chân sau lừng lững theo Pèng (đang đi giật lùi) ra bãi cỏ. Tân nhìn theo bất lực.

Bỗng Tân vụt chạy lên, hét:

– Tré Pèng! Chi say! (Không sợ! Có anh đây!)

Con gấu quay ngoắt lại, lập tức chồm lên Tân. Mọi người nhìn thấy khủng khiếp quá, chạy hết. Tân luồn ra khỏi vòng tay con gấu. Cuộc độ sức và độ trí giữa hai con người và một con gấu cứ thế kéo dài. Đến lúc nào đó con gấu cũng phải mệt. Pèng thừa thắng, lừa mũi dao nhọn ngang qua hầu con gấu, vằn mạnh. Gấu hộc máu, càng hung dữ, há mồm chực cắn Tân. Nhanh như cắt, Pèng cầm cây vầu đã sẵn vát nhọn đâm vào họng gấu. Tân làm theo, đâm thêm cây nữa. Con gấu cố tiến lên, nhưng sức hai người kìm được. Máu gấu phun ra theo nhịp thở phì phò, yếu dần.

Tân và Pèng ôm lấy nhau hạnh phúc, nước mắt rung rung, như vừa chiến thắng cường quyền. Họ giữ nhau chặt như sợ tuột mất khỏi vòng tay ôm. Hai người cảm thấy sức mạnh của tình yêu, của tình đồng chí giữa hai chi đoàn gần bó đã chiến thắng.

Bỗng Tân phát hiện bắp tay Pèng bị gấu cào lúc nào toạc cả áo, sứt một miếng thịt? Tân nhặt cỏ nhùng nhai vội rít vào vết thương để cầm máu, và xé áo may ô làm băng. Pèng lả dần đi trong vòng tay Tân.

Tân bế Pèng về bản Mông, đưa lên trạm xá xã cứu chữa.

Con gấu do mũi dao nhọn đâm cảm của Pèng đâm chết nên Tân gọi thanh niên khiêng về bản Mông. Các thầy giáo, cô giáo cùng kéo về bản hội vui...

*

Chiều tà...

Mặt trời gác núi. Suong mù bỗng bênh trôi dưới thung lũng như những biển khói mênh mông.

Bà Loan cùng cô giáo địa phương ra sân, thanh thân trông trời mây. Từ trên sân trường đặt ở sườn núi cao này, bà trông thấy mọi cái đều hùng vĩ khỏe khoắn. Đường nét núi non sắc nhọn. Ánh nắng xiên khoai ở vùng núi cao trong trẻo lạ thường. Bà bỗng thấy mình cảm người, mến cảnh nơi đây.

Từ những bản xa, có những nếp nhà rải rác bám vào vách núi, vọng lên những điệu khèn du dương êm ái, gọi niềm hạnh phúc sau một ngày lao động trở về. Và nhìn theo hướng vọng lại những âm thanh du dương ấy, bà Loan đã trông thấy con trai mình cùng các bạn đồng nghiệp đi lên trong tiếng khèn bay bổng. Bà sung sướng ứa nước mắt.

– Trời! Con trai mẹ!

– Vâng ạ. Con vô sự. Con đội ơn sâu cô Pèng, mẹ ạ. Không có Pèng, hay nói đúng hơn: không có tình yêu ấy, con đã chết.

Bà Loan nghẹn ngào:

– Con hãy đưa mẹ đi cảm ơn bố mẹ Pèng!

Nét mặt Tân bị xúc động mãnh liệt:

– Không. Không. Mẹ ơi, Pèng mồ côi mẹ một năm nay rồi. Còn cha Pèng đã mất cách đây mười chín năm. Người xóm Mông kể rằng: Một ngày nọ cha Pèng đi săn gặp một ổ beo con đang vắng mẹ, bị rắn hổ gầm cắn. Cha Pèng đuổi đánh rắn nhưng không kịp. Cha Pèng mang con beo con bị rắn cắn về, chạy chữa bằng thuốc nam, nó sống lại. Cha Pèng nuôi nó lớn và luyện nó đi canh ao cá. Đêm đêm cha Pèng lê đôi guốc làm bằng củ tre lộc cộc ra thăm beo. Muông thú, rái cá và người ta không dám bén mảng. Một đêm nọ cha Pèng muốn thử con beo nuôi ấy có chăm chỉ việc canh ao cá không, bèn tháo guốc, đi nhẹ chân ra bờ ao và lội xuống nước bì bõm. Beo gầm lên một tiếng và nhảy tới vỗ cha Pèng. Ông chết. Con beo cầm xác ông về nhà. Nó nằm bên xác người như nhận lỗi lầm. Mẹ Pèng khóc, không nỡ làm gì đối với con beo nuôi. Sáng hôm sau, beo đi đâu vác về một con lợn cỏ để làng xóm làm ma ông chủ. Rồi từ đấy, con beo nuôi ấy đi biệt.

Bà Loan thốt lên lời cảm phục:

– Trời! Pèng là con của một gia đình như thế ư?

– Thế đấy mẹ ạ. Sau đó người mẹ Mông ấy để Pèng, một mình ở vậy nuôi con cũng như mẹ đã nuôi con khôn lớn đến ngày nay. Pèng có hai bàn tay lao động tự lập đảm đang. Nhưng Pèng thiệt thòi hơn con là Pèng đã mồ côi cả mẹ, đang cần có người chăm sóc, cần một tình thương.

Bà Loan nhìn thấy trời đất mờ đi. Hai dòng nước mắt lăn chã roi. Bà nói trong tiếng nức nở:

– Oi Pèng, con ơi! Con của trời cao, của núi cao, con của rừng, con của mẹ...

Con gió nhẹ thổi. Nhưng làn sương mù dưới thung lũng đang bay thấp xuống, lùi thấp xuống, như trôi xa. Tiếng khèn từ đâu lại vút lên trong ánh chiều nắng quái...

Sa Phong Ba (dân tộc Thái) tên khai sinh: Sa Viêt Soi. Các bút danh: Sa Da Ban. Năm sinh: 6-7-1948 Bắc Yên – Sơn La. Quê quán: Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản: Những bông ban tím (tập truyện ngắn, 1981), Vùng đồi gió quẩn (tập truyện ngắn, 1993). Ngoài ra có 20 truyện ngắn khác in trên các báo, tạp chí.

Giải thưởng văn học: Giải thưởng truyện ngắn, Tổng cục Lâm Nghiệp, 1971. Giải thưởng Ủy ban Dân tộc miền núi, 1985.

NẮNG, GIÓ PHIÊNG TAM

Ông Chour Quảng giật phắt khẩu súng kíp trên vách, nét mặt như tím lại, mồm ông găm lên:

– Bà có im đi không! Tôi chết cho bà xem đây này!

Nói rồi, ông lao ra ngoài sân chiếc lều xiêu vẹo. Bà vợ đang đun bếp, hốt hoảng đứng bật dậy, không biết làm gì để ngăn cơn thịnh nộ của chồng, chỉ biết ú ớ, rồi kêu rú lên. Nhưng từ ngoài sân đã: Đoàn! – Tiếng súng âm vang cả thung lũng Phiêng Tam giữa ban trưa nắng chói. Bà Hom thét lên, lao ra sân, thì sững lại: Ông Chour Quảng hai tay vẫn giơ khẩu súng, nòng hếch lên trời, trên mũi súng là một đụn khói đang bay lơ lửng trôi dần theo gió. Bà Hom lão đảo, rồi ngã ngối xuống ngay cạnh cửa. Ông Chour Quảng ngoảnh lại, thấy vợ đang ôm mặt nức nở, thì ông hực một tiếng, rồi sải chân bước vào lều, mồm vẫn còn lẩm bẩm, tức tối:

– Cái giống đàn bà, nói dai như gió hú đêm! Bảo im đi không nghe.

Lúc này, máu nóng ở ông Quảng bốc lên hừng hực bao nhiêu, thì bây giờ nó đang xẹp dần bấy nhiêu, như cái tàu lá chuối non đang phàn phật trước gió, bị hơi lửa, rũ ra. Có lẽ do phát súng bắn dọa kia mà chính ông lại tự làm cho ông tỉnh con tíc, lại tỉnh cả rượu nữa. Ông lẳng lẳng treo khẩu súng lên chỗ cũ, rồi đến ngồi phịch xuống bên âu bếp đang tí tách lửa, rít thuốc lò sùng sục.

Hết con bàng hoàng, bà Hom lão đảo đứng dậy, lại liêu xiêu vào lều, đến bên chồng chần dệm, gờ xuống một bộ, lặng lẽ trải ra. Biết tính chồng sau khi quá chén, hay diên giận khó kìm, nhưng hết con giận dữ rồi là lại lẩn ra ngủ cho đến chiều thôi. Trải xong chiếc dệm, đặt ngay ngắn chiếc khăn mặt thổ cẩm mới tinh, bà quệt nước mắt đến đỡ lấy cái ép đồ khâu ở trên cầu vách, rồi nhắm nhăng bảo ông:

– Không ở được với ông nữa! Đi đây!

Rồi bà đi nhanh ra cửa. Tiếng bà xuống thang cú luống ca luống cuống. Ông Chour Quảng chỉ trợn mắt rít thuốc, không nói gì. Đã bao lần rồi, hai ông bà giận nhau là bà bỏ đi nhà con gái ấy mà...

Đã hai năm nay, Ông Chour Quảng quen chuyện đó rồi. Mà tính tình của ông thì không sửa được, nhất là khi say rượu. Đáng nhẽ ra bà vợ ông phải biết, cái lúc như thế đừng có đưa chuyện rắc rối về thằng Hon ra giục ông. Nhưng thôi, chuyện đó để đấy, nằm nghỉ cái đã. Thói quen của ông đấy: Sau một cơn tức giận do có rượu mạnh nó đốt thêm bùng lên, đến lúc tỉnh ra thì thật là mệt mỏi. Ông nằm đắp chăn, ngẫm nghĩ lại mọi chuyện xảy ra ban nãy, để kết thúc bằng một tiếng súng... tỉnh người!

Cả lũng Phiêng Tam buổi trưa mùa này hay có gió Lào. Gió ủa đến từ hẻm núi đá Pha Deng, thốc sang hướng đông, vấp vào dãy núi đá Pha Đón, dội trở lại, rùng rùng kéo qua lũng đá mấy cây số, nóng rát rát. Chiếc lều dựng tạm của ông Chour Quảng cứ rảng rảng vụn mình trong tiếng ì ào của rừng cả phê ba năm tuổi nghe cứ rối tung rối mù lên.

Ông nghĩ mà bực cái thằng Thắm, cái xe máy thế không biết. Khi biết ông được cái bìa đồ miếng đất sáu héc ta, và được công ty cà phê của tỉnh giúp vốn liếng làm trang trại cà phê, thì nó mò đến nỉ neo ông lấy cái xe công nông của nó, nào là trước thì để chở vật tư, phân bón, sau là chở cà phê về cho công ty, đỡ tốn tiền đi tìm thuê xe cộ. "Làm ăn bây giờ là phải đồng bộ bố ạ. Cháu cho bố ứng trước, đến vụ thu hoạch cà phê đầu tiên, là bố cứ thanh toán dần!". Nghe nó hót luống cái tai quá, lại quen thân với con trai cả của ông, nên ông vui vẻ ký tên vào biên bản mua bán xe. Rồi chính nó cũng giúp thằng Hon con út ông đi học lái, lấy bằng. Năm ngoái, nó thỉnh thoảng lại từ thị xã lên thăm ông ở trang trại,

còn xách theo lần thì cân thịt trâu, lít rượu, lần thì hẳn một cái thủ bê... rồi nó động viên ông, kiên trì làm cái trang trại cho nên kết quả!

Nhưng, dùng cái xe của nó được một năm, thấy cứ đeo cái nợ dày dày, khó chịu quá, ông bèn dứt khoát bán ngôi nhà kê thung ván, lợp ngói trong bản, ra dựng cái lều ở tạm ngay trang trại ở lưng Phiêng Tam này, lấy tiền giả bớt cho nó cái xe công nông kia, còn nợ lại nó hơn triệu, hện mùa cà phê năm nay giả nốt.

Chưa đến mùa thu hái thì nó lại lò dò lên, nhắc mãi cái câu:

– Bố nhớ đấy nhá! Mùa cà phê này là bố phải trả xong cho con! Bố giam vốn con lâu quá rồi. Mà con có tính lãi với bố đâu!...

Người Thái có câu "Kín lấu nha to quaan na, hóm pha nha tó quoaam chụ" (ăn cơm uống rượu dùng bàn công việc, vợ chồng chung chăn không ôn chuyện nhân tình), ông bảo nó yên tâm, đừng nhắc dùng bàn chuyện nợ nần ấy nữa, ăn uống mát ngon, mát vui, thế là rượu vào, lời ra, nó lại cứ nhắc còn cái món nợ như mẩu xương cá cắm trong họng ông ấy. Đã thế, bà vợ ngồi ở bếp hóng chuyện lại cứ thở ngắn thở dài, mồm lẩm bẩm không biết mồm: "Làm giàu thì giàu đâu chả thấy, chỉ thấy mất cái nhà, vương cái chân thẳng Hon muốn lấy vợ, mà cà phê thì mới nhú quả leo tèo..."

Sẵn bực cái này, lại do thêm cái bực khác, làm gì mà cái túi đựng bực trong lòng ông nó không tràn ra, tỏa phùng phực lên mặt. Chất rượu xiêu sôi nóng (Cất rượu bằng chõ xôi trên bếp, được chai nào uống chai ấy) nó đốt thêm cho, không cháy cả người thì thôi, chứ à?!

Tiếng gió gào Phiêng Tam vẫn vùn vùn, nghiêng ngả từng đợt. Những ống tre đầu mè trên nóc lều ông Chour Quảng đua nhau hú hót, vi vu vi vút, nhưng trong lều, tiếng ngáy của ông đã cất lên khò khò từ bao giờ.

*

Ông Chour Quảng tên trong lí lịch khi ông đi bộ đội là Đèo Văn Chour (nghĩa đen là hơi thở, nhưng nghĩa tiếng Thái lại là cung, chiều...). Khi ông phục viên về, cô vợ ở nhà đã có đợi ông một thằng con trai, hỏi vợ đặt tên là gì, thì cô Hom chỉ cười tủm: "Anh tên là Chour, nhưng hay nóng tính, thì gọi nó là Hón, chứ gọi thế nào nữa!".

Thế là từ đấy, người Thái Phiêng Tam quen gọi ông là Chour Hón (người hay nóng tính, nóng ruột). Ấy là cách gọi ghép tên bố và tên con của người Thái Phiêng Tam, để phân biệt khi có ai trùng tên con, hoặc tên bố. Mãi đến khi thằng Hón nó đi học trường Nông Lâm của tỉnh, nó mới đổi tên nó thành Quảng, để người ta gọi ghép tên hai bố con là Chour Quảng (Người rộng lòng). Cái tên Chour Quảng của ông có từ đấy. Nhiều khi nghĩ lại, ông thấy hay hay. Thằng con ông nó khôn. Và ông quý nó hơn, là khi Nhà nước có chủ trương cho bà con Phiêng Tam giãn bản để làm trang trại cà phê, cây ăn quả, thì chính nó (lúc này đã thành cán bộ kỹ thuật của phòng nông lâm nghiệp huyện) về giúp ông mọi thủ tục nhận đất, nhận vốn làm dự án với công ty cà phê của tỉnh.

Sáu héc ta cà phê của ông đã được ba năm đang cho lúa quả đầu, chưa biết sẽ được mấy tấn, nhưng nhớ lại những món nợ trong ba năm qua mà ông ớn xương sống, nằm ngủ, ăn uống không yên, may được ông giám đốc công ty cà phê tỉnh, rồi thằng Quảng thường xuyên đến Phiêng Tam động viên, ông mới tạm yên lòng phần nào. Bây giờ thằng Quảng đã lấy vợ ở tận Phiêng Món. Vợ nó làm cô giáo ở xã. Hai vợ chồng nó cũng vay vốn nhà nước mở trại giống cây ăn quả. Nhưng tháng nào nó cũng phóng chiếc xe Min về xem việc giúp bố. Mỗi lần như thế nó chỉ dặn đi dặn lại: "Cái nào liên quan đến đồng tiền là bố cứ phải đợi con về giải quyết, không thì bố dễ bị chúng nó lừa đấy!". Vì ông đã chót đại một lần nhận "lấy chịu" chiếc máy bơm phun tưới của thằng Minh ở thị xã. Nhưng mãi sau này mới biết là đại thôi. Chả là năm đầu tiên, trồng xong sáu héc ta cà phê, thì ông mới ngó ra là Phiêng Tam không có nước tưới, mà trang trại của ông lại nằm trên mỏm đồi cao nhất Phiêng Tam. Mùa mưa thì chẳng nói làm gì: Có ông trời thỉnh thoảng nó "đái" xuống cho rồi. Còn mùa khô thì đành chịu. Ở dưới thung lũng kia, Nhà nước đầu tư cho Phiêng Tam một cái đập con chắn khe suối cạn để mùa mưa chứa nước cái khe ấy dùng máy bơm tưới cây xì xì mà thềm. Thế là thằng Minh "máy bơm" ở thị xã biết thóp ông. Đang mong lại gặp, mừng quá còn gì. Thế là ông nhận "lấy chịu" nó cái máy bơm phun mưa. Nhưng ôi thôi, cái máy chết tiệt chỉ dùng được chưa đầy tháng đầu mùa khô thì nước hồ đã cạn tro đáy. Chiếc máy bơm thành của bỏ xó. Mỗi lần nhìn thấy mà ghét, ít cũng nửa tấn cà phê vào đấy...

Đấy, ông Chour Quảng mới dần dần hiểu ra cái cách bung ra làm kinh tế trang trại nó phải có cái đầu biết nghĩ như thế nào? May mà ông có thằng Quảng nó quán xuyến.

Ở Phiêng Tam này, ông biết rõ có mấy hộ, cả vợ lẫn chồng con chữ bẻ góc không biết cũng hăng hái nhận vốn về làm trang trại. Đáng lẽ một phần vốn chỉ vào phân bón, thuốc trừ sâu, thuê người chăm sóc, làm cỏ... thì lại tít măt mua sắm quần áo, vật dụng. Vườn cây trồng mười chỉ sống được ba bốn, thế là thành nợ mãi nhà nước chưa trả được. Nhưng ông thì khác. Ai cũng bảo có sáu héc ta cà phê tốt bởi bởi lên kia rồi, cố mà làm lại ngôi nhà kê lợp ngói để ở cho khỏi khổ, tội gì vợ chồng già ở mãi cái túp lều tạm! Nhưng ông Chour quyết không làm thế, để đợi xem vụ cà phê này thế nào đã. Trang trả không xong hết, cũng xong quá nửa nợ, thì mới tính sau. Đang kiên tâm cái nghĩ ấy, thì dùng một cái, bà vợ nhỏ nhẹ vào tai ông là thằng Hon muốn lấy vợ. Thế mới điên ông chứ!

Kể ra thì thằng Hon chẳng tội tình gì. Nó là út, nhưng cũng đã hai mươi hai tuổi rồi, nó cũng đi học tiếp trung cấp nông lâm theo đường đi của anh nó, thằng Quảng. Còn chị gái nó, cái Chua cũng đã đi nhà chồng được ba năm nay rồi, ở tận bản Pảng. Còn hai vợ chồng già trông vào mỗi thằng Hon, cũng mong lấy vợ cho nó, rồi cái trang trại này cũng là của nó, để vợ chồng nó nuôi bố mẹ lúc ở chân núi đá bên kia...

Bây giờ thì hai ông bà đang đi từ từ xuống sườn núi ấy rồi. Lấy vợ cho thằng Hon là phải chứ. Nhưng ông Chour lại há mồm, nghe đau nhói ở đâu đó trong lòng, khi nghe bà vợ nói cái cô gái mà Hon chọn lấy là cái Vinh, con gái út nhà ông Inh, trang trại bên cạnh ông đây thôi! Thế mới rắc rối! Bởi cách đây hai năm, ông Chour với ông Inh có chuyện lạo quạo với nhau, đến nỗi ông Chour Quảng thề thâm trong bụng là đến khi nhắm mắt vào... vào... lòng đất cũng không thềm trèo thang nhà ông Inh nữa.

Bao nhiêu chuyện rối tinh như người đi rừng mắc vào bụi gai móng mèo như thế, làm gì mà trưa nay ông Chour không cho một phát súng lên trời!

Ánh nắng đã ngả về chiều, mà cái Phiêng Tam này, bên đông bên tây đều chắn sừng sững bởi hai dãy núi đá, nên cứ tầm ba bốn giờ chiều là bóng núi bắt đầu tỏa che xuống Phiêng rất nhanh. Lúc

này, gió mới ngọt quần đảo. Có lẽ vì thế mà ông Chour mới tỉnh ngủ, và bật dậy, chợt nhớ ra là chuyến xe təc chổ nước mà ông bảo thằng Hon đi thuê chổ về vẫn còn biệt tăm. Hay nó lại khề khà ở quán rượu nào? Bể nước dùng đã cạn đến đáy đã đành, lại còn cần một təc để phun cho vạt cà phê ở cao nhất ấy nữa. Riêng cái khoản thuê xe təc chổ nước này, mùa khô năm nay cũng đã tốn tiền triệu rồi. Cái thằng, được mấy ngày nghỉ học về giúp bố lại còn dềnh dàng thế...

Sốt ruột, ông sầm sầm ra khỏi lều, đứng ở ngoài sân, hết trông ra con đường sáu trái nhựa láng bóng, ngóng chiếc xe təc quen thuộc, lại ngắm cái thị tứ nho nhỏ với mấy chục cái quán tạp nham ở ven đường dưới kia trong cái cảnh xe máy, công nông ồn ă suốt ngày...

*

Đất Phiêng Tam này mặc dù xa huyện lỵ đến hơn chục cây số, nhưng được cái nằm dọc đường quốc lộ, nên cũng tiện cho việc đi lại. Chỉ có điều nó quá khắc nghiệt về nước, mùa mưa còn đỡ, chứ mùa khô, cả Phiêng chung nhau một cái mó nước nhỏ ở tít dưới hũm kia. Sau mùa mưa nó còn chảy to bằng cổ tay trẻ con, nhưng cuối mùa khô thì chỉ còn tong tỏng bằng cái đuôi chuột. Khổ nhất đàn bà con gái, không lấy đâu ra đủ nước tắm giặt. Cũng vì lẽ này mà suốt mấy chục năm dài sau giải phóng Tây Bắc, Phiêng Tam chỉ là vùng đất hoang. Thằng hoặc, người dân trong ba bản quanh đấy mới làm vài đám nương ngô, lạc, nhưng thu hoạch cũng năm được năm mất. Mãi đến khi có chủ trương dân bản làm trang trại, và chương trình nước sạch cho nông thôn được lan đến, Phiêng Tam mới có nhà, có cửa, có người đông vui như bây giờ. Người ta mới biết quý đất Phiêng Tam. Thế mà mất mấy chục năm, người ta để phí nó, mà người dân thì năm no năm đói, cứ loay hoay kéo dài... Và khi đã biết cái giá trị của đất Phiêng rồi, người dân Phiêng Tam mới biết đua nhau giữ đất. Ấy là cái năm mà huyện đến làm cái giao đất giao rừng. May mà ông Chour đã nhanh chân ra làm nương lạc, ngô trước tiên ở cái mỏm đồi mà vợ chồng ông đang ở với rừng cà phê bây giờ đây, và nương của ông rộng mãi ra, chưa ai cấm đoán gì. Đến khi làm giao đất, lại có thằng Quảng làm cái "cố vấn", nên được nhận sáu héc ta. Nhưng rắc rối với nhà ông Inh cũng từ đấy.

Số là, mé trang trại hướng bắc của ông Chour giáp với đất trang trại nhà ông Inh, chỉ ngăn ranh giới bằng một hàng rào lấy lệ. Đến khi ông Inh làm thủ tục đo đạc nhận bìa đồ thì mới ó ra là ông Chour lấn sang phần đất của mình non một sải ta, kéo dài từ chân đồi lên đỉnh đồi. Thế là xảy ra tiếng to tiếng nhỏ với nhau. Từ cái thời xa xưa, người Thái ở muông này có tranh đất với nhau bao giờ, sống đùm bọc nhau "miếng cơm chia đôi, cọng rau xẻ nửa" quen rồi, trong bản hễ có nhà nào xích mích đến cãi vã, chửi bới nhau là từ đấy không treo thang nhà nhau nữa, cho nên trong mỗi bản hầu như rất ít xung khắc, cãi vã, chứ chưa nói đến chửi bới ông cha mà tổ của nhau...

Cái hôm ông Chour được trưởng bản với tổ đo đạc đất đai của xã của huyện gọi đến làm việc, thì ông mới há mồm giật mình, sẵn tính nóng nảy, ông đòi ra ngay chỗ đất tranh chấp. Ông Inh có họ hàng xa với ông Chour (cái rể người mà), gọi ông Chour bằng anh, nên trông dáng vẻ ông Inh cũng tội lắm. Ông ta cứ chấp tay lấp bắp thua mọi người, thua ông Chour rằng:

– Ờ, ơ... thua các cán... bộ, thua bác... Chour Quảng, nó là thế này, ngày trước nương em với nương bác giáp nhau theo này, ta vẫn đặt ranh giới bằng rạch rác cây cỏ từ chỗ gốc cây ban này đi xuống, nay bác lại đặt rào quá sang bên em bằng này, ơ, à, thua cán bộ, thua bác Chour... em là em... mấy mẹ con nhà em, e hèm, cứ mề nheo, là có tí đất, e hèm, bác cho đàn bà con gái nhà em xin lại, nó cũng trồng thêm được một hàng cây cà phê, e hèm...

Cả đoàn cán bộ từ huyện đến xã chưa biết nói gì, thì ông Chour đã hậm hừ đến ngấm nghĩa cái gốc cây ban cụt, cách rào ngăn sâu về phía trại ông độ một bước chân nhảy. Ông thì chẳng biết giáp với giới nương đất với vợ con thế nào, cái hôm nhận đất cũng do bà vợ ông nó nói, thì ông kể theo như thế. Thôi, mất gì có một bước nhảy theo đất. Ông bỗng quay lại với cả đám người, dứt khoát:

– Thôi, báo cáo các đồng chí, tôi là bộ đội phục viên, tôi không có ý tranh đất với ai, có thể đây là do vợ tôi nó nhớ nhầm, nên bây giờ, ông Inh phát hiện ra thì tôi trả lại...

Nói rồi, ông hậm hằm hục hục đi nhổ cái hàng rào cây chó đẻ rào vào sau gốc cây ban cháy kia. Đoàn cán bộ có anh ở xã vội hỏi:

- Ô, này, nhưng mà bác Chour ơi, thế hàng cây bác đã trồng, thì làm thế nào, phải làm biên bản chứ. Không thể nói mồm là xong được.

Ông Chour Quảng khựng tay lại, ngẫm nghĩ một lúc, rồi lại khoát tay:

- Thôi, biên bản giấy không bằng biên bản lòng. Tôi không có ý gì với chú Inh đâu. Chú Inh có cũng như tôi có mà...

Rồi ông lại hăng hái cấm lại hàng rào trước sự ngạc nhiên của mọi người. Ông Inh thì cứ lóng ngóng, không biết nên mừng hay nên lo...

Nó từ đây! Không phải ông Chour tiếc thẻo đất, mà ông thấy bê mặt. Đáng lẽ ông Inh cứ "riêng tư" hai nhà với nhau thì có phải khỏi to chuyện không? Ông Inh làm thế, để ông Chour cứ mang cái tiếng xấu là tham lam, có tí đất mà cũng khai man lấy của người khác. Mà ngay sau đó cả Phiêng Tam ai cũng đồn như thế mới đau chứ. Thế là...

Đã qua hơn hai năm rồi, tưởng chuyện đó rồi cũng nguôi dần đi. Phần vì mải lao vào lo cho cái trang trại đầu tư vốn gần trăm triệu đồng, phần vì thấy ông Inh cũng hối hận, thỉnh thoảng có việc lại đến thăm vợ chồng ông, một mực "xin bác Chour Quảng, lỗi với bác Chour Quảng, ơn bác Chour Quảng!" Nghe ông Inh gọi mình như thế, ông Chour nửa muốn bao dung đúng nghĩa của cái tên ghép ấy, phần vẫn còn cay cay sâu lắng ở thăm sâu đáy lòng, nên ông cũng đành "lành mặt" thôi, nhưng để ông đến trèo thang lên nhà ông Inh thì... chưa có sức mạnh nào thúc sau lưng.

Phen này lại chính thằng Hon nhà ông nó lại làm cái gây thúc vào lưng ông rồi. Hừ! Con với cái, để đấy đã!

*

Mà quái, sao bây giờ nó vẫn chưa dẫn xe təc nước về? Ông ngó chiếc đồng hồ báo thức mà thằng Quảng sắm cho đặt ở góc bàn: đã bốn giờ chiều. Nếu xe təc đến vẫn còn kịp! Nghĩ vậy, ông xuống thang, vào cái nhà kho cất các thứ dụng cụ, lôi ra chiếc máy bơm nước, giật dây chạy thử. Nhưng nó chỉ chạy được vài phút lại tắt ngóm. Ông mở van xăng: xăng vẫn chạy! Hay hết dầu nhòm? Ông rút thước đo, chỉ còn một tí tẹo! Ông tần ngần lấy ngón tay quẹt

ngấn dầu, tra thuốc trở lại. Rồi vừa quyết tay vào đống quần, vừa vào kho lục tìm dầu.

Có tiếng xe máy rú ga từ ngoài ngõ. Thăng Hon! Sao nó lại về một mình? Xe tét đâu?

Hon, một chàng trai vạm vỡ, cao như bố, nét mặt đỏ gay, bỏ chiếc mũ bảo hiểm ra, hớn hển:

– Hồng rồi, bố ạ! Họ hẹn ngày mai! Họ có họp đồng trước mình rồi.

Ông Chour sững lại trước cửa kho:

– Tại mày mãi la cà chỗ nào chứ gì, mày đi từ sáng mà!

– Không phải! – Hon biết tính nóng của bố, nên vội thanh minh – Xuống đến nơi, con gặp ngay anh đội trưởng, nhưng biết là họ có họp đồng khác, chưa làm cho mình được, nên con tranh thủ về trường xin phép nghỉ thêm cho hết tuần, nên bây giờ mới về ạ!

Ông Chour hừ một tiếng, đóng sập cửa kho:

– Thôi, mai cũng được! Thế mày mua cái gì về làm bữa tối hay không, bố có chuyện mời bác Ôn mày đến để bàn! Nếu chưa thì quay xuống lấy ngay đi.

Hon lấy từ cốp chiếc xe Min ra một túi giấy bóng:

– Một cân thịt bò, một cân tiết đây thôi. Hết tiền rồi...

Ông Chour trợn mắt:

– Cầm đi năm chục mà hết rồi! Lại vút vào quán hết chứ gì!

Ông xông xộc lên thang, làm cái lều rung lên, nói với xuống:

– Còn chiếc xe ấy nữa, đi như phá rồi lại vút!

Vì ông chợt nhớ, chiếc xe ấy là ông bấm bụng bán bốn con trâu để sắm mà chạy việc. Nhưng thật ra ông có biết đi đâu. Hồi thằng Quảng còn ở nhà, thì đưa nào cần chạy việc thì dùng. Lần nào ông cần đi, thì chúng nó lái đi. Thời buổi làm ăn này, có cái xe máy cũng tiện. Bây giờ, Quảng đã ở riêng, sắm được xe khác, ông giao nó cho thằng Hon, mang hẳn theo về trường, để ngày nghỉ nó còn nháo về chạy việc giúp bố. Nó bắt đầu biết chơi theo "mỏ cửa" cũng từ cái xe ấy: Quần bò, giấy khùng bố, trông ngứa cả mắt. Nhưng nó là út, nên ông đành làm ngo!

Tối ấy, và cả đêm, trong túp lều của ông Chour rủ rỉ diễn ra một cuộc tâm tình rượu cần nhỏ. Dù có nóng tính đến mấy, lo việc đến mấy, nhưng ông Chour không quên được ngày này cách đây gần hai chục năm trước, khi ông bị thương ở mặt trận Cánh đồng Chum. Hôm ấy tiểu đội ông đánh bật được bọn biệt kích, thì ông bị thương vào đùi trái, cả tiểu đội chỉ còn mấy người, khi rút ra, chính anh Ôn đã công mình, suốt đường rút. May vết thương chỉ vào phần mềm, nên ông được tính là thương binh 4/4. Cứ đến ngày này, là ông Chour lại nhớ đến ông bạn Ôn ở trang trại bên lưng Ngựa, bây giờ là tổ trưởng cự chiến binh. Kỷ niệm xưa, nhớ bạn xưa, ông Ôn được thằng Hon phi xe đi đón đến. Có cái chum rượu cần nhỏ bà Hom làm sẵn cho ông từ tháng trước, hai ông bạn già ép nhau ừng ực nút, thằng Hon làm coóng, rồi lại ngồi mâm rỉ rả nhắc chén. Thực tình ông Chour cũng một phần muốn có cuộc tâm tình này để quên đi những nỗi bực dọc ban ngày nó cứ ủa đến. Nhưng giá có bà Hom ở nhà thì vẫn hay hơn. Nhưng thôi, mặc kệ cái đàn bà đã!

Tạm quên mọi chuyện đi đã! Vui đã!

- Nào, mời bác!

- Nào, hai páy¹ thôi nhé! Đạo này tôi uống yếu lắm rồi.

Ông Ôn bảo thế, nhưng cũng tu ừng ực một cái cạn khô đáy.

*

Tiếng máy phát điện 0,5 ký nổ lạch bạch, rồi kêu ro ro từ trong kho phát ra, và cái bóng điện trong lều bật sáng đánh thức ông Chour. Thằng Hon nó đã dậy sớm hơn ông. Nó nhớ công việc của nó là sớm nay xuống huyện thuê xe təc lên. Đêm qua ông còn nhớ: nó không hấu rượu bố với bác Ôn được đến khuya, nó phép hai ông, giao chai rượu cho bố tự làm coóng tiếp bác Ôn, nó tót sang trang trại nhà ông Inh chơi. Ông biết tổng là nó đi làm gì. Ông chỉ lừ mắt bảo nó:

- Chóc nữa về còn dọn mâm đấy!

Nó cười cười:

1. Páy (Tiếng Thái đen) là mấy chén đầu tiên uống liên tục trước khi ngồi nhâm nhi - tục lệ tiếp rượu khách mời.

– Bố với bác yên chí. Nếu buồn ngủ cứ ngủ trước!

Rồi nó gỡ lấy hai bộ chăn đệm trải sẵn bên cạnh mâm cho hai người già, xong nó huyết sáo miệng véo von xuống khỏi lều. Ông cũng nhớ quãng nửa đêm, ông nghe thằng Hon với cái Vinh rón rén đến dọn mâm, vì quá say, hai ông bạn già không dọn nổi mâm, cứ mặc đấy, rồi mỗi ông chui vào đệm của mình mà ngủ. May nhà không nuôi con bốn chân (con chó) nó tha hồ mà dọn hộ.

Ông Chour mới chợt nhớ công việc của mình sáng nay: phải đi phun thuốc sâu cho vạt cà phê số bốn. Hôm trước cô Lan khuyến nông huyện phụ trách vùng Phiêng Tam lên kiểm tra, phát hiện ra vạt cà phê ấy của ông có hiện tượng sâu đục thân, dặn ông phun thuốc ngay kéo nó lan sang vạt khác. Ông lục cục dậy cất chỗ chăn đệm của mình, đắp thêm chăn cho ông bạn Ôn đang ngủ khê khê, rồi ông xuống kho lấy ra cái bình phun thuốc sâu. Ông hí hụi pha thuốc xong thì trời tờ mờ sáng, ông dặn thằng Hon mấy việc, rồi khoác bình bơm lên vai và mất hút vào rừng cà phê xanh ngắt buổi ban mai.

Rừng cà phê đang ra quả xanh non, trút dần những cánh hoa trắng nõn chất đầy dưới gốc. Nhưng hương thơm của hoa vẫn tỏa ngào ngạt trong gió sớm. Tiếng ong kiếm mật đã âm ỉ cả bầu không khí ban mai. Ông Chour đang thận trọng phun thuốc cho từng lùm cà phê vạt số bốn, thì bỗng thằng Hon chạy hót hải đến gọi:

– Bố ơi, bố về ngay, anh Bình kỹ thuật của công ty lên sớm có việc gấp cần gặp bố!

Ông Chour ngạc nhiên, tay vẫn bấm van phun xì xì:

– Việc gì thế, mà nó lên sớm?

– Con không biết, anh ấy bảo bố về ngay, để bàn!

Rồi thằng Hon cũng biến về luôn.

Anh Bình kỹ thuật công ty cà phê là chỗ quen thân với ông Chour từ ngày đầu tiên ông gây dựng trang trại này. Cũng nhờ anh Bình với thằng Quảng nhà ông chạy vay, mãi ông mới vay thêm được ở ngân hàng cái vốn xóa đói giảm nghèo để đầu tư thêm cho trang trại. Vì ngân hàng họ bảo: "Ông có đói nghèo đâu mà vay". Khó thế đấy! Mà ông đã giàu đâu cơ chứ? Sắp giàu thì đúng hơn!

Thấy ông Chour về, anh Bình mừng rỡ:

- May quá, bác ở nhà. Sợ bác lại đi vắng, nên cháu phải phi xe lên sớm đây.

- Có việc gì thế? Xấu hay tốt?

Anh Bình hớn hở thông báo với ông Chour rằng: Trưa nay có đoàn làm phim của truyền hình trung ương sẽ lên quay trang trại của bác, nên bác phải chuẩn bị ngay để thao tác các quy trình kỹ thuật chăm sóc cà phê. Nhưng phải có cả bác gái, có con gái, có con trai trẻ măng cùng làm theo, để bác hướng dẫn cho con cháu ấy mà.

Nghe xong, ông Chour trố mắt:

- Tháng trước cũng quay rồi mà! Sao quay nhiều thế?

Bình cười cười:

- Ấy, tháng trước là truyền hình tỉnh, bây giờ là truyền hình trung ương mà.

Ông Chour vừa cất bình phun vào kho, vừa thở dài:

- Hày! Tao đã giàu đâu mà cứ tuyên truyền mãi!

- Không giàu rồi cũng giàu. Nhìn cà phê nhà ta là cháu biết!
- Bình hể hả, rồi anh thông báo: - Năm nay Phiêng Tam ta được nhà nước cho khất nợ ngân hàng, vì năm ngoái bị sương muối, cà phê bị thất thu, cho nên năm nay bác chưa phải trả nợ đâu, bác tha hồ để lại đầu tư cho trang trại...

- Thật thế à? - Ông Chour mừng rỡ, rồi quay tìm thằng Hon
- Thế thì thằng Hon đến bản Pảng đón mẹ mày về ngay đi. Còn con gái xinh đẹp thì bảo ai được nhỉ?

- Thì như lần trước ấy! - Thằng Hon láu cá nháy mắt với anh Bình - Bảo cái Vinh nhà ông Inh, bố ạ.

Ông Chour hừm một tiếng rồi bước vội lên lều, gọi với xuống:

- Anh Bình lên nhà đã. Còn thằng Hon, đi ngay đi, rồi còn về đi huyện đón xe təc, để quay cảnh phun nước tưới luôn. Mày còn trơ khấc ra đấy à!

Hon nổ máy ầm ầm, rồi phóng vù đi ngay. Bình lên lều, mới thấy bác Ôn dậy, đang cất chăn đệm. Ông liến thoắng:

- Tốt quá! Tốt quá! Thế thì xong vụ cà phê này, nhà chú Chour Quảng phải làm nhà đi thôi, rồi mà cưới vợ cho thằng Hon đi!

Ông Chour Quảng đang nhom bếp đun nước, nghe bác Ôn nói thế thì giật mình ngoảnh ra:

– Cái gì? Bác biết hết chuyện thằng Hon rồi à?

– Thì hôm nọ thím chả gặp tôi nói hết rồi. Đừng vì chuyện cũ ấy mà làm khổ con cái nữa.

Ông Chour Quảng ngẫm nghĩ một lát, rồi nói:

– Bác nghĩ thế thật à? Có nên không!

– Nèn quá còn gì. Nhưng trước hết mai kia đi làm lễ Pay váy (ăn hỏi) cho nó đi. Rồi khi làm xong nhà mới, làm lễ cưới luôn!

Ông Chour Quảng lại ngẫm nghĩ, rồi cười cười:

– Thế, bác làm Po Xứ¹ cho cháu nhé!

– Tôi á? – Ông Ôn há mồm, tưởng nghe nhầm. Ông Chour Quảng lại cười:

– Thì bác chả làm Po Xứ cho bao nhiêu đám rồi mà!

Ông Ôn mới gật gật đầu:

– Được thôi, được thôi! Ngại gì chứ!

– Thật đấy! Còn bây giờ, bác giúp em đun cái ấm nước đã, để em với anh Bình ra xem cái vật cà phê bị sâu đục thân ấy, chốc bà nhà em về, ta bàn kỹ thêm. Đi thôi, anh Bình.

Ông Chour Quảng cùng Bình xuống khỏi lều. Ông Chour lại khoác vôi bình phun thuốc, hồi hải biến dần vào rừng cà phê đang chìm ngập trong ánh nắng ban mai đang tỏa lan khắp Phiêng Tam; lồng lộng những trang trại cà phê, cây quả.

Tam Đảo tháng 11-1999

Sơn La 12-1999

1. Po Xứ (tiếng Thái): người chủ hôn.

Vi Thị Kim Bình (dân tộc: Tày) tên khai sinh: Vi Thị Kim Bình. Năm sinh: 29-9-1941. Quê quán: Huyện Cao Lộc – tỉnh Lạng Sơn

Tác phẩm đã xuất bản: Chữ thập đỏ (tập truyện, in chung, 1966); Ánh sáng cây đèn biển (tập truyện, in chung, 1968); Niềm vui (tập truyện, 1979); Những bông huệ (tập truyện, 1997).

Giải thưởng văn học: Giải khuyến khích tuần báo văn nghệ 1968. Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam 1970 dành cho các tác giả dân tộc thiểu số.

LỖ HẸN

Tết đến, công việc ở cơ quan đã bận, nhưng việc ở nhà còn bề bộn hơn nhiều.

Vất vả nhưng Lim không biết mệt là gì. Vừa quét vôi, cô vừa hát, thỉnh thoảng cô lại mỉm cười một mình. Chốc chốc Lim lại ngó vào buồng xem chiếc đồng hồ báo thức. Cô giật mình mấy lần, tưởng đồng hồ chết. Nhìn vào hai chiếc kim, cô cứ tưởng là nó đứng im. Có lúc Lim không tin ở mắt mình, cô cầm cả chiếc đồng hồ áp vào tai nghe, rồi tự mỉm cười ngượng nghịu.

Mười mười hai giờ. Ôi! Còn sớm chán – Còn ba tiếng đồng hồ nữa anh Đăng sẽ về đến nhà. Anh lại được đốt bằng pháo đầu tiên "mời các cụ" về nhà ăn bữa cơm chiều ba mươi Tết ấm cúng cùng gia đình.

Ô tô ngày tết chỉ có chậm, chứ chả có sớm hơn được. Nghĩ thế, Lim thấy yên lòng và đặt chiếc đồng hồ vào chỗ cũ. Bỗng có tiếng gọi:

– Cô Lim ơi! Cô có thư!

Lim lao ra cửa đón lấy bức thư trong tay một em bé trai chừng tám chín tuổi. Xé vôi chiếc phong bì, Lim đọc ngấu nghiến. Lá thư rung lên theo nhịp thở dồn dập của Lim. Đọc xong, cô nhắm nghiền hai mắt, mặt bần thần.

– Cô Lim cho cháu ra bến xe đón chú Đăng với nhé! Cháu đeo ba – lô cho chú ấy. Cháu đeo được đấy, cô ạ. Tiếng em Tính làm cô bùng tỉnh.

Ồi! Thế là... đảo lộn hết. Lim thở dài. Cô nhìn em Tính dăm dăm như để trấn tĩnh, rồi hờ hững trả lời em:

– Cô không đi đón chú Đăng nữa đâu.

– Sao hả cô? Em Tính ngơ ngác nhìn Lim, Lim không dám trả lời thẳng vào câu em hỏi. Cô xoa đầu Tính, nói nhỏ nhẹ:

– Cô cảm ơn cháu nhé! Thôi, cháu đi chơi đi. Em Tính chẳng hiểu tí gì, nhưng rồi em cũng chạy ra cổng theo các bạn.

Lim trở vào nhà, lặng lẽ nhìn những bức tường đang quét vôi nham nhở, cô nghĩ: – Bức thư đến sớm một chút có tốt hơn không? Mình sẽ chẳng quét vôi nữa, quét bụi cũng tốt chán rồi. Đầu óc Lim rối mù cả lên. Lim thực sự không muốn làm gì nữa. Nhưng rồi, Lim lại tự trách mình:

– Thế ra mình chỉ sửa soạn nhà cửa để đón anh Đăng thôi ư?

Không, không nên có ý nghĩ vớ vẩn như thế. Lim lại lao vào làm tiếp, cô chạy đua với thời gian.

*

Lim về nhà anh Đăng vừa tròn bốn ngày, chưa hết ngỡ ngàng thì anh nhập ngũ. Cô thay anh chăm sóc bố mẹ già. Đã hai lần hoa đào nở, anh không được ở nhà. Tết năm nay cả nhà đều tin là anh sẽ về ăn Tết vì chính anh cũng đã hẹn rồi. Lim nhẩm lại một đoạn trong bức thư mới nhận được mà cô đã thuộc lòng:

"Anh khó mà về nhà trong dịp Tết, anh chỉ được nghỉ có ba ngày. Nếu em bố trí nghỉ phép, anh sẽ lên đón em tại trường của anh Ninh ở Lạng Sơn vào ngày mừng bốn hoặc mừng năm Tết". Lim lẩm nhẩm nói một mình "nghỉ có ba ngày thì về làm sao được. Quảng đường Hà Nội – Lạng Sơn, Lạng Sơn – Cao Bằng và Cao Bằng – Trùng Khánh! Anh nghỉ có ba ngày có khi chưa về đến nhà thì đã hết phép".

Nghỉ phép thì không khó, nhưng đi phép thì Lim lo thực sự. Ba năm nay Lim không nghỉ phép, cô chẳng biết đi đâu. Từ bé, Lim chưa đi ra khỏi thị xã Cao Bằng lần nào. Chị em ở cơ quan thấy

Lim thật thà, hiền lành nên rất thương, cứ giục Lim đi thăm chồng. Bức thư của Đăng làm Lim bối rối. Lim lựa lời thưa chuyện với bố mẹ. Cả nhà im lặng, Lim thoáng thấy trán bố nhăn lại, còn mẹ, đôi mắt mẹ cứ chớp chớp liên tục. Chỉ vài giây sau, bố ho mấy tiếng rồi nói:

– Bộ đội nhiều việc, được nghỉ ít ngày, nhà mình lại xa, nó cố về thì lại quá phép. Nó hẹn đón con ở Lạng Sơn cũng được. Con nên đi, thu xếp ngay chiều nay. Com nước để bố mẹ làm cho.

Thấy bố nói thế, mẹ vui ngay, mẹ nói tiếp:

– Con xuống đây ăn Tết với nó. Bánh làm xong cả rồi. Nó về thì nó ăn, nó không về thì mang xuống cho nó.

Mọi việc thay đổi nhanh quá, khiến Lim thấy choáng váng. Cô thấy người mệt mỏi rũ ra. Lim cứ tưởng chiều nay cô là người hạnh phúc nhất làng. Công việc ở cơ quan cũng như việc nhà, Lim xếp đặt đâu vào đấy. Cô cứ tưởng chiều nay cô được ngồi ăn com cùng với chồng. Cô sẽ được đón khách của cả làng sang chơi. Sáng mai mồng một cô đưa anh Đăng đi thăm và chúc Tết họ hàng, bạn bè, cơ quan và cô sẽ không quên khoe với anh về đàn lợn của cô, đàn lợn đẹp nhất trại. Ngày mồng hai, Lim sẽ rủ anh đi tra ngô cùng với cô. Năm nào cũng vậy, cứ mồng hai Tết là Lim đi tra ngô. Tất cả những việc Lim sắp đặt đều đảo lộn hết, thật rắc rối.

Trước khi đến nhà đồng chí thủ trưởng cơ quan xin nghỉ phép, cô chạy vội đến nhà chị Minh. Lim nghĩ chán ra rồi, chỉ có giao đàn lợn cho chị Minh là cô yên tâm. Chị Minh tuy có chậm chạp một tý song chị rất cẩn thận và sạch sẽ.

Biết là Lim đi phép đột ngột, chị tươi cười nói với Lim:

– Cô đừng lo tôi vất vả, các cháu đã lớn, nó có thể giúp tôi thêm. Chỉ lo cô đi đường xa, mong cô đi đến nơi gặp nhiều may mắn và khi về... phải có "tin mừng" đấy nhé!

Lim "ừ" một cái, ngáy dài nhìn chị Minh, rồi chạy vụt đến nhà thủ trưởng.

Tin Lim đi thăm chồng, sao mà loang nhanh thế. Không phải chỉ riêng ở xã mà một số bà con ở trên huyện cũng biết. Thế là nhà Lim chật khách. Ai cũng gửi quà cho anh Đăng. Ai cũng ép Lim ăn nhiều, ăn nhiều để có sức đi đường dài. Nhưng bụng Lim

không biết no, cũng không thấy đói, cứ nôn nao thế nào ấy. Đêm Lim ngủ không say, cứ chập chờn, vui thì ít, lo thì nhiều.

Bố mẹ Lim rất thương Lim, lại là người hiểu rõ cuộc sống gian khổ và thời gian eo hẹp, sắp sao của bộ đội. Nên cả bố mẹ bên nhà đều giúp Lim chuẩn bị cho cuộc đi phép xa này. Để yên tâm, bố mẹ cho anh Ninh – anh trai của Lim, đưa đi. Mặc dù Ninh mới về đến nhà chiều hai tám – phép của Ninh còn đến ngày mồng chín Tết.

Tối mồng một, hai anh em sắp xếp quần áo, quà cáp. Thứ gì cũng muốn mang theo. Cố bớt lại được chừng nào hay chừng ấy, thế mà hai anh em vẫn phải mang tới hai ba – lô con cóc và sáu tay nải nặng. Nào là quần áo, nào là bánh chưng, bánh khảo, chè lam, nào là thịt lợn, Lạp xườn, nào rượu, thuốc lá... Phần thì làm thức ăn dọc đường của hai anh em, phần thì quà cho anh Ninh. Nhưng phần quà mang cho anh Đăng là nhiều nhất.

Lim loay hoay gỡ ra, xếp đi xếp lại mãi, cố ý bớt lần nữa. Hiểu được ý con, mẹ Lim nhìn con gái cười nói:

– Mai mày đi thăm chồng, còn có anh mày đưa đi, đi bằng ô-tô, tàu hỏa... Cách đây ba mươi năm, đơn vị pá mày đóng ở dưới xuôi, một mình tao khắc đi, một gánh nặng trên vai, nào gạo, nào gà, nào quần áo. Đi, đi mãi, tới đâu ngủ đấy, có khi gặp người quen thì đi cả đêm, vừa đi, vừa lo chạy tàu bay, lo phỉ nó cướp, được như bây giờ sướng hơn "tiên". Chịu khó xách nặng một chút con ạ, nhiều anh em ở đơn vị cũng không được về ăn Tết như anh Đăng.

Lần đầu tiên bước chân ra đi vào giữa ngày Tết còn đang tung bùng, Lim thấy thoáng buồn. Tiếng khèn đâu đó vọng tới, Lim ngoái cổ về phía có tiếng khèn, trên đồi từng đôi trai gái đang thủ thỉ tâm tình. Bất giác Lim nghĩ đến chồng. Lim chẳng thiết đi hát đi chơi như họ. Cô nhớ tới một dịp xã đi làm thủy lợi, cuộc của Lim bị long ra, Lim còn đang loay hoay tìm dao thì có một chàng trai khỏe mạnh, có đôi mắt một mí trông rất hiền, anh có nụ cười rất duyên, cầm dao bước tới giúp Lim chêm lại cuốc. Hai người quen nhau và thân nhau từ đó. Không ngờ cái ngày làm thủy lợi ấy lại gắn chặt cuộc đời hai đứa với nhau.

Đúng hẹn, trưa ngày mồng bốn Tết, hai anh em đã có mặt ở trường của anh Ninh.

Ngày thường, trường đông vui là thế, chiều đến, sân bóng chuyển lúc nào cũng đông người. Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng nói cười rộn rã khắp khu trường. Thế mà hôm nay trường vắng ngắt. Nhà bếp lạnh tanh. Ngoài sân bóng, trong lớp học không có một bóng người. Ninh tìm mãi mới thấy hai anh bạn trai, nhà ở ngoài thị xã, vào coi trường, đang gục đầu vào bàn cờ. Ninh hỏi, các bạn bảo không có ai vào đây cả. Mới nghỉ có mấy ngày mà thấy trường hoang vắng quá. Các thầy cô giáo ở nội trú cũng về gia đình ăn Tết hết, Ninh nhớ tới nhà thầy cô giáo chủ nhiệm ở ngoài cổng trường, hai anh em lếch thếch xách túi ra đó gửi. Chờ đến giờ tàu Hà Nội lên, hai anh em ra đón anh Đăng.

Tàu lên đã lâu, hai anh em mới lò dò về. Cả thầy giáo và cô giáo chạy ra cổng đón, vốn vờ hỏi:

– Các em có đón được không?

– Chúng em tìm mãi mà không gặp, thầy cô ạ, Ninh trả lời – Còn Lim thì cúi gằm mặt, lặng lẽ bước vào nhà.

Cô giáo nhìn hai anh em Lim ái ngại, cô nói:

– Cứ đón hết hai chuyến tàu ngày mai, xem sao đã. Bây giờ thì hai anh em đi ăn cơm với chúng tôi.

– Chúng em mang theo nhiều bánh lắm cô ạ! Lim rụt rè nói.

– Tôi biết, Cao Bằng thì có nhiều bánh rồi – Cô tươi cười nói tiếp – Đi đường ăn nhiều bánh nóng ruột, cơm tôi nấu cả rồi, còn bánh mang đi làm quà.

Hai anh em Ninh đón trọn hai chuyến tàu sáng và chiều ngày mùng năm Tết, nhìn căng cả mắt mà không thấy anh Đăng đâu... Việc không gặp anh Đăng ở Lạng Sơn, cả hai anh em đều không ngờ đến. Ninh đã thấy nản, không biết nên để em đi tiếp hay lại đưa em trở về Trùng Khánh. Ninh không thể quyết định được. Cũng như khi ở lớp, Ninh mạnh dạn hỏi ý kiến thầy và cô giáo chủ nhiệm. Còn Lim thì hoàn toàn làm theo Ninh, anh bảo đi thì đi, anh bảo về thì về. Cô ngồi im chờ đợi. Cả hai vợ chồng thầy giáo cúi đầu suy nghĩ, cân nhắc và cuối cùng quyết định là: đi tiếp.

Trời hôm nay nắng đẹp, ấm áp quá, có thể đánh lừa người ta là mùa hè được. Cô giáo không quên dặn hai anh em mang theo áo rét, và nếu anh Đăng về Cao Bằng rồi thì Lim ở lại đơn vị đợi,

đùng lao về, anh Đăng lại nhào xuống, nhờ không gặp nhau thì những ngày phép sẽ uống phí.

Hai anh em gửi lại nhà thầy giáo hai tay nải các đồ đạc và phần quà của Ninh. Thấy Ninh còn ngập ngừng, thầy giáo hỏi:

– Em còn cần gì nữa không?

– Thưa thầy... ngày mồng chín...

– Tôi hiểu rồi. Thế này nhé, tôi cho em nghỉ thêm hai ngày nữa – Em cố gắng lên cho đúng hẹn.

*

Bước ra khỏi nhà thầy giáo, Lim cảm thấy như mình đang bị lạc vào một chốn mênh mông xa lắm. Ở nhà thầy giáo, Lim thấy yên bụng lắm. Thấy cô chỉ bảo ân cần. Còn bây giờ hai anh em đi trên một con tàu dài đặc, chật ních người. Toàn những người lạ, ai cũng vội vàng. Chẳng ai để ý đến hai anh em Lim, Lim thấy mình lạc lõng, cô thấy sợ và lo lắng thật sự. Cả hai anh em chưa được đi tàu bao giờ, chưa biết Hà Nội như thế nào, rồi sẽ lần mò ra sao đây. Lim muốn quay về lắm, nhưng lại nghĩ đến mẹ. Trước khi pá đi bộ đội đóng ở miền xuôi, mẹ một mình, lại đi bộ mà mẹ còn tìm gặp được. Minh mà bỏ về thì hèn quá!

Chuyến tàu đêm đưa hai anh em Lim lướt nhanh về phía Hà Nội. Tàu đang lao âm âm bỗng thấy tiếng lóc xóc, lóc xóc như người già lạc vào trong ống bơ, thì ra tàu đang chui vào đường hầm. Tàu không có điện, mỗi toa chỉ có một hoặc hai chiếc đèn bão treo lủng lẳng ở nóc tàu. Khi đoàn tàu lao vào đoạn đường hầm dài nhất (nghe người ta nói), Lim thấy khó thở, xung quanh tối om, bụi than bay rào rào vào mặt, vào tóc Lim, Lim đếm được tám đoạn đường hầm tất cả. Những đoạn đường hầm chỉ làm Lim khó chịu. Buồn ngủ quá, nhưng Lim ngủ không say, trong bụng cứ thấy nôn nao. Suốt từ ga Lạng Sơn, cả hai anh em phải ngồi dưới sàn tàu, các ghế đều chật ních. Càng gần sáng, tàu càng tiến gần đến Hà Nội, người lên tàu càng nhiều, tàu càng chật chội.

Ninh lách mãi mới ra được ngoài bậc lên xuống, đứng một lúc cho thoáng và nhường chỗ cho em được duỗi chân một chút. Hai anh em đều phải tháo dép vì đôi bàn chân nặng trĩu, sưng vù. Lim thấy rùng mình, ớn lạnh. Các bà người miền xuôi ngồi trên tàu lục

tục mặc thêm áo, người thì khoác thêm tấm ni lông, người thì khoác cả tấm vải còn nguyên lên lưng. Các cửa sổ toa tàu đều được đóng kín. Lim biết gió mùa đang ập đến. Người Lim run lên bần bật, không biết là cô sốt hay bị rét nữa. Cô gục đầu lên hai đầu gối, đầu óc Lim quay cuồng, rối loạn.

– Có cô bị ngất đây này! Ai là người nhà cô ta nhỉ!

– Có người ngất... cả toa tàu lao nhao. Ninh nghe thấy mấy tiếng "Có người ngất", anh liền lao vào trong toa.

Thấy em gái nôn thốc, nôn tháo, mặt và đôi môi tái nhợt, Ninh bàng hoàng cả người, anh không biết phải làm gì bây giờ. Anh đứng ngây nhìn mấy bà người Kinh đang xoa dầu, bóp tay, bóp chân cho Lim. Mọi người dạt ra, nhường chỗ cho Lim nằm. Một lát sau, Ninh mới vào đỡ em dậy, thấy thế mấy bà hỏi:

– Có ấy là em anh à? Cô ấy bị cảm đấy!

– Vâng. Ninh trả lời và nói tiếp – Ở nhà nó khỏe lắm bà ạ. Đi làm thủy lợi nó ngâm người dưới nước cả ngày mà nó có làm sao đâu.

– Thế thì cô ấy bị say tàu đấy!

– Có lẽ thế bà ạ. Từ bé đến giờ nó mới được đi tàu lần đầu đấy!

Lim ngồi dựa lưng vào vai anh, hai tay ôm lấy ngực như giữ để khỏi nôn. Ninh nhẹ nhàng đỡ em ngồi dựa vào một bà bên cạnh, anh đứng dậy với chiếc ba lô, tìm áo rét. Nhưng tất cả đều để lại nhà thầy giáo. Ninh đành lấy chiếc áo bằng vải pha ni-lon mặc thêm cho em. Không nghe lời cô giáo thật tai hại – anh nói với Lim. Cô nhắm mắt im lặng, Lim nhớ rất rõ hai chiếc áo len của hai anh em cô giấu trong tay nải gửi ở nhà cô giáo.

*

Tới ga Hà Nội, cố gắng lắm Lim mới đứng được mà không bị ngã. Thế là Ninh phải gánh hết đồ đạc và dìu em ra khỏi ga. Cũng may là Ninh xin được ở trên tàu một thanh củi dài làm đòn gánh. Hai đôi dép nhựa "Tiền phong" của hai anh em không rõ rơi đâu mất. Ra khỏi sân ga, mọi người biến đi nhanh chóng. Còn trơ lại hai anh em Lim đứng tần ngần ở cửa nhà ga. Có mấy bác đạp xích lô tiến đến gần và hỏi:

– Cô cậu về đâu?

Cả hai anh em ấp úng không biết trả lời thế nào. Nhìn ô tô, xe đạp chật đường phố. Ninh lóa cả mắt, Lim thì chóng cả mặt. Suýt nữa cả hai anh em bị ô tô chẹt, may mà có mấy bác xích lô gào to:

– Lui vào, lui vào, ô tô kia. Ninh vừa kéo Lim lùi lại thì chiếc ô tô tãi đi vút qua. Lim còn nhìn thấy bánh ô tô quay trước mặt. Tim Lim đập thình thịch trong lồng ngực. Chờ một lúc lâu cho bớt xe, hai anh em mới kéo nhau lao qua đường để tìm đến hàng phở ăn cho ấm bụng. Thấy hai anh em đi chân đất, cả bà chủ và khách ngồi ăn phở đều hỏi. Lim thấy lạ, sao họ để ý đến cả chân mình. Ở nhà việc đi chân đất có gì là lạ. Chỉ có bây giờ mình cảm thấy lạnh chân một chút thôi. Đường Hà Nội trải nhựa, đi đất càng êm chứ sao. Ninh kể lại cho mọi người nghe việc hai anh em đi trên tàu. Một chị đang ăn phở cúi xuống tháo ngay đôi dép lê còn mới đưa cho Lim:

– Cô cứ lấy mà đi, nhà tôi gần đây, tôi còn khối dép. Cô đừng ngại.

Lim chớp chớp hàng mi, nói:

– Hay chị cầm tiền mua đôi khác hộ em – Em cảm ơn chị lắm!

– Không, cô đừng nghĩ thế. Tôi biếu cô mà. Tôi không có chồng đi bộ đội, nhưng con trai tôi cũng là bộ đội. Cô cứ đi vào cho khỏi lạnh chân.

Ninh dúm vào tay chị một chiếc bánh chưng gù, nặng như một con lợn con và một gói chè lam to tướng. Ninh khấn khoản nói:

– Chị cầm về cho các cháu hộ em. Chị cứ cầm lấy cho em yên bụng. Em rất biết ơn chị. Em không bao giờ quên được đâu!

– Tôi nói thật mà, chú mang đi làm quà, đến đơn vị bao nhiêu quà cũng cứ thấy ít.

Bà chủ hàng cũng nói chen vào:

– Chú đừng ngại, cứ mang đi làm quà; của một đồng công một nén. Đã có công mang từ Cao Bằng đến đây – Rồi bà nói thêm: Hôm tôi lên đơn vị thăm thằng cháu cũng thế, tôi rang cho nó ba ống lạc, thế mà mỗi anh chỉ được vài hạt. Anh nào cũng xúm lấy,

mẹ mẹ con con vui đáo để – Bà quay lại nói với Lim: chị em giúp nhau là thường, cô không phải nghĩ ngợi gì.

Với chiếc phong bì có địa chỉ hòm thư của anh Đăng, hai anh em lần mò, hỏi thăm mãi rồi cũng tìm được đơn vị. Đó là một đơn vị bộ đội xây dựng sân bay.

Đồng chí bộ đội gác cổng còn đang phân vân, chưa kịp trả lời thì có mấy anh bộ đội trẻ đi qua, dừng lại hỏi:

– Đồng chí Đăng à? Đúng đồng chí Đăng người Tây Cao Bằng thì về nhà rồi.

Chao ôi! Nghe mấy tiếng ấy mà Lim toát mồ hôi. Toàn thân Lim bủn rủn chân tay rời rã. Lim thấy mắt cay cay, nước mắt chỉ muốn trào ra. Cô cúi vội xuống đất để tránh những cặp mắt của các anh bộ đội trẻ đang nhìn cô ái ngại. Để làm dịu cái không khí nặng nề ấy, các chiến sĩ trẻ người đơ ba lô, người xách tay nải cho Ninh. Họ ân cần thăm hỏi rồi rít rỏi đưa hai anh em về nhà khách của đơn vị, Ninh vươn vai, duỗi chân tay thoải mái, anh nghĩ: "Dù sao thì cũng trút được gánh nặng trên vai, đến đây cũng như về đến nhà rồi". Nhìn các chiến sĩ trẻ, Ninh chẳng quen một ai, nhưng anh tưởng những người này là người làng mình cả. Sao mà họ gần gũi, thân mật, đáng yêu đến thế. Cả đơn vị thay nhau thăm hỏi chăm sóc hai anh em Ninh, những câu bông đùa tế nhị khiến Lim thấy vui vui. Nỗi buồn âm thầm như tan dần đi. Sau đó các anh bộ đội đi làm, người nào việc ấy. Anh Ninh nhảy theo xe của đơn vị ra Hà Nội chơi. Lim ở "nhà" một mình, nỗi buồn như được nhân lên gấp ba, bốn lần. Cô ân hận về chuyến đi của mình, lẽ ra mình không nên đi phép thì đúng hơn. Ba năm không gặp chồng đã có gì là lâu. Nhiều chị em có chồng đi biệt hàng chục năm thì sao? Ở nhà bề bộn công việc mà mình lại bỏ đi. Lim nhớ đến đàn lợn ở trại do Lim chăm sóc. Thực lòng mà nói, cô không yên tâm khi giao đàn lợn cho người khác, mặc dầu Lim biết chị Minh là người rất cẩn thận. Nhưng chị Minh đâu có thuộc hết tính nết của từng con như Lim. Mỗi khi Lim cho lợn ăn, cô ngồi hàng giờ say sưa ngắm từng con một. Con thì thích ăn đặc, con thích ăn loãng, có con ăn xóc, con ăn mò, con thì vừa ăn vừa nghịch chạy quanh khắp máng. Biết tính từng con như vậy, nên sau bữa ăn con nào con ấy đều no căng. Con lợn nào cũng sạch, da bóng nhẫy. Lim nhớ

và lo cho chúng quá. Thế là Lim đã xa chúng tám ngày rồi. Tám ngày qua thật buồn tẻ, vô vị. Lim lại muốn bỏ về Cao Bằng ngay. Nhưng lại nghĩ đến lời cô giáo dặn lần này thì Lim không dám làm sai lời cô.

Các chiến sĩ trẻ đi lao động về lại ghé vào thăm và động viên Lim:

– Ngày mai là đồng chí Đảng hết phép rồi, chị cứ yên trí, tối nay hay sáng mai là cùng, đồng chí Đảng sẽ có mặt ở đây.

Đúng sáng ngày mồng chín Tết, Đảng về đến đơn vị. Nghe tiếng Đảng nói ở ngoài sân, Lim nhảy lên giường trùm chăn kín mít, cô không khóc nhưng nước mắt cứ trào ra.

Đảng cố nói to với anh Ninh để Lim nghe thấy:

– Em thật không ngờ anh và Lim lại tìm được đến đây. Vì đường đi, chỗ ở của em anh có biết đâu. Tuy em hẹn với Lim như thế, nhưng em nghĩ: ngày mồng hai vẫn còn là Tết, chắc gì bố mẹ đã cho đi. May ra ngày mừng bốn mới đi được. Đúng ra em chỉ được nghỉ ba ngày, nhưng đơn vị lại thưởng cho ba ngày nữa, vì tiểu đội của em lao động đạt năng suất cao. Với ý nghĩ ấy, em phóng ngay về nhà. Em thật có lỗi to. Biết hai anh em xuống đây rồi, em đứng ngồi không yên, bụng như có hàng ngàn con kiến lửa đốt. Ở nhà, người thì giục đi ngay, người giữ ở lại. Em ở nhà đúng một ngày, lại đi ngay. Xuống Lạng Sơn em đến trường anh tìm. Các bạn anh lại giữ em lại, bảo ngày mừng chín anh hết phép, thế nào anh em cũng lại lên. Em đang phân vân thì gặp thầy giáo chủ nhiệm của anh. Thầy giáo lại thúc em về ngay đơn vị và còn nói vui: "Nếu hợp đồng tác chiến mà như thế này thì nguy rồi. Nhưng xét cho cùng thì cả đôi bên đều quá nhiệt tình".

Giao lại em gái cho Đảng, Ninh ra Hà Nội về ngay Lạng Sơn.

*

Ngày chủ nhật, Đảng đưa Lim ra Hà Nội. Anh dẫn vợ đến viếng Lăng Bác, tham quan viện Bảo tàng Quân đội, viện Bảo tàng Lịch sử, đến công viên Thống nhất...

– Anh Ninh vội về quá. Anh ân hận là không đưa anh ấy ra Hà Nội chơi được – Đảng nói.

– Các bạn của anh cũng đưa anh Ninh đi rồi, ngày nào xe đơn vị chẳng ra Hà Nội.

Anh được đưa đi thì vẫn vui hơn. Đăng chép miệng nói tiếp: hẹn dịp khác vậy.

– Thôi, đừng nhắc đến cái "hẹn" của anh nữa, em sợ lắm rồi.

– Đấy, vừa nói đến là em lại mất vui, lại giận rồi.

– Bao giờ về đến nhà thì em mới vui được.

– Sao lại thế, anh về mà em vẫn chưa vui?

– Chưa, em lo nhiều lắm, đường trở về dài mà chỉ có một mình em, em bị say tàu.

– Không nên nói chuyện ấy nữa, khi nào về anh sẽ tính sau.

– Anh tính gì thì tính, em lo em vẫn cứ lo. Ở đây không có việc làm, ngồi không buồn lắm. Máy hôm anh chưa về các anh ấy tìm cho em mấy quyển sách kĩ thuật chăn nuôi, em đọc còn đỡ buồn. Ngày mai em về thôi.

– Em làm gì mà quyết định đột ngột thế? Em còn nhiều phép cơ mà.

– Còn nhiều, nhưng em cũng chỉ nghĩ một phép thôi.

Đến giờ hẹn, hai người lẳng lẳng bước đi đón xe của đơn vị. Chiếc ô tô con đỗ sát hai người. Thủ trưởng của Đăng cũng đi chuyến xe này, anh ló đầu ra khỏi xe và cất tiếng gọi:

– Mời các đồng chí lên xe.

Thấy Lim có vẻ buồn, đồng chí thủ trưởng hỏi:

– Hà Nội có đẹp không, chị?

– Hà Nội đẹp lắm thủ trưởng ạ.

– Đẹp, thế mà tôi thấy chị có vẻ không vui?

– Sao thủ trưởng lại biết? Nhìn cảnh đẹp, người đi lại đông vui, nhưng em vẫn không quên lo khi trở về nhà. Em đi tàu chóng mặt lắm. Ước gì em là con chim, em bay ngay về nhà.

– Ô, tưởng gì chứ, đường về thì khỏi lo. Chị chẳng cần biến thành chim thì chị cũng "bay" về được, bay với tốc độ lớn hơn chim rất nhiều.

– Đồng chí thủ trưởng không đùa em đấy chứ? – Lim nhìn, về
ngờ vực.

– Chị hỏi đồng chí Đảng xem, chúng tôi có thể làm được việc
đó không? – Rồi anh nhìn về phía Đảng như để chờ một câu trả lời.

– Ôi! Thủ trưởng sáng suốt quá – Đảng vui vẻ trả lời – Thế
mà tôi không nghĩ ra.

– Tôi sẽ gửi chị về Cao Bằng theo máy bay. Chúng ta là những
người làm chủ sân bay, làm chủ đường băng. Thế mà đồng chí Đảng
lại để vợ lo về tàu hỏa bị say. Đường hàng không Hà Nội – Cao
Bằng một tuần hai chuyến, đã có từ lâu.

– Ôi! Thế thì thích quá! Lim reo lên, mắt long lanh vì sung
sướng. Nhưng mà... đi tàu bay có say không ạ? Lim lại thấy lo và
hỏi thủ trưởng.

– Không, không sao. Đi máy bay cũng có thể bị say. Nhưng
thời gian ngồi trên đó chỉ mấy chục phút, chưa kịp say thì chị đã
về tới nhà rồi!

Thật là một điều bất ngờ đến với Lim, không ngờ một cô gái
suốt ngày quần quanh trong xóm nhỏ, chỉ quen sớm tối cùng đàn
lợn thân yêu ở tận đỉnh phía bắc của Tổ quốc lại được ngồi máy
bay. Bước lên cầu thang máy bay mà Lim cứ tưởng như trong giấc
mơ. Lim chỉ được thấy máy bay trong phim, trong ảnh. Hôm nay
Lim được thấy tận mắt, được sờ, được ngồi trong bụng nó. Lim nhìn
hai dãy ghế, ghế nào cũng bọc nhung đỏ, dưới sàn trải thảm, đi rất
êm và lịch sự. Lim chọn chiếc ghế gần cửa sổ ngồi, cửa sổ tròn như
vành nón. Chị phục vụ nhắc mọi người cài dây bảo hiểm. Lim loay
hoay mãi mới cài được. Nhiều người xem đồng hồ. Giờ cất cánh bắt
đầu. Lim hồi hộp nhìn ra cửa sổ, những vật xung quanh đang lùi
dần về phía sau. Chiếc máy bay đang bò lọc xọc trên đường băng.
Lim nhìn thấy toàn cảnh thủ đô Hà Nội: Nhà cửa, cây cối, đường
sá, sông ngòi đẹp như một bức tranh màu. Chiếc máy bay nâng vút
lên khỏi đường băng lóa nắng. Thủ đô Hà Nội vụt biến đi, chìm hẳn
dưới lớp mây trắng bông bênh, loáng một cái, máy bay đã bay qua
Lạng Sơn. Dòng sông Kỳ Cùng cũng lờ mờ hiện ra, Lim nhớ đến
anh Ninh. Lim nghĩ đến vợ chồng người thầy giáo của anh. Lim
không bao giờ quên được mấy bà miền xuôi tốt bụng cùng ngồi trên

tàu. Lim thầm cảm ơn một chị người Hà Nội đã cho Lim đôi dép... Lim cảm ơn tất cả. Cô thấy rạo rục vì sung sướng.

Về nhà Lim sẽ kể hết mọi chuyện cho bà con làng xóm nghe. Sang năm Lim sẽ đưa cả cu Tính – anh chàng "đua thư riêng" của Lim đi máy bay về Hà Nội. Cu cậu mà được đi như thế này, có mà hàng năm còn chưa hết sung sướng.

Một chuyến đi xa như nâng Lim lên, Lim thấy mình lớn hơn, hiểu biết nhiều hơn. Lim nghĩ một cách mộc mạc rằng: Mình có làm cật lực, làm hết cả đời mình, cũng chưa thật xứng đáng với những giọt máu của các chiến sĩ đã đổ khắp miền đất nước, giành lấy cuộc sống hạnh phúc trọn vẹn ngày hôm nay.

10-8-1978

Nông Minh Châu (dân tộc Tày), (9-1-1924-4-3-1979) tên khai sinh: *Nông Công Thủy. Quê quán: bản Cò Luông, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn*

Tác phẩm đã xuất bản: Tung còn và suối đàn (1963 - in chung), Muối lên rừng (1964); Ché Mên được đi họp (1959)...

MUỐI LÊN RỪNG

Muối lên rừng, tiểu thuyết đầu tay của Nông Minh Châu, miêu tả những bước phát triển đầu tiên của cách mạng ở vùng đồng bào các dân tộc Việt Bắc. Xuất bản năm 1963, tiểu thuyết đánh dấu sự xuất hiện của thể loại văn xuôi tự sự về đề tài cách mạng hiện đại của một cây bút người dân tộc Tày. Dưới đây là đoạn trích chương đầu của tiểu thuyết.

I

Trời nắng.

Cái nắng của tháng Một, tháng Chạp làm cho đất khô hanh. Những người lính cơ quăng những bao tải muối xuống đất, làm cho một lớp bụi tung lên rồi tỏa rộng ra mãi. Cả chợ ào ào chạy về hướng mấy người lính. Đường chợ bụi mù cả lên.

– Quan đồn bán muối! Quan đồn bán muối!

Có người vừa chạy vừa chỉ nói được mỗi một tiếng:

– Muối...! Muối...!

Quan đồn bán muối! Cái tin đó làm cho cả chợ Bó Lài hôm nay người đổ đi như nước vỡ phai.

Đã mấy tháng nay rồi, nhưng cả châu Bó Lài không ai quên được việc ô tô quan Nhật đến, cùng vào một ngày phiên như hôm nay.

Từ hôm Nhật đến, chợ sau không còn một hàng bán muối nữa. Người ta hỏi nhỏ nhau để tìm chỗ có muối bán. Con gà thiến,

cân năm hương, ống gạo nếp... ai cũng tìm đổi lấy một, hai bát muối về dùng.

Dân cả châu ăn nhạt dần. Nhà Pảo ở bản Lèng cũng hết muối. Chiều hôm chợ trước, khi Pảo vét thìa muối cuối cùng ở lọ bỏ xuống chảo rau cải, thì cũng là lúc thầy thôn trưởng đến nhà. Thầy thôn đến phát cho nhà Pảo một cái thẻ bìa xanh: thẻ muối. Thầy thôn trưởng tay đưa thẻ, miệng thầy đòi Pảo một hào tiền "phí tổn". Pảo trả tiền, lòng đau xót. Nhưng Pảo mừng vì sẽ có muối ăn. Thôn trưởng dặn Pảo:

– Mỗi lần mua muối phải nộp hai lạng "thau cát"¹ cho quan.

Pảo thở dài:

– Suong muối xuống đầy cả rừng, tìm đâu có "thau cát"!

Nhưng nhìn lọ muối đã hết, sớm hôm sau Pảo liền cùng mẹ gói com, dắt dao vào rừng. Năm ngày liền, mỗi ngày trời chưa sáng đã đi, đến lúc trời tối hắt mới về nhà. Mẹ con Pảo lần từng khe suối, leo từng quả núi. Rừng núi nào, khe suối nào có "thau cát" mẹ con Pảo đều đi cắt lấy từng dây. Dem "thau cát" về nhà, mẹ con lại ngồi tuốt ra từng khúc. Đêm nào cũng vậy, con chim "queng quý" gọi, mẹ con Pảo mới bắt đầu đi ngủ. Đến tối hôm qua, Pảo cân đủ hai lạng "thau cát", mẹ con Pảo như thở ra được.

Sớm nay lúc Pảo đi chợ, nhìn xuống đất còn chưa thấy lối. Ra đến chợ, Pảo không mua bán gì cả, chỉ ngồi đợi mua muối. Bụng đói, Pảo cũng không dám lấy com ra ăn. Mấy lần ngồi ngáp, Pảo cũng không dám vào nhà nghỉ. Đến bây giờ thấy người cả chợ kéo đi âm âm, Pảo cũng vội vàng cầm túi, đứng dậy. Vừa chạy, Pảo vừa sờ hai lạng "thau cát" ở trong tay nải.

Pảo chạy đến chỗ bán muối. Muối bán trước một cái nhà gạch quét vôi trắng. Dưới bậc hiên trước nhà có một cái sân nhỏ. Dân toàn châu tụ họp trong sân chật ních. Nắng hấp xuống đoàn người. Bụi tung lên lẫn trong đám đông. Pảo bước vào cái sân chật ních đó.

1. Một loại dây rừng đem về tuốt mỏng, quý như đay. *Thau cát* nhẹ như tóc nên hai lạng rất nhiều. Thường một yến "thau cát" tươi loại tốt đem về tuốt được chừng một lạng là may.

Trên hiên nhà, để sẵn hai cái bàn cách nhau chừng hai sải. Một lát sau, Pảo thấy hai người ăn mặc quần áo chỉnh tề bước ra ngồi vào mỗi người một bàn.

Pảo nhận ra ngay người ngồi bên phải là thầy chánh Quảng, còn người ngồi bên trái là quan châu Mạnh.

Châu Mạnh và chánh Quảng ngồi vào bàn rồi, nhưng vẫn cầm bút chờ đợi. Đứng cạnh chánh Quảng và châu Mạnh, mỗi bên có hai người lính. Người lính nào cũng cầm trong tay một cái ống bơ nhỏ và một cây que tre vót uốn như bụng con cá vông. Trước mặt mỗi tên lính có một bao tải muối trắng. Cùng đứng với lính còn có vài thầy lý của các xã trong châu nữa.

Dưới hiên nhà, hàng trăm con mắt mong chờ ở hai cái bao muối. Họ đứng cũng không yên. Họ cũng không đi đâu được xa cái sân đó. Một vài người ý chừng vì đã quen quan thầy nên dám đến gần hai bao tải muối. Họ chìa hai ngón tay ra khê gấp lấy vài hột rồi họ ngửa cổ, há mồm thè lưỡi ra. Họ rắc mấy hột muối xuống lưỡi, miệng nhấm nháp, khen:

– Muối mặn lắm. Tốt, tốt!

Ở gốc cây bưởi góc sân mấy người con gái tay lăm lăm cầm túi sẵn sàng chờ lệnh bán muối. Trong số chị em ngồi đó, Pảo nhận ra được cô Phiên. Pảo muốn đến nói với Phiên để Pảo mua muối giúp. Nhưng cái xấu hổ tự nhiên ở đâu đến, làm cho Pảo muốn giúp Phiên mà chân Pảo lại không dám bước tới.

Không khí trong sân bỗng thay đổi đột ngột. Đoàn người tự nhiên dừng lại không một ai bước, không một ai nói. Cái im lặng bất thành linh này làm cho Pảo phải ngạc nhiên. Pảo nhìn lên hiên nhà gạch, đã thấy cánh cửa chính mở ra một bên. Tiếp sau, quan đồn Tây hơi nghiêng mình bước ra. Theo sau quan Tây, một người lính bê ra một cái ghế. Quan đồn ngồi vào giữa hai cái bàn. Quan Tây mặc áo cộc tay, Pảo nhìn lên thấy tay quan đồn từ chỗ bắp tay đến ngón tay đều có lông. Lông tay dài, màu hung. Lông tay quan đồn nhiều nên Pảo thấy nó giống như loại chân gà "đi bít tất"¹. Lần

1. Tiếng Tây là "cá khamat". Nghĩa là loại gà mọc lông tận cựa và ngón. Người Tây gọi loại gà đó là loại gà "đi bít tất".

dầu tiên, Pảo trông thấy một bàn tay lông lá như vậy. Pảo hơi sợ trong lòng.

Quan đồn Tây quay mặt sang quan châu Mạnh nói gì với nhau không ai hiểu, chỉ thấy quan châu Mạnh gật đầu lễ phép.

Đến lúc thấy châu Mạnh gật đầu lần cuối cùng với quan Tây rồi quay ra ngồi ngay ngắn ở bàn, đoàn người ở sân mới dám nhắc chân mạnh hơn. Cái lệnh bán muối đã ban ra. Tiếng gọi nhau chí chóc. Đang lúc mọi người vội vàng như thế Pảo đã thấy Phiên chen vào đám đông rồi. Cả đoàn người ở sân lúc này trút mọi sức mạnh của mình để xông vào chỗ bán muối. Đoàn người dồn vào hai chỗ, vây chặt lấy hai cái bàn. Có người nhảy cả lên hiên nhà, bị lính gạt ngã xuống, nhưng lại xông lên. Các kỳ lý thét la inh ỏi. Chánh Quảng đập tay xuống bàn chan chát. Châu Mạnh lắc lắc cái chuông con trong tay liên hồi. Tiếng các thầy mắng dân, tiếng chuông quan châu Mạnh, tiếng người ồn ào trở thành một không khí hỗn loạn, làm cho các quan thầy như hết tài giữ ổn. Đám người càng lúc càng xô tới. Quan đồn Tây nhìn đám người bằng hai con mắt giận dữ. Cánh cửa chính lại mở, kéo ra thêm bảy tám người lính vây lấy hai bao muối.

Pảo cũng không thể chần chừ nữa. Pảo cũng lấy hết sức của mình chen vào giữa đám đông. Một tay Pảo giữ lấy hai lạng "thau cát" ở túi. Một tay Pảo vạch nách người mà luồn đi.

Châu Mạnh bèn bảo thư ký lấy sổ gia đình ra gọi từng chủ nhà để bán muối. Đến đây đoàn người mới tạm yên. Mọi hy vọng của từng người chen vào để được lấy muối trước, đến đây tan hết. Pảo chen gần rách cả áo mới vào đến giữa đám đông, nhưng cũng đành đứng lại. Pảo lắng nghe chờ gọi tên mình. Pảo nhìn kỹ những người trước xem họ mua như thế nào. Người nào cũng vậy, khi gọi đến tên thì dạ một tiếng rồi mới đến gần bàn, đặt hai lạng "thau cát" cùng chiếc thẻ muối lên trước mặt quan. Quan châu Mạnh hay chánh Quảng cầm lấy "thau cát" nhắc thử xem ánh chừng đủ hai lạng mới vạch từng sợi "thau cát" xem loại tốt hay xấu. Nếu "thau cát" vừa ý, quan mới đếm tiền và cầm bút gạch xuống một ô của chiếc thẻ bia xanh. Nhận được thẻ, người mua muối mới sang bên phía hai người lính để đóng muối.

Pảo thấy đỡ lo. Pảo lắng nghe đợi gọi đến tên mình. Ở bên bàn quan châu Mạnh, có một tiếng quả to:

– Mày láo! Đi ra!

Pảo giật mình quay sang thấy Đán, người Nà Cọn, nét mặt đang sợ hãi. Nhưng mặt Đán cũng đầy tức giận. Đán hơi khom người cúi về phía quan Tây. Đán cúi xuống nhặt lấy bó "thau cát" rồi lui ra khỏi đám đông. Bao nhiêu con mắt nhìn theo Đán, ái ngại và lo lắng. Đán ra ngoài ngồi xuống đường như sắp khóc. Khi Đán giơ tay lên chùi mắt, Đán cũng giơ cả bó "thau cát" lên cùng. Pảo nhìn thấy bó "thau cát" ấy. Đó là loại "thau cát" hơi già mới đem về tuốt. Pảo biết loại "thau cát" như vậy là xấu. Pảo giật mình nhìn vào bó "thau cát" trong tay. Pảo nghĩ bụng nếu ta chung số phận của Đán thì làm thế nào? Đán vẫn ngồi buồn thiu. Đầu của Đán càng lúc càng muốn gục xuống giữa hai đầu gối. Một lát, Pảo thấy có một người mặc áo vàng đến cạnh Đán. Người cai áo vàng hỏi Đán:

– Nhà anh có gạo nếp không?

Đán lặng đi một ít mới khẽ trả lời:

– Nghèo lắm. Nhà tôi toàn ăn củ pấu.

– Liệu có con gà thiến nào không?

– Đi vay trong bản được.

Người áo vàng nhìn vào mặt Đán một lát, rồi nói tiếp:

– Nếu vay được gà thì đi theo ta – Đán ngược mắt nhìn người áo vàng:

– Xin đợi ơn thầy cai.

Đán đứng dậy, đi theo người áo vàng xuống chợ. Cả hai người vào cửa sau một cái nhà ngói ở phố.

Pảo dăm dăm nhìn theo Đán, vẫn chưa hiểu người áo vàng dẫn Đán vào đó làm gì. Bỗng có một tiếng gọi: Ma Văn Pảo. Pảo quay lại đã thấy gọi lần thứ hai ở bên bàn châu Mạnh. Pảo vội dạ to, rồi rẽ đám người sang bên. Pảo đặt "thau cát" lên bàn, đặt tiền và thẻ muối lên sau. Pảo thấy thằng quan đồn Tây nhìn chăm chăm vào chỗ "thau cát" của Pảo. Pảo hơi lo. Nhưng Pảo đã thấy châu Mạnh cầm tay bó "thau cát" của Pảo nhắc thử. Châu Mạnh vừa xem "thau cát" của Pảo vừa rút ra từng sợi dây vàng. Lúc này Pảo thấy lo hơn. Châu Mạnh trợn mắt nói:

– "Thau cát" của mày không đều đây.

Pảo định cất lời thưa: "Bẩm quan lớn, nhà con quá neo người, vừa tìm ăn vừa tìm "thau cát" nên không chọn được loại thật tốt. Vả lại "thau cát" mùa này tìm cũng khó". Nhắm bụng như vậy, nhưng Pảo không nói lên được lời đó. Nhìn vào hai con mắt của châu Mạnh, sống lưng Pảo đã lạnh đi rồi. Nhưng châu Mạnh đã cầm "thau cát" vớt xuống bồ. Trong người Pảo lúc này nhẹ hẳn đi. Hai tay Pảo lễ phép đón lấy chiếc thẻ muối ở tay quan châu Mạnh. Một cảm giác sung sướng tràn đầy lòng Pảo.

Pảo lách người sang chỗ hai người lính đóng muối. Pảo đặt chiếc thẻ muối và mở tay nải ra hứng đợi. Một người lính đưa mắt nhìn qua chiếc thẻ rồi cầm bơ đóng muối. Một tay hấn xúc muối, một tay cầm que quệt qua miệng bơ. Tay xúc đã nhanh, que quệt lại vớt trề bụng nên làm cho bơ muối của Pảo bị voi nhiều. Pảo thấy vậy liền nói nhỏ với người lính:

– On anh quyền gạt nhẹ tay một tí.

Người lính chỉ ngược mắt nhìn Pảo. Không trả lời. Hấn xúc bơ thứ hai và vẫn gạt voi như cũ. Bơ muối này hấn đổ vơi xuống tay nải Pảo rồi vớt trả Pảo cái thẻ muối xuống cùng. Pảo hơi ngạc nhiên và hỏi:

– Mới có hai bơ thôi anh quyền ạ.

Người lính nhăn mặt lại, nhìn vào Pảo rồi dần giọng:

– Hai là đủ còn gì nữa!

– Thưa anh nhà tôi có ba người.

– Mắt không nhìn thẻ, kêu vào đây làm gì!

Pảo vẫn chưa hiểu, toan thò tay xuống lấy thẻ muối lên để trình người lính. Nhưng anh lính bên cạnh Pảo đã cầm thẻ chỉ vào chỗ ô vuông có gạch bút chì đỏ của quan châu Mạnh mà ôn tồn bảo:

– Phần muối của nhà anh tháng này bị giảm mất một bơ. Có lẽ "thau cát" của anh thiếu hay tại điều gì đấy.

Đến đây, Pảo mới biết quan trên đã phạt Pảo vì "thau cát" hơi xấu. Pảo đành buộc tay nải mà ra. Pảo đi ra chỗ gốc cây buổi ngồi xuống. Không khóc nhưng mắt Pảo đã ngấn nước. Không biết cái lệnh phạt này là do châu Mạnh hay lão quan Tây tay lông lá đó. Có lẽ tận cái bụng phệ của thằng Tây rồi. Pảo đau lòng và bức lắm.

Bao nhiêu ngày Pảo nhìn đôi cùng mẹ lần từng khe suối để tìm "thau cát", mà bây giờ không được đủ muối. Mẹ biết tin này ắt mẹ đau đớn hơn. Hai bơ muối làm sao đủ ba người dùng trong một tháng? Còn nợ trong làng gần bơ nữa. Pảo nghĩ vậy, thấy trong lòng càng héo đi.

Pảo chợt nhớ ra lúc nãy Đán cùng người cai áo vàng vào một cái nhà ngói ở chợ. Đúng như người trong bản đã nói, ở chợ có muối lậu, miễn là đắt thôi. Pảo sờ vào túi chỉ còn hai hào tiền mua muối thừa. Pảo đứng dậy liều chân xuống chợ.

*

Pảo vào cửa sau một cái nhà ngói. Nhà này xây theo kiểu mái sau dài hơn mái trước. Vào cửa sau là đến nhà bếp. Từ ngày quan trên cấm muối, nhà này tiếp khách ở cửa sau. Phần nhiều khách vào cửa sau cũng lại ra cửa sau, trừ khi khách vào không may mới phải ra cửa trước. Pảo đẩy cửa sau mà vào. Pảo không thấy ông chủ nhà, cũng không thấy Đán đâu cả. Nhưng Pảo lại thấy Phiên ngồi cạnh bếp. Phiên nhìn thấy Pảo cũng hơi ngượng ngùng. Phiên nhẹ cười. Lập tức nụ cười lại tắt đi và vẻ e thẹn lại hiện lên má Phiên. Pảo hỏi:

– Liệu ông chủ có nhà không, Phiên nhỉ?

Phiên đưa mắt nhìn cái túi muối của Pảo rồi đáp:

– Họ đi vắng, lát nữa mới về.

Pảo ngồi xuống, đối diện Phiên:

– Thế Phiên không mua được bơ muối nào?

Phiên không trả lời, hỏi lại Pảo:

– Anh còn định mua thêm?

– Nhà ba miệng ăn mới được hai bơ.

– Còn hơn em, tay trắng về nhà.

– Đâu bảo bản bên không phải nộp "thau cát".

Phiên nhắc vạt áo dài đằng trước lên như che lấy một bên má rồi mới nói:

– Không lấy "thau cát", nhưng cứ mỗi thê muối phải nộp hai ống vùng trắng. Nhà em năm ngoái không gieo được đám vùng nào.

Mẹ em phải đi mua, lại được loại vùng xấu. Ban nãy em nộ vùng, quan xem rồi mắng em và đổ đi hết. Em định cúi xuống hót lấy. Nhưng vùng đổ ở chỗ đông đúc như vậy, em đâu dám ngồi xuống nhặt. Em đành cắn răng cầm cái túi không mà xuống đây.

Phiên nhìn trộm Pảo. Pảo cúi xuống lắng nghe và như đang suy nghĩ điều gì.

— Anh còn được hai bơ, nhà em nửa tháng nay rồi không hột muối xuống bụng. Mẹ em lấy nước tro¹ và ớt dùng thay muối. Mẹ em nói đã khàn tiếng, trông người mẹ như phù lên. Nếu hôm nay em mà về tay không thì biết lấy chân nào mà bước nữa.

Pảo nhớ lại tháng trước gặp Phiên ở đám cưới Nà Léch. Đêm đó cùng nhau nói chuyện tâm tình. Dần dần hiểu biết và thông cảm nhau. Rồi Pảo cùng Phiên uống chung một chén rượu². Sáng hôm sau chia tay nhau, bốn con mắt thay hai cái miệng mà nói tình ý với nhau. Hai bên càng thấy yêu mến nhau.

Từ đó Pảo cứ nhớ Phiên mãi. Hôm nay gặp Phiên cũng bởi hạt muối xui đến. Pảo nghĩ miên man đến kỷ niệm của chén rượu đêm đó. Pảo nhìn vào hai bơ muối trong túi rồi tự nghĩ: Nếu hôm nay Phiên không mua được muối thì số muối ở túi này dù ít cũng phải xẻ đôi mới được. Hai người đều im lặng.

Từ nhà ngoài có tiếng người bước vào. Người đó chính là ông chủ nhà. Ông đã hiểu cả hai người đến làm gì rồi. Ông ta nói ngay:

— Đạo này muối hiếm lắm.

Phiên tiếp lời nài:

— Ông cố bớt giùm cho cháu một cân.

— Cũng như nãy đã nói với cô, chỉ có một cân, nhưng giá mới rồi.

— Vâng, ông làm phúc cho.

— May hôm qua thằng cháu ở tỉnh lên mang theo một cân muối với giá bảy đồng. Đây là giá tận tỉnh đấy, bây giờ để lại cho cô, không tính gì lời lãi nữa.

1. Tiếng Tày là "nằm đắng" một loại nước lọc từ tro có chất mặn và chát.

2. Theo phong tục, hễ trai gái uống chung nhau một chén rượu là đã yêu nhau.

– Ông làm phúc cố làm nốt, bớt cân nữa cho cả anh Pảo.

Pảo cũng vội lên tiếng nài:

– Ông hãy rộng lòng giúp cháu nữa.

– Không còn rồi, đã chót hứa với cô nên cố bớt cho cô được một cân. Còn anh sang nhà khác.

Nói xong, ông chủ nhà vào buồng lấy ra cho Phiên một gói muối. Muối được cân sẵn, gói bằng lá dong, có buộc lạt nữa. Lá dong đã héo, lạt buộc đã khô. Ý chừng muối đã cất giữ lâu ngày rồi. Phiên cầm lấy gói muối và nói khê:

– Chợ sau cháu sẽ mang gạo đến ông.

Pảo thấy vậy nài:

– Ông cố bớt cho cháu một cân, lấy gạo hay lấy gà cháu cũng cố tìm cho.

Ông chủ nhà mở cánh cửa bước ra ngoài, rồi ông gật đầu gọi Pảo bước ra theo. Phiên cũng ra cùng. Ông chủ nhà ghé vào tận tai Pảo, miệng ông nói tay ông khê chỉ:

– Đi sang cái nhà có mái ngói hơi thụt vào một ít kia kìa, anh đợi vắng người qua lại trước cửa sẽ vào. Nhà đó có họ với quan, chợ nào họ cũng chuyển từ đồn xuống hai bị muối.

Nói xong, ông ta quay lưng đi thẳng vào nhà. Pảo đành bước đi. Đi được vài bước, Phiên hỏi:

– Anh định sang bên kia tìm mua muối nữa?

– Chưa được thì phải lùng.

– Nhà em ít người, anh lấy với em một phần muối.

Vừa nói, Phiên vừa thò tay xuống túi để lấy gói muối lên. Pảo nhìn Phiên bằng con mắt thương mến:

– Phiên cứ lấy gói muối đó về cho mẹ đi, anh...

– Em nói thật.

– Anh hiểu lòng em lắm, anh cũng nói thật.

Phiên cúi mặt rồi nói:

– Em về nhé. Anh...!

Phiên trộm nhìn Pảo lần nữa. Hai con mắt Phiên gặp hai con mắt của Pảo. Một nụ cười nở trên môi Phiên, Pảo nhìn theo Phiên

quên hẳn cả việc mua muối. Đến khi Phiên ra khuất đầu chợ, Pảo mới nhớ ra cái nhà mái ngói hơi thụt, Pảo bước đi nhưng hình ảnh của Phiên vẫn còn ở trong người. Nhưng câu nói của Phiên còn ở bên tai Pảo. Hôm nay không được đủ muối quan bán, nhưng đã hiểu đủ lòng Phiên mặn tình hơn muối quan bán. Ta phải tìm ra muối. Không những để mẹ ta có muối dùng mà còn cho cả mẹ Phiên nữa. Gốc muối ở đâu mà ra? Chân ta không thể thua chân người khác được.

Nghĩ chưa xong Pảo đã bước đi. Hai bờ muối lắc lư đều đều. Nhìn lên cái nhà quan bán muối, nhìn lại cái nhà ngói mái dài, lòng Pảo thấy sôi lên như một nồi nước trên lửa.

Mùa đông, mặt trời vừa rơi xuống sau núi, rét đã về đến tận mặt Pảo. Ngón chân ngón tay Pảo vung đi trong không khí đã thấy lạnh lạnh. Lòng Pảo nóng lên bùng bùng nên quên hết mọi cái rét của chiều đông. Tay Pảo vung càng nhanh. Chân Pảo bước càng mạnh.

II

*Bản ta nằm gọn trong lòng núi
Như ta bé nằm trong bọc mẹ cha
Nay ta lớn, bước chân ta qua suối
Bản ta còn ngồi mãi trong khe.*

Pảo vừa leo dốc vừa cất tiếng lượn¹ như vậy. Mỗi lần dứt giọng lượn, bên kia núi còn tiếng ngân vang, lòng Pảo vui hẳn lên. Những tiếng ngân của núi làm cho Pảo nhớ lại tiếng lượn của Phiên. Hôm ấy Phiên tiễn chân Pảo ra đầu bản Nà Léch. Phiên cũng cất vài câu "phuổi pác"² ngân vang như vậy. Pảo nghĩ lại việc đã qua tự nhiên thấy hơi thẹn. Tại sao hôm đó Pảo không dám cất tiếng đáp? Cái bụng Pảo lúc ấy sao cứ lúng túng không tìm ra được câu trả lời. Trước mặt Pảo, dốc thoải thoải. Đôi cỏ tranh đang nhuộm nắng vàng đẹp đẽ. Một con đường mòn rộng chừng gang tay, ngoằn ngoèo vắt lên chỗ nắng đó. Nắng rơi vào lưng Pảo. Người Pảo không đổ mồ hôi, nhưng cũng nóng bùng bùng. Con gà thiến lông đã mượt, chịu ánh nắng chói vào nó càng mượt thêm. Pảo nhanh chân lên

-
1. Tiếng hát trai gái của người Tày.
 2. Một loại hát ví của người Tày.

dốc. Vừa lên đến đỉnh núi, mặt trời ở đầu ngọn núi bên kia cũng chói ngang vào bàn chân Pảo.

Trước mặt Pảo, tám ngôi nhà tranh ở bên núi đã hiện ra. Đầu hồi nhà nào cũng có luồng khói nhỏ bay ra và tan đi nhanh chóng.

Pảo đi theo sườn núi. Cái lồng gà trong tay Pảo lắc càng nhiều. Pảo vừa vào đến gốc cây mận, trong nhà đã có tiếng nói ra:

– Tổng¹ đã đến rồi kìa.

Pảo chưa kịp đáp đã thấy Luông chạy ra đến tận cửa. Luông tiếp lấy cái lồng gà trong tay Pảo. Luông vừa bước theo Pảo vừa nói:

– Tổng về chơi làm như khách lạ. Khách người ta còn không mang thung², tổng làm còn hơn khách. Lần sau tôi có đi nhà tổng lấy gì mà che mặt được?

– Có phải đi mua dầu, của nhà bên nào cũng như nhau cả, sao tổng còn nói là thung?

Pảo đáp lại như vậy rồi cùng Luông vào nhà. Cả nhà Luông chào hỏi tíu tít. Một không khí đầm ấm tỏa ra khắp nhà Luông. Trong bếp lửa, mấy cây củi gỗ nghiêng chụm đầu vào nhau tạo thành một đồng than đỏ rực. Mẹ Luông vội xoay cây củi nghiêng. Mẹ cầm cặp trúc khêu than ra một đồng đỏ rực. Mẹ gọi Pảo như gọi con đẻ:

– Vào đây sưởi cho ấm con tổng ơi! Rét lắm.

Pảo vâng lời mẹ rồi cùng Luông ngồi vào sưởi lửa.

Đã mấy tháng nay rồi, từ ngày Pảo và Luông nhận kết tổng với nhau, vẫn chưa có dịp nào đến nhà nhau để trình mặt bố mẹ. Lúc này không có muối ăn, làng bản nhiều người rủ nhau về vùng xuôi mua muối lậu. Pảo cũng không chịu thua cái chân người khác. Nhưng việc đi mua muối lậu là làm sai luật lệ của quan Tây. Đường đi mua muối nhiều nguy hiểm. Cái việc gian khổ ấy, ngoài anh em ruột thịt ra chỉ có người tổng là tin nhau được. Pảo nghĩ vậy nên hôm nay đến rủ Luông cùng đi vùng xuôi mua muối lậu.

1. Theo phong tục miền núi những đôi bạn trai hay gái khi đã hiểu biết nhau, tin nhau sẽ kết nghĩa với nhau. Những đôi bạn như vậy gọi là "tổng khoa" và hai bên gọi nhau bằng chữ "tổng".

2. Thung: gạo đi ăn đường xa.

Khi Pảo thấy mẹ Luông gạt than ra để cho sưởi, lòng Pảo đã bồi hồi. Những ngày Pảo còn bé, mùa rét Pảo đi tìm con trâu về đến nhà cũng thường thấy mẹ Pảo gạt than ở bếp ra rồi gọi Pảo đến sưởi ấm. Bây giờ Pảo ngồi cạnh mẹ Luông, không khác gì ngồi bên bếp lửa nhà mẹ mình.

Cạnh bếp lửa có một đồng tro chất lên hình thù nhọn như quả núi con. Pảo nhìn chỗ tro cũng biết ngay là tro nứa. Pảo liền hỏi Luông:

– Nhà tổng cũng thiếu muối ăn rồi à?

– Hai lần chợ rồi tổng ạ – Luông đáp – Cả nhà phải ăn nhạt mãi. Hôm nay mẹ tôi mới đi lấy ít nứa về đốt làm muối¹ ăn vậy.

Nghe tổng nói, Pảo càng động lòng. Nhà Pảo cũng thiếu muối, nhưng chưa đến nỗi dùng nước tro. Pảo đứng dậy đến chỗ cái túi treo ở cột nhà, lấy ra một gói muối:

– Chợ vừa rồi, tôi mua muối quan được hai bọ, đem đến đây để nhà tổng một phần...

Pảo nói chưa xong, Luông đã "úi" một tiếng:

– Nhà tổng mới mua được hai bọ đã đem đến đây rồi còn đủ muối ăn tháng này không?

– Nhà còn, thiếu sẽ tìm.

– Đâu có muối dễ như vậy.

Pảo muốn nói luôn việc đi mua muối lậu. Nhưng Pảo lại nghĩ bụng để tối nay sẽ nói nhỏ cùng Luông. Mẹ Luông lẳng lẳng không nói câu nào. Mẹ cầm lấy gói muối đem vào chạn bát. Mẹ lấy thìa xúc độ ba bốn thìa muối. Mẹ lại gói chỗ muối còn lại cẩn thận. Mẹ đặt gói muối lên gác bếp, rồi dọn cơm ra cho cả nhà ăn.

Bữa cơm chiều nay cũng như mọi chiều khác, nhưng bố Luông thấy có gì đặc biệt hơn. Khi thấy mẹ Luông dọn cơm, bố Luông đã thấp hương lên bàn thờ tổ. Miệng bố Luông khấn lẩm bầm:

– Ông bà, tổ tiên ngồi trên bàn thờ nay che chở² thêm một người con nữa.

1. Lấy nứa về đốt thành than, sau đó mới lọc ra thường có chất mặn nặng hơn.

2. Tiếng Tây là "cụm cùa" ý nói: giúp đỡ săn sóc và bảo vệ.

Khán xong, bố Luông vui vẻ ngồi vào mâm...

Trong bữa cơm, bố Luông tự tay rót rượu rồi đưa cho mỗi người con một chén. Đáng lẽ con rót rượu cho bố, nhưng riêng hai chén rượu này, bố Luông rót và tự tay đưa đến trước mặt hai con:

— Các con cạn chén để nghĩa tổng khỏe nặng như núi đá, dày như núi đất.

Luông đón lấy chén rượu trong tay bố, Pảo cũng làm theo Luông. Hớp rượu xuống đến bụng Pảo như nuốt lời thề kết tổng xuống lòng. Bố Luông nhìn hai con uống cạn chén rồi, nét mặt già như trẻ lại. Bố Luông cầm đĩa giục các con ăn:

— Gắp rau ăn đi con tổng ạ! Rau hôm nay có muối của con làm trôi cơm nhanh hơn.

Một luồng gió nhẹ thổi từ cửa vào bay lên chỗ bàn thờ, làm những tàn hương rơi xuống để lại những đầu hương đỏ rực. Bố Luông nhìn lên bàn thờ tổ, gật đầu khoan khoái. Bố Luông cho là con ma ở bàn thờ tổ tiên đã nhận những lời khấn của mình.

*

Đêm ấy Luông và Pảo nói chuyện thì thầm với nhau. Ngoài trời gió rét vẫn thổi trên những ngọn chuối khô rào rào.

Pảo rủ Luông:

— Tổng ơi! Kỳ này ta cùng người trong bản đi mua muối về ăn mới được.

— Tốt quá, nhà tôi đang thiếu muối. Nhưng...

Luông nói đến đây dừng lời lộ vẻ lo lắng. Luông ngập ngừng một lát rồi mới nói tiếp:

— Tôi phải đi chuyến phu tải nay mai rồi.

— Khổ lắm, tổng ạ.

Nói xong, Pảo liền nghĩ lại cái đời của Pảo cũng như Luông, mới thấy mười chín lần con chim én về làm tổ mái nhà tranh. Nhưng áo cả hai đã khâu thêm bao nhiêu miếng vá. Áo Pảo rách không những vì luồn rừng tìm củ pấu, củ mài, tìm "thau cát" về nộp quan. Áo Pảo rách còn vì những chuyến phu tải nữa. Năm ngoái vợ quan đồn Tây đến Khau Phung chơi, lúc trở về đồn, nó không chịu đi

ngựa. Thế là các thầy bắt làm ghế trúc, trải chăn bông xuống cho bà Tây ngồi. Các thầy bắt phu khiêng sống nó về đồn. Luông và Pảo đã chịu mỗi người một đầu đòn khiêng vợ Tây.

Pảo nghĩ lại từng bước đi của chuyến phu tải năm ngoái càng lo cho Luông:

- Hay là ta xin khất chuyến phu này?

- Tôi cũng nghĩ đường đó - Luông đáp.

Luông thấy Pảo bàn việc khất phu cũng thấy hợp lý lắm. Nhưng có một điều làm cho Luông không nói ra được: ở thời buổi này, khất chuyện phu là mất rất nhiều tiền. Chính Pảo cũng đã hiểu và nghĩ đến việc đó nên Pảo nói tiếp:

- Nhà ta nghèo lắm, sợ không có tiền nộp quan.

- Tổng nói cái gì cũng đúng bụng tôi đang lo. Hay là ta trốn đi, qua chuyến phu sẽ liệu?

- Không được đâu - Pảo nói - Tổng mà trốn phu, bọn quan nó sẽ bắt bố tổng đi thay. Bọn chánh Quảng, lý Sáo, quan Mạnh nó có nể gì người già đâu.

- Tôi cũng thấy cái gai đó đấy, nhưng cách nào tránh được chuyến phu?

- Theo tôi, ta cứ đi khất phu và khất cả tiền nạp nữa. Hai ta cùng nhau đi mua một chuyến muối lậu. Gánh muối của tổng bán lấy lãi. Gánh của tôi chia nhau dùng. Tiền lãi nộp quan chắc gần đủ, có thiếu ít nào sẽ liệu sau.

- Nhưng đi đâu mua được muối nhiều thế? - Luông hỏi.

- Thấy họ nói ở vùng người Kinh có nhiều muối. Quan Nhật, quan Tây nó không muốn đem muối lên cho chúng mình ăn. Nó bảo dân chúng mình đem muối đi nuôi người cách mạng. Bọn quan làm ác quá, cấm muối người cách mạng sao cấm cả người làm ruộng, làm nương như chúng mình? Bây giờ ta cùng anh em trong bản đi mua muối mới được, tổng ạ.

Luông quay mình một cái rất nhanh, như nhớ ra một cái gì, rồi ghé sát mồm vào tận tai Pảo mà thì thào:

– Này tổng ơi! Thấy người ta bảo quan Tây, quan Nhật nó đồng lòng với nhau giữ hết muối, để cho dân mình phải chịu khổ. Bây giờ chúng mình phải đánh cho nó thua mới có muối dùng.

– Cái miệng ai nói ra việc đó mà tổng nghe được đấy?

– Thấy người trong vùng này nói vậy. Họ bảo người nói ra câu này và đang làm việc này hiện ở trong rừng làm cách mạng, cộng sản gì đó.

– Những người ấy có muối bán không? – Pảo hỏi.

– Tôi cũng như tổng, có thấy mặt người đó qua bao giờ đâu. Thấy người ta nói tôi cũng nói lại. Thế cái vùng người Kinh mà tổng bảo sẽ đi tới mua muối ấy không có người cộng sản à? Bọn quan Tây nó không cấm muối ư?

– Tổng hỏi vậy, tôi có biết cái gốc nó thế nào đâu. Tôi chỉ biết đã có nhiều người đi mua muối về rồi. Chúng mình không thua cái chân của người khác được.

Hai tổng khỏa bàn với nhau từ chỗ khát phụ đến chuyện người cộng sản ở rừng, chuyện đi mua muối lậu. Khi Pảo nói đến câu cuối cùng là ta không thua cái chân của người khác được thì Luông không nói câu nào nữa. Luông cứ nghĩ miên man: người cộng sản ở rừng bảo đánh đổ Nhật, Tây mới có muối dùng. Nhưng tổng Pảo lại nói vùng người Kinh có nhiều muối bán. Luông mở con mắt nhìn lên mái nhà như thấy cả cái rui, cái mè do chính tay Luông được đặt lên. Luông lại thấy hơi lo việc bàn với tổng Pảo đi lấy muối. Luông sợ chuyến này chưa đi phụ, chuyến sau sẽ trúng vào ngày tết. Chỉ còn tết này nữa thôi, Luông có thể đi buộc gấp tranh ở mái nhà khác rồi. Hôm nọ bố mẹ Luông đã nói khéo với Luông rằng: "Tuy nhà ta con một, nhưng nhà nghèo, con đành phải đi làm rẻ họ khác". Luông nghĩ lại lời bố mẹ, càng thấy lo lắng. Luông vẫn chưa dám nói cho Pảo biết cái tin phải đi làm rẻ. Chính Luông cũng chưa được rõ lắm là đi làm rẻ nhà nào, con cái nhà ai. Bất chợt Luông nhớ đến cô Phiên – người yêu của Pảo – Luông hỏi:

– Tổng ơi! Đạo này có cái "phong thư"¹ nào không?

1. Loại thư tình trai gái gửi cho nhau.

Pảo đang nghĩ về việc đi mua muối lâu lại thấy Luông hỏi về Phiên. Pảo cũng thấy vui vui. Pảo liền kể chuyện:

– Chợ vừa rồi không mua được muối, Phiên còn định chia gói muối lâu cho một phần. Nhưng tôi cứ nghĩ không giúp được Phiên mua muối thì chớ, lại để Phiên giúp muối thì còn mặt mũi nào nữa.

– Cô Phiên có thật muốn xẻ muối không hay là cô muốn thử lòng tổng?

– Thật đấy, tổng ạ. Phiên người tốt không bao giờ thử nhau đâu. Từ hôm gặp Phiên ở đám cưới Nhà Lếch, lòng tôi mới nhớ một ít. Nhưng đến hôm chợ vừa rồi nữa, tôi về nhà, khi ra ruộng, nước ruộng rơi lải¹, lên nương con ve kêu bên rừng... đôi lúc tôi nghe những tiếng đó là tiếng của Phiên. Ô! Cái tình yêu. Có lúc nó làm cho chân tay mềm đi như lá chuối hơ lửa: cầm dao phát nương mà không biết chém vào cây, cầm xẻng xúc đất bùn lên rồi cũng không biết đắp vào bờ ruộng. Nhưng có lúc cũng chỉ nháy mắt mà đào được hàng mấy sải đất nương không ai ngờ...

Luông ngắt lời Pảo, rồi hỏi:

– Cô Phiên gửi cho tổng cái "phong thư" phải không? Tổng đọc một đoạn đi.

– Lời chắc cũng chưa hay lắm, nhưng cô ấy nói được hết lòng...

Luông nhanh miệng:

– Ừ, phải. Người ta có yêu nhau cũng ở tận tấm lòng mới thật là yêu, chứ ở những câu nói thật hay mà suông thì cũng chán thôi.

Pảo nhớ lại một đoạn nên đọc:

*Nhà ta nghèo, lòng ta yêu không nghèo
Đời ta khổ, yêu nhau không sợ khổ
Em yêu anh như gánh nước lên núi.
Yêu anh như cuốc nương làm ruộng bằng
Dù sông cạn, đòn gậy cũng không sờn.*

– Tổng ạ – Luông nói – Có con người thực lòng như vậy, tôi có đi làm rẫy cũng sẵn sàng ngay.

1. Chỗ nước từ ruộng bậc thang trên chảy xuống ruộng bậc thang dưới.

Luông thấy trong lòng cũng vui lây với Pảo. Nhưng Luông vẫn băng khuâng trong người về việc đi làm rể. Luông chớp mắt ngủ lúc nào không biết. Pảo vội kéo cái chăn sui đắp lên cho Luông.

Xa xa tiếng hót của con hươu¹ vang lại thưa thớt.

*

Một đêm đã qua.

Núi rừng im lặng đã gắn bó với nhau bởi những đèo cao thấp. Pảo và Luông cũng như hai quả núi đã có cái đèo, từ nay ngọt chua đều có nhau. Lên cạn gặp hổ, xuống nước gặp thường luồng cũng có nhau.

Hôm nay Luông và Pảo dậy sớm. Pảo dậy đã thấy nồi cơm ở cạnh bếp chín rồi. Hai "tổng khóa" cùng nhau ăn cơm sớm. Cơm xong, Pảo về nhà, Luông đi nương. Hai người lại cùng nhau đi một quãng đường. Sương sớm đọng trên cành cây rơi xuống trên những lá khô ở hai bên đường thánh thót... Đến chỗ rẽ, Luông rút trong tay nải ra một bọc gói lá. Luông đưa cho Pảo:

– Tổng cầm ít muối về nhà.

– Nhà có rồi – Pảo chối – Hôm qua lo tổng thiếu mới chia về đây.

– Mẹ tôi bảo nhà tổng còn có em nhỏ nữa.

Pảo cầm gói muối rồi lại bỏ xuống tay nải Luông như cũ:

– Tôi sắp đi mua muối rồi, thiếu thế nào được, tổng cứ lấy về dùng.

Luông quay mặt nhìn sang bên rừng ngẫm nghĩ một lát mới nói:

– Tổng ạ, tôi có lẽ không đi mua muối được.

Pảo nhìn vào Luông, thấy Luông lộ một vẻ buồn:

– Có việc gì tổng nói cho nhau cùng biết đi.

Luông ngồi xuống bên lối. Hai tay Luông ngắt lấy một chiếc lá rừng xé vụn ra. Cử chỉ Luông như người con gái nói chuyện với bạn trai. Luông thong thả đáp:

1. Một loại chim gọi về khuya.

- Tôi nghĩ kỹ rồi, nếu không đi chuyến phu này, chuyến sau đúng vào ngày tết. Ngày tết, tôi lại muốn ở nhà đi chơi dây đó. Làm việc cả năm chỉ có vài ngày tết được vui chơi thỏa thích, nên cũng muốn đi làng khác gặp chúng bạn. Hết tết rồi...

Luông định nói, hết tết rồi, bố mẹ Luông sẽ cho đi làm rế. Mà đã bước chân vào làm rế họ khác rồi, thì coi như đời trẻ đã chấm dứt. Chỉ lo đêm lo ngày cho việc nhà, việc bản. Nhưng Luông vẫn không dám nói lên ý nghĩ đó. Công việc đi làm rế cũng chưa chắc lắm nên chưa muốn nói cho Pảo biết. Tổng biết việc này tổng lại lo sắm sửa cho mọi thứ! Luông ngập ngừng rồi nói sang ý khác:

- Hết tết rồi, lại lo làm nương. Cái đời vừa làm nương vừa làm ruộng như vậy có được chơi dài ngày như người khác đâu?

Tuy Luông giấu nhưng Pảo cũng biết Luông đang có cái gì băn khoăn trong lòng. Pảo nói như khuyên Luông:

- Tổng đi chuyến phu này cũng phải. Anh em chúng ta tránh đâu được cái đòn phu tải. Không đi trước cũng phải đi chuyến sau, còn mua muối, tôi đi cùng anh em trong bản cũng được rồi.

- Tôi đi phu kỳ này không lấy tiền, xin quan ít muối có lẽ tốt hơn.

Được như vậy tốt quá. Nhưng muối quý như vậy, bọn quan làm gì nó dám thí ra cho chúng mình.

Hai "tổng khóa" chia tay nhau bên rừng. Luông theo đường lên núi đi nương. Pảo theo đường cũ về bản Lèng.

(Trích tiểu thuyết *Muối lên rừng*)

CHẾ MÈN ĐƯỢC ĐI HỌP

Cái tên của cô gái Tày mà khó gọi như gái Nùng. Nghe nói tới, ai cũng chú ý. Cả chị em nữ thanh niên ở bản Chu này đều gọi cô là chế, tưởng cô là gái đàn chị. Nhưng có phải đâu, Mèn vẫn là cô gái nhỏ. Tuổi tròn mười tám. So với năm sáu chị em trong bản, Mèn vẫn là đàn em. Lúc nào cũng bẽn lẽn. Nói với ai cũng cúi cái mặt xuống, mân mê vào bàn tay mới nói. Chị em hỏi Mèn bao giờ đi làm dâu, Mèn cười và đáp:

– Khi nào chị em trong bản đi làm dâu hết, mới đến lượt Mèn.

Mèn nói đúng lắm. Tuổi Mèn còn như nắm gập mua, làm gì Mèn phải lấy chồng sớm. Mèn tuy nói vậy, nhưng không thể không búi ngủi trong lòng. Vì ở cái vùng trên núi này, cứ gái mười tám là lo đến phận làm ăn. Mèn đã thấy Luyến ở cái nhà bên kia núi, mới mười sáu tuổi đầu mà phải lấy chồng. Ngày cưới khóc hu hu như đứa trẻ bị đòn. Mèn đã qua cái tuổi Luyến rồi. Dù mẹ Mèn có thương Mèn đến đâu cũng phải gả chồng. Mèn nghĩ vậy song cũng chưa nơi nào đặt trâu cau nên Mèn vẫn say mê công tác cho xóm. Có khi chấp tối Mèn còn treo sang qua núi để mời bà con đến họp. Mèn cũng sợ hổ, sợ báo, nhưng khi có việc Mèn tự nhủ trong lòng:

– Con hổ, con báo ở xa con đường ta đi làm.

Rồi cứ như thế, dốc cao Mèn bảo thấp, rừng vắng Mèn hát lượn cho vang. Đồng chí phân đoàn thanh niên định kết nạp Mèn vào Đoàn. Khi nói chuyện với Mèn, Mèn lắc đầu:

– Em có đi thoát ly được đâu mà vào Đoàn thanh niên. Em xin làm người thanh niên xóm thôi.

Đồng chí cán bộ lại phân công chị em, nói rõ công việc vào Đoàn cho Mèn, Mèn mới hiểu. Mèn nhờ bạn viết giúp lá đơn. Từ đó Mèn là một đoàn viên thanh niên lao động. Được biết về Đoàn, Mèn càng gần Đảng. Cái hăng hái của Mèn càng rõ rệt. Nghĩ đến lúc mượn người viết đơn, Mèn xấu hổ đỏ cả mặt. Đoàn bảo Mèn đi học. Đêm nào Mèn cũng cầm quyển sách, cái đèn. Một số cụ già thường hỏi Mèn:

– Học đến bao giờ mới biết chữ?

Mèn lại cúi mặt xuống cười tủm tỉm:

Có lúc Mèn nói đùa với chị em:

– Mèn học cho biết viết cái thư, sau này lấy chồng, nước nhà thống nhất, anh ấy đi bộ đội tận Nam Bộ còn viết cái thư cho anh ấy về nhà ăn cái Tết.

Mới đi học, Mèn tập viết chữ nào xong, tay đã che kín chữ đó lại. Anh giáo trong bản vẫn là quen thuộc, nhưng hễ anh giáo bước lại gần, hai bàn tay Mèn lại lom khom che kín cả trang giấy. Anh giáo toan cầm đến quyển vở, Mèn kéo soạt nhanh như chớp cho vào trong bọc rồi chối:

- Không nên cái chữ đâu! Đừng xem...

Bây giờ đã khác rồi. Cái xấu hổ của Men hình như không còn nữa. Mặc ai đứng cạnh, Men cũng nắn nót viết từng trang giấy. Đêm nào com xong cũng cầm quyển sách bước xuống cầu thang thình thịch. Lớp thiếu ai, hôm sau Men đã đến tận nhà hỏi han, giúp đỡ. Bà con trong tổ tấm tắc khen:

- Cô Men chăm học lắm, biết nhiều rồi.

Mỗi lần như vậy, Men lại được dịp nói:

- Các bà, các ché, rủ nhau đi học cho đông vui.

Đồng chí cán bộ bình dân học vụ xóm đêm nào từ lớp học về cũng lăm bầm:

- Không có cô Men thì xóm ta khó có thành tích. Cô này là một con người khá đấy...

Trời vẫn nắng. Nắng ngày này sang ngày khác. Khi ngọn núi sau nhà nhuộm xong mặt trời, ai đã lên đỉnh núi quét lên bốn chân trời một màu hồng nhạt. Đêm đêm chị Hằng ngồi trong thúng vàng, không còn một đám mây trắng, mây đen nào bạn cùng. Và, đêm nào cũng vậy, không ai bảo ai mà các cụ già lộc cộc từng đôi guốc tre, nhà trên xuống, nhà dưới lên, tụ tập ngoài bản. Cụ thì chống cằm, ông thì hai tay bắt lấy cái đầu gối. Con muỗi nào số không may là bị bàn tay già đánh cái đốp. Cụ này nói câu này, ông kia trả lời câu nọ:

- Cái thần làng năm nay không biết đến rồi.

- Cái con lợn bé lắm. Cái ngày "đại tế" "lùng tùng" còn có con trâu. Ông "thần nông" mới hạ.

Có cụ trách cả cái lịch cổ:

- Người ta bảo: Năm nào có mười hai con rồng thì con này ỷ lại con nọ, không con nào chịu phun nước. Năm nay, cái lịch mới chỉ có ba con rồng, mà tháng tư rồi vẫn chẳng có hột mưa, có sao thế...?

Cụ Táp tuổi cao hơn nghe các cụ khác nói kéo một tiếng dài:

- Hừ... - rồi thở phào một cái, tay vuốt qua bộ râu: - Cái ngày mồng hai tháng hai hàng năm. Ngày ấy "nàng tiên" phơi quần áo mà, năm nay ngày ấy lại mưa.

– Quần áo "nàng tiên" bị ướt. Bây giờ các "cô" lại bắt ông trời nắng lại mấy tháng để phơi. Thánh đã truyền lại có sai đâu. Liệu mà cúng tế thế nào cho nàng tiên cất quần áo.

Mọi người lắng nghe xong, gật gù. Một vài cậu thanh niên nghe xong khúc khích cười, đi mất.

Nghe những tiếng lo toan đêm qua, sớm nay, Mên chải tóc ở góc nhà cũng cầm nhăm gương thành lược. Nhìn xuống những đám ruộng bậc thang ở dưới bản luống cày vẫn còn tro tro. Chim gáy từng đôi chọi nhau phành phạch. Mọi năm như bây giờ, sớm dậy đàn vịt non đã bạn cùng những con cuốc, con cò lù gù bờ ruộng. Đêm nằm, tiếng nước đuổi nhau xuống suối, đánh vào tai rầm rầm. Nhưng năm nay phải đào xuống giữa suối mới có gánh nước dùng. Đám nương bên kia núi, vẫn toàn một màu đen thui thui. Mên đưa chiếc gương soi má. Cái nắng tháng tư đã cướp mất cái má đào của các cô gái bản Chu. Má Mên cũng bị nắng lấy đi lúc nào không biết. Vừa cất chiếc gương vào thắt lưng Mên tự nghĩ: "Không cháy nổi cái bụng đã nghĩ đâu!"

Mên kéo mạnh hai múi thắt lưng lại. Hai chiếc sọt đã lót lá kỹ từ hôm qua, Mên nhấc lên vai nhẹ nhàng. Bố Mên ở nhà bước ra liền quờ:

– Cái đời nào dạy mày thế. Giống nào thuộc giống ấy. Bắt bò đi đằm như trâu, có mà trời tha. Cái năm mày còn bú, mẹ mày phát đám nương Khuổi Bon chỉ vì nương hơi bằng. Gặp mấy trận mưa, năm ấy có được hái bông nào đâu.

Bố Mên lại thấp giọng:

– Thôi con ạ. Làm việc khác. Được ăn thì cái đời cổ đã làm, còn đâu đến bây giờ mới làm. Dành công vào việc khác. Còn khỏi người đồn chuyện.

Mên nghe bố nói toan buông đôi sọt trên vai xuống. Ngoảnh lại nhìn mẹ không thấy nói gì, Mên tần ngần: Rành rành hợp phân đoàn chị em đã nói rõ. Nơi không tát nước, đắp phai được, thì lấy thóc rẫy gieo thẳng xuống ruộng. Sau này dù có nước cũng sống. Còn hạn thì ta gánh nước tưới. Nơi khác làm đã được ăn. Cứ để ruộng đợi trời mưa thì đến bao giờ?...

Mèn nghĩ lại vẫn không sai chỗ nào. Nhưng cũng không dám nói với bố, sợ lại bị quở là "loại lạt non buộc tre già, gót chân dầy môi miệng". Mèn nghĩ vậy nên đôi sọt cùng chiếc đòn vẫn dính chặt trên vai. Cái chân đưa Mèn đi lừ đừ. Bố Mèn vẫn cái giọng cũ hằm hằm nói với theo sau. Nhưng tai Mèn vẫn đẩy lùi những tiếng đó. Đôi sọt lắc lư mỗi lúc càng nhanh.

Đêm nào cũng vậy, nhà vừa lên đèn đầu bản đã có tiếng mõ lốc cốc họp thanh niên, họp phụ nữ, họp tổ... đầu cũng xôn xao hai tiếng chống hạn. Đám ruộng bảy sào của Mèn tra lúa rẫy nay mọc cao bằng nắm tay. Một vài đám khác làm theo cũng vừa đâm ngọn. Làng bản ai cũng khen:

- Cái Mèn tót vừa quán lên đầu hai năm nay mà nó biết lo trước tính sau. Đấy trông ruộng nó mà coi! Bao người cứ bảo không được ăn rồi ngồi chờ mưa.

Chị em, chúng bạn gặp Mèn cùng nói:

- Ché Mèn à, tốt lắm rồi!

Mèn lại cúi mặt xuống mỉm cười, thông thả đáp:

- Nhiều người vẫn chưa tin đâu.

Ngày nào Mèn cũng ra xem qua đám ruộng. Màu xanh ngày một lặn hết màu đất. Hôm nay con gió nhẹ lặng lẽ bước qua ngọn lúa rung rung. Mèn càng mở cờ trong bụng. Không hện mà chiều nào Long cũng qua đây. Mỗi lần thấy Mèn, Long lại hỏi:

- Hôm nào gặt lúa rẫy ở ruộng, đây đến giúp một tay nhé.

Mèn toan ngoảnh lại để đáp nhưng Long đã bước đi xa. Mèn biết hôm họp tổ, Long phản đối việc này nhiều nhất. Ý Long nói là mả mai, Mèn cũng chả cần trả lời. Mèn tự nghĩ:

- Không phải riêng Long. Trong bản còn một số người như Long. Nếu cái lúa này không được gặt thì còn thành chuyện.

Mèn đang nhìn chằm chằm theo Long thì đằng sau có tiếng:

- Ché Mèn à, sau này làm cốm gửi cho Long một ống!

Đó là Thoại. Thoại cùng tuổi Mèn. Hai bạn gái lúc nào cũng có nhau. Mèn quay lại:

- Gửi cho ống trâu ấy.

- Thế mà chiều nào cũng hện nhau ra đây - Thoại nói đùa.

– Bực không! Chiều nào cũng y như hện: cứ được nói một câu vào đám ruộng, hấn mới hả.

Hai chị em rũ ra cười. Hai con cò trắng trông đám ruộng xanh, tưởng có nước nghiêng cánh để đậu, bỗng nhìn rõ hai chị em đang cười giòn giã lại phải tung cánh lượn một vòng rồi bay đi nơi khác.

Bóng của hai chị em dài hơn đám ruộng. Cái núi phía tây đang ngoạm một nửa mặt trời. Nắng vừa chói ngang mắt. Gió mỗi lúc mỗi mạnh. Hai chiếc thắt lưng vải chàm hình như không đủ sức giữ nổi hai tà áo dài đằng sau đang tung phát. Đám mây đen cướp ngọn núi, nuốt hấn cái mặt trời. Trống trời lại nổi lên âm âm. Lũ trẻ thúc mạnh đàn trâu kịp về bản. Nhà nào nhà nấy rồi rít ngoài sào. Mẹ cuộn phen, con kéo áo... Trời tối sầm lại. Con mưa đầu hạ đã đổ xuống. Màn trời một màu trắng đục. Mọi người đem ống buong ra hứng nước, nét mặt mừng rỡ. Đêm nay không một ai tụ tập nữa. Kế hoạch chống hạn, những tiếng thét trời, đêm nay tạm im thin thít với giấc ngủ ngon lành. Gió mưa đánh cây tre đầu bản kêu canh cách cũng chẳng ai biết tới.

Sáng dậy rộn tiếng người nói cười hối hả đuổi trâu đi cày bừa. Những bậc thang nước cũng chảy qua bờ trắng xóa. Cụ Táp vừa dậy cũng đi giở quyển lịch cổ chữ Hán lật đi lật lại từng trang rồi lẩm bẩm:

– Hôm qua, cái ngày "đinh" mà trời cũng mưa. Năm nay làm ăn khó thật.

Đặt lịch xuống đầu gối, cụ nhìn ra ngoài ruộng. Những bước chân trâu đi bắn nước lên tung tóe. Nét mặt già cũng nở lên một nụ cười hai ý. Vừa trách ông trời đã phá cái "linh thiêng" của quyển lịch cổ, vừa vui đám ruộng đã có nước.

Tất cả mọi người đang vui thế mà mặt Mên nhăn nhó. Sáng nay đi làm về Mên chỉ ăn mỗi một bát cơm rồi ra đầu cầu thang. Hai tay đặt trong bọc. Mắt chằm chằm nhìn về phía đám ruộng. Màu xanh của lúa đang sánh với màu nước. Thật là một cảnh nên thơ nên đối. Nhưng với Mên thì lại nên thở nên than. Bao nhiêu người đi làm về qua bờ ruộng cũng dừng chân lại. Câu nào cũng như câu nào:

– Lúa rẫy cấy ruộng bây giờ nước ngập gốc rồi. Cái công của Mên đổ đi hết. Chuyển hướng, chuyển hung gì.

Cả một số anh chị em chúng bạn trước đây không bằng lòng làm theo Mên bây giờ đi qua bờ cũng oang oang:

– Thanh niên năm "Năm mươi tám" của người ta thì thay trời làm mưa, vắt đất ra nước. Còn thanh niên năm "Năm mươi tám" của mình thì "thay nổi làm cơm, bắt rầy xuống ruộng".

Ác nhất, nói to nhất, lại là Long và Lãng. Hai anh này từ hôm Mên mới tra xong lúa đã ra tận bờ ruộng lấy que bới hột thóc lên than thở với hột thóc để Mên nghe:

– Khổ thân mày chưa! Cái đời mày đến tay này thì nghèo. Chả có con cháu nối nghiệp mày nữa đâu nhé!

Hôm nay hai anh cũng nhổ lên một cây lúa và nói:

– Mày khóc to lên, để chủ mày ra tát cái nước này đi, thổi cái đám mây mưa đi, mày mới hòng sống.

Nói xong câu nào là Lãng và Long lại quay mặt vào với nhau cười hà hà. Mấy anh chị khác đứng cạnh bảo:

– Các anh nói không phòng hậu.

– Phòng lụt, phòng hạn còn phòng hậu nữa kia à?

Những câu nói như vậy, hôm nay chọc vào tai Mên, Mên ăn như nuốt phải xương, đi như bước trên cây. Cả những sợi tóc lơ thơ rủ xuống mặt, Mên cũng không muốn gạt về bên tai nữa.

Và, cũng sau trận mưa, bố Mên bước vào cũng nói, bước ra cũng rủa. Nhìn vào mặt Mên là mắt bố đục ngầu. Cả nhà chỉ có đám ruộng bấy sào to nhất. Bỏ thóc chính hàng năm ở đây. Bảo Mên không tuân đã tra lúa rầy xuống ruộng. Bây giờ nước ngập gốc vài hôm nữa là thành dưa. Mấy lần bố giục Mên đi cày lại để cấy lúa khác. Mên vừa treo cái chạc trâu tới bắt cày định ghé vai nhắc cái cày lên nhưng lại thôi. Mên tự trách:

– Sao vội nhẹ dạ thế. Bao lâu nay đã kiên nhẫn!

Ngoảnh lại, Thoại cũng vừa đến, Thoại đã biết rõ sự tình:

– Cứ để vài ngày nữa nếu không nên ta sẽ giúp nhau cày lại. Cấy lúa khác vẫn chưa muộn.

Mên nhìn Thoại không như mỗi bận. Gặp nhau là chuyện cười như lửa cháy gianh tươi. Tay đập lưng nhau thùm thụp. Mên không

biết lấy câu nào để nói với Thoại. Bố Mèn còn đứng đấy. Thoại quay về phía bố Mèn:

– Cứ để mặc Mèn, bác ạ. Mấy ngày nữa nếu lúa úa, cháu sẽ sang giúp Mèn cày lại.

Mèn nhìn ruộng. Cây lúa vẫn còn xanh xanh. Thấy nhiều người qua bờ dùng chân Mèn cày lộn ruột.

Giá mà nó như cái thúng khâu. Mèn đã bung nó vào chỗ kín từ bao giờ. Nhưng khôn nổi nó là đám ruộng bầy sào! Bỏ vào đâu cho được?

Không riêng gì trong làng, ngay mẹ Mèn bao lâu nay không nói gì hôm nay cũng trách:

– Con mới lớn chưa biết làm ăn. Con lại không nghe bố. Đấy, có được ăn đâu. Sang năm có mà củ rừng dứt dây!

Mẹ Mèn nhiều con nhưng Mèn là con út nên mẹ quý Mèn như con một. Mẹ thương Mèn lắm. Nhưng làng bản người ta nói nhao nhao. Mẹ Mèn lo cái nạn đói như năm xưa, cả nhà phải tan nát đi tìm ăn.

Mèn không nói được câu nào, lẳng lặng tay gạt nước mắt, đưa chiếc gương trong thất lung lên soi, lại nhớ đến câu: Không cháy được cái bụng đã nghĩ!

Đám mây xanh khổng lồ biết rõ sự tình vội kéo cái mặt trời đỏ ối lên đặt đầu núi, chói hắt vào mặt Mèn...

Ông trời năm nay ác quá. Mưa một trận lại nắng mấy trận. Làm ăn thế nào đây?

Trời cho sống cũng dễ, chết cũng dễ.

Cái ruộng khô trên núi, khó với trời lắm.

Những tiếng than trời, trách trời lại bắt đầu. Ruộng ngoài đồng đám có nước cũng gần cạn, đám không nước cũng gần nẻ. Những bó lạt buộc mạ vừa chẻ, nếp mình trên gác bếp cũng thõ dài, lo cho số phận phải dùng vào việc buộc gầu, buộc cọn. Mấy sáng qua cụ Táp xem quyển sách này đến quyển sách nọ, chọn tránh ngày nào là ngày "chuột", ngày "trâu"... để cấy lúa đầu mùa, nhưng sáng nay chẳng ngó gì đến sách nữa. Cụ vuốt qua bộ râu nhìn lên vòm trời:

– Mồng một là ngày "canh tý", có lẽ còn nắng dai.

Còn Mên mấy sáng nay phải lom khom trên đám ruộng, tay vốc từng nắm phân bỏ vào hốc lúa. Đờ lòng buồn của Mên, chốc chốc ông trời lại mời nàng gió đến nghịch ngợm cây lúa. Lúa cười xòe xòe. Mên tự nhủ:

– Cứ như vậy mười ngày nữa cho ta yên lòng. Nếu sau này được gặt, Long mà qua bờ ta phải nhảy lên kéo tay hấn xuống. Không gặt giúp sẽ nói cho mấy câu.

Một mình nghĩ xa lắm. Nghĩ từ lúc đồng chí cán bộ bình dân học vụ xóm khen Mên, nói chuyện gì với Mên, nghĩ lúc gặt, lúc làm cốm, nghĩ lúc suýt phải cầy lại cái ruộng này... Mặc ai đi lại trên bờ, Mên không hề ngừng cổ nhìn lên.

Bao nhiêu việc làm của Mên khi về tới nhà đều uống. Bố Mên vẫn cái mực cũ. Hôm nay bố đã sửa xong chiếc cày. Cơm xong liền phân công gia đình:

– Mai cả nhà đi tra đỗ cho xong!

– Còn bố đi đâu? Mên hỏi.

– Tao ấy à? Tao đi cày cái đám ruộng bảy sào lên chứ để làm gì! Mà mùa đang tốt...

Mên biết sáng mai nhất định bố tự tay đi cày đám ruộng đó lên. Mên không biết cách nào nữa. Thoại đâu?...

*

Đêm nay mười bốn tháng bảy ta. Những chiếc bánh mật từng đôi chập một, bám chắc lấy chiếc dây thừng ở cạnh vách. Ngoài sàn Mên đã có những tiếng trách nhau:

– Chậm thế, cái bánh dính chân phải không?

– Đủ người đâu mà bảo chậm.

– Tác phong thanh niên thật.

Những cây vầu rải sàn bị những bàn chân anh chị đánh xuống kêu lách cách. Trong nhà mẹ Mên cũng vừa buông xong chiếc màn, tắt phụt ngọn đèn nhường cho những ánh trăng xuyên qua vách phen, đặt lên trên màn những mảnh tròn trắng.

Ngoài sàn vẫn rộn tiếng cười, tiếng nói. Chị Hằng nhô hẳn mặt ra khỏi chiếc bàn xanh hình như đang tủm tỉm cười. Tần vắn hai

lân ngọn đèn hoa kỳ mà nó vẫn sáng rực trong thông phong của nó. Viết xong con số cuối cùng, Tần đặt bút:

– Bản ta cử một người đi dự Đại hội thanh niên tích cực toàn huyện. Tôi đọc tiêu chuẩn nhé? – Long nguyền một cái:

– Tiêu chuẩn hắc thế thì đến chịu! Bản ta chẳng có ai.

– Ta lựa chọn cẩn thận đã nào.

– Ché Thân, phân đoàn trưởng đi nhận Nghị quyết được rồi.

Có một tiếng nói chầm chậm.

– Kể cũng đúng đấy.

Mọi người im lặng. Nhận thưa người một cái, thu gọn tà áo đằng sau lại:

– Ché Mên á vè!

Nhận là gái đàn chị, nói xong đưa tay bẻ mấy ngón chân rồi định nói tiếp, nhưng bị mấy tiếng chen vào:

– Đúng lắm rồi.

– Không sai đâu.

– Tôi cũng có ý kiến đó. Nhưng...

Bồng có tiếng nói to:

– Tôi thấy cũng cần phải xét.

Nghe xong câu phải xét của Lăng, Nhận liền bỏ tay ra trước mặt, cướp hết ý kiến mọi người:

– Nay, tôi kể thành tích...

Ngay lúc đó bàn tay của Mên giơ lên trong ánh trăng vỗ đập vào vai Nhận, Nhận phải dứt lời, giơ hai bàn tay lên đỡ và nắm lấy bàn tay của Mên kéo xuống đầu gối.

Hai mươi ngón tay, sạm màu nắng giữ chặt lấy nhau. Ngọn đèn trông thấy cũng phải nhí nháy cười rung cả bóng.

Mên đánh Nhận không phải vì ghét Nhận. Mên muốn Nhận dừng thuật lại chuyện Mên. Mên cho việc đó rất nhỏ so với người đoàn viên, nên Mên vội cướp lời:

– Đừng kể! Cái đó đi đến đâu. Nhận à. Tôi đề nghị... – Mên chưa dứt lời đã có ý kiến chen vào ngay:

– Tôi, tôi có ý kiến...

Nhưng cũng không nhanh bằng Thoại. Chả cần đợi ai cho phép, Thoại nói át cả mọi người:

– Ché Mèn hiện nay đã biết chữ rồi nhé. Cái lớp văn duy trì. Còn việc chống hạn thì gần đây bố Mèn gặp tôi đã nói: Không có Mèn chuyển hướng thì nhà không đẩy lùi được cái đói tháng ba tới. Bao nhiêu người làm theo hiện nay ai chả khen. Cảm ơn ché Mèn lắm. Thế thì đủ tiêu chuẩn đi hội huyện rồi...

– Tôi nói một câu đã.

– Chưa, tôi chưa hết – Thoại lại tiếp:

– Còn bao nhiêu anh chị không tin được ăn, đã không vun thì chó còn nói bao nhiêu câu chua như dấm, ché Mèn vẫn vững lòng. So với toàn huyện thì nhỏ, nhưng so với việc làm mới như vậy, ở vùng ta là xứng đáng rồi...

Mẹ Mèn tuy buông màn đã lâu nhưng vẫn lắng nghe từng tiếng nói ngoài sân. Khi nghe xong tiếng cuối cùng của Tần: "Ché Mèn mai chuẩn bị sớm nhé", từ trong màn bà cũng phải nói vọng ra:

– Con gái mà đi họp tận châu với người, không được đâu. Tần đi thay cho nó!

Ngoài sân lại có tiếng:

– Đấy trong nhà không cho đi, ta cử làm gì?

Hơn hai mươi năm rồi. Từ ngày mẹ Mèn đến làm ăn ở cái bản trên ngọn núi này, mẹ Mèn không bao giờ bước chân tới huyện. Mẹ tưởng như xưa, cô gái vùng cao mà đến chợ huyện, chợ tỉnh có mà để con trai ở đó làm giỗ. Mẹ có biết đâu những cái ngăn cách giữa vùng cao với vùng thấp của hồi Tây, ngày nay đã cùng Tây trời phẳng xuống biển. Người vùng cao không những đến huyện, tỉnh mà còn đến tận Hà Nội nữa.

Biết ý mẹ như vậy, Thoại, Thân và Nhận cùng một lúc có những ý kiến trả lời mẹ Mèn. Nghe chùng mẹ Mèn đã đồng ý, mới quay lại. Người ta tiếp tục nốt cuộc họp. Mẹ Mèn nghe xong lẩm bầm một mình cùng chiếc quạt cọ:

– Con gái làm cho nhà, cho bản cũng được đi huyện. Cái bụng của người cách mạng, của cụ Hồ rộng biết chừng nào!

Chị Hằng vội chếch người về phía tây, hình như tránh đường cho Mèn đi.

Quả thật sáng hôm sau khi ngọn núi chưa nhả mây hồng, thất lung vải chàm gần chấm gót, tay nải bám lấy một bên người, gói com "lèng" trong khăn mặt trắng rách tay, chiếc nón trắng đánh vào đùi lạch cạch, tất cả đều cùng Mèn bước ra đầu bản.

Các cô gái lúa xanh cùng với anh chàng gió đứng đón bên đường cất tiếng hoan hô say sưa, dào dạt...

19-9-1958

Y Đìêng (dân tộc Ê Đê) tên khai sinh: Y Đìêng KPá Hô Jì. Các bút danh khác: Y Hình, Amato, Sông Hình. Năm sinh: 15-2-1928 Sông Hình, Phú Yên. Quê quán: Phú Yên

Tác phẩm đã xuất bản: Em chờ bộ đội AWa Hô (in chung 1961); Ông già Kơ Rao (truyện ngắn, 1969); Như cánh chim Kovay (in chung, 1973); Hơ Giang (truyện dài, 1978); Chuyện trên bờ sông Hình (tiểu thuyết).

Giải thưởng văn học: Giải ba truyện ngắn báo Thống nhất, 1961. Giải thưởng văn học của Ủy ban dân tộc Chính phủ và Hội nhà văn, 1985.

ÔNG GIÀ KƠ RAO

Từ ngày bị quân lính của quốc gia mang súng đến tận buôn¹ đồn về sống ở đây, ông già Kơ Rao bỗng thay tính, đổi nết. Hơ-yéc, đứa con gái duy nhất của vợ chồng ông, thấy cha mình tóc tự nhiên bạc trắng ra như túm hoa lau, mặt mày héo rũ đi như một tàu lá, thân hình gầy khô lại như một cành cây khô gập nắn to. Và, tính nết ông đã khiến cô không giữ được cái vui trong bụng như trước. Ông hay gắt, hay chửi... Mỗi lần ông gắt, ông chửi là mặt ông tím lại như nước chàm, mắt ông đỏ lên như mắt con trâu điên. Từ đấy Hơ-yéc cảm thấy sợ cha. Sợ nhưng vẫn thương.

Hơ-yéc biết, cha của Hơ-yéc không phải là một người Ê Đê xấu bụng. Ông thay đổi tính nết như thế chỉ vì ông đói quá, khổ sở quá, lo âu nhiều quá đấy thôi.

Chẳng phải chỉ có một mình cha của Hơ-yéc đói khổ, lo âu dẫu. Tất cả lũ làng ở đây, bây giờ ai cũng phải sống như thế cả. Hơ-yéc vẫn nhớ những ngày còn ở buôn cũ, buôn Phìn nổi tiếng là một buôn lắm chiêng, ché, nhiều trâu, bò, ngựa, voi. Lũ làng, người già, trẻ nhỏ, con gái, con trai... ai cũng hiền lành, vui vẻ và tốt

1. Buôn: (Tiếng Ê Đê) làng.

bụng. Mỗi khi mặt trời thôi ngủ, lũ làng trở dậy cả thì người đi lại trong buôn Phin nhí nhúc như bầy kiến đi xây tổ, đàn ong đi kiếm hoa. Suốt ngày, tiếng con trai mài rựa, mài dao hòa với tiếng con gái hát đuổi chim, chẳng lúc nào ngừng.

Nhưng bây giờ, buôn Phin không còn được như thế nữa rồi. Kể từ ngày lũ quân Mỹ và tay sai dụng nên bót, làm ra cái áp chiến lược này, mang súng đến dồn lũ làng vào, thì buôn Phin đã thu nhỏ lại, đời sống của lũ làng trong buôn rất tẻ nhạt.

Lũ làng không ai còn gì để ăn, người nào cũng gầy như que củi. Muốn đi làm nương, khi bước chân ra phải có cái giấy để trình (với địch), khi quay về cũng lại đưa trình giấy. Họ giống như con cá nằm trong giỏ. Ho-yéc cũng như lũ làng người Ê Đê cả; mà người Ê Đê thì phải là đàn chim Đrao ở giữa trời, chứ không phải là con cá nằm trong giỏ.

Ho-yéc biết cha buồn rầu, lo âu nhiều quá nên đã đổi tính đổi nết. Thấy cha gắt gỏng, chửi mắng thì Ho-yéc sợ nhưng lòng vẫn thương... "Cha Ho-yéc không phải là một người Ê Đê xấu bụng mà là do bọn Mỹ và tay sai làm ra thôi", chính Y Hun đã nói cho Ho-yéc nghe như thế. Anh Y Hun đã nói thì Ho-yéc tin rồi.

- Ho-yéc này! Tao nói cho mày biết, từ hôm nay mày không được theo thằng Y Hun ra ngoài nữa. Mày đi với nó, tao không ưng bụng. Tao nói mày phải nghe!

Ông Kơ Rao vừa đi dâu về, chưa kịp đặt chân lên cầu thang, thấy con gái ngồi quay xa ở cạnh cửa, ông nói ngay không còn kịp nghĩ. Ho-yéc giật mình ngẩng lên, thấy cha giận dữ, cô ngơ ngác hỏi lại:

- Cha ơi, sao lại như thế? Anh Y Hun là người tốt!

- Hừm! Tao không nói nó là người xấu, tao nói bằng cái bụng tao. Mày là con gái, chân mày không nhanh, mày không khỏe như chân tay nó đâu.

Nghe cha nói, Ho-yéc hiểu vì bụng cha quá lo lắng nên miệng cha đã nói cả những điều mất khôn.

Cô buồn rầu nhớ lại những lời mà bọn xấu bụng đã xâm xì về cô. Hẳn cha cô đã nghe những lời không tốt ấy rồi. Ho-yéc muốn nói với cha một câu: "Cha ơi! Tại cha nghe những cái miệng không

biết rõ bụng con, đã nói những lời xấu" nhưng Ho-yéc không nói được, cô chỉ mở to mắt lặng lẽ nhìn cha.

Năm nay ông già Kơ Rao đã ngoài năm mươi tuổi. Vợ ông cũng bằng tuổi ông. Bà đẻ với ông tất cả sáu lần, đủ trai gái: nhưng năm đứa con đã bị thần đất lấy đi, chỉ còn một mình Ho-yéc xấu xí được ở lại với ông bà. Từ nhỏ đến lớn, Ho-yéc được cha yêu, mẹ quý như cái vòng bạc, cái trâm vàng. Tay ông bà Kơ Rao không hề biết đánh Ho-yéc, miệng ông bà Kơ Rao không hề mắng chửi con. Nay Ho-yéc đã lớn bằng mẹ. Tuy Ho-yéc không xinh đẹp bằng những đứa gái xinh đẹp nhất trong buôn, nhưng tất cả mọi đứa con gái không đứa nào ngoan nết, dịu dàng bằng Ho-yéc. Khách xa, khách lạ đến nhà ông bà Kơ Rao, ai cũng ung bụng về bàn tay của Ho-yéc khi cô nướng gà, làm com, khi bung nước, tằm trầu... Lũ làng, người già, người trẻ ai cũng khen Ho-yéc, ông bà Kơ Rao biết hết mọi điều về con gái! Và, ông bà đã bằng lòng sẽ cưới Y Hun, người trai làng khỏe mạnh, giỏi giang nhất buôn Phin về làm rể. Thế mà, kể từ ngày bị dồn về sống trong ấp chiến lược này của Mỹ và bọn tay sai, bỗng nhiên ông Kơ Rao nhìn con gái hóa ra khác lắm. Ho-yéc biết như thế. Mỗi khi thấy cha nhìn mình bằng con mắt đờ ngầu, nói với mình bằng những lời đau cả tai. Ho-yéc rất buồn. Nhưng Ho-yéc vẫn không giận cha, Ho-yéc hiểu ra rồi. Cô chỉ thấy thương cha thôi.

Thấy con gái chỉ mở to mắt ra nhìn mà không mở miệng, ông già Kơ Rao bỗng thấy tủi lòng. Ông ngượng nghịu bước lên sàn đến ngồi bên bếp lửa, rút tẩu ra nạp thuốc. Ho-yéc nhẹ nhàng thu gọn guồng xa rồi vào bếp cời củ sắn nướng ra phỉ sạch tro bụi. Cô bẻ một nửa đưa cho cha, còn nửa kia cô lấy lá gói lại cất đi phần mẹ. Cầm miếng sắn trên tay, ông Kơ Rao đưa mắt dõi theo từng cử chỉ của con gái. Khi thấy Ho-yéc đã trở lại ngồi bên guồng xa, ông mới lên tiếng hỏi:

- Sao mày không ăn đi, Ho-yéc?

Ho-yéc cúi đầu đáp khề:

- Còn phần mẹ.

Tiếng Ho-yéc đáp lại nhỏ và nhẹ như một hơi gió thoảng thế mà ông già Kơ Rao lại thấy như một mũi dao sắc chọc vào giữa ngực. Hai giọt nước từ trong mắt ông ứa ra, lăn nhanh trên hai gò

má gây vêu vao. Ông lặng lẽ bẻ đôi miếng sắn trên tay; đưa phần to cho con gái!

– Ho-yéc! Mày ăn đi!

Ho-yéc đã muốn không cầm, nhưng khi cô ngược lên nhìn thấy má cha có ngấn nước, cô vội vàng đón lấy miếng sắn tự tay cha đưa cho. Mùi sắn nướng thơm lừng bốc lên, làm miệng cô thêm muốn ăn. Cô cắn một miếng nhỏ, khê nhai và muốn nuốt nhưng cổ họng nghẹn lại không nuốt được. Nước mắt cô lập tức ứa ra, cô đứng dậy đi vội vào trong buồng nằm khóc.

Ông già Kơ Rao đứng sững nhìn con. Tay ông bóp nát miếng sắn còn lại từ lúc nào ông không hề biết. Người ông run lên, ông nghiêng hai hàm răng lại, găm trong cổ họng:

– Bọn Mỹ và tay sai, chúng mày làm khổ nhục người Ê Đê chúng tao quá. Quỷ thần giết hết chúng mày đi.

Đêm không trăng, trời tối như ngồi trong một chiếc ché to đầy nắp. Không có tiếng người già ho, không có tiếng trẻ con khóc. Trong áp chỉ thỉnh thoảng lóe lên ánh đèn pin của bọn dân vệ đi tuần tra và tiếng súng thưa thớt của bọn lính đồn bắn ra ngoài.

Từ khi lũ làng buôn Phin bị dồn về ở ấp thì tiếng khèn của trai gái gọi nhau cùng với tiếng giã gạo quen thuộc đêm đêm cũng không còn nữa.

Cả ấp chỉ có mỗi cái bếp nhà ông già Kơ Rao là có lửa cháy lồm đồm. Quanh bếp, bốn năm người ngồi bên nhau cùng hút thuốc với ông già Kơ Rao. Giữa lúc đó có tiếng gọi to:

– Anh Kiom, Mai Ho-yéc, anh Díp ơi!... Đêm nay có gió to, đốt nương cháy nhanh đấy. Nước thần tưới cũng không thể tắt đâu. Ta đi làm nhé".

Mọi người nghe rõ đó là cái tiếng trầm vang, chắc nịch của Y Hun. Ông già Kơ Rao đột nhiên bật lên tiếng thở dài rồi nói lảm bảm:

– Ủ, được cái gió khô này mà đốt nương thì tốt thật!

Chưa ai kịp nói gì theo, thì Y Hun đã mở cửa bước vào. Thấy Y Hun, ông Kơ Rao quay ra bảo con gái:

– Ho-yéc! Con ra ngoài ngồi chơi đi!

Y Hun nói theo:

– Hễ thấy đèn pin bọn nó chiếu về phía ta thì em hát lên để chúng tôi kịp nói chuyện khác nhé. Ho-yéc lặng lẽ rời giường xa ra ngồi cạnh cửa. Cô mở to mắt dăm dăm nhìn xuống đường. Bao giờ cũng vậy, khi nào mọi người họp ở nhà mình, Ho-yéc cũng phải làm một lúc cả hai việc, vừa nghe bàn luận, vừa gác bọn Mỹ và tay sai.

Bên ngoài, những cơn gió khô vẫn liên tiếp tràn về, khi vấp phải bức rào tre của ấp thì lại rít lên từng cơn ghê rợn. Trong nhà, mọi người vẫn ngồi hút từng hơi thuốc dài. Hồi lâu, ông già Kơ Rao nhả chiếc tẩu ra khỏi miệng, cầm quay ngược cán tẩu lại, gõ xuống khúc gỗ đang hun, làm nẩy ra những tiếng kêu tắc tắc. Người đầu tiên cất lời là Y Hun:

– Bác Kơ Rao này! Chúng cháu muốn phá tan cái ấp chiến lược này đi đấy. Lũ làng đói lắm, khổ lắm không còn chịu được nữa. Lúc kháng chiến (chống Pháp) bác đã làm xã đội trưởng rồi, bác hãy bảo cho chúng cháu một lời đi.

Ông già Kơ Rao thôi không gõ tẩu xuống khúc gỗ, ông lấy thuốc nhét đầy miệng tẩu, gấp cục than đỏ đưa lên, rít từng hơi dài, mãi ông mới hỏi:

– Phá à?

– Phải rồi – Y Hun đảo mắt nhìn quanh – Đây bác xem! Như thế này mà gọi là nhà cửa được à. Hừ, ổ chuột ngoài rừng còn to hơn. Bác Kơ Rao, hay là bác sợ...

Nghe Y Hun nói, bao nhiêu cặp mắt đều ngược cả lên, dồn vào ông già Kơ Rao. Ông biết mọi người đang chờ đợi ở mình, và ông còn biết rõ giá trị của những lời ông sẽ nói. Hồi kháng chiến đánh giặc Pháp, mỗi khi ông cất tiếng nói, lũ làng ai nấy đều nghe theo hết cả. Đêm nay lũ người trẻ trong buôn chúng nó muốn đánh bọn Mỹ và tay sai, đang chờ ông nói một lời phải. Ho-yéc ngồi ngoài cửa cũng nóng lòng chờ đợi.

Ngập ngừng một lúc, ông Kơ Rao mới nói:

– Các cháu ơi bác không sợ chúng nó, bác lo phá không nổi, chúng nó sẽ bắn vào lũ làng. Muốn phá cái ấp này, các cháu phải đến nói với các anh bộ đội giải phóng giúp sức mới được.

Nghe ông nói, mọi người đều vui sướng mỉm cười. Y Hun quay lại nhắc Ho-yéc:

– Em Ho-yéc đừng quên nhìn trăng, sao đấy!

– Các anh cứ yên lòng.

Y Hun từ từ rút trong cặp khố ra một mảnh giấy đã được cuộn lại nhỏ như đầu dũa. Anh mở rộng đưa cho ông già Kơ Rao:

– Có tờ giấy của mặt trận giải phóng gửi về đây, bác đọc đi.

Díp ngồi bên cạnh, cầm một mẫu củi đang cháy giờ lên. Ông già Kơ Rao ẩy tay Y Hun trở lại:

– Các cháu đọc lên cho bác cùng nghe!

Y Hun kìm giọng khe khẽ đọc:

Kính gửi đội tự vệ chiến đấu buôn Phin

Đêm nay buôn Phin, buôn Ná, buôn Kơ Rai, buôn Prao sẽ cùng một lúc nổi lên phá ấp để lấy thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Mặt trận giải phóng hợp lần thứ hai.

Gà gáy lần thứ nhất, đội tự vệ trong từng buôn sẽ đưa dân làng ra khỏi ấp. Gà gáy lần thứ hai, bộ đội sẽ nổ súng vào để các đội tự vệ đốt ấp.

Đội tự vệ nào làm công việc xong mà trời chưa sáng thì đến phối hợp với bộ đội để diệt đồn.

Ngày... tháng... năm...

Ban chấp hành Mặt trận giải phóng huyện

Y Hun vừa đọc xong, một thanh niên dáng lấm lì, chất phác, ngồi cạnh Y Hun, ngáp ngừng rồi lên tiếng:

– Phá ngay đêm nay à? Gặp khó khăn rồi. Đêm nay có một tên lính đồn về chỉ huy bọn dân vệ tuần tra đấy, hấn ngủ ở nhà chủ ấp.

Y Díp gật đầu:

– Ừ, phải, tên lính ấy về đây không phải mới một đêm nay, mà đã ba đêm rồi, đêm nào cũng có mặt nó ở trong ấp. Hay là... báo cáo với các anh bộ đội giải phóng để đến đêm khác.

Y Díp chưa dứt lời, thì mọi người đã nhìn thẳng vào mặt anh với vẻ trách móc, giận dữ. Ho-yéc đang ngồi gác nghe thấy thế cũng nóng ruột, không nhìn được, cô cất tiếng nói vào:

– Không ai ung bụng đợi đến đêm khác đâu. Những đứa dân vệ tốt bụng biết việc đều đã nhận lời giúp chúng ta. Chúng nó bảo: chính vì có tên lính này về đây nên bọn lính đồn mới ít đi tuần tra đấy...

Ai cũng gật đầu khen: "Ho-yéc nói đúng đấy". Chỉ có Y Hun vẫn ngồi im, làm cho Ho-yéc phật lòng. Ho-yéc biết Y Hun từ khi còn nhỏ. Tuy Y Hun đã nhận lời hỏi của ông bà Kơ Rao, bằng lòng cho Ho-yéc cưới về, nhưng 2 người vẫn chưa phải là vợ chồng. Ho-yéc vẫn coi Y Hun là bạn. Y Hun cũng rất quý Ho-yéc. Thế mà không biết làm sao Y Hun lại ngồi im như thế. Ho-yéc nghĩ lại lời mình vừa nói thấy không sai, chỉ là nói hơi to quá thôi. Nhưng thằng lính ấy nó đã ngủ khì rồi còn đâu.

Tiếng ông già Kơ Rao cất lên làm dứt ý nghĩ của Ho-yéc:

– Nếu được thế thì phải làm ngay thôi kẻo gà sắp gáy rồi. Dừng để các anh bộ đội giải phóng phải chờ đấy các cháu ạ.

Y Hun cuộn mảnh giấy lại luồn vào cặp khố và nói:

– Chúng cháu có tay khỏe, chân nhanh rồi nhưng phải có bác ra chỉ bảo công việc. Bác nói thì lũ làng mới biết nghe, bác dẫn chúng cháu vào đồn thì mới tránh được hòn đạn của giặc bắn ra.

Ông già Kơ Rao từ từ đứng dậy:

– Bác bằng lòng như thế rồi. Bây giờ chúng ta nói công việc cụ thể. Bác sẽ báo cho lũ làng. Y Hun đến gặp những đứa dân vệ tốt bụng, bảo nó mở cửa cho lũ làng ra. Các cháu thanh niên đi tìm củi chuẩn bị sẵn sàng đốt ấp. Còn Ho-yéc, con phải đưa lũ làng đến nơi lập buôn mới cho được đầy đủ mọi việc. Y Hun sẽ dẫn thanh niên theo bác lên phá đồn cùng với các anh bộ đội giải phóng.

Ho-yéc ngồi nghe cắt đặt công việc, nét mặt cô bỗng sầm xuống. Cô tưởng tượng, một lát nữa, các anh ấy ở lại chiến đấu thì vui biết đường nào. Trong khi đó, theo lời cha, cô phải đưa lũ làng đến nơi mới, không được cùng Y Hun vào đồn nhìn xem các anh bộ đội giải phóng bắt sống thằng giặc Mỹ.

Ho-yéc còn đang ngồi thờ ra thì Y Hun đã đến bên, ghé vào tai cô nói nhỏ:

– Dừng buồn em Ho-yéc ạ. Em đưa được lũ làng đến nơi ở mới, quay về còn kịp vào đồn đấy.

Ho-yéc hiểu ra, cô đứng vụt dậy cùng mọi người bước ra ngoài.

*

Đêm càng về khuya. Ông già Kơ Rao ngồi bó gối bên bếp, hút hết nhiều điếu thuốc rồi, mà lũ gà vẫn chưa chịu gáy lần thứ hai. Lòng ông như đang có đàn kiến đốt. Ngồi nữa không yên, ông đứng dậy đi ra cửa, ngóng về phía đồn. Trước mặt ông chỉ thấy đen kịt một màu. Trời tối quá, mắt chẳng nhìn rõ.

Lũ trai làng, chân chúng nhanh, tay chúng khỏe thật. Bao nhiêu công việc chúng nó chỉ làm một lúc đã xong. Tên lính đồn và cả đứa chủ ấp đã bị lũ chúng nó bắt sống rồi. Lũ làng đã theo con Ho-yéc đến chỗ mới rồi. Củi khô và lửa đã để sẵn ở từng nhà rồi. Lũ trai làng cùng với những đứa dân vệ tốt bụng đã đứng dậy cả ngoài cổng ấy rồi. Tất cả mọi việc đều xong xuôi, chỉ còn chờ lũ gà gáy lần thứ hai để đón tiếng súng của các anh bộ đội giải phóng nổ ở phía đồn là đốt hết thôi. Lũ gà vẫn chưa chịu gáy lần thứ hai, tức bụng với lũ gà quá!

Ông già Kơ Rao bồn chồn, đứng ngồi không yên. Ông vói tay rút con dao cài trên phen ngoài và bước xuống thang đi nhanh ra cổng ấp.

Ông vừa ra tới cổng ấp thì bỗng nhiên có hai ngôi sao đỏ chói từ phía đồn vọt lên trời, rồi từ từ rụng xuống cùng một lúc với tiếng nổ dậy trời. "Ồ tiếng súng nổ sớm, trước cả con gà gáy". Có tiếng một người nào đó kêu lên bên cạnh. Ông già Kơ Rao chưa kịp nói thì tiếng của Y Hun đã vang lên, mạnh mẽ:

— Con gà ngủ quên chứ các anh bộ đội giải phóng không quên đâu! — Bác Kơ Rao ơi! Anh em ta ơi, đốt hết đi mau lên! Đoàn người tản ra nhanh như lũ chim bay, chỉ trong khoảnh khắc cả cái ấp của bọn Mỹ nguy đã rực cháy, lửa bốc cao. Ngọn lửa làm sáng rực cả bầu trời.

Dưới ánh lửa sáng rõ như ban ngày, ông già Kơ Rao từ trong đám cháy vọt ra, tay cầm dao hoa lên, hét lớn:

— Lũ trai làng buôn ta ơi! Hãy theo tôi lên phá đồn cùng các anh bộ đội!

Như một tù trưởng anh hùng trong truyện cổ, ông già Kơ Rao nắm chắc vũ khí trong tay, hướng về phía có tiếng súng nổ, chạy

như bay. Sau lưng ông, lũ trai làng nhí nhúc ùn lên như một bầy ong theo chúa.

*Đường qua mùa hoa đào
Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội 1978*

CHUYỆN TRÊN BỜ SÔNG HINH

(Trích tiểu thuyết)

CHƯƠNG III

Một buổi sáng mùa hoa. Vùng đồi này khác với những nơi khác, mùa hoa nở lại là mùa khô, mùa của ong bướm. Hôm ấy Hơ Linh đứng bên cạnh mẹ ngay trên hiên nhà mình. Cô lớn lên trông thấy, như lúa trên nương gặp mưa, vai của cô đã bằng vai mí mà bà mí thì héo hon như cây thuốc lá trong vườn về cuối mùa. Khuôn mặt của Hơ Linh, chị trắng cũng phải ghen, đôi má đón nắng sớm như đóa hoa aring. Mỗi lần cô nói cô cười, hai dấu "cua bằm" trên má như dòng nước xoáy tròn trịa rung rinh. Cái tròn trịa rung rinh gây sóng sánh trong đôi mắt, trong lòng các chàng trai. Hai bàn tay cô đựng bông thành những sợi chỉ dài, nên khổ thêu, áo hoa. Nhiều cô gái cùng lứa tuổi cô theo mãi mà không kịp. Trong những ngày buôn làng ăn năm uống tháng nhiều chàng trai từ các làng chung quanh đến nhảy múa hoặc chúc mừng đều để mắt đến Hơ Linh.

Trong bữa rượu, khi hơi men thấm vào miệng, bà mẹ nào có con trai cũng phải hát ngỏ lời với mí Hơ Linh. Nhưng mí Hơ Linh như con rùa nằm¹ làm sao dám mở miệng với người làng. Bà tự cho con gái mình còn thơ dại, bây giờ thì họ ung vậy chứ thật sự rồi mới nhiều chuyện để nói. Còn Hơ Linh, khi nghe lắm được những lời hát của bà mẹ nào đó, cô chỉ mỉm cười. Cũng có người bạn gái ghen với Hơ Linh. Họ không biết cái bụng của Hơ Linh. Họ tưởng Hơ Linh như con trâu, con bò hể thấy cỏ non là nhảy đến. Hơ Linh nghĩ khác. Làng này có hội, trong bụng mình cũng phải có ngày hội. Chàng trai nào đến cũng phải nếm mùi rượu làng này, họ chê một

1. Ý nói khiêm tốn, vì gia đình nghèo.

cô nào là để tiếng cho làng. Mí đã già, cha mất sớm, mí nuôi mình khôn lớn, mình phải làm sao cho mí vui, khi tìm người chồng người ấy phải thương mí. Trong bữa vui, bữa rượu như thế này, cô chưa nghe mí Y Thoa hát một lời, nói một tiếng, nhưng cử chỉ, nét mặt của bà luôn luôn vui vẻ, biết chừng đối với mí Hơ Linh. Mỗi lần nhà Y Thoa có bữa uống rượu không bao giờ bà quên mí Hơ Linh. Khi mí Hơ Linh vắng thì rượu chai và thịt luộc để dành, chính bà mang đến nhà mí Hơ Linh.

Y Thoa năm nay cũng lớn bằng cha rồi, cũng thông thạo mọi việc, tay rìu cừ, đan lát giỏi. Riêng việc nương rẫy, dù nắng cháy da anh cũng không ở nhà. Anh lắm lì ít nói, càng lớn càng giống cha như đúc. Miệng anh nói cười chưa hề làm đau lòng ai. Trong những đêm hội múa trống, nhiều cô đuổi nắm đuôi khố của anh, đều bị anh gạt lại. Hơ Linh và Y Thoa là hai người bạn chân bò thuê, luôn luôn giúp đỡ nhau. Khi lớn lên họ cùng ở một tổ đổi công. Lúc buôn làng có ngày hội múa đâm trâu, Y Thoa ra cầm chiếc trống thì Hơ Linh bỗng nhiên ra đứng ở ngoài ngắm nghía. Y Thoa không múa Hơ Linh mới ra múa đón nhịp trống của một chàng trai khác – Y Thoa đứng ngoài tung túc. Hai người chưa ai nói với ai một tiếng nào. Y Thoa cũng biết Hơ Linh không phải của mình, giá lúc anh múa trống mà Hơ Linh ra đón kịp trống, anh có thể múa suốt đêm được. Y Thoa càng trở mắt nhìn càng thấy Hơ Linh múa nhịp nhàng. Chính Hơ Linh cũng muốn đem hết tài năng của mình để Y Thoa dõi theo. Cái tình không phải cho chàng múa trống mà là cho Y Thoa, cho buôn làng, Hơ Linh và Y Thoa ngay lúc này cũng chưa thích gần nhau đâu nhưng xa nhau thì thấy nhớ và mỗi buổi lên nương rẫy không có cái cuộc của Y Thoa trong gùi thì Hơ Linh thấy sao mà khó chịu. Y Thoa và Hơ Linh bây giờ như là những người đi câu, thấy được con cá mà mình ưng rồi nghĩ cách làm sao cho nó cắn câu đấy. Buôn làng cũng thấy đấy nhưng biết nói thế nào vì chính hai gia đình của họ chưa bên nào lên tiếng cả.

Chiều nay mặt trời đã bị các rặng núi phía tây kéo tụt xuống hẳn rồi. Cái tối chập choạng này làm cho những bông hoa hai bên đường không còn rực rỡ như hồi ban mai, không đủ sức khoe sắc màu của mình mà chỉ thả cho núi rừng một hương thơm thoang thoảng.

Con đường từ chân rừng về làng bằng bạc như cây tre vừa mới khô. Giữa lòng đường hẹp ấy hiện lên hai bóng người, người con gái

mang gùi đi trước, người con trai vác cây trên vai. Họ đi cách nhau vài bước, vừa đi vừa nói chuyện. Họ nói chuyện gì nhỏ nhỏ như không để cho cây cỏ cùng nghe. Có lúc câu chuyện bị đứt quãng, núi rừng trở lại im ắng, chỉ nghe tiếng chân của họ bước soàn soạt, hoặc là tiếng đổi vai vác cây. Hôm nay lần đầu tiên Hơ Linh đi trước mặt Y Thoa. Cô vừa đi nhưng lại sợ Y Thoa nhìn thấy búi tóc và cái gáy nó lạnh ngắt. Càng nghĩ sợ Y Thoa trộm thấy lại càng vấp chân. Hai người xuống đến dốc gần làng. Y Thoa mạnh miệng hỏi trước:

– Mùa này sao hai mí con không nấu lấy một ché rượu mời bà con đến nhậu hộ một số gỗ vụn. Hai mí con làm không kịp đâu.

– Anh hỏi ai vậy?

– Hỏi em chứ ai.

– Em có tên kia mà.

– Thôi anh không hỏi nữa.

Thật rõ là cộc lốc! Hơ Linh không muốn nói như vậy đâu anh Y Thoa ơi, em đã sắp xếp từ lâu để nói chuyện với anh đó mà.

Hơ Linh ngừng lại khá lâu.

– Anh Y Thoa ạ, chắc em nói vừa rồi làm cho cái bụng anh khó chịu?

– Em nói như con chim cú bay qua đường làm cho người ta giật mình đấy.

– Em cũng biết đấy, nhưng...

– Làm sao kia chứ?

– Đó, anh coi có ai đâu mà...

– Cả làng ta lớn bằng này không có lấy một người nào có cái ý tốt với gia đình em sao?

Hơ Linh nín thinh. Cô nghĩ, bây giờ rẽ cây mới bò đến nơi đất có hơi nước, nhưng bây giờ mình làm sao đây cho rẽ cây ấy khỏi vòng đi nơi khác. Đi được một lúc, cô nói:

– Anh Y Thoa ạ, việc anh nói ấy mẹ em đã lo rồi, ý của em không những mời bà con gần mà còn...

– Anh ấy à? Biết gì mà mời!

– Anh mà còn nói vậy!

– Em cũng biết anh rồi đó.

– Nếu không làm được việc lớn thì làm việc nhỏ.

– Biết xếp củi khi đốt nó mới cháy kia mà, đâu phải công việc dễ, dùng mồi là tốt nhất, anh là chàng lười đó, chỉ có ăn thôi, liệu ở nhà có làm nổi không?

– Gì chứ hôm đó mí con em sẽ không những lo cho mọi người ăn no, có rượu uống, còn riêng anh...

– Em sẽ lo mang một gùi củi cho gia đình anh, được không?

– Chỉ sợ mí anh chê củi của em thôi.

Hơ Linh thấy mình đã nói quá, người cô nóng ran như có ai bỏ lửa, nếu là ban ngày thì cái mặt của Hơ Linh hoa kơ tình cũng phải thua. Quên hết tất cả, như phía sau mình không có ai nữa, đột nhiên cô dừng lại. Cái đầu cây Y Thoa đang vác trên vai đụng phải gùi của Hơ Linh, thấy vậy anh giật nảy người và lùi lại phía sau một bước cất tiếng hỏi:

– Sao, không đi à?

Hơ Linh không nói, vội bước đi như cái kim đồng hồ sau khi lên giây lại tiếp tục chạy.

– Có sao không hả. Hơ Linh?

– Không có gì đâu anh ạ.

– Cái gùi của em có bị chọc thủng không?

Vì mãi đi và nói chuyện nay chợt nhìn thấy buôn làng đã lên lửa, cô định nói gì và tránh lối cho Y Thoa. Y Thoa lách đi trước, bóng anh đã đến vĩa làng, Hơ Linh vừa đi vừa lắng nghe tiếng chày giã gạo của các cô bạn đón đưa nhịp nhàng.

Mùa hè nắng oi ả. Dưới vòm nắng của hàng chuối và trên những gò đất cao hoặc chung quanh chòi rẫy là những khóm dưa hé miệng cười tươi đỏ. Mùa dưa cười báo hiệu mùa làm cỏ nương cỏ rẫy. Mùa này, vòm trời không có lấy một gợn mây, song ông mặt trời lại hổ thẹn vì có sáng nào ông ta đuổi kịp được gái trai buôn Thu này đâu. Cái chuyện lành của Y Thoa và Hơ Linh đã được mọi người chú ý và góp sức vun xới cho rồi. Sáng nay Hơ Linh vừa xuống tới chỗ để gùi tập trung như đã quy định thì một anh trai

làng đi tới bỏ cuộc của mình vào. Hơ Linh không nói gì chỉ ngoay ngoáy chạy đi chỗ khác. Cô đến chỗ một cô bạn làm như có việc rất cần mà không chú ý đến sự việc vừa xảy ra. Cô bạn vỗ vai Hơ Linh:

– Kìa, người ta đã bỏ cuộc vào gùi.

– Kệ anh ấy, có người sẽ tức anh ta chứ.

Hơ Linh vừa nói chuyện nhưng đôi mắt vẫn chú ý đến chân cầu thang của nhà Y Thoa. Thấy Y Thoa xuống, các bạn gái trai, rộn ràng hẳn lên. Giá như cách đây mười mùa lúa, Hơ Linh có thể lên nhà gọi, những trò chọc ghẹo của bạn coi như không có gì nhưng bây giờ khó khăn quá. Vừa lúc Hơ Linh đang bối rối lại có tiếng gọi.

– Chị Hơ Linh ơi! Y Thoa xuống rồi kìa!

Sao mà bối rối quá. Hơ Linh vẫn đứng im như cây không có gió, cái gùi để dưới chân cầu thang cô cũng không nhớ nữa. Các bạn bắt đầu tỏa đi, Hơ Linh mới chạy đến lấy cái gùi đeo quai vào vai rồi đi theo đoàn. Chao ôi, sức nhớ tới cái cuộc trong gùi, Hơ Linh dừng lại coi của ai, nhưng rồi cô nghĩ cái bụng mình đâu phải nhỏ hẹp, vả lại nếu coi thì bạn bè sẽ chọc nhiều hơn. Tuy vậy bụng cô vẫn cứ thấp thỏm. Hôm nay Y Thoa có thể cười nhưng biết đâu trong một lúc nào đó anh sẽ nói mình, cái chân bước đi cứ ngưỡng ngưỡng. Con trai con gái đi làm mang theo cả cái vui của buôn làng, họ đi tới đâu nghe tiếng cười nói rộn ràng. Buôn làng nào sinh ra được nhiều con trai con gái, dù có gặp phải việc khổ mấy cũng vui, bụng có thể đói nhưng mặt cứ no tràn. Hôm nay có khổ thật nhưng rồi các chàng trai cô gái kia với sức lực tuổi trẻ sẽ đưa cả làng vượt qua. Lớn rồi mà Hơ Linh ăn mặc vẫn không có gì, chiếc váy và cái áo thường đó thôi, như bông hoa nở không mời mà ong bướm vẫn cứ tìm đến khiến nhiều chàng trai ở các buôn làng chung quanh đều nhòm ngó. Nhưng Hơ Linh vẫn để mặc họ. Cô đâu dám nghĩ đến họ. Dưới gầm nhà mình không có lấy một dấu chân gà chạy qua.

Mặt trời lên ngang tai, nắng hanh, gió núi thổi hun hút, đất bụi bốc lên theo những nhát cước của mọi người những lúc gập con lóc nó lại bốc lên xoáy tròn. Những gốc rạ khô không khóc, nhưng cỏ non tróc gốc héo ngay. Càng về trưa, mọi người càng hăng say, tiếng nói tiếng cười vẫn cứ vang lên sôi nổi. Xa xa các rặng núi chung quanh hiện lên một màu xanh, trên nền xanh ấy lại có từng cụm mây trắng nhiều khuôn khác nhau lơ lửng. Trong buổi làm cỏ

hôm nay, anh chị em dành cho Y Thoa và Hơ Linh được cuộc gần nhau. Lần đầu tiên đứng cuộc gần Y Thoa, Hơ Linh thấy chân tay của mình cứng lại, cái sức của cô không đến nổi yếu lắm, nếu mọi lần như thế này thì làm sao dẫn đầu được tổ. Cô dùng hết sức lực để cuộc phần mình nhưng vẫn không theo kịp anh chị em khác. Mà Y Thoa đã cuộc hộ cô phần lớn rồi. Càng không đuổi kịp anh chị em thì càng thấy mệt hơn. Cuộc bên phải thì cổ bên trái còn... Hơ Linh cứ lúnh quính hoài. Từ sáng tới giờ, hai người đứng cuộc bên nhau. Hơ Linh chưa hề nói một tiếng nào với Y Thoa. Đang làm mệt lại mắc cỡ nữa nên Hơ Linh mặc cho các bạn chọc ghẹo. Hơ Linh rất thương Y Thoa nhưng hôm nay cô lại căm anh. Y Thoa vẫn như những ngày còn chần bò dù mưa to gió lớn, nước suối dâng lên anh vẫn giúp đỡ Hơ Linh vượt qua được. Đứng ra cô phải làm cho Y Thoa vui cười.

Vật đất của Hơ Linh còn lại chỉ bằng một thước tay, càng về cuối Y Thoa càng phải cuộc giúp cô nhiều. Hơ Linh đuổi kịp anh chị em trong tổ cũng vừa đứng mặt trời đứng bóng. Mọi người đi tìm bóng mát hoặc vào trong chòi hóng gió rồi sửa soạn đi về. Với tính siêng năng của mình, Y Thoa vẫn vác cuộc đi coi lại tất cả mảnh đất đã làm cỏ xem thử anh chị em có còn bỏ sót góc nào không. Hơ Linh vẫn đứng chờ Y Thoa mang cuộc đến bỏ vào gùi rồi mới chịu vào chòi.

Mùa khô tốt cho mọi việc. Làm cỏ thì cỏ mau chết, suối cạn bắt được cá, ngày buôn làng ăn nằm uống thán cũng sạch sẽ, các làng chung quanh có thể đến dự, mùa săn bắt cũng dễ dàng.

Chiều nay mặt trời nghiêng mình về phía Tây, cố giữ lấy ngọn cây gạo trước nhà. Gió chiều về man mát và ráo hoảnh, các cô các bà đem khung cửi ra ngoài dệt vải. Người dệt dưới gầm nhà, gầm kho lúa hoặc trong những lùm cây râm mát. Những tấm vải dệt được giăng ra như những tổ ong trên cành cây. Chiều nay Hơ Linh không ở nhà dệt nốt phần còn lại. Người ta thấy cô mang gùi đi xuống đường bên nước. Thấy Hơ Linh đi qua gần chỗ dệt vải, một cô bạn đột nhiên hỏi:

- Chị Hơ Linh ơi!
- Gì đó Hơ Dung?
- Chiều nay chị không dệt à?

- Chiều nay chị có chút việc.
- Đợi chiều cùng đi được không? Nhà em cũng không còn tí rau gì mà.
- Chị đi có việc mà - Nói xong Hơ Linh cười, Hơ Dung hiểu ý.
- Thôi chị đi kéo người ta đợi lâu, cái ruột họ ngắn lắm, tôi giữ chân chị cũng đã lâu.
- Thôi đừng có giỡn với chị.
- Có việc nào lớn hơn đâu chị ơi!
- Hơ Dung!

Kêu lên một tiếng vậy rồi Hơ Linh ngoay ngoáy đi thẳng xuống con đường bên nước. Ở nơi hẹn với Y Thoa có một gốc cây đầy lá xum xuê, dưới gốc có một tảng đá phẳng lỳ, ngay bên chân có con suối đang chảy róc rách đều đều. Âm thanh của suối nước làm cho Hơ Linh càng sốt ruột. Hơ Linh hết đứng lại ngồi. Cô lấy lược chải đầu. Chải đầu xong vẫn chẳng thấy bóng Y Thoa. Đợi từ đó đến lúc mặt trời đã ngó vào mặt của Hơ Linh, khu rừng trở nên âm thầm và đầy ắp, không có lấy một tiếng động. Có đôi vợ chồng chim chích chòe bay đến hót ríu rít như thách Hơ Linh có dám đứng một mình không, nhưng Hơ Linh không chú ý đến chúng. Cô đang mong đợi tiếng một bước chân. Tiếng chim hót lần này moi móc và hăm dọa nữa. Mắt Hơ Linh không thèm nhìn chúng song cái tai vẫn phải chú ý vì tiếng chim như báo một điều không tốt. Hơ Linh chải lại tóc rồi bỏ cái lược làm bằng lõi cây mít vàng óng vào gùi, cùng lúc bỗng có một ngọn gió mạnh - khu rừng ồn ào hẳn, cô nghe rõ giọng con chim trống kêu thất thanh. Hơ Linh ngược mắt nhìn chỉ thấy một mình chim cái còn lại giữa vòm cây lớn. Hơ Linh nghĩ mãi, không biết lúc nào cặp vợ chồng chim này lại gặp nhau. Chỉ thoáng qua, khu rừng lại vắng lặng và chỉ một thoáng ấy có thể xảy ra bao nhiêu sự việc rồi. Hơ Linh ngồi chờ Y Thoa đã lâu, một mình một khu rừng có thể có những điều nguy hiểm. Hơ Linh nhớ lại những ngày tháng vừa qua, Y Thoa chưa bao giờ bỏ Hơ Linh một mình. Nghĩ vậy cô lại vững tâm chờ đợi.

Rừng cây và con suối nhỏ kia chúng nó cũng như Hơ Linh đều lắng nghe một thứ tiếng làm cho khu rừng và con suối nhỏ ấy vui. Bàn tay Hơ Linh động đây, cô bẻ hết nhánh cây này đến nhánh cây

khác, thỉnh thoảng nghe tiếng ịch của một vật gì từ trên cây rơi xuống. Hơ Linh giật mình, trống ngực đập mạnh như muốn tung ra ngoài. Hơ Linh định đứng dậy song cô kịp kìm lại và lắng nghe. Cô khẽ quay mình về hướng một cây to, nơi vừa có tiếng động. Trời đất ơi, con gấu say mật gặt gù. Nó gầm gừ. Hơ Linh nhắm nghiền đôi mắt lại. Hơ Linh chưa bao giờ gặp nhưng người làng vẫn thường kể là gấu sợ phụ nữ. Đó là chuyện kể, còn con gấu này? Hơ Linh rùng mình sợ hãi. Cô mở mắt ra thì con gấu cũng đã đứng dậy. Nó gầm gừ, dùng hai chân trước cào vỏ cây, dùng miệng xé thân cây, thân cây cứ từng mảng bị kéo ra. Con nghịch ngợm của gấu đã thoải mái rồi, nó bước đi khắp khả khắp khiêng, trông vừa sợ lại vừa buồn cười. Con gấu đi qua cách chỗ Hơ Linh không xa gì mấy nhưng gấu không nhìn thấy Hơ Linh. Hơ Linh định chạy nhưng đôi chân không sao nhấc nổi. Cô nhắm mắt ngồi lì, trong khi đó hình ảnh của một người làng bị gấu xé nằm trước cú vật vờ trước mặt. Ông ta chỉ còn mỗi một con mắt, cả cái mặt đầy sẹo ngang dọc. Gấu xé người không làm cho người ta chết mà chỉ làm cho người xấu mặt. Hơ Linh thấy rùng mình run lên cầm cập. Gấu đã đi xa, khu rừng ẩm và rậm rạp hơn. Không còn nghe tiếng chân gấu hay thân nó va vào cây nữa, cô khẽ nhắc mình dậy và lắng nghe động tĩnh. Hơ Linh nhẹ nhàng cúi và chạy. Cô vừa mới chạy được khoảng trăm bước thì Y Thoa tay cầm nỏ lao tới. Nghe tiếng động tiến về phía mình, Hơ Linh lại càng chạy, chạy đến khi ngã xuống. Lúc bình thường cô không thể nào đi qua con đường mình vừa chạy qua, gai mây, dây kim cương cứng nhọn như móng vuốt. Thấy Hơ Linh chạy hốt hoảng, đâm bổ nhào lung tung. Y Thoa cũng mất bình tĩnh cố đuổi theo mà không kịp. Nghe tiếng kêu Hơ Linh tưởng tiếng của giàng núi, giàng nước ghét cô. Y Thoa muốn cất tiếng gọi nhưng lại sợ một con thú dữ gần đó chặn lối. Anh cố đuổi theo và cuối cùng mới cất tiếng:

– Hơ Linh ơi, ơ Hơ Linh!

Hơ Linh toan chạy, Y Thoa lại gọi:

– Ơ Hơ Linh, Hơ Linh ơi, anh đây, Y Thoa mà, đừng chạy nữa.

Hơ Linh nhận ra tiếng của Y Thoa và cô quay lại. Thấy Y Thoa đang lao về phía mình, cô vừa thở hổn hển vừa làm hiệu không cho Y Thoa gọi. Cô lấy hai tay làm loa hướng về phía Y Thoa định

nói; "Ờ... ầu đấy, đừng gọi", nhưng nào có ra tiếng. Y Thoa chạy đến nắm lấy vành gùi. Anh vừa đến, Hơ Linh ngã quỵ xuống đất, mặt mày xanh mét và không thể nói được một tiếng. Y Thoa hoảng hốt, anh vừa thở vừa nói:

– Em làm sao? Cái gì làm cho em thế này, Hơ Linh ơi.

Lần đầu tiên anh gọi tên Hơ Linh với tình cảm tha thiết:

– Dậy đi em. Hơ Linh ơi, dậy đi.

Hơ Linh không còn cái tai nghe, cái miệng nói nữa. Cái quai gùi vẫn còn nguyên trên vai ngã nghiêng, hai mắt cô nhắm nghiền lại. Trong con người của cô có cả con mệt, nỗi sợ hãi và con tức giận.

– Nói đi – Anh giục – Đã có anh đến rồi mà.

Lúc này hơi thở của Hơ Linh thua dần, cô đưa mắt nhìn Y Thoa, nhìn từ đầu đến chân. Y Thoa cũng nấc lên:

– Hơ Linh, anh đây mà, dậy đi em. Không phải thần linh đâu. Anh đây, đỡ mệt chưa, không đau chứ?

Hơ Linh mở mắt lơ lơ nhìn anh, nhưng rồi mệt quá cô lại nhắm mắt, hai tay buông ra phía trước mặt, làm hiệu cho Y Thoa sang bên ngồi. Con dao cây ná Y Thoa đã bỏ chỗ nào rồi, anh không còn nhớ, anh chỉ thực hiện ý muốn của Hơ Linh thôi.

– Hơ Linh ạ, anh muốn đến từ lâu kia. Anh xuống cầu thang rồi, ông chủ bến nước gọi lên nhà ông nhờ cất ché rượu. Đã cất ché rượu thì phải có lá, có nước và có cả cần để uống nữa, anh không lên nhà cũng không được, người ta nhờ mình, đó là một điều tốt. Họ cần đến mình và ngược lại cũng vậy, em có nghe anh nói không? Ngồi dậy đi.

Hơ Linh đã tỉnh lại, cô ngồi dậy lấy lược chải đầu, nghiêng người một bên nhìn tóc rối:

– Anh Y Thoa ạ.

– Em nói đi.

– Tí nữa thì anh không thấy em hoặc thấy thì em không thành người nữa.

– Sao thế em?

Con gấu ngựa to lắm anh ạ, nó ăn mật no rồi rớt xuống cách chỗ em ngồi đợi có xa đâu, rồi nó đi ngang qua chỗ em ngồi, em sợ quá, chân tay cứng hết.

– Gấu nó sợ phụ nữ cơ mà.

– Anh cứ nói đùa hoài – Lúc này Hơ Linh mới hé miệng cười nhưng vẫn nghiêng mặt về phía tóc rối để lộ cái má đã lên màu hoa kơ tìng. Những sợi tóc mai đen nhánh non tơ như cười với anh, những sợi tóc rối như ghìm bốt hơi tim đập mạnh. Hơ Linh vừa gỡ tóc rối vừa nói với Y Thoa:

– Anh Y Thoa ạ, em cứ định ninh là anh không đến.

– Sao Hơ Linh lại nghĩ vậy.

– Em tưởng anh đi theo con đường khác, người ta nói năng cười cợt có duyên hơn em nhiều.

– Hơ Linh ạ, anh không nói dối em đâu, anh đã kể hết rồi...

– Ta đi anh – Hơ Linh ngắt lời, hai người đứng dậy, họ đi vào một khu rừng khác.

Mùa tháng ba, trăng đã tròn một hai đêm rồi, mùa rộ ăn năm uống tháng của buôn làng, đêm đến và rạng sáng đều nghe tiếng chà giã gạo, còn tiếng chiêng, tiếng trống thì không bao giờ dứt. Tiếng chiêng tiếng trống của buôn thấp vừa thoát đi lập tức có tiếng chiêng tiếng trống của làng trên áp tới.

Năm nay nhà Y Sô cũng định ăn uống lớn. Năm ngoái ông đã vỗ một con bò đực, con bò đực nay đã to hung, da màu khói, lông lóng bóng, thân tròn như thân con sóc, cổ to một vòng tay ôm không sát, nó mà vục cày thì khỏe hết chỗ nói. Nếu dắt xuống Tuy Hòa cũng đổi được ba con bò cái chứ không vừa. Chiều nào bò về chuồng đích thân Y Sô cũng xuống coi. Nuôi con bò có việc, trong bụng lo lắng, con bò mà mất đi thì coi như nhà cửa cũng nát theo. Việc Y Sô ăn năm uống tháng bằng con bò đực hầu như khắp tổng đều biết cả. Đúng vào lúc trăng tháng ba hạ tuần thì nhà Y Sô báo trước là sẽ cúng cầu phúc lành cho nhà cửa.

Bình thường trong làng có nhà tổ chức ăn năm uống tháng thì buôn làng vui rộn rịp, năm nay lại trùng nhà Y Sô nên khách khắp miền trong tổng đều có mặt, từ ông khách đầu sói tận đỉnh, bà lão tóc bạc phơ chống gậy đến trai gái, khách khứa đi lại, ăn uống tấp

nạp vui vẻ. Đây là dịp trai gái làng bận rộn nhất, phần lo cất rượu, bẻ lá, nấu com, múc nước, đánh chiêng, phần nữa lo sao cho khách có com thịt ăn, có rượu uống no say.

Đây là nhà anh trai họ nên Hơ Linh phải ăn ở luôn ở đấy. Lúc này Y Sô cũng lo không đủ com, thịt, rượu cho mọi người, hễ một người nào bị bỏ sót, coi như nhà mình cũng bị thần linh bỏ sót, không ngó trông gì. Trong khi ăn uống, nếu có việc gì thiếu sót, thì người ta trách con cháu trong nhà, họ hàng gần xa đều bị la rầy. Hơ Linh như con sóc rừng, cây có bao nhiêu cành cô cũng leo trèo bấy nhiêu, ngày không được dùng chân, đêm không được chợp mắt, làm bất cứ việc gì cô đều dẫn đầu các chị em trong làng. Đi bẻ lá gói com, đi hái rau, đi lấy củi, múc nước, giã gạo, hết lấy com đến việc chia rượu cho các khách bên nữ ăn uống. Cô chạy việc như chong chóng, cô làm việc nào hết việc ấy. Súc đang lên, làm không thấy mệt nhọc là gì, cô vẫn cứ cười, cứ vui. Sự đi lại, làm việc và nét mặt vui tươi của cô đã làm cho mọi người phải để mắt để tai.

Mùa ăn năm uống tháng, ngoài rừng cũng là mùa của hoa, của ong bướm bay lượn khoe sắc màu. Con người cũng vừa cất giấu bồ thóc, gian bắp nằm im trong nhà. Cứ mỗi dịp năm mới đến, buôn làng có ăn năm uống tháng, thì dù nghèo mấy họ cũng mặc được áo lành khố mới. Khách gần xa trai cũng như gái, khách lâu nay có tiếng giàu sang cái ăn mặc của họ làm cho hoa rừng cũng phải ghen. Gái làng hôm nay cũng ăn mặc tươm tất. Những áo thêu tua buộc xanh đỏ, trắng cứ bay với gió làm cho cả làng nhẹ hẫ đi, muốn bay lên cùng mây trời.

Nhưng riêng Hơ Linh, cũng muốn như họ mà không sao có được. Hai mí con giành dục mãi mới dệt được chiếc áo trơn, váy thường để Hơ Linh mặc trong những ngày vui này. Cái ăn cái mặc ấy nó làm cho Hơ Linh không rườm rà, thuột tha mà hết sức gọn gàng, nét na hảnh. Nhiều khách ông, khách bà ở nhà đã có con trai lớn muốn cùng uống rượu, nói chuyện với mí Hơ Linh. Các chàng trai cũng muốn uống rượu hát hò với Hơ Linh nhưng rồi không có lúc nào thấy cô ngừng tay. Thấy người già cô lễ phép, thấy bạn bè dù gái hay trai, cô đều gật đầu chào hỏi và mời mọc họ ăn com uống rượu.

Trong những ngày làm lễ cúng cầu sự yên lành cho nhà cửa của Y Sô, trai làng đến cũng đông nhưng không thể thiếu Y Thoa được. Dù nhà ai ăn uống trong làng mà không có mặt Y Thoa thì như kém vui hơn, nhất là đối với các ông nhà có bộ chiêng hay trống đẹp mà không có Y Thoa thì không sao vui được. Anh có tài đánh chiêng nhịp trống rồi mời rượu chia thịt không sót một ai. Công việc làm hàng ngày của anh làm cho các cụ già phải phục lẫn. Y Sô vừa tự hào nhưng lại vừa lo, cho rằng thằng này nó ỷ làm được nó sẽ buống.

Trong bữa rượu hôm nay có người khách đầu sói tận đỉnh, hơi men đã vào trong người, ông vừa cầm tô rượu vừa nhẹ quay về phía Y Sô chủ nhà:

– Làng ta năm nay giỏi lắm, từ khi đến làng này, tôi để mắt thấy có hai người sao mà họ đẹp thế.

– Ông đừng quá khen.

– Đấy, cô ấy và anh ấy ngồi giữa đang đánh chiêng đó.

– Cô ấy là em họ của tôi. Họ lớn như họ Kơ Sơ này phải có người như thế mới được chứ!

– Phải đấy.

– Cả cái làng này khi có cuộc ăn năm uống tháng mà không có hai đứa đó là mất vui đó.

– Có người như ông mới nên người như vậy đó.

– Phải! Tôi vừa làm việc quan huyện lại cũng vừa giúp đỡ việc làng. Nói không cũng không được, vừa nói mình phải vừa làm bọn trẻ nó mới bắt chước cái tốt được.

– Bây giờ nói thật với ông, tôi muốn đón họ về làng chúng tôi đó, gái trai làng chúng tôi cũng không thua đâu nhé.

– Thôi bữa nay ta uống rượu nói chuyện vui thôi.

Ông khách cúi xuống tô rượu đang cầm trong tay, uống xong phần mình ông lại đưa tô rượu cho một người bạn ngồi cạnh. Đến lúc này Y Sô mới thực sự ngồi ngắm Hơ Linh, cô em gái họ của mình. Hơ Linh với ông ta tuy cùng họ nhưng rất xa, nói về nội ngoại cũng không ai còn nhớ. Hiện nay đến lúc giỗ ông bà thì bên Hơ Linh thuộc dòng thứ hai rồi, không còn là một. Dù xa như vậy, nhưng nếu đã cùng mang một họ mà lấy nhau thành vợ chồng thì

tối kỵ, luật tục và cả người trần cũng không vừa ý thuận lòng. Thấy em gái mình xinh đẹp nết na nhưng ông lại có ác cảm. Trai trong làng này ông ta không ưng ai, đối với Y Thoa đúng là giỏi nhưng buồn quá, nó đã lớn mà chưa chịu lấy thê tùy thân. Sự gần gũi giữa Y Thoa và Hơ Linh, ông ta cũng thấy tiêng tiếc trong bụng. Gia đình Y Thoa nghèo không thể lấy cô em gái của mình được.

Trong khi mọi người lòng vui bay theo tiếng chiêng thì chính Y Sô lại có một khúc mắc trong ruột. Tiếng chiêng nghe như bị đứt quãng hẳn. Nhưng rồi tiếng chiêng trống vẫn rộ lên.

CHƯƠNG IV

Cuối mùa nắng nhưng ban ngày nắng vẫn còn chói chang.

Hết mùa nắng lại đến mùa gió. Từ các rặng núi chung quanh vùng đồi cỏ này, ngay từ lúc mặt trời chưa mọc đã thổi ra một thứ gió kỳ lạ, khô cần. Mùa này người làng ít dám đi rừng, nhất là ở những nơi có cây lau bị lửa sém, khó phân biệt được tiếng chân của con thú đi lại, nhân lúc này con hổ cũng đi tìm mồi dễ nhất. Có những lần người làng đi vào rừng hái ổi, mãi nhìn ổi chín thì cũng vừa lúc thấy chàng hổ đang đứng hai chân sau, hai chân trước dựa vào cành ổi, miệng ngồm ngoàm nhai những quả ổi chín vàng. Nhưng người làng đã có kinh nghiệm, khi hổ chưa phát hiện được người thì con người phải tấn công ngay, reo lên âm âm, hổ sẽ giật mình giờ đuôi lên trời mà chạy.

Mùa gió về thì mưa cũng bắt đầu một vài đợt nhưng không sao đủ cho gió uống. Cỏ tranh chung quanh làng cháy sém lại, chỉ cần một mồi lửa nhỏ bằng hạt gạo thôi khi ngọn gió đến nó cũng liếm gọn cả một ngọn đồi. Những lá cây còn dính trên cành cũng vàng úa, khô queo. Mỗi ngày nào khi thợ rừng đi qua vẫn thấy trong khe suối còn nước chảy nay đã khô nứt rạn hết. Con sông Hinh cũng voi đi một nửa. Mùa này đất rẫy đã làm xong, chờ mưa xuống là gieo hạt, nhưng cứ một đêm mưa, gió lại uống hết, đất nóng như rang. Dù ai đó làm liều thì hạt giống cũng khô lại mà thôi. Trời đất nghiêng ngả thế này làm cho ai cũng phải lo. Đến mùa này nhiều nhà chỉ còn lại giống cho mùa gieo tới. Nhà có của đem đi đổi lúa, đổi bắp về ăn. Những gia đình nào không có gì thì vào rừng kiếm củ rừng ăn qua ngày. Ngay làng buôn Thu này năm

vừa rồi thu hoạch khá hơn nay nhiều gia đình đã đói bụng rồi. Đói thì họ không sợ lắm mà chưa gieo được hạt mới lo, nhiều người đứng ngồi không yên. Buôn vắng tanh. Đã không nghe tiếng chày giã thì làm sao có tiếng chiêm được. Có ai dám ở nhà đâu, ai cũng phải lo đi tìm cái gì trong rừng, như đi hái trấu, chặt mây đem xuống dưới đồng bằng đổi lấy gạo. Nhà có người đàn ông còn đói, những gia đình góa bụa hoặc ốm đau càng đói dữ.

Gia đình mí Hơ Linh càng trống trơn, trong bầu không còn lấy một hạt gạo để làm thuốc nữa. Sáng ăn củ rừng chiều lại cũng củ rừng, cái đói nó làm cho người ta khó tính. Giá như dư dả thì nói cười như mở chiếc thùng mừng vậy, đói ai cũng giữ kè.

Sáng hôm sau ăn qua loa xong, mí con Hơ Linh cũng mang gùi, cuốc và chiếc rựa cùn theo người trong buôn lên rừng đào củ. Hôm nay cả buôn đi lên núi. Nói là lên núi chứ trong lòng núi già cây cao thì không bao giờ có dây củ rừng nên đi đến núi người ta tỏa ra hai bên. Những người đi trước, gặt dây củ rừng cứ việc đào, nhiều người đi qua nhưng không ai dám hỏi e thần núi nghe được nó không cho củ nữa. Mí Hơ Linh đi sau nên cứ cố đi cho vượt họ để kiếm được dây củ rừng. Rặng núi này lâu nay có tiếng là có thần, nuôi nhiều thú dữ như hổ, gấu, lại có cả rắn bay trên ngọn cây nữa. Thật khó kiếm ăn quá. Không phải giáp hạt vụ mùa mà là lúa trấp. Lúa dưới trấp mới bắt đầu trổ mà không thể nào ngắt ăn được. Lúa trấp ai cũng làm nhưng rất ít chỉ ăn vừa đủ đến mùa bắp tháng mười.

Mặt trời lên ngang tầm tai, rừng cây âm ẩm, người đi săn, đi chặt cây cho biết lúc đó tất cả chim muông mới tỏa đi ăn, núi rừng mới nghe có tiếng động. Hai mí con Hơ Linh đi mãi, nghe chân mình đập lá khô sồn sột nhưng không nghe tiếng của người làng nữa. Mí Hơ Linh cố dụi mắt, bà nghĩ mắt mình bị mờ hay sao mà mãi vẫn chưa gặp củ rừng.

– Hơ Linh con ơi, con có mắt tinh cũng không nhìn thấy dây của nó ư?

– Chưa thấy mí ạ.

– Con phải nhìn kỹ chứ. Con đừng thấy khu rừng vừa nắng vừa mát lại nhiều hoa lạ mà quên ngó chừng.

Hai mí con đi mãi, lá cây khô rụng càng nhiều càng khó tìm ra được bụi củ rừng. Đến con suối Lư, hai mí con đi theo một nhánh nhỏ khô nữa, hai bên vực vừa có cây lau, thường những khu rừng như vậy mới có nhiều củ. Trên ngọn cây cao đầy những dây củ rừng đã khô. Đi theo con suối ấy một đoạn nữa thì lại thấy có một vực sâu hoắm, chỗ ấy toàn đất thịt, không còn lối đi nữa, hai mí con ai cũng mong thấy dây củ rừng ở chỗ này thì đào để biết mấy. Hai mí con chia nhau lên hai bên bờ vừa đi nhưng đôi mắt bám xuống đất. Bỗng mé vực bên kia, tiếng Hơ Linh reo làm cho người mẹ giật mình:

– Mí ơi! – Mí Hơ Linh ngó sang khê làm hiệu cho con đừng có la lớn. Hơ Linh cúi xuống nắm lấy ngọn củ rừng vừa mới mọc chưa có lá, bà mẹ gạt đầu và tìm lối sang bên ấy. Hơ Linh hạ gùi xuống, lấy cái rửa phát qua cho sạch xung quanh gốc dây. Bà mẹ đến nhìn thấy đúng là dây củ mài, dây của nó to bằng ngón tay út, mập mập. Bao nhiêu cái mệt bà trút đi đâu hết, rồi bà nhìn con khê nhếch môi cười, thầm khen con gái nhỏ.

– Dây to, mí hè – Hơ Linh nói.

– Con đừng la.

Dây củ mọc sát mé vực, hai mí con muốn xuống ngay vực ấy xem thử thân củ có lộ ra không. Mí Hơ Linh hì hục đào gốc xem thử củ bao lớn và nó nghiêng về phía nào. Vừa mới bới chưa bằng một bàn tay đã thấy củ nó lộ ra, to bằng nắm tay không hết và đúng là nó nghiêng về phía vực. Bà thấy mừng quá. Thấy mẹ tươi hẳn, Hơ Linh cũng cúi xuống.

– Dây con – Bà nói thầm – Giàng cho đó.

– Mí cho con đào.

– Nó đi về phía này – Bà vừa nói vừa chỉ về phía vực.

Hai mí con đang hì hục đào thì bỗng nghe ầm ào trên ngọn cây, nghe cả tiếng khỉ kêu. Mí Hơ Linh vội kéo tay con ngừng đào và ấn nó xuống. Hai mí con ôm nhau thở hổn hển. Bà nói nhỏ trong tiếng thở phì phào:

– Con rắn bay đó.

– Vậy hả mí, con sợ quá.

– Không đâu, giàng thương mí con ta đó.

Hơ Linh run cầm cập. Một chú khỉ con lạc mẹ nhảy qua nhảy lại trên đầu họ. Bốn con mắt theo dấu khỉ con trên cây, còn rần thì họ không nhìn thấy. Sau một cuộc động rừng lớn như vậy là một bầy chim sẻ tới nhặt sâu bọ rơi rụng, trong lũ chim ấy cũng có cả chim cất. Hai con chim lông màu chàm pha tím bay tới, một con nhanh hơn còn con kia chậm chạp, chắc là chim mẹ và chim con, Hơ Linh nghĩ vậy. Con chim mẹ đang nghiêng nghiêng đầu nhìn vào chùm lá bông nghe tiếng chim kêu thất thanh rồi con còn lại cũng bay vút đi. Có lẽ nó bị một con cất hay con điều quặp đi rồi. Con chim thoát nạn kêu thảm thương xa dần, khu rừng trở lại im ắng, cái im ắng rình chờ một con khủng khiếp sẽ xảy đến. Đã khá lâu rồi hai mẹ con vẫn chưa đào tiếp, bỗng Hơ Linh cất tiếng hỏi mẹ:

– Mí ơi, chắc làng ta về hết rồi.

– Mặt trời chùng này làm sao có được mà về, nếu có về họ sẽ hú báo tin cho nhau biết con ạ.

– Hôm nay sao lại không thấy Y Thoa cùng đi. Giá có anh ấy đi, anh ấy không bỏ hai mí con mình đâu mí nhỉ.

– Ủ, anh ấy là một người tốt đó con ạ, con làm bạn với anh ấy cũng được, mí tin đó con.

– Mí ơi, sao hôm nay vắng vẻ quá, ta về đi mí ạ.

– Con im đi, biết đâu con gì đuổi bầy khỉ nó trở lại thì sao.

Khu rừng lại có tiếng chim bình thường, biết là hết những con thú ác phá rồi.

– Cầu trời phù hộ hai mí con tôi, ta đào đi con.

Hai mí con Hơ Linh đào tiếp, càng đào càng thấy củ khoai to dần. Mặt trời đúng bóng rồi mà không thấy bụng đói và mệt như mấy bữa, sức Hơ Linh đang lên và đất cũng rất dễ đào. Hơ Linh vừa đào lại vừa muốn ngó củ khoai, cô sợ ý để cho cuộc của mình va vào củ. Nghe "rọc" một tiếng, mí Hơ Linh giật mình:

– Gãy hết rồi hả con?

– Một tí thôi mí ạ, củ to lắm.

Mỗi lúc củ khoai hiện ra càng to nồn nà. Hơ Linh đào càng khỏe, còn bà thì cứ nhắc chùng:

– Con cuốc xa một tí rồi mí sẽ gỡ.

Hơ Linh càng đào, củ khoai hiện ra như cây cột nhà, bỗng nghe tiếng mí nhấc:

– Đi về thôi.

– Làng ta về hả mí?

Bà ngấp ngừng như cái tai đang nghe một tiếng động kỳ lạ. Hình như tiếng động ấy càng đến gần phía mình. Về sững sờ của mí khiến cho Hơ Linh càng nhìn mí càng xem chùng chùng quanh, khu rừng vẫn vắng lặng.

– Dây này núi thương hai mẹ con ta đó. Ta ráng đào, dùng được hai ngày. Hai ngày sau làng ta lại đi thôi, hai mí con ta đào tiếp. Đấy, con thấy chưa, càng đào củ càng to đấy.

– Mí ơi, củ to như thế, chắc dây này nó mọc trước thì phải?

– Ôi con ơi, nó còn trước cả mí nữa đấy.

– Nó không biết chết hả mí?

– Dây khoai đâu có chết, con. Đến mùa nó rụng lá rụng dây, khi mùa gieo trồng đến nó lại mọc ra lá ra hoa, củ cũ làm thức ăn cho củ mới, cứ như vậy đó.

– Vậy thì nó chết đi sống lại nhiều lần à?

– Không đâu con ạ, nó không chết ngày nào cả, nó sống mãi trong lòng đất cũng như người mình sống mãi trên vùng đồng cỏ này thôi. Người cũ mất đi, lớp người mới lại ra đời và làm cho cuộc sống đổi thay hơn trước đó. Trời chiều rồi con ạ, con nghỉ cuộc để mí vạt đất rồi bẻ nó ra, ta về.

Vừa lúc ấy cũng nghe tiếng hú của làng gọi người về.

– Bẻ đi mí, rồi ta về kẻo không kịp hộ đó. Ngày mai con sẽ rủ Y Thoa cùng đi đào nốt, trưa chúng con đến chỗ mí.

Lâu nay bà cũng nhận thấy sự thân quen giữa con gái bà và Y Thoa rất đúng đắn, không nghe buôn làng nói ra nói vào. Bà cũng muốn nói với Y Thoa, với gia đình của Y Thoa song lại nhìn nhà mình quả là trống trơn, rồi bà lại nghĩ: không biết tình cảm ấy có đi đến đâu không. Cái đời của bà không được như chúng nó ngày nay, ông chú phải cầm chiếc vòng đến nhà người ta. Bà cũng muốn đem vòng đến nhà Y Thoa, nhưng bà nghĩ khi nào nghe lời hát đón của mí Y Thoa rồi đến thì dễ hơn. Bà đang nghĩ vậy lại nghe tiếng

con gái nói nhỏ: – Trưa mai con đem đến cho mí. Bà quay lại nhìn con và thoáng thấy con chim lúc sáng bay đến. Con chim con mất mẹ, con chim nó có cánh, có đất rộng trời cao, bà nhìn lại con gái, đôi môi bà mấp máy như muốn nói điều gì. "Ta chết đi con gái ta có sống được không? Con còn non lắm như cây măng mới mọc chưa thử với ngọn gió xiăng". Bà vừa bói đất vừa nghĩ mong cho đời con đừng gặp vận hạn như mẹ. Không có cha, hai mẹ con cô cút rồi, không có mẹ nó lại càng cô cút. Nghĩ vậy, nước mắt bà rơi xuống ngay chỗ đất vừa bói lên. Hơ Linh đã trông thấy:

– Đừng khóc mí ạ, rừng chiều lại ấm áp rồi, ta đào cũng được củ, ta kịp về với làng đó.

– Mí nghĩ thương con chim mất mẹ mà khóc đó.

Bà lấy rửa cua chỗ củ cần bẻ rồi ôm giữa thân củ, người bà hơi ngã về phía sau. Bà kéo mạnh, củ gãy nghe rắc một cái, bà gần ngã người nhưng kịp rút chân, Hơ Linh cũng vội giơ hai tay đón mẹ. Khúc củ gãy nằm dài, chỗ gãy trắng tinh chảy nhựa trắng. Bà chỉ cho con rồi cười tươi tỉnh hẳn. Củ có, bụng đói mà không sao có lửa nướng. Bà đặt rửa đo vừa đúng sáu khúc.

– Mí ơi, con mang được bốn khúc, mí mệt rồi mang hai khúc thôi. – Nhưng con ạ, trên củ phải che lá gì chứ người ta hỏi nói làm sao. Giá có rau con nhỉ. Gặp người tốt thì không sao, nếu gặp người xấu họ lại ghen tị đấy con ạ.

Hơ Linh giành cho mình bốn khúc to. Hai mẹ con lại chặt thêm ít củ cắm xung quanh rồi mang gùi củ theo chân mọi người về làng. Hôm nay trên đường về thấy ai cũng mang gùi nặng cả. Trời phù hộ cho làng này có cái ăn để chờ lúa trấp. Vừa bước theo chân người làng, Hơ Linh lại nghĩ: đã nhiều mùa lúa qua đi, nay tóc mí bạc thêm, người yếu hơn mọi năm, đến một lúc nào đó mí cũng sẽ ra đi, lúc đó ta đã có gia đình chưa? Sống ra sao đây? Đất trời sinh ra con người, ước sống cho được một trăm mùa lúa thôi mà cũng không được.

Mãi nghĩ vậy Hơ Linh không chú ý đến đường dài. Về đến bến nước thì còn một sải tay nữa ông mặt trời mới đi ngủ. Bến nước con sông Hinh vẫn cứ hiền hòa chảy đều và khi đêm đến thác Mây thở phà phào đến tận sáng.

Năm nay hai đợt đi làm đồn điền trên Buôn Ma Thuật và vụ dịch đậu mùa tháng năm vừa rồi nó làm cho buôn Thu tàn tạ hơn. Dịch đậu mùa làm sáng, trưa, đêm đều có người khóc. Vụ dịch mà không có thuốc men thì chỉ có một con đường là cả nhà phải bồng bế nhau vào rừng xa để tránh con ruồi. Từ đó làng cũng cấm người ngoài vào, người trong ra. Hồi đầu mùa gặt cũng có vài nhà ăn uống cúng bái cầu sức cho con cái.

Đợt dịch đậu mùa khủng khiếp đã đi qua, người làng cũng vừa hết đợt đi làm trên đồn điền, những gia đình còn một ít lúa gạo nảy mầm cho xong việc với thần linh, với ông cha đã đi trước. Gia đình ông Ma Sao đã tính hết đường rồi nhưng việc đã hứa với thần linh từ năm ngoái năm nay không thực hiện e sang năm nó làm khó dễ. Các già làng ai cũng bảo việc nhà ông ta là một việc hết sức lớn, nhưng thực ra trong nhà trống trơn, chỉ còn mấy ché để phòng đó thôi. Nghe lời người làng ông gượng chạy, tìm mua một con lợn đực chỉ to bằng bắp đùi, rượu có vài ché còn bao nhiêu thì là rượu giả, chỉ còn cái ché không, chú trong ruột ché chỉ có cám và nước lã, có ché chỉ toàn lá chuối. Làm cũng đầy đủ thế rồi nhưng ông lo lắng quá, mong cho thần linh đừng biết, đấy không phải là ý muốn của con người.

Rượu nhà ông Ma Sao như vậy mà người làng đến cũng đông, nhất là con trai làng giúp việc hết mình. Đó là cái vui của ông bà chủ nhà. Trong bữa rượu hôm nay có nhiều người già, đông trai gái làng, tiếng cười tiếng nói hòa với tiếng chiêng nghe êm tai, cầu mong của buôn làng có chút vậy. Ngồi sát cửa sổ có một người mặc áo mới, hai bên nách treo hai hạt lục lạc. Mỗi lần hấn ta gờ tay cầm tô rượu, hạt lục lạc kêu rùng rùng, đó là Y Sô, chánh tổng mới của làng này. Từ cái ngày quan Tây ở huyện nâng hấn làm chánh tổng, thì hấn thêm nghiện rượu. Mới ngày nào hấn đến nhà vợ ở khép nép lấm thẽ mà bây giờ dù ché rượu nhỏ hấn cũng có mặt. Người làng sợ hấn ta đến uống một ché thành hai, ba ché, nếu nhà không có phải đi mượn nhà bên. Có người bạo miệng bảo là ông chánh tổng uống mót. Mọi người ăn cơm no, uống rượu say, nói chuyện hát hò vui nhà vui cửa, hết rượu thì kéo nhau về nhà mình, còn hấn ta bắt chước tụi Tây hề uống rượu là phải có các cô gái hoặc người đàn bà nào hấn thích để rót nước hoặc cùng uống với hấn. Nhà nào không làm vậy thì hấn sinh sự khó mà ở được.

Từ hồi chiều tới giờ ông chủ nhà Ma Sao uống rượu vắt vả quá. Cứ chốc chốc ông lại chạy đến nhà cô Hơ Linh nhưng Hơ Linh đi vắng chưa về. Ông không còn đủ ngón tay để đếm lượt đi về nữa. Chờ mãi đến chập choạng tối mới thấy Hơ Linh về. Hơ Linh vừa bước lên cầu thang ông Ma Sao cũng vừa đến. Hơ Linh hạ gùi xuống sàn nhà thở rồi định đứng dậy vào nhà:

– Bữa nay đi làm về muộn hả cháu?

– Bữa nay ít người quá nên chúng cháu ráng làm đó. Biết nhà chú uống rượu nhưng tối cháu mới đến giúp được.

– Thời buổi này làm gì có đến tối, cháu. Cháu Hơ Linh này, cháu thương giùm chú với, chú biết cháu mệt đấy, cháu đến uống rượu với anh Y Sô của cháu một tí rồi về nhà ăn cơm, mà ở nhà chú cũng còn cơm đó cháu ạ.

Ông Ma Sao biết rằng Hơ Linh có ung gì đi uống rượu, Hơ Linh chỉ đến giúp việc là về nhà mình, biết vậy ông cũng nói cho êm tai thôi.

Mới về đến nhà, mệt, nghe ông chú mời đi uống rượu với tên Y Sô, Hơ Linh thấy người mình nóng quá.

– Mới về mệt quá, chú. Chú đi mời các bạn Hơ Yng, Hơ Rìng cũng được. Y Sô với cháu là anh em sao lại cùng ngồi uống rượu được. Chú về đi.

– Nhưng việc này có phải chú muốn đâu – Ông Ma Sao buồn bã bước đi.

Hơ Linh ngồi thờ lún tại sàn nhà. Tiếng chiêng nhà Ma Sao rộ lên. Hơ Linh nghĩ, hôm nay trời đất làm đổi lòng thay dạ Y Sô đây, mọi hôm ông ta chỉ gọi gái làng thôi, nếu nhà ông có ăn năm uống tháng mình có thiếu mặt đâu.

Lúc Hơ Linh đang nói chuyện với Ma Sao thì mí Hơ Linh nghe được. Bà tưởng người anh trai Hơ Linh có điều gì muốn dạy dỗ em. Thấy con gái chưa vào nhà, bà gọi:

– Con ơi, vào nhà đi.

– Mí gọi gì con?

– Lúc nãy chú Ma Sao mời đến nhà ông uống rượu phải không?

– Mí có nghe đâu mà.

- Anh con gọi chứ sao mà sợ hung vậy?
- Con không đi đâu, con mới về, mệt lắm.
- Biết đâu anh mày có điều gì cần dạy bảo?
- Việc gì thì để hôm khác - Hơ Linh nói hơi gặng với mẹ.
- Lâu nay con có thấy người ta chú ý đến mình không?

- Mí có hiểu con không kia chứ, giá như nhà ông ta ăn năm uống tháng mà không có mặt con thì con chịu, mà con có bỏ bữa nào đâu. Hôm nay con không đi đâu hết, con vừa mới đi làm về mệt và lại chưa tắm nữa. Bên ấy đã có các bạn Hơ Yng, Hơ Rìng rồi.

- Hôm trước có ông quan Tây trên huyện xuống, anh có mời con đâu, anh cũng biết giữ cái họ lớn của mình chứ.

Hắn mời gái làng đến uống rượu với hắn lần này đã là lần thứ mấy chục rồi. Hơ Linh chắc cũng không việc gì, nhưng phải chầu chục những tên say thì không tốt lành gì. Nghĩ vậy và đã từ chối từ đầu nên Hơ Linh không đi.

Bên nhà Ma Sao, các ngọn lửa đốt bằng bát dầu rái, người khêu lửa làm việc liên tục mà nó cũng không sáng được. Y Sô vẫn còn ngồi vững chãi nơi cửa sổ. Y Sô còn ngồi đó chỉ mang cái vạ cho chủ nhà. Ông Ma Sao cũng mong Hơ Linh đừng đến nữa. Trong ánh lửa chập chờn nửa sáng nửa mờ, nước da của ông càng xanh xao. Con Y Sô hết năm dài tháng ngắn ít về ăn cơm nhà, cứ đi uống rượu, hết rượu trong làng thì đi làng khác uống. Hôm nay uống rượu với hắn có Hơ Yng, Hơ Rìng. Khi chuyển tô rượu từ trên tay đưa cho hai cô, hắn mới đẩy môi dưới nhếch môi trên cười. Cái cười của hắn cũng khác mọi người, hàm răng bị cửa tận lợi đỏ, khi cười không trông thấy một cái răng nào, nhìn cái cười của hắn mà sợ hãi. Riêng mùi rượu từ trong miệng của hắn tuôn ra cũng đủ làm cho hai cô kinh khủng rồi. Hơ Yng cầm lấy tô rượu, hắn được mời đến cần uống, hắn chống hai tay lên hai đầu gối của mình, nhắc đôi móng rồi mới nhắc cái đầu lên được mà đi tới cần rượu. Hai cô Hơ Yng, Hơ Rìng được người phân rượu nháy mắt, nhanh chóng đứng dậy cầm tô nước thả cho hắn uống. Hắn uống kiểu gì đó, hết đưa tới lại đẩy lui, làm cho ché rượu buộc chắc vậy cũng chạy theo. Người ngoài sốt ruột lo có việc không hay cho chủ nhà, vỡ ché gãy cần là chuyện xấu xa đến với gia đình. Uống một hơi rồi rút cần

ra khỏi miệng, ngón tay phải ấn ngang đầu cần, hấn ngó vào nhà trong một lúc rồi quay về phía bếp, nơi các cụ già và chủ nhà đang nói chuyện vui. Thấy ông Ma Sao đang há miệng cười, hấn gọi:

– Ông Ma Sao ơi!

Một ông già ngồi cạnh nhìn thấy liền vỗ vai Ma Sao và chỉ Y Sô. Ma Sao tái người, cái cười vui bỗng mất đi đâu. Người ta không cần nghe Y Sô sẽ nói gì đã biết là Y Sô đòi rượu. Quyền hạn như Y Sô muốn gì chả được, chỉ khổ những người như Ma Sao.

– Tôi nghe đây!

Y Sô nhếch miệng cười, cái cười của y làm cho Ma Sao tái ruột.

– Hôm nay ngày vui của gia đình và lại có hai cô em gái của ta vừa mới đến, mở miệng mở mắt ông Ma Sao chú? Nhà ông Ma Sao bình thường thì không thiếu đâu, nhà cũng dài, ché cũng nhiều, từ ngoài vào trong các ché ngồi sát vách đều há miệng cả.

Ông Ma Sao không ngồi ở bếp nữa liền đứng dậy đi vào nhà trong.

Bà vợ biết ý hấn:

– Y Sô nói gì đó phải không?

– Mí Sao, nhà ta có còn ché nào nữa không?

– Chính ông nấu rượu chứ, tôi có biết đâu mà hỏi.

– Không còn à?

– Nếu còn thì ta giả dối với ông cha à?

– Mí Sao coi thử nhà em nó có còn không, ta mượn uống sau kiểm tra lại.

– Nhà nó không còn một hột nấu cháo, còn làng thì mùa giáp hạt, nào có ai nấu rượu đâu, có nợ với thần linh họ đều hứa sang năm cả.

– Nhưng ông ấy đã hỏi mà, cho ông ấy về không à?

– Đành phải vậy chứ, ta có đâu.

– Thế tôi cho Y Thoa sang nhà bà mí Tung, nghe nói nhà bà có để cúng lúa bị con châu chấu phá đấy.

Tên Y Sô say, mắt lim dim và người hấn ta gật gù, hết nghiêng bên này lại nghiêng bên phải. Có lúc hấn ngả người về phía trước,

hai tay giơ lên cao như muốn chụp lấy hai cô Hơ Yng, Hơ Rìng đang ngồi thả nước sau ché cho hần uống. Hai cô hết hồn, mặt mày cô nào cô nấy đều tái mét. Cả làng không ai say, họ ngồi vui với ông Ma Sao. Theo như thường lệ, người uống trước đợi khi nào có người đến tiếp mới được giao cần. Nhưng vừa hết hai tô nước thì hần cũng thả cần, không đợi người đến uống tiếp. Y Sô vừa quay đầu về phía cửa sổ vừa gọi chủ nhà:

– Ông Ma Sao nè, ông có thấy không?

– Có gì ông cứ nói.

– Tất cả các cô gái trong buôn ta không ai đuổi kịp em gái của ta cả, Hơ Linh đó mà.

Giàng ơi, cả cái xứ lớn bằng này chưa ai nghe mình lại tự khoe họ hàng của mình như hần đây. Tại sao không khen cô Hơ Yng, Hơ Rìng họ Niê, họ Kơ-Pá ấy. Hai cô cùng then thùng. Y Thoa đang ngồi đánh chiêng mà phải bỏ cuộc. Hễ mà người nào bị hần khen y rằng người đó không yên với hần đâu. Hần lại nói tiếp:

– Nhưng cô gái thuộc họ Kơ Sô của ta đẹp về nét, con người có cái miệng hoa cái tay hoa, tôi nói không ngoa đâu ông Ma Sao ạ. Trai làng nào lấy được con gái họ ta thì họ vui mừng và hạnh phúc lắm đó.

– Anh đừng khen quá lời e giàng không thương họ ta đó.

– Ủi, họ hàng ta mới khen chứ, họ ngoài dù ta nói tốt họ cũng bảo là xấu và họ bắt đền của...

Nói rồi y lại cười, cái cười guơng gạo, cười hòa cả làng. Hần biết nói đến chuyện đó là trời cũng không dám cựa, luật tục dân gian nghiêm trị. Hơ Yng, Hơ Rìng và cả Hơ Linh nữa, ai cũng nghĩ rằng hôm nay được người già trong làng mời đến dự rượu, tưởng sẽ được các cụ ông, cụ bà và người có chức trong làng dạy bảo điều tốt lành, ai ngờ lại gặp toàn chuyện con kên, con quạ, mình thì không say mà người ta say bê bết, ai cấm được cái miệng của họ. Ông bà chủ nhà cũng phải dỏng tai mà nghe và canh cánh lo sợ cho cái nhà của mình. Nếu có gì xảy ra thì lần sau ai mà dám đến giúp. Các cô hôm nay là những cô gái mới lớn, người ta biết xấu hổ. Ở đây chứ đâu phải là nơi buôn lớn đông người.

Tên Y Sô từ ngày làm chánh tổng đã đổi tính thay nết rất nhiều. Hắn đi đến bất cứ làng nào trong tổng, gái làng đó phải trốn đi cả, đến khi trời tối om họ mới dám về nhà và tờ mờ sáng lại lên nương rẫy. Mỗi lần hắn đến, được chủ làng cột rượu mà không thấy đưa gái nào đến thả nước thì ông chủ làng dù nhét kín hai tai lại mà vẫn cứ nghe hắn mắng nhiếc thậm tệ.

Dân trong tổng và ngay dân trong làng của y đang đói mồm con mắt thế mà hắn ta vẫn cứ bê bết say rượu hết đêm dài, ngày dài. Hắn uống rượu trừ cơm, dân nghèo đói thiếu rượu uống thì hắn bảo tại số phận và luôi công việc trên nương rẫy. Từ ngày xưa dân làng này có cần hắn dạy bảo một điều gì đâu.

Từ ngày hắn làm chánh tổng, hắn làm trái hết với mọi luật tục tốt đẹp ở vùng đồi cỏ này. Không những đối với người lớn, con trai con gái mà đến cả trẻ thơ đang chạy đùa đánh quay kia cũng bị hắn bắt nạt.

Cái buôn Thu của hắn ngày một mòn mỏi, buồn thiu, con suốt Truôn cũng không reo nổi thác nước, mọi người đều phụ tội cho hắn cả, ai cũng chửi đổng những tên như thế chết sẽ không có mồ mả đâu.

Trời đã tối thui, mọi chén rượu đều lặt, chỉ còn có nước lã, mọi người đều về nhà nhưng hắn ta vẫn cứ nói lè nhè trong đêm tối. Buôn làng đã vào giấc ngủ im ắng – một đêm dài của mùa đói.

Đi dọn nương về, mị Hơ Linh lấy cái cào nhỏ đựng kim chỉ ra ngoài hiên ngồi vá áo. Năm nay trông bà tiêu tụy hơn. Cái lỗ chỗ tròn kim bà cũng thấy một tia sáng rất nhỏ nhưng đưa chỉ thì toàn đi ra ngoài. Cái đầu chỉ bà làm rất cẩn thận, lấy sáp ong chuốt lại cho thật nhọn thế mà mỗi cả tay cũng chưa xâu được chỉ. Bà lẩm bẩm nói một mình: Giàng núi, giàng nước sinh ra con người sao lại không nuôi họ sáng mãi. Đời đói nghèo, hết việc làng lại đến việc Tây, cứ liên miên. Người sinh ra, lớn lên rồi lại già đi, mất sáng rồi lại tối. Trời đất đã nuôi thì nuôi cho trót, coi chi như tôi bây giờ.

Xâu được kim, vừa hí hục khâu bà vừa cúi đầu nhìn áo, thế mà đường kim đi vẫn không thẳng không đều. Hồi còn trẻ mà như thế này thì chẳng có ma nào dám thuê bà khâu vá mới, áo thêu đâu. Trời đã xế chiều, nắng dịu, gió mát về, bỗng từ đầu làng nghe tiếng Y Sô nói oang oang. Hắn đi từ đầu làng, đôi chân chênh choạng

hắn đi mà làm bao người hồi hộp. Người ta sợ nhất là y lên nhà, y đã lên nhà rồi đâu phải về không. Rượu phải cọt, cơm nấu, gà thui chứ. Nếu trong nhà mình không có thì phải đi mượn, nếu nhà nào để hắn về không thì coi như mình có một cái nợ cho mình vậy.

Bà mí Hơ Linh thì không chú ý đến hắn, bà đinh ninh nhà mình nghèo thì hắn cũng không lên làm gì. Bà tiếp tục vá áo và vừa vá bà vừa hát nho nhỏ hồi tưởng lại những kỷ niệm với người chồng quá cố. Hết chỉ luồn chỉ vào kim bà cũng hát, tìm sấp ong trong cỏ bà cũng hát, bà hát rì rầm một mình, hát nhớ chồng, tự an ủi mình và con gái. Phần thương chồng nghĩ đến cuộc sống của hai mẹ con, cái nhà rách, cái chòi sập, vĩa rẫy không ai phát, nghĩ mà lồng ngực như nghèn lại, bà khóc thầm. Còn một đoạn nữa thì vá xong bỗng bà nghe tiếng chân dẫm cầu thang, bà quay lại đã thấy Y Sô đi lên. Nhưng vừa mới lên được một nấc thì hắn lão đảo bước xuống.

– Cô mí Hơ Linh này,

– Ôi con tôi. Lên khéo, cầu thang nhà góa bụa đấy.

– Không sao đâu cô ạ. Con lên được.

Hắn bước lên được hai nấc thì tay kia vịn vào đầu hiên tay phải đưa lên cho bà:

– Đây cô cầm lấy, ngày mai có ai đi chợ gửi mua muối.

Hắn ngửa bàn tay, thấy có mấy hào bạc. Hồi ấy, từng đó tiền cũng mua được khá muối, hai mẹ con ăn một năm cũng không hết. Bà mí Hơ Linh vô cùng xúc động, vừa lúc gia đình hết muối lại có người đem cho, lâu nay làm gì có ai dòm ngó đến nhà này. Bà đinh ninh, vì con gái nhà mình ăn ở tốt, nên họ cũng có nghĩ lại vậy. Bà run rẩy đưa hai tay đón lấy mấy đồng hào, bỏ vào chảo đựng kim chỉ. Sẵn có Y Sô đến nhà bà cũng định nói về việc đi hỏi chồng cho con gái, sau đó bà nghĩ lại thôi không nói nữa. Thấy bà đang loay hoay chưa biết nói sao, Y Sô liền hỏi:

– Cô ơi, thế bao giờ cô định tìm người cho em gái con? Hơ Linh ấy mà!

Em nó còn nhỏ dại, dốt nát, ai ưng mà hỏi.

– Nó thì lớn rồi, mẹ già cần phải có người giúp đỡ chứ.

– Ai cũng muốn vậy, nhưng dưới gầm nhà không có một dấu chân con gì hết. Dù sao cũng phải có cái gì mới nói chuyện với gia đình người ta.

Đột nhiên hấn lại đảo ngửa người ra và bước xuống. Đầu hấn rũ xuống, hai tay chống đất. Bà mẹ Hơ Linh luống cuống không kịp kêu ai đến đỡ dậy. Nhưng chỉ trong chốc lát hấn đứng dậy được và bước đi. Hấn vừa đi vừa nói lè nhè. Bà cũng chưa phải nặng tai lắm, cố ngóng mà không nghe được. Phong thanh bà chỉ nghe được một tiếng "cái bầy". Bà nghĩ y làm gì có cái bầy – say rượu nói nhảm thôi.

Y Sô vừa đi được mấy bước thì gặp Hơ Linh đi rầy về. Hấn dừng lại nhìn Hơ Linh. Trong bóng tối chập choạng, nước da của cô vẫn hồng hào, búi tóc treo gọn gàng trên lưng. Hơ Linh không dừng lại, cô lên nhà ngay. Hấn bước đi vài bước rồi ngoái lại nhưng Hơ Linh đã vào hút trong nhà rồi. Hơ Linh đã có ý coi chừng hấn, hấn lên nhà nào nhà đó có yên đâu.

Chiều nay hấn đến nhà mình mà chỉ có một mình mẹ già ở nhà không biết có chuyện gì xảy ra? Hơ Linh thấy rùng mình quá, nó không phải đến ngay ngày hôm nay đâu.

– Y Sô lên nhà ta có việc chi không mí?

Bà mí Hơ Linh mừng rỡ chạy ra hiên đem cả chiếc chảo ra.

Tất cả bà chỉ dồn lại một bên lò hai đồng tiền hào trắng trắng.

– Đây, anh mày lên nhà đưa cho ta để mua muối.

– Mí nhận tiền của họ à?

– Làm sao, con?

– Còn làm sao nữa, họ sẽ làm khó cho mí con ta chứ sao.

– Mí thì nghĩ lâu nay con đối với nhà nó cũng tốt, họ thưởng công cho con, vả lại nhà mình cũng vừa hết muối ăn. Ngày mai chú mày đi chợ ta gửi mua giùm.

– Đâu phải như mí nghĩ.

– Mí già rồi mí không thấy người ta giấu dây thùng dưới chiếu con ạ.

– Họ làm gì có cái bụng tốt vậy? Nhà mình nghèo, cha chết họ có ngó đến đâu, đấy là họ gài bẫy cho mí con ta. Mí đem trả

tiền cho họ đi, nhưng để mai lúc ông ta hết say rượu mới đưa lại và nói rõ là ở nhà đã có muối ăn rồi, khen ông ta có bụng tốt đối với mí con ta.

Hơ Linh ngồi thờ người ra, cô không buồn nói thêm một tiếng. Ông mặt trời lặn xuống núi nhanh quá, buồn làng tối om.

– Con ăn cơm đi – Bà nói – mí hôm nay sao mà buồn ngủ quá. Mí đi nằm một chút!

– Con chưa muốn ăn cơm đâu, mí nằm đi.

Mí Hơ Linh nằm ngay cạnh bếp. Từ ngày chồng mất, lần này bà mới được nằm cái chiếu mới, cái chiếu làm êm cái da người già. Bà đắp một chiếc chăn đã sòn màu chàm. Co quắp lại người bà chỉ bằng đứa bé mười hai tuổi. Hết nhìn bếp, nhìn ngọn lửa nhảy múa, ngó lên mái nhà tối tối bà lại ngáp. Bà mới bắt đầu nhắm mắt thì liền thấy người chồng đi rừng về, trong tay ông xách một chùm quả cây, quả cây mà hồi mới thương nhau bà hay đòi ông hái cho được. Ông bước vào nhà nhưng lại không ngồi vào chiếu. Cũng vừa lúc ấy trong bếp bà bỏ nhăm một thân cây ké nên nó nổ tung, tóe sáng. Bà giật mình, cố mở mắt tìm chồng, chỉ toàn bóng tối đến với bà. Thấy chồng về lạnh nhạt với mình, bà không biết mình có sai trái gì không. Bà ngẫm nghĩ lại những lời hẹn ước hồi hai người mới gặp nhau:

*Xưa ta đã hẹn cùng
Sống ăn cơm chung một nồi
Chết cùng chôn một nơi một hòm
Nay anh đi một mình
Về nhà sao không nói không cười
Con ta đã khôn lớn rồi
Anh hãy để tâm nghe không anh*

Tuổi già, và lại hồi sáng bị các cây gỗ trên nương vạt, bà mệt quá ngủ thiếp đi một giấc ngon lành. Hơ Linh đi sang nhà bạn chơi cho khuây khỏa, về nhà thấy mẹ ngủ ngon cô rón rén lấy cơm ăn, rồi mang thùng thóc đi giã. Trăng vừa lên thì sân nhà ông chủ bên nước cũng rộn ràng tiếng khua chày cối. Trăng in trên buồn bóng nhà nằm dài khắp mặt đất, bóng của các cô gái già gạo cũng dài ra in vào phen nhà và cái bóng ấy cúi xuống đứng lên đều đặn. Thấy Hơ Linh nghiêm nghị và hơi buồn các cô tìm chuyện để gây

cười làm cho Hơ Linh phải vui. Họ không biết lúc chiều ở nhà cô đã có chuyện gì xảy ra, chuyện hệ trọng lắm chứ, có thể Y Thoa sẽ không gần cô nữa.

Cuộc già gạo vẫn cứ tiếp tục, ai cười cứ cười, ai nói cứ nói thảnh thơi họ lại chọc các chàng trai đang ngồi trên nhà. Già hết gạo họ lại rủ các chàng trai dẫn đi tắm. Tiếng cười rộn rã kéo xuống bến nước, và từ bến nước lại vang về làng.

Hơ Linh thấy người thấm mệt, chỉ muốn về nhà nằm ngủ một giấc. Nằm một lúc, thấy con mắt mình tỉnh bơ, cô thao thác nghe tiếng xa quay của nhà bên vẫn cứ vù vù đều đặn. Nếu như mọi hôm thì cô cũng không bỏ một buổi sinh hoạt nào đâu, cô phải ngồi chơi, phải đối đáp với các chàng trai của làng chứ.

Cái nhà nhỏ nên trăng nghiêng mình ngó vào mặt cô vanh vách. Chị trăng cứ muốn nhìn đôi mắt cô gái đang nặng nề như những tảng núi sớm hơi sương mù. Chuyện bà mẹ nhận tiền của Y Sô lại đến với cô. Tại sao mí lại nhẹ dạ nhận tiền nợ của họ, họ muốn gì mình hay là họ muốn hỏi mình cho thằng em trai của vợ? Nếu vậy, trời ơi, chịu sao nổi, không được đâu. Chao ôi! Nếu sự thực diễn ra như vậy liệu Y Thoa có cứu em không? Hơ Linh nghĩ mãi chưa tìm ra lối thoát. Trước mắt cô cứ hiện lên một cái gì dày đặc chặn đường ngăn lối. Giá trên đường đi gặp một khu rừng gai thì cô có cái rựa chặt nó mà đi hoặc gặp con sông nước lũ cô thả sông mà đi, và trên đường đi ấy gặp một ngọn lửa lớn đang bốc cháy cô sẽ dùng sức mạnh của mình tưới rụi nó mà đi... đâu có vất vả thế này. Việc này đâu phải như thế, nghĩ vậy mà giận mí. Cô muốn đứng dậy la cho mẹ một lần cho hả dạ song cô không thể làm được. Họ có quyền thế, người càng nghèo lại càng bị đè nén. Chính người cha của cô chết cũng vì điều đó. Thù thằng Tây, thù người làng ép cha cô đi. Người làng đó chính là Y Sô. Nghĩ vậy mà thất vọng, cô như là bọt nước trôi đi trong khi chưa tan đó thôi. Trong nhà đã trống rỗng trăng soi cũng không sót chỗ nào. Việc này người làng ai dám đứng ra bênh vực mẹ con cô? Trên dòng sông mà cô đang trôi không hề có một ngọn cây để níu tay, cô chỉ còn một hy vọng nhỏ là ở anh Y Thoa. Cô tin anh, từ khi còn nhỏ chưa có lúc nào anh bỏ cô, dù nước lớn anh cũng đưa cô qua.

"Anh Y Thoa ơi, sao đêm nay em khó ngủ quá! Anh bỏ cây sáo đến ngồi cạnh em đi!" Nhưng tiếng gọi của cô vẫn như gió vào nhà trống. Y Thoa đâu có biết. Hơ Linh cũng biết là Y Thoa chưa thấy, chưa hiểu nỗi lòng của cô.

"Anh Y Thoa ơi, anh đừng bỏ em, cứu em ra khỏi chốn này. Con sông Hình ta dài, núi ta cao rộng, có rừng cây rậm ta sẽ đi tìm những nơi đất lành mà sinh sống anh ơi, nếu ai lật được hết lá rừng, tát cạn con sông Hình này mới tìm thấy chúng ta dưới ấy..."

Đêm trăng vẫn vắng lặng, cây gạo, cây ho lang trước nhà của chủ bến nước xào xạc rì rầm nói chuyện với trăng gió. Trăng đã đứng thẳng trên nóc nhà, trăng dòm ngó buôn làng đang sống trong cơn gió núi. Tiếng chiêng, tiếng trống ăn năm uống tháng của làng bên đã ngừng hẳn. Thác con sông Hình mỗi lúc một nổi lên rõ dần. Dòng thác dội lên khi buồn, khi như an ủi, có lúc nó lồng lên như thúc giục hãy đứng lên đi, khi lại bay theo ngọn gió đi xa tít tắp...

Đêm nay đối với Hơ Linh đêm dài quá chừng. Cô thấy mệt hơn cả những ngày vất vả với nương rẫy ngày mùa. Chiếc nhà nhỏ cuối làng lại càng lặng lẽ vào đêm đầy.

Hoàng Hạc (dân tộc Tày), (1932–1999) tên khai sinh: Hoàng Văn Hạc. Quê quán: Xã Bình Hạnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản: *Ké Năm* (truyện ngắn 1969); *Hạt giống mới* (truyện ký 1983); *Sông gọi* (tiểu thuyết 1986); *Xứ lạ mừng trên* (1989).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng văn học Hội đồng văn học dân tộc thiểu số năm 1985. Giải thưởng truyện ngắn cuộc thi báo Văn nghệ 1963.

KÉ NĂM

Từ dạo năm ngoái, ké Năm nghe người ta nói: "Ở Thác Bà họ làm ghê lắm! Người về như bướm như ong. Suốt đêm, máy điện vang âm âm, dây điện bắc qua giữa rừng nửa như dây sắn. Họ đào núi xuống, đắp kín lòng núi. Chẳng lâu nữa, người ta đắp đến sông, là chỗ ta đây thành biển cả!". Năm mươi tuổi trên đầu, ké chưa nghe ai nói đắp được sông!

– Bác không biết đấy, người ta chẳng những đắp được sông làm thủy điện, mà còn đào sông mới nữa kia!

– Tao không nói đâu xa, cứ con sông Chảy này, nom nó bèm bẹp vậy thôi, nhưng mùa nước xem: cứ như trời lở không bằng. Bao nhiêu búi lau, cây sung ven sông, nó đào đi dễ như ăn khoai ấy, đắp được nó à?...

Nhưng những chuyện Thác Bà ngày càng nhiều. Trong bản có người cũng không tin đắp được sông, nhưng họ đi tận nơi xem, khi về ai cũng nói như nhau hết. Ké Năm nghĩ bần khoản "Đắp được sông thật à?"

Ăn tết năm một ngàn chín trăm sáu một xong, bỗng có tin xã bên cạnh chuyển đi nơi khác. "Mai kia cả huyện ta cũng chuyển". Ké thấy lo lo...

– Tao muốn đi Thác Bà một chuyến xem thế nào?

Bà Năm bảo:

– Đi được thì đi, xem người ta làm thế nào!...

Ké Năm ngẫm nghĩ, rồi bảo:

– Ủ, thế gói cho tao mấy chiếc bánh đi ăn lèng¹!

Ké đi.

Xuống đến dưới ngã ba Đông Lý thì quá bữa cơm trưa một lát. Cái áo chàm bạc màu của ké đã ướt hai bả vai. Ô tô cái ngược cái xuôi, đông như muỗi ruộng tốt. Cái nào cũng toàn chở gỗ, nứa. Mỗi chiếc đi qua, cuốn theo bụi đường mờ mịt. Ké Năm phải tránh đều. Vừa đi được vài bước lại nghe tiếng "sùm sùm u u" đằng sau, ké ngoái lại, thấy một chiếc to lù lù, chật cả đường. Ké vội bước xuống rãnh, lưng áp vào thành núi, mắt nom không chớp: nó không giống cái ô tô. Nhìn lên ké thấy cao bằng nóc nhà đất. Nhìn xuống, ké thấy bánh xe cao gần bằng đầu. Ké đếm đi đếm lại, thấy có hai mươi bánh. Ké trộm nghĩ "càng chiếc càng to, ô tô cả nước kéo đến đắp sông thật chắc?". Ké mệt cả người mới đến Thác Bà.

Lâu lắm ké không xuống đến đây, bây giờ đến như lạc trong rừng. Bên phải là nhà của công trường: dãy nhà lá lại những nhà ngói, nom nhiều như nấm trúng. Ké dừng lại tìm con đường cũ ven sông có dãy cây ram, nhưng chẳng thấy đâu. Nhìn những quả núi cạnh đường, trước đi qua còn sọ beo, bây giờ mất hết cả núi. "Tình những người với nhà!". Quả núi nào còn cũng "sứt mẻ" hết cả. Ké liền bước theo con đường ven sông, đi về phía có tiếng động âm âm như muốn lật cả đất.

Sắp đến đầu Thác Bà, ô tô vẫn cái *thối* còi đằng trước, cái *thối* còi đằng sau. Ké nhìn chiếc nào cũng bám đầy bụi đất. Trên "vách" xe có vẽ con bò rừng đang húc. – "Ồ, người ta nói xe bò tốt chắc là nó đây rồi!" – Ké thâm nghĩ và tránh vội những chiếc xe ấy. Tránh kịp lại gặp ngay chiếc máy dọn đất lù lù trước mặt. Ké nhảy ra chỗ quang, nom: những sợi dây to bằng ngón tay cái, chạy từ mình nó lên theo cần, đến đâu cần lại luồn xuống: đầu dây treo một cái ngoạm đất to bằng cái bồ ba tạ thóc. Răng nó thua đoăng ra như hai bàn tay sắp chập vào nhau, ké ngấm nghĩa nó làm việc, thâm nghĩ: "Y như là cái bè cật vó ở cửa ngòi! Nhưng mà sao nó

1. Phòng nhữ dôi thì ăn.

khắc cần lấy đất, lại khắc mang đi đổ. Người chỉ việc ngồi trong râm vắn máy? Sao mà có thứ máy giỏi thế không biết!". Ké lại ngắm cái máy đào đất: "ĐJòè... con te te đào đất còn khom lưng, cái này thẳng lưng, khỏe quá! Mỗi lần húc như bão làm núi lở không bằng, giỏi thật!"...

Ké nom những người lái xe bò tốt ai cũng trẻ cả. Nhìn những người "vắn máy" dọn đất, ké chợt thấy có một người trẻ quá: hai má hồng hào cười hớn hở. Đầu đội cái mũ có mái che đằng trước. "Sao có người trẻ mà giỏi thế chứ lý!". Qua cửa xe, ké thoáng thấy hai đuôi tóc đan chéo buông xuống sau vai: "Đan bà à?...Ồ, con gái Dao, giỏi á!"... Cô gái cúi xuống, "đầu cá" ngoạm lấy đất. Cô gái quay tít cái vòng tròn, mắt nhìn đằng trước. "Đầu cá" ngoạm được đất liền quay đi đổ "phijòè" xuống lưng xe bò tốt, bò tốt kêu hừ hừ lao đi, – "Háy gjòè... giỏi thật. Thế làm gì chẳng đắp được sông".

Ké đứng ngắm cô gái, nhìn các máy làm việc hoa cả mắt. Mãi lâu, ké thấy cổ họng mình khô khô, ké mới sực nhớ ra là khát nước. Ké quay lại, xuôi theo con đường ven sông xuống.

Đến trước cửa đền Thác Bà, ké đứng ngẩn ra như người lạc đường. Đang say sưa ngắm dãy nhà chuyên gia dài dằng dặc thì "pét pét!" – một chiếc xe vận tải kêu đằng sau. Ké né vào gốc cây. Trên xe có hai anh con trai và một cô gái đứng trên thùng xe, tay bám thành xe phía trước. Thoáng thấy ké Nam, cả ba cùng gọi:

– Bác Nam! Bác Nam!...

Ké Nam ngẩng đầu lên, xe đã chạy khuất. Ké chỉ kịp nhận ra Thìn và Lưu, người con gái là Ngài thì chiếc xe khác đã về lớp. Ké không kịp trả lời, chỉ nghĩ về ba người ấy: "Nghe nói đi công trường, tưởng công trường nào, hóa ra ở đây!".

*

Ở bản, anh em xã viên nghỉ giải lao ở nhà ké Vinh. Thấy ké Nam đi thăm Thác Bà về, họ cười, hú vang như cất vó được con cá to, gọi ké lên nhà hỏi chuyện. Ké lên, thấy bà Nam và con Lẻn cũng ở đó. Vừa ngồi, lớp trẻ đã tò mò hỏi ké xem việc đắp sông thế nào? Ké biết chán, nhưng ké không nói. Máy người già hỏi ké xem Thác Bà có gì mới, ké kể không dứt dây đứt sợi. Lo không hiểu, ké

bể đóm cắm theo kẽ giát trắng lớp, ví nhùng cần trục, máy móc... cho họ xem. Ai cũng gật đầu khen máy giỏi. Một người nói:

– Các anh huyện ủy và bí thư xã ta dạo này đủ mà muối đốt vắt cắn!

Ké Nam hỏi:

– Để làm gì?

– Tìm bản mới cho ta đấy.

Ké Nam dứt hết chuyện. "Máy với móc gì, đắp sông thế nhà ta ngập hết còn đâu!". Chén nước uống dở, ké bỏ đấy về nhà vừa nghĩ "Máy đòi ăn, ở, qua, về, bao nhiêu mồ hôi đổ xuống chỗ này, có làm nên cơ ngơi để cho con, bây giờ lại để cho nước ngập!". Ké thấy mềm cả người.

Tối về hai vợ chồng ké ngồi than thở với nhau. Cái đèn dầu để giữa, ánh sáng rọi vào khuôn mặt thuôn thuôn, hơi dài của bà Nam. Bà cũng lo nghĩ nhiều, nên nét mặt bây giờ đầy vẻ lo lắng. So tuổi thì bà kém ké Nam hai tuổi, là người chăm công việc, cái váy lúc nào cũng bằng đầu gối. Mấy năm trước bà còn mặc cái áo dài, mấy năm nay bà thấy nó vương vương, bà mặc chiếc áo cánh gụ. Bà đang tính: "Muời chín tuổi thì về đây cùng chồng làm ăn rồi, công sức vun vào mãi mới thành cái cơ ngơi...". Bà không muốn đi đâu cả, phàn nàn:

– Ở thế chưa được hay sao, còn đi đắp sông cho nước ngập làm gì cơ chứ!

Ké Nam vẫn nhìn qua cửa sổ: Ké không còn bụng dạ nào kể cho bà nghe chuyện đắp sông nữa.

Sáng nay ké Nam không đi ruộng nữa, ké ở nhà. Ngồi bắm cửa sổ chán, ké đứng dậy, đi xuống chỗ cây cột treo dao. Tay cầm chuôi dao tuốt khỏi vỏ, vỏ chạm vào cột lạch cạch. Trước mặt ké, cây cột bào nhẵn thín, nổi dầu óng ánh. "Toàn cột lõi cả chứ không đâu!". Ké vỗ bàn tay pạp pạp vào cột: "còn chắc lắm!". Ké nhìn suốt ba gian nhà kê rộng thông thoáng, mỗi lỗ đục, mỗi cây trâm, ké cảm thấy vẫn còn in rõ vân bàn tay mình, mồ hôi mình bám ở đó. Ké nhớ dạo làm nó, theo thuở ma ông cụ trèo núi lại núi, vắt treo ở kẽ chân như trâu đeo mõ. Gặp một cây lý to quá, hai người ôm không khít. Cha con phát gốc cho quang, rồi mỗi người chém một

bên. Một ngày không đổ, mặt trời gác núi lại về đi nhờ người. Hôm sau lên ăn ngủ trên đó bốn, năm ngày đỡ nhau làm. Thành cây cột, lại tìm hèo, cọc, bẫy nhả dân trên đá tai mèo xuống.

"Nhà lúc ấy lại đói nữa. Chồng đi núi, vợ ở nhà cho con bú xong mới đi vay từng cụm lúa. Ngày dựng cũng phải đi vay từng con gà, chai rượu... Ba năm mới nên cái nhà để ở. Từ đó về, cứ tám, chín năm bóc mái lợp lại một lần, lại như nhà mới ngay. Bộ cột này hết đời con, đời cháu cũng chưa hỏng được". Ké vừa nghĩ, vừa bước chân ra cửa. Ống nước *lăn* đổ về *thích* rào rào. Ké tự bảo: "Chín chửa vầu thôi, nước đã đến tận sàn rồi. Bây giờ đi, có vác theo cả *lăn* nước được đâu!".

Ké xuống thang, đến bậc cuối cùng thì dừng lại, nhìn khắp gầm sàn, khắp bãi rồi thâm nghĩ: "Chỗ đất này, cha mẹ xưa vừa ăn củ bầu củ mài vừa phát ra cho. Mình sinh ở đây, lớn lên ở đây... cha mẹ nằm xuống ở đây, mồ mả còn ở chân núi đó. Đòi cha, rồi đòi mình, lớn lên, gặp bao nhiêu cay đắng cũng cố cho thành nơi ăn chốn ở...". Ké đứng ngăn người ra ở cầu thang, mắt nhìn ra trước nhà không chớp. Cạnh bức rào, con gà trống nghể cổ như nhìn thấy gì lạ. Cạnh đó con gà mái vừa bới rác, vừa kêu quang quác, lũ con xúm trước xúm sau tìm mồi. Ké Nam thông thả bước ra bờ ao, tay chấp sau lưng, ống quần vạt chéo như miệng *ống bắng*. Ké dừng lại ở bờ ao, nhìn lại căn nhà. Nhà nhìn về hướng nam. Những cây cam, cây quýt trước nhà, mỗi cành mỗi quả từng xâu từng chùm như bông lúa. Ké tính công lao vun trồng nó - "Coi thế thôi, nhưng từ lúc trồng đến lúc ra quả phải bảy năm. Mấy cây này trồng hột mới được lâu năm như vậy, chứ chiết cành trồng thì đã ra *trầm gửi* chết sạch rồi. Hàng năm cứ mùa cam, cam vàng cả ngon. Đi đâu về khát nước cứ việc chời lấy ăn. Nếu đi thì bỏ hết thôi! Còn vườn mía trước nhà, vườn chuối sau nhà kia nữa. Một cây chuối trồng xuống đất tốt cũng một năm mới ra buồng... Sáu cây mít sau nhà kia toàn mít dai cả. Năm nào cũng sai từ gốc đến ngọn. Đòi vầu san sát sau nhà kia, cây gác bếp nào gãy, dẫu chuồng lợn nào hỏng, cầm dao ra khỏi nhà chưa đầy một ấm nước sôi, đã lấy được cây về rồi. Hừ, tháng giêng, tháng hai ăn măng doi ê cả lưỡi, mai kia thì thôi!..." Ké lại nhìn cái ao, đàn cá đang vờn nhau ở cùng cối máng nước. Ké nghĩ "Đi chỗ nào cũng không tốt ở bằng chỗ này. Có phải một năm mà thành đâu! Đòi cha mình, lại đòi mình đi đêm

về hôm thấy cái gì hay cũng mang về trồng, bây giờ thì thứ gì cũng sẵn. Muốn ngọt có ngọt, chua có chua, thơm có thơm, cả một cơ ngơi. Ban ngày đi đâu thì đi, xa bao nhiêu, cứ mặt trời gác núi là mình về chỗ này. Gặp vận nạn, cũng sẵn sóc nhau cho qua khỏi ở đây. Bây giờ mới được sung sướng một tí..."

Ké Năm nghĩ ra được một mẹo. Ké tự bảo: "Ai rủ đi quê mới, ta cũng ừ. Còn mẹo ta, ta giữ cho kín. Khi nào nước dâng đến là đâu vào đấy rồi!" Hai bàn chân ké nhẹ hẫng. Ké bước ra cổng, lên đôi sau nhà tìm cây *ngoài* về chống cành cam lên.

*

Ăn tết năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai xong, người nào gặp nhau cũng nói: "Sắp học tập khai hoang chuyển dân để xây dựng công trình thủy điện Thác Bà rồi, chuẩn bị nhé, đi khai hoang đấy!"

Lên thích quá! A¹ học xong lớp bảy rồi, chẳng qua nhà neo, Lên phải thôi học. Thủy điện là gì Lên biết. Lên thích đi khai hoang, nhưng *chài*² không cho đi. Ké muốn theo mẹo ké đặt sẵn trong bụng, nhưng chưa muốn nói ra. Lên không thấy *chài* nói gì, cứ tưởng *chài* bằng lòng.

Đến tháng năm thì học tập thật. Học xong lại kêu gọi thanh niên đi khai hoang xây dựng bản mới.

Hôm nay ngày ghi tên. Lên để yên ăn cơm xong mới nói với *chài*. Vừa nói, ké Năm bật mắng luôn:

– Mày dùng có cứng cổ lắm. Còn bé thì tao vỗ vỗ về về, lớn lên mày không nghe tao à, hả!

Bộ râu bẹ móc của ké rung lên:

– ... Xung phong! Trong bản có khối người đấy. Chỉ có mày mới khai hoang nổi à! Mới mở được bản à!

Lên ngồi yên lặng ở cửa sổ gian trong, bụng lo ngay ngáy. A thấy phần mình nặng lắm: "*Chài ằm*"³ ngày một già, mình đang sức

1. A: cô.

2. *Chài*: cha.

3. *Chài ằm*: cha mẹ.

ăn sức làm. Tiếng rằng em gái các chị, nhưng bây giờ nên con cả trong nhà rồi. Em còn nhỏ, đang đi học, mình phải lo. Với lại làm công nghiệp ngay chỗ núi rừng mình, chẳng phải xin đi đâu xa...".

A nghĩ thế, nhưng nói ra chưa hết câu, chài đã mắng át đi. Lẻn cố nhìn. Để chài nói hết A khẽ nói:

– Nhưng *chài* à! Bản tuy còn nhiều người thật nhưng họ có phần họ, ta có phần ta. Việc khai hoang còn nặng lắm. Con còn trẻ, phải đi làm trước không thì bỏ cho người già à. Với lại đảng nào nhà ta cũng chuyển đi, thế thì con đi cũng như làm cho nhà mình thôi!

Bộ râu bẹ móc của ké Năm càng rung tợn. Quả găng ở cổ ké cứ chạy lên chạy xuống.

– Chuyển nhà đi! – Ké trùng mắt mắng – ai cho chuyển? Tao già bằng này rồi, công sức tao làm ra cơ ngơi nào thì tao ở đấy, mày giỏi cứ chấp cánh!...

Lẻn ngược nhìn chài có cái gì là lạ? A lại cúi xuống cửa sổ. Nom A lúc này mới thật cô đơn! Bộ váy áo chàm may dạo năm ngoài đen nhấp nháy, hôm nay A mặc vào, thất lung bó chít mình gọn ghẽ, A định đi ghi tên, nhưng chài mắng thế, Lẻn thấy tủi thân, không tài nào bước xuống thang được. Lòng Lẻn lúc này hỗn độn, nghĩ không vào nhau. "Làm sao bây giờ? Không đi nữa, như thế không nên người thanh niên đâu! Đi, làm sao cho *chài* bằng lòng?"... Lẻn ngẩng đầu lên: cuối đông, con đường ven rừng ngập nắng. Các em nhỏ kéo đi một hàng dài. "Chúng đi họp để ngày mai tiễn đoàn đi khai hoang, thế mà mình vẫn ngồi buồn ở đây!"... bỗng một tốp trai gái chừng chín người đi tới chỗ hướng Lẻn nhìn xuống, một cô gái đưa tay lên miệng làm loa "hú" lên. Lòng Lẻn như thành nước thành dầu. Sao *chài* lại không cạo đi? Phải hỏi:

– *Chài* à! Chài bảo không chuyển nhà đi, thế nước ngập đến thì làm thế nào?

Ké Năm lúng túng. Cứ kiểu này, ké phải nói thật cái mẹo của ké mất. Nhưng còn giữ được, ké bảo:

– Nước ngập thì tao sợ à! Cứ ú lên đến găm sần, tao mới lộng mắng đi, cần gì!

Lẻn đang buồn, thấy chài nói vậy, A vừa thương vừa buồn cười cho chài, A hỏi cho bằng ra:

– Nhưng lúc đó chài đi đâu ở mới được?

Ké Năm không giữ kín với con nữa quay sang bàn. Ké tin rằng nói ra nó sẽ theo.

– Để tao nói cho nghe. Tao ngẫm nghĩ từ năm ngoái rồi. Bây giờ mới vào rừng đào gốc bóc chà thì khó lắm. Đàng nào mình cũng có người chú họ ở bên Buốc Tuyên Quang. Vài ngày nữa tao sang xem. Chỗ ấy sẵn nước ruộng, sang đấy dựa vào chú mà làm ăn...

Lên nhìn chài không chớp, vừa thương vừa giận chài. Cứ kéo co trong đầu mãi thế này thì nhớ mất. Không đợi chài dứt lời, A tranh nói, tiếng run run như sắp khóc.

– Không được đâu *chài* à! Ta bỏ bản làng đi lấy một mình sao? Đi thế mai kia mình mất hết mọi cái mình được hưởng ở Thác Bà này còn gì?

Vừa nói, Lên vừa đứng dậy lấy cái túi *Pác-mạ*. Nghe con nói hai tiếng "bỏ bản" ké Năm thấy đau nhói. Lên nói thêm quả quyết:

– Ở trên người ta đã bàn cho hết rồi, chài lại khác nghĩ đi một đường, chỉ tốn công sức. Con đi khai hoang đây!

Ké Năm bật dậy:

– Thế thì đi đi! Cái giống... – Ké xuống thang. Lên cũng cài cửa bước xuống thang theo và đi về phía có tiếng trống.

Giá có bà Năm ở nhà ké còn được vài câu an ủi, nhưng bà đi nhà con gái cả có việc, ké Năm bỏ mặc nhà đi chơi lang thang. Định đến những nhà thân trong bản, nhưng câu chuyện Thác Bà vừa học tập xong, gặp ai cũng nghe người ta bàn tán về tương lai, không hợp với mình. Ké lên nhà ké Vinh người cùng tổ sản xuất, chỉ kém ké Năm một tuổi. Ké Vinh trước đây nghèo, nhưng từ hòa bình về, được yên ổn làm ăn nên nhà cửa vườn tược, cây quả, ao cá không kém ai, chỉ thua ké Năm có cái nước lặn chảy về sào.

Từ lâu, hễ nói chuyện làm ăn, nhà cửa... hai ké thường tìm đến nhau. Cái vui, cái buồn cũng tìm đến nhau kể lể. Ké Năm không uống được rượu, nhưng hôm nay ké và ké Vinh uống rượu suông. Rượu bốc lên mặt, ké Năm nói đủ mọi thứ chuyện ở bản, thân số mình vất vả... Ké Vinh rượu vào mắt cứ chục nhắm lại. Ké ngả mình, thế là ngáy. Không thấy ké Vinh ừ nữa, ké quay nhìn; ké

Vinh đã ngủ rồi. Ké Nam cũng ngã mình luôn. Bao nhiêu cái giận trút ra miệng chắc đã nhẹ người, ké ngủ một giấc đến sáng.

Ở nhà, bà Nam thu vén mọi thứ cho Lẻn đi khai hoang xong, đang ngồi nghĩ hết việc này đến việc khác. Việc đi bản Buốc bà mới nghe ké Nam nói qua tai thôi, tưởng sẽ còn bàn, không ngờ hôm qua lại đem ra cãi nhau với con gái – "Nhà có phải nhiều người đâu, mới có bốn, mà khác người khác góc! Không biết hôm qua ké nó ngủ đâu!..." Bà ôn lại câu con gái nói tối qua: "... khó bao nhiêu thì khó, còn có bản làng. Con sẽ cố, nhưng *chài ằm* đừng bỏ bản!"

– Nó nói phải. Bây giờ đổi đời rồi, con nó biết đường đi trước thế nào, nó qua đâu, mình cũng theo với.

Ké Nam về, đầu ké vàng, miệng chát, ợ còn mùi men. Ké vừa bắc ấm nước lên kiềng, vừa nói với vợ:

– Làm thế nào đây? Ngày kia tôi đi bản Buốc đấy!

Bà Nam khó nghĩ quá, bảo:

– Thế... con nó đi khai hoang rồi thì sao? Mình đi thế họ chẳng nói cho à!

Ké Nam nói chắc chắn;

– Nó đi khai hoang cũng được. Đi cho có lệ để người ta khỏi nói. Còn mình đi đâu là chuyện mình, nhà nào có phận nhà ấy lo.

Hai vợ chồng câu đi câu lại, cuối cùng bà Nam bảo:

– Thôi tùy ông. Chỗ nào tốt ăn tốt ở như nơi này thì đi.

Đường từ nhà tới Buốc phải một ngày cật lực nên ké Nam chỉ ăn cơm sớm mà không mang gì, chỉ đội cái nón, cái khăn mặt vắt vai như đi ăn cưới.

Nắng tháng năm. Chỉ một lúc, chiếc khăn mặt đã ướt như dúng nước. Ké gấp đôi chiếc khăn mặt lại làm quạt, vừa đi. Đến khe Bản Lặng, ké ngồi nghỉ ở rãnh nước chân núi.

Khe này chảy từ lòng núi xuống, gặp đường cái, chảy tắt theo rãnh đường vào ruộng. Con đường này từ ngoài tới, gặp chỗ khe nước lại chạy trở vào, nom như cái *vay* trâu. Ké Nam ngồi giữa chỗ gặp ấy.

Bỗng có tiếng nói lao xao. Từ chỗ ké vừa vào, một đoàn người kéo tới. Đi trước là một lũ con gái người Dao quần trắng, tiếp đó

là con trai Kinh, con gái vừa Kinh vừa Dao, có tới sáu chục người. Mỗi người một gánh nặng đầy chần mần, quần áo, cuốc xẻng, rìu dao, bu gà vịt. Nhìn thấy ké, mấy cô gái cất tiếng chào:

– Bác đi đâu về nghỉ đây thế?

Chào xong, đặt gánh xuống nghỉ. Toán đằng sau kéo vào đứng ùn lại trước mặt ké Năm. Ké Năm hỏi một cô gái Dao:

– Bọn cháu đi dân công ở đâu đấy?

– Không, chúng cháu đi khai hoang xây dựng động mới đây!

Cô gái béo, hai má phúng phính, đỏ như gấc chín, trả lời ké vậy, rồi quay ra nói gì với các bạn bằng tiếng Dao quần trắng. Ké Năm không hiểu. Chợt cô quay sang phía mấy anh thanh niên đang ngồi chụm nhau, hỏi:

– Chỗ này nước dâng đến không?

Anh con trai người Kinh trả lời thành thạo:

– Dâng dứt đi chứ lý, còn ngập vào trong kia khoảng hai cây số nữa.

Ké Năm nghĩ thầm: "Thế thì lụt quá nóc nhà mình còn gì!"

Một anh thanh niên ngồi trước mặt ké nói:

– Chỗ này được ích lợi gì mà chả ngập!

– O mày không biết chứ! – Anh con trai Kinh ban nãy nói – từ eo núi này trở vào, mai kia là chỗ ương cá giống đấy. Hôm nọ tớ đi tìm chỗ khai hoang, đã gặp đoàn khảo sát họ cấm cộc cả rồi. Mai kia xem, ca-nô chạy sinh sinh từ Thác Bà lên, vào tận trước chỗ ta khai hoang ấy. Người ta nghiên cứu cách nuôi cá, xem loại cá nào hợp với biển nhân tạo, để nhiều, chóng lớn là người ta nuôi. Lúc đó sẽ dùng những chiếc tàu để đánh cá.

Một cô gái Kinh tóc bết hai bên má, vừa quạt vừa nói:

– Nhiều cá thế ăn làm sao hết hử giờ!

– Vớ vẩn, người ta đặt nhà máy cá hộp ở ngay ven biển ấy, phần nào ăn thì ăn, còn thì đóng hộp xuất khẩu.

Anh thanh niên có bộ răng thưa, hào hứng:

– Jiế! Sướng quá, tớ sẽ làm một chân đánh cá ở trên tàu. Ở nhà tớ thường ra sông quăng chài mãi, tớ biết rồi.

– Rồi tớ sẽ ở quả núi ấy!

– Để làm gì?

– Mà không biết à, quả núi ấy rồi nước biển chạy vòng quanh. Trên núi người ta trồng toàn... cam, quýt, dứa cho nhà máy hoa quả. Tao lĩnh việc coi vườn cây. Tao học được cách trồng cam của ông cụ tao rồi. Ngày nghỉ, tao sẽ lên chơi trên các nhà nghỉ mát trên đỉnh núi. Sướng bao nhiêu, điện dũa ở Thác Bà lên sáng suốt ngày đêm nhé!

– Mà biết à?!

– Tao còn biết cả chỗ nào lấy được nước biển lên ruộng, chỗ nào đặt được trạm máy kéo nữa kia. Rồi mà xem, tao mà không làm công nhân trồng cây thì tao hóa thành cây cỏ may này.

Toán con gái cùng reo lên chế giễu:

– ... Trồng cây hái quả là việc bọn này chứ, chưa chi đã chọn việc, hê... hê...!

Cười chán, cô gái má đỏ như gấc chín ban nãy giục:

– Thôi, đi làm cho thành động mới đã!

Đoàn người nhấc gánh lên vai. Ké Nam nhìn theo họ thấy vui vui... Ké lại nhớ đến con Lẻ: "Nó đi khai hoang đúng thật. Chắc nó biết trước rồi!"... Nhưng lại nghĩ đến quê mới. Bây giờ mới đào gốc bóc chà, vỡ vạc từng tấc một, ké đội nón đứng đây, thẳng đường đi bản Buốc.

Cơm tối xong, bà Năm ngồi cửa nhai trầu, nghĩ đến chồng: "Đi được bảy hôm rồi, chẳng biết có được việc gì không?"... chợt có tiếng ké Năm:

– Đưa về đây cho một tý lửa!

Bà Năm hoàn hồn:

– Hu ú... giật cả mình!

Ké Năm lần vào máng nước rửa chân. Bà Năm cầm đèn ra soi, vừa hỏi rồi rít:

– Thế nào đấy? Có gặp chú Phàn không? Tìm được chỗ nào rồi à?

Ké Năm vừa mệt vừa đói, hỏi:

– Con com không?

– Chưa ăn com đâu à? Chết thôi!...

Ké Năm ngồi cho lại sức, rồi vừa ăn com vừa nói:

– Mình ở đây đi, đến nhà chú Phàn vừa gặp chú ấy cắt vó ở ao. Tối hôm ấy lại mổ con gà thiên.

"Khởi đến câu chuyện tìm chỗ ở, chú thím ai cũng mừng. Được một chỗ, nơi ấy toàn rừng lau, đất bằng. Ở được khoảng năm nhà. Ruộng hợp tác cũng tốt, phát nương cũng tiện. Chú ấy bảo sẽ để cho bốn cây cột lõi".

– Có phải chỗ trước nhà chú ấy không?

– Chả chỗ ấy còn chỗ nào?

– Chẳng biết bây giờ thế nào, hồi xưa là không có nước đâu.

– Hừ. Cả một con muông, nước chảy ào ào. Ta mà dựng nhà ở đấy là nước qua ngay chân rào đấy.

Bà Năm vui hẳn lên, nói:

– Thế còn nói gì! Ồi... nói ra thành chuyện chê bản mới, nhưng họ đồn ở chỗ con Lẻn bây giờ ấy: đá như đồng nâu, nước không đủ tắm giặt.

Lòng dạ ké Năm nở hẳn ra, bảo:

– Đấy, tao đã biết trước rồi mà! Nói thì con Lẻn không chịu nghe. Bây giờ đã biết khổ chưa. Chẳng tháng này, tháng sau cũng bỏ về cho mà xem!

Ké Năm ăn com xong, hai vợ chồng cứ thì thầm mãi. "Ta sẽ cho hai nhà con gái đi cùng, nhà ta nữa là ba. Tìm thêm hai nhà nữa. Nhà ké Vinh và nhà cô em ké Vinh là hợp. Năm nhà kéo nhau sang Buốc làm một nhóm. Tháng chạp, ta sẽ sang đục mấy cây cột ấy. Cốt dựng lên cho thành cái nhà dũ, rồi nhờ người kiếm thêm, làm dân. Ăn tết xong, về thay cho mẹ Năm đi ở bên ấy làm nương, mình thì ngả hết đôi vầu xuống đem bán. Rồi mỗi lần đi Buốc, gánh theo một gánh đồ nhà, nước ngập đến là cũng thành cơ ngơi rồi, nghĩ đến đó, bỗng gà gáy sáng.

Đùng một cái, cả bản đồn ầm lên bảo: "Theo kế hoạch của xã, tháng mười này chuyển đi trước mười bốn nhà. Rồi cứ thế mỗi tháng đi dăm bảy nhà, hết năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba đi nửa

xã, hết sáu mươi tư đi hết xã. Còn dăng sau để cho đoàn thu dọn đến làm việc".

Không thông thả được nữa, ké Năm vội sang nhà ké Vinh.

Hai ké ngồi dựa lưng vào cửa sổ, cái đèn và khay ấm chén để ở giữa. Phía tây, mảnh trăng cuối tháng treo trên đầu như cái túi trâu.

– Tổ tìm một chỗ tốt lắm. Đi với nhau đi! Nhưng đừng nói ra cho ai biết nhé! Bản Buốc, chỗ ấy thế này...

Ké Vinh cũng nghe đồn bản mới "Đá nhựt đồng nâu, nước không đủ tắm giặt", đang nản, nghe ké Năm rủ vậy thì xiêu lòng. Suốt đêm, hai người bàn mọo chuyển nhà đi. Người nói ra, người mở lời đón, câu chuyện cứ xoắn vào như chạc trâu lạt hóp.

Rủ được ké Vinh, ké Năm thấy hợp ý quá. Tuy vậy về nhà ké tiếc ngẩn cả người! Nhìn quanh nhà, lòng ké nặng chịch. Ké cố gạt đi: "ai jiồ, tiếc lắm cũng thế thôi. Biết đường lo sớm còn được ăn!"...

Nhưng được vài hôm, ké Năm còn bí hơn tai kim: Cô gái cả được tin chài rủ đi bản Buốc, liền bế con về nhà.

Chị Năm đã ba con, chăm việc hợp tác, thấy cái gì sai là nói thẳng, nên được bầu là đại biểu phụ nữ bản. Ké Vinh trông thấy chị Năm đi qua nhà, đoán biết thế nào tối nay cũng bàn đến việc đi Buốc. Ăn cơm tối xong, ké Vinh vội sang nhà ké Năm ngay để xem thế nào?

Ké Vinh đến nơi thấy ké Năm ngồi tựa cửa sổ gian bàn thờ vẽ mặt nghĩ ngợi. Bà Năm ngồi cạnh cột bên trong. Chị Năm ngồi giữa gian quay mặt lên, đứa con gái nhỏ nằm trong lòng mút sữa chút chút. Chiếc mớ vệt đèn loe lửa sáng rực, soi rõ đôi má rậm nắng như cơm cháy của chị Năm. Chị Năm nói dở câu chuyện.

– Chẳng qua làm thủy điện Thác Bà thì mình phải qua một đoạn khổ, nhưng còn có anh em trong bản đỡ dần nhau. Thác Bà làm xong, mình cũng thành bản thành ruộng, đi lấy một mình rồi chả biết thế nào?!...

Bộ râu bẹ móc ké Năm rung lên:

– Lại còn thế nào? Ta đến tận nơi xem chẳng hơn. Chú Phàn chú ấy bao cho được thì tao mới đi...

– Thế áá... nhưng khác đi, con thấy nó thế nào ấy. Từ lo làm nhà, đến chuyển đồ đạc, cũng vất vả hơn. Mình đi theo bản, mọi thứ họ mới lo cho. Với lại khổ sương cũng cùng ăn ở với nhau từ lâu về rồi...

– Thế đi Buốc là chết cả à? – Ké Nam phát bực.

– Chẳng chết đâu, nhưng đi lấy một mình mình vậy, mình thấy mình khác không phải với bản. Lúc vận nạn thì nhờ bản bây giờ gặp khó khăn, mình không cùng giúp cho qua, thành ra mình ăn ở không thẳng ấy chứ!

Ké Nam không biết nói sao cho trúng. Thực ra, hôm nọ bàn với ké Vinh vậy, nhưng không nghĩ đến "cung cách" này. Bà Nam chăm chú nghe từ nãy, bà thở dài: Khó nghĩ quá! Hôm nọ chồng bàn với, bà cũng thấy phải. Bây giờ con gái nói ra như thế, bà lại thấy phải hơn. Bà suy nghĩ lâu lắm, rồi chợt hỏi chồng:

– Thế hôm nọ đi, riêng nói với chú Phàn, hay gặp những người "làm việc" ở đấy nữa?

Ké Nam lúng túng thực sự. Ké cúi lên, gất:

– Chú Phàn bao cho được thì thôi, còn gặp những người làm việc làm gì!

Cả nhà im lặng. Ké Vinh nghĩ thầm: Chẳng ăn thua! Nghe theo lão ké này có khi nổi treo gác bếp lúc nào không biết! Hồi nọ mình đã nhẹ dạ tin không đắp được sông rồi!... Ké thấy có ngồi nữa cũng không lợt. Muốn ra về, lại sợ mất lòng với trong nhà. Ké nghĩ mãi rồi chợt sờ tay lên tai nói: "Vơ ấy!... tai nóng quá, chắc thằng bé thức không thấy lại tìm rồi!" Ké đứng dậy xuống thang đi như chạy. Ra khỏi cổng, ké thở đánh "phù"...

Còn lại ké Nam, cứ kéo co thế mãi. Cho tận hôm sau, con gái về, việc đi bản Buốc hay đi bản mới cũng chưa đâu vào đâu.

Đã đến tháng mười. Đồng lúa trước nhà ké Nam chín vàng rực. Trong bản, phần đi khai hoang chưa về phần lại đi làm nhà, người gặt lúa ít hẳn đi gần nửa. Họ làm quên cả ngày nghỉ mà công việc không chạy mấy. Nhiều người thấy vậy, dời chuyển nhà đi bản mới. Ở đấy lúa đang chín, lúa tẻ tốt bằng lúa nếp ở đây. Họ muốn đi để yên trí làm việc một bản. Xã thấy vậy, phải đề ra

kế hoạch chuyển nhà từng tháng, xem tháng nào nhà nào đi, để chia số lao động ở hai bản cho đều.

Hôm nay nhà ké Vinh chuyển. Vì nhà ké neo người làm, ké đi trước để còn định cơ ngơi và tăng thu nhập. Sau cái hôm ở nhà ké Nam về, ké Vinh nghĩ chán rồi. "Từ đời tổ tiên về làm ăn chẳng đâu vào đâu. Nhờ có cách mạng mới ở vững một chỗ. Chính phủ bảo "Kháng chiến nhất định thắng lợi!" – Thắng lợi thật. Từ đấy về mới sửa sang vườn tược, cây quả, đào ao, những thứ ấy mới có. Bây giờ Chính phủ bảo làm thủy điện, miền núi còn sướng hơn nhiều! – Ta phải đi theo lời nói ấy". Ké nhấn ké Nam đến chơi nói chuyện, nhưng ké Nam nghĩ chẳng đâu vào đâu; đi bản Buốc không thành, còn nói chuyện gì nữa! "Cứ buông bốn chân tay ở chỗ này, nước ngập đến sẽ hay, người ta không cho chết đâu mà sợ!". Ké không sang chơi nhà ké Vinh. Ké Vinh lại nhấn báo ké Nam: "Tôi không đi Buốc nữa, chuyển nhà đi bản mới thôi".

Ké Nam thấy bạn mình sắp đi, càng nóng ruột, lại tò mò muốn biết họ chuyển thế nào?... Sáng nom rõ lá cây, ké sang nhà ké Vinh. Thấy ké Nam đến ké Vinh mời nước. Muốn nói chuyện quá, nhưng tay không rảnh lúc nào. Ké Nam đứng xem. Hơn bốn chục người của hợp tác xã ở tại quê mới đã về ngủ đây từ tối qua. Sáng nay đây họ sắp xếp mọi việc.

Người thì buộc gánh, người thì nhắc đồ vào quang. Cạnh bếp, mấy anh đang bàn nhau mang thế nào để cái chảo khỏi vỡ. Dưới sàn, anh thì vắn chiếc cối đá vào quang, anh nhắc cái cối xay... Bà Vinh vừa thất diệu vào mình vừa sụt sịt, hai mắt đỏ như nhót chín. Bà buộc mãi không nổi cái dây dậu. Đứa trẻ lên ba cứ quẩn lấy cô y tá. Thấy bà Vinh lúng túng mãi cái dây dậu, cô y tá lại gần khẽ bảo:

– Đưa cháu công cho bà ạ! Bà đi xem đồ đạc các cháu còn gì thì mang.

Ké Vinh ít nói hơn mọi hôm. Ké đang nhắc những bát hương ở bàn thờ cho vào đôi dậu, rồi quay lại bóc những tờ *hèm* bằng giấy đỏ ghi tổ tiên mình, gấp lại, cho vào gánh. Xong đâu đấy, ké nhìn khắp nhà như nhấn chào nó. Cái nhà này, Chính phủ đã đền bù cho ké bốn trăm bạc, rồi nó đi đâu, ké không muốn nghĩ nữa. Còn cây quả, vườn tược ao cá... thì giao lại cho người đảng sau chưa

chuyển coi sóc. Ba, bốn năm nữa mới đắp sông. Từ nay đến đấy, thỉnh thoảng ké sẽ quay lại, xem cái gì mang được thì mang...

Ba đưa trẻ, đưa thì xắn quần, đưa nhét váy lên thật cao. Bảo đi quê mới, chúng nó còn thích hơn đi chợ may áo mới. Ké Vinh nhắc gánh lên vai, chào ké Năm:

– Thông thả ở lại sau nhé! Lúc nào lên bản mới thì nhớ vào nhà chơi!

Mấy đứa trẻ tranh nhau xuống thang, đứa thì nhau đi trước. Một quãng, nó lại quay lại nhìn cha mẹ nó ra chưa. Ké Vinh xuống khỏi thang thấy cái cửa sổ còn mở, ké đặt gánh quay lại hạ tất cả các cửa sổ xuống. Xuống thang, ké nhìn khắp nơi như ghi từng gốc cây, khóm chuối của mình. Ké nhắc gánh lên vai bước ra cổng đoàn người chuyển gánh bước theo. Họ nói chuyện ồn ào, vui vẻ như đón dâu về nhà mình.

*

Nhà ké Vinh đi rồi, liền hôm sau lại đi một nhà nữa. Hai nhà, ba nhà, rồi chuyển mãi không thôi.

Bà Năm đi ruộng, nghe người ta bàn tán, mắt thấy người ta chuyển nhà, bà nóng ruột quá. Lại được tin con gái nhả *chài ềm* đi ăn cơm tối, bàn chuyển nhà, bà không thể ngồi yên được nữa. Về nhà bà bảo chồng: – Lúc thì bảo không đắp được sông, đắp được lại – vô chỗ vấp chỗ. Bây giờ đấy, người ta chuyển âm âm, mình cứ ngồi ở, mai kia làm bạn với Long vương!

Ké Năm bảo:

– Lại còn vô vấp nữa. Thế mình cũng bàn với được, cơ mà, sao lại không nói!

– Nhưng mình là một người chủ nhà, sao không biết ngấm? Tôi không muốn nghe nữa!

Bà xuống thang đi nhà con gái. Ké Năm ngồi tro ra. "Mình là một người chủ nhà!" – Câu nói của bà Năm làm cho lòng ké đổ hồi. "Zìoo... làm ăn ngần này lâu, đến đoạn đường này còn trượt à?" – tai ké gần như ù đi. Trong chớp mắt ké thấy hiện ra người con gái cả đang nói với ké: "Lúc vận nạn thì nhờ bản, bây giờ gặp khó khăn, mình không cùng giúp đỡ cho qua, thành ra mình ăn ở không

thăng!"... Ké nghĩ mãi, rồi tự bảo: "Ừ, đi bản Buốc được, cũng là đi bản mới được. Nhưng... chả biết bản mới làm ăn ra sao?". Ké lại nhớ đến con Lẻn. "Hơn năm tháng gùi này, chắc nó chịu nhiều vất vả lắm!". Ké thương con gái. Nghĩ đến bản Buốc, đến lời chú Phàn hứa cho bộ cật, ké lại tiếc bên ấy. Song lại nghĩ: "Bỏ Thác Bà, mai kia họ hưởng mọi tốt đẹp trước mình thì sao? Hải... không được... phải đi bản mới xem thế nào!"... Ké nhất định đi xem. Nhưng nghĩ lại thấy thẹn. "Chẳng nhẽ thấy ké Vinh đi rồi, mình mới mò đi theo họ cười cho!". Bỗng ké chợt nảy ra: "Ô, thế này!..."

Lúa chín vàng cả cánh đồng bản mới. Đoàn người cười nói râm ran, gặt rào rào như tằm ăn lá. Có đôi trai gái mãi chuyện gì, gặt tụt lại đoàn người như một cái đuôi. Có cô đứng cạnh Lẻn, thấy vậy, mỉm cười mấy lần rồi cất tiếng hát cooi:

Hú o... o hú... ú o...

Gió thổi qua ngọn cau

Mặt ruộng em mọc đuôi thật rồi!...

Cả mặt ruộng, người ngẩng đầu, người đang lom khom cũng ngoái lại, rồi cười ầm lên. Đôi trai gái thẹn đỏ mặt, cúi gặt cố kiết. Lẻn mỉm cười, rồi trở lại nét mặt buồn buồn. A đứng buộc nắm lúa, mắt nhìn cái lán đứng gần lút giữa bãi ngô xanh. Lòng Lẻn nao nao. A nhớ lại những ngày mới đến, cái lán dựng đầy y như cái nón úp giữa rừng. Hơn năm chục người ăn ở trong ấy, mỡ không có, rau không một ngọn, lấy măng về luộc chấm muối ăn. Việc lại nặng. Có anh không chịu nổi, toan bỏ về. Lẻn bảo: "Mày về rồi bỏ cho ai?" Anh ta nghĩ nom đại cả người. Cuối cùng anh ở lại. Không có rau, Lẻn rủ tổ mình, trồng rau. Lẻn bàn với anh phụ trách mua lợn về nuôi... Bây giờ bản mới mở rộng được nhiều rồi, ăn uống ngon hơn trước. Nhưng A kế toán kiêm đội trưởng đội sản xuất này vẫn có cái gì buồn buồn. Càng gần ngày về, A càng thấy bứt dứt, ít nói, ít vui cười hẳn đi. Anh em thấy vậy, vừa thương, vừa khó chịu với Lẻn. Khó chịu vì hàng tháng bầu Lẻn là xuất sắc. Lẻn nhất định không nhận. Còn biểu dương tổ Lẻn khai hoang vượt mức khoán, đoàn kết, thì Lẻn nhận. "Vậy xuất sắc cá nhân sao Lẻn không nhận?" Anh em muốn giận Lẻn, nhưng giận thì giận, Lẻn không nhận là không nhận. A trộm nghĩ: "Có gì to mà xuất sắc! Mình mở bản mới, đón thủy điện về cho mình. Nhưng ở bản có người chề chỗ này lắm đá, chỗ kia khan nước, làm ăn khó... không muốn lên đây. Chà lại

định bảo đi bản Buốc một mình, thế thì nhận xuất sắc về làm gì! Ủ, cứ thi nhau bảo chỗ này làm ăn khó đi, ta sẽ rủ nhau làm cho mà thấy!" ...Lên đã rủ anh em làm thế thật.

Sắp hết đợt sáu tháng rồi. Tối nay tổng kết, đội đoàn khác lên thay thì về. Lên vừa gặt, vừa nhìn lên phía lán: cánh nương đỏ xanh đen gần kín ngọn. Qua ngọn nương ngô, con nương đã đào gần thông. A nhìn sang eo núi bên phải, thấy nhà ké Vinh, A nghĩ đến nhà mình. A vừa giận vừa thương *chài*. "Đi học tập có một tối, về nói qua đường khác đi. Già rồi, cố xuống tận Thác Bà xem, ngộ là gì, lại làm cho cả bản nói ầm lên: "Ké Năm tin đắp được sông rồi!"... Sáu tháng gần qua, người ta chuyển nhà lên ầm ầm, mà *chài* chẳng thò lên ngày nào. Thằng Noọng chẳng biết dạo này có về nhà không? Liệu có thi nổi lớp bảy không?"... Lên cứ nghĩ miên man. Quanh Lên chợt có tiếng hú ầm lên như tìm măng gặp ngọn. Lên ngẩng đầu lên: - "O, *chài*!"... Lên thầm reo trong lòng.

Ké Năm đang *bước* lụi khụi theo bờ ruộng đi lên, tay xách con gà thiên, vai đeo túi *Pác mạ*. Cái mồm thiên hạ có nể gì người già, họ trêu Lên:

- O!... miệng bu gà buộc lạt nhuộm phẩm đỏ mảy a!
- A a... cái anh gì ở bản Buốc đem cho đấy mà!
- Thôi... ta lại mất đi một người kế toán giỏi!

Ké Năm đứng lại, nói chuyện với mấy người hơi có tuổi. Ké khen lúa tốt không ngừng miệng. Lúa tốt thật. Chăm bón phân, giữ nước, nên bông nào bông ấy con gà dò kéo không nổi.

Thấy *chài* đến. Lên tươi hẳn lên, nhưng bụng có cái gì lo lo. A bước lại phía *chài*. Mấy người có tuổi bảo "đưa *chài* về lán nghỉ đi, đằng nào cũng gần trưa rồi". Lên đến đón lấy túi, chân đặt lên bờ ruộng, mở túi xem: hai ống gạo nếp! Lên phân năn bảo ở đây khối nếp. Rồi hỏi thằng Noọng dạo này có về không?...

Lên khoác túi lên vai, tay xách bu gà, dẫn *chài* lên lán. Ké Năm theo sau, đưa mắt nhìn khắp vùng khai hoang. Mặt trời lên khỏi đầu núi một cây sào phơi. Ánh nắng tỏa xuống sáng rực rỡ. Những hạt sương đọng trên lá hoa màu đã tan, nom bãi ngô càng xanh đậm, đồng lúa vàng càng vàng sáng. Ké hỏi con gái:

- Chỗ này là ruộng mình à?

– Ừ, suốt từ trước mặt lán này xuống phải cả. Hơn bốn mươi bung¹. Còn một đồng ở trong kia nữa.

– Bao giờ họ mới lấy lại?

– Lấy lại thế nào, người ta giao cho mình dứt. Bây giờ mới giao cho có hai cánh đồng, cả xã chuyển lên là họ giao cho ba cánh đồng nữa.

– Thế họ lấy gì mà làm?

– Cũng cùng đi khai hoang như ta ấy...

Ké Nam hơi cúi xuống, mắt chớp chớp. Lẻn quay sang hỏi chuyện trong nhà, câu này chưa xong đã câu khác, nhưng ké chỉ trả lời nhất một. Đầu óc còn mải nghĩ về thời bây giờ. Ké nghĩ đến lòng tốt của những con người ngày nay. Đời xưa chẳng bao giờ được thế đâu. Thằng nào ác là được. Chỗ mình ở bây giờ, lúc đó ruộng *pó mé* để lại cho còn hẹp không, nhà lại đông người, không làm thật lực thì không đủ ăn. Tối rồi, mình cùng cha bẫy gốc cây, *mé* còn mang vạt áo trùm gai đem đi đổ. Tối không nom thấy gì nữa mới theo đom đóm về. Tối nhà ngủ một giấc, đã phải theo miệng gà gáy đi rồi. Nhà ké Vinh lúc đó cũng vớ được một miếng cạnh mình, thành nương rồi, chỉ hai năm sau là thành ruộng, thằng Lý Mẩn đến gặt miệng dao, đe: "Chỗ này tao đã cấm từ trước rồi, vợ chồng mày sao lại làm thế? Muốn tốt hay muốn xấu thì bảo!" Ké Vinh ức quá. Nhưng phận đàn em phải chịu. Ké bỏ đi nơi khác. Còn mình ở gần thằng Lý Mẩn thì thôi... Con vịt mình nhờ xuống ruộng đó, nó chửi "mày xem con vịt mày quý hơn tao à!"... Nhưng ruộng mình vừa cấy xong, nó tha hồ thả vịt xuống quấy. Nói thì chả dám nói... Cứ như thời ấy mãi thì đến mất cái cơ ngơi ấy cho nó. Bây giờ..., thật chả gì tốt bằng bây giờ. Người khác xã, lạ, mà cho nhau ruộng, coi nhau còn hơn anh em ruột. Thảo nào, ké Vinh dọn nhà lên đây là phải!"...

– Ừ! – Ké Nam chợt thấy cánh nương đỗ xanh, quả đen nhảy cả một loạt mà chưa hái. Ké tiếc, bảo:

– Sao không dỡ nhau mà nhặt đi?

1. Mỗi bung bốn mươi chiếc mạ

– Nhặt chứ, nhưng ít người quá. Lúa đầu vụ lại cấy nhiều. Gặt hai hôm đã rồi mới phân nhau đi nhặt.

Đến lán, ké dừng lại cửa lán nhìn lại dãy giường dài theo hai bên cửa sổ. Lán rộng năm gian. Ké lại đằng sau lán nhìn. Sau lán có một cái kho, bên trái là nhà bếp. Lẻn vui cười với chị trực nhật, vừa cho gà uống nước. Từ nhà bếp lên, ngô tràn bát ngát, cây cao bằng thắt lưng, cây nào cũng béo mập mập. "Đất mới tốt thật!" – ké thăm nghĩ.

Lẻn xách ấm nước ở dưới bếp lên. Ké Năm trở vào. Lẻn vừa rót nước vừa hỏi:

– Chài lên... tìm chỗ ở luôn chứ?

Ké Năm ngẫm nghĩ khá lâu, nói:

– Để xem xem đã!

– Còn xem cái gì nữa. Lên thì lên trong năm nay, sang giêng trông cái gì mới kịp vụ. Như mấy nhà lên đây ấy, bây giờ họ ở đâu vào đấy rồi. Ban ngày chỉ biết đi làm thôi.

Bỗng nhiên ké Năm nóng ruột.

Lẻn lại nói:

– Còn khó khăn, nhưng không chuyển lên đây dỡ nhau, thì bao giờ mới thành bản thành ruộng. Với lại mai kia ở đây có điện có đài trước đấy...

Đoàn người đi gặt kéo về. Câu chuyện cha con ké Năm dừng lại. Họ hỏi ké Năm mỗi người một cách nhưng cách nào cũng hỏi có phải ké lên xem chỗ dựng nhà không, ké chối hết. Ké bảo:

– Bác lên thăm con Lẻn thôi!

Chiều hôm ấy, ké Năm lần qua giữa nương ngô. Thỉnh thoảng ké lại gặp từng hòn đá nằm ngập nửa mình trong đất. Ké nhìn khắp nương, mấy cái gốc cây cụt thân chồi lên, ngọn ngô còn san sát, ké lắc đầu, thở dài: "Còn đủ mà gian nan mới thành ruộng ó". Đến ven nương chân núi, thấy con nương đào dở ẩn trong cây rừng đổ hỏn, ké lại thấy yên lòng: "Ồ, ra cũng lấy nước về được, bây giờ mới không có thôi". Ké lại lần trở xuôi. Lá ngô mài vào tay vào chân ké làm ké thấy ngứa ngứa. Nắng chiều dịu dịu. Ké đưa tay phải lên giữa vành nón, nghiêng người nhìn những nhà mới đến, xem họ ăn ở thế nào.

Ké đang ngại gặp ké Vinh, vì thế nào nó cũng nghĩ thầm: "Chả đi bán Buốc nữa đi! Thấy người ta lên cũng mò theo!". Ké không muốn gặp. Nhưng đến nhà đầu tiên chính lại là nhà ké Vinh. Ké Vinh vừa đi gánh nước về, gặp ké Năm thì mừng quá, vì ké đang nhớ bản cũ.

Ké Năm lên nhà. Nhà ké Vinh một gian hai chái, nhà sàn: phen vách dêu vào dấy. Gỗ tạp thôi, nhưng nom chắc lăm. Ké Năm khen, ké Vinh bảo:

– Cũng nhờ anh em tập thể mới được thế. Khác một mình thì, ôi! Chẳng biết có làm nổi túp lều không.

Ké Năm quay nhìn trước nhà. Cái vườn dẽ rào. Trong vườn có chín cây chuối đang lên. Theo bức rào chạy vào trong, cứ một cây cam lại một cây chanh chen nhau thành một hàng dài. Ké chợt nhớ đến lời Lẻ nói: "Lên trước còn kịp trồng các thứ"... Ké nhìn trong nhà, thấy có sáu dậu thóc chồng lên nhau, lại còn một thát dầy phơi ngoài sân. Ké Vinh nói:

– Ở đây bây giờ còn nhiều việc khó lăm. Nước còn xa, việc nặng. Nhưng ôi... cứ làm. Với lại càng ngày nó càng thay đổi chứ, thế mãi à!

Ké Năm bám ngực vào cửa sổ, nhìn xuống cánh đồng xa xa, lòng cứ phân vân, nửa muốn lên, nửa không muốn lên. Ké Vinh nhìn ké Năm lòng tự nhiên thấy tha thiết với bạn mình quá, rủ:

– Lên đây chóng một tý, cùng nhau ta mở bản dựng muông ké à. Bọn mình chẳng gì họ cũng gọi ké rồi. Loảng quảng lăm dâm phí sức. Còn khỏe ta tranh thủ làm. Đời ta chưa trông thấy thì đời con trông thấy, nhỉ ké nhỉ?

Ké Năm ù ào. Chợt ké quay lại, hai người thăm thì tâm sự mãi. Mặt trời xuống núi, ké Năm mới về lán.

Ké Năm thật khéo gặp may. Tối hôm ấy đoàn khai hoang tổng kết đợt sáu tháng.

Đoàn người ngồi vòng theo cửa sổ, giữa hai dãy giường là đèn dầu sáng rực. Ké Năm ngồi dự. Anh phụ trách người rất trẻ, đôi mắt thông minh, khuôn mặt tròn. Anh báo cáo cả đợt. Bao nhiêu cái khó khăn vất vả anh nói ra, rồi vượt ra sao, kết quả đem lại thế nào... Ké Năm ngồi tựa cửa sổ nghe không biết buồn ngủ. Ké

nhớ nhất là chuyện ăn măng luộc chấm muối, thế mà đoàn khai hoang ra được hai mươi mẫu!

Đến lượt Lẻn báo cáo sổ sách. A nói thạo như nước chảy xuống thác, con số đâu ra đấy; từ công điểm đến các con số về ngô, lúa nương, hoa màu... không ai chê vào chỗ nào. Trước mắt ké, bây giờ nó là người làm gốc bảo ban mọi người. Ké cảm thấy nể nể. Ké sung sướng nhất là thấy nó được những tám mươi công. "Chà... nó nên người thế, mà hôm nó đi, mình mắng nó ngăn nó!..."

Tổng kết xong người ta lại bình bầu. Họ bầu được bảy cá nhân xuất sắc. Người đầu tiên là Lẻn. Họ vừa khen Lẻn, vừa chê. Khen Lẻn làm ăn giỏi đi trước mọi người, khéo bảo ban trong tổ, nên tổ làm vượt mức vỡ hoang... Còn chê Lẻn: nói cái gì cứ hay nói một nửa, không chịu phê bình thẳng...

Ké Năm thấy ai cũng quý con gái mình thì mặt mũi sáng lên. Song Lẻn vẫn giữ tật cũ – Lẻn không chịu nhận mình là xuất sắc. Có người bực mình nói Lẻn "Tại sao?". Lẻn không biết lấy gì mà chối: A nói liêu: "Không nhận là không nhận, còn gì!". Họ dồn Lẻn. Lẻn muốn nói thật, nhưng trước mắt *chài*, không tiện. A nhìn *chài*, rồi nói xa xôi:

– Bao giờ dọn nhà lên đây rồi mới nhận.

Ké Năm thấy con gái nói vậy thì bụng như lật ngược lên hết. Ké nhìn ngọn đèn thành hai ngọn. Tai ké như điếc đặc lại. Ké chợt thấy cuộc họp bỗng lặng thinh, mỗi người bất giác châu mắt vào chờ đợi mình. Mình không nói một câu không được. Ké nói bật ra, bảo con gái:

– Người ta bầu thì nhận chứ, còn cứng cổ làm gì?

Tháng chạp mặt trời mọc khỏi ngọn núi đầu bản, ánh nắng tràn về khắp mọi nơi. Suong tan trên các ngọn cỏ. Ké Năm đứng ở bờ ao, trông thấy đàn cá ngoi lên tranh nhau dớp một cái lá rụng cong cong trên mặt ao như cái mẩu ngọc. Thấy vậy, ké thương hại đàn cá, ké lên sà, xách diêng cá xuống, quãi một nắm cho cá ăn rồi đứng ngắm. Bà Năm đứng cạnh đấy chẻ lạt. Ké Năm nhìn nắm cá vừa quãi xuống, lúc đầu chỉ một nhúm, nhưng rồi nó loang dần, tỏa khắp mặt ao. Đàn cá thi nhau ngoi lên dớp, đầu đen dày như gạo trong nia. Ké thâm nghĩ về đàn cá ruộng ấy. Hàng năm cứ xuân đến, nắng non về, là đem chúng mảy ra chuôm thả. Để thành cá

con rồi, chúng mày đi khắp hai đám ruộng nếp ăn đồng lúa. Lúa nào cũng vậy, chỉ quanh quẩn ở đấy đến lúc lớn. Gặp con lũ to, bờ lở thì thật là may cho chúng mày được quấy đuôi đi khắp đồng. Nhưng cũng chỉ đến tháng chín tháng mười, chúng mày lại phải trở lại cái ao chật hẹp này. Muốn đi cũng mắc bờ rồi. Bây giờ tao mang chúng mày theo thì chưa có ao, vét đem làm mắm thì thương chúng mày quá!

Hai mí mắt ké nheo nheo, rồi cả khuôn mặt ké bùng sáng, ké bỗng nghĩ ra một điều hay lắm. Ké quay lại nhìn bà Năm, bộ râu bẹ móc của ké rung rung. Một lát, ké bảo:

– *Ếm* Năm ạ! Bao nhiêu cây quả vườn tược ta bỏ đi còn chưa tiếc, huống chi là cái ao này, ta để tắt lại thôi!

Bà Năm dùng tay dao, nhìn ké Năm một lúc lâu rồi nói:

– Noi mới chưa giống được gì làm rau, bắt mổ mang theo để ăn không được à!

Ké Năm mắt không rời đàn cá đang bơi, nói:

– Thương hại nó, ta để tắt lại thôi: mai kia chỗ này thành biển, nó tha hồ quấy đuôi từ đây xuống Thác Bà rồi lại lên...

Viết 1963
Chữa lại 1971

Hà Lâm Kỳ (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hà Lâm Kỳ. Các bút danh khác: Vy Hà. Năm sinh: 18-7-1952 tại Văn Chấn, Yên Bái. Quê quán: Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản: Kỷ vật cuối cùng (truyện dài 1991); Chim ri núi (truyện 1992); Xôn xao rừng lá (thơ 1992); Những đứa con lên núi (tập truyện 1994); Gió Mù Căng (tiểu thuyết 1995); Con trai bà chúa Nả (tập truyện 1998).

Giải thưởng văn học: Giải nhì hội đồng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam 1992. Giải nhất văn học của UBND tỉnh Yên Bái 1994. Giải ba văn học của UBND tỉnh Yên Bái 1996

CON MỐC CỦA BÁC LUỒNG

Đoạn gần Lạng Cá, sông Gâm cuộn cuộn chảy, xô âm âm vào những tảng đá hiên ngang chặn giữa dòng làm nước tung bọt trắng xóa. Song điều này không làm nhụt trí con Mốc của bác Luồng. Nó bất chấp tất cả, nhảy ào xuống nước xiết vượt sang bờ bên kia khi có lệnh của chủ. Ở Kẹm, dòng sông lững lờ, có chỗ nước gần như ngừng chảy. Nhiều khách lạ qua đây có cảm giác rờn rợn nơi tóc gáy bởi màu nước xanh thăm thẳm tưởng chừng vực nước không có đáy. Hai bên bờ sông là vách đá loang lỗ, cao sừng sững, ngửa mặt lên nhìn chỉ thấy khoảng trời xanh. Người gan dạ nhất khi qua Kẹm ít nhiều đều liên tưởng đến chuyện ma quỷ, thần bí. Thực ra ở đây cũng đã có nhiều người chết, những xác người không may bị chết trôi cũng thường nổi ở đoạn này. Chính ở Kẹm người dân Pác Mjầu đã nhiều lần bắt được những con cá chiên nặng đến năm, sáu mươi kí. Nhưng ngay cả ở cái nơi đáng sợ với mọi người này, con Mốc vẫn sẵn sàng nhảy xuống nước, rượt đuổi đám rái cá tinh ranh vốn coi sông nước là nhà.

Ở Mông Ân không có ai là không biết tiếng con Mốc của bác Luồng. Từ khi người Kinh ở ngoài phố chợ cho đến người Mông, người Sán Chỉ sống ở lưng chừng núi, người Lô Lô, người Tày tận các bản xa, từ già đến trẻ ai nấy đều đã nghe danh con Mốc...

Một buổi chiều mùa đông, khi mặt trời yếu ớt ngả về tây, Pác Mjầu tan chợ. Các ngả đường mòn từng tốp người với đủ sắc màu áo quần, râm ran trở về nhà. Nhiều anh người Mông mặt đỏ gay gắt, vừa đi vừa thổi khèn, chân đi xiêu vẹo vấp ngã lung tung. Không biết dạ dày của họ đã đựng bao nhiêu rượu, chỉ tội cho những cô vợ trẻ, một bước chẳng dám rời chồng. Có chàng quá chén nằm trên tảng đá cạnh đường, vợ vẫn nhẫn nại giương ô che nắng, trông đến tội nghiệp nhưng cũng thật hạnh phúc. Bác Luồng đang ung dung ngồi câu cá gần bến nước, bỗng bác để ý đến một đôi vợ chồng luống tuổi người Mông. Họ đang cãi nhau. Ông chồng chưa xin¹ hẳn nhưng nghe chùng đã nạp đủ "nước lửa"², nên nói rất to. Bà vợ vừa đi vừa xe sợi lanh, vừa cầu nhàu trách mắng chồng. Thì ra họ cãi nhau chỉ vì một con chó con. Họ gùi ngô, gánh gà và một con chó ra chợ bán. Các thứ khác bán hết từ lâu, nhưng con chó thì không ai hỏi đến, cho dù chỉ một câu. Ông chồng bực mình muốn vút bỏ con chó nhưng bà vợ không cho, bảo rằng đó là việc làm thất đức, trái với đạo lý của người Mông. Lời ra tiếng vào thế mà họ đã đi dọc sông gần chục cây số. Bà vợ hom hem gùi trên lưng nào muối, nào trăm thứ linh tinh mua ở chợ. Ông chồng chỉ xách cái lồng trong nhốt con chó còm nhom, bé nhỏ mà thấy nặng vô cùng. Ông ta bực tức:

- Mày yêu mày quý con chó thì mày đeo lấy.

- Tao không thừa sức, nhưng mày giỏi thì vút con chó coi, giàng không phạt mày thì tao còn chưa tin.

Bà vợ đâu phải loại vừa. Thời con gái thì bà sợ chồng, chứ giờ bà chẳng có gì để mà sợ.

Ông chồng trợn trừng đôi mắt đỏ ngầu vì hơi men, quát lên:

- Mày đồ tao hả, thì đồ này!

Cái lồng gà dùng để nhốt con chó bay vèo xuống sông, chấp chới theo dòng nước. Bác Luồng không kịp bỏ quần áo, lao xuống dòng nước xiết vót nó lên. Bác xách cái lồng, trong đó con chó đang dẫy dụa kêu ăng ẳng về phía chủ của nó. Bác nói:

1. Xin: say rượu

2. Đã nạp đủ "nước lửa": ý nói đã ăn uống no say.

– Sao lại làm thế? Này, đem về nhà đi!

– Không lấy đâu, không lấy! Nhà ta còn xa lắm, tận Nà Kênh. Không lấy! Ông chồng xưa tay lắc đầu quây quây.

Bác Luồng đưa cho bà vợ. Bà ta cũng lắc đầu, nói tiếng Tày giọng lơ lớ:

– Mày lấy đi, thương nó thì lấy mà nuôi, thằng chồng tao vứt nó rồi.

Từ hôm đó con chó gầy gò, lông màu mốc như tro bếp về sống với bác Luồng. Nhờ sự chăm chút của chủ, chú Mốc còm hôm nào ngày càng muột mà, lớn nhanh trông thấy.

Bác Luồng quê tận Thạch An, bác xung phong vào đây tham gia xóa nạn mù chữ. Hai chục năm gắn bó với mảnh đất này bác đã chứng kiến bao cảnh vui buồn. Vâng, một vùng đất trù phú với mấy chục ngàn người của mười dân tộc cùng chung sống, cuộc đời của họ quả còn nhiều vất vả. Đất đai đầy, rừng núi đầy, một huyện mà mệnh mông bằng cả tỉnh miền xuôi, nhưng bao đời nay cái đói nghèo vẫn đeo đuổi những người dân lam lũ ở đây. Đói rách, bệnh tật là bạn đồng hành của đồng bào. Nhiều đứa trẻ nghĩ đến việc học hành cứ xa vời vợi như giấc mơ. Bác Luồng đã từng gặp những hình ảnh dễ khóc, dễ cười. Vào những năm của thập kỉ chín mươi mà có cậu bé hơn chục tuổi đầu nhưng chưa bao giờ nhìn thấy ô tô. Chả là có lần bác tận mắt nhìn thấy một chú bé người Sán Chỉ hoảng hốt nhảy lên vệ đường, khóc nức nở, mặt cắt không còn giọt máu khi gặp ô tô đi đến đầu chợ Pác Mjầu. Đây là lần đầu cậu ta xuống núi. Tất cả chỉ tại nơi này quá xa xôi, hẻo lánh. Bác Luồng cũng chẳng lạ gì cảnh lớp học thiếu từ viên phấn, một cây bút chì thay nhau viết, trong một túp lều lổ nhố học sinh từ lớp một đến lớp bốn. Biết làm sao được, đành phải chấp nhận vậy thôi. Riêng bác thì đã cố gắng hết sức rồi, nhưng những cống hiến của bác phải chăng chỉ là làn gió thoảng nhẹ qua đại ngàn? Cũng bởi thế, ở đây còn biết bao hủ tục lạc hậu. Có người bị đuổi vào hang sống biệt lập với xã hội vì nghi bị hủi, thực ra sau này cán bộ y tế xác nhận chỉ là bị ghẻ, việc chữa khỏi bệnh chẳng khó khăn gì. Cũng vì mù chữ mà tệ mê tín dị đoan gặp ở mọi nơi, mọi chỗ. Nhiều người lấy say rượu, nghiện ngập thuốc phiện làm vui...

Bác Luồng đi đây, đi đó theo sự phân công của ngành và theo tiếng gọi của trái tim mình. Có lần bác dạy học tận bản Vang, cách xa huyện lỵ những tám mươi cây số, quãng đường rừng núi này đâu dễ vượt qua, nên nhận được lương, lấy được gạo ăn còn khó hơn việc phát nương, săn bắt thú dữ. Khi chân đã thấy mỏi, đầu đã hoa râm thì bác dựng một căn nhà đơn sơ ở Lạng Cá, kể sát mái nhà của mấy gia đình người Mông. Bác có thể trở về quê sống cùng vợ con, nhưng núi sông này đã níu bước chân bác ở lại, bác mong muốn nhiều trẻ em biết đọc, biết viết. Niềm vui của bác là dạy học cho những đứa trẻ vốn dĩ đã chịu nhiều thiệt thòi, xong việc bác thông dong câu cá ngoài bờ sông hoặc lênh đênh trên mảng quãng chài kéo lưới. Mà cá ở sông Gâm nhiều thật. Có thể bởi ở đây dân cư thưa thớt, cũng có thể dòng sông nhiều vực sâu, nhiều hang hốc, thức ăn dồi dào nên lắm tôm nhiều cá. Nói đến mỏ tôm Pác Mjầu thì nhiều người biết tiếng. Nước ở mỏ này ấm hơn nơi khác nên đã kéo tôm ngoài sông đến quần tụ sản sinh. Cá ở sông Gâm cũng nhiều chủng loại. Nhiều giống cá quý hiếm, thịt săn, thơm ngon sinh sống trên sông này như cá diêm xanh, cá anh vũ "Pja vài váo", một giống cá sứt môi, sống ở những luồng nước xiết, còn những loại cá to thì sông Gâm chẳng hiếm, như cá chiên, cá sộp. Bác Luồng đã vài lần câu được những con cá sộp nặng hai chục kí, mỗi câu cá là một quả chuối tây hay quả vả. Cá đã mắc câu, nhưng lấy được con cá to như vậy lên bờ sông không đơn giản chút nào, phải vật lộn, lura từng miếng với nó đến ù cả tai, thế mà có khi còn mất. Sau một trận lữ bác Luồng có thể bắt được hàng tạ cá chứ không phải ít. Bắt được nhiều như vậy thì làm sao ăn hết được, khi bác chỉ có một mình và con Mốc? Bắt được nhiều tôm cá bác thường chia cho bà con hàng xóm. Nhiều hơn nữa thì đem ra chợ bán, gửi tiền về quê cho vợ con. Có khi bán cũng không hết, bác ướp mẻ chua để ăn dần. Ai đã từng nếm món cá chua ướp để dành hàng năm ở vùng này thì cả đời vẫn nhớ. Cá ở đây do phải bơi lội ở dòng nước xiết nên thịt rất săn chắc, ướp mẻ hàng năm trời mà thịt vẫn săn, màu hồng trông như cá hộp. Người ta vẫn nói "có cá làm vạ cho com", mà ở con sông này lại sẵn những cá ngon, ít nơi có, nên được thưởng thức bữa cá do bác Luồng thết đãi thì dù có đi đến tận đâu nếm đủ cao lương mỹ vị cũng khó mà quên được. Cá sông Gâm nấu với măng chua hay làm chả nướng thì tuyệt trần.

Con Mốc ngày càng tiến gần đến tuổi cường tráng. Nó vô cùng yêu quý bác Luồng, nó không muốn rời bác dù chỉ nửa bước chân. Cũng như cậu con trai mới lớn nó cũng lắm trò nghịch ngợm, nó tham ăn, hay gây ra những trận ẩu đả nhiều khi không cần sức chút nào với lũ chó cùng xóm hay cả gan dọ sức với cả đàn chó săn bản khác. Những lúc như thế bác Luồng không vừa lòng thường mắng nhiếc nó, đôi khi còn thưởng cho nó mấy roi. Thằng Mốc dường như thấu hiểu thân phận của mình, nó cụp đuôi, đuôi hai chân trước, chống mông lên trời, rên ư ử, mắt nhìn chằm chằm thân chủ tỏ ra ăn năn hối lỗi. Nó đâu có muốn làm như vậy, nó đâu muốn làm cho chủ buồn, nhưng cái dòng máu hoang dã trong người nó cứ nổi dậy, dù thời thơ ấu của nó có những ngày đau khổ nhưng nó vẫn là giống chó săn thượng hạng đã được chất lọc hàng ngàn năm, chỉ có người Mông mới có được những giống chó như vậy. Ngày lại ngày trôi qua, con Mốc ngày càng khôn lớn, nó thích đi chơi hơn. Cho dù nó rất quyến luyến với chủ, nó vẫn thích ăn thêm những thức ăn do người khác cho.

Chàng Mốc không phải loại điển trai nhưng vóc dáng cao lớn, hoạt bát, khỏe mạnh, tai hơi cụp xuống nhưng tinh nhanh đáo để, nhiều cô bạn không ưa bộ lông mốc thếch của nó, nhưng không cưỡng lại được cái tính khảng khái, hào hiệp và đáng đáp hừng dưng của anh chàng Mốc. Bác Luồng không chỉ giỏi dạy chữ cho người, khoản dạy chó bác cũng được coi là người xuất chúng. Bác hiểu rõ những thói quen nòi giống của Mốc. Bác uốn nắn dạy dỗ nó rất kịp thời, đưa nó vào nền nếp của một con chó săn mỗi ở vùng rừng núi. Mốc bắt đầu được theo đàn chó của phường săn tung hoành các ngã, xua đuổi những đàn lợn rừng đến phá nương, bới sắn. So với những con chó bạn khác thiếu ăn, thiếu dạy dỗ, con Mốc hơn hẳn, nên nó dễ dàng trở nên kẻ đầu đàn trong những cuộc rượt đuổi. Ưu thế nữa của Mốc là nó có thể hiểu rõ hiệu lệnh của phường săn bằng tiếng Tây, tiếng Mông và tiếng Dao. Kết thúc một cuộc săn bao giờ người ta cũng dành cho nó phần thưởng xứng đáng. Bác Luồng hài lòng lắm. Bác chỉ cầm một viên sỏi ném về phía con gà cần bắt để thịt, chưa đầy một phút Mốc đã đem giao nộp tận tay. Bác có việc đi vắng dăm ba ngày, dặn Mốc trông nhà, thức ăn là cá ướp mẻ để sẵn ở chum, thì cứ yên tâm mà đi. Chẳng có kẻ gian nào dám bén mảng đến gần. Những con khỉ bạo gan nhất cũng không đủ can

đắm mò vào nhà lục lọi đồ đạc, tìm đồ ăn thức uống. Có lần gã cáo xảo quyết lợi dụng đêm khuya tối trời mò đến chuồng gà, nhưng không thể chạy thoát dù đã gỡ hết các thế võ của họ nhà cáo. Anh Mốc bây giờ đã là một võ sĩ có hạng, nổi tiếng khắp vùng.

Bác Luồng chỉ lo cho con Mốc vì thói say mê của nó. Những loại mãnh thú dữ tợn như hổ báo thì thời nay hiếm gặp. Mà nếu phải đối đầu với những loại này con Mốc cũng thừa khôn ngoan và không dại gì tách xa con người – trong tay ai nấy đều lăm lăm súng. Nhưng với bọn lợn rừng, ngay cả lợn lòi, thì con Mốc hay coi thường. Nó thường lừa lữ lợn từ những vật nương lúa ở lưng chừng núi xuống những cái khe có vũng lầy, tìm cách ngoạm vào chân sau của lợn. Vì mải mê, thiếu cảnh giác nhiều bận nó bị lợn lòi tấn công, trên mình mang đầy thương tích. Bác Luồng lại hay giao cho nó công việc trông nom nương rẫy, nên nhiều trận kịch chiến đã xảy ra. Nhưng bác thường không muốn cho con Mốc dẫn đàn chó săn rượt đuổi những con thú hiền lành, vô tội.

Nếu chỉ ngần ấy tài cán và công trạng thì nhiều con chó khác cũng có thể làm được, có khi còn nổi trội hơn. Nhưng thành tích của con Mốc đâu chỉ có vậy.

Một buổi chiều khi những tia nắng cuối cùng trong ngày cũng tìm cách ẩn nấp sau những ngọn núi đá, con Mốc đang mải mê công việc đuổi lữ khỉ ra khỏi bãi ngô nhà nó. Sáng sớm khi mặt trời vừa mọc nó đã đuổi lữ khỉ một trận nhưng buổi chiều chúng lại kéo đến. Những hạt ngô non ngậm sữa làm lữ khỉ thèm thuồng. Những tiếng sữa "ốp, ốp, ốp..." đông đặc, đầy uy lực không làm cho lữ khỉ sợ hãi, chúng vẫn sà xuống bãi ngô bẻ bắp, vừa nhai, vừa vội vàng nhét những hạt ngô vào hai cái túi tham lam bên má! Đã thế mấy con khỉ đực còn chống hông, kêu "khẹo khéo" cười nhả nhổ trên gheo. Mốc tức tưởng muốn diên lên nhưng khi lao vào gần thì cả đàn cháu bao đời của Ngộ Không đã nhảy tót lên những ngọn cây. Chỉ cần con khỉ đầu đàn ngồi trên một móm đá cất tiếng báo hiệu là lữ khỉ cả già lẫn trẻ đã an toàn tránh được những cú tát chết người của con Mốc.

Con Mốc hậm hực trước lữ khỉ. Chà, giá mà nó leo trèo cây được như con gấu nhĩ, hoặc giả như nó biết săn bắn bằng súng như con người thì lữ khỉ kia sẽ biết tay nó. Cuối cùng nó biết rằng tất

cả tội lỗi là bởi cái con khỉ đột già cỗi chết tiệt ngồi trên mỏm đá bày ra. Con Mốc tính toán, rồi nó vọt chạy về phía sông, vừa đi vừa sửa "ốp, ốp, ốp" giả đồ như đang mãi đuổi theo con thú nào khác, rồi xa đàn khỉ. Thế rồi nó lặng lẽ đi vòng trở lại, nó tiến dần về phía mỏm đá từ phía đằng sau. Con khỉ già mắt vẫn dăm dăm nhìn về phía cái lán tranh ở đầu nương, khoải chí nhìn đám quân cơ của mình vật ngồ của người. Con Mốc bò nhích dần đến sau lưng mà nó không hay biết gì, vẫn giơ cái tay cẩu bản ra sau lưng gãi đám lông sồn sột. Bập! Hai hàm khỏe đầy răng của con Mốc cắn vào bàn tay lông lá của lão khỉ, khiến nó kêu thất thanh, thả mình rơi xuống đất như quả bưởi rụng. Con Mốc định nhảy xuống theo, nhưng nhìn xuống hun hút, hoa cả mắt, thấy sợ lại thôi. Dưới đó, lão khỉ lồm cồm bò dậy leo vọt lên cây, cả đàn con cháu của Tề Thiên Đại Thánh chạy táo tác. "Ốp, ốp, ốp" con Mốc chạy vòng xuống bãi ngô, nó đuổi theo bầy khỉ, nó quá tức giận, vì lo rằng chuyến này bác Luồng lại trách mắng nó. Nó lao vào rừng đuổi theo lũ phá hoại. Nhưng góm, giò đã bị thương song con đầu đàn vẫn chạy nhanh thế. Mốc cứ lao qua những tảng đá, những bụi gai, đi mãi vào tít rừng sâu. Khi bóng chiều chập choạng thì đàn khỉ rời xa khoảng cách với con Mốc. Đã thấm mệt bụng lại đói meo, con Mốc tìm đường về nhà. Đang lượn lách qua những mỏm đá, con Mốc bỗng ngẩng cao đầu, đôi tai cụp khê động dấy. Có tiếng gì là lạ, như tiếng người rên tặn nơi nào xa lắm. Con Mốc cúi xuống đánh hơi, nó tiến dần đến một bụi cây thận trọng nghe ngóng, hít hít không khí; nó lần vào bụi, giật mình lùi lại. Một miệng hang! Tí nữa nó lộn cổ xuống. Con Mốc kêu ư ử, rồi lại sửa văng lên, vòng đi vòng lại quanh bụi cây. Sau, nó cắn đầu cắn cổ vừa chạy vừa kêu "ốp, ốp"... như đang đuổi con mồi. Chạng vạng tối nó về đến nhà. Mốc lằng xằng chạy quanh chân bác Luồng, chân run rẩy lấy bầy, đuôi quăn quýt vẩy liên hồi, nhưng đôi mắt tỏ ra lo lắng, rồi giờ mồm lên trời sửa. Bác Luồng vuốt vào gáy nó hỏi:

- Có việc gì thế Mốc, chắc lại cắn bị thương con thú nào chứ gì? Nó vẫn sửa.

Bác Luồng lại nói với nó:

- Trời sắp tối rồi, có gì thì mai hẵng hay.

Nhưng nó không chịu, càng tỏ ra cuống quýt. Bác Luồng lại hỏi:

– Có việc gì mà cuống lên thế hả Mốc?

Nó nhảy tót lên giường bác Luồng, ngoạm lấy cái đèn pin để cạnh cái chăn sui, chạy về phía chủ. Bác Luồng cầm lấy, cảm thấy điều gì chẳng lành. Con Mốc lại chạy về phía khẩu súng kíp treo trên vách nứa, sữa văng lên. Bác Luồng vội chộp lấy khẩu súng, với tay lấy cái túi da nai, lấy thuốc nạp vào súng, đeo túi, đeo dao và sang nhà anh Thào A Sênh, rủ thêm mấy thanh niên cùng xóm theo con Mốc đi vào rừng. Con Mốc băng băng chạy dẫn đường, chưa bao giờ bác Luồng thấy nó sốt sắng đến vậy. Đến nơi, con Mốc sữa văng, nó đi vòng lại quanh bụi cây. Bác Luồng cẩn thận chiếu đèn pin. A Sênh lăm lăm mũi súng nhằm phía bụi rậm. Chẳng thấy động tĩnh gì. Bác Luồng vạch đám cỏ cây thì phát hiện miệng một cái rù răng (hang đá thẳng đứng).

Bác quay sang mọi người nói:

– Có thể dưới hang có cái gì đó, vàng bạc chôn cất chẳng hạn, bây giờ tối, nguy hiểm lắm, về nhà thôi mai tính sau.

Mọi người quay về, con Mốc vẫn sữa văng, cuống quýt, vẻ cầu khẩn. Bác Luồng không đoán được nó muốn gì, bác quát con Mốc:

– Biết rồi! Về đi, góm mai, hăng hay!

Con Mốc buồn bã giương cặp mắt nhìn chủ, lăm lũi đi sau mọi người về bản. Đến gần con suối thì gặp một đám người đang đốt lửa ngồi sưởi. Thì ra là dân Bản Nà. Hỏi han họ thì được biết là ở Bản Nà có chị Phìn đi vào rừng tìm cây thuốc về chữa bệnh cho con từ sáng hôm qua đến giờ chưa thấy về, mọi người tỏa đi tìm nhưng không thấy. Một số người nghi chị bị thú dữ bắt, nhưng chẳng thấy dấu vết đâu, mà nếu có thú dữ thì nó thường bắt lợn, trâu bò chứ mấy khi dám tấn công người. Con Mốc lại sữa ầm lên, nó lại ròi rít, rên ư ử. Bác Luồng phẩy tay:

– Trời, có thể đúng rồi, quay lại mau!

Mấy người Bản Nà ngạc nhiên hỏi:

– Cái gì, đúng cái gì, quay đi đâu?

– *Cái rù răng*, con Mốc dẫn chúng tôi đến cái *rù răng* ở Đông Nua, nó sữa, đẩy nó sữa đẩy, đúng rồi, cô Phìn chắc là rơi xuống *rù răng*.

Rồi bác phân công A Sênh và mấy thanh niên Lạng Cá, Bản Nà cùng con Mốc đi vào Đông Nưa tìm nhiều củ khô để sấy. Bác Luồng cùng mấy người nữa về Bản Nà lấy thêm đèn pin, duốc nhựa trám, lấy vải chàm, đem theo cái nồi trề con, thông báo với bà con dân bản, gọi những người khỏe mạnh đi giúp sức. Khi bác Luồng đến nơi thì đồng lửa to đã được đốt lên. Con Mốc ngồi gần đây thành thoi, há mồm thở ra những làn hơi như khói thuốc, cái lưỡi to, mỏng, màu hồng thè ra ngoài, nhỏ những giọt nước miếng¹. Chắc là nó đói. Một số người thỉnh tai khẳng định trong lúc phát cây ở miệng hang có nghe thấy tiếng kêu rên. Bác Luồng cho đốt duốc nhựa trám, rồi lấy những súc vải chàm ra, nối với nhau. Sau đó bác nói:

– Nào bây giờ cần một người xuống hang, ai xung phong?

Đám người lặng như tờ, nghe cả tiếng lửa reo lặt phật. Một thanh niên Bản Nà còn thấp hương nghi ngút, lăm bắm khăn vải, cầm dưới gốc cây.

– Ai xuống đầu tiên nào? Không ai xuống à?

Con Mốc nhồm dấy, nó cọ bộ lông mượt vào chân bác Luồng, không biết có phải nó muốn xung phong xuống hang không? Con Mốc thừa biết dưới đây có cái gì. Bác Luồng lại nói:

– Không ai xuống thì tôi xuống, bao nhiêu trai tráng mà cũng sợ.

– Tao không sợ, để tao xuống.

Mọi người đổ dồn nhìn người nói, ra là A Sênh.

– Tao sẽ xuống *rừ rằng* nhưng cho tao đem theo súng và đem theo con chó của bác Luồng.

Mọi người cười rồ lên, Bác Luồng cũng phải mỉm cười:

– Súng thì đem được, nhưng con Mốc làm thế nào đem theo, mày còn phải một tay cầm duốc nữa đấy.

– Được mà, tao đeo *lù cối*² sau lưng, cho con chó vào đó. A Sênh nói.

1. *Nước miếng*: nước bọt

2. *Lù cối*: một loại giỏ lớn, đeo sau lưng.

Tám vải chàm khổ rộng gần thước được buộc ngang người A Sênh, thận trọng hơn, bác Luồng còn cho ròng xuống hang thêm một sợi dây "thau đeng" đã được vện nát, để phòng dây vải bị đứt. Bác Luồng dẫn dò A Sênh và mọi người ở trên những việc phải làm. Thào A Sênh đem thêm con dao nhọn được đựng trong cái bao bằng gỗ chạm trổ cầu kì, đeo cái *lù cỏi* sau lưng, cổ khoác đèn pin và khẩu súng kíp, tay cầm đuốc. A Sênh ngồi xuống nói nhỏ cái gì đó bằng tiếng Mông, con Mốc nhảy tọt vào *lù cỏi*. Đoạn A Sênh quay sang bác Luồng:

– Mày bảo chúng nó đừng thả dây cho tao chết đấy. Lúc tao hét to, giật dây thì kéo lên ngay đấy.

Nói rồi đi đến miệng rù ràng tụt xuống. Mọi người hò nhau thả từng ít một tám vải, rồi nối thêm từng tấm một. A Sênh một tay túm tám vải đã xoắn lại to bằng cổ tay, chân đạp vách hang tụt dần xuống. Cách mặt đất khoảng ba, bốn sải tay thì chân chạm vào lá mục và đất đá ở sàn hang. Không thấy người đâu. Ngoái cổ nhìn thì ra đấy chỉ là một tầng, tụt xuống tiếp hang rộng hơn, xuống thêm khoảng mười sải tay chân A Sênh chạm phải cát mịn mịn. Kia rồi, chị Phìn nằm trên cát bất động, thở thoi thóp, máu chảy ra từ mũi và tai, may quá, hang thông xuống một dòng suối ngầm cạn nước, nên chị Phìn vẫn sống. A Sênh ngồi xuống, con Mốc ra khỏi *lù cỏi*, nó sủa vang "gâu, gâu, gâu". A Sênh cởi dây vải, bước lại lay chị Phìn, chị chỉ rên khê. Con Mốc mừng rồi rít, nó liếm mặt chị Phìn, nó ngửi khắp người chị, nó vẫy đuôi, liếm vào chân A Sênh, nó lại sủa vang. A Sênh ngửa cổ hét lên:

– Thấy rồi, nó còn sống!

Rồi anh giật dây vải ba lần. Tám vải được kéo lên. Họ thả xuống một cái nôi. A Sênh buộc dây vải vào cái nôi kĩ càng, bế chị Phìn đặt vào đấy, rồi hét tướng lên:

– Kéo đi, xoong rồi!

Chị Phìn được kéo lên. Mọi người lại thả nôi xuống, A Sênh cởi bỏ nôi ra, buộc vào đầu sợi "thau đeng", quăng khẩu súng kíp, con dao và cả cái đèn pin vào đấy. Sau đó đeo *lù cỏi* ngồi xuống, bảo con Mốc nhảy vào, buộc dây ngang người, ra hiệu kéo lên mặt đất.

Bác Luồng hỏi:

– Súng đâu, dao đâu?

– Tao rút rồi, cả cái đèn pin của mày nữa. A Sênh đáp.

– Xuống lấy đi, cả cái nôi nữa, mày xuống lấy đi, tôi không có tiền mua súng đầu, mà không có nôi thì không khênh chị Phìn về được. Bác Luồng nói.

– Cho thằng khác xuống lấy, tao sợ lắm à. A Sênh nhăm nhắng nói.

Bác Luồng quay sang nhờ một số người xuống hang lấy các thứ, nhưng chẳng ai dám nhận lời. A Sênh rút súng thật rồi, người Mông không thích nói dối. Bác cầu nhàu: "Không ai xuống thì tôi xuống vậy".

A Sênh vội ngăn:

– Ối, ối không xuống đâu, mày cái tuổi nhiều rồi à. Để tao lấy cho.

Anh ta kéo sợi dây "thau deng" dưới hang lên. Bác Luồng vừa tức, vừa không nhìn được cười. Khỉ gió, cái thằng hôm nay lại biết đùa kia đấy, bác nghĩ bụng.

Chị Phìn được khênh về bản, con Mốc lại xăng xái chạy dẫn đường. Bụng lép kẹp nhưng nó rất vui.

Nửa tháng sau chị Phìn đã khỏe mạnh. Mật gấu, thuốc nam, tình cảm của bà con các dân tộc giúp chị thoát được lưỡi hái tử thần. Chị không quên bất kì người nào, chị đến tận nhà cảm ơn như tục lệ. Riêng với con Mốc thì chị chẳng biết bày tỏ những gì với nó. Rượu thì Mốc không biết uống, thịt cá Mốc chẳng thiếu gì, tiền thì Mốc lại càng xa lạ. Cuối cùng chị nghĩ, tốt nhất là đem đến một con chó cái to để làm bạn với Mốc, chị tin là món quà sẽ làm Mốc vừa lòng.

Địch Ngọc Lâm (dân tộc Nùng) tên khai sinh: Địch Ngọc Lâm. Năm sinh: 22-6-1937 Yên Bình - Yên Bái. Quê quán: Yên Bái

Tác phẩm đã xuất bản: Quê mình (thơ 1994), Mùa sim (thơ 1996), Ngôi đình Bản Chang (tiểu thuyết 1999)

Giải thưởng văn học: Giải thưởng Văn học nghệ thuật Yên Bái 1999. Giải thưởng của Hội đồng dân tộc của Quốc hội 1999

NGÔI ĐÌNH BẢN CHANG

(Tiểu thuyết lịch sử)

Một ngôi đình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có các dân tộc Nùng, Tày, Dao, Kinh thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo làm Thành hoàng và cụ Nhật Tắc làm nhị đẳng thần. Nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh ấy sau trở thành địa điểm khai hội bí mật của cán bộ Việt minh, nơi chúng kiến phong trào quần chúng đứng lên lật đổ chế độ cũ giành chính quyền về tay nhân dân rồi tiến hành kháng chiến chống phát xít Nhật, đế quốc Pháp, Mỹ và xây dựng cơ sở vật chất chủ nghĩa xã hội. Các tầng lớp nhân dân từ thiếu niên đến phụ lão đoàn kết phấn đấu, chấp nhận gian khổ hy sinh theo Đảng từ khi mới khởi đầu cách mạng, thông qua các nhân vật chính, nhân vật phản diện mỗi người một tính cách riêng, nhưng kết cục cái thiện phải thắng cái ác. Tiểu thuyết viết theo lối kể chuyện đượm chất dân dã, có đưa vào một số nét văn hóa Sli, khắp cọi, và phong tục tập quán để người dân tộc thiểu số dễ tiếp thu và hấp dẫn.

Sau đây là một đoạn trích.

*

... Sau chiến thắng lớn Thu Đông ở Tuyên Quang trên chủ trương phải tuyên truyền mạnh mẽ, sâu rộng chủ trương, đường lối "trường kỳ kháng chiến" của Đảng và khuếch trương thành quả của cách mạng, đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Cần lập các đội thanh, thiếu niên tuyên truyền xung phong. Tuyển chọn từ con

em cán bộ, đảng viên cơ sở lên vừa dạy cho học chữ, vừa dạy hát múa, đóng kịch, đi lưu động. Thực hiện nhiệm vụ đó cũng là một cách góp phần đào tạo người cho kháng chiến, cho đoàn thể về lâu dài.

Tỉnh cử anh Nguyễn Đình Đức, em trai nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc cùng anh Cao Cường về Yên Phú để tuyển. Được phổ biến như vậy, bao nhiêu người phấn khởi, mong muốn. Nhưng lại lấy tuổi từ mười ba đến mười bảy. Còn bé thế làm sao chúng nó đi được. Ban chỉ ủy bàn nhau mãi:

– Trẻ em từ mười ba mười bốn tuổi có mà khóc suốt ngày chẳng có người dỗ nổi.

– Cũng không dễ đâu. Tiêu chuẩn là con em cán bộ xã, con em đảng viên Đảng Cộng sản cơ đấy.

– Thế thì khó lắm. Cả xã mới có một chi bộ, có bao nhiêu đảng viên đâu. Một số đồng chí còn chưa lấy chồng lấy vợ làm sao mà có năm con em đảng viên đi nhỉ?

Bàn đi bàn lại, không có đủ được năm em thì chỉ ủy và cán bộ tỉnh cũng thống nhất chọn được bốn, dự kiến là các em:

Vy Văn Ngô, con đồng chí Vy Đình Như;

Ngật Long, con đồng chí Ngọc Kinh;

Hoàng Ngọc Lưu, cháu đồng chí Hoàng Đô Hội;

Hoàng Văn Kinh, con Hoàng Ái Lục.

Bố mẹ các em lo lắng chúng còn nhỏ bé, trong số này ngoài em Ngô mười sáu tuổi ra, ba cháu kia mới mười ba, mười bốn. Nhưng được cái trông thành nào cũng to khỏe, đều lớn vượt lên trước tuổi và đã nói thạo tiếng phổ thông (Kinh), nên gia đình bằng lòng cho đi cả. Chỉ có trường hợp Ngật Long, anh nó mới đi vệ quốc, lại đưa tiếp em này đi nữa, nhà vắng con trai. Cô Thâm đang làm trưởng ban vận động phụ nữ, như thế nhà cũng neo đơn.

Đô Hội, phó chủ tịch xã tham gia:

– Đồng chí Kinh thì không bao giờ từ chối rồi, còn chị ấy thì... cứ thử xem, để tôi đến nói chuyện.

Đô Hội đến đặt vấn đề. Cả nhà Sọc Chương đều vui vẻ, bằng lòng. Bản thân Ngật Long thì khỏi phải nói, cứ nhẩy câng câng như con chích chòe non được mẹ cho ra tổ để tập bay, tập chuyển cành.

Tuy hớn hờ, thích thú, nhưng hôm sau Long lại thấy có nỗi buồn khi nghĩ tới bạn bè. Nhớ những ngày vui sống trong bản, bạn trai có, gái có, thân nhau từ lúc để chỏm, cùng chăn trâu, leo lên chiếc cầu tre bắc qua suối trần truồng nhảy xuống tắm, té nước vào nhau. Lấy lá cây bọc vào một hòn đá lặn giấu dưới cát, làm trò chơi "tìm trứng ba ba". Có lúc đánh vật nhau, khóc giận đối nhau, lại làm lành với nhau chóng vánh...

Cổ chằm may như lông con nhím cắm đầy quần áo, chẳng sót thớ vải nào, nhằm quá cùng nhau ngồi nhặt hàng giờ, nhất là bọn con gái mới tốt bụng, chịu khó làm sao...

Cách ngày lên đường hai hôm, một người bạn gái dè dặt đến cổng nhà Ngật Long, tần ngần mãi... rồi cất tiếng gọi:

– Lùng Thâm à, Pả Thâm à¹! Cho Long đi với cháu chơi nhé.

Con chó nghe thấy tiếng người gọi, sủa ầm ĩ, xô ra. Nhưng cô gái đã chủ động trèo ngay lên giàn nhót, không tỏ ra sợ hãi lại còn cười khúc khích.

– Ai đấy? Quýt vào bãi ngay.

Con quýt nghe lời chủ, ve vẩy đuôi chạy vào dưới chân bà Chương, vòn vòn rồi nó lại nhìn ra phía cô gái đang bước đến gần nhưng với vẻ thân thiện, dường như nó đã nhận ra người quen...

– À, cháu Máy, một mình cháu thôi à?

– Vâng, cháu đến một mình ạ!

– May đấy, cháu trèo được lên cây không nó cắn thì khổ.

– Cháu đã biết tính con quýt rồi, nó chẳng cắn cháu đâu, hí, hí, hí... Nó vẫn theo anh Long đi chăn trâu cùng bọn cháu hàng ngày ấy mà. Pả ơi! Ngật Long có nhà không ạ?

– Có đấy, nhưng nó đi giặt quần áo ở ngoài suối ấy, tý về bây giờ ấy mà. Cháu lên nhà chờ nó. Chắc cháu đến thăm Long sắp đi thoát ly?

– Anh ấy có đi thật không Pả?

– Có khi đi thật đấy.

1. Tên ông bà Chương, khi có con vùng dân tộc hay gọi theo tên con cả của họ thay cho tên "cúng cơm"

Máy hơi bẽn lẽn và xấu hổ, trong lòng đượm buồn, khuôn mặt tròn trịa thoáng ửng hồng... Thôi pả ạ, thế cháu ra suối gặp Long cũng được.

– Ủ, vậy tí nữa về nhà pả nhé!

– Vâng ạ.

Máy quay ra, đi theo lối xuống suối, cô mặc bộ quần áo chàm mới, còn phảng phất hương chàm, đầu đội khăn chàm có góc chéo màu hoa đào, thắt lưng xanh có cả chùm xà tích bạc. Cô gái mười bốn tuổi mọi hôm trông thật trẻ con, hôm nay ra dáng một cô gái dậy thì, ngay ngắn.

– Ngật Long!

Long đang hí húi vò cái áo dưới suối, đứng dậy, thẳng người ngoái lại:

– Ôi! Máy đấy à? Đi cùng với ai đấy?

– Thế Long nghĩ Máy không dám đi một mình à? – Vừa nói Máy vừa vén váy quá gối lội đến bên Long.

– Giặt gì đấy? Con trai mà khéo thế. Xem nào – Vừa nói Máy vừa cầm lấy tấm áo từ tay Long, cái áo cổ vuông, cộc tay, có vẻ còn mới, đượm màu trắng tinh khiết.

– Chưa sạch đâu á! Để Máy giặt cho. Đáng lẽ việc này là của con gái.

Long để cho Máy giăng nhẹ lấy áo vò lại, còn mình thì đứng ngấm hai cổ tay tròn của Máy thoăn thoắt vò giũ. Đôi bắp chân Máy ở dưới nước như ngấn lại, nhưng tròn, đẹp và trắng ra nhiều...

– Xong rồi đấy, còn cái nào nữa không?

– Có mỗi một cái phải giặt thôi mà, mé giặt hết cho Long rồi. Máy thở dài:

– Thế rồi Long đi xa, lấy ai giặt cho... Thôi ta lên bờ đi. – Máy vừa lấy bàn tay ướt vuốt vuốt lên đường ngôi tóc vừa rủ Long.

– Ủ.

Long lên bờ trước, Máy vẫn cầm cái áo đến gần bờ, Long đưa tay xuống cho Máy nắm thật chặt, kéo lên.

– Làm thế có ai trông thấy, họ cười cho thì chết.

Máy bỗng bèn lên nói thì thầm.

Lên bờ, Long cầm lấy áo, phơi luôn lên cành cây rồi rủ:

– Ngồi đây nói chuyện tí đã Máy ạ.

Hai người bẻ lá cây lót, rồi cùng ngồi bên nhau, thản nhiên như những ngày cùng chăn trâu vậy.

Ngật Long lại hỏi:

– Thế Máy vào đây một mình thật à?

– Chẳng một mình thì còn ai? Long tưởng "người ta" còn "trẻ con" lắm đấy. Đi đâu phải có người dắt chắc.

– Mọi khi rủ đi đâu cũng xấu hổ cứ bảo "chịu thôi".

– Mọi hôm khác, hôm nay khác. Vì biết tin Long sắp đi xa. Hôm qua chúng nó cứ rủ Máy đến chơi thăm Long. Nhưng "bạn" nên hôm nay mới đến. Thế Long không thích Máy đến một mình à?

– Càng tốt chứ sao!

– Thôi, ta về nhà đi. Máy nói với mẹ Long là một tý quay lại nhà chơi mà.

– Thông thả, cứ ngồi đây cũng được.

– Xấu hổ lắm! Ai lại hai người trai gái ngồi đây mà nói chuyện, chẳng phải chăn trâu, không phải gặt lúa.

– Ôi, chúng mình là trẻ con. Ai để ý chê cười mà xấu hổ.

Máy liếc mắt rất nhanh nhìn Long:

– Long thì lúc nào cũng nghĩ mình còn trẻ con mãi. Trẻ con mà lại đi thoát ly được đấy!

Hai đứa ngồi sát bên nhau như lúc chơi ô, chỉ khác là không có người thứ ba, thứ tư...

– Thế Long đi thoát ly thật đấy à?

– Thật đấy, họ về lấy tên rồi mà.

– Bao giờ đi?

– Vài ngày nữa, có người đến đón. Ông Hội, phó chủ tịch xã bảo thế.

– Thế đi không nhớ bạn bè, nhớ hội đánh ô, chăn trâu với nhau à?

– Nhớ chứ. Nhưng con trai thì phải đi đây, đi đó mà học hành chứ. Thế Long đi liệu Má có nhớ "bọn mình" không?

– Không biết, khó nói lắm – Má vừa trả lời, các ngón tay cứ bút bút các ngón cỏ ở trước mặt vút nhẹ về phía Long, mắt chớp chớp như có bụi bay vào...

– Sao lại khó nói, hai đứa mình cùng tuổi nhau, lại không nói giống nhau được hay sao?

– Chẳng biết bụng có nghĩ giống nhau không?

– Thì Má cứ nói cái nghĩ trong bụng của mình ra trước xem sao nào?

Má nhìn theo dòng suối, nước trong xanh đang chảy. Cô nghĩ không biết dòng suối chảy về đâu. Liệu nó có gặp nhau với con suối nào nữa không, hay chỉ một mình nó chảy mãi ra sông, ra biển... rồi giọng nhẹ nhàng, buồn:

– Má sẽ nhớ Long lắm đấy, cả đêm qua không ngủ ngon đâu, từ nay chẳng được nhật cỏ chăm may cho Long nữa... Long đi một thời gian rồi về nhé. Long đi Má chẳng có gì cho Long để ghi nhớ. Má gửi Long cái này để dùng hàng ngày.

Má lấy ở trong bao lung xanh ra một cái lược nhỏ bằng sừng trâu trắng đưa tặng Long.

Long bất ngờ và rất cảm động:

– Ôi! Để Má còn chải.

– Không. Má có một cái lược đen to nữa. Lược này là tiền bán thóc của Má đi vò lại rom của người lớn. Má gửi mẹ đi mua bên chợ Ngọc sáng qua. Nhớ, đừng "đánh rơi", Má buồn lắm đấy!

–Ừ, Long sẽ giữ mãi mãi bên mình.

– Thôi, ngồi lâu người ta cười cho. Má về đây, không lên nhà Long nữa nhé. Rồi đây thỉnh thoảng Má sẽ vào thăm lòng pả.

Cả hai đứng dậy, nhìn nhau hồi lâu mà chẳng nói thêm được điều gì. Đôi trai gái vừa còn là trẻ con vừa ngập ngừng bước vào thêm bậc thang người lớn...

Chẳng có người đến đón, nhưng có giao thông cầm công văn đến xã ghi đúng tên bốn em, ngày mười chín tháng tám có mặt ở Ty thông tin tỉnh Tuyên Quang, cụ thể là bên Ghềnh Quýt, Trảng Đà để nhập đội.

– Thế này thì khó lắm đây. Làm sao mà mấy đứa trẻ con tự đi được nhỉ. Ông Đô Hội phải họp cả cha mẹ và bốn cháu lại bàn.

– Chúng cháu khắc đi được mà. Cứ hỏi thăm dân mà đi. Nhất định chúng cháu sẽ đến – Cả bốn đứa đều quyết tâm, nói chắc như chúng đóng cọc để buộc trâu ấy. Các bậc cha mẹ đành để cho chúng quyết định.

Ông Hội vẽ cho một cái sơ đồ đường đi Tuyên Quang, đánh dấu đỏ đỏ xanh xanh, nào phải qua Phủ Bình rồi sang đồ Hiện, qua Cầu Chả... rồi đến đâu thì nên nghỉ...

Ngày lên đường, đích thân ông Phó Chủ tịch xã và cha mẹ các cháu đưa tiễn đến tận bến đò Tích Cốc sang Vật Lắm đã gần hết một buổi sáng. Họ nhắm tính nếu cứ đà này thì phải mất hai ngày rưỡi đến ba ngày mới đến thị Xã Tuyên Quang.

Bến đò, bên kia là đồn điền Vật Lắm, bên này là bãi phù sa Soi Bầu xã Tích Trung. Những cây ngô đang độ vào hạt trong bẹ bắp, đứng thành hàng như những người mẹ bồng con không muốn rời. Gió từ sông Chảy thổi lên qua luống bắp làm hàng ngô rung rung... Bên kia, nhà thờ Vật Lắm sừng sững trắng toát trên một ngọn đồi. Các em chưa trông thấy bao giờ, hỏi cha mẹ:

– Bên kia là cái đình hay nhà quan gì hả bố?

– Nhà thờ đạo, họ làm to thế đấy. Cũng như ở làng mình có ngôi đình, nhưng tuần nào người ta cũng vào lễ, cầu kinh...

Đò đã vào bến. Bây giờ thì chỉ còn bốn đứa trẻ con xuống thuyền với bốn cái túi dết làm hành trang, trong đó có bộ quần áo, cái chăn chiên cũ, có vuông vải bông dết làm khăn mặt và một lô bánh bò nếp để ăn đường.

Bốn đứa trẻ con là hy vọng, là nắm ruột của cha mẹ chúng và của cả xã, mà người đại diện là ông Phó chủ tịch. Nên họ dặn dò những điều gì đó rất kỹ càng và khá lâu trước khi con thuyền rời bến.

Mấy bà mẹ nhớ thương con quá, sụt sịt nước mắt. Các ông bố thì bảo:

– Con đi xa không được khóc. Kiêng! mấy bà vội vàng lấy vạt áo lau, mắt vẫn đỏ hoe nhìn con thuyền nan và những đứa con "còn bé bỏng" in bóng xuống dòng sông dập dềnh, nhích dần sang phía bên bờ xa. Và cứ đứng như thế họ vẫy tay cho đến lúc các con khuất hẳn, đi vào con đường lớn...

Mã A Lệnh (dân tộc Mông) tên khai sinh: Mã A Lệnh. Các bút danh khác: Thạch Mã, Linh Lâm. Năm sinh: 10-3-1943 Trung Chải, Sa Pa, Lào Cai. Quê quán: Lào Cai

Tác phẩm đã xuất bản: Cột mốc giữa lòng sông (Truyện ký 1984); Cao nguyên trắng (ký 1992); Bên suối Nậm Mo (thơ 1995)

Giải thưởng văn học: Giải thưởng Văn học của Ủy Ban toàn quốc các Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải A truyện ngắn báo Thiếu niên Tiền phong và Nhà xuất bản Kim Đồng.

CON CÁO

Thằng Hồ, em tôi dắt con chó về, trông quá xấu xí. Hai anh em tôi vặc nhau một trận, vì nó phải bỏ ra những năm nghìn – số tiền hôm mua lũ, nó khiêng xe máy qua suối cho khách qua đường – để rước một con chó nhỏ nhem, bẩn cả mắt. Em tôi vốn ít nói. Nó thui một quả vào ngực tôi. Tôi đành chịu thua vì cái nắm đấm xinh xinh của nó.

– Rồi xem! Nòi chó săn đấy! – Nó giờ nắm đấm đe dọa tôi.

Nó tên là Cáo.

Cáo lớn dần trong sự chăm bẵm, chiều chuộng của em tôi. Đi học trường làng, đi chăn trâu, lấy củi, em tôi đều rủ Cáo đi cùng. Có những lần, về đến nhà, Cáo ướt hết.

– Nó tập săn à, Hồ?

– Nó săn cá đấy!

Chó mà săn cá? Tôi không thể tin được!

Tôi tuổi mười ba, nhưng đã là người lớn. Người lớn thì không nên quan tâm nhiều đến những trò chơi của trẻ con. Người lớn có khối việc phải lo toan.

Một lần, anh em tôi đi lừa trâu ngựa. Tôi còn vội đi xuống suối kiếm giỏ cá về cho bữa chiều, nên giục em về ngay. Không thấy con Cáo đâu. Thằng Hồ bồn chồn. Nhưng nó không dám cãi tôi.

Tôi nhọ mặt. Tôi đi chài cá về, thấy trong nhà vui như hội.

Vừa mở cửa vào nhà, mắt đang lóa vì ánh lửa, thì thằng Hồ thúi ngay một quả vào ngực tôi:

– Bây giờ thì anh phải công nhận Cáo là nòi chó săn rồi nhá?

– Nó săn được gì?

– Một con chồn ăn quả! Nó tự vác về nhà đấy!.

Rừng đang mùa quả chín, nên thịt chồn vừa béo, vừa thơm. Nếu không phải mùa quả, thịt chồn phải sấy khô, băm nhỏ, nấu với hoa chuối rừng mới ăn được. Khi làm thịt, thằng Hồ đã kịp vạt vài sợi râu chồn, miết bằng chính máu con vật vào cột nhà, để ghi nhớ chiến công của Cáo. Cáo ta thật khoái chí. Trong bữa ăn, "nàng" lẳng xẳng cọ đầu vào chân người này, vỗ vỗ vào đầu gối người kia, mặc dù chính tôi đã thay mặt em tôi, thưởng cho "nàng" đủ miếng lòng, miếng gan, miếng thịt, và cả chỗ xương còn lại.

Từ đó thì thoảng "nàng" Cáo của chúng tôi khi thì mang về một con dúi, con chuột đồng. Không biết thằng em tôi có để ý hay không, nó còn trẻ con ấy mà. Tôi thì tôi biết con Cáo không bao giờ đùa với cua, rắn, lươn... Nó coi khinh!

Mùa ngô năm ấy, ngô thật tốt. Bố con tôi đi thăm nương về. Con Cáo đón chúng tôi giữa dốc. Nó quấn vào chân tôi, rít lên khe khẽ. "Có thú đây!" – Tôi thầm nghĩ. "Nàng" Cáo ngoạm gấu quần, lôi tôi đi.

Quả nhiên, chúng tôi nhìn thấy một con lợn rừng to bằng cái thổng (ghép bằng bốn tám ván gỗ rộng để đập lúa và đựng thóc) đang nằm chênh ềnh giữa bụi cỏ, cho đàn con đông nhưng nhúc bủ.

Tôi hạ khẩu súng kíp xuống, nhắm thẳng, có bệ tì hẵn hoi, bắn.

Pạch xì...! Súng không nổ.

Lợn mẹ vùng dậy, ngơ ngác. Nó dỏng tai lên nghe ngóng. Giây phút sau, đàn lợn biến ngay vào rừng vầu.

Tôi đã kịp nhồi mồi thuốc mới. Con lợn con, út ít, tôi đoán thế, cứ cố nhào lên, nhưng vẫn bị tụt lại đằng sau. Tôi nhắm bắn, nhưng... không nổ... bóp cò.

Con Cáo giương mắt nhìn tôi chằm chằm. Rồi nó cúi đầu xuống, lẳng lặng đi trước chúng tôi. Chẳng hiểu nó nghĩ gì.

*

Đã sang mùa đông.

"Nàng" Cáo ta sắp làm mẹ.

Mấy người làng bên rủ anh em tôi đi săn, vì có lẽ họ biết chỉ nhà tôi có chó săn.

– Anh em tôi không đi đâu! Con Cáo nhà chúng tôi đang chữa!

– Các cậu không đi, chúng tớ khắc đi vậy! – Chúng nó huyết sáo gọi chó ầm ĩ lên.

Con Cáo từ đâu chạy tới đứng trước mặt tôi, mắt nhìn cầu xin rồi đến trước mặt thằng Hồ, rít lên mấy tiếng.

Mười ba tuổi, tôi đã là người lớn, chỉ nói một lời. Thằng Hồ, mười tuổi, còn trẻ con lắm!

– Cáo muốn đi lắm rồi! Anh không đi, thì em đi đây! – Thằng Hồ và con Cáo vọt ra cửa. Tôi biết rõ con Cáo mừng như thế nào.

Tôi mịt. Thằng Hồ thất thểu về tay không.

– Tao đã bảo đừng đi với bọn nó. Chẳng được gì đâu! Có săn được, thì bọn nó chưa chắc đã chia cho miếng bằng ba đầu ngón tay! Thế con Cáo đâu? Em tôi thủng thảng:

– Một bờ hơi tai. Tại con Cáo trở tính trở nết, lại còn rùng mớ nữa chứ!

Tôi gắng hỏi. Nó quyết không nói thêm một lời nào. Tôi nghĩ: À thì ra nó đã là người lớn!

*

Mùa xuân đến. Nhưng tiết trời vẫn còn rét đậm.

Bỗng nhiên, chiều hôm ấy, một con nai mẹ, dẫn một con nai con, đến gần cái cối nước nhà tôi. Có thể là nó ngửi thấy mùi nước giải mặn muối, nên nai mẹ tác lên mấy tiếng vui vẻ.

Tôi rút khẩu súng kíp trong buồng và xuyt con Cáo chạy ra. Con Cáo kéo cả đàn con đi. Có con đang nhảy nhăng ngậm vú mẹ.

Tôi giương súng lên. Kỳ lạ quá! Con Cáo đang ve vẩy đuôi "nói chuyện" với nai mẹ. Dưới bụng nai mẹ, nai con đang bú, dáng xiêu vẹo, chưa đứng vững. Và, dưới bụng con Cáo, con út ít cũng đang chồm lên hóp lấy bầu vú.

Thật kỳ diệu!

Tôi từ từ hạ súng.

Thằng Hồ tôi lắm bầm:

– Đúng nó rồi! Đúng rồi!

Về sau, em tôi kể, lần đi săn nọ, vì con Cáo xông lên trước tiên, nên nó cũng phải chạy xông lên trước. Và, chính mắt nó nhìn thấy hai con vật, đều bụng mang dạ chửa, đang "nói chuyện" với nhau. Khi nghe thấy đoàn người đang ào ào lao tới, con Cáo liền sủa om sòm xua đuổi con nai chạy vào rừng sâu. Rừng có nhiều lá nên vết chân nai mất hút.

Em tôi thùng thảng như người lớn:

– Nếu chúng nó biết con Cáo "nói chuyện" với con nai, và biết chính con Cáo đã xua đuổi con nai đi, thì chắc chắn chúng nó đã làm thịt con Cáo rồi!

Lào Cai, 06-07/10/1996

NGƯỜI TỪ TRÊN TRỜI XUỐNG

Anh Giê lúc nào cũng nhìn tôi với con mắt trù mẫn, độ lượng. Có cái gì, anh đều nhường cho tôi: Con bọ sùng khỏe nhất; con dao chuốt chuôi đẹp nhất, sắc nhất; củ sâm đất to nhất mà chúng tôi đào được... Cùng đi lấy củi, anh vẫn nhặt hộ cho tôi cây thẳng nhất, và nhiều khi, anh vác luôn hộ tôi những khúc đường khó đi. Cùng tát cá, anh chọn cho tôi những con to, để tôi còn mang về khoe. Cùng đi thăm cạm, nếu được nhiều, anh vẫn dành cho tôi phần hơn. Nếu chỉ có một con, chắc chắn là phần của tôi. Tôi luôn luôn là cái bóng của anh bất kỳ việc gì. Và, tôi cũng là người phiên dịch thành thạo nhất cho anh. Giữa tôi với anh, chúng tôi nói với nhau bằng động tác và ánh mắt. Còn giữa tôi với bao người khác thì nói bằng lời bình thường.

Anh vừa bị điếc, vừa bị câm từ bé.

Bố mẹ anh kể rằng hồi bé, anh nói rất sớm. Mới ba tháng tuổi, anh đã bi bô nói, bi bô hát. Người lớn nói gì, anh nhớ liền. Người lớn hát những bài ca lý lối, anh thuộc ngay. Và tiếng cười

của anh thật đặc biệt, vang, danh, ròn rã. Anh lớn rất nhanh, không qua giai đoạn bò. Thật bất ngờ, anh vùng dậy vào một buổi sáng, rồi lăm chầm từng bước chạy nhào vào lòng bố anh trước sự kinh ngạc, thán phục của mọi người. Từ dạo đó, nhà anh lúc nào cũng nuốm nợp khách. Họ đến vì sự tò mò muốn chiêm ngưỡng thằng bé "người thần".

Một đêm nọ, bầu trời, không gian lúc thì đen đặc, lúc thì sáng nhờ nhờ, chốc chốc, lại có ánh chớp lóe bùng lên. Có mấy con bướm rùng to hơn bàn tay vật vờ bay lạc vào nhà, lại có vài con đom đóm to như ngọn đèn mờ trâu cũng nhập nhòa bay lạc vào. Trong khi người lớn sợ co rúm, thì anh Giê lần bước ra cửa, bắc "cầu vồng" ra ngoài. Khi anh bước trở lại đến giữa nhà, thì một tiếng sấm nổ toang, xé toác cả bầu trời. Mọi thứ chao đảo. Mặt đất lắc lư. Mọi người mê đi trong phút chốc. Khi tỉnh lại, người ta thấy thằng bé "người thần" nằm sóng soài, nhũn nhùn như một bãi cứt trâu. Thằng bé đã biến sắc, mắt nhắm nghiền, hơi thở đứt quãng như nấc nghẹn. Sau đó, bao nhiêu thứ biệt được, bao nhiêu thầy cúng, thầy mo được mời đến, thằng bé "người thần" mới hồi tỉnh lại. Thời gian đầu, nó cứ ngơ ngơ, ngác ngác, tay chân cứ lỏng nga lỏng ngóng. Dần dần, do chưa chạy cật lực, nên mọi động tác đã trở thành bình thường, nhưng thằng bé "người thần" đã vĩnh viễn vừa câm, vừa điếc.

Chơi với anh, tôi luôn có một chỗ dựa vững chắc, một nơi nương tựa tin tưởng. Có kẻ dọa nạt, coi khinh chúng tôi, tôi thì mau tức giận, cứ muốn anh cùng tôi nhảy bổ tới, nhắc chúng quãng mẹ nó xuống thung lũng. Anh không làm thế. Anh nhanh chóng cảm hóa chúng bằng ánh mắt cười cười, rồi anh tặng cho người này, người nọ, những chiếc cây, bừa bé tẹo, xinh xinh, do chính tay anh đeo gọt thật đẹp. Anh nhanh chóng thu nạp được một lũ đàn em bên cạnh tôi. Ở làng bên có thằng Trư bết đầu, đã nói ngọng, lại có tính hung hãn. Tôi đặt bẫy dây ban đêm để bẫy con cây nhông. Sớm hôm sau, chưa kịp thu, thằng Trư đi đâu sớm, bị mắc bẫy, chân bị treo ngược lơ lửng lên trời. Hắn thù tôi, mà thù rất dai, càng ngày, mối thù càng tăng lên theo ý nghĩ của hắn. Hắn đón lồng tôi ở một khúc đường vắng. Anh em tôi không hay biết gì. Bất ngờ, hắn từ trong bụi lao ra, như một con lợn lòi. Hắn húc tôi bay xuống vực. Tôi cũng không phải tay vừa. Tôi đã kịp túm lấy hắn cùng rơi xuống. Thân xác hắn nặng nề như một con lợn béo. Tôi thì gầy nhảnh,

xương xẩu, chỉ cần tì khuỷu tay mạnh một chút vào bất kỳ chỗ nào, hấn đã hộc lên. Quần đảo một hồi, rồi tì đầu gối vào háng, tì khuỷu tay vào ngực. Bị tức thở, hấn rống lên như chó bị cắt tiết. Nhưng hấn hơi nách quá. Tôi suýt lộn mửa vì cái mùi hơi nách ấy. Mùi hơi nách ấy lại lẫn với mùi tanh tanh, gây gây của kẻ lâu ngày không tắm làm cho tôi phát nhột. Mặc cho hấn hục hặc, giầy giữa trong bụi cỏ ken dày nhằng nhịt, tôi leo lên đường trước. Anh Giê vẫn đang đứng chờ. Thằng Trư rồi cũng thoát được bụi cỏ. Biết không làm gì được tôi, hấn quay lại, chửi đổng anh Giê tôi:

– Mẹ cha thằng Giê trua! Mày là thằng bọ tha, giòi cần! (Giê nghĩa là thạch – đá từ trên trời rơi xuống, trua nghĩa là dân đồn, ngu si, dốt nát!).

Hấn là anh Giê tôi biết rất rõ thằng Trư bẹt đầu chửi mình. Mặt anh chột căng ra trong giây lát. Tưởng anh sẽ cho hấn một thoi nắm đấm, nhưng anh nheo nheo mắt, hấy tay giục thằng Trư đi nhanh đi. Chùng như anh sợ tôi lại nổi nóng. Tôi đã nóng rực người lên thật. Và tôi đang chuẩn bị tư thế tặng cho hấn một quả đấm trời giáng vào cái mặt bẹt. Nếu tôi mà giáng quả đấm của mình, thế nào hấn cũng bay xuống, mắc kẹt trên cành cây ở dưới vực kia. Tôi đã ước lượng khoảng cách, và ước dồn sức vào cánh tay. May mà hấn kịp bỏ chạy. Tôi dịch lại câu chửi của thằng Trư bằng động tác. Anh Giê chỉ cười cười.

Chiều tối, anh em tôi lừa trâu về, đã thấy anh thằng Trư rủ thêm mấy thằng choai choai nữa, chờ sẵn gần chuồng trâu, định thanh toán cho dứt hấn mối thù với tôi. Con trâu cái nhà tôi, trong khi trượt dài xuống dốc, liền thả một tràng rầm phát ra tiếng khoec khoec. Tôi chỉ tay vào mặt anh thằng Trư:

– Đấy! Con trâu nhà tao khinh chúng mày! Chúng mày phải biết thằng Trư tính khí hung hăng, coi trời bằng vung, chả biết đâu là tốt, đâu là xấu, chỗ nào cao, chỗ nào thấp. Tao không muốn đánh nhau với chúng mày! Chúng mày không chạy nhanh, kéo con sói của tao xông đến xé nát họng chúng mày ra, tao không can được đâu đấy!

Quả là con sói nhà tôi chột nhô đầu lên khỏi bờ ruộng. Nó guồm guồm nhìn trộm chúng nó. Tôi mà huýt lên một tiếng, là nó xông tới liền. Nó đã từng bắt cả rắn, trăn, tê tê, nhím, rùa... cho tôi; chứ những con chuột, con dúi... nó coi khinh.

Anh Giê thì cười cười, rồi nói mạch lạc bằng động tác chỉ riêng tôi hiểu. Tôi dịch lại cho bọn họ nghe:

– Anh Giê tao bảo chúng mày về đi! Chúng mày không thắng nổi anh em tao với con sói đâu! Mà hình như thằng Trư bị tai nạn gì đó ở nhà ấy!

Bọn anh thằng Trư lẳng lặng bỏ về. Trong bọn, một thằng còn vồ vồ mông lại phía anh em tôi. Một viên đá rơi ngay trước mặt tôi. Một viên nữa bay vèo qua đầu. Tử xên tà! – ác thôi tim, độc nổ gan! Thằng Hự và thằng Thố, đồng bọn của anh thằng Trư vừa mới ném đá giấu tay, dáng lén lén lút lút, chân vẫn đi, nhưng mắt lại nhìn nghiêng.

Nghe nói chúng nó về đến nhà, quả nhiên thấy bàn chân thằng Trư đầm đìa máu. Chẳng hiểu nó nghịch dao như thế nào mà mũi dao nhọn lại đâm thẳng xuống mu bàn chân.

*

Bố tôi đi huyện về.

Đêm, ông áp tôi vào lòng.

– Bố cho con đi học trường tỉnh!

– Ở mãi đâu, hả bố?

– Trường tỉnh, nhưng đóng ngay ở huyện ta thôi! Ngày xưa, bố chỉ học lom bôm vài chữ nho. Học chẳng đâu vào đâu, chẳng sử dụng vào việc gì được, như là mồ hôi, tắm xong thì truội đi hết. Nay con phải đi học chữ Quốc ngữ, chữ của Chính phủ. Muốn khôn thì phải có chữ!...

Lời ông nói, tôi cãi vào đâu được. Tôi chỉ còn biết đi theo con đường ông đã vạch sẵn.

Tôi khoe với anh Giê trước tiên. Niềm phấn khởi, vui mừng được anh biểu đạt bằng ánh mắt, nụ cười, và những động tác tay. Đúng hôm tôi lên đường, anh tặng tôi một con ngựa đá. Con ngựa được gọt, mài thật nhẵn, thật tinh xảo. Sau này tôi được biết cả làng đều trầm trồ thán phục anh. Dù không có mặt tôi, nhưng không ai dám coi thường anh. Dĩ nhiên là tôi để con ngựa đá ở nhà. Tôi treo một tấm ván lên tường, nơi trang trọng, để đặt con ngựa. Con ngựa có tư thế đang phi nước đại, toàn thân vươn thẳng về phía

trước, bồm và đuôi muọt về phía sau. Thế mới hay, trước một tuyệt tác, người ta chỉ trầm trồ thán phục và kính nể người đã làm ra tác phẩm đó, chứ người ta không thể có thêm lời bình phẩm nào. Năm trăm năm, từ khi các cụ kỵ dòng tộc tôi lập làng ở đây đến nay, mới xuất hiện con ngựa đá lần đầu tiên, do anh Giê, một người vừa cầm, vừa điếc làm ra, quả là một sự kiện vĩ đại. Tuy nhiên, không phải không có kẻ lân la nhòm ngó muốn ăn trộm, muốn bẻ gãy chân, hoặc muốn ném một phát vào tảng đá cho con ngựa nát vụn ra. Biết vậy, bố tôi đã cất con ngựa đi. Chỉ khi ai thật cần xem, ông mới đem ra.

Khi tôi bước chân rời làng, anh Giê tần ngần nhìn theo. Chẳng biết anh nghĩ gì, nhưng hình như đôi con mắt rất sáng của anh, lần đầu tiên tôi trông thấy, hơi ngân ngấn hai giọt nước.

Ở trường, tôi nghe tin anh Giê đã lấy vợ. Học trò chỉ được ăn năm hào hai bữa chính, nên tôi chẳng có gì làm quà kỷ niệm đáng giá cho anh. Tuy thế, tôi cũng có mua được đôi khăn mặt, gửi người đi chợ huyện mang về. Nghỉ hè, tôi được về mấy hôm, thì xảy ra sự việc chị Xáo, vợ anh Giê bỏ trốn. Cả nhà anh nhao đi tìm mà chẳng thấy tung tích đâu. Tôi tình cờ có bắt gặp chị trốn trong một cái hang đá. Chị đã gặm ngô non thay cơm mấy ngày nay. Chị bảo tôi không được nói gì cả.

– Sao chị lại làm thế? Bố mẹ, gia đình anh Giê đối xử với chị tàn tệ lắm sao? Anh Giê tôn trọng chị đấy chứ? Hay là... chị không thích sống với anh Giê?

– Anh đi xa nên không biết. Tôi... khổ thế nào, cũng chịu được. Tôi sớm mồ côi. Ở với anh chị ruột, tôi làm việc đầu tắt mặt tối. Rồi đầu óc mụ mị đi, tôi liều mình nhận lời phứa lấy một người vừa câm vừa điếc. Lời nói mở ra, không cất lại được. Có chồng đấy, nhưng muốn nói một lời thăm thì, mà không biết nói với ai. Thà cứ sống lẩm lũi một mình còn hơn!

Tôi kín đáo rủ anh Giê đến tận hang đá đón chị Xáo về. Chị không lạnh nhạt với anh. Anh cũng không ruồng rẫy chị. Họ bẻ đôi một cái bắp ngô nướng, cùng ăn với nhau. Bữa cơm tối, anh Giê mổ một con gà sống thối, có cả thịt chuột nướng, băm nhỏ nấu với bí chuối rừng. Anh kéo chị ngồi cạnh. Ăn xong bữa, anh nói với bố mẹ bằng động tác, rằng anh muốn giải thoát cho chị Xáo, và yêu cầu

bố mẹ chấp thuận ngay ý kiến của mình. Lần đầu tiên, tôi thấy chị Xảo hôn vào hai má anh Giê.

Lại một kỳ nghỉ hè. Tôi trở về làng.

Anh Giê đã lại lấy vợ. Dáng chị gọn gàng, rắn rỏi. Chị tên Khu.

– Số trời đã định rồi anh ạ! Anh chị thiếu tiếng nói, tiếng cười. Nhưng anh giỏi giang hơn người. Tôi đã học được tiếng nói riêng của anh!

Chị Khu lặng lẽ chăm chút cho anh Giê. Việc nhà cửa, cơm nước, áo quần... chị lẳng lặng dành hết phần mình, rồi vẫn theo kịp anh đi ruộng, đi nương. Mỗi chiều về, trên vai anh có một vác củi nặng, thì trên lưng chị, là một thồ rau lợn. Tôi mừng thầm anh chị sẽ luôn ở bên nhau để bù đắp cho nhau.

Ở trường, tôi lượm được mấy quyển sách chữ Mông. Tự học khoảng một tháng, tôi đã đọc thông, viết thạo. Tôi viết thư bằng tiếng dân tộc mình gửi về nhà. Biết chắc không ai đọc được. Nhưng tôi cứ viết, để biểu lộ niềm tự hào, cũng là để khoe sự tiến bộ của mình.

Bố tôi bảo:

– Con đọc thư của con cho cả nhà nghe xem nào!

Tôi không đọc thư, mà giở sách ra đọc. Bố tôi chăm chú nhìn từng chữ trong sách, rồi ông lớn tiếng:

– Hay lắm! Chữ Mông mình dễ học lắm!

Tôi ngược nhìn bố.

– Vậy con mở ngay lớp học, bố nhé!

Ông vỗ đùi, cười khà khà:

– Tốt! *Hénh tà!* – Giỏi lắm! Làm ngay đi!

Chùng bảy giờ tối, mọi người thấp đuốc, chong đèn lục tục đến học chữ.

Học trò của tôi, có cả trẻ em, người lớn, người già, và anh Giê cũng đến. Anh chăm chú nhìn mọi người đọc đồng thanh. Miệng anh cũng mấp máy theo. Anh coi mọi người tập chép, rồi anh cũng chép. Mấy buổi sau, chữ viết của anh vượt trội hẳn so với cả lớp, tuy nhiên, tôi biết rằng anh chỉ chép một cách máy móc mà thôi.

Chương trình do tôi tự soạn còn dở dang. Tôi được báo tin phải về trường sớm, để còn chuyển đến một trường xa hơn, học lên cấp cao hơn.

Đến chơi với anh chị Giê vào một buổi đêm bầu trời đầy trăng sao, chúng tôi ra ngồi ở sườn núi. Tôi huy động tất cả vốn liếng ngôn ngữ động tác ra để kể câu chuyện huyền thoại về một vị thần tiên từ trên trời xuống lấy vợ ở hạ giới. Câu chuyện trầu tượng ấy, tôi đã cố gắng diễn đạt cho anh hiểu. Từ nay đường đi xa hơn, sẽ ít có dịp về, hy vọng chị Khu sẽ bắt chước tôi mà kể chuyện cổ tích cho anh nghe. Chuyện kể xong, tôi thấy anh ngồi bần thần, mắt nhìn xa xôi lăm lăm lên bầu trời. Đến lúc chị Khu ôm choàng vào cổ anh, hôn chùn chụt vào má, vào mắt, anh mới sực nhớ đòi tôi chép lại câu chuyện cho anh. Biết rằng anh không đọc được, nhưng tôi sẽ chép câu chuyện do mình bịa ra, để lúc rỗi rãi, chị Khu mang ra đọc, hẳn là anh sẽ chăm chú nghe, cho dù tai có điếc. Song vì vội quá, không còn thì giờ nữa, trước khi lên đường, tôi chỉ kịp ghi cho anh một dòng chữ thật to, nắn nót từng nét. *Người từ trên trời xuống*. Tôi tự nhủ, ở trường, tôi sẽ viết lại, rồi gửi về cho anh chị.

Cứ phải học nhảy cóc, nên tôi tận dụng thời gian tối đa để học. Bỏ qua mấy kỳ nghỉ hè, mấy mùa Tết, tôi không về. Tôi thường viết thư mời bố, hoặc người nhà đến trường với tôi. Đó là dịp bố tôi, hoặc người nhà được đi thăm phố xá, được đi tàu hỏa, ô tô... để mang chuyện về kể cho cả làng nghe.

Tết năm ấy, tôi quyết định về làng, vì năm học sau, phải đi xa hơn nữa. Về đến nhà, tôi vô cùng sửng sốt được biết cả anh chị Giê đều đã mất! Sinh đứa con đầu lòng, con không ở, nên chị Khu lâm bệnh. Thuốc thang nào cũng không khỏi. Người cứ teo tóp lại. Rồi chị trút hơi thở cuối cùng trong lòng anh Giê, không trăng trối một điều gì.

Không hiểu người làng nói thật, hay có thêm dệt thêm về cái chết của anh Giê. Hễ những đêm trăng sáng, những đêm bầu trời đầy sao, hoặc những đêm mưa to gió lớn, sấm sét đùng đùng, anh lại ngược lên nhìn trời. Anh đã tập nói được những từ chuẩn hơn. Trước kia, anh cũng nói, nhưng toàn những âm vô nghĩa, nghĩa là chỉ phát ra những âm thanh, chứ không thành từ. Khi chị Khu chết, anh khóc lóc, kêu gào thảm thiết. Có những lúc anh lang thang ra

sườn núi vắng, hoặc ngồi lên tảng đá, mắt nhìn trôn trôn lên trời. Hình như anh phát hiện ra cái gì đó xa vời lắm ở trên đó. Người ta nói rằng trong tiếng khóc gào của anh, có cái gì hơi là lạ, tựa tựa như có tiếng sấm xe xé vào tai.

Hôm ấy, một nhà trong làng có việc. Anh cũng được mời đến uống rượu. Mới uống ba chén mà đã say. Anh rất ít khi uống rượu, và không bao giờ uống say. Anh chuệnh choạng ra về. Trời không có mưa, không có gió lớn. Thế mà bỗng nhiên có một tiếng sét nổ xé toang cả không gian, khiến những người đang vui bên mâm cỗ đều giật thót mình, đổ ngang đổ ngửa, bát com, bát canh, chén rượu choạng cả vào nhau. Tiếng sét còn để lại dư âm râm râm rì rì phía chân trời xa. Đường như mọi người lịm đi trong phút chốc. Một người nào đó trong đám rượu bùng tỉnh, cất lên một lời y như là thần thánh nào đó đặt sẵn vào miệng:

– Thành Giê trưa là sét đấy!

Chẳng biết câu nói đó có ý nghĩa gì không. Không ai bảo ai, mọi người chạy xô theo con đường mòn anh Giê vừa đi. Đến sống núi, nơi trống trải nhất, họ thấy anh Giê nằm ngửa trong tư thế thật thoải mái. Tưởng anh say rượu, bị ngã, rồi ngủ luôn. Nhưng xem kỹ, thì anh đã tắt thở, mặt mũi chân tay vẫn hồng hào, khác hẳn với những người khác bị sét đánh chết, cháy thui, hoặc đen nhẻm. Gần chỗ anh nằm, có một gốc cây mục bị sét chẻ toác ra. Cả một hốc kiến đen bị thui trụi không sót một con nào, mùi khét vẫn còn đậm đặc chung quanh. Có người nói rằng đã nhìn thấy một luồng ánh sáng từ giữa sống núi bay vọt lên trời, đúng chỗ anh Giê đang nằm. Người ta lục túi áo anh xem có gì không, thì chỉ thấy một tờ giấy, trong có dòng chữ cổ viết thật nắn nót, nhưng nét thiếu, nét thừa: "Người từ trên trời xuống".

Người ta đã giữ tờ giấy lại và chờ đưa tới tay tôi. Đúng là chữ của anh Giê.

Trại sáng tác Láng Trung – Hà Nội
Tháng Tám 1998

Vi Hồng (dân tộc Tày) (13-7-1936-31-3-1997) tên khai sinh: Vi Văn Hồng. Các bút danh khác: Hà Thủy Slao, Quê Quán: Xã Đức Long, huyện Hòa An, Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Sli luận dân ca trữ tình Tày Nùng (nghiên cứu. 1979); Đất bằng (Tiểu thuyết. 1980); Vải Đàng (truyện vừa 1980); Thung lũng đá rơi (tiểu thuyết 1985); Núi cỏ yêu thương (Tiểu thuyết 1984); Vào hang (tiểu thuyết 1990); Người trong ống (tiểu thuyết 1990); Gã ngược đời (tiểu thuyết 1990); Người làm mỗi bấy hổ (tiểu thuyết 1993); Dòng sông nước mắt (tiểu thuyết 1993); Phụ tình (tiểu thuyết 1994); Thách đố (truyện vừa 1995); Đường về với mẹ chữ (1997).

Giải thưởng văn học: Giải nhì truyện ngắn Tổng hội Sinh viên 1959. Giải ba truyện ngắn báo Văn nghệ 1971. Giải A cuộc vận động viết cho thiếu nhi của Nxb Kim Đồng 1997.

ĐƯỜNG VỀ VỚI MẸ CHỮ

Vài lời phi lộ

Đây là câu chuyện nhỏ của mấy người con Cao Bằng đầu tiên đi học cấp III ở Thái Nguyên.

Những con người, sự việc cùng những thiếu khốn, gian khổ nhọc nhằn, hiểm nguy trên con đường xuyên rừng rậm, đèo cao, suối sâu mấy trăm cây số để đi học trong truyện ký này là có thật. Người ghi trung thành với mọi việc, mọi người, bởi cả bảy người cùng nhau vượt mấy trăm cây số đi về với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến" ngày ấy nay đều còn sống, khỏe mạnh, tỉnh táo. Đó là các vị Phan Văn Hồn – nay mang tên mới Phan Chu Minh, dân tộc Nùng, cao hai mét, thượng tá bác sĩ Viện trưởng Viện quân y 91; ông Đặng Đình Lu, Giám đốc Mỏ thiếc Cao Bằng; ông Trần Bằng Tập, Giám đốc Sở Thủy lợi Cao Bằng; ông Lê Văn Hoảnh, Tổng công trình sư ở Tây Nguyên; ông Bế Tâm, Giám đốc xưởng dệt Cao Bằng; ông Trần Lạng vì những lý do cá nhân đã về nghỉ tại quê nhà từ lâu, ông Vi Hồng, nhà văn dạy Khoa Văn trường Đại học Sư phạm Việt Bắc đã nghỉ hưu được mấy tháng v.v...

Truyện ký nhỏ này cũng chỉ ghi được một số sự việc còn nhớ được chi tiết. Còn nhiều việc khác vì không nhớ rõ và vì những lý do khác nữa mà chúng tôi chưa thể ghi chép tất cả trong truyện ký này. Ví như những chuyện rất quan trọng như cuộc xô xát với cả súng đạn của vài tên buôn lậu giả làm tướng tá quân đội ở đầu cầu Bản Trại khi bọn chúng cướp chúng tôi trên xe khách. Hoặc là chuyện những kẻ cướp nhằm chúng tôi với những tên làm thuê mang thuốc phiện lậu vượt qua trạm gác đèo Bông Lau chẳng hạn v.v... Hơn nữa từ năm lớp chín (tương đương với lớp mười một bây giờ) trở đi, bảy anh em chúng tôi đã không có dịp đi thành đoàn nữa. Có người thì đi xe đạp, hoặc hai ba người đi bộ gặp xe xin đi nhờ...

Khá nhiều bạn bè biết chúng tôi vượt qua bao vất vả cực nhọc để đi học một thời đã động viên tôi ghi lại những gì đã xảy ra trên con đường đi học vạn dặm. Còn tôi thì băn khoăn: Viết ra không biết có ích gì cho đời không? Nhưng bạn bè lại khuyên: "Ít nhất cũng là để làm gương cho con cháu chúng ta chăm học hơn".

Bởi vậy tôi viết ra đây mong lớp con cháu người dân tộc thiểu số, trước hết là con cháu các dân tộc ở Cao Bằng phần nào hiểu được lớp người đi trước ngày xưa quý cái chữ nghĩa như thế nào, vất vả nhọc nhằn ra làm sao mới có được một ít chữ trong bụng!

Người viết

I

Trước năm 1949, có bảy tỉnh thuộc miền núi vùng Đông Bắc nước ta chỉ có một trường cấp II gọi là trường Trung học Việt Bắc, khoảng 1949, mới đổi thành trường phổ thông cấp II. Trường luôn luôn di chuyển lúc thì ở giữa rừng sâu, lúc ra chỗ núi đồi quang, nhưng phải học trong hang đá. Mỗi lần tin báo: Tây đi càn, trường lại phải chạy tản cư cùng dân. Học sinh nghỉ học làm lều lán, tạo dựng lớp học hoặc ở gầm nhà sàn dân... Bảy anh em chúng tôi là học sinh trường này. Chúng tôi học lớp bảy (tương đương với lớp chín bây giờ) có hai mươi tám học sinh. Đây là lớp bảy đón chiến thắng Điện Biên Phủ, đón hòa bình lập lại tung bừng năm 1954.

Những năm năm mươi, tất cả các tỉnh miền núi ở miền Bắc chỉ có mỗi một trường phổ thông cấp III hoàn chỉnh. Đó là trường

Lương Ngọc Quyến, đặt tại thị xã Thái Nguyên. Trường Lương Ngọc Quyến ngày ấy có cả học sinh Tây Bắc và học sinh người Lào.

Mấy anh em chúng tôi cân nhắc nên đi thi và học ở trường cấp III nào? Trường Hùng Vương thì xa rồi, ở tận Phú Thọ. Còn trường phổ thông cấp III Ngô Sĩ Liên ở Bắc Giang thì cũng có thể... Nhưng lại là trường ở nơi đồng rộng (đồng bằng) sợ không quen! Hơn nữa đường đi có thể xa hơn; chúng tôi lại không hề biết tý gì về con đường từ Cao Bằng đến thị xã Bắc Giang. Chúng tôi chỉ được nghe một vài người đi lính Tây trở về nói rằng ở phủ Lạng Thương đồng rộng lắm. Mặt trời lên "ngồi nghỉ ở bờ ruộng" khá lâu mới lên tiếp được! Buổi chiều mặt trời cũng phải "ngồi nghỉ ở bờ ruộng" phía tây một lúc mới đi xuống lỗ (mặt trời lặn).

Với Thái Nguyên thì người Cao Bằng quen lắm. Người Tày Cao Bằng ngày ấy gọi Thái Nguyên là "xứ Thái" (xứ Thái). Từ xa xưa, những người Cao Bằng nghèo khổ, không một hòn đất ném chim, một tác đất cắm dùi, chỉ có một lối thoát là "khảm Thái" (sang Thái). Những tiếng Tày ngày ấy thường có mấy từ quen thuộc hy vọng lấp ló nơi chân trời vừa như mang nỗi lo âu sợ hãi. Đó là những từ "sang Thái", "đi Thái", "mùa Thái" (đi về Thái).

Người Tày Cao Bằng có câu ca:

Nên thì nên việc lớn

Không nên thì sang Thái buôn củ nâu!

Các già ở Cao Bằng thường kể đoạn đường về Thái cho con cháu nghe như kể chuyện về một xứ hoang vu rất xa lạ. Từng chuyện, từng chuyện cứ như từng đoạn cảnh của một cuốn phim. Con cháu Cao Bằng cảm thấy "xứ Thái" và con đường đi về "xứ Thái" gần gũi như đã quen thân.

Vì thế bọn chúng tôi quyết định tìm "đường về với Mẹ Chũ" Lương Ngọc Quyến ở "xứ Thái".

Con đường đi học thật vất vả xa xôi. mấy anh em con cháu Cao Bằng chúng tôi phần lớn đều ở huyện Hòa An đi về đến Thái khoảng hai trăm năm mươi cây số. Còn bạn Phan Soong ở Hà Quảng và nhất là bạn Phan Văn Hồn ở huyện Trùng Khánh thì cách Thái Nguyên gần ba trăm cây số hoặc trên ba trăm cây số. Mỗi khi gặp gian nan, vất vả và cả nguy hiểm nữa, mấy anh em chúng tôi đều động viên nhau: chúng ta cần cố gắng cần gan dạ mới về được với

"Mẻ Sừ" (Mẻ Chử)¹. Các "Mẻ Chử" ở Cao Bằng, chúng ta đã học được hết. Nhưng chúng ta lại muốn học chữ nhiều nữa, cao nữa thì phải dùng cảm phải luyện cái mặt cái gan to bằng quả bí mới được! Đây là lối nói bắt chước các cụ xưa cho vui đoạn đường dài. Thời chúng tôi đã ít nói theo lối cổ này.

Với những gì quý giá và có vẻ như sinh sôi nảy nở được, người Tày chúng tôi đều gọi là "mẻ" (mẹ). Không chỉ có người và động vật, mọi vật đều có thể được gọi là mẹ. Ngày nay người Tày vẫn nói "Mẻ đá", "Mẻ nước"... Trường học, nơi "sinh ra cái chữ" cho mọi học trò gom nhặt lấy, người Tày cũng gọi là nhà "Mẻ Chử". Ông thầy nhiều chữ gọi là ông "Mẻ Chử". Vì thế chúng tôi rong ruổi đường dài thấy học cũng gọi theo các già xưa nói rằng mình đi tìm "Mẻ Chử". Cũng là để tỏ tấm lòng tha thiết quý yêu chữ nghĩa của lũ chúng tôi...

II

Đi đúng chín ngày thì đến thị xã Thái Nguyên. Tối hôm vừa đến, lũ chúng tôi ngủ ở một nhà trọ bình dân. Sáng hôm sau vào Ty Giáo dục hỏi thì biết địa điểm thi tuyển sinh ở nơi trường tản cư, thuộc một cánh rừng cạnh thị trấn Đu. Chúng tôi đi ngược hai mươi cây số đến Đu và hỏi thăm đến địa điểm thi tuyển sinh vào lớp tám trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến. Đi chừng ba cây số thì đến một bản toàn người Nùng. Chúng tôi xin trọ. Cô bác biết là học sinh Cao Bằng thì vui vẻ đón tiếp như đón tiếp khách quý và thân tình như người nhà xa cách lâu năm mới trở về. Vì cả bản này là người Nùng Cao Bằng vừa mới xuống "xứ Thái" được vài chục năm.

Hôm sau lũ chúng tôi đi vào rừng xem trường lớp. Ngôi trường gồm hai cái nhà lá. Nghe dân bản bảo đây là hai lớp học của trường phổ thông cấp III Ngô Quyền (năm sau đổi tên thành Lương Ngọc Quyến) mới làm năm nay. Sang năm thì trường mới về cả đây.

Hai lớp học, hai căn nhà tạm bợ dựng giữa rừng "mạy piao" (một loại nứa mọc dày như mạ). Người ta chỉ phát lối đi nhỏ. Cây

1. Ý nói là về với chữ nghĩa, với kiến thức.

"mạy piao" vẫn đổ xuống che kín mít mái lóp. Trên nền lóp có nhiều vát "gang mình" đo ngang dọc. Lũ chúng tôi rất phấn khởi, tích cực ôn thi. Sau một tuần ôn thi, chỉ còn hai ngày nữa thi thì bỗng có thông báo hoãn thi một tháng! Lũ chúng tôi buồn và lo vô hạn vì tiền nong không đủ ăn một tháng để đợi đến ngày thi. Chúng tôi đành buồn nản và đau khổ lếch thếch rủ nhau cuốc bộ chín ngày đường trở về Cao Bằng. Chưa về đến nhà đã lo đi tiếp... Năm ấy là năm học 1954-1955.

Ngày nay con đường Thái Nguyên - Cao Bằng nườm nượp xe ô tô. Nhưng vào cái năm lũ chúng tôi đi thi để vào cấp III Lương Ngọc Quyến thì không thể có cái xe nào ngược xuôi Cao Bằng - Thái Nguyên được. Họa hoàn lắm mới có một hai chiếc xe quân đội đi theo đường số ba. Còn đường số ba phụ - đường chính ngày nay từ Thái Nguyên lên Cao Bằng, qua Ben Lè (đèo Cao Bắc) thì mằng vầu, mằng nứa mọc giữa đường tua tủa như chông gai của lũ quỷ rừng. Đường nhiều đoạn chui dưới mái đại ngàn âm u. Ánh sáng mờ mờ ảo ảo như men theo bờ vực thẳm của địa ngục!

III

Ngày ấy chúng tôi tuy là học sinh lớp bảy đang đi thi vào lớp tám nhưng đều đã lớn cả. Có người mười chín tuổi, người ít tuổi nhất cũng mười bảy. Cho nên chúng tôi đi bộ nhanh lắm. Ngày đầu chúng tôi cuốc bộ được gần năm mươi cây số. Nhưng ngày thứ hai thì đôi chân cả lũ đều sung vù lên! Lê lét mãi cũng chỉ đi được đoạn đường gần hai chục cây mà thôi. May có bạn Phan Soong mang theo một lọ rượu ngâm củ ú tàu - gọi tắt là rượu ú tàu. Có lẽ gia đình bạn Soong thấy con mình yếu ớt, mỏng mảnh như thư sinh nên chuẩn bị phương tiện đi đường chu đáo hơn. Rượu ú tàu bóp chân đau vì đi bộ rất là thiện nghệ. Nhưng khi trở về thì rượu ú tàu đã hết. Tuy ngâm tiếp vẫn dùng được, nhưng không tốt. Ngày thứ hai lượt về, tuy đã quen hơn nhưng cũng chỉ đi được ba mươi cây số. Ngày thứ ba đi được có hai mươi nhăm cây số. Ngày thứ tư trở đi thì lại quen dần, đi nhanh dần...

Ngày đi, đêm gặp nhà, gặp bản thì xin nghỉ nhờ. Tối giữa rừng thì ngủ rừng, ngủ lều các quán dọc đường... âu là chuyện thường. Phan Hồn người cao hai mét, nặng tám mươi nhăm ki lô gam, không

đi vừa giày dép bán ngoài chợ. Đôi giày của nhà tự làm lấy, và cả đôi mang theo dự phòng cũng đều rách tan hết. Lướt về chưa được bốn mươi cây số đôi giày thứ hai của bạn Hồn đã nát. Những ngày đầu anh còn lấy dây, lấy giẻ buộc lại mà đi. Nhưng chỉ được một ngày, đôi giày của anh đã nát như chân con rết! Anh vút giày đi chân đất. Đi được nửa ngày, chúng tôi tưởng anh bị đau chân. Ai cũng thông cảm, hỏi han, có gì thì chăm sóc! Bạn Hồn cao lênh khênh mỉm cười mệt mỏi và nói:

– Ày! Có sao đâu mà! Các thằng mày, bỏ giày, đi đất hóa ra lại mát chân và thoải mái hơn đấy.

Tôi là người bỏ dép đầu tiên theo gương bạn Hồn cao lớn. Rồi đến Đặng Lư cũng đi chân trần. Ba chúng tôi quả thấy thoải mái. Tiếp theo chúng tôi thì những người khác cũng đi chân đất. Nhưng chỉ được chục cây số là các chàng công tử đều kêu đau chân. Bởi các chàng là con nhà khá giả. Sinh ra và lớn lên chỉ biết ăn và học. Bạn Hồn cao lớn tũm tũm cười mà rằng:

– Các thằng mày không làm lụng, không đi đất bao giờ da bàn chân mỏng. Đi giày vào!

Mấy đứa lại đi dép cao su hoặc dép xăng đan trắng vào. Phan Soong người nhỏ thó, ẻo lả như cô gái. Soong có cái giọng kim của cô gái, lên tiếng một cách đau khổ:

– Chúng mày ơi! Chân tao ai nung nấu chín như cả rồi! – Soong mà nhăn mặt, uốn cặp môi dẻo thì ai cũng cảm thấy như chính mình đau.

Nói vậy thôi, Soong đúng là một thư sinh trời gà không nổi, nhưng đi đường dài vẫn rất khá.

Hôm nào cũng vậy, cứ gần trưa và chiều chiều thì chúng tôi tự tách nhau ra, không ai nói với ai. Anh nào cũng thất thểu, buồn thiu, cảm lạnh như những cái bóng vật vờ ruổi trên đường dài. Nhưng khi ăn cơm trưa, chiều ở quán, ở bụi bờ xong lại tíu tít. Một hôm gần đến Nà Phặc, trời đổ tối, rừng âm u, bản làng thưa thớt, bạn Tập lên tiếng thức tỉnh cả lũ:

– Các thằng mày à! Trời sắp trát chàm vào mắt rồi đấy! Ngủ rừng hay sao à?

Tập là người Kinh duy nhất trong đoàn nhưng lại hay nói tiếng Tây nhất.

Tập có cái trán cao, dô, rất thông minh, mặt vuông mắt sáng. Mỗi khi diễn đạt điều gì quan trọng, Tập cho cả mặt mũi đều cùng nói.

– Ngủ rừng thì ngủ, sợ gì! Trời đang mát, ta cứ đi tiếp – Lạng lên tiếng. Cái tiếng của anh hơi khô, nhưng vang xa. Anh là người đi bộ giỏi nhất, lúc nào cũng dẫn đầu. Bạn Lạng người đen như cái gốc cây cháy dở trên nương.

Đêm hôm đó chúng tôi rủ nhau vào những cái lều của các bà hàng xén ngủ.

Mọi người xoa bóp chân bằng rượu một lúc rồi lăn ra ngủ. Kể thì cũng hơi liều mạng. Nhưng anh bạn Hồn cao lênh khênh, tôi và Hoảnh là những người tương đối có kinh nghiệm đều nhất trí cho là không sợ. Bởi chúng tôi có cách ngủ đặc biệt. Chúng tôi trải lá hoặc tốt hơn thì rom rạ, cỏ gianh khô một vùng rộng. Chúng tôi ngủ quay đầu ra ngoài chân đạp vào nhau thành vòng tròn, vẻ giống như một bông hoa nở căng. Bạn Hoảnh nói:

– Chúng ta ngủ như thế này là bắt chước theo đàn trâu ngủ rừng. Các thằng mày có biết không? Lũ trâu hàng trăm con ngủ giữa rừng thì tất cả những con trâu đực, trâu cái khỏe đều ngủ ở vòng ngoài, đầu ghéch ra phía ngoài, sẵn sàng húc thủng ruột bọn hổ báo và cả lũ chó sói. Những con trâu nghé, trâu yếu ngủ ở vòng giữa. Vì thế tao mới đề xuất ngủ theo kiểu này đây.

– Các thằng mày lấy dao nhọn gọt dưới đầu rồi hãy ngủ. Chúng ta chẳng sợ gì hết – Tôi và anh bạn Hồn cũng nói thêm vào.

Mọi người bỗng thấy mình gan dạ hơn, cái mặt to hơn. Dù sợ, dù không thì chúng tôi cũng ngủ một giấc nồng nàn trong mê mết.

Sáng hôm sau, tôi dậy ra sau lều đi tiểu tiện. Trời mờ mờ sáng. Tôi bỗng hốt hoảng khựng lại. Sau lều chúng tôi ngủ cách chừng dăm bước có một đồng lá tươi phủ một cái xác chết! Biết là xác chết vì tôi nhìn thấy một vũng máu đen ngòm dưới lá. Tôi lắng nghe xem trong rừng có tiếng chim kêu báo động có hổ, gấu hay không. Nhưng chỉ thấy đàn chim hót ca líu lo chào đón bình minh. Tôi đã mấy lần định liều mình vào gần nữa, kéo cành lá ra xem. Nhưng tôi bỗng thấy mình cần phải thận trọng. Tôi quay vào và gọi:

– Các thằng mày dậy hết đi! Có chuyện lạ đấy. Nhưng hãy bình tĩnh – Không hiểu tại sao hôm ấy tôi lại bình tĩnh và thận trọng đến thế.

Phan Soong sốt ruột lên tiếng bằng cái tiếng của một cô gái có giọng kim:

– Có chuyện gì thì mày cứ nói đi! Làm quái gì mà quan trọng thế. Trời sáng rồi, có phải nửa đêm đâu mà sợ – Phan Soong nói cứng vậy, nhưng có lẽ bạn là người sợ hơn cả trong lũ chúng tôi.

– Ở đằng sau lều này có một xác chết! Nhưng phủ kín lá tươi. Không rõ là xác con gì! – Tôi nói.

Bế Tâm, con người củ mĩ, củ mì, ăn nói rủ rỉ như thâm thì, lên tiếng:

– Đêm qua tao nghe thấy tiếng súng nổ. Vào quãng nửa đêm thì phải.

Lặng lên tiếng dứt khoát:

– Có thể họ thù oán nhau. Họ giết nhau rồi đem vùi xác dưới đồng lá cây để đổ tội cho ta đấy!

Hoành hát đầu cho mái tóc rẽ tre đổ về đằng sau, cười hì hì mà rằng:

– Ăn mạng với sứ mạng gì! Bỏ đấy! Đang đói. Xẻo vài cân nướng ăn cho sướng cái miệng và cho êm cái bụng.

– Các thằng mày muốn chết à! Mau mau chạy xa nơi này! – Bạn Hồn cao lênh khênh tưởng như chạm đến mái lều, nói.

Còn bạn Lư là người có vẻ lúc nào cũng suy nghĩ. Lư trầm ngâm quan sát và nói:

– Chẳng phải mạng người đâu. Có thể là con bò hay con nghé gì đó.

Trong khi đó Bằng Tập xăm xăm định chạy vào xem xác chết phủ dưới lá là con gì. Nhưng bạn Hồn đã kịp hét lên:

– Tập, dừng lại! Nguy hiểm!

Phan Soong cất giọng con gái:

– Có cái dây "quần chèn" (dây tiết dề) hình như do người giăng kéo. Các thằng mày nhìn kỹ xem!

Tôi nói tiếp:

– Đúng đấy, phải thận trọng. Đây là con bò hay con nghé bị hổ vồ. Con vật chắc chắn là vừa mới bị vồ lúc đầu đêm. Họ bắc súng để bẫy hổ đấy các thằng mày ạ.

– Đã bắc súng bẫy hổ ăn dở rồi thì phải có ba khẩu – Bạn Hồn nói.

– Các thằng mày hộ nhau nhìn kỹ nữa đi.

Mọi người nhìn kỹ, nhìn mãi nhưng chỉ thấy hai khẩu súng ở ngoài rừng. Nhưng xem độ bất chéo của hai khẩu súng thì rõ ràng là có ba khẩu bẫy hổ theo kiểu truyền thống của người Tày

Tôi xác định ngay:

– Còn một khẩu phải ở trên nóc lều ta ngủ. Cái vị trí khẩu súng thứ ba phải ở đấy. Các thằng mày nhìn kỹ đi.

Sau một hồi tìm kiếm mới thấy nòng súng thò ra dưới một gập gianh ở trên nóc lều. Quả là một sự may mắn đến hiếm hoi cho chúng tôi. Có anh đã phải tự đi gọi hồn mình nhiều lần! Thật là hú vía! Chỉ cần có một người kéo một cành cây trên xác con vật thì thế nào cũng có vài ba người "bỏ quên com nguội" (chết yếu).

Ngày ấy cướp của giết người là chuyện thường xảy ra trên mọi nẻo đường rừng, tuy không phải là hiện tượng phổ biến. Nhưng chúng tôi ngủ bò ngủ bụi cũng chẳng sao. Vì chúng tôi biết rất rõ bọn cướp của giết người bao giờ cũng dò la thật cụ thể con mồi trước khi hành động. Chúng tôi làm gì có tiền, có hàng đáng để bọn chúng cướp. Chúng tôi chỉ sợ hổ, sợ gấu là chính. Ngoài ra, chúng tôi cũng sợ những đàn sói đông hàng trăm con kéo nhau đi lúc nhúc từ núi này đến núi khác. Nếu trong lúc ngủ mà chó sói đột ngột tấn công thì quả là nguy hiểm. Vì chúng tôi không kịp đối phó nhất là trong đêm tối. Hơn nữa khi đã có máu chảy thì lũ sói trở nên hung hăng gấp bội. Chúng không hề biết sợ những cái mà lúc thường chúng vẫn rất sợ.

Chúng tôi có mang theo những cái tù và để khi thấy chó sói thì thổi lên. Tiếng tù và vốn là hiệu lệnh của mọi phường săn. Lũ chó sói nghe được tiếng tù và rúc liên hồi vang lừng sẽ vô cùng hoảng hốt, bỏ chạy tán loạn. Chúng biết sau cái tiếng tu tu liên tục

ấy là những tiếng sữa dũ dần của đàn chó săn vào trận. Chó sói rất sợ chó nhà mà.

Đây là chúng tôi chưa kể hết những rắn độc, trăn to nuốt chửng người như chơi. Lại còn những con rắn to bằng mái chèo cắn chết cả hổ...

IV

Những năm tháng trước 1960, ở miền núi nhiều nơi đời sống kinh tế khá sung túc. Nhiều vùng sản xuất giàu có – trừ bộ phận du canh du cư. Thóc gạo, thịt rượu có thể nói là rất sẵn, có vùng tràn trề, nhưng không có tiền. Đồ ăn ngon, mặc ấm nhưng không đẹp. Những vùng có được cuộc sống như vậy con người không có ý thúc tích lũy tiền. Còn vàng bạc thời bấy giờ rất bị xã hội rẻ rúng. Ai tích trữ vàng bạc hay tỏ ra yêu quý vàng bạc thì bị cả xã hội khinh khi. Nhưng đến khi cho con đi học xa thì phải có tiền.

Trong đám con cháu Cao Bằng chúng tôi đi thi vào cấp III chỉ có một người. Còn một người khác nữa đã thi được, nhưng không đi học được vì gia đình không có tiền.

Muốn có một số tiền lớn đủ cho con ăn học trong ba năm ở nơi xa nhà xa quê thì không có cách nào khác là phải bán ruộng bán trâu. Mỗi năm một học sinh trung bình tiêu hết số tiền bằng số tiền bán hai con trâu to. Nhưng người "Tày Nà" (Tày làm ruộng) lại thường nói: "Bán ruộng là bán cái sống để tìm cái chết"; rằng: "Bán ruộng là bán trâu, bán thịt mình" v.v... Nhưng nếu không bán ruộng bán trâu thì không có tiền cho con ăn học. Chính vì thế mà nhiều bậc bố mẹ nghĩ căng thẳng như sợi chỉ hai người ở hai đầu thì nhau kéo căng ra.

Cuối cùng lũ chúng tôi còn bảy người quyết tâm đi sang tận xứ Thái để học. Không chỉ gia đình chúng tôi lo chạy tiền nong mà cả họ hàng nội ngoại của chúng tôi cũng phải xúm vào gom góp từng đồng hào cho con cháu đi xứ Thái học. Nhà nào không có anh em họ hàng giúp sức thì phải bán ruộng hay bán trâu ngay từ năm đầu đi học xa nhà.

Mấy anh em con cháu Cao Bằng đi học xa ngày ấy trở thành một hiện tượng nhiều nơi trong tỉnh bàn ra tán vào, kể khen người

chê, kẻ khinh người trọng. Còn người trong bản chúng tôi thì nói thẳng trước mặt các bậc bố mẹ chúng tôi rằng:

– Ông bà dám bán cả máu thịt của mình để cho con đi học lấy cái chữ cái nghĩa, chúng tôi thấy ghê gớm thật đấy. Chúng tôi xin chấp hai tay bái phục các ông bà.

Nhưng cũng có nhiều kẻ chê rằng:

– Học lắm, chữ nghĩa đầy bụng chỉ tổ nghèo đói thôi!

Và những người này liền hát câu ca của những kẻ ngu xuẩn từ xa xưa truyền lại:

Đốt chữ đốt nghĩa bỏ chặt thóc

Giỏi chữ giỏi nghĩa bỏ rỗng tuếch

Có người lên tiếng cảm thông:

– Ái dà dà! Cái chữ cái nghĩa thì quý "Nhân bất học bất tri lý" (người không học thì không biết cái gì), nhưng bán ruộng, bán trâu cho con đi học thì gan to mặt lớn quá! Thật là những con người ít thấy!

*

Chúng tôi rất biết ơn các bố mẹ cùng họ hàng – những người đã trực tiếp gom góp từng đồng tiền cho chúng tôi đi ăn học tận xứ Thái, nơi đất khách quê người ở tận phía chân trời lạ. Chúng tôi, những người con ngoan rất biết mình cần phải đền đáp tấm lòng cao cả đó. Chúng tôi chỉ có một cách là phải chăm học, học cho thật giỏi. Vì thế cả sáu, bảy con cháu Cao Bằng học với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến" ngày ấy rất đổi chăm chỉ. Phan Hồn trở thành vua chăm chỉ.

Chúng tôi chăm chỉ học trong nghèo nàn, thường xuyên đói. Mùa đông mặc không đủ ấm. Chăn đắp chỉ là những chăn chiên cũ kỹ. Ba cái chăn chập vào nhau mà vẫn không kín hết mọi lỗ thủng.

Ngày ấy chúng tôi có một điều may trong ăn uống là ở đất Thái Nguyên, thịt mỡ rất rẻ. Những con cháu Cao Bằng lại rất thích ăn thịt mỡ. Chúng tôi mua loại mỡ rẻ nhất, đó là mỡ chài. Giá mỡ chài có khi chỉ bằng một phần ba giá thịt mỡ khổ. Chúng tôi mua về rán lấy mỡ. Mỡ xào rau muống, giập thêm vài múi tỏi cho vào. Rau muống tẩm trong mỡ bóng nhoáng. Các ông bà chủ trọ thường kêu:

– Mỡ nhiều như thế này, các chú ăn làm sao nổi?

Chúng tôi, những con cháu đất Cao Bằng, xứ sở thường có tuyết bông rơi và mưa tuyết nhiều ngày thì ăn mỡ quả thấy ngon lành. Nhờ có mỡ rẻ, nên chúng tôi không đến nỗi sút cân lắm. Chính những cân thịt mỡ, nhất là mỡ chài, mỡ lá đã giúp sức chúng tôi học, và học giỏi. Cũng nhờ có mỡ rẻ, nên mùa đông chúng tôi tạm chống lại được với cái rét, có ngày như cắt da thịt của xứ Thái. Ngày ấy chúng tôi chỉ có mỗi người vài ba bộ quần áo sơ mi may bằng vải rẻ tiền như vải chức bầu rồi đem nhuộm gụ. Những bạn có tiền nhiều hơn tí chút thì may quần áo sơ mi bằng vải xanh công nhân. Phan Hồn thì may toàn quần áo sơ mi bằng vải chàm của nhà anh tự dệt lấy, nhuộm lấy. Vải chàm tuy sợi hơi thô, nhưng dày và đặc biệt rất ấm, rất bền. Còn áo khoác ngoài thì mỗi người có một cái may theo kiểu bò-lu-dông. Loại áo này là của bọn lính Tây mặc, rồi không biết bằng cách nào đó các ông bà hàng xóm đem ra bán với giá tiền rẻ. Anh Hồn cao lệnh khênh mua được một cái áo dạ mỏng, màu cút ngựa. Bạn Tập thì có một cái áo đặc biệt so với chúng tôi. Đó là áo có dây thun ở ngang lưng. Áo dài quá mỏng. Vải đặc biệt dày. Người ta bảo loại áo này là của lính Mỹ. Tên áo phát âm theo ngày ấy là áo "ca-na-diêng".

Những đêm đông lạnh, gió bắc lùa về rét thấu xương, chúng tôi thường chấp ba chân chiền lại ngủ co ro với nhau. Đầu đêm thì còn cố ôm chặt lấy nhau để giữ hơi ấm. Nhưng đến nửa đêm, ngủ mê mệt chẳng biết gì, có anh chuỗi ra khỏi chăn, thúc dậy rét cứng cả người. Có lần bạn Bé Tâm chuỗi ra khỏi chăn quá lâu, ngủ say không biết bị cảm nặng. Tâm phải vào bệnh viện điều trị gần nửa tháng mới khỏi. Nhà trọ của chúng tôi thường là nhà bếp của các gia đình. Mái thấp lè tè. Vách đất rã rời hay những bức đại ken thua thót. Gió mùa đông bắc lùa đủ cả bốn chiều như muốn vui dập những người học sinh xa xứ chúng tôi.

Chỗ ngủ đồng thời là bàn viết, bàn học. Đó là những chiếc chông tre rẻ tiền bán ngoài chợ thị xã Thái Nguyên.

Trong bảy anh em con cháu Cao Bằng học chữ với "Mẹ Chử Lương Ngọc Quyến" ngày ấy, chỉ có một hai anh bạn có đủ tiền mua giấy bút để viết, còn mấy anh em khác thì không đủ tiền dù là mua những loại giấy xoàng xĩnh nhất. Vì thế chúng tôi đã có một phát

kiến – ngày ấy chúng tôi gọi là phát kiến vĩ đại – đến bây giờ tôi cũng không còn nhớ cái phát kiến vĩ đại này là do bạn nào đưa ra nữa. Đó là đem những giấy đã viết rồi, tức là những quyển vở cũ lược trong nước sôi. Cụ thể là cho vôi vào khoảng trong một cái nồi to rồi đun sôi lên, bỏ cả giấy đã viết vào ninh như ninh xương khoảng nửa tiếng đồng hồ thì vớt ra, nhúng vào nước sạch để rửa rồi đem phơi khô. Những tờ giấy này dù là giấy trắng tinh hay giấy loại xoàng đều biến thành một màu vàng úa. Các dòng chữ viết cũ đã mất hẳn. Chúng tôi chủ yếu viết bằng loại giấy đã lược nước vôi này, trừ những quyển vở, những bài làm... cần thầy đọc để chấm thì chúng tôi viết vào giấy trắng. Giấy viết rồi có thể lược lại lần thứ hai vẫn viết được, nhưng không thể lược đến lần thứ ba.

Trước khi có được cái "phát kiến vĩ đại" nói trên, chúng tôi viết cả trên giấy "bụng bò" – một loại giấy do người Dao làm bằng phương pháp thủ công. Viết loại giấy này, không thể dùng bút sắt. Cho nên chúng tôi phải vót bút bằng tre, bằng nứa để viết.

Trong hoàn cảnh thiếu thốn, vất vả và nhọc nhằn như vậy, mấy anh em con cháu Cao Bằng vẫn vui vẻ học, vẫn chăm chỉ hết sức mình. Vì thế chúng tôi thời ấy là những học sinh giỏi hoặc khá của trường Lương Ngọc Quyến. Những người học giỏi nhất môn này môn nọ đều được phong vua. Cả hai lớp tám rồi lớp chín, lớp mười thường xuyên chỉ có khoảng bảy người được phong vua môn này môn nọ. Trong mấy anh em con cháu Cao Bằng đã có đến ba người thường xuyên lên ngôi vua môn này môn khác: Trần Lạng và Phan Soong giữ ngôi vua môn Toán. Bé Tâm giữ ngôi vua môn Vật lý. Trần Bằng Tập giữ ngôi vua môn Sử. Còn tôi thỉnh thoảng cũng lên ngôi môn Văn.

Anh em chúng tôi ăn học ở xứ người luôn luôn nhớ đến công lao vất vả của bố mẹ và họ hàng đã làm lưng ki cốp từng đồng tiền để dành cho chúng tôi. Càng nghĩ thế chúng tôi càng chăm học. Mỗi lần được điểm chín điểm mười trong các bài làm bài tập, chúng tôi đều thấy thanh thản và nhẹ nhõm. Vì đó là một cách thiết thực và cụ thể, trả được phần nào cái ơn lớn đối với bố mẹ và họ hàng.

V

Con đường đi về với "Mẹ Chũ Lương Ngọc Quyến" quả lắm gian lao nhọc nhằn. Đường đi chưa hết đất Hòa An đã là rừng âm

u. Rừng đại ngàn trải ra trùng trùng điệp điệp tưởng như vô tận trong sương lam chiều mờ xa tít tắp. Dốc rồi lại dốc, đèo rồi lại đèo... lên thì mỏi gối, xuống thì chồn chân. Càng đi sang Ngân Sơn, xuôi về Bắc Cạn rừng càng âm u hơn, càng hoang vu lạnh lẽo hơn – đâu có ô tô rong rong suốt đoạn đường vài trăm cây số ngược xuôi như ngày nay.

Đèo Xẻ Păn gần như suốt ngày cây khóc vì đối ánh sáng mặt trời. Khi có con chim đậu, con sóc chuyển cành, sương đọng từ những cành lá không bao giờ thấy ánh nắng cứ rơi rào rào như mưa mùa hạ. Suốt những đoạn đường xuyên rừng dằng dặc, âm u hoang vắng đến điếc tai, mịt mù đến ngạt thở, chỉ thấy tiếng chim và tiếng dã thú. Chúng tôi khao khát được nghe một tiếng hoạt động của con người mà chẳng thấy.

Trăm chim hót giọng lạ giọng quen. Hai lỗ tai đầy tràn tiếng nai vỗ, nai tác nơi núi gần núi xa. Tiếng nai như bổ những nhát búa vĩ đại lên những thân cây cổ thụ mọc rêu xanh đỏ nghìn năm chưa một lần thấy hơi người. Thi thoảng có cả tiếng hổ động đục gầm rú. Cái tiếng hổ gào mới rừng rợn làm sao. Chúng gào cách ta ba đèo, bảy núi mà tiếng vang vẫn rung tim gan ta như chúng đang gào ngay sau lưng. Ta đi, ta chạy, ta lao xe đạp xuống đèo... cái tiếng gào dữ dội như thác đổ ngày lũ vẫn cứ bám theo. Những người không quen, nghe tiếng hổ gầm liền chạy. Chạy một đèo, hai đèo rồi chết ngất vì tưởng hổ đã đuổi đến sát sạt đằng sau!

Hầu như lần nào vượt đèo Xẻ Păn, đi ngang qua Ben Le chúng tôi đều thấy lũ chó sói tru âm vang khắp núi gần rừng xa.

*

Một hôm, trời còn sớm lắm, sương mù trắng lảng, sương trắng vắt vẻo trên các mái rừng hay nằm sóng soài dưới thung lũng, những hạt sương li ti như những hạt mưa phùn đập vào mặt gây cảm giác mon man một nỗi buồn khó chịu, cả rừng đại ngàn như sàng sảy mưa con, mưa rào rào, có lúc ào ạt.

Tôi cùng Lư dắt xe đạp lên đèo Xẻ Păn đuổi theo Hồn và Hoảnh... Chúng tôi lên đèo rất nhanh, nên không biết rét mướt là gì. Hồn và Hoảnh đã đi bộ từ chiều hôm trước. Chắc đêm qua hai thằng chúng nó ngủ ở Ben Le. Còn hai chúng tôi vì xe đạp hỏng

phải chữa lại lâu, nên ngủ đêm tại Tài Hồ Xìn. Tuy hai chúng tôi có xe đạp – loại xoàng, nhưng chúng tôi vẫn đi bộ cùng Hồn và Hoảnh. Hồn và Hoảnh đi người không nên đi nhanh lắm. Còn mọi hành trang thì tôi với Lư đeo hộ. Chúng tôi thay nhau đi xe đạp, vừa đi vừa đợi nhau. Nếu có ai đau chân hay mệt mỏi nhiều thì sẽ được ưu tiên đi xe đạp. Vì thế mấy thằng chúng tôi đi được khá nhanh.

Tôi và Lư đã vượt qua đoạn đường rừng âm u vắng vẻ nhất. Đó là đoạn đường hay gặp hổ, gấu và chó sói. Đặc biệt là có thể gặp cướp. Đoạn đường này của đèo Xẻ Pán thường xảy ra chuyện cướp của giết người vài ba năm một lần – cũng có khi một năm hai ba lần. Nhưng chúng tôi vẫn nghĩ với một ý nghĩ rằng, xe thì xoàng, tiền thì chỉ vài đồng, chúng không bỏ cướp! Tự nghĩ để an ủi động viên vậy. Nhưng biết đâu, vẫn cứ phải cảnh giác. Sợ thì vẫn cứ sợ mỗi lần đi qua đèo Xẻ Pán. Nhưng chẳng ai nói ra miệng với nhau cái điều rất nên kiêng kỵ đó.

Chúng tôi đi gần lên đến đỉnh đèo. Ở đây cây thưa hơn, rừng bên trên đường thoáng hơn. Cho nên chúng tôi chỉ còn sợ hổ báo với gấu... nhiều hơn là kẻ cướp. Bỗng ở một khúc đường ngoặt trước mặt có vật gì đó lao ngang qua đường, ào xuống dưới đường. Những cây lau, cây chít và những bụi dây rừng quanh đó rung lên trong thoáng chốc. Tôi hét to:

– Hổ đấy! Rút dao ra! – Đấy là tiếng hét không chỉ bảo ban Lư mà là để trấn an tinh thần, để lấy tinh người đề tinh hổ.

Tôi là người đi trước – trong mọi chuyến đi đều thế. Vì tôi là người gan dạ hơn tất cả. Tôi nhìn thấy cái vật lao qua đường không ra hình thù gì cả. Lư đã rút con dao nhọn sáng xanh ánh thép ra khỏi vỏ, nắm khư khư trong tay. Tôi cũng vậy. Lư hỏi tôi giọng hơi run run:

– Hổ hay gì mà mày không biết à? Con gì thế mày?

Tôi biết Lư hơi mất tinh thần, nên cứ nói phứa đi.

– Chắc không phải hổ gấu gì đâu. Tao thấy hình như là một con nai thôi. Con nai to, chứ không phải là loại nai nhỏ, là con "tua quang" chứ không phải là con "tua nạn"!

Tôi nói thế, Lư bình tĩnh lại ngay. Anh nói giọng trở nên mạnh mẽ:

– Thế thì sợ cái cóc khô gì! Đi đi!

– Từ từ để xem thế nào đã. Không được tra dao vào vỏ. – Tôi ngăn lại. Vì trong sương mù băng lạnh của một buổi sáng sớm rất khó mà nhận ra hình dáng thật của mọi vật trong rừng già đổ bóng âm u.

Cái vật gì đó có vẻ hơi dài như một con nai to, nhưng màu sắc lại không phải của loài nai. Tôi không nhận ra màu sắc cũng không nhận ra hình dáng của vật vừa lao xuống dưới đường. Tôi cảm thấy vật vừa lao xuống dưới đường có cái gì bí hiểm. Cho nên tôi tiến từng bước một. Tôi kéo Lư không cho nó xuống cái chỗ con vật vừa lao xuống. Tôi nghĩ rằng có thể con vật vừa lao xuống dưới đường là một con hổ bị thương hoặc cũng có thể là một con gấu. Nếu đúng vậy, nó theo sau nó, trong khi nó đang bị thương thì thật là nguy hiểm. Tôi đi một đoạn nữa thì thấy một vũng máu tươi. Máu đang thấm vào đất. Máu còn bốc hơi. Nghĩa là máu vừa mới đổ ra khi tôi thấy con vật lao xuống dưới đường. Thấy vũng máu, Lư nói:

– Đây là con nai, người ta bắn bị thương rồi. Nó còn nằm ở dưới đường ấy. Ta lấy lên đi.

– Không lấy được. Vì không biết là con gì. Mà có thấy súng nổ đâu mà bảo người ta bắn hươu nai?– Tôi bắt bẻ Lư.

Lư im lặng, mặt cứ dài ra, không biết nói gì, nhưng Lư định nó xuống dưới đường. Tôi kéo tay lại. Sau này nghĩ lại tôi không hiểu tại sao mình lại làm thế. Có lẽ vì tôi nghĩ rằng đây là con hổ hay con gấu bị thương. Hoặc hổ vồ mồi, thấy người dắt xe lên dốc tưởng là một loài vật rất lạ, liền tha cả mồi chạy trốn xuống dưới đường. Nhưng dù sao thì cái buổi sớm mai ấy chúng tôi thật sự gặp may.

Bốn tháng sau chúng tôi quay về nghỉ hè mới biết rằng buổi sáng ấy có hai tên cướp đã giết một anh giao thông ở hạt Ben Le để cướp lấy xe đạp. Câu chuyện cướp của giết người này thật là táo bạo và rừng rợn.

VI

Đáng lẽ những năm học cấp III Lương Ngọc Quyến chúng tôi chỉ nên về quê một lần vào dịp hè. Nhưng lũ chúng tôi lại về quê mỗi năm hai lần. Đó là vào dịp hè và dịp Tết.

Chúng tôi nhớ nhà, nhớ nặng như núi, nhớ sâu trong tim, nhất là cái năm mới vào lớp tám, mới lần đầu tiên xa nhà. Cái Tết mới xa nhà ấy chúng tôi háo hức về quê đến nỗi đêm không nhắm được mắt để ngủ từ trước hôm về đến hai, ba hôm. Không ngủ được, chúng tôi rủ nhau ra đầu nhà, lên đồi sau các nhà trọ tối như mực, trời đang phơi tấm vải chàm khổng lồ ngăn cách con mắt chúng tôi với trời quê hương. Trên đầu ngàn sao lấp lánh, nhấp nháy như những đôi mắt tinh nghịch trêu đùa giễu cợt lũ chúng tôi.

Đêm khuya, tiếng côn trùng rì rì, tí tê, có lúc lại ran ran như một khúc nhạc giục giã kẻ tha hương nhớ nhà.

Xa quê, xa xứ, nhớ nhà, nhớ cha mẹ, anh em họ hàng... đến nẫu nà ruột gan, nhưng chúng tôi lại quyết tâm phải học cho thật giỏi. Cho nên nỗi nhớ và sự học cứ đấu tranh giằng co, cưa kéo trong ruột gan lũ chúng tôi, nhiều lúc đến đau đớn! Nhưng ý chí quyết tâm học cho giỏi của lũ chúng tôi đã chiến thắng tất cả.

Ngày ấy trường Lương Ngọc Quyến cho học sinh nghỉ Tết mười ngày. Vì có nhiều học sinh cũng xa nhà xa xứ như chúng tôi. Chúng tôi xin nhà trường nghỉ thêm mười ngày. Nhà trường thông cảm với mấy anh em học sinh người dân tộc thiểu số nên cho chúng tôi nghỉ thêm. Chúng tôi làm nước mã hồi, cố rút xuống còn bảy ngày để đi hết đoạn đường dài gần ba trăm cây số mà ngày thường chúng tôi phải đi mất chín ngày. Có như vậy chúng tôi mới được ở nhà vài hôm.

Tết với người miền núi thiêng liêng lắm, nhất là những ngày xa xưa ấy. Những người lớn, người già đi công tác tận các tỉnh miền Trung còn tìm đường về ăn Tết nữa là! Lũ chúng tôi dù sao vẫn là học sinh, còn nhớ bố mẹ, nhớ anh em bạn bè... nhiều lắm. Bố mẹ chúng tôi vẫn coi chúng tôi là những đứa trẻ nhỏ, dẫu có tốn bao nhiêu tiền, các ông bố bà mẹ cũng bắt con cái về nhà ăn Tết. Mục đích là để sum họp gia đình vui vầy đón xuân. Nhưng cũng có một yêu cầu có khi còn quan trọng hơn mục đích khác, tuy chẳng mấy ai nói ra mồm ra miệng. Đó là cái phút giao thừa thiêng liêng đến ghê tởm, những đứa con muốn học giỏi, muốn tu được nhân, tích được đức thì phải dậy thắp hương lên bàn thờ vào lúc giao thừa. Mọi người khác có thể đốt pháo, nói chuyện, canh chừng chảo trâu (vạc lớn) bánh chưng... nhưng người con trai thông minh, lịch sự, trụ cột của dòng họ, của gia đình thì phải ngồi trước bàn thờ, mủ

áo nghiêm chỉnh mà học bài vở, làm toán, viết vài câu văn, ôn vài dòng lịch sử... Có như vậy thì mới hòng học giỏi, và mọi sự học hành mới may mắn suốt năm.

Trong khi người con trai – có thể vài người – mở sách lật nhẩm đọc hay hí hoáy viết thì một bậc già cả – thường là ông nội – đứng sát ngay mép bàn thờ mà thầm thì xin tiên tổ thiêng liêng hãy phù hộ cho đứa con trai được khỏe mạnh và học giỏi hơn người. Tổ tiên có thiêng liêng thì hãy lấy ánh mắt tỏa hào quang dõi theo từng bước chân con cháu ở nơi xa, lấy sức mạnh thiêng liêng mọc thành chông gai sắc nhọn rào chắn cho con cháu đừng bao giờ gặp tai nạn!

Các bậc cha mẹ, ông bà tin rằng tục lệ này của người Tày từ xa xưa truyền lại rất thiêng liêng, rất có tác dụng đối với việc học hành của những người con trai. Phong tục này phổ biến hầu khắp trong các gia đình người Tày.

Vào cái giờ phút giao thừa và cả ngày mùng một Tết, người Tày kiêng kỵ không làm bất cứ việc gì. Người ta tin rằng ngày mùng một Tết mà đã làm việc thì cả năm sẽ vất vả nhọc nhằn. Duy chỉ có việc học là phải từ lúc giao thừa và cả ngày mùng một nếu vẫn tiếp tục học càng tốt. Các già trong bản trong mường và các bậc cha mẹ thường khuyên con cháu rằng học hành kiên trì suốt mọi ngày tháng, suốt năm, không lúc nào ngơi nghỉ thì mới thành tài được.

Những ngày về ăn Tết tháng Giêng, lũ chúng tôi "đi không biết chết là gì"! Có khi đi đến nửa đêm mới ngủ.

Một ngày nọ, sáng sớm chúng tôi nấu cơm ăn ở chợ Phủ Thông. Ăn xong mới lên Đèo Giàng. Chúng tôi định đến thị trấn Ngân Sơn mới ăn cơm trưa. Đoạn đường từ Phủ Thông đến Ngân Sơn khoảng ba mươi cây số, không có quán bán hàng, không có cả ngôi nhà cạnh đường tiện cho việc nấu cơm ăn trong chốc lát.

Chúng tôi đi như chạy gần đến giữa Đèo Gió thì mỏi gối, chồn chân. Người nào cũng thấy bụng cồn cào, hoa mắt ù tai, chân tay bủn rủn... Bạn Hồn cao lệnh khênh chắc là người đói hơn cả nên đề xuất:

– Vào rừng ăn quả đi các thằng mày ơi! Nếu không thì chỉ còn nằm lẩn ra đường nữa mà thôi – Vừa nói xong anh Hồn cao to lùng lùng như một đũng tương tiến vào rừng.

– Nằm ra đường thì đến Ngăn Sơn à!

– Ta cứ nằm ra đường may ra có người qua lại họ sẽ cứu!

– Nằm ra đường chỉ có chết! Làm gì có người qua đây mà cứu!

Các bạn mỗi người một ý rồi tất cả mắt hút vào rừng. Tôi chỉ gào lên theo sau:

– Các thằng mày nhớ đừng ăn mầm măng (măng còn ở dưới đất) dâu da, quả vả... mà chết đấy! – Tôi nói.

Tôi là con nhà "rau củi". Mười tuổi tôi đã phải vào rừng kiếm củi, hái măng giúp bố mẹ. Bố mẹ và ông nội tôi dặn đi dặn lại về những thứ hoa quả, những thứ củ, thứ mầm trong rừng khi bụng "không còn hạt cơm" thì không thể ăn được. Và, những thứ khi bụng đói vẫn có thể ăn được.

Trong rừng Đèo Gió ngày ấy vào mùa nghỉ Tết chỉ có quả vả là sẵn. Quả vả ở Đèo Gió to và chín mọng, trông đã thấy thật là mát mẻ, đầy sức quyến rũ mời mọc.

Tôi chỉ ăn một quả vả nhỏ, ở cạnh đường quốc lộ, rồi ngồi đợi các bạn. Tuy vậy tôi vẫn luôn luôn gào to:

– Ăn ít thôi, các thằng mày nhá!

Nhưng có lẽ vì quá đói mà các bạn tôi đã ăn kỳ no mới bò ra đường. Các bạn tôi lần lượt nhăn nhó, kêu hoa mắt, bụng trướng rồi nằm lả ra rên rĩ. Mắt mọng nước, hai mép nhều bọt. Tôi biết các bạn đã say vả. Ông tôi thường kể: Say vả là khó chịu nhất và chết nhanh nhất trong các loại ngộ độc hoa quả rừng sâu. Người say vả không cào cấu, giằng xé ruột gan như khi đói ăn mầm măng hay quả dâu da màu trắng... nhưng trướng bụng, thấy trời đất quay cuồng, đầu óc nhức nhối như có ai gõ dùi đục lên đỉnh đầu, mất tức như muốn lòi ra ngoài. Người say vả muốn nôn mà chẳng nôn được... Bây giờ làm thế nào? Tôi chỉ còn một nỗi khát khao là: có một người đi nương, nắm theo nắm cơm to đi qua. Nhưng giữa lưng Đèo Gió, nỗi chờ mong khao khát của tôi càng lúc càng trở nên hoang tưởng.

Có lẽ chỉ hai tiếng đồng hồ nữa là các bạn say vả của tôi sẽ vô phương cứu chữa! Nhưng làm thế nào? Một câu hỏi day đi day lại, có lúc bùng thành ngọn lửa đốt cháy đầu tôi, mỗi khi tôi nghe các bạn tôi kêu cứu. Họ kêu gào mà không ra tiếng. Họ rên rĩ như

chảy máu tim tôi. Có phải tôi không thương bạn, không cứu bạn đâu! Nhưng làm thế nào? Đường đến thị trấn Ngân Sơn còn khoảng bảy cây số nữa. Tôi cũng đang đói hoa mắt ù tai. Nhưng tôi quyết định đi về thị trấn Ngân Sơn cho dù mất nửa đom đóm, chân muốn khuyu xuống. Tôi luôn luôn để ý hai bên đường xem có thứ rau gì, thứ quả gì có thể ăn tạm để lấy sức. Nhưng chỉ thấy những cây vả chín mọng! Sau khi đi được hơn nửa đường tôi mới thấy cây rau "phiắc năng" và một cây "phiắc măn" nhỏ. Tôi hái và nhai ngấu nghiến. Sau khi nhai chừng hai nắm lá rau tôi lại chạy được. Tôi đến Ngân Sơn, lòng mừng vô hạn, nhưng thở dốc không nói được ngay. Ông chủ quán com kiêm chủ quán trọ đã quen biết bọn tôi hết hoảng hốt. Có đến năm phút sau tôi mới hoàn hồn nói thều thào với ông chủ quán về tình hình lũ chúng tôi. Ông chủ quán liền đổ cho tôi vài thìa cháo. Tôi sáng mắt ra, đầu óc trở lại tỉnh táo. Ông chủ quán lấy com, thúc ăn vào một cái "lăm" (một dụng cụ đan bằng trúc rất đẹp, có quang vắt chéo để khoác) to, nhảy lên lưng ngựa phi lên dốc Ngân Sơn đến Đèo Gió cứu lũ bạn tôi.

Cái giống say vả hay say một vài loại củ quả khác như mầm măng, quả dâu da... tưởng chết đến nơi, nhưng chỉ cần nhai vài miếng com là lại tỉnh táo và khỏe mạnh như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Mấy miếng com lúc bấy giờ có hiệu nghiệm như một thứ thuốc tiên. Lũ chúng tôi rất biết ơn ông chủ quán com, kiêm quán trọ ở thị trấn Ngân Sơn ngày ấy. Ông là một người Hoa kiều tốt bụng.

VII

Hoãn thi một tháng, chúng tôi về nhà. Ở nhà được hơn mười ngày, bố mẹ họ hàng lại phải chuẩn bị tiền nong cho chúng tôi khăn gói lên đường trải thi ở "Xử Thái". Lại chín ngày đêm ròng rã trên đường dài để mong về được với "Mẹ Chử Lương Ngọc Quyến".

Đoạn đường qua Ben Le cỏ gianh chen lẫn lau lách và những bụi cây lúp xúp, là quê hương của loài hổ.

Khoảng hai giờ chiều chúng tôi qua Ben Le. Ngay trước cửa đồn cũ của Tây và là nơi nghỉ mát của viên quan năm tỉnh Cao Bằng, một con hổ vằn "cáp tao" – loài hổ dữ – thấp thoáng qua mấy bụi cây đang tung những thứ gì lên trời vẻ như những con dê hay chó sói. Nhưng hổ sợ chó sói cơ mà! Loài hổ rất sợ giầy phải

nước đái chó sói, sợ chó sói đái vào mắt. Vì nước đái chó sói có thể làm mù mắt tất cả mọi loài, kể cả con người.

Những đàn chó sói mấy chục con, có khi hàng trăm con hè nhau đái thành đường thành vệt ngang trán núi, ngang qua lông, qua các lối đi của thú. Rồi chúng mới đi về phía đối diện của cái bầy quỷ quái ấy. Lũ chúng lên tiếng cắn vang khắp rừng. Chúng sẵn, xua đuổi lũ thú chạy về phía cái bầy nước đái mà chúng vừa giăng. Những con thú lớn như nai, hươu, lợn cỏ, hổ, gấu... nghe tiếng chó sói cắn vang, xua đuổi thì cắm cúi chạy thục mạng, vương giây phải nước đái của lũ chúng, lập tức mù mắt. Khi đó những con thú, dù có là hổ thì cũng chỉ còn biết gào lên những tiếng khủng khiếp để chờ đợi hàm răng cứng như hai hàm răng sắt của lũ chó sói đến cắn xé da thịt của mình.

Ai đã từng xem lũ chó ăn thịt con mồi thì có khi cả tuần không ngủ được. Vì cảm giận, và vì kinh sợ.

Chúng tôi dừng lại ở ngoài đường quốc lộ số ba, im lặng nhìn hổ vằn "cáp tao" tiếp tục trò chơi của nó: ngoạm con này, đến con khác, hất tung lên trời. Con này chưa rơi chạm đất, thì con khác, rồi con khác nữa lại bị tung lên trời. Tôi hét lên:

– Hổ đấy! Rút dao ra! Cầm chắc gậy! – Tôi hét trước hết là để lấy tinh thần đối địch lại với "cái tinh của con hổ".

Con hổ làm cái trò đùa man dại của nó trước cửa đồn Tây cũ, cách chỗ chúng tôi khoảng gần một trăm mét. Chỗ chúng tôi đứng chính là con đường rẽ vào đồn Tây ngày xưa, khá bằng phẳng.

Người già trong bản trong muông thường dặn đi dặn lại con cháu rằng: Hễ gặp hổ thì phải hét lên ngay. Hét lên được thì mới có "tinh". Lấy "tinh người" đe "tinh hổ". Nếu không thì tình hình có thể ngược lại, rất nguy hiểm. Rằng, gặp hổ mà đã hét lên được, kêu lên được thì hổ chẳng bao giờ dám vồ người. Nhưng nếu sợ, để "tinh hổ" đe "tinh người" thì hổ sẽ ăn thịt người. Người già ở hầu khắp tỉnh Cao Bằng đều kể nhiều chuyện về muông hổ, đó là Ben Le, tức đèo Cao Bắc bây giờ. Trong đó có một chuyện sau đây nhiều người, nhiều nơi luôn luôn nhớ.

Một lần có đoàn người đi mua muối khoảng ba trăm người, đi trong đêm từ Ngân Sơn ngang qua Ben Le ra Cao Bằng. Khi qua Ben Le họ thấy một con hổ to bằng con ngựa đi bên trên tản ly

đường đuổi theo đoàn người. Tản ly đoạn đường này trung bình cao khoảng ba mét. Cả đoàn người run sợ, chạy đến hai cây số mà không ai "kêu ra miệng" được một tiếng. Trong khi đó ai cũng đều biết, đều nghĩ: chỉ cần một tiếng kêu thôi thì lập tức mấy trăm con người sẽ đồng thanh kêu, hổ sẽ chạy. Thế mà...

Mọi người chạy như một đàn vịt gặp rái cá. Ai cũng biết chỉ lát nữa thôi sẽ có một người vì quá sợ hoặc vì sức yếu sẽ tụt lại đằng sau và hổ lập tức sẽ vồ người đó. Hoặc có người nào ngã dúi dụi ra vệ đường thì hổ cũng sẽ bắt. Nếu hai trường hợp trên không xảy ra thì hổ sẽ phun nước bọt vào một người nào đó, hệt như con mèo phun nước bọt, phun hơi vào mặt con chó, khi chó đuổi kịp mèo!

Đuổi theo đoàn người chùng hai cây số, con hổ to vẫn chưa bắt được ai, nó liền phun nước bọt với tiếng phun hoang dại, âm vang cả rừng làm ai nẩy bủn rủn, rời rã chân tay. Phải có một người xấu số nào đó rơi vào miệng hổ, đoàn người mới hy vọng thoát khỏi nanh vuốt loài chúa sơn lâm. Nhưng may mắn thay: chính cái người bị hổ phun hơi và nước bọt ấy bỗng kêu lên một tiếng – một âm thanh vô nghĩa thôi. Ngay lập tức đoàn người kêu âm vang cả núi rừng. Hổ liền biến đi tức khắc, như có phép thần thông.

Câu chuyện "tinh hổ suýt đề tinh người" hải hùng trên đây xảy ra khoảng chừng năm 1943. Nay có nhiều cụ hãy còn sống và kể mãi về câu chuyện đó cho con cháu trong bản trong mừng nghe. Bài học các cụ, các già rút ra sau khi kể câu chuyện trên là: hễ gặp hổ thì lập tức hét lên. Cái tiếng hét càng to càng tốt. Nếu chậm trễ để tinh nó kịp đề tinh người thì nguy hiểm.

Khi chúng tôi thấy thi vào cấp III ở tận xứ Thái thì các bậc ông bà cha mẹ đều dặn đi dặn lại rằng:

– Khi đi qua Ben Le – qua muông hổ báo – thì dao nhọn phải cầm tay. Gậy phải cầm chính giữa (lối cầm chuẩn bị đánh của những tay võ).

Thấy hổ tung hết con chó này đến con chó khác, Phan Soong nhắc nhở:

– Kêu lên đi các thằng mày ơi!

– Để xem đã – Tôi nói.

Tôi nhìn lũ bạn xung quanh mình, có người mặt tái mét, nhưng tôi và thư sinh Phan Soong vẫn bình tĩnh. Con tim vẫn đập đều đều. Vì thế tôi không tin "tinh hồ" lại có thể "đề" được hồn lũ chúng tôi. Thấy lũ chúng tôi đứng lơ nhố ở ngoài đường, hổ cũng dùng cái trò chơi man dại của nó. Con hổ ngồi xuống, cao quá đầu người, ưỡn cái ngực rộng thênh có màu trắng hồng về phía chúng tôi. Tiếc là chúng tôi không có khẩu súng nào. Hổ nhìn chúng tôi một lúc rồi liếm mép, hai tai nó cum cúp đưa về đằng trước, hơi ve vẩy. Chừng một phút sau nó đập cái đuôi to bằng bắp tay, dài đến sải rưởi xuống đất ạch ạch như người ta nện cây gậy lớn và nặng xuống đất. Tôi biết hổ sắp sửa tấn công chúng tôi. Tôi nhắc nhở:

– Chúng ta phải tấn công! Các thằng mày phải dũng cảm lên.

Tôi hét lên một tiếng. Mọi người reo hò vác gậy, cầm dao tiến lên. Anh bạn Hồn giơ cái gậy lên cao ngất ngưỡng, nhảy lên hàng đầu cùng với tôi và Phan Soong. Hồn hét còn to gấp mấy tôi.

– Xông vào đi, các thằng mày! – Cả tám thằng ào lên một lúc.

Lão hổ chạy biến, nhanh như một ánh chớp vút vào rừng xanh, xanh ngất. Rừng bỗng xanh hơn, lạnh hơn.

– Chó sói đấy các thằng mày ạ! Vác mỗi người một con sang Bằng Khẩu thịt đi – Anh bạn Hoành hất mái đầu rẽ tre một cái, rồi vọt một cái nữa, cả mặt mũi đều cười nói kiên quyết:

– Thằng nào ăn thịt chó thằng ấy vác! Tao không ăn, tao không vác! – Anh bạn cao lớn Phan Hồn vừa cười vừa nói bô bô.

– Tao cũng chẳng thèm! – Phan Soong cũng kiếu. Vì anh bạn thư sinh cũng không ăn thịt chó.

Tôi nhìn kỹ đồng chó, có khi đến gần chục con và nói:

– Không phải chó sói. Chó nhà, chó săn đấy! Vớ lại cướp mỗi của lão hổ có phải là đơn giản đâu. Cướp mỗi của lão thì phải chiến đấu một mất một còn với lão. Lão chúa sơn lâm vẫn ở quanh quất trong rừng kia. Hai con mắt của lão sáng như đèn, xanh như mắt mèo đang cảm giận dõi theo từng bước đi của chúng ta đấy. Thèm vào! Đi đi thôi!

– Tao chẳng biết gì về hổ lắm. Nhưng đi đi, đừng có giẫy vào cái lão chúa sơn lâm! Anh bạn Hồng của chúng ta nói đúng đấy. Đi đi! – Bằng Tập giục giã quay ra trước mọi người.

Lũ chúng tôi cũng theo sau, đi ra đường quốc lộ.

Bọn chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Chúng tôi đi được chừng ba cây số – theo con đường vòng vèo, vượt bốn quả núi thì gặp một phường săn đang còn dất theo tám con chó. Gần chục người của phường săn, người nào cũng ngơ ngác nhìn chúng tôi. Ông nào cũng định hỏi chúng tôi một điều gì đó, nhưng không lên tiếng. Hóa ra họ tưởng lũ chúng tôi là người Kinh mới ở miền xuôi kéo nhau lên miền núi để xẻ ván, đóng đồ mộc. Mãi lúc sau, chúng tôi đã vượt qua họ đến người cuối cùng thì mới có một người lên tiếng gọi chúng tôi bằng một thứ tiếng Kinh pha tạp lẫn tiếng Tây:

– Các bạn trai trẻ, trai non ơi! Các bạn có thấy con chó nào sủa ở phía núi bên kia không?

Tôi bỗng hiểu ra họ là chủ của những con chó bị hổ tung ở trước cửa đồn Tây cũ Ben Le. Tôi nói bằng tiếng Tây.

– Các bác đi săn thả mấy đợt chó rồi?

– Chúng tôi thả hai lần rồi. Mỗi đợt bốn con, nhưng đều mất hút. Hình như có hổ bắt. Nhưng sao không có con chó nào chạy thoát, cúp đuôi vào dưới bụng về với chủ?

– Đây là con hổ tinh khôn rồi! Chó của các bác đã bị hổ cắn và tha tất cả về trước đồn Tây cũ. Chúng tôi vừa mới đuổi nó vào rừng. Bây giờ chắc chắn là hổ đã ra canh giữ mỗi rồi!

– Cảm ơn các bạn trai non. Các bạn rất dũng cảm.

Họ đi về phía đồn Tây cũ. Họ là phường thợ săn, săn thú lớn như lợn lòi, hươu, nai... Cho nên họ mới có nhiều chó săn, và thả từng đợt như vậy.

VIII

Đến khoảng năm 1956 vẫn chưa có xe khách chạy Cao Bằng – Thái Nguyên, nhưng xe quân đội, xe chở hàng hóa đã lác đác xuất hiện ngược xuôi. Những người đi bộ có thể xin đi nhờ – đi nhờ thôi, tài xế cho thì được, không thì thôi. Ngày ấy tuyệt đối không dùng tiền để mua vé hay mua tài xế để được đi xe.

Vào những năm này ở Thái Nguyên vài ngày có một chuyến xe lên, đến thị xã Bắc Kạn – loại xe nhỏ, có hai mươi tư chỗ ngồi. Con từ Lạng Sơn thì xe chỉ đến Thất Khê, dừng ở bên kia cầu Bản

Trại, cách thị trấn Thất Khê vài cây số. Vì cầu bị phá trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Vì thế, lũ chúng tôi có thể đi học bằng nhiều phương tiện khác nhau. Đôi ba người có xe đạp thì đạp xe từ Cao Bằng xuống Thái Nguyên. Đôi ba người khác thì đi bộ xuống Bản Trại, mất chừng hai ngày đường bộ để đi xe khách về Lạng Sơn rồi lên tàu về Hà Nội. Từ Hà Nội thì đã sẵn xe khách lên Thái Nguyên. Hoặc đi bộ theo quốc lộ số ba phụ, gặp xe hàng, xe quân đội xin đi nhờ về Thái.

Tôi với Lư vẫn đạp xe từ Cao Bằng xuống Thái học từ năm trước. Đoạn đường gần ba trăm cây số, vượt hàng mấy chục đèo cao, dốc hiểm, chúng tôi đi chậm nhất mất hai ngày xe đạp. Có những lần vì một lý do hung phấn nào đó, chúng tôi chỉ đạp từ bốn giờ sáng ở Thái Nguyên, tám giờ tối đã ở nhà. Cái Tết của năm học 1956-1957 đối với chúng tôi rất vui. Vì đó là năm học cuối cùng ở cấp phổ thông. Chúng tôi nhanh chân đạp xe về nhà ăn Tết. Định tối hôm đó ngủ ở quán trọ Ben Le, nhưng vì trong ngày có trục trặc xe đạp vài bận nên hơi bị chậm. Trời cuối tháng đêm tối đen như trát chàm vào mắt. Chúng tôi đạp xe khá nhanh. Hai xe chúng tôi có hai đèn pha mới, loại tốt nhất, rất sáng. Không ngờ gần như cùng một lúc hai đèn pha đều cháy. Chúng tôi phải đi bộ.

Đi bộ giữa rừng hổ, giữa miền đất đai hoang dã của loài lang sói thật là rùng rợn. Lư không gan hơn tôi, nên tôi cho đi trước. Người già bảo con hổ nó biết kẻ đi trước là người dũng cảm, nó không bao giờ bắt người đi trước. Hổ chỉ bắt người đi sau. Tôi không tin điều đó. Nhưng dù sao tôi vẫn sợ. Tôi đang nghĩ đến những câu chuyện rừng rợn thì dưới đường – là sườn núi rất dốc – bỗng có con gì giẫm cây khô gãy rắc rắc...

– Cái gì thế? – Lư hỏi.

– Trâu người ta thả rông đấy mà. Có gì mà sợ thế! – Tôi nói to để trấn an tinh thần cả hai người.

Nhưng Lư tin là trâu thật, nên vẫn đi rất dè dặt. Con hổ cứ men theo dưới đường, bám riết lấy hai chúng tôi. Lâu lâu lão lại giẫm cành cây khô rắc rắc... Tôi lại bảo đấy là lũ trâu thả rông. Bởi trên đoạn đường này thường có nhiều đàn trâu thả rông. Nhưng những đàn trâu này ban đêm đều nằm trên đường quốc lộ. Trâu nằm theo kiểu phòng thủ, chống hổ. Nghĩa là những con trâu khỏe

ngủ quay đầu ra ngoài, thành vòng tròn. Ở giữa là những con nghé. Ban đêm đi qua đoạn đường này thường gặp vài đàn trâu ngủ như thế. Chính vì thế mà tôi biết chắc chắn cái con vật ở dưới đường giẫm cây khô gãy là con hổ lớn bám theo sau chúng tôi.

Đi một đoạn chừng nửa cây số, Lư bỗng dừng lại và nói:

– Trước mặt mình hình như có vật gì cản đường!

Trời đen như mực. Nhưng tôi là người đi đêm đã quen. Lập tức tôi ngồi thụp xuống, nhìn hắt lên trời. Một con hổ đứng chắn ngang đường. Cái lưng nó vồng lên như một cánh cung lớn, dài suốt ngang đường. Hổ lớn! Tôi bình tĩnh nói:

– Bấm chuông lên!

Hai người cùng bấm hai cái chuông xe đạp. Chuông kêu rất vang. Hổ giật mình, vút lên trên tán lỵ. Nó rung rùng. Cả rừng già rung lên, như một con lốc dữ dội đang đi qua. Chúng tôi tưởng phải có đến hàng trăm con hổ mới có thể làm được cái chuyện rung cả đại ngàn. (Về sau này tôi nói lại với các già. Các già giải thích rằng: Đây là hai thằng mày không mang số "vào miệng hổ". Thông thường thì hổ không thể vỗ hai đứa chúng mày được. Nhưng cái con hổ vồng lưng rung rùng già để dọa chúng mày là con hổ lớn, đã đói nhiều ngày. Nó dọa như thế mà chúng mày khiếp sợ, không nói được, hay là nằm lăn ra đường thì nó đã vỗ rồi. Còn việc rung rùng như con đông to không phải là có hàng trăm con đâu. Một con thôi, có điều là cả bốn chân nó cào và hất đất đá nhanh không cái máy nào nhanh bằng).

– Hét lên đi! Gào lên đi! – Tôi hét khản cả cổ, rã cả cuống họng, giục già Lư cùng tôi hò hét.

Nhưng Lư không hét được, tôi lại nói to:

– Dồn lá cây, hùn thành đồng to. Cho thêm cả củi chất đồng vào. Gom cả đá nữa. Càng nhiều càng tốt!

Tuy Lư không hét được, nhưng vẫn biết làm những việc tôi bảo. Hổ đang rung rùng âm âm như có thiên binh vạn mã của ông trời, mẹ đất đi qua, bỗng im bật. Tôi vẫn hét và quan sát. Tôi lại ngồi thụp xuống, nghiêng đầu sát mặt đất, nhìn hắt lên trời. Con hổ lớn ngồi chồm hổm chỉ cách tôi khoảng hai sải tay. Tôi vừa đứng tấn vừa giơ con dao nhọn sáng xanh ánh thép về phía lão hổ.

– Mày vào đây. Tao cắt lưới mày, phanh bụng mày, đem thịt mày tế thần đàn chó săn nhà tao! – Tôi cứ hét như vậy, theo lời dạy của các già muông khi đối mặt với con hổ lớn.

Con hổ ngồi cao hơn người tôi đứng. Hổ ngồi im, tôi cũng dặng chân, đứng tấn, cầm dao nhọn thế thủ. Chừng ba phút im lặng nặng nề và khủng khiếp trôi qua, hổ bỗng phun nước bọt ào ào, xối xả như một ngọn thác đập vào mặt tôi. Cái sức gió của nó phun ra có lẽ mạnh trên cấp mười. Bởi tôi gần như không đứng vững. Nhưng tôi bỗng nhớ lời người già nói rằng hổ phun nước bọt, thổi hơi làm cho con mồi ngã để bắt. Các già muông nói thêm rằng: nếu con mồi không đổ, không ngã sõng soài thì hổ không dám bắt. Vì thế khi hổ phun nước bọt thì phải dùng cảm mà hét lên, dùng hết sức lực của mình chống lại. Tôi cũng hét to lên và làm động tác như lao vào nó. Tôi tiến lên chừng hai bước. Hổ lùi hai bước. Và lão hổ lại ngồi xuống. Lại im lặng. Hổ lại đứng dậy, lại phun nước bọt. Tôi lùi lại hai bước, ngửa người ra đằng sau, để lấy đà nếu hổ lao vào. Nhưng khi tôi dừng lại thì hổ cũng dừng lại. Bỗng Lư cũng góp tiếng hét cùng với tôi. Tôi bỗng thấy mình bình tĩnh và gan dạ lên gấp bội. Tôi và con hổ lớn tiến rồi lại lùi như vừa kể đến dăm ba lần.

Tôi bảo:

– Đốt lửa lên đi.

Lửa cháy lên. Tôi múa võ để dọa lão hổ. Hổ sợ. Hổ thoát nhảy lên trên tán ly. Hổ lại rung rùng. Rung rùng lâu chừng năm phút. Còn tôi thì thở cho thật sâu, bởi tôi chẳng còn khiếp vía, kinh hồn lão hổ như lúc đầu nữa. Hổ lại nhảy xuống đường. Tôi lao vào. Hổ ta đứng dậy, di giạt lùi. Tôi múa dao, hoa chân tay như tấn công, áp sát con hổ. Ngọn lửa sáng rực. Cái bóng của tôi nhập nhoạng làm lão hổ sợ. Hổ ta lùi nhanh hơn. Nhưng chỉ lùi dăm bước, con hổ lại ngồi xuống cao hơn tôi từ cái tai nó trở lên. Hổ ngồi trong chốc lát lại đứng dậy từ từ tiến bước về phía tôi. Tôi sẵn gân bắp cầm chắc con dao nhọn sáng nhoáng ở thế thủ, lùi từng bước chắc chắn. Lư hét khỏe hơn. Hổ ta không hiểu vì lý do gì mà không dám tấn công tôi. Tôi và hổ vờn nhau như thế chừng ba lần. Tôi bỗng hét to lên và nâng cao tốc độ như lao vào đâm hổ. Hổ sợ, nhảy xuống dưới đường. Hổ ta lại rung rùng.

– Ném đá đi. Thờ ơ ta uy hiếp đến rồi! – Tôi bảo thế.

Lư cũng đã bình tĩnh. Hai chúng tôi thì nhau ném đá ào ào xuống chỗ con hổ cào đất đá làm sôi cả rừng. Bỗng con hổ im bật. Chắc chắn là chúng tôi đã ném trúng hổ.

– Chúng ta đi thôi. Nhưng dao vẫn cầm tay. Hổ sẽ theo ta đây. Mày có dám giúp tao tấn công hổ không? – Tôi nói với Lư.

– Được! Tao cũng không sợ nữa! – Tôi thấy Lư trả lời. Cái tiếng nói của Lư tuy còn run run, nhưng nghe ra đã bình tĩnh.

Hai chúng tôi đi. Con hổ lúc thì đi dưới đường. Lúc lại nhảy lên tản ly. Chúng tôi dắt xe theo mép tản ly mà đi. Chỗ nào tản ly quá thấp, hổ có thể với tay đến đầu chúng tôi thì chúng tôi dắt xuống rãnh đường mà đi. Lúc này tôi đã trở nên gan dạ. Tôi đã định tấn công hổ, nhưng tôi thấy làm như vậy có lẽ hơi mạo hiểm. Tôi lại thôi.

Đi chừng cây số thì mất bóng hổ. Và cũng đã gần đến mấy nhà trọ dân dã ở Ben Le. Tôi bước vào một cái quán trọ có hai con chó khá dữ.

– Bác chủ giữ chó cho tôi mấy nhé! – Lần nào tôi cũng gọi như vậy mỗi khi bước vào quán.

Hai con chó thường khi vẫn xông đến, cắn âm ỉ. Nhưng hôm nay hai con chó cúp đuôi chạy vào gầm giường.

Bà chủ hốt hoảng lên tiếng:

– Có lão già rừng thẳm rình rập quanh đây hay sao đó. Hai con chó cúp đuôi chui vào gầm giường rồi.

Tôi nói với bà chủ quán:

– Chẳng có hổ nào rình đâu bà ạ! Hai chúng cháu vừa đánh nhau với hổ ở trước cửa đồn Tây cũ đấy.

Bà chủ quán kinh ngạc. Bà vặn ngọn đèn bão to lên. Bà kêu:

– Cháu bị hổ phun rãi rớt, nước bọt của nó ướt khắp người rồi. Ghê quá! – Bà chủ quán đã có tuổi, nói giọng như than lại như cầu xin thần Phật.

Tôi mới nhìn xuống mình. Cả hai bộ quần áo tôi mặc trên người đều ướt nhèm rãi rớt hổ, dính bết vào người, mùi tanh hôi. Tôi đi thay quần áo.

IX

Đường về với "Mẹ Chử Lương Ngọc Quyến" thật gian nan vất vả và đầy kinh hãi. Bao nhiêu đèo cao, dốc thẳm, rừng rậm, suối lũ, khe sâu... đối với lũ chúng tôi đều là chuyện thường. Những chuyện cướp đường chống hổ báo... chúng tôi cũng cho là việc nó phải thế! Sau mỗi lần trải qua nguy hiểm, cực nhọc, nhiều đứa trong lũ chúng tôi lại thở dài như ngọn gió xuôi theo thung lũng, buồn như những áng mây xám giữa buổi bình minh. Những câu nói ngao ngán, chán nản, đáng lẽ không được nói ra, nhưng tự nhiên lại buột miệng.

- Về nhà đi thôi các thằng mày ơi! Học với hành làm gì cho lắm. Lần nào đi về với "Mẹ Chử" cũng vất vả gian nan.

Lúc ấy, lập tức lại có tiếng nói khác cứng rắn hơn đáp lại:

- Các thằng mày đừng bàn lùi! Các cụ ta chẳng thường nói mỗi chữ đáng một phân vàng là gì. Học được thêm một chữ là chúng ta tích được thêm một phân vàng cho chính đời ta. Thôi xin đừng nói đến gian lao vất vả với hiểm nguy nữa. Bởi người Tày chúng ta có câu lượn rằng:

*Đòi nghèo anh vẫn cố học
Nghèo cơm thì khó nhọc chân tay
Nghèo chữ hồn lắt lay như đèn trước gió
Người giỏi chữ rộng đường suy nghĩ
Người mù chữ nghĩ bí lỗ tròn kim*

Và thế là chúng tôi động viên nhau đi học, cố đi về với "Mẹ Chử" ở tận xứ Thái. Chúng tôi vượt qua bao gian nan vất vả đường trường. Chúng tôi gặp bao chuyện bất ngờ không sao quên được.

Ví như chuyện về những con rết hổ khủng khiếp. Người già kể rằng: Ở rừng đại ngàn, thường có những con rết to bằng cái mái chèo, dài đến sải tay. Chúng tôi nghĩ đó là những câu chuyện "ngày xưa ngày xưa". Không ngờ trên đường đi về với "Mẹ Chử" chúng tôi đã thấy tận mắt và vướng vào vòng gian nguy thực sự.

Ngày xưa - theo các già thường kể - ở những đoạn đường rừng già người ta thường làm những công việc tích đức. Họ nuôi những con gà trống ở hai đầu đoạn đường hay có rết hổ đi qua. Người qua đoạn đường ấy phải xách con gà trống theo, có ròng một dây dài buộc một chân của con gà. Hễ thấy rết hổ tấn công người ta lập

tức thả gà trống ra. Gà trống không mổ chết được con rết hổ. Nhưng thế nào cũng mổ chết ít nhất là một con rết con. Con con rết hổ lớn và khủng khiếp thì chạy trốn ngay tức thì, khi thấy con gà trống màu đỏ rực xuất hiện.

Rết hổ kéo đàn lũ hành quân qua rừng, qua núi, tiếng vang ào ào như một trận mưa rào. Nhưng khi rình mỗi lũ rết ghê hồn lại nằm im thín thít. Một con rết hổ to bằng mái chèo, dài bằng sải tay, có hàng trăm rết nhỏ đi theo. Bao giờ cũng vậy. Người ta bảo những con rết nhỏ là con của rết hổ hay còn gọi là rết chúa. Có người lại bảo rằng hàng trăm con rết đi theo rết chúa là quân lính của rết chúa. Nói là rết con, nhưng mỗi con to bằng hai ngón tay người chập lại, bằng chiếc đũa cả ghế nồi cơm. Mỗi con dài có lẽ cũng đến gần nửa sải tay.

Người và trăm con vật khác, dù to lớn như hổ, như gấu, bị rết hổ cắn đều chết tức khắc. Nhiều người già từng thấy rết hổ cắn những con gấu, con hổ lớn. Con rết mà ngoạm vào chân con vật, con vật đau buốt đến tim óc, đổ xuống như một cột đá. Lập tức hàng trăm con rết con bám vào cắn và ăn thịt con vật trong chốc lát chỉ còn bộ khung xương và bộ lông. Người già bảo hai thứ đó lũ rết hổ không bao giờ ăn đến.

Nếu chẳng may người bị rết nhỏ của đàn rết hổ cắn thì không chết, nhưng chân tay co quắp. Các già bảo nọc của lũ rết hổ độc khủng khiếp.

*

Các già cũng thường kể rằng rết hổ sợ gà trống. Nhưng gà trống thường chẳng bao giờ dám mổ con rết chúa. Vì chúng to nhường ấy. Mọi con vật trong rừng đều sợ rết hổ. Nhưng cũng theo các già thì rết hổ lại đặc biệt sợ một loại cáo nhỏ, chỉ to bằng con mèo. Người Tày gọi loại cáo này bằng cái tên thân mật là "hân gà". Loại cáo "hân gà" rất thích ăn rết. Hình như cả đời loại cáo này chỉ chuyên đi săn rết rừng.

Có một lần – hình như chúng tôi đang học lớp chín thì phải – tôi với Lu đi xe đạp về quê. Chúng tôi đang lao vun vút xuống đèo Giàng. Đèo Giàng ngày ấy rừng âm u, che ánh sáng tối cả trời. Đường nhỏ, đá rải đường lớn nhón, lại có nhiều tuốc-năng ngoắt

ngoéo. Suốt chiều dài con đèo về phía bắc khoảng bốn cây số, chỉ có hai khúc ngắn trải cát mịn, có thể phóng xe, uốn lượn theo các lối gấp khúc. Lư đi trước tôi, đang thả phanh vèo vèo trên đoạn đường có cát mịn. Bỗng tôi thấy Lư hét lên. Tôi không nghe rõ tiếng Lư. Vì chúng tôi xuống đèo bao giờ cũng cách xa nhau, để tránh tai nạn. Tôi không biết Lư kêu cái gì, việc gì, nhưng tôi thấy Lư co hai chân gác lên ghi đông. Cái động tác ấy chỉ là động tác khi xe đạp sắp ắn qua một con rắn nằm ngang đường. Tôi quan sát, không thấy rắn đâu cả. Nhưng tôi lập tức thấy con rết hổ hay là rết chúa mà tôi từng nhiều lần nghe các già quê tôi kể chuyện, như nghe chuyện cổ tích. Tôi vội vàng phanh xe đứng giữa đường. Khi đó Lư cũng lượn xe theo đường gấp ở ngay phía dưới điểm tôi vừa phanh xe. Lư hét lên:

– Rết hổ đấy! Cẩn chết đấy! Nhảy lên xe cho chân lên ghi đông rồi phóng...

Nhưng tôi nhớ các già ở quê tôi kể rằng rết hổ có thể nhảy xa đến hai sải tay và cắn vào cổ người hay cổ những con vật to. Tôi thấy lũ rết không lao xuống dưới đường, mà lũ chúng, một con to bằng mái chèo và hàng trăm con bằng những chiếc đũa cả, tất thảy đều ngóc đầu lên nhìn về phía tôi. Tôi lập tức quay xe chạy lên dốc. Cố nhiên tôi đem hết sức mình chạy cho thật nhanh. Lũ rết chạy đuổi theo tôi mỗi lúc một nhanh. Nhất là con rết chúa vừa chạy, vừa nhảy từng đoạn. Nó văng mình như một chiếc khăn với cái mào bầm máu. Từ chỗ ấy mà chạy ngược lên đèo phải đến hơn hai cây số nữa. Như vậy nguy hiểm, vì chạy ngược dốc rất mệt. Tôi mới chạy được hơn nửa đoạn đường dốc đã thấy mệt rã rời. Chân như muốn khuyu xuống. Tôi định bỏ xe đạp trèo lên cây và dùng dao chém nếu chúng bò lên. Nhưng dù sao tôi vẫn khiếp sợ. Tôi cố chạy. Con rết chúa đi đầu, và cả đàn rết mỗi lúc một rút ngắn khoảng cách giữa tôi với chúng. Khi chỉ còn cách con rết chúa khoảng mười mét, trước mặt tôi có cái cây dễ trèo. Tôi định trèo lên cây thì bỗng từ dưới đường ào lên một đàn "hân gà" mười mấy con. Trong đó có hai con to hơn con mèo. Tôi biết đó là hai bố mẹ của lũ con "hân gà". Một con "hân gà" to lao vào ngoạm con rết chúa. Nhưng rết chúa khỏe hơn, nó lao được xuống dưới đường. Cả đàn cáo cắn đàn rết trăm con chết toi bời. Lũ "hân gà" ăn đàn rết rau rau, hết sức ngon lành. Tôi bỗng ngồi xuống như là lạy tạ lũ cáo "hân gà".

Tôi ngồi im như một cột đá. Vì nếu động đây, lũ "hân gà" sợ chạy mất.

Tuy vậy đàn rết hổ vẫn thoát được có khi đến nửa. Lũ "hân gà" ăn thật nhanh rồi chúng kêu kít kít... ào xuống dưới đường. Chắc là chúng tiếp tục săn lùng đàn rết. Thật là gặp may. Tôi là người không duy tâm, nhưng tôi đã tự gọi hồn mình cho đến khi xuống hết đèo Giàng dài đến năm cây số nếu tính cả đoạn dốc thoải ở dưới chân đèo.

X

Lũ chúng tôi đi thi cấp III, ruổi đường dài, xa xứ xa quê, cho nên các bậc ông bà, cha mẹ chuẩn bị cho lũ chúng tôi thật chu đáo với khả năng của từng nhà. Trong hành trang của nhiều đứa có một thứ hết sức đặc biệt. Đó là hòn sỏi của quê hương. Các bậc ông bà cha mẹ đi xuống suối hay sông tìm một hòn sỏi bằng quả nhót có hình dáng, màu sắc đẹp đưa cho người xa xứ là chúng tôi và dặn rằng:

- Đây là hòn sỏi của "nằm muông" xứ sở. Nó chứa cái hơi, chứa ánh sáng mặt trời, chứa cái khí của quê hương, của non nước xứ sở. Mỗi khi đun nước uống hay nấu canh các con hãy bỏ hòn sỏi này vào. Cái hơi của hòn sỏi, cái thần khí non nước quê nhà sẽ giúp các con khỏe mạnh. "Nằm muông" quê hương sẽ tiếp sức cho các con. Nó là một hòn sỏi nhỏ bé, nhưng nó chứa cả thần khí của non nước quê hương.

Từ ngày bố mẹ họ hàng tôi bàn cách cho tôi đi học tận xứ Thái thì ông nội tôi đã đi tìm hòn sỏi cho tôi mang theo. Sau ba tháng tìm kiếm, ông nội tôi chọn được một hòn sỏi có hình một quả nhót màu hồng, gân tía, ánh sắc biếc xanh. Một hòn sỏi kỳ diệu. Nó đẹp hơn các hòn sỏi của lũ bạn tôi.

Tôi cùng một vài bạn trong bọn tôi giữ gìn những hòn sỏi rất cẩn thận. Tôi coi hòn sỏi ấy là một kỷ niệm thiêng liêng, nhất là khi ông nội tôi đã qua đời.

Cho đến mãi sau này, tôi vẫn gói chín lượt vải chàm, mười hai lượt vải trắng bao bọc lấy hòn sỏi rồi cất vào tủ đựng ở nhà. Nhưng chiến tranh biên giới năm bảy chín, lũ giặc đã phá tan cái tủ và lấy đi tất cả. Chúng lấy cả hòn sỏi của tôi. Chắc chúng tưởng đó

là một viên hồng ngọc. Cố nhiên với tôi thì hòn sỏi đó còn quý hơn cả một viên hồng ngọc.

Có một lần bạn tôi nấu com, không hiểu vì lý do gì đó không bỏ hòn sỏi vào nồi canh mà lại bỏ vào nồi com. Tôi nhai phải làm một chiếc răng hàm mẻ đi một lớp mỏng, to bằng hạt gạo. Răng không đau, nhưng mỗi khi đưa lưỡi vào cứ thấy cái chỗ mẻ nó ram ráp. Tôi thường hay đưa lưỡi vào cái chỗ cái răng mẻ cách đây ba mươi chín năm. Mỗi lần như vậy tôi lại nhớ đến hòn sỏi và nhớ đến những lời dặn dò tha thiết của ông nội tôi.

Tôi dạy học ở Hà Nội vài năm rồi chuyển về trường Đại học Sư Phạm Việt Bắc đất Thái Nguyên. Nhớ đến những kỷ niệm ngày xưa, nhớ đến hòn sỏi thiêng liêng tôi lại về quê, bỏ ra những ngày tháng hè để tìm một hòn sỏi đẹp. Cuối cùng tôi cũng tìm được một hòn có màu sắc óng ánh của dòng sông Bằng Giang nhưng còn kém xa vẻ đẹp của hòn sỏi ông nội tôi cho. Tuy vậy tôi vẫn gói chín lớp vải chàm, mười hai lớp vải trắng bao ôm lấy hòn sỏi đó. Tôi lại bỏ nó vào cái tủ của nhà tôi ở thành phố Thái Nguyên hiện đại. Trường tôi dạy ở gần trường phổ thông trung học Lương Ngọc Quyến. Như vậy là tôi được ở gần "Mẹ Chũ Lương Ngọc Quyến" đến trọn đời. Khi tôi viết truyện này, tôi đã nghỉ hưu được gần một năm. Vài ba năm nữa các bạn của tôi đương chức đương quyền hiện nay chắc cũng phải nghỉ thôi. Vì tuổi đã sắp bước vào sáu mươi cả rồi.

Công tác ở đất Bắc Thái chỉ có ba người trong lũ chúng tôi. Đó là tôi, thượng tá Phan Chu Minh, tức Phan Hồn, Viện trưởng Viện 91, Đặng Đình Lư phó giám đốc Liên hiệp luyện kim màu (Cuối năm 1993 Lư đã chuyển lên mỏ thiếc Cao Bằng làm giám đốc).

Con đường về với "Mẹ Chũ Lương Ngọc Quyến" thật lắm gian lao. Nhưng chúng tôi đã vượt qua tất cả để về với "Mẹ Chũ" thân yêu.

Xóm Bờ ao, tháng 11 năm 1994

Bế Thành Long (dân tộc Tày) tên khai sinh: Bế Thành Long. Năm sinh: 16-10-1938. Quê quán: Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Cỏ may (tho).

Giải thưởng văn học: Giải nhì về thơ của Hội văn học nghệ thuật Cao Bằng. Tặng phẩm năm 1988 của Tạp chí Văn nghệ quân đội.

HỒ

Bọn sơn tràng tóc rậm vào làng phao tin – Có hồ đến. Chính mắt chúng nó trông thấy hồ ngồi nói chuyện với lão Sung ở dưới Vực Cá. Phìa thế mới ra chuyện chứ! Lại là cái chuyện lão Sung ở làng ta. Không nghe phí đời. Đây là làng Đóm Dé nhỏ xíu bên sông, dưới chân núi Già, kề sát với rừng Đông âm u. Người nọ truyền tai người kia. Làng này nhà nào chẳng có người là thợ săn. Hồ đến thì khoái lắm – Thế nào? Thế nào? Cái lão Sung chẳng bao giờ trò chuyện với ai. Mà thật ra, người ta hiểu rất ít về lão. Tương truyền rằng, hồi xưa mẹ lão đẻ vãi lão ra ở gốc sung, nên cứ gọi lão là Sung cho tiện, chứ tên thật của lão, lão đã đánh rơi ở chân trời góc biển nào rồi, có ai rõ? Chỉ biết rằng, khi lão trở về làng thì lão cũng đã già. Một ông lão gầy gò nhanh nhẹn. Chẳng biết làm sao mà lão lại lên cái hang Yểm Bùa để ở. Có ai dám vào cái hang ấy bao giờ đâu. Thế rồi, với bộ quần áo rất cũ nhưng không bao giờ rách rưới, sáng nào lão cũng ra chợ làng bán cá, bán một cách chóng vánh rồi đi. Người ta phỏng đoán rằng suốt ngày lão ngủ ở trên hang Yểm Bùa, còn đêm đêm lão ngồi câu ở vực Gốc Sung. Chỉ có điều hồi này không thấy lão. Hay lão đã bị hồ sai đi rồi chăng. Nhưng cái bọn sơn tràng tóc rậm kể lại rằng, khi chúng thô gỗ qua đường bờ sông thì thấy ngựa kéo xe quỳ hết xuống. Ngựa con đi theo mẹ cũng quỳ. Đứng là ngựa ngửi thấy mùi hồ rồi. Luống cuống không biết làm thế nào để có một củ tỏi. Nếu đập tỏi ra bôi vào mũi ngựa là nó lại đứng dậy kéo xe bình thường. Nhớ ra rồi. Ở gần Vực Cá Gốc Sung có một luống tỏi họ trồng. Mấy thằng mò xuống để nhổ tỏi và chính mắt chúng nó trông thấy hồ đang ngồi nói

chuyện với lão Sung. Hiển nhiên như thế mà lại cứ bảo là nói phịa. Nào có phải một người trông thấy đâu. Nếu có nói sai thì cứ chặt cổ bọn tôi đi. Bọn sơn tràng tóc rậm nói rành rành như thế.

Trăng sáng vàng vạc. Chúng tôi trông thấy rõ là lão Sung bán cá ấy mà. Lão đang câu cá, và có một con hổ to lắm, ngồi ở cạnh. Phải tin đi chứ lị. Nghe chuyện ấy, người làng Đóm Dé kéo nhau đến cửa nhà ông chủ phường săn, trông thấy ông ấy đang tự tay sửa chiếc cung. Ông giơ một nắm tên lên trời – Đây là những mũi tên đã được tẩm thuốc độc. Thấy đông người, ông lại nói to thêm – Làm sao có thể bắn được hổ. Những ngày này bây giờ lạc hậu rồi. Các ông có biết bọn hàn chảo kéo bễ phì phò không. Chúng nó có nhiều cút sắt đấy. Cút sắt là những hạt gang tròn đều đặn nhỉnh hơn hạt đỗ xanh. Những hạt ấy dùng làm đạn nhồi vào súng kíp. Nhồi xong, châm ngòi, nín thở và "đoàng" một cái. Làng ta sẽ phải mượn thợ. Các anh sẽ vào hang xúc phân doi gánh về. Nấu phân doi làm sảmpết chế thuốc súng. Phải vào hang lấy phân doi. Tất nhiên hang Yểm Bùa (chỗ ở của lão Sung) chưa tính đến. Phải có súng mới trị được hổ. Vừa nói, ông chủ phường săn vừa lấy tay che nắng. Nắng chói chang quá. Mà tự nhiên mặt trời lại tắt ngấm. Lợn gà nháo nhác lên. Cái gì thế nhỉ? Trâu bò bỏ nhào lên Bãi Bằng ở đầu làng. Bê ghé được dồn vào giữa. Những con trâu đục đứng ở vòng ngoài, giương sừng ra chờ đợi giữa hỗn mang. Chẳng ai bảo ai, mọi người đã vào hết trong nhà. Con chó cũng lẫn vào trong nhà. Chó của làng này toàn là giống chó săn nhà nòi: Tai đồng, lông đen, hơi gầy và mũi ướt. Ông chủ cố vỗ vỗ vào đầu nó. Nó cứ luẩn quẩn sợ hãi bám riết vào chân chủ. Ông chủ nói với mọi người: Có hổ vào làng ta đấy. Trong thời khắc nhật thực mù mịt, tiếng đàn bà kêu lên: Trời ơi! Con tôi nó ở nhà. Tiếng đàn ông kêu lên: Trời ơi! Con lợn lang tiền trăm của tôi. Cầm đi. Cầm ngay đi. Không gian im phăng phắc. Người ta nghe thấy khe khẽ, khe khẽ luôn lách. Cỏ khô gãy lách tách, lách tách. Đâu đó, có hồn ma về vương vấn kêu khóc trên mấy rặng tre gai: Chúa của tôi ơi. Chúa của tôi đâu rồi. Kẻ nào đã giết mất chúa của tôi... Ông chủ phường săn gan dạ thế mà cũng dâm hoảng. Ông đứng nép dưới bàn thờ, xòe diêm thấp mấy nén hương, cầu mong sự cứu giúp của tổ tiên.

Năm ngoái, ở cánh rừng khác, ông cũng đã đánh bắt được một con hổ thợ. Răng bầy ngoạm nghiền lấy chân nó. Thợ săn chỉ việc

xông vào dùng vỗ đập chết rồi hô hoán khiêng về. Tai con hổ ấy có ba khía. Nó đã ăn thịt được ba người rồi đấy. Những hồn ma ấy đương nhiên coi nó là chúa. Chúa của hồn ma chết đi thì hồn ma coi cút kêu khóc, muốn tìm kẻ đã giết chúa để trả thù... – Thăng lớn đầu – Ông chủ kêu: Mày đi lấy cái ống nứa già mà đập xuống nền nhà đi... Có hổ đến đấy.

Truyền đời, người ta nghĩ rằng hổ rất sợ tiếng tre nứa đập. Thăng con ông chủ đập ống nứa xuống nền nhà, cho phát ra những tiếng động ghê rợn. Thế là mặt trời tái hiện, rạng rỡ, yên bình. Cùng một lúc, mọi người tháo chạy về nhà mình. Chẳng có sự cố bí hiểm nào cả. Lợn vẫn còn đủ. Chỉ có vườn tược nhiều nhà bị giẫm nát, để lại những vết chân rưng rợn to bằng cái bát vại.

Ở Đóm Dế, người ta thấy phường săn dùng dùng đi khai thác phân dơi. Chỉ riêng có hang Yểm Bùa là yên tĩnh. Ban ngày đấy, nhưng lão Sung không ngủ. Và trong ánh hoàng hôn, lão đứng dậy, hăng hái chuẩn bị đồ lễ để đi cầu. Lần này, lão còn đem theo mấy quả bầu tiên đựng đầy rượu. Lão nhẹ nhàng bước trên những mỏm đá lởm chởm. Lão đi nhanh lắm. Khi xuống đến vực Góc Sung, lão đã thấy ông hổ to tướng đang ngồi đợi – Ông Ba Mươi ơi, sao ông đến sớm thế. Có phải là ông đói không? – Ông Sung ơi, không phải đâu, nhưng cũng đúng đấy. Loài hổ chúng tôi, lúc nào cũng đói khát điên cuồng. Giống hổ khi vỗ mỗi bao giờ cũng lẫn xả vào cắn cổ hút máu. Uống hết máu rồi mới đập đuôi, hất hàm vất con mồi qua lưng, dù con mồi có to bằng con bò mộng thì cũng tha đi được. Ông biết không, khi ăn thịt, hổ sẽ ăn những mảng thịt ngon trước. Ăn no là cứ vào chỗ kín đáo ngủ rất say, miệng hồng hộc tỏa ra mùi tử khí. Thúc dậy là phóng uế tung tóe để cho thiên hạ biết rằng ta đây là một kẻ no nê... – Thế ông Ba Mươi không đói à? – Đêm nào tôi cũng được ăn cá, làm sao mà đói kia chứ. Ông Sung ạ, tôi là một con hổ cô đơn, lúc nào cũng cảm thấy buồn, lúc nào tôi cũng muốn xuống Vực Cá để đợi ông. Vì có hồn ma thông ngôn nên hổ cũng đã thành thạo ngôn ngữ của vùng này – Ông Ba Mươi ơi, ông buồn thì đêm nay, ta có một thứ để giải sầu đây. Vừa nói lão Sung vừa rót rượu từ quả bầu tiên vào một cái bát để mời hổ. Hổ cúi xuống uống một bát. Ngẫm nghĩ mãi mới phát ra được câu hỏi: Cái thứ nước này là nước gì nhỉ – Lạ thật. Càng ngẫm càng thấy lạ – Loài hổ chúng tôi chỉ có "uống ánh trăng tan" – Ông không biết

ánh trăng tan là cái gì à. Đây là thơ của ông Thế Lữ ca ngợi loài hổ chúng tôi đấy. Hay thật, hay thật – Loài người các ông có rượu là thứ nước của tâm hồn. Loài hổ chúng tôi mỗi khi sầu thì chỉ biết lấy bài thơ *Nhớ rừng* của ông Thế Lữ ra mà ngâm thôi. Lão Sung đã từng nghe thấy hổ ngâm thơ rồi. Rung chuyển cả núi đồi. Nhưng lão Sung thì có thiết gì đến thơ ca đâu. Còn hổ bây giờ đang cao hứng; hổ phải ngâm lên một bài, mà phải là một bài nịnh bạn. Được nịnh khoái lắm chứ. Phải ngâm bài... "ao thu lạnh lẽo..." của cụ Nguyễn Khuyến. Ngâm xong bài thơ, hổ thấy lão Sung thật sự hoan hỉ. Không biết hồn ma dạy cho hổ thế nào mà hổ lại có vẻ am hiểu thi ca – Tôi sống ở trong rừng mà lại cứ luôn luôn nhớ rừng mới chết chứ. Ông ở trong làng, ông có thấy nhớ làng không. Chí lí. Lão Sung cũng có vẻ say – Ông Ba Mươi ơi. Ông nói chí lí. Ông Sung ạ, ở đời này mấy khi được tương phùng. Uống nữa đi. May mắn quá – Tôi với ông bây giờ là một đôi tri kỉ. Cái thứ nước Tâm Hồn này ông thò được ở đâu đấy? – Sao lại bảo là "thò" – Rượu càng ngấm hổ lại càng nói nhiều – Ông bảo là mua à. "Mua" là thế nào tôi chẳng biết – Ông bảo có tiền mới mua được – Thú vui cũng phải mua bằng tiền à. Ông có cần tiền không – Loài người chúng tôi ai cũng cần tiền, ai cũng thích tiền – Thật thế à – Thế thì tôi có cách cho ông thật nhiều tiền. Ông không biết đâu, ở rừng thẳm, loài hổ có cả một nghĩa địa. Các con hổ già nua, tự biết vào đấy nằm chờ chết. Tôi sẽ tha lên hang cho ông hẳn một bộ xương hổ và ông sẽ bán đi, như bán cá ấy – Ông sẽ có khối tiền – Đã là bạn bè, phải nghĩ cách giúp nhau chứ – Không biết ông thì thôi – Biết ông rồi mà thiếu ông thì tôi làm sao sống được – Nếu tôi có chết, tôi không vào nghĩa địa hổ đâu – Ông Sung ơi, cho tôi được chết ở cạnh ông. Hổ đã say quá thế. Mà sao Mai đã hiện lên kia rồi. Chẳng mấy chốc vầng dương sẽ rạng. Thế là đôi tri kỉ phải cạn chén cuối cùng để chia tay.

Nghĩ cái hồi đầu mới gặp nhau thật kinh hoàng. Hổ đang đói quằn quại mà lại ngửi thấy hơi người. Có cả mùi cá tanh tanh vô cùng hấp dẫn nữa. Cái giống mèo vĩ đại này thích cá lắm. Con lão Sung, thì lão đang ngồi câu cá. Đêm trăng trong thanh tịnh lạ lùng. Cá lại dớp mồi nữa rồi. Giật câu và gỡ ngạnh, lão từ từ nhét con cá còn giãy đành dạch vào trong dọ – Lão bực mình vì cái dọ cá của lão sắp đầy. Mơ ước cái dọ cá cứ vui vui thôi, đừng đầy, để lão

được ngồi ở đây câu đến muôn đời. Đang muốn thế, khi ngẩng lên... Bỏ mẹ! Một con hổ chết tiệt to dùng ngồi ngay ở bên cạnh – Làm thế nào bây giờ – Lão đình tâm lại. Biết là gặp thú dữ thì không được hốt hoảng bỏ chạy. Lão đình đặc mở cái dọ ở bên sườn ra, móc lấy một con cá tươi ném vào mặt hổ. Hổ đưa tay ra vờn lấy con cá rồi giẫm đè lên. Nó chưa ăn ngay. Nó chỉ thò chiếc lưỡi đỏ lôm và uyển chuyển liếm mép rất nhanh rồi im lặng giữ lại vẻ oai nghiêm. Lão Sung rất hoảng, chưa biết là hổ đang có ý định gì. Đột nhiên có tiếng nói: Ta là hồn ma đây. Ông Ba Mươi đây là chúa của ta. Lão Sung ơi, lão đừng hoảng sợ. Lão cho ông Ba Mươi con cá. Ông Ba Mươi có lời cảm ơn đấy – Lại thật – Máy chục năm bán cá, bán, mà bán rẻ như cho, có ai cảm ơn đâu. Lần này, cho hổ một con cá, thế mà lại có sự cảm ơn. Lão vẫn sợ, nhưng lão biết im lặng, ung dung. Lão khéo léo thu dây câu, sửa lại gỏi và dùng đỉnh ra về – Đi được một đoạn thì lão thấy ông Ba Mươi đập đuôi thỉnh thoảng xuống đất, đứng đón đường. Cái giống hổ, bao giờ cũng có cái thói đón đường như vậy. Lão Sung sững lại trong giây lát và suy nghĩ. Lão lại ném cá ra cho hổ. Hổ cuống quýt cào xuống đất và ăn như điên dại. Lão Sung thấy hổ hứng khởi và lão cũng hứng khởi ném hết cá ra cho hổ. Thế có chết không chứ. Chốc nữa thế nào nó cũng lại đón đường. Khi ấy biết lấy gì ném cho nó. Lão đến chợ thì trời cũng đã sáng đâu. Và lão chợt nhớ ra là mình cũng không còn cá để bán. Đứng ở đây mãi làm gì. Nghĩ một lát, lão đi thẳng lên hang Yểm Bùa. Nhưng chết chưa, con hổ khi nãy ngồi chồm hổm ở ngay trước cửa hang – Lão Sung ơi. Lão cứ đi vào hang đi. Lão làm theo và như thế là đi qua sát miệng hổ – Chúa của tôi đền ơn ông đây. Hổ nhả xuống nền đá, roi đến cạch, một mảnh xương dẹt và tròn – Một chiếc xương bánh chè đấy – Khi nào ông văng vất mệt mỏi, ông mài chiếc xương này vào đáy cái bát sành, pha nước mà uống, ông sẽ thấy sức khỏe cường cho đến tận tâm linh. Trời sắp sáng rồi – Chúc ông vạn thọ an cương. Nói xong, hổ co mình, đập đuôi, nhảy vọt biến.

Sau đó, lão Sung cũng mài chiếc xương bánh chè vào đáy chiếc bát sành và pha nước uống. Đúng là lão thấy xương cốt giãn ra, tiêu tan hết bệnh hoạn già nua, khoái cảm và mạnh mẽ. Lão nghĩ rằng, phải làm một cái gì chứ. Tất nhiên là chỉ có đi câu thôi. Chờ

mãi trời mới tối. Xuống đến vực thì lão đã thấy ông Ba Mươi chờ sẵn ở đấy rồi. Trông thấy lão Sung hồng hào, sáng khoái, hổ thích lắm.

Thế rồi, đến một đêm nào đấy, hổ chờ mãi ở dưới vực mà chẳng hề thấy lão Sung. Hổ buồn quá. Ông Ba Mươi đã mang sẵn nổi sâu của một kẻ nhớ rừng, bây giờ lại nhớ thêm cả lão Sung nữa thì làm sao chịu nổi. Hổ quyết định lên hang Yểm Bùa để xem lão Jau yếu ra sao, nhân thể tha lên cho lão một bộ xương hổ nữa. Phải để cho lão thật giàu chứ. Để cho lão có thật nhiều tiền chứ. Đến cửa hang thì hổ dừng lại. Bộ xương hổ rơi xuống nền đá. Hổ đau đớn găm lên, cào nát đá mặt hang. Toàn thân của nó rung rung và mắt nó tràn lệ. Tuổi già dễ tắt như bóng đèn. Lão Sung đã chết trên cái giường đá của thiên nhiên. Có ai tránh khỏi cái điều ấy đâu. Hổ lim đi rồi quẩn quại – Chúa của tôi ơi – Làm sao chúa của tôi lại như thế này. Con hổ già run bần bật. Thân hình đẹp đẽ và uyển chuyển của nó rần đánh lại, đổ vật xuống và mềm ra, mềm ra. Chúa hổ đã băng hà và hồn ma hoảng hốt bay đi...

Tất thấy thợ săn vào nhà chủ phường săn thua rằng: Không có hiệu quả gì hết. Chẳng săn được một con thú chết tiệt nào. Chủ phường săn hiểu cả nhưng vẫn cứ hỏi lại – Sao lại thế? – Thì chúng tôi có một ít thuốc súng nào đâu – Phân dơi ở các hang đều đã lấy hết rồi. Thôi được – ông chủ nói – Thế thì lên hang Yểm Bùa, nguyên vẹn chưa động đến bao giờ. Vì có ai dám đến đấy đâu – Sống chết phải có phân dơi.

Cả phường săn phải dừng cảm ào ạt kéo lên hang Yểm Bùa. Hang Yểm Bùa thì làm gì có phân dơi. – đấy chỉ có lão Sung, mà lão thì đã chết lâu rồi. Bộ xương của lão nguyên vẹn trên giường đá thiên nhiên. Nhưng xương người thì quan trọng cái quái gì. Ở này, họ lấy báng súng đẩy đồng da hổ. Một con hổ mới chết. Kinh quá. – đây sao lại có lắm bộ xương hổ đến như thế. Nhiều bộ xương hổ thật đấy. Đúng là xương hổ. Tôi nhìn thấy trước – Ai? Tôi! Thì chính tôi nói trước đấy là xương hổ. Những bộ xương hổ này đáng giá ngàn vàng theo nghĩa đen. Kho vàng đấy. Chẳng biết làm sao họ nổi xung, đập nhau bằng báng súng. Mắt của họ tối sầm lại và rút dao đâm nhau. Máu của phường săn phụt ra tung tóe. Màu đỏ của máu phủ lên màu đen của muối khói yên bình. Máu lạnh lảng ngập hết những vết cào đau đớn khóc bạn của con hổ già trước khi nó chết.

La Quán Miên (dân tộc Thái) tên khai sinh: Quán Vi Miên. Năm sinh: 31-10-1951. Quê quán: Quỳnh Hợp - Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản: Bản quê yêu dấu (thơ 1996); Hai người trở về bản (truyện và ký 1996); Phong tục tập quán các dân tộc thiểu số Nghệ An (nghiên cứu 1997); Vùng đất hoa Cò Mạ (truyện và ký 1997).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng văn học Hồ Xuân Hương 1986-1996 của Nghệ An.

TÌNH YÊU CỦA HỔ

Cô Xáo Ngam hôm ấy đi hái măng. Phải chăng đây là mùa hái măng cuối cùng của người thiếu nữ xinh đẹp ở Mường bố mẹ? Cô sắp đi lấy chồng rồi. Cô bị ép gả cho nhà giàu. Đúng hơn, nhà cô bị nợ thóc, nợ tiền của người ta. Cô vừa hái măng, vừa khe khẽ hát thầm. Cô hát bài hát buồn:

*Người ta dắt con trâu đến
Họ cầm bạc nén lại
Mẹ gả em cho chàng mặt rỗ
Bố gán em cho thằng mặt lưỡi cày
Người tình yêu quý hồi, có hay?
Không lấy được anh, em muốn thất cố
Phải xa anh, bao giờ mới gặp đây?...*

Cô Xáo Ngam gạt thắm nước mắt và ngẩng nhìn lên, thì... Phà ơi! (Trời ơi), một con hổ to lớn đang đứng trước mặt cô. Nỗi khiếp sợ khiến cô chết ngất. Tỉnh lại, cô vẫn thấy con hổ đứng yên, vẫy đuôi về hiền lành. Cô liền chấp tay lạy chúa sơn lâm rồi lẩn bước xuống núi. "Bố ơi!...". Đi được một đoạn cô mới kêu được mấy tiếng. Về nhà, hoàn hồn, cô mới kể tường tận cho bố mẹ nghe. "Hay là con hổ ngày xưa ấy?" - Mẹ cô nói. Cô hỏi, bố cô cũng hỏi: "Con hổ nào ạ?". "Con hổ con bị sập bẫy mà con đã cứu đó mà!" - Mẹ cô lại nói. Cô Xáo Ngam nhớ đến hồi còn nhỏ một lần đi rừng với mẹ. Cô thấy một con hổ con bị mắc bẫy của ai. Cô đã đắp lá thuốc vào

vết thương cho hổ và thả hổ ra. Chuyện này hai mẹ con cô giấu mãi cho đến bây giờ. Nào ngờ...

Đã đến ngày cưới. Cô Xáo Ngam sụt sịt khóc, lóng ngóng búi tóc, trùm khăn đi về nhà chồng bản xa. Khi bước xuống thang, cô ngoái lại đằng sau, thấy người yêu nhìn theo đăm đăm. Cô bỗng khuyu xuống. Mấy người rước dâu phải xúm lại nâng cô dậy. Đến làm dâu được mấy ngày, cô Xáo Ngam đã phải đi rừng lấy củi. Cô bỗng thấy hổ. Cô hốt hoảng kêu cứu. Chồng cô tuốt dao lao tới. Con hổ xông vào anh, khiến anh phải quăng dao, chạy biến, bỏ mặc vợ với hổ. Nhưng con hổ đã đứng ngắm nhìn cô Xáo Ngam một lúc, rồi lặng lẽ đi vào rừng. Sau trận ấy, chồng cô bị ốm rồi chết. Cô Xáo Ngam góa chồng, lại trở về bản Có Phương với bố mẹ. Trời ơi! Nỗi buồn xen lẫn niềm vui của người phụ nữ góa trở về bản quê! Nói sao cho xiết!

Cô Xáo Ngam gặp lại người yêu và hai người xin phép làm lễ cưới. Họ chặt cây, dựng nhà, làm ruộng, cuộc nương, trồng bông, dệt vải... Họ lại đi rừng. Một lần, hai người lại gặp hổ. Con hổ đi ngang qua trước mặt họ. Con hổ to lớn, nom vẻ hiền lành. Con hổ nhìn hai người, nhìn cô Xáo Ngam rồi đi khuất vào rừng.

Khôn Tinh, 1967-1990

HAI NGƯỜI TRỞ VỀ BẢN

Vi Nhôn trở về bản quê sau nhiều năm du học. Đến đầu bản, anh bị mấy người từ trong các quán xông ra, kéo vào uống rượu. "A! Đi Tây về sao không biết uống rượu, hút thuốc? Vậy thì...". Họ dốc cả chai rượu lên đầu, lên cổ anh.

Anh về, cả bản đến thăm. "O! Sao chỉ thấy anh mang về một cái va li?" Vi Nhôn cười ngượng nghịu: "Tôi đi học cái chữ, học cái nghề...". Mọi người uống nước, hỏi han đôi ba câu rồi lục tục ra về.

Hôm sau, anh làm lễ đi thăm mộ bố mẹ, mời mấy già làng đến uống rượu, ăn cơm. Xong, anh đi chia buồn với những gia đình có người mất trong thời gian đi vắng. Anh đến thăm những người già yếu và cho ít thuốc bổ... Vậy mà, không hiểu sao, trong bản lại

nổi lên những lời chê trách anh. "A! Hấn đi Tây về, bây giờ khinh ta dốt, khinh ta nghèo!". Cái mồm vợ chồng ông Hứa Mộng là to nhất.

Vi Nhôn biết rõ họ muốn gì, như biết rõ cái rễ của cây. Hồi ở nhà, anh yêu cô Ôn La xinh đẹp. Ông Hứa Mộng, lúc đó là giám đốc một công ty, đã hỏi Ôn La cho thằng con trai, xoay cho Ôn La đi xuất khẩu lao động, định về sẽ cưới. Thằng con trai ông đi bộ đội đào ngũ, sau đi trung cấp lại đánh lộn, cầm quán, bị kỷ luật, về làm kế toán hợp tác xã...

Nghe nói Ôn La cũng sắp về.

Rồi Ôn La về thật. Một cái xe ô tô đưa cô về tận bản. Cô từ trên xe bước xuống, váy ngắn, tóc uốn tổ quạ, má phấn môi son, vai mang túi da đồng da nhẵn...

"Ô! Thật đúng là người đi Tây về!". Người ta đập thùng hàng trên xe ra, khuôn xuống nào xe máy, ti vi, tủ lạnh, đồ nhôm, vải vóc... Người người lũ lượt đến nhà Ôn La. Trẻ con được hút thuốc, thanh niên được uống rượu, phụ nữ được một vuông vải hoa, người già được một vỉ thuốc... "Người sao tốt thế!". Ai ai cũng khen Ôn La. Vợ chồng ông Hứa Mộng mặt to lên bằng cái lá cọ. Ôn La sắp thành con dâu của họ rồi.

Bản Đồn đang náo động lên như thế thì một nạn dịch tràn đến. Hứa Cộc, con trai ông Hứa Mộng, mới đi đào vàng, đào đá đỏ, đào quặng thiếc về, đã lăn đùng ra, nằm rên ư ử. Nguy rồi! "Ôn La đâu? Mày có thuốc, mày biết tiêm mà!..."

Ôn La chích cho Hứa Cộc một mũi tiêm, khi rút kim ra thì Hứa Cộc tắt thở. "Trời ơi! Trời ơi!". Vợ chồng ông Hứa Mộng đập đầu xuống sàn nhà kêu khóc.

Vi Nhôn nghe tiếng, đến, cầm lọ thuốc lên xem, lắc đầu. Anh biết Hứa Cộc đã bị tiêm kháng sinh cao liều, lạc thuốc.

Mọi người nhìn anh, hỏi như đang mê. "Mày có giúp được dân bản không? Hãy cứu lấy một đứa bé nữa cũng đang ốm nặng!". Anh đi ngay đến nhà người ốm, chẩn đoán lâm sàng, cho thuốc uống. Quả nhiên, nửa đêm thì bệnh thuyên giảm. "A! Mày giỏi quá! Mày tốt quá!". Đến lúc này mọi người mới "ồ" lên thán phục.

Hứa Cộc chết, người mẹ hóa điên, phải nhốt trong cũi, ông Hứa Mộng gầy rộc đi, rụng trọc tóc, trông như cái thầy ma.

Hết hạn phép, Vi Nhôn đi Hà Nội nhận công tác. Mấy tháng sau, một người bạn Đốn đọc được ở trên báo cái tin về bệnh viện K ở trung ương vừa hoàn thành được một ca bệnh hiểm nghèo do Vi Nhôn, phó tiến sĩ y học, bác sĩ khoa tâm thần học phụ trách.

Bản Đốn nhỏ bé lại sôi lên vì cái tin ấy. "Hay là đưa bà Hứa Mộng ra điều trị ở bệnh viện K?". "Nhưng lấy tiền đâu?". "Tiền ở chỗ Ôn La chứ còn gì nữa!". "Ôn La đâu?". "Cô nàng đã cao chạy xa bay từ bao giờ rồi!"...

Bản Đốn từ đó không sao trở lại yên tĩnh được nữa. Mọi người như vừa qua một cơn ác mộng.

Bản Đốn, 1988

Vinh, 1993

Hơ Linh Niê (dân tộc Ê Đê) tên khai sinh: Linh Nga Niêk Đăm. Năm sinh: 8-8-1948.

Tác phẩm đã xuất bản: Bắt chồng (truyện ngắn 1996); Con rắn màu xanh da trời (truyện ngắn 1997); Những nét đặc trưng phong tục các dân tộc Tây Nguyên (1997). Trăng Xí Thoại (ký 1999).

TRĂNG XÍ THOẠI

Trăng mười bốn dăm dăm xanh, lung linh huyền ảo. Tiếng trống đối đáp, tiếng chiêng ngân nga bay lên trong không gian cao nguyên xanh thăm thẳm, vơi vơi, lay động cả mảnh trăng mỏng trong suốt. Trên nhà Rông còn thom mùi gỗ và tranh mới lợp, các già làng Xí Thoại đang bàn bạc để nhất trí với nhau về thứ tự của lễ "Xoay cột dăm trâu cầu mùa". Lâu lắm rồi plơi mới lại mở hội. Lâu tới không còn đếm được bao nhiêu mùa rẫy, bao nhiêu con trăng đi qua nữa. Vậy nên những người già mới phải ngồi lại cùng nhau để nhắc nhau nhớ từng việc lễ, việc hội. Còn lũ thanh thiếu niên thì chộn rộn suốt nhiều ngày nay rồi. Từ thuở mở con mắt biết nhìn đời đến giờ, chưa đứa nào được biết đến hội làng. Bởi chỉ tính từ lúc tạnh lửa bom tới nay thôi, cũng đã hơn hai mươi mùa tuốt lúa rồi còn chi nữa. Xí Thoại cái chân vừa hết nỗi lo chạy giặc càn, đôi tay đã lại phải gồng lên vượt qua trận đói này đến khó khăn kia. Con mắt tối, chân phải chân trái đạp nhau mà chạy việc. Gạo trâu dâu mà để tổ chức lễ hội cơ chứ? Bây giờ, chỉ cần nghe người già bàn, xem người lớn chuẩn bị cột dựng nêu, lựa chọn trong dăm trâu "một em", con nào đáng đẹp để dâng lên các thần linh, đã thấy hấp dẫn rồi. Huống gì luyện điệu múa, tay đánh chiêng, vỗ trống mà đua tài với gái trai các plơi Đông, plơi Sanh, làng Chăn Du, Che La, lại cả Hà Giảng Trên tận Vân Canh cũng tới vui chung nữa. Hội xoay cột dăm trâu năm nay chắc chắn là vui hưng. Chẳng thế mà người mãi tận Sài Gòn, Hà Nội, Đắk Lắk, Phú Yên, Bình Định... đổ về đông hơn bấy ong chia tổ. Suốt mấy ngày đêm nay, không lúc nào ngưng tiếng chiêng, nhịp trống.

Theo đúng phong tục, lễ sẽ diễn ra trong bốn ngày đêm.

Ngày thứ nhất: Thịt một heo năm gang, xin các Yang cho dọn dẹp sân bãi, chặt cây về đẽo gọt, vẽ vôi hoa văn, dựng cột Loong kmuôn. Ngày này nhỏ lớn gì cũng phải tham gia. Sao cho quanh nhà Rông, quanh ploi khắp mọi đường ngang lối dọc đều sạch sẽ gọn gàng.

Sáng ngày thứ hai lại mổ tiếp một heo nữa, xin các Yang cho dựng cột lên. Người ta làm một chiếc ngai nhỏ bọc vải trắng, đồ trên ngọn nêu, trong có bày rượu, gạo, đèn cây... làm chỗ đón các Yang nghỉ ngơi uống rượu, chúng kiến lòng thành của muôn dân. Dựng nêu xong, con trâu được lựa chọn sẽ đem tới cột gần đó. Trâu sẽ bị bỏ đói đến ngày mai, để trở thành một vật hiến sinh sạch sẽ dâng lên các thần linh. (Dù xưa nay người ta vẫn bảo "ngu như trâu", nhưng con trâu của người Xí Thoại hôm nay, chắc biết vui, dù bị bỏ đói, để được thanh sạch mà mang lòng thành của buôn, ploi về cỗi các Yang Atáo, chốn thiêng liêng của mọi linh hồn. Nghĩ được như thế, ai còn cho rằng đâm trâu là không có tính nhân bản?) Đến lúc này, trên nhà Rông đã có gần 40 ché rượu của các gia đình mang tới đóng góp. Từ nay đến lúc xong lễ, người ta vẫn tiếp tục vác ghe rượu tới nữa. Đó cũng là một nét đặc trưng của tính cộng đồng trong các lễ hội Tây Nguyên: Ai cũng được tham gia, nhà nào cũng được góp phần, không nhiều thì ít.

Con heo cúng đã cạo sạch, nằm xoài trên tàu lá chuối to, cổ đặt chén huyết trộn thịt băm, xung quanh mình bày gạo, thịt, trầu cau. Ngọn đèn sáp ong trên miệng ché cháy lên, năm ông pongai soi kơ Yang (thầy cúng) lần lượt múc nước đổ vào ché và đọc lời cảm tạ của các Yang đã cho một vụ mùa no đủ, bình an; cầu xin mùa tới mưa gió thuận hòa hơn. Tiếng chiêng trống ngân nga rộn ràng theo gió xa, báo với mọi ploi: hôm nay Xí Thoại mở hội.

Chiều nắng nhạt, trước khi lễ tạ ơn được chuyển từ trong nhà Rông ra cột nêu, là lúc các chàng trai cô gái trong ploi đua tài. Làng Đông, làng Sanh ở gần hơn, đã cử các đại diện xứng đáng của mình đến dự. Xí Thoại có hai đội chiêng và hai đội nữ múa. Một đội toàn trang phục thổ cẩm cổ truyền, dày đặc hoa văn trên gấu áo, gấu váy, cổ tay. Một đội: Nam, áo thổ cẩm mặc ngoài quần áo trắng; nữ, áo păn tự dệt, áo bà ba các màu với chiếc khăn môôk ch'rai

đính giải cườm duyên dáng. Này, xin đừng ai thắc mắc nữa nhé, bởi chúng tôi đã gắng hỏi nhiều già làng, nhiều amí cao tuổi, bà con đều đính ninh rằng "bộ quần áo trắng mặc trong áo dệt thổ cẩm, là trang phục truyền thống từ lâu đời của người Banar Chăm". Chà! Cái mới mọc rễ từ lúc nào không ai nhớ rõ nữa. Cũng may mà còn nghề trồng bông, dệt vải mà Yă Siă truyền lại cho phụ nữ Banar từ ngàn đời nay...

Trên sân nhà Rông, các cặp trống đối đáp của ba plơi thi nhau đua tài. Bên thâm trầm thủ thủ, bên mạnh mẽ sôi nổi. Có lẽ chỉ người Banar mới hiểu hết ý nghĩa đối đáp sâu sắc của ngôn ngữ trống đôi mà thôi. Riêng tiếng chiêng náo nức thì như mời gọi, nâng bàn tay, dìu bàn chân gái trai vào vòng xoay lễ hội. Các sắc áo màu xanh, đỏ, vàng và thổ cẩm, rực rỡ như bảy sắc cầu vồng làm bùng sáng cả sân nhà Rông.

Chẳng biết các Yang ngự trên ngọn nêu có thấy? Người nhạc sĩ thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên mê mẩn len lỏi bám theo từng tiếng chiêng, tay ghi chép, tay bấm máy, tai lắng nghe. Ông tiến sĩ múa và cô phóng viên cố bước theo nhịp những bàn chân trần xoay trái, xoay phải. Chẳng làng nào giống làng nào, cả những bước chân lẫn động tác múa. Gái plơi nào đẹp hơn, múa giỏi hơn đây? Trai làng nào hòa đều nhịp chiêng, điệu trống hơn đây? Còn ai để phân biệt hơn thua giữa cái say say bồng bênh của nắng gió và nhịp chiêng trống cứ bình bong, bình bong. Cả tôi nữa, bất lực! Chẳng làm thế nào mà thu hết vào ống kính lẫn trang giấy "cái thần" của nhịp điệu quyến rũ này, gương mặt ngất ngây kia. Hay chính tôi cũng đang lênh bênh trên sóng chiêng chòng chành và những cánh tay mềm dịu dàng lên xuống ấy.

Con trâu, lễ vật sắp được dâng lên các thần linh đã được năm chàng trai trẻ khỏe dắt ra cột vào chân nêu.

Bảy người phụ nữ dắt trâu đi xoay quanh cột bảy vòng. Với hai chiếc lá trầu xé tròn sắp ngửa, các thầy cúng đã xin được sự chấp thuận của các Yang.

Nửa đêm ấy, trong ánh trăng vàng vạc, giữa giờ khắc chuyển giao thiêng liêng của đất trời, lễ rước các Yang về dự hội được tiến hành qua ba lần cúng mời gọi, với đủ rượu, trầu, thuốc, gà... Người ta làm ba chiếc Long sơ chơ nguôn (tương tự ba cây nêu nhỏ cầm

tay, giống chiếc cần câu), có buộc thêm một cái rối nhỏ xíu, như câu như vót lấy sự may mắn do các thần linh ban phát.

Ngày thứ ba chém trâu, được coi như ngày chính của lễ hội "Xoay cột đâm trâu". Từ sáng sớm cả ploi đã nhộn nhịp. Trước khi làm lễ cầu mùa, còn phải đón khách xa. Cách làng cả mấy ngàn bước chân, khách đã tới bên kia bờ suối, chỉnh trang đội hình áo quần. Bên này, già làng cao tuổi nhất dẫn đầu, chiêng trống nổi lên cho bước chân rộn ràng trong điệu múa đón khách. Khách cũng vừa tấu chiêng vừa múa tiến dần vào làng. Trịnh trọng và trang nghiêm nhưng không hề mất đi vẻ vui tươi. Đặc biệt là trong ánh mắt các chàng trai cô gái. Em e thẹn cúi đầu cố giữ đều bước chân. Nhưng má em ửng hồng vì vừa bắt gặp một ánh mắt ai? Tay anh vẫn giữ đều nhịp chiêng, sao bước chân bỗng dừng bối rối bởi một nụ cười nào? Kỳ diệu thế sức sáng tạo của những nghệ nhân dân gian! Cùng một ngữ điệu Mônkhomer, một kiểu trang phục, một đường nét hoa văn, mà âm thanh và nhịp điệu những dàn chiêng, cả các bài múa đều khác nhau. Nếu chiêng Vân Canh chậm rãi ngân nga nâng những đôi tay, bước chân uyển chuyển, thì nhịp chiêng Che La lại dậm dật đến lạ, khiến hông và cánh tay các cô gái, đặc biệt là đôi hông các chàng trai (điển hình cơ bản múa dân gian Banar), cũng đánh đưa mạnh mẽ hơn. Nhịp chiêng làng Đông nhanh vui, tiếng chiêng Xí Thoại chững chạc, tự tin trong ưu thế chủ hội. Đường như họ đều được các thần linh ban thêm sức lực để múa và tấu chiêng từ lúc nắng mới lên ngang lưng chừng cây đa, cho tới nghiêng hẳn về phía Tây nhà Rông, mà vẫn không ai tỏ ra mệt mỏi. Chỉ có say sưa và mềm dẻo hơn thôi.

Khoe tài đã lâu. Đám đông nhường khoảng trống quanh cột nêu cho hai mươi lăm phụ nữ chủ gia đình ploi Xí Thoại nắm cùng một sợi dây buộc trâu, dắt xoay quanh cột ba vòng, báo với các Yang lễ đã chuẩn bị xong. Các thầy cúng vừa khấn vừa ném gạo cũng ba vòng xoay quanh cột nêu. Lời khấn lúc này, không chỉ là với các Thần linh, mà còn có thêm lời tâm sự với con vật đang vì lễ sống còn của cả cộng đồng, mà trở thành vật hiến tế. Trong tâm thức của người Tây Nguyên chúng tôi, có lẽ con trâu không chỉ hiểu trách nhiệm, nghĩa vụ cao cả của nó, mà còn hiểu và ghi nhận cả tình cảm gắn bó của con người đối với con vật nữa kia. Lại hai lá trâu xé tròn xin âm dương. Các Yang ung cho rồi, một thầy cúng trong

tiếng *Do tiếp*¹ u u, chém mỗi bên hông trâu một nhát. Huyết đỏ sẽ được bôi lên chiếc rìu cùn, cột nêu, cột nhà Rông, minh chứng rằng đã có một con vật được hiến dâng lên các Yang. Đám trai làng dắt trâu ra khỏi vòng, đưa đi giết mổ. Chiếc đầu heo và đầu trâu đều được để lên cột nêu, trong chiếc ngai của các Yang. Phần lễ đến đây tạm dừng. Chiêng trống các ploi lại nổi lên cho đám phụ nữ vào vòng xoang. Lại áo xanh, áo đỏ, vàng rực lên trong nắng sớm. So Ri, đội trưởng đội múa nữ của Xí Thoại cười trong niềm vui tràn ngập: "Hai mươi tám mùa rẫy, hôm nay em mới được dự lễ hội lần đầu tiên. Múa cũng mỗi chớ, nhưng mà vui và say sưa không muốn bước ra khỏi vòng đầu".

Đêm chèoang nhanh chiếc áo đen lên vạt vật, nhưng trăng mười sáu vẫn trong trẻo xanh giữa trời. Trăng ghé ngồi bên đám trai gái đang rúc rích nhỏ to khắp sân. (Ngày mai có bao gái trai nên đôi, ai mà đếm được?) Trăng sà xuống nhà Rông bập bùng ánh đuốc, nghe câu adoh, adây của các bậc cao niên đang ngắt ngư bên hàng chục ché rượu cần:

*Bước chân em con công xòe múa.
Bắt về em trắng lóa tựa chớp đêm
Anh đi xa chín núi, mười làng
Vẫn nhớ dáng em dịu dàng ngày hội...*

Trăng bỗng bệnh – trong câu hát giao duyên. Trăng bao nhiêu tuổi rồi trăng già? Có phải trăng là nhân chứng duy nhất hàng ngàn đời nay đồng hành cùng mọi lễ hội Tây Nguyên đó không? Ôi! Nếu không còn những đêm ngày thế này, những câu hát tuyệt vời thế kia còn không? Nhịp chiêng náo nức ấy còn không? Và bàn tay dịu mềm của em, của chị, của bao người phụ nữ Tây Nguyên có còn được bay lên như cánh chim Ch'rao, hay chỉ mãi miết đêm ngày với khung cửi, rẫy lúa, con suối... mà thôi, hỡi các Yang?

Ngày thứ tư, người ta rước đầu trâu xoay quanh cột nêu và nhà Rông bảy vòng. Đến khi nào đầu lên tới nhà Rông coi như lễ nghi chấm dứt. Các già làng chỉ còn đãi đằng khách nào đến muộn và đưa tiễn khách xa với tất cả sự bịn rịn, lưu luyến.

1. *Do tiếp*: tù và bằng sừng trâu.

Tất nhiên sẽ có ai đó kêu ca rằng bốn ngày lễ hội vừa tốn kém của cải, vừa tốn thời gian. Vâng! Nhưng nếu hàng năm, vào một ngày nhất định nào đó, hướng dẫn bà con tổ chức ngày hội văn hóa thể thao dân tộc với quy mô nhỏ, giao lưu giữa các làng gần, không cần phải đâm trâu. Rồi hai, ba năm một lần, có những ngày hội lớn, giao lưu giữa nhiều làng xa, có đâm trâu, thì có nên không? Nếu có ai đó "bắc thang lên hỏi" các Yang, chắc Yang cũng nghĩ như người Tây Nguyên, rằng lễ hội cần cho bà con lắm. Tiền đâu cho lễ hội ư? Giá mà hàng mấy trăm tỉ đồng "được" các đại gia làm thất thoát ấy, sẽ vài chục triệu chia vui với những mùa trăng lễ hội Tây Nguyên nhỉ?

Nhưng này bạn! Hãy ngắm những gương mặt rạng rỡ của bảy người phụ nữ, với bảy chiếc chén, làm thành bảy tầng tháp nước, đổ xuống ché rượu chúc phúc cho các già làng, thầy cúng. Hãy một lần sống trong những ngày bông bênh náo nức với nhịp trống chiêng, nhịp xoang như thế. Hãy thử cùng người Tây Nguyên chúng tôi trong cùng một không gian rạo rực như thế, rồi hãy quả quyết rằng có nên để lễ đâm trâu được tồn tại hay không? Ai chẳng có một chỗ dựa nương cho tâm thức mình. Người chọn Đức Chúa Jê Su Crit, kẻ tôn thờ Đức Phật tổ Như Lai. Còn người Tây Nguyên chúng tôi tôn thờ những thần linh, các Yang... Xin các Yang chứng giám cho lòng thành của muôn dân kon, ploi, mà cho mưa thuận gió hòa đi cùng no đủ, không bệnh dịch xảy ra. Chúng tôi thành kính dâng lên các Yang Atô lễ vật hiến sinh trong sạch nhất, lớn nhất: Con trâu trong lễ hội "Xoay cột cầu mùa" hôm nay! O Yang!

Xí Thoại, tháng 4-98

Hà Trung Nghĩa (dân tộc Mường) tên khai sinh: Hà Trung Nghĩa.
Năm sinh: 4-5-1947. Quê quán: Yên Lập – Vĩnh Phú.

Tác phẩm đã xuất bản: *Hoàng hôn (tập truyện 1995); Lửa trong rừng Sa mu (tiểu thuyết 1996).*

Giải thưởng văn học: Giải ba cuộc thi truyện ngắn Tạp chí Văn nghệ quân đội 1982. Tặng thưởng của Ban văn học và miền núi Hội nhà văn Việt Nam 1995.

VÀNG SÁNG ĐÊM THUNG LŨNG

Nghe tiếng kệt cổng mãi từ xa, ông lão Phấn biết con dâu đi họp đã về. Khuya lắm rồi. Xe đạp không đi đêm từ đây ra trung tâm xã được. Đốc, muong bai và đường bao nhiêu là đá. Đi chậm cũng phải mất một tiếng đồng hồ. Khổ! Lại gió bắc cứ hun hút thổi mãi chẳng lúc nào ngừng.

Bếp lửa giữa nhà bập bùng. Cái bóng ông già Phấn in trên bức đồ phía sau cũng bập bùng. Có lúc chỉ còn mấy cục than hồng nhấp nháy, vẫn đủ sáng để soi rõ tấm lưng áo bạc màu của ông đang hiêng vào bếp. Nghe tiếng bước chân con dâu đã hết cầu thang, ông lão quay lại thổi lửa phù phù, rồi ngoảnh ra hỏi: "Họp cái gì mà lâu thế, mẹ Tăng? Vẫn còn mưa to à?"

Chị con dâu đang rũ áo mưa sột soạt ngoài cửa. Dáng chị đậm đà và vẻ mặt lúc nào cũng hiền lành. Nếu gọi theo tên chồng, chị là chị Khởi nhưng ông Phấn không gọi thế, lo anh con trai ở xa nóng mặt. Ông lão gọi chị theo tên đứa cháu nội đầu lòng. Chị Tăng xuyết xoa, bỏ thêm mấy cành củi khô vào bếp: "Họp nhiều chuyện... ông à. Chuyện cấy lúa xuân, chuyện mua thêm phân hóa học, chuyện làm thêm trường lớp cho các em rồi chuyện xây dựng tiếp khu Văn hóa..." – "Thế họ không nói chuyện chuyển nhà nữa à? Hay là họ cũng quên rồi nhỉ?". Đôi mắt ông già Phấn mở to, như thể ông vừa giải tỏa được một nỗi lo vẫn đang âm ỉ, chất chứa trong lòng từ mấy tháng nay. Hòa đồng với đôi mắt ấy, mái tóc bạc gần hết củ ông cứ dựng lên từng túm, từng túm.

Chị Tăng nhìn bố chồng một thoáng, cũng là một thoáng ngại ngùng. Chị cố giấu cái sự khó nói của mình. Nhưng rồi chị vẫn phải rụt rè: "Có đấy ông ạ! Lần nào họp, họ cũng nhắc con chuyện ấy!" Ông lão quay vào bếp lửa. "Thế mẹ Tăng, mày bảo họ thế nào? Có nói ý kiến của tao hôm nọ cho họ biết không?" Ông già chép chép miệng, quờ tay với cái điều ống to bằng bắp chân. Bàn tay to thô của ông kêu kêu que đóm vào đồng lửa. Cái điều ống sôi lên ùng ục. Rồi ông ngửa cổ phả khói thuốc lào lên găm giữa bím đầy bồ hóng. Chị Khởi nhìn ông: "Con chưa dám nói đâu!". "Sao lại chưa dám? Phải nói chứ! Mày không nói ra, họ tưởng tao cũng đồng ý đấy con à! Mày làm cán bộ thì việc gì phải sợ?". Chị Khởi phân trần: "Con muốn chờ nhà con về. Chủ nhật này thế nào anh ấy cũng về, bố ạ!". Ông lão Phấn đứng đĩnh: "Đợi nó cũng thế thôi! Một, hai tháng rồi, nó chưa biết rồi nó khắc biết. Nhưng... tao cũng không làm theo đâu, không phải chuyển chiếc gì sắt! Ở đây thôi! Mà mày làm cán bộ, mày nghĩ xem, tao có hại gì đứa nào nào?". Rồi ông lại ngồi thừ ra một lúc lâu, trong khi chị Khởi chưa biết nói thế nào với bố chồng, thì ông lại hỏi: "Con chuyện nhà trường phải làm thêm là đúng rồi. Thế mày có hỏi các thầy giáo không? Cháu Tăng của tao học giỏi chứ? Tao có thấy nó học mấy đâu mà năm nào cũng được lên lớp ấy thôi? Cháu Gia nay mai cũng phải đi học nữa mà! Đông đứa học trò thì phải có nhiều lớp chứ!".

Chị Tăng chất củi vào bếp rồi đi ngủ. Một mình ông lão Phấn vẫn ngồi đấy. Ông không muốn ngủ. Người già nằm nhiều đau ê ẩm cả lưng, mong mãi đến gà gáy; gáy mãi mà trời vẫn chưa sáng cho! Bếp lửa cháy bùng lên, soi rõ mọi thứ trong nhà. Ở những bức tranh, những tấm bằng khen... ánh lửa như thể động lại lâu hơn, rung rinh trên tấm bản đồ quy hoạch của xã. Dù không muốn, ông già Phấn vẫn nhìn thấy tấm bản đồ có nhiều màu sắc ấy, nó được treo trên bức đồ trước mặt ông!

Ở xã Đồng Lạc này, người ta bảo chỉ có nhà ông Phấn là bề thế nhất. Ngôi nhà sàn bảy gian thênh thang, toàn lát bằng gỗ nhẵn bóng. Bốn bề bung gỗ kín mít. Có cả hành lang phía trước và hai đầu nhà. Sàn phơi dềng sau nhà cũng ken bằng những cây buong già thẳng tắp. Ba gian giữa có cửa thông ra hành lang hai bên. Khi này mùa hè thật không đâu mát hơn. Gió rừng trong veo mang hơi nước suốt ngày ủa đến. Nhưng mùa đông về, cũng không đâu vắng

và lạnh hơn đây. Ngày ngắn lại bởi chỉ sáng rõ từ quãng tám giờ sáng đến bốn giờ chiều. Bóng núi, bóng cây xanh rợp xung quanh làm cho mấy gian nhà phải luôn luôn có lửa. Hai bếp rồi ba bếp mới đủ ấm, đủ sáng. Vì thế người ta bảo đêm tối ở nhà ông Phấn là dài hơn cả!

Ông lão Phấn 75 tuổi rồi. Nghe câu nói ấy, ông không thích. Càng nghe nhiều càng không thích nhiều. Chả gì ông cũng có anh con trai làm việc ở tận phòng nông nghiệp huyện. Đứa con dâu là phó chủ nhiệm HTX đã từ hai vụ lúa rồi! Còn đứa con gái đầu lòng, lấy chồng mãi tít trong chợ huyện, cả năm mới về thăm bố mẹ có đâu một hai lần. Thôi cho là như vậy cũng yên phận cho nó. Thực tâm mà nói thì mọi sự làm ăn, gây dựng ông dồn sức lực cho anh Khởi và những đứa cháu nội của ông. Vì thế nên cái sự chuyển nhà đến khu vực khác, làm cho ông càng ngẫm nghĩ, càng bực mình.

Hồi này, ông Phấn đang mong anh con trai đến nôn nao trong bụng. Gần một tháng rồi, anh Khởi đi họp gì mãi dưới tỉnh. Bà lão Phấn cũng mong. Chị Tăng cũng mong. Mọi người đều mong, nhưng ông lão Phấn vẫn nóng lòng nhiều nhất. Mỗi ngày đi vào đi ra biết bao nhiêu lượt là ông nhìn thấy tấm bản đồ quy hoạch xã lấy bao nhiêu lần. Dù chỉ một thoáng thôi nhưng ông cũng nhận ngay ra khu đất có bảy gian nhà mà hiện nay ông, con dâu ông và các cháu nội của ông đang ở. Khu nhà ông, như một hạt ngô vương bên đồng gió bấc. Còn những nhà khác, những bản khác thì quây chum lại như đám hạt ngô trên thúng trên sàn. Không biết tự con dâu nghĩ ra hay ai bảo, mà từ ngày mang tấm bản đồ về, nó treo luôn ở đấy. Ngay chỗ ông hay ngồi hút thuốc, uống nước nhìn lên.

Ông nghe con dâu hỏi ba lần về chuyện chuyển nhà rồi. Nhưng ông nhất quyết không đi đâu! Mà nào có xa ba bảy ngày đường gì! Việc xây dựng làng bản, ông có nói sao đâu. Chi li ra, ông cũng chẳng thiếu thốn nổi gì và cũng chẳng phiền lụy gì ai. Đến thời kỳ chỉ có thu vào, mỗi năm bán đi dăm trăm buồng, hóp, ngót chục năm nữa, những cây gỗ lát to lên, được việc... lại chả hái ra bạc triệu! Rồi đến những ngày anh con trai ông về hưu, cứ sẵn cái đà cơ ngơi ấy mà gây dựng thêm mãi ra. Các cháu ông lớn lên dựng nhà dựng cửa, lại chả tha hồ đông, tha hồ vui ấy. Đó là sự đông vui của một bản làng toàn là những con những cháu của ông. Chính ông đã khai sinh ra và đang gây dựng cái bản làng ấy thì ông phải

lo toan cho tròn cơ nghiệp! Ông cũng suy tính chán, rất quá thì tính nước ỳ ra đấy. Hai vợ chồng già, hai cháu bé... Họ chỉ vẽ chuyện! Hàng nghìn năm nay, có ai lại dở giới ra cái chuyện đưa nhau về chỗ nọ, chỗ kia, con cháu ông rồi cũng sẽ làm cán bộ tất cả mà! Vậy thì ông cần gì phải đi đâu? Thằng, tháng, con cháu ông gửi biếu ông và bà lão tí nào hay tí ấy, còn ông chỉ cần trông vào vườn tược, gà vịt... ngan ngỗng trong chuồng cũng đủ sống, ười dà... Cho khéo mà họ vì ghen ăn tức ở nên đặt điều ra quy hoạch nọ kia để phá ông, lắm chứ! Ngay như cánh rừng chò sau nhà ông đấy, trăm thứ cây phải mọc trăm nơi. Tại sao cứ bắt đại thụ mọc ở những nơi người ta không cần bóng rợp.

Nghĩ được thế, ông già Phấn nghe lòng nhẹ đi. Rít một hơi thuốc lảo thật sâu, ông lại nhìn lên hạt ngô trên tám bản đồ lẩm nhẩm: "Rồi nó sẽ thành bãi ngô đấy chứ! Để dân làng hết lời gió tiếng mây là ông chậm tiến. Ông không chậm tiến đâu!"

Càng về khuya, đêm càng lạnh. Gió núi mỗi lúc một mạnh lên. Vắng đến nỗi nghe được cả lá khô rơi từ trên sàn phơi bếp sau. Cảnh ấy, đối với ông lão Phấn thì quá quen rồi. Những năm còn trai tráng, nhiều đêm chính ông đã phát lạnh người lên vì tiếng con vọ kêu thảm thiết trên rừng xanh. Nghe cứ y như tiếng khóc than của hồn núi, hồn ma rên rẩm cùng gió buốt. Ngôi nhà của ông ngày ấy lụp xụp, dựng bằng những cây rừng còn xù xì nguyên vỏ, chống chênh và hoang tàn. Hàng tháng mới có bóng người đi kiếm củi, săn thú rừng hay đào hang để bắt tê tê bước lên sàn nhà siêu vẹo rách nát của ông. Hai vợ chồng tay cuốc, tay dao, cặm cùi. Cùi cùi suốt mấy chục năm mới dựng nổi cơ nghiệp bảy gian nhà này. Và bây giờ, ngày nào là ngày không có người qua kẻ lại. Người hái chè, người lấy nứa, người kiếm củi xôn xao trong nhà, xôn xao ngoài vườn. Đâu còn cái cảnh heo hút nữa! Bếp sau lưng ông đã nguội lạnh hơi lửa. Ông lão Phấn ấm lưng mấy cái rồi lọ mọ đi nằm. Đêm tối như bung lấy mắt, nhưng ông vẫn nhận rõ chỗ ông định đến. Như đường ngang lối tắt trong khu vườn rộng thênh thang và cả đồi buong, đồi chè, nhắm mắt lại ông vẫn nói vanh vách cây nào mọc ở chỗ nào, nó đã bao nhiêu tuổi.

Ông à, con cháu nó muốn đắp nền nhà ở khu ngoài kia đấy. Nó có bảo cho ông biết không? Bà lão Phấn vung nắm sắn băm cho đàn vịt và hỏi ông thế. Ông lão đang mãi nhìn đàn dê dậm dịch

chạy về bỗng quay phắt lại: "Đi đường nào một con dê rồi? Hả. Bà bảo đắp nền nhà gì?" – "Nền nhà ở chứ còn nền nhà gì! Nó bảo người ta chia đất cho nó rồi! Nhưng tốn công lắm mới nên nền nhà, ông à!" Ông lão quắc mắt: "Cho ai ở, hả?". Rồi ông lão nhìn lại đàn dê lần nữa. Con dao quắm trong tay ông lão tự dung thông xuống, ông nhìn bà chăm chăm về bụi bụi. Bà lão vẫn thủng thẳng: "Cho nó với con nó ở! Chắc nó sợ ông chửi nên chưa dám nói đấy thôi! Nó bảo chờ mãi chồng nó vẫn chẳng về, nó phải làm lấy mà!". Ông lão bậm môi "Hừm... nó mà làm được!" Tận trong sâu thẳm tâm can, ông lão thấy có cái gì đó nghèn nghẹt. Ông bèn gắt um lên: "Nó dám thật à? Còn bố mẹ nó, còn thằng chồng nó nữa chứ! Tôi bảo không đi là không đi mà. Tôi bảo nó nói với ủy ban, nói với chủ nhiệm là không đi được. Nó không dám nói với người ta, lại còn định trốn à? Làm dâu làm con là phải biết nghe lời người làm cha làm mẹ chứ! Đấy, đã bảo mà, nó coi thường cả bố mẹ chồng nó rồi! Hừ...". Ông lão nói một thôi một hồi tựa hồ như chính bà lão là người làm cho ông bụi bụi. Bà vẫn đứng đấy, đống sắn bà băm đã hết, bà không dám nhìn khuôn mặt đang khi giận dữ của ông. Cái cảm lẹm càng làm nét mặt bà lão nhăn nhúm thêm. Bà đang phải chịu sự day nghiền vô cớ. Ông lão cầm con dao thủng thẳng đi. Chỉ đến lúc ấy bà mới khê thâm thảo: "Chả giúp nó lại còn chửi! Ai làm gì mà chửi, ai làm gì mà day nghiền?" Mặt bà rom rớm nước, bà nhìn trộm sau lưng ông. Chẳng ngờ ông nghe tiếng: "Giúp à? Tao thì không cho làm đấy! Hay nó ở riêng à? Thế thì... nó là đồ... vô phúc rồi! Suống không muốn lại muốn chui đầu vào tổ ông bầu lố. Hừ... Chao oi, thật chẳng ngờ gan ruột nó lại quăn như vỏ đồ thế!".

Ông lão lồm khồm vào khe núi đầy cỏ giác để tìm con dê lạc. Ông đi chậm lắm, vừa nghĩ ngợi lại vừa bụi mình. Con dâu ông bây giờ không còn ngoan nữa rồi. Cái ngày cưới nó cho thằng Khởi, bản gần bản xa xôn xao cả lên vì một điều nhà cô bé ấy thật nghèo: Một ngôi nhà cột kèo dột tứ tung, lại một đàn em thơ dại. Bà mẹ cô ta thì ốm đúng ốm ngôi cùng năm suốt tháng. Thành ra hai bố con cô bé phải tính toán lo liệu đủ thứ cho một đời sống gia đình. Vì vậy mà càng lớn, cô bé càng vững công việc... "Ôi dào, lấy nó làm dâu con, mình như mua được con dao thép tốt. Dao thép tốt tha hồ phá rẫy, phá rừng". Người thiên hạ không hiểu được tại sao ông lão Phấn giàu có là như thế mà lại lấy cho con trai cô vợ thật

nghèo? Ông lão nghe biết cũng chỉ cười xòa. Ông cười vì mọi người kém nghĩ, ông lại cười vì con trai ông cũng tỏ vẻ nghe và thần phục ông. Mới thế mà đã mười năm hơn rồi! Mười năm qua, con dâu ông đúng là con dao thép tốt. Việc hợp tác, việc xã hội không bỏ buổi nào, đã vậy nó không bao giờ đi sớm, về muộn. Việc nhà thì khó tính đến như ông Phấn cũng chẳng thể chê vào đâu được. Lúc ra ngoài làng cấy lúa biết đem lọ đem chai mua dầu thắp. Lúc đi làm về biết vớ bó củi que đóm dọc đường, biết cắt bó dọc khoai về cho lợn... Còn các nết ăn nết ở thì cứ mềm như là dòng nước suối Chò ấy. Gặp khe hẹp khẽ luồn qua, gặp đá lớn thì khẽ luồn sang bên cạnh. Có bao giờ trong ngôi nhà này nghe con dâu nói nặng với bố mẹ chồng đâu. Làng bản gặp ông Phấn ở đâu cũng khen: "Cái ông lão thế mà đến tổng con mắt, nhìn lá cây trên rừng mà biết loại gỗ quý!". Lúc ấy, ông cũng chỉ cười...

Ông lão Phấn giờ con dao phát mấy cành dùm gai giăng ngang tầm mắt. Mưa phùn phây phất ướt ngọn lá lối đi. Ông lão lắng nghe một tiếng động từ khe núi sâu hút. Rồi tức khắc bốn bề lại khép vào im ắng vắng lặng như tờ. Ông bước lên gần mỏm đá mốc, nhìn sâu sang phía bên kia. Hình ảnh đứa con dâu lại bắt ông quay về với ý nghĩ ban đầu. Hừ! Ngoan đấy, hiền hậu đấy, nhưng mỗi vụ vãi tạ lúa, chẳng đủ ăn, lại phải dong thêm. Tiền dong lúa cũng do ông làm mới có. Hai đứa cháu vẫn phải cần ông bà nuôi chứ. Nó đã nuôi được ai mà tây với riêng? Hay nó nghĩ thế nào mà đang ở lại sinh ra trái nết? "Ông... ời... ời..." - Tiếng thằng cu Tăng vọng vang vào triền núi vắng. Ông lão đằng hắng đáp. Thằng bé rẽ lối cỏ giác đi lên. Nó ướt như chuột, đầu tóc rễ tre bết lại sũng nước... Về thôi ông à! Tối mù mù ra rồi, nó chưa bị đau là tự biết về thôi mà! "Ông lão thông thả nói: "Cu cứ về trước đi, tao phải tìm bằng được! Hoài của!". Rồi ông nhặt đá ném vào từng bụi rậm và hô: "Hãy! Hãy!" xuống từng khe núi. Mưa càng lúc càng dày hạt. Bóng đêm từ những khe núi lan ra. Thằng cu Tăng lại giục: "Mất một con chả tiếc mấy! Nó lại đẻ ra con khác mà ông à! Về thôi ông rét lắm!"

Cơm nước xong, đã chín giờ đêm. Bé Gia vẫn ngồi nỉ nót chỗ cầu thang, con bé đòi mẹ mua sách cho nó đi học: "Vào đi, mai mẹ công đến lớp võ lòng, Gia à!" Con bé thích quá, chạy xuyñh xuych vào bếp. Nó ào vào lòng ông lão Phấn, ông lão phải chống một tay ra đỡ nó. Bà lão Phấn tựa lưng bên cột, già trầu. Thằng cu Tăng

thấp đèn ê a bài thuốc lòng ở trong buồng tận gian nhà cuối. Ông lão nhìn con dâu lâu lắm như cố tìm xem trên gương mặt đầy đặn của chị có vẻ gì khó chịu mà bấy lâu nay ông không để ý. Nhưng rồi ông tự xóa sự xoi mói của ông. Bé Gia giơ cả hai bàn tay túm từng sợi râu bạc của ông xoắn xoắn. Bỗng ông lão nói: "Mày định làm nhà ở riêng à, mẹ Tăng? Thế thì tệ rồi, tao đã bảo mày rồi đấy, chồng mày về, tao lại bảo cả nó nữa. Hay mày sợ mai chúng tao phải ăn bám chúng mày như cái nấm sống nhờ cây khác? Hay còn thiếu cái gì nữa? Mày đã hỏi được chồng mày rồi à?". Ông lão đặt đầu bé Gia xuống đùi rồi rót bát nước chè đặc đen, mặt ông dãn ra những nếp nhăn hai bên má xệ xuống. Ông quay lại nhìn bà lão khi ấy vẫn đang bồm bẻm nhai trầu. Rõ là ông có vẻ buồn bực lắm. Thế nhưng bé Gia cứ thả sức cựa quậy trong lòng đùi xếp bằng tròn của ông, ông vẫn mặc chị Tăng nhúc nhúc mãi trong ghế mới dám nói: "Con chưa hỏi nhà con nhưng vẫn phải làm, làm rồi hỏi cũng được ông à!". Bé Gia vươn tay ra phía mẹ kéo cái khăn len. Chị đưa khăn cho con nhưng không dám nhìn vào mặt bố chồng. Ông lão dừng đĩnh nói: "Không được đâu. Không ai làm thế đâu! Làm nhà là việc lớn chứ! Phải có người bảo ban cơ chứ! Người bảo cho mà biết ấy cũng phải là người lớn, sống lâu nữa chứ". Chị Tăng phân bua một cách gượng ép: "Thì con mới cũng chỉ nhận đất thôi mà chứ đã làm đâu, còn phải đợi nhà con!".

Ông lão Phấn vợ cái điều ống, thổi vào nõ điều làm điều sôi lên ùng ùng. Trò ấy ông đã nghe hết. Nó nói thế cốt chỉ để vừa lòng ông thôi. Ông cười: "Mày nghĩ thế nào không biết, không ai biết. Nhưng hơn hai mẫu đất trong rào này có dính vào việc của xã đâu! Sao lại cứ bắt người ta phải làm theo ý họ muốn nhỉ?". Rồi ông lão đón que đóm từ tay cháu, bập bập hơi cho mỗi thuốc bén lửa, nhưng ông không hút ngay vì ông nghe bà lão nói: "Bảo còn người khai hoang lên ở xã mình nữa mà, sao không đưa họ về những chỗ ấy?" Chị Tăng nghe mẹ chồng hỏi, suy ngẫm một lúc, đôi mắt chị bỗng sáng lên: "Có đấy mẹ à. Đợt này họ về cũng đông. Nhưng họ ở rải rác ấy mà. Chỗ gần ủy ban cũng có, chỗ ngã ba cây khế cũng có. Những hộ người biết buôn bán, có nghề thợ rèn, thợ may, thợ điện thì ở gần trung tâm xã. Khu đất nhà mình đang ở bây giờ, rồi xã sẽ đào mương đắp bai lấy nước tưới lúa cho cả xã, rồi nuôi cá, chăn nuôi đại gia súc. Nhưng con nghĩ cái chính là xã mình

muốn làm đập thủy điện. Chỗ nhà mình đất trũng, khi đắp xong, bai nước sẽ tràn lên, thành nước úng. Mà không úng, mình trồng gì, làm gì cũng bị gia súc nó phá mất công, bố à! "Ông lão Phấn quên cả hút thuốc đập ngay con dâu: "Phá à, đến lúc ấy thì bờ rào của tao có con chim chui qua cũng khó. Các con cháu tao làm năm nhà, bảy nhà trong khu đất này vẫn rộng chán. Gỗ đấy, tre buong đấy, dê, bò, gà, vịt đấy... Việc gì phải ra ở dút ở nhét, ở tận trên những gò đồi rất một giống đá thối! Rồi lấy gì mà ăn, lấy gì tiêu? Rồi các cháu tao phải dúi à? Lúa không nhiều, hoa màu không có, trâu, bò, dê không đủ cỏ mà ăn... Hừ, mày nghĩ quẩn rồi, mẹ Tăng à!" Nhưng liền sau cái câu ông bảo con dâu ông "quẩn" bỗng ông ngưng. Chả là vì có một lần cách đây khoảng hai năm, ông được con trai Khởi đưa đi khám bệnh tận trong huyện, cũng là nhân thể anh muốn ông đi chơi chỗ này, chỗ nọ. Gần trưa hôm ấy, bác sĩ khám bệnh cho ông xong, cô y tá lấy thuốc cho ông gói vào từng gói và dặn ông cách uống thế nào, rồi cô còn đưa ông về tận nhà. Đường lại khá ngoắt ngoéo. Về đến phòng của Khởi, cô bèn lôi cái quạt cây ra bật công tắc nhưng không có điện. Ông lão thì nóng toát mồ hôi. Cô đi rồi, ông quạt lấy quạt để bằng cái mũ cọ méo vành, phải như những lúc này mà ở nhà, ông chỉ việc nhảy ùm xuống suối Chồ mát đến tận cổ. Đang khi mồ hôi mồ kê vã ra thì ba cái cánh quạt bỗng dung quay tít và nó từ từ quay quanh cái trụ. Ông liền đứng lên giữ cho nó đứng im để hướng cái gió vào chỗ ông. Nhưng ông không tài nào giữ được! Hừ, không giữ được mày thì tao đi theo mày vậy. Và thế là cái quạt xoay sang phía nào, ông Phấn đi theo hướng ấy. Có như vậy ông mới mát liên tục mà. Cứ thế ông đi đi lại lại cho đến lúc anh Khởi về thì ông đã bệt xuống giường. Anh con trai vui vẻ hỏi bố: "Mát chứ bố, bao giờ bản mình mới được dùng cái quạt này thì vui thích lắm!" Ông lão Phấn vừa trả lời con trai vừa thở hào hển: "Hừ... mát... thì... có... mát đấy... Nhưng mà mệt lắm con ơi!". Sao kia ạ? Khởi tưởng bố ốm thêm sau lúc đi khám bệnh về nên lo lắng nhìn bố hỏi. "Tại sao nó xoay nhình xoay nhạng, xoay lung ta lung tung, bố cứ phải đi theo mãi nó mà!". Lúc đầu anh con trai cười rù rà, sau nghĩ mà thương bố quá. Đi đi lại lại gần cả tiếng đồng hồ như thế làm cái gì mà chả mệt. Anh dặn: "Bố muốn nó quay hướng thẳng vào chỗ nào chỉ việc rút cái "nú" này lên, con chưa từng thấy ai lại chạy

theo quạt để mát như bố bao giờ!"... Thì bây giờ, con dâu ông đang nói rồi đây người ta sẽ đắp lại bai to, cao giữ nước tưới làm thủy điện. Nước lã mà cũng làm ra điện được ư! Ông lão ngẩn ra một lúc. Bà lão ra ý bằng lòng với con dâu, góp lời thêm: "Nó bé thế khéo phải đi học trọ ở gần nhà ai gần trường đấy nhỉ? Nhưng... xa cháu là tôi không có yên được đâu. Mà con bé thì đi xa thế nào được". Ông lão ngồi im ôm đứa cháu. Chị Tăng lại ôn tồn: "Trước mắt, con nghĩ cũng khó khăn nhiều đấy. Ông bảo con cũng phải... Nhưng bây giờ phải lo cho các cháu no đủ, lại phải lo cho các cháu học hành đến nơi đến chốn nữa. Ở đây đi xa quá, mà các cháu của ông bà phải học rất nhiều, học cả ngày, cả đêm, được xem vô tuyến. Được học cả tiếng nước ngoài...". Ông Phấn cau mày hỏi ngang lời con dâu: "Vô tuyến là con gì mà phải xem nó?". Chị Tăng nghe bố hỏi cố nhin cười giải thích: "Nó là cái máy thu hình, ông bà ạ, giống như ta xem phim ấy mà. Chỉ có điều vô tuyến nó nhỏ hơn, trong nước có tình hình gì, hay các nước trên thế giới có chuyện gì người ta phát sóng là vô tuyến thu phát lại ngay, mình xem được rõ người, mình nghe hết mọi điều họ nói...". Không khí gia đình bỗng trầm hẫng xuống, chị Tăng nói tiếp: "Mình chỉ lo no bụng lành áo, lành quần mà thôi. Người ta làm, mình không biết đường mà làm người ta khinh cho chứ ạ! Mà lo như kiểu nhà mình đang lo là chỉ biết lo cho riêng mình!". Chị còn định nói thêm nữa nhưng thấy thoáng buồn trên nét mặt bố chồng qua làn khói mỏng, chị thoát ngừng. Nom ông lão như già xạm hẳn đi! Đôi mắt ông nheo nheo nhìn mãi vào bếp lửa.

Ông lão khó nghĩ rồi!

Bà lão chống tay xuống sàn đứng lên cất mừng trầu nói góp: "Mẹ Tăng à, mẹ con mày đi, chỉ còn hai người già ở đây, nhờ ồm thì chết mất!".

Ông lão lúc ấy mới ngẩn ra. Ôi! lại còn có việc thế nữa? Chị Tăng nhỏ nhẹ khiêm nhường: "Ông cho con xin cháu!". Và chị bé con, lại nói tiếp: "Ông bà bảo, con biết thế. Nhưng ông bà quyết ở lại, chúng con vẫn phải xin đi thôi... Khổ, chúng con cũng chịu... Ông bà ngày xưa còn khổ gấp mấy chúng con bây giờ ấy chứ!".

Đưa đứa cháu cho con dâu rồi, ông lão Phấn ngồi trơ ra. Bếp than đã nguội. Đêm lạnh lùa vào khiến lòng dạ ông trống trải. Ông

cũng chẳng muốn thổi cho bếp lửa cháy lên, vì ông còn đang mãi nghĩ. Con dâu ông đã nói như thế, là nó có ý định thật rồi cái lý do để nó đi, ông không thể bắt bẻ nó được. Nay mai, con dâu ông đi, hai cháu ông cũng đi, ông sẽ còn thấy trống trải đến đâu? Liệu ông có thể làm gì để khuây đi tình thương nỗi nhớ? Ông biết, ông không thể làm gì được để đỡ nhớ chúng được. Hơn năm mươi năm nay, ông đã bù chi bù chít trên khu đất này chỉ vì chúng nó. Ông đã chọn cho con cháu một nơi xa hẳn với mọi sự va chạm ngoài đời. Nhưng, con cháu ông giờ lại muốn đến ở những nơi có nhiều va chạm. Thật ông không hiểu được bụng chúng nó nữa.

Gió giữa đêm luôn qua khe bức đố. Tấm bản đồ bay bay quật qua khung cửa. Từ một khoảng tối tận trên lưng chừng núi, tiếng con chim lợn quẳng về. Ông lão ngẩng lên đồng tai nghe. Ông khẽ "à" lên một tiếng. Đúng con dê bị lạc từ lúc chiều rồi. Tiếng "be be" của nó run lên lẻ loi. Đàn dê dưới gầm sân nhón nháo. Vài ba con cất tiếng kêu lại. Rồi tiếng kêu ấy càng lúc càng dồn dập và thôi thúc. Vốn tính cẩn thận lại chắc chắn, ông lão vẫn im lặng nghe. Đúng thật là nó rồi, con dê tơ vẫn rên rỉ bên ngoài hàng rào tre hóp. Chắc nó đang cố húc đầu vào bụi tre mắc gai, lại cất tiếng kêu thảm thiết gọi bầy. Đàn dê trong chuồng càng rậm rịch càng nhón nháo và càng kêu to hơn: "Hừ!... cái giống đến lạ... vắng một con mà không chịu ngủ... Một con lạc, cả đàn vẫn thức gọi... Được rồi, ở đây rồi tao ra, tao dẫn về chuồng!".

Ông lão đập mấy cây đóm, thổi lửa phì phò.

"Kê nó, mai thả đàn ra nó lại gặp nhau thôi mà. Rét và tối thế, đi làm gì cho khổ thân, ông à!". Nghe tiếng bà lão gằn, ông không dừng chân, vẫn bước xập xuyñh. Bó đuốc trong tay ông bén rục lửa lên. "Hừ! Bà nghe nó kêu thế, không buốt ruột, nằm yên được à! Nó cũng như con người ấy chứ bà còn sợ các cháu bà nó bỏ bà đi chỗ khác, con dê nó cũng không ngủ được khi bạn nó đang lạc ngoài rừng!" "Cứ để ông đi. Con cũng đi lùa với ông. Cháu nó đây, mẹ ru nó hộ con, mẹ à!"

Ông lão cầm bó đóm dụi tàn vào gốc khế. Mua bụi vây quanh ông. Ngày mai thứ bảy, chắc thằng Khởi phải về. Ông nghĩ thế, bước qua mô đá. Mua tạnh làm ông không nhớ ra rằng Khởi đã có bạn nói với ông, ở nhà có sự gì khó khăn, cứ hỏi mẹ thằng Tăng cũng

được! Vậy thì, nó về nó cũng nói như vợ nó thôi, ông lão vừa giờ dùi gõ gõ vào chốt then cửa cổng, chị Tăng cũng vừa đến. "Ông cứ đứng đây, để con lên đón nó về cho!". Chị Tăng nói thế và lần lên rùng cào cỏ. Tiếng con dê nghe mỗi lúc một rõ dần. Ông lão Phán đứng yên chỗ của vườn để vừa nghe vừa nhìn. Trước mắt ông, bó đuốc cháy nổ trong tay con dâu, ánh lửa tỏa lên không trung một vầng sáng lớn...

Thị xã Hòa Bình

Ma Trường Nguyên (dân tộc Tày) tên khai sinh: Ma Trường Nguyên.
Năm sinh: 15-7-1944 tại Định Hóa, Thái Nguyên. Quê quán: Thái Nguyên.

Tác phẩm đã xuất bản: Mát xanh rừng cọ (Trường ca 1983); Trái tim không ngủ (Tho 1988); Mùi tên ám khói (tiểu thuyết 1991); Gió hoang (Tiểu thuyết 1992); Tình xứ mây (Tiểu thuyết 1993); Trăng yêu (Tiểu thuyết 1993); Bến đời (Tiểu thuyết 1995); Rễ người dài (Tiểu thuyết 1996); Tiếng lá rừng gọi đời (Tho 1996); Con dòng thời niên thiếu (Truyện 1997); Mùa hoa hải đường (Tiểu thuyết 1998).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam 1996.

RỄ NGƯỜI DÀI

trích tiểu thuyết

Tiểu thuyết "Rễ người dài" gồm 7 chương, 240 trang, do Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc, xuất bản năm 1996.

Ở Mường Khau Lý từ nhỏ Lệnh đã chơi thân với A Hoa. Bà Hay, mẹ A Hoa có quen ông bán dầu hỏa từ dưới xuôi lên. Một hôm bà nhận trông hộ Diêu Anh, con gái ông bán dầu, để ông về xuôi lấy hàng. Nhưng bố Diêu Anh đã rủ mẹ Lệnh đi theo và không trở lại nữa. Lớn lên Lệnh có quen hai người bạn ở mường Đông Luông bên dãy núi Phạ Đeng sang là Pàng và Dầu. Ba chàng trai đã nhận nhau là anh em kết nghĩa. Pàng và Dầu đều yêu Diêu Anh, nhưng Pàng là anh nên lấy Diêu Anh làm vợ. Lệnh yêu A Hoa nhưng A Hoa lại lấy Dầu làm chồng, bởi Lệnh ít tuổi nhất, là em của hai người. Pàng vào rừng lấy mật ong bị ngã chết. Mối tình Dầu và Diêu Anh càng gắn bó. Để giữ hạnh phúc cho vợ chồng Dầu, Diêu Anh đã bỏ về Thành phố Thái Nguyên gặp ông chú họ, biết mẹ đẻ vẫn sống và tìm đến ở Hà Nội. Dầu sống li thân với A Hoa đi tìm Diêu Anh và cùng Diêu Anh đi Sài Gòn tìm Diêu Ly đưa em gái cùng cha khác mẹ. Diêu Anh là chủ doanh nghiệp, bố mẹ đều đã chết. Diêu Ly cùng chị trở về mường Khau Lý để tìm anh trai là

Lênh, cùng mẹ khác cha. Tục ngữ Tày: "Rễ cây ngắn, rễ người dài" là tình con người gắn bó với nhau để trụ vững sống và xây dựng cuộc đời.

Dưới đây là một đoạn trích của tiểu thuyết:

Đêm mờ lung hoang vắng. Nếp nhà sàn nhỏ bên sườn đồi như chìm vào lãng quên của mọi người dân trong vùng Khau Lỳ. Bởi người chủ ngôi nhà thường ngày sống như tách ra khỏi mọi sinh hoạt cộng đồng. Ngôi nhà ấy hầu như không thấy mở cửa bao giờ đã hơn hai mươi năm nay. Nhưng vẫn có một người đàn ông sống độc thân. Cả vùng không ai lý giải được tại sao anh ta không lấy vợ, không thấy quan hệ với bất cứ người đàn bà nào. Từ ngày ông bố mất, người ta càng không thể biết anh ta sống bằng gì, làm nghề gì mà vẫn tồn tại đến bây giờ. Nhiều cô gái trẻ thường bàn tán với nhau hay là anh ta không phải là một đàn ông hoàn chỉnh, không có nhu cầu lấy vợ. Bọn trẻ con tinh nghịch đi chăn trâu hay theo dõi khi nào anh ta tắm ở vùng suối xem anh ta có phải là người bình thường hay không. Nhưng cuối cùng cũng không ai bắt gặp bao giờ. Anh ta sống như ẩn mình trong vỏ ốc, như cuộn tròn chần chịt lấy người để chống trả những cơn rét buốt tâm linh của cuộc đời băng giá một mình một cõi lặng câm.

Ngọn đèn nện trám leo lét cháy bốc ra vị thơm hăng hắc. Lênh vẫn ngồi đó chưa muốn đi ngủ. Anh không thích thấp dầu hỏa vì mùi dầu gây ra đến lợm giọng muốn ọe nôn. Chỉ khi nào trời mưa liên miên không thể vào rừng kiếm được nhựa trám, anh mới dùng đến dầu để thấp tạm. Lênh có thói quen cứ đêm đến lại mang các dóng tre ra để vót mũi tên. Có những lúc gió làm tắt đèn nhựa trám anh vẫn lựa tay vót vót theo cảm giác, mũi tên vẫn nhẵn tròn thẳng vút.

Đêm nay cũng vậy, Lênh vẫn mãi mê vót tên nỏ. Lênh ngồi lặng im. Chỉ hai bàn tay anh vẫn đều đều con dao sắc khê miết vào thanh tre thoăn thoắt nhịp nhàng mãi miết. Anh đã vót hết mấy dóng tre vẫn chưa muốn buông dao ngừng nghỉ. Vì từ sâu thẳm lòng anh bao nỗi niềm chan chứa sống dậy, gọi về một thời tưởng chừng đã lùi xa.

Lênh từ lúc sinh ra đã chịu mọi thiệt thòi của một đứa trẻ không được như mọi đứa trẻ khác. Nhà bố mẹ Lênh nghèo khó nhất

miền rừng núi này. Người mẹ Lệnh không chịu được hoàn cảnh đã dứt áo ra đi vì cuộc sống bần hàn cơ cực.

Lúc ấy, Lệnh còn nhỏ. Anh thấy có một người buôn dầu hỏa thường mang lên muông Khau Lý để bán cho mọi người. Hàng tháng ông đem hàng lên, dần dần quen được gia đình bà Hay. Vốn chồng bà Hay là người miền xuôi nên gặp được ông khách người cùng quê Hà Nội mời luôn đến ở tại nhà để bán cho nhà và cho mọi người khác. Được chỗ bán dầu thuận tiện lại tiêu thụ được nhiều, ông buôn dầu hỏa nhanh chóng quen được những chị em hay đến mua. Một lần ông trở về xuôi lấy hàng khi trở lại mang theo một đứa con gái mới chùng vài tuổi. Ông ta tự giải bày rằng vợ ông không muốn sống chung với ông. Bà vợ ông đã đuổi ông ra khỏi nhà. Ông bỏ vợ như bỏ tấm áo thôi, không mặc vừa tấm này ông tậu tấm khác mặc cho vừa khổ người càng đẹp. Nhưng ông không thể dứt được tình cha con. Ông đã đưa con đi theo cùng lên mạn ngược buôn bán làm ăn sinh sống. Đứa con gái còn nhỏ, mỗi lần bán hết hàng trở về xuôi lấy ông lại gửi con cho bà Hay trông nom hộ.

Bà Hay vốn đã muộn màng mới lấy chồng, lại mền trẻ, nhận lời ngay. Được cái ông chồng bà Hay cũng đang khao khát muốn có một đứa con. Nhưng vợ chồng ông đã chung sống với nhau hơn một năm mà vẫn chưa có đứa con nào. Mấy năm sau vợ chồng bà Hay mới có con. Hai ông bà đều cảm tạ trước tấm lòng độ lượng của mẹ trời Hoa Vương mà đặt tên cho con gái là A Hoa. A Hoa lớn lên đã biết có một người chị nuôi là Diêu Anh.

Bé Diêu Anh một lần ra ngoài cổng chơi thấy một người đàn bà và một cậu con trai đang đứng gần đấy. Người mẹ và đứa con đều ăn mặc rách rưới. Hai mẹ con đứng từ ngoài nhìn vào nhà bà Hay không dám vào vì thẹn thùng. Bé gái Diêu Anh đang lúc thiếu bạn chơi chạy đến gần cậu ta cũng chặc tuổi mình làm quen và bảo:

- Tên bạn là gì? Thích chơi không?

Thằng bé nhìn trân trân không nói. Diêu Anh lại bảo:

- Tớ là Diêu Anh đấy mà! Làm quen đi!

Thằng bé vẫn lăm lét nhìn không dám nói. Bé Diêu Anh ngây thơ:

– Này bạn vào đây tớ cho cái này này – Vừa nói vừa giơ ra một con chim non còn đỏ hồng dút trong túi áo.

Thằng bé thích quá reo lên:

– Nào cho đi! Bạn để trong túi nó ngạt thở chết mất đấy.

Diêu Anh đưa con chim non cho thằng bé, nhưng nửa chừng rút tay lại và lại hỏi:

– Nhưng bạn tên gì chứ? Nói đi tớ mới cho. Không thì thôi đấy.

Thằng bé lúng túng nói nhát gừng:

– Tên hả? Gọi là Lệnh! Cho đi! Không thì về...

Lúc Diêu Anh đưa chim non cho Lệnh, ông bố ra nhác thấy người đàn bà xinh đẹp đang chăm chú nhìn hai đứa trẻ gần đấy. Ông gọi con:

– Diêu Anh ơi! Vào nhà bố bảo cái này...

Người đàn bà thấy người đàn ông lạ đang định đi nơi khác. Bố Diêu Anh vốn là dân buôn bán nhanh mồm miệng hỏi vói ra:

– Này, mời chị vào mua dầu. Xin mời chị vào tôi bán dầu cho mà.

Thằng Lệnh đã đứng gần mẹ nên bạo mồm bảo người buôn dầu:

– Ông có bán ít không?

Bố Diêu Anh niềm nở:

– Ít cũng bán cháu ạ! Cháu mời mẹ vào đây mà mua đi.

Lệnh được đà kéo tay mẹ vào. Ông bố Diêu Anh được nhìn gần người mẹ của Lệnh thấy đẹp rực rỡ đây quẩy rừ. Ông thấy trong lòng xao xuyến kỳ lạ. Ông nhìn người đàn bà một lần nữa từ đầu đến chân rất nhanh rồi bảo:

– Chị muốn mua bao nhiêu tôi cũng bán mà – Người chủ hàng nói như có suối hát trong lòng – Tôi được bán hàng cho chị là điều vinh dự đấy chị ơi!

Mẹ Lệnh nói thực thà:

– Em mua một phao đèn thôi. Nếu mua nhiều không có tiền để trả anh dầu.

Nói rồi bà đỏ bừng mặt xấu hổ. Đôi mắt bà lúng liếng vời vời nhìn ông bán dầu hỏa rồi nhìn đi chỗ khác xa xăm. Ông bố Diêu

Anh bắt gặp đôi mắt gọi cảm của bà. Ông dong cho bà một phao đèn dầu thấp sáng. Lúc mẹ Lệnh trả tiền ông không nhận. Bà mẹ Lệnh cứ ấn mấy hào bạc vào tay ông. Ông nắm cả bàn tay bà một lúc lâu. Bà muốn rút tay lại cũng không được vì ông giữ rất chắc. Hai người dùng giằng một lúc. Thấy vậy, Lệnh chạy lại gần mẹ giục:

– Mẹ ơi, về đi! Không ông ấy bắt mất mẹ đấy! Cậu nói vô tư của cậu bé làm cho ông ta buông tay bà ra. Ông bố rồi:

– Em về đi! Em cứ cầm lấy tiền. Lần sau mua trả luôn cũng được.

Bà mẹ Lệnh nói:

– Cảm ơn anh! Em về. Con trai em nó giục về nhà rồi.

Hai người lại đưa mắt nhìn nhau rồi tạm biệt.

Ông buồn rầu đứng nhìn hai mẹ con Lệnh đi khuất vào ngõ núi mới quay lại bán hàng cho khách đang đợi.

Trong một dịp cuối năm ông bán dầu mang hàng lên bán được rất nhiều. Chưa đến tết Nguyên đán mà ông thu được hàng va li tiền đầy căng.

Một hôm, nhân lúc chồng bà Hay đi làm chưa về. Ông nói với bà Hay:

– Chị Hay ơi! Tôi hết hàng rồi. Tôi sẽ về xuôi lấy lên một chuyến nữa. Cháu Diêu Anh còn nhỏ quá mang cháu theo không tiện. Tôi lại nhờ chị trông hộ tôi trong những ngày tôi xa cháu. Tôi xin được cậy nhờ chị giúp cho.

Bà Hay cười xởi lởi:

– Anh khách khí quá. Thì cũng như những lần trước thôi. Anh đi lấy hàng tôi vẫn trông cả chứ anh có mang theo đâu nào. Với lại có cháu Diêu Anh chơi với con A Hoa nhà tôi càng vui của vui nhà chứ sao?

Bố Diêu Anh ôm cả túi tiền hàng đi theo. Mấy ngày sau mới biết mẹ Lệnh cũng bỏ trốn chồng con đi theo ông buôn dầu về xuôi. Cũng từ hôm đó hai người đi biệt tích không trở lại vùng Khau Lý nữa.

Lệnh lớn lên được người ta cho biết bố Diêu Anh đã quyến rũ mẹ cậu đi. Cậu tức lắm. Cậu đâm ra ghét Diêu Anh không thêm

chơi nữa. Lúc đó A Hoa cũng đã lớn. Lệnh chỉ thường chơi với A Hoa. Những lần đi chơi đôi sim hái quả, kết lá làm mũ ông bụt, bà then, nếu A Hoa rủ đi mà có Diêu Anh đi cùng Lệnh đều bỏ về. A Hoa chẳng hiểu sao. Nhưng được cái Lệnh khéo tay bảo làm gì cũng làm bằng được chiều theo ý bé mong muốn. Dần dần Lệnh cũng hết giận Diêu Anh, con bé có ông bố cướp đi mẹ mình đã chịu cùng chơi. Nhưng Lệnh vẫn thích A Hoa hơn. Đến tuổi thành ra người lớn Lệnh càng thích đi cùng A Hoa mà không có mặt Diêu Anh.

Ngọn đèn nhựa trám đang cháy bị gió thổi tắt đi lúc nào không biết. Lệnh vẫn đều đều đưa lưỡi dao vót những mũi tên thon nhọn đến hết cả các giống tre mang về. Trước đây mỗi khi lòng Lệnh có nhiều nỗi buồn thương, anh hay vót tên nỏ cho khuây khỏa. Anh ngắm nghía mũi tên nhọn hoắt. Anh nhắm mắt trái mở mắt phải để nhìn tên có thẳng hay không. Nếu cong anh lại vùi vào tro nóng hơ lên ngọn lửa nấn nấn vuốt vuốt là nỗi lòng day dứt lại bay theo chiều mũi tên đi. Nhưng lần này Lệnh đã vót hàng bao nhiêu tên chất đống lại bên vách nhà, lòng anh vẫm ăm ắp tràn đầy nỗi buồn, niềm nhớ đã diệt không biết voi đi. Lệnh thần thờ trong đêm tối cô quạnh. Từ phía rừng sau nhà tiếng cú đêm rúc lên thăm thê vọng lại. Tiếng mấy chú chim lợn giạt mình rú lên oe oe như tiếng trẻ con khóc trong đêm sâu tìm hơi mẹ vắng nhà. Lệnh rã rời đôi tay. Anh buông con dao, vun đống mũi tên lại bó thành bó rồi ngần ngơ nhìn chiếc phản kê cạnh đấy. Anh ngồi một lúc khẽ ngả người nằm xuống giường, duỗi thẳng chân tay đã mỏi nhừ. Đầu óc Lệnh nặng trĩu như có hòn đá tảng ép đặt lên. Anh lấy các ngón tay xoa xoa thái dương, nắn nắn vầng trán. Lệnh lơ đãng cố nhắm nghiền mắt lại cầu mong cho giấc ngủ về. Có lẽ đến cả giấc ngủ cũng không chiều theo ý anh. Lệnh nằm im đến tê dại một bên sườn, hết lật bên này, lại sang bên kia. Anh cứ quằn quại xoay người liên tục để tìm con ngủ mà chưa đến. Đôi mí mắt nhắm chặt lại đến chảy nước mắt. Anh đưa hai bàn tay úp vào khuôn mặt ướt dầm như những giọt mồ hôi ngày hè nóng hôi hổi. Anh mở đôi mắt ra thao láo trong đêm.

Tháng Giêng sau tết Nguyên đán năm nọ, theo sự rủ rê của hai chị em Diêu Anh và A Hoa, Lệnh đã sang chơi chợ xuân Rục Rã tại vùng Đông Luông bên kia dãy núi Phạ Deng. Ba người đi thăm chợ họp trên một bãi soi bên dòng suối Soong Toọng. Chợ đầu xuân trai thanh gái lịch tìm bạn lượn dập dìu người ngựa. Vẫn trong

ngày xuân làng bản còn hội tung còn tung bùng để đón ngày chợ phiên đầu tiên trong năm mới. Chị em Diêu Anh, A Hoa đi chợ mua chỉ màu để thêu vào nón làm hoa. Hai chị em còn lạ lẫm nên Lệnh dẫn Diêu Anh và A Hoa đi tìm hàng chỉ để mua. Lệnh là người hay săn bắn đã từng sang muông này vài lần tìm mua dây "pan" làm dây cung cánh nỏ. Lệnh biết chỉ có chợ ở Đông Luông mới bán những loại dây gai đó. Anh đã từng mua về làm dây cung nỏ, dây xoắn lại rất chắc rồi sau đó lấy sáp ong miết một lượt vàng mịn bên ngoài. Khi dây kéo căng óng ánh nhẵn bóng lúc giương lên bắn mới chính xác. Lệnh dẫn Diêu Anh, A Hoa đi hết một lượt chợ mới đến chỗ bán chỉ thêu. Lệnh bảo:

– Hàng bán chỉ dây rồi. Hai chị em vào mua đi để kịp về khỏi muộn.

Diêu Anh và A Hoa vào một hàng bày bán chỉ ngay dưới vòm cây cọ râm mát lúc lửu những buồng quả đen nhánh.

Đang lúc mặc cả mua bán bỗng mấy quả cọ rơi lác đác xuống bên cạnh. Hai chị em ngẩng mặt lên thấy một bầy chim yểng mỏ vàng đang tranh nhau ăn quả trên ngọn. Thành linh thấy đàn chim bay ào ra khỏi buồng quả cọ. Tiếng vỗ cánh làm các tàu lá cọ đung đưa trong gió xuân. Một con chim bỗng rơi phịch xuống gốc. Hai chị em giật mình bảo nhau:

– Chim bị trúng tên kia!

Diêu Anh nhanh chân chạy ra bắt lấy con chim yểng đang đập cánh đành dạch ngay trên bãi cỏ. Vừa cầm con yểng trên tay Diêu Anh thấy xuất hiện hai chàng trai đi đến. Một chàng trai vác nỏ trên vai tươi cười nói:

– Này cô, em! Sao lại "ăn trộm" yểng của anh vừa bắn trúng.

Diêu Anh then thò mặt đỏ ửng.

– Oan cho em nào! Em có trộm yểng của anh đâu. Chẳng qua là em giữ hộ đấy chứ. Nếu bọn anh cần xin chuộc lại đi. Em xin trả đây!

Hai chàng trai muông Đông Luông luống cuống nhìn nhau. Một anh chàng bảo:

– Này Dầu, mày vào chuộc đi!

Người tên là Dầu cãi lại:

– Nhưng mà yểng anh Pàng bán trúng cơ mà. Anh vào xin chuộc cô em đi. Bảo hai em muốn chuộc thứ gì hai anh cũng xin chịu cả. Anh Pàng vào đi sợ gì?

Diêu Anh và A Hoa nhìn nhau cười tươi. A Hoa bảo:

– Nếu các anh không chuộc thì bọn em về đây.

– Rồi cô quay sang Lệnh rủ:

– Chúng ta về thôi anh ơi!

Lệnh đứng nghe từ nãy đến giờ, nét mặt rầu rầu bảo:

– Về thì về cho sớm nào!

Lệnh bước đi mấy bước, đứng lại chờ hai người bạn gái. A Hoa cũng giả vờ bước đi. Diêu Anh chạy theo đưa con yểng cho A Hoa bảo:

– Này, cầm hộ chị, để trả tiền mua chỉ đã nào.

Lệnh, A Hoa dừng lại đợi. Diêu Anh lấy tiền trả hai cuộn chỉ màu rồi cũng đi ra. Pàng và Dầu cả hai người chẳng ai bảo ai chạy ra chắn ngang đường không cho họ đi. Pàng mặt đỏ tía bối rối.

– Này em ơi! Em thích chuộc yểng bằng gì nào?

Diêu Anh bạo mồm:

– Tùy anh! Nếu anh muốn lấy lại con yểng này.

Hai chàng trai tấn ngăn một lúc, Pàng chạy vào bà hàng xén mua hai cuộn chỉ màu to hơn cuộn lúc nãy Diêu Anh đã mua. Anh ta hấp tấp chạy ra nói:

– Anh tặng em hai cuộn chỉ màu này. Em vui lòng nhận để thêu nón cho anh nhé!

A Hoa góp chuyện:

– Anh Pàng ơi, không được đâu. Anh chuộc để lấy yểng cơ mà.

Dầu thấy vậy cũng chạy lại mua hai cuộn chỉ còn to hơn nữa đem ra áp ứng:

– Anh chuộc đây. Em bằng lòng chưa?

Diêu Anh mặt cũng ửng hồng hỏi A Hoa:

– Như thế được chưa hả A Hoa?

A Hoa đáp gọn lỏn:

– Tùy chị Diêu Anh chứ em biết đâu ấy với chị mà hỏi...

Pàng thấy lòng xao xuyến khi biết tên người con gái. Anh ta liền tha thiết:

– Diêu Anh ơi! Lần đầu tiên anh gặp em mà... Em đừng cho anh thất vọng đấy. Diêu Anh nhận đi!

Vừa nói Pàng vừa đưa chỉ cho Diêu Anh. Diêu Anh nhận chỉ màu. Thấy vậy, A Hoa đưa con yểng cho Diêu Anh và lại giục:

– Chị trả yểng cho người ta để mà về, muộn rồi.

Dầu thấy A Hoa chạy ra ngoài xa. Anh cũng chạy hấp tấp vào gần Diêu Anh nói nhỏ:

– Chỉ anh Pàng là để chuộc lại yểng. Còn chỉ này anh tặng em đấy...

Dầu vừa nói vừa dúm hai cuộn chỉ vừa mua nữa vào tay Diêu Anh rồi chạy đi. Còn lại Diêu Anh và Pàng đứng bên nhau nói chuyện. Một lúc sau nhìn thấy Lệnh và A Hoa đã đi xa xa. Diêu Anh gọi vói theo:

– A Hoa ơi! Đợi chị đã nào!

Pàng bồi hồi nắm cổ tay Diêu Anh:

– Anh tiễn em một đoạn được không? Để nói câu lượn cùng em?

Diêu Anh lắc đầu và ù chạy đi cho kịp A Hoa và Lệnh đang đứng đợi nơi bờ ruộng có cây si già mọc um tùm nắng long lanh dội.

Pàng và Dầu không ai bảo ai, đứng ở hai chỗ cách xa nhau, nhưng đều hướng nhìn theo Diêu Anh đi tít xuống tận cánh đồng ruộng bậc thang lên con đường đèo Phạ Deng trở về ruộng Khau Lý bên kia dãy núi chiều mù sương.

Đã khuya lắm rồi. Lệnh lấy chăn đắp trùm kín lên mặt đến nghệt thở. Đôi mắt anh vẫn nhìn thấy bóng đêm đen đang ép xuống đè lấy toàn thân nặng nề. Khiến ngực Lệnh tung tức như có bàn tay vô hình nào đó đang bóp chặt trái tim đau đớn. Lệnh ngồi vùi đầu. Anh giật tấm chăn đơn ném ra cạnh giường. Hai cánh mũi anh hít thở phập phồng theo sự rung đập trong lồng ngực hắt ra từng hồi từng nhịp triền miên hối hả. Anh từ từ vươn vai đứng dậy để khỏi bị bóng đêm ám ảnh, đến bên góc nhà phía trên mở cửa sổ nhà sàn hướng ra cánh đồng đêm mù mịt. Nơi chân trời mờ tỏ xa xôi hiện lên lóe vụt một ngôi sao cô đơn.

Lênh lập cặp đi tìm bao diêm để châm đèn trám. Anh đánh hết que này đến que khác lửa vẫn chưa bén vào que. Anh lấy cả bao diêm áp vào bên nách cho nóng khô. Tay lần tìm lấy ba que chập lại đánh vào vỏ bao thuốc ngọn lửa mới xòe cháy. Anh tìm chiếc đóm tre ngâm châm vào tiếp để giữ lửa khỏi tắt. Rồi Lênh dúi ngọn lửa đóm vào đĩa nhựa trám khô trắng mốc cháy xèo xèo tỏa mùi thơm dễ chịu.

Đợi cho ngọn nến cháy to bập bùng sáng một góc nhà sàn, Lênh tìm nậm rượu, làm bằng quả bầu già khô màu thẫm rót ra một chén nhỏ bằng hạt mít. Anh nhẹ nhàng nhấp một ngụm. Hơi rượu xông cay cay mũi, chảy xuống cổ họng lan xuống bụng râm ran. Anh lại ngồi chờ người uống tiếp lặng lẽ từng ngụm nhâm nhi.

Cầm cái cổ nậm rượu Lênh tự nhiên như sống lại một thời trai trẻ...

Một buổi chiều có hai người bạn là Pàng và Dầu ở mừng Đông Luông đi săn được một con nai con trên núi Phạ Deng. Hai người thợ săn đã khênh cả con thú rừng tới nhà Lênh. Bố Lênh là một người đàn ông sống trong tình cảnh vợ trốn theo trai đã lâu. Ông sống một mình làm lụng và nuôi Lênh lớn lên. Nghĩ đến con trai mình không có anh em cũng đơn độc như đời bố. Ông rất cảm động và nhận lời hai người thanh niên ở mừng bên kia đèo sang kết tình anh em với Lênh. Cả hai chàng trai mừng Đông Luông xưa nay từng đến chơi với Lênh đã nhiều lần. Họ đối xử với ông và con trai ông rất thân thuộc như tình anh em ruột thịt. Ngoài việc họ cùng con trai ông thường rủ nhau đi săn, đi chơi chợ tết, đi lễ hội tung còn. Họ còn giúp gia đình ông những việc lớn như làm nhà, tra lúa trên nương, đắp phai dẫn nước vào ruộng cấy lúa, gặt hái thu hoạch hàng năm tận tình, chu đáo như việc nhà mình. Nghe Pàng và Dầu muốn được nhận anh em với Lênh, con trai ông, ông cảm động thực sự. Từ ngày vợ ông bỏ đi, ông cảm thấy xấu hổ với mọi người. Ông đã bỏ ngôi nhà đang ở gần nhà bà Hay dọn lên đây, một nơi cách biệt làng xóm, tự khai phá đất đai sinh sống. Ông như tự cắt đứt mọi quan hệ xóm giềng. Ông cứ sống lủi thủi một bố một con như thế. Đến khi Lênh lớn lên thỉnh thoảng có một vài người bạn đến nhà chơi với con trai và thăm hỏi ông. Những người bạn của Lênh chỉ có Pàng và Dầu là thường xuyên hàng tháng hay đến nhất. Từ ngày Lênh có bạn đến nhà, ông cũng cảm thấy bớt

hiu quạnh. Ngôi nhà có thêm tiếng cười. Mâm cơm có thêm bát đĩa. Việc lớn việc khó có người giúp một tay hộ một vai cùng gánh vác nên chóng xong hơn.

Con nai được Pàng và Dầu mang về đã được ba chàng trai xúm vào làm thịt đến lúc mặt trời gác núi đã xong. Ông bố Lệnh cũng là một thợ săn từ thời trai trẻ nên rất thạo chế biến các loại thịt thú rừng. Ông đã hướng dẫn ba người thanh niên xào nấu từng món ăn hợp khẩu vị với người miền núi. Cả ngôi nhà vắng vẻ thường ngày rộn lên tiếng thái thịt, băm xương rung rinh cả sàn nhà. Những ngọn khói bếp bốc lên mái lá nóc nhà nghi ngút mang cả vị thịt rừng nướng cháy thơm tỏa vào gió núi lan ra.

Theo phong tục của miền núi buổi lễ kết nghĩa anh em được tiến hành. Ông bố Lệnh bày mâm cỗ lên bàn thờ tổ tiên. Khi ông bố Lệnh hỏi về ngày sinh tháng đẻ thì Pàng là người lớn tuổi nhất sau đó là Dầu, Lệnh là người sinh sau hai người nên là em út. Ông bố Lệnh cũng chấp nhận luôn là ông bố nuôi của Pàng và Dầu.

Ông bố Lệnh thắp hương lên bàn thờ. Đợi lúc hương đã bén cháy nghi ngút ông gọi các con:

– Cả Pàng đâu!

Pàng "dạ" một tiếng, đến đứng trước bàn thờ bên tay phải ông.

Ông gọi tiếp:

– Hai Dầu đâu!

Dầu lại "dạ" một tiếng và đứng bên tay phải Pàng.

Ông lại nói tiếp:

– Ba Lệnh đâu!

Lệnh cũng "dạ" một tiếng và đứng bên tay phải Dầu.

Ông bố Lệnh bắt cả ba đứa con lần lượt thắp một nén hương lên bàn thờ. Cả ba người con: Cả Pàng, Hai Dầu, Ba Lệnh chấp tay trước ngực đợi ông bố làm lễ.

Ông bố châm ba nén hương cho mỗi đứa con một nén thắp tiếp vào bát hương. Ông quay trở lại cúi khom người xuống, chấp tay vào nhau vái vái ba lần và ông lầm rầm cúng bài ca lễ nghi nhận anh em mà ông đã thuộc lòng từ xưa. Sau lễ cúng cả ba người con rót ba chén rượu, chích một giọt máu đỏ từ đầu ngón tay trở xuống.

Cả ba anh em đặt lên bàn thờ. Quay ra cúi rạp người xuống lễ ông bố cũng ba lễ. Ông bố cúi xuống đỡ cả ba người con cùng đứng dậy. Ông bắt cả ba chàng trai đưa ngón tay trở chích máu ra móc chặt vào nhau. Ông nói giọng rung rung:

– Từ giờ phút này! Các con là anh em.

Các con phải sống thực lòng, thuận hòa như cây rừng bám rễ sâu trong lòng đất ông bà đời đời tươi xanh...

Thủ tục nhận làm con nuôi của Pàng và Dầu với ông bố Lệnh và nhận làm anh em kết nghĩa của ba chàng trai tuổi sần sần gần bằng tuổi nhau đã xong. Ông bố nhìn lên bàn thờ thấy các nén hương cháy đã gần hết liền bảo các con:

– Các con dọn bữa được rồi đấy.

Mâm cơm được bung ra đặt giữa chiếc chiếu cũ trải xuống giát nhà giữa gian trên bếp lửa, nơi sang trọng nhất của nhà sần. Ông bố ngồi trên nơi cao nhất mâm. Kế theo là các con ngồi vòng quanh chiếc mâm gỗ. Lệnh cầm nậm rượu rót ra bốn chén. Ông bố tay run run cầm động cầm chén rượu nâng lên:

– Nào, xin mời các con!

Cả ba người con cùng giơ chén lên ngang mặt hướng về phía người bố:

– Xin kính chúc bố ạ!

Ông bố và các con cùng uống cạn.

Anh cả Pàng rót rượu vào chén bố và chén của anh ta đầy tràn và nói:

– Chén này con xin kính bố ạ!

Ông bố nâng chén lên cùng uống cạn.

Anh Hai Dầu cũng rót rượu cho bố và cho mình rồi nói:

– Chén này con kính bố ạ!

Đến lượt Ba Lệnh hơi lúng túng một chút: Vì trước đây anh chưa bao giờ dám uống rượu với bố. Thấy vậy anh cả Pàng nhắc khéo:

– Chú Lệnh uống với bố đi!

Lệnh nhìn bố, thấy ánh mắt bố như khích lệ. Anh cầm bình rượu rót cho bố và rót cho mình xong cũng nói lí nhí:

– Con kính bố ạ!

Ông bố mừng ra mặt đưa chén rượu lên uống cạn. Mặt ông đã đỏ bừng. Ông nói cười vui vẻ ồn ào.

Chúc tụng bố rồi đến lượt anh em chúc nhau. Hai Dầu nâng chén mời:

– Nào anh xin kính anh cả Pàng ạ!

Ba Lệnh là đứa con út có bốn phần chúc rượu cả hai người anh. Lệnh nâng chén:

– Em kính anh Cả Pàng ạ!

Thấy Pàng uống xong Lệnh lại rót tiếp nâng lên trước mặt:

– Em kính anh Hai Dầu ạ!

Cứ như thế những chén thù chén tạc của bốn bố con say sưa ồn ào vui vẻ đến tận nửa đêm mới kết thúc.

Sáng hôm sau người thức đầu tiên lại là ông bố Lệnh. Ông nhìn cả ba người con nằm vật bên mâm rượu thịt nai, đầu mỗi đứa ngoẹo một phía đến là tức cười. Cả ba chàng trai vẫn ngủ ngon lành hồn nhiên như những đứa trẻ...

Đã hơn hai mươi mùa nương trôi qua rồi, đêm nay mọi việc lại dồn về sống dậy trong lòng Lệnh ồn ào như tuổi trẻ. Anh không ngủ được muốn uống rượu cho say mềm mà ngủ quên đi tất cả. Nào ngờ, Lệnh càng uống men rượu ngấm vào cơ thể lại càng làm cho anh tỉnh táo. Lệnh dốc ngược bình rượu đã cạn khô không còn đến một giọt để nhấp môi. Đôi môi Lệnh khô khốc nóng bừng bừng, Anh chợt nhót đến một vật kỷ niệm thiêng liêng nhất đời anh. Lệnh lần lại phía đầu giường ngủ. Anh như không còn biết mình làm gì. Hai tay lần mò tìm chiếc hòm gỗ. Anh mở nắp thục tay xuống tận đáy lấy lên một bọc tròn tròn gói vải chàm. Tay Lệnh lỏng ngóng nắm chặt đặt lên môi khô khát. Anh hôn tới tấp hôn đến ngạt thở. Một lúc lâu anh mới từ từ gỡ từng lớp vải bọc lộ ra một chất kim khí màu trắng. Chiếc vòng bạc! Lệnh nhớ ra rồi. Chiếc vòng! Trời ơi, chiếc vòng bạc của A Hoa!

Trước khi có lễ kết nghĩa anh em với Pàng và Dầu mấy tuần, Lệnh vừa vác nỏ đi qua nhà A Hoa định đi bắn chim, A Hoa đang làm cỏ vườn thấy Lệnh đã bắt chuyện:

– Anh Lệnh ơi, vào đây nhổ cỏ hộ em với nào!

Lênh khoác nỏ một bên vai dùng lại rụt rè hỏi:

– Mẹ em có nhà không?

A Hoa đứng thẳng người, vạch bờ rào râm bụi để lộ khuôn mặt trắng hồng thỏ thẻ:

– Mẹ em đi chợ từ sớm rồi.

Lênh tiến lại gần sát hàng rào lại hỏi:

– Diêu Anh đâu? Không ra cùng làm vườn với em?

A Hoa cười khúc khích: – Anh sợ chị ấy lắm à?

Lênh nói cụt ngủn:

– Sợ gì? Chỉ không thích gặp thôi.

Lênh định bước đi, A Hoa gọi giắt giọng:

– Anh Lênh! Lại đây em bảo cái này mà. Hôm nay một mình em ở nhà thôi. Chị Diêu Anh cũng đi chợ với mẹ rồi. Anh vào đi nào! Em mở cổng cho. Anh vào nhanh lên.

Nghe giọng A Hoa khẩn khoản, Lênh bạo dạn đi vào cổng, treo nỏ lên một cành cây bờ đậu rồi cũng vào nhổ cỏ với A Hoa. A Hoa miệng nói tay nhổ cỏ roàn roạt vút vào bờ đậu từng đống. Lênh lúc đầu còn nhổ một đầu luống rau bên này, A Hoa nhổ ở đầu luống rau bên kia. A Hoa thấy vậy liền nói như phân công:

– Anh nhổ một đầu, em nhổ một đầu. Cùng thi đua nhé! Xem ai đến giữa luống trước nào?

Hai người ngồi xổm, hai tay thoăn thoắt nhổ từng góc cỏ. Gặp những gốc cỏ to rễ bám chắc xuống đất, người nhổ dùng hết sức để nhổ, nhiều lúc gốc bật mạnh lên, người mất đà ngã bổ chửng ngồi trệt cả xuống đất lại cười vui rúc rích. Do mãi mê nhổ cả chàng trai và cô gái không kịp quan sát đến giữa luống va vào nhau. Người nào người nấy mặt đỏ ửng. Một loáng sau cả khu vườn, mấy luống rau cỏ mọc đầy đã sạch quang. Lênh lấy cuốc cuốc một lượt. A Hoa dùng xẻng đánh luống đất vuông vắn phơi ải dưới nắng trưa. Mùi đất xông lên ngai ngái nồng nồng.

Thấy công việc đã xong A Hoa bảo:

– Ta nghỉ tay thôi anh Lênh ạ. Em mời anh ra máng nước rửa chân tay rồi lên nhà em uống nước đã. Đàng nào anh cũng muộn buổi đi rừng rồi.

Lênh chống cuốc đứng dậy. A Hoa thu dọn cỏ gọn sang một đồng để phơi khô đốt lấy tro bón vườn rau sau này. A Hoa lên nhà lấy chiếc chậu thau đồng, khăn mặt, giỏ đựng xà phòng mang xuống sàn rửa chân dưới cầu thang cho Lênh. Máng nước suối bắc từ trên núi về trong trẻo chảy long bong xuống thùng nước bằng gỗ, nước tràn ra cả ngoài miệng. A Hoa đứng cạnh cầu sàn mức đầy chậu nước bung ra trước mặt Lênh tươi tắn cười:

– Anh rửa trước đi.

Lênh vừa xắn áo lên tận khuỷu vừa cúi xuống. Anh lấy hai bàn tay xòe khít các ngón vào nhau vốc nước phả lên mặt xỉ xụp mát lạnh. A Hoa đứng cạnh máng nước tình nghịch đưa bàn tay trắng trẻo vào dòng nước đang chảy té té những giọt vào mái đầu bù xù của Lênh. Cô cười khanh khách trêu đùa. Bất chợt Lênh ngẩng lên té lại làm A Hoa ướt một mảng áo trước ngực. A Hoa tức quá đưa cả hai tay xuống thùng nước té đầy đầu Lênh. Cứ té đi té lại làm nước bắn tung tóe ướt cả một khoảng sân rộng. Hai người cười nói rộn rã trong trẻo đến hồn nhiên.

Lênh vụt cầm lấy hai cổ tay A Hoa đang nhúng trong nước bảo:

– Nào, thôi đi! Anh ướt hết bây giờ.

Những giọt nước long lanh trên mái tóc Lênh rỏ xuống tong tong vào mặt ướt nhòe cả mắt. A Hoa giằng được tay ra vội dúi đầu Lênh xuống chậu nước bảo:

– Thôi, anh gội đầu đi! Yên nào! Để em gội cho nào!

Lênh ngoan ngoãn ngồi cúi mặt xuống gội. A Hoa lấy xà phòng sát đầy tóc Lênh xoa xoa bọt bông lên đầy tay. Vừa gội A Hoa vừa trêu:

– Eo ôi, đầu con trai gì mà bẩn ời là bẩn. Có nhẽ hàng tháng anh chưa gội đầu chứ gì?

Lênh được A Hoa gội đầu vừa xấu hổ vừa phấn khích lâng lâng trong lòng. A Hoa gội xong dùng khăn vắt sạch nước xoa khô và lấy lược chải chải. Một lúc A Hoa nói:

– Xong rồi! Anh nhìn xuống máng nước xem đã đẹp trai chưa nào?

Lênh từ nãy tới giờ im lặng mà lòng xốn xang lạ thường. Anh cúi xuống máng nước cười tủm tỉm:

– Đẹp trai chứ sao không đẹp A Hoa nhỉ?

Lênh thấy gương mặt mình và khuôn mặt tươi cười rạng rỡ xinh đẹp của A Hoa cùng in dưới nước chập chồn lúc chập vào nhau lúc tách ra. Lênh tự nhiên quay đôi môi sang ghé sát má A Hoa khê hôn một cái thăm dò. A Hoa đưa tay giả vờ đẩy anh ra nhưng lại ép tay lại giữ đầu Lênh sát gần mặt mình. Biết A Hoa cũng đồng tình, Lênh liền vòng tay qua cổ A Hoa. Hai mái đầu tóc đan tóc, môi kết môi chia hơi thở cho nhau nồng nàn tha thiết. Một lúc sau A Hoa đứng vụt dậy. Mặt cô đỏ bừng, cô nói trong hơi thở rạo rực:

– Anh ơi, cho em rửa ráy chân tay đã nào!

Lênh chột buông A Hoa ra đứng kề bên đợi. A Hoa quên cả ý tứ xắn quần lên cao quá gối, giội từng gáo nước vào chân. Lênh ngắm đôi chân A Hoa trắng nõn nà thon thả láng nước hồng hào. Lênh giằng lấy chiếc gáo trong tay A Hoa bảo:

– Để anh múc nước cho em rửa chân nào!

A Hoa cười rúc rích nói:

– Ờ... thế chứ! Con trai gì mà chẳng biết giúp đỡ con gái gì cả.

Lênh tỏ ra bạo dạn thổ lộ:

– Anh muốn được múc nước rửa chân cho em suốt đời đấy!

A Hoa ý tứ hỏi lại:

– Thật không anh?

Lênh phán chán:

– Thật đấy! Chỉ sợ em chê nhà anh nghèo thôi A Hoa ạ.

Rửa chân xong A Hoa lại xắn tay áo lên cao. Chiếc vòng bạc trắng đeo vừa vặn cổ tay tròn trặn. A Hoa giơ hai tay ra trước mặt cho Lênh dội nước.

Rửa cổ tay mấy lần vương chiếc vòng. A Hoa đứng thẳng người lên bảo:

– Tháo hộ em chiếc vòng cho đỡ vướng đi anh! Lênh để gáo xuống bên thành thùng nước. Tay anh cầm vòng kéo ra. Mỗi khi Lênh kéo A Hoa lại xò mấy ngón tay ra cho vòng kẹt lại không tháo ra được. A Hoa lại vờ kêu:

– Ái... ái... đau quá! Khê nào anh!

Lênh lấy một tay nắm lấy cổ tay A Hoa phía trên vòng, một tay kéo nhẹ nhàng. Lênh biết A Hoa trêu nên anh đứng tư thế như xuống tấn và bảo:

– Nao đừng cầm lên nhé! Anh kéo đây này.

Mấy lần Lênh kéo A Hoa mới chụm ngón tay lại. Chiếc vòng bạc kéo ra khỏi tay. A Hoa bảo:

– Anh cất vào túi áo anh ấy, hộ em đi.

Lênh bỏ chiếc vòng vào túi áo chàm, như nặng nặng trước ngực. Sau đó Lênh lại múc nước cho A Hoa rửa tay. A Hoa cũng bắt chước Lênh chụm các ngón tay lại khít vào nhau để hứng nước vốc đầy khuôn mặt xinh xắn như một đóa hoa rừng.

Đang lúc rửa mặt nghe tiếng mở cổng. A Hoa ngẩng mặt lên thấy mẹ và chị Diêu Anh đã về. Lênh lúng túng then thùng thôi múc nước cho A Hoa.

– Bà Hay đi chợ về đấy ạ!

Bà Hay đi vào sân tươi cười:

– À, cháu Lênh đến chơi.

A Hoa mách mẹ.

– Anh Lênh đến giúp con làm vườn đấy mẹ ạ.

Mẹ thấy vườn nhà ta sạch cỏ lâu lâu kia kia mẹ.

Diêu Anh đi sau bà Hay nói ra về đàn chị:

– Chắc A Hoa bắt chú Lênh làm vườn hộ chú gì?

Lênh hơi méch lòng bảo:

– Đây là anh tự nguyện làm thôi không phải A Hoa "bắt" anh đâu Diêu Anh ạ.

Đội bà Hay và Diêu Anh lên cầu thang vào nhà, Lênh nói nhỏ với A Hoa:

– Anh về đây!

A Hoa nhìn vào mắt Lênh bắn khoăn:

– Anh ở lại chơi nhà em ăn cơm trưa không được à?

Lênh vẽ mặt râu rĩ:

– Không, A Hoa ạ!

Lệnh đi nhanh ra ngõ lấy nỏ khoác vào vai. Chợt nhớ ra điều gì Lệnh chạy lại lúc A Hoa vẫn còn đang đứng nhìn theo dưới cầu thang.

– À... Anh quên này... Vòng của em.

Lệnh vừa nói vừa thọc tay vào túi áo để lấy. A Hoa nhanh tay giữ bàn tay Lệnh lại bảo:

– Em tặng anh đấy! Anh có thích không?

Lệnh ngẩng lên nhìn vào đôi mắt A Hoa dăm đuối:

– Thích chứ!

Lệnh khẽ nắm vào chỗ cổ tay đeo vòng của A Hoa bối rối:

– Anh về đây em!

Nói rồi Lệnh chạy vội ra cổng. Mặc A Hoa đứng ngẩn ngơ nhìn theo bóng anh khuất sau hàng râm bụt xanh rờn chen những đóa hoa đỏ nhị dài đung đưa trong nắng trưa vàng rực.

Tiếng hú trong rừng sâu sau nhà u u trong gió núi vọng về. Lệnh vẫn thức trắng. Đôi mắt anh chong chong. Nước mắt cay cay ứa ra, đôi bờ mi như cứng lại không còn nhắm lại được. Anh nhìn ra trời khuya ngôi sao cô đơn đã mờ dần trên vòm trời xa xăm. Hai bàn tay nắm bình rượu bỗng rời ra rơi xuống sàn nhà. Lệnh thiếp đi lúc nào không hay.

Lệnh giật mình thức dậy. Mặt trời đã tỏa rọi ánh nắng đầu tiên của một ngày đang đến, xua bớt nỗi đơn độc của anh. Anh lại nhớ đến công việc lập đi lập lại thường ngày. Lệnh vác nỏ xuống cầu thang đi vào rừng săn bắn như là kế sinh nhai, như là thú vui duy nhất còn lại trong đời, để anh còn có thể tồn tại như một chiếc lá lẻ loi giữa đại ngàn gió thổi lất lay.

Hoàng Hữu Sang (dân tộc Tày) tên khai sinh: Hoàng Hữu Sang.

Năm sinh: 13-9-1950. Quê quán: Huyện Yên Bình, Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản: Người đánh gấu trên núi Suối Mây (truyện ngắn 1997); Chuyện lạ ở bản Coóc (truyện ngắn 1999); Tay sét (truyện vừa 1999); Vàng nổi (truyện ngắn in chung 1999).

Giải thưởng văn học: Tặng thưởng văn học Hội Nhà văn Việt Nam 1999.

NGƯỜI ĐÁNH GẤU TRÊN NÚI SUỐI MÂY

Gấu vô chị Lặng rồi!

Tiếng ai kêu thất thanh. Lập tức cả bản nhốn nháo, inh ỏi, chẳng khác gì ong vỡ tổ. Nẻo đường nào cũng có người chạy. Gặp nhau họ chỉ nói vài tiếng, vừa nói vừa đưa tay lên làm hiệu rồi lại chạy mỗi người một ngã. Tiếng gọi nhau ới ới. Chó sủa từng hồi dài. Gà vịt bay táo tác. Một hồi tù và rúc lên. Nhiều hồi tù và từ các khe núi đáp lại. Già trẻ trai gái cả bản kéo về nhà Lung Linh, nơi phát ra tiếng tù và cấp cứu.

Ông Ngự Sử đứng giữa sân, giơ cả hai tay lên vẫy vẫy. Ông có dáng người tầm thước, trán cao, tóc vuốt ngược về phía sau, chòm râu dài điểm bạc. Từ nhỏ, ông theo thầy Tắc Coóng, một thầy võ nổi tiếng vùng sông Chảy. Người ông săn lảo và rất nhanh nhẹn. Ánh mắt sáng quắc và hiệu tay của ông trùm lên mọi người đứng chật cả ngoài sân và dưới gậm sàn. Các cụ già ngồi trên cửa sổ hướng cả xuống sân. Nhiều người chen nhau đứng trên chiếc loong¹ úp dưới bãi, trên chiếc cần cối giã gạo, các bậc cầu thang để nghe cho rõ lời ông Ngự Sử nói:

- Bây giờ chúng ta chưa biết thực hư thế nào vì cháu Thảo vẫn chưa tỉnh. Thím Thành Tinh bảo là đang nấu cám lợn thì nghe

1. Loong: đoạn cây lớn đục thành hình chiếc thuyền dùng để đập lúa, hoặc chỗ lúa, ngô.

thấy có tiếng kêu "Gấu vô chị Lẻng rồi", chạy ra thấy cháu Thảo nằm ngất bên bờ rào. Đi tìm cháu Lẻng bây giờ phải cẩn thận mới được. Đi ít thôi. Tôi và chú Lung là hai. Chú Lường chọn cho ba người nữa nhanh nhẹn, có súng tốt, mang theo đèn pin. Chú hộ lý mang kim tiêm và thuốc cấp cứu. Hai cháu Thẩm và Đua lên nhà lấy võng.

Một cụ già râu tóc bạc trắng, da mặt đỏ au ngồi trên cửa sổ nói gì đó với ông Ngự Sử. Ông Ngự Sử rẽ đám đông lên nhà. Chị Hoa, vợ Lung đưa cho ông mấy nén hương. Ông thận trọng cắm cho các que hương thật thẳng rồi quỳ lạy cả hai bên tổ tiên và ham¹.

— Con cháu người trần mắt thịt không biết gì xin tổ tiên và ham phù hộ độ trì cho cháu Lẻng tai qua nạn khỏi. Anh chị sống khôn chết thiêng thì về trông con gái. Chỉ cần cháu Lẻng được sống, lễ tạ thế nào chúng em cũng xin theo.

Ông lại sụp lạy mỗi bên ba lạy rồi đi xuống bãi. Những người đi tìm Lẻng lặng lẽ đứng thành một lớp giữa sân. Ông nói:

— Những người đi nghe tôi nói câu này: gấu bao giờ cũng dựng mình lên mới vô được. Nhớ lấy, đừng ai bỏ quên cái đầu của mình ở nhà.

Nhìn những người được chọn đi, sâu trong mắt họ đều có ánh lửa, ông Ngự Sử nâng tù và lên thổi một hồi dài. Đàn chó ăng ăng vụt ra cổng. Họ ra đi.

Ông Ngự Sử đi bên cạnh một người đàn ông cao lớn thật khó đoán tuổi, 35 hay 40, hơn nữa cũng không biết chừng. Trán anh ta hơi hói, tóc cắt cao, đôi mắt xéch vằn những tia máu đỏ, môi mím chặt, cầm bạnh ra làm các cơ trên mặt cuộn lên. Về mặt anh có cái ánh dữ tợn của con hổ bị thương. Đó là Lung. Con cả của Lung tên là Linh nên người ta vẫn gọi là Lung Linh. Ở Bản Coóc, từ lâu người ta vẫn gọi cặp díp tên bố và con cả như thế. Lung mặc chiếc áo chàm rộng, khi bước đi vòng ngực và bắp tay vẫn hằn rõ trên làn vải. Ở chỗ quang đàng, với ngọn giáo trên tay, hổ hay gấu đối với Lung cũng không đáng ngại nhưng đầu Lung đang ứ lên nỗi lo sợ và sự tức giận man dại nên ông Ngự Sử thấy mình phải đi kèm

1. Ham: dân tộc Tây có tục thờ ham bên cạnh bàn thờ tổ tiên.

bên cạnh. Vả lại ở rừng, cây lá, dây dợ vương vís cứ cản thận là hơn. Ông lựa lúc thích hợp cất tiếng dăng hắng, gọi người đi trước đứng lại dặn điều nọ điều kia cốt để Lung tỉnh tâm. Ông hiểu cái trầm tĩnh chứa trong từng tế bào khỏe mạnh của Lung, đồng thời ông cũng biết rõ vai trò của mình đối với con người khổng lồ kia.

Đến chỗ rẽ xuống suối Mây, ông Ngự Sử đứng lại nhìn hút con đường phía sau. Không thấy bóng ai đuổi theo, như vậy là Thảo vẫn chưa tỉnh. Cứ phải đi thôi. Mặt trời không còn đến nửa con sào. Ngược suối Mây đến vực Mạ đoàn người dừng lại. Vực Mạ sâu, hai bên đá dựng đứng. Những mỏm đá nhọn hoắt. Một cây mạ to ngã cành che rợp cả vực. Tùng cụm hoa vàng chi chít soi bóng vực nước trong veo. Nắng chiếu chiếu xiên xuống vực, nước hắt lên lán đá những ánh sóng sáng. Hương hoa như ướp vào dòng nước trong vắt rồi mới lan tỏa thơm ngát. Ở đây có hai lối, một lối đi tắt qua lán đá, một lối vòng lên đồi. Ông Ngự Sử bảo Luồng dẫn anh em đi đường vòng còn ông và Lung bám gờ đá leo lên. Trong khi chờ anh em đi đến, ông lắng nghe. Rừng xào xạc gió. Xa trên đỉnh núi có con chim gõ mõ "co roóc, co roóc" đều đều. Gió cũng không có gì lạ, chỉ có hương hoa mạ dịu thơm. Bỗng Lung đi vội xuống bờ suối gọi: "Chú Sử". Chiếc xoổng vương mãi mấy ngọn măng ngay bên bờ suối. Đoàn người đi đến tỏa ra tìm dấu. Ông Ngự Sử đưa chiếc xoổng lên ngắm nghía, kết luận:

- Xoổng này của cháu Thảo?

Ông đưa chiếc xoổng cho Lung có ý hỏi, Lung gật đầu. Như vậy là chỗ Thảo bắt đầu chạy cách đây không xa. Hai chị em mới tìm được mấy ngọn măng thì gặp gấu.

Lung lao ngược suối, thoăn thoắt chạy lên đồi vầu. Ông Ngự Sử và đoàn người lao theo. Bỗng nghe tiếng chó sủa. Đó là tiếng con Túp đầu đàn. Nó chỉ sủa mấy tiếng. Đoàn người đến gần. Tiếng con Túp ư ừ. Lung chạy về phía ấy. Lẻng nằm vật trên một bãi cỏ. Nhìn tư thế nằm và tám lung bê bết máu, áo váy rách bươm, ai cũng hiểu rằng Lẻng không còn nữa. Lung "hực" một tiếng lao đến bên em. Anh nhẹ nhàng lật người Lẻng lên. Không còn khuôn mặt. Đó là một cục máu lớn. Một hõm mắt lõm sâu, đỏ nọc. Lung bế em lên tay, từ từ đi xuống đồi rồi bước chân anh nhanh dần không ai theo kịp. Tiếng đàn chó sủa óc ách tí xa. Ông Ngự Sử dặn anh em

đi sau canh chừng rồi chạy theo Lung. Tiếng ông Ngự Sử và anh em không lọt được vào tai Lung. Những bàn tay nứu kéo không làm cho Lung bước chậm lại được. Đôi chân cứ bước vùn vụt, qua suối, qua đèo. Hai bàn chân Lung như có mắt. Lung đi bằng đôi mắt ấy. Khi nghiêng người xoay cho đầu và chân Lẻng không vướng vào dây leo, cây cối hai bên lối đi, khi bước phăm phăm qua bãi đá cuội dưới lòng suối, Lung không biết mình đang làm gì. Trong tâm trí, anh đang bế cái Lẻng chưa đầy tuổi lang thang từ nhà nọ sang nhà kia xin sữa. Anh bế cô đi dọc những bờ nương mò cua cá, len qua những đám gai hái dùm dùm. Bây giờ Lẻng đang đói, anh phải về nhanh cho em ăn.

Lối đi hẹp, ông Ngự Sử và đoàn người không làm sao chạy lên được trước Lung để ngăn anh lại. Ông và Luồng gật đầu ra hiệu cho nhau bám sát, hy vọng đến chỗ suối Mây rẽ lên đường lớn, Lung sẽ phải đứng lại. Nhưng kỳ lạ thay, đoạn đường nhỏ, dốc, trơn mà Lung cứ bước lên từng bậc không hề lảo đảo. Đến đường rộng, ông Ngự Sử chạy lên trước, đứng giữa đường lấy thế tấn ngăn Lung lại. Ánh mắt ông dôi thẳng vào mắt Lung dữ dội. Lung chớp mắt, thần khí lơ mờ sáng lên. Đúng lúc ấy ông nói:

– Cho em nằm xuống võng. Không thể để mọi người nhìn thấy nó thế này.

Ông vòng tay bế Lẻng từ tay Lung đặt xuống võng. Hai thanh niên vội nhắc đòn lên vai rảo bước. Lung từ từ cởi áo phủ lên mặt em, sửa lại nếp áo cho em như ngày còn bé. Lung khóc. Tiếng khóc khô khốc. Lung không còn nghe thấy gì nữa. Trước mắt anh chiếc võng du đưa, du đưa. Lung cất tiếng ru:

Ru em em ngủ cho say

Để mẹ ra ruộng bắt muỗm

Những con muỗm áo xanh...

Mẹ Lung gọi anh đến bên bếp lửa, cạnh chỗ bà nằm. Nồi cám lộn sôi lách bạch trên bếp. Bà nói nhỏ như tiếng vọng: – Con ở lại với bố. Em con còn bé dại, con phải trông em cẩn thận...

Lung gục đầu vào áo quan. Khóc, khóc nức nở. Sao mọi người lại hời "Lẻng ơi". Lẻng bị gấu vồ chết rồi. Một người ngồi ngay bên cạnh anh, tiếng khóc làm cả người anh rung lên, run rẩy: "Em chết

khổ chết sở, chết đói chết khát. Sống khôn chết thiêng, em hãy về, chỉ còn tuần rượu này là âm dương cách biệt..."

Lung ngồi xuống. Người ta rót rượu vào chiếc cốc bằng nứa, mỗi cốc một giọt. Trong khi thấy tào túng, mọi người cúi xuống nhìn vào cốc rượu của mình cầm trên hai tay. Tiếng náo bạt, thanh la, chũm chọe vang lên, chiếc cần phán vẩy qua, mọi người hất rượu vào chiếc bát để trước mặt rồi quay lưng lại phía quan tài, lại rót rượu. Tiếng khóc lại ào lên "Em bỏ anh bỏ chị mà đi. Hai cháu của em còn bé dại tới tới ai sẽ dạy chúng học bài..."

Có ai đó cầm tay Lung, lắc lắc. Sao mọi người lại đứng cả đây nhốn nháo thế kia? Họ khiêng quan tài của mẹ anh đi. Chiếc quan tài đã ra đến chái nhà. Anh cũng đang đi với mọi người. Họ đặt quan tài xuống. Tiếng khóc lại rào rào nổi lên: "Lẽng ơi..." Đứng Lẽng nó nằm kia, rũ rượi. Đó không phải khuôn mặt mà là một cục máu lớn. Lung "hực" lên một tiếng, chạy đến bên em. Tất cả mọi người nhốn nháo thấy Lung ôm ngang quan tài em phăm phăm bước đi. Trên mặt quan tài, bát hương nghi ngút khói cháy rực lên. Ông Ngự Sử nắm cánh tay Lung. Hàng chục thanh niên xúm quanh quan tài giữ lại. Ánh lửa làm Lung sững sờ. Lung thấy mình bị giữ chặt không sao bước đi được. Lẽng nhìn anh, bộ áo váy mới tinh thom nức mùi chàm. Cô đội chiếc nón trắng lấp lóa sáng. Bộ xà tích dung đưa. Cô cầm lấy tay anh. Anh nhìn sâu vào mắt em gái. Có điều gì mà cô vui thế? Lẽng nói "Em đi đây, đi xa lắm. Anh về đi, không theo em được đâu". Thế rồi cô bước đi, đôi xà tích tung tủy xa dần. Lung không thể bước thêm được bước nào. Chân anh đã mọc rễ xuống đất rồi.

*

Lung từ từ mở mắt. Anh thấy trong người như một vùng trời đất vừa qua trận mưa bão sấm sét vui đập toì bời. Bây giờ gió đã lặng, trời đã yên. Một mỗi một cách dễ chịu. Đó là sự sống hồi thức. Nó đòi được ăn, được đi lại. Lung đã hoàn toàn tỉnh táo. Dưới bãi, tiếng gà mái cục cục bình yên. Lũ gà con chíp chíp, chắc chúng lằng xằng dẫm vào chân nhau. Tiếng chối đưa soàn soạt đều đều, đó là tiếng chối quét bãi của vợ anh. Tiếng chối kiên nhẫn, không ngừng, không nghỉ. Lung duỗi chân ngồi dậy đi về phía bếp. Linh ngồi bên bếp lửa, lật từng miếng thịt áp chảo. Mỡ sôi xèo xèo. Cô có khuôn

mặt xinh xắn của mẹ và dáng cao lớn của bố. Mười bốn tuổi trông Linh đã thành con gái.

Thấy bố dậy, cô vội nhấc chiếc ấm vẫn bên bếp, đổ nước vào chậu, để sẵn chiếc khăn mặt rồi bung lên. Cô nhìn bố rửa mặt với ánh mắt trêu mến. Ánh mắt ấy thổi ngọn gió mát rượi vào tận gan ruột Lung. Vợ anh cũng dừng tay chổi lên nhà. Chị đến ngồi bên anh. Như vô tình, chị để chiếc diều cày lại gần tầm tay với của chồng. Lung giờ tay lấy diều.

- Minh cho con nó dọn cơm nhé?

Hỏi thế nhưng chị lại đứng dậy tự tay bung mâm lên. Vừa xới cơm chị vừa bảo Linh thái thịt. Lung rất thích ăn nóng nên chị bắc chảo thịt xuống, đặt tiếp nồi canh khoai sọ. Thấy chồng nắm từng nắm xôi ăn, chị Hoa mới lại đi xuống bãi.

Mấy ngày qua, Lung nhớ hình như mình cũng có ăn, có uống cả rượu nhưng ăn uống theo bản năng chứ không có sự cảm nhận của tâm trí. Đang ăn, Lung đứng dậy đi vô định trong nhà, người ta lại dìu anh nằm xuống. Hôm nay, Lung ngồi ăn, đã vui quá nửa rá xôi, Linh thái thêm thịt áp chảo, Lung ngăn lại: "Thôi con ạ, bố ăn nốt chỗ lòng lợn này không nó sắp thiu rồi".

*

Thấy anh tỉnh táo, ba mẹ con đã rủ nhau đi làm cỏ sắn. Nhà trống trải quá. Trống trải và lạnh lẽo. Lung nhìn lên bài vị của Lẽng, hương thấp cúng cơm bữa trưa đã sắp tàn. Anh đứng dậy đem đồ cúng đi cất. Con dao của anh nằm trong vỏ vẫn được treo nguyên bên cột cạnh chạn bát. Một ngày đám chắt ai đem cắt chanh, thái khế nên lưỡi dao vàng xỉn. Lung đem dao ra thích nước¹ mài. Con dao tự tay Lung rèn, bằng thép xoắn lấy ở Thác Bà về. Nó dài hơn cả dao năm thợ rèn vẫn làm, lại to bản, hơi dày nên nặng trình trịch. Chuôi dao bằng rễ cây xoan cong cong vắn rất đẹp. Dao của anh bao giờ cũng được mài sáng loáng cả bản và sống dao. Ánh thép xanh sắc lẹm. Khi đã mài ưng ý, Lung đưa lưỡi dao lướt nhẹ trên ống chân. Đó là cách kiểm tra chất lượng, phải sắc như dao

1. *Thích nước*: chỗ nước máng được dẫn từ khe suối về nhà để rửa ráy, thường đặt ở đầu trời nhà sàn.

cạo. Tra dao vào vỏ, Lung bỗng nghĩ đến mộ em. Lung nhớ lo mộ Lẻng trên đồi sắn. Lung đeo vỏ dao, khoác bao đạn bằng da rái cá, gỡ khẩu súng kíp bên chạn bếp, xuống bãi.

Đến đầu nương sắn, Lung bỗng nghe tiếng huơ tác trên núi Suối Mây. Như có một sức hút kỳ lạ, bàn chân đã đưa anh đi theo con đường ngày đi tìm Lẻng.

Vào rừng, cái dáng đồ sộ của Lung trở nên nhẹ nhàng, nhanh nhẹn như con báo hoa. Qua bãi vầu là rừng già. Huơ đã ngừng tác nhưng anh có thể đoán hướng đi của nó. Trong sâu thẳm của tâm trí, anh vẫn muốn lần dấu vết con gấu. Loài vật cũng có con hiền con dữ. Anh muốn đối mặt với con gấu đã giết Lẻng, đứa em duy nhất của Lung. Nó đã giết một người. Nó đã trở thành cái họa của cả bản. Bố mẹ mất sớm, cũng may có sức khỏe, anh em Lung như cây cỏ hoang dại lớn lên.

Bỗng Lung nghe thấy tiếng động lạ. Đúng thật, tiếng ong bay. Anh cũng đã nhận ra mùi mật ong trong cái thoảng nhẹ của gió. Lung lần theo mùi mật. Dáng anh thoát ẩn, thoát hiện bên những bụi lúp xúp và những gốc cây to. Thấy mùi mật nghĩa là đang đi ngược hướng gió, không sợ con vật thấy mùi mồ hôi nhưng phải nhẹ nhàng. Con vật mồm ăn nhưng tai vẫn nghe. Lung phát hiện trên một cành cây to, một khối đen sì cựa quậy. Con gấu, đúng gấu, nó phải nặng hơn một tạ, mắt nhắm nghiền. Thỉnh thoảng nó lấy tay quệt, hất những con ong bỏ vào miệng. Với cái dáng háu ăn và phởn phơ ấy, Lung có thể đến gần kể cả việc vượt qua quãng trống trước mặt. Nhưng gần quá, dốc súng, lục đạn bay sẽ yếu. Lung lựa tầm bắn, giương súng lên. Gấu ngựa, loại gấu này dữ tợn và trèo cây rất giỏi. Một cành cây bằng bắp tay chắn mất khoảng nách của con vật. Lung dịch về phía sau con gấu bắn chéo lên. Lông gấu dày, cứng, lớp da cũng rất dày, ngược bắn chiều lông đạn mới xuyên qua được. Súng nổ. Một tiếng "bịch" rất nặng làm Lung giật mình. Trên cành cây không còn con gấu đâu nữa. Nó chết rồi? Lung nạp thuốc, chọn viên đạn căng bắn thú lớn thả xuống nòng trở trở rồi nhồi mã tử. Bỗng con gấu vùng dậy. Nó phát hiện ngay ra Lung và lao đến. Lung vội bỏ súng, rút dao ra. Loáng cái, con gấu đã sùng sùng trước mặt. Nó dựng mình lên. Đúng lúc ấy, Lung xả một nhát dao chém giữa mặt con gấu. Nhát chém mạnh đến nỗi con gấu vật sang một bên. Nó cũng đã kịp cào toác tay áo bên trái của Lung. Anh nắm

chặt tay bị cào, những ngón tay vẫn theo sự điều khiển, chỉ thấy rất. Chân vừa chạm đất, con gấu lại vật mình về phía Lung dựng người lên. Lần này Lung chém ngược và dẫn dao vào chân phải của nó đồng thời nhẹ nhàng nhảy lùi lại một bước. Khi chân chạm đất nó vội đưa mồm ra đỡ. Nó xoay người lại phía Lung. Anh nhìn rõ vết chém làm toác một vệt lớn đầu mắt phải của con gấu, máu rỉ ra, chảy thành vệt trên mặt nó. Sau hai nhát vô đều bị đau mà đối thủ tỏ ra rất dữ tợn, con gấu không xông lại nữa, nó gầm mặt, trợn mắt, cào tung đất đe dọa. Rõ ràng chân phải của nó cũng đã bị thương. Lung đảo mắt quan sát xung quanh. Nguy hiểm nhất lúc này là vướng dây leo. Nách trái của con gấu có vết máu. Viên chì và những vết dao chém của anh sẽ làm con gấu yếu dần. Lung cũng dậm chân, trùng mắt dự dao dọa lại. Anh giữ khoảng cách không quá gần và cũng không lùi xa để tránh cả hai sự nguy hiểm là súc chồm và đà lao của con gấu. Cái bản năng hung tợn làm nó quên sự thất bại vừa qua, con gấu lại lao vào Lung. Anh chỉ chờ có thế, phóng dao vào mắt trái của nó rồi nhảy lui. Lần này con vật hung tợn một cách kỳ lạ. Nó chồm lên tiếp bốn lần dù mỗi lần chồm nó nhận một đường dao như trời giáng, nhưng hầu như nó không biết đau. Lần thứ tư vì không còn chỗ lui, Lung né người nhảy sang phải chém phứa vào cái chân đen sì vô rất nhanh về phía ngực Lung. Một mảnh áo ngực rách đánh soạt. Ngực Lung rất bông. Nhát dao của Lung làm con gấu chúi mũi xuống đất. Nó phải lấy mồm đỡ để không quy xuống. Anh nhẹ nhàng di chuyển về phía khẩu súng, đưa tay lên sờ vết thương. Vết cào không sâu nhưng máu ra ướt tay. Lung thoáng nghĩ đến việc mất máu sẽ làm anh yếu đi. Con gấu chỉ gầm gừ xoay mình nhìn theo anh. Hai chân trước của nó có lẽ rất đau nên cứ phải lấy mồm đỡ. Lung đã cầm được súng trên tay, lật tìm bao diêm dựng kíp. Khi Lung hướng súng về phía con gấu, nó nhận ra sự nguy hiểm nên quay người định lùi nhưng tiếng súng đã vang lên. Lung né vào gốc cây dâu da. Con gấu đổ vật xuống, toàn thân rung lên nhè nhẹ. Mắt nó vẫn trợn trừng nhưng bụng không còn phập phồng nữa. Lung vẫn ngửa con gấu lên, lách dao rạch một đường trên ngực nó, cắt lấy tim gan. "Lềng ơi, anh đã có cái để tế trước bài vị em đây".

Lung xuống núi.

Lò Văn Sĩ (dân tộc Thái) tên khai sinh: Lò Văn Sĩ. Năm sinh: 1935
tại Thuận Châu Sơn La. Quê quán: Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản: Có thơ, truyện in báo, tạp chí, sách
tuyển ở trung ương và địa phương.

NGƯỜI BÁN HÀNG TRÊN CÒ MẠ

Tôi đến cửa hàng Cò Mạ giữa một buổi trưa mùa đông lạnh giá. Những đám mây từ phía sông Mã đang kéo về, bay qua những ngọn núi rồi dần dần phủ xuống, ôm chặt lấy lưng núi, trải ra khắp cánh ruộng bậc thang như dải lụa trắng khổng lồ. Lá cây run rẩy trước gió. Nhưng cửa hàng Cò Mạ vẫn tỏa những hơi ấm lôi cuốn tôi vào.

Cửa hàng đặt trên quả đồi Chúc, nơi trước đây là chốt lính đồng của Bạc Cầm Quý. Mấy cái ụ súng máy còn lù lù bên cạnh, nhưng người ta đã bịt lỗ châu mai để làm chuồng gà, lợn của cửa hàng.

Cửa hàng nhỏ, khách đông. Nhân dân từ các xã E Tông, Long Hẹ, Pá Đông, Mường Bám... qua bao nhiêu núi xa hàng chục cây số đường rừng kéo đến. Họ bán sa nhân, cánh kiến. Những đồng cánh kiến cao như quả đồi, đen nhánh. Họ kéo nhau vào xem các mặt hàng. Tiếng Xá, tiếng Meo, tiếng Thái nói ồn ào. Họ ríu ra ríu rít hỏi anh Muôn, người bán hàng không biết đằng nào mà trả lời cho kịp. Họ mua nhiều nhất là vải, muối, dầu hỏa, bát đĩa...

Mỗi khi đưa khăn mặt lau mồ hôi trên gò má, Muôn lại đùa:

– Các chị có nhiều tiền nhĩ?

Một chị nép mình trong đám đông, liếc trộm anh Muôn rồi khẽ nói, giọng thanh thanh, dịu dàng nhưng thiếu tự nhiên:

– Nước bao giờ chả chảy về chỗ trũng hở anh?

Thế là các chị cùng cười khúc khích, làm cho khách hàng quên cả lạnh giá, mệt nhọc.

Các chị Bản Tông gánh muối, vãi vãi. Tôi nhìn theo những hạt muối trắng tinh, những thước vãi hoa sắc sỡ mà cảm thấy lòng phấn khởi, rộn ràng. Họ rảo bước như muốn đuổi theo mặt trời. Tôi nhìn theo cho đến khi họ khuất hút vào sau rặng núi bên kia. Lòng tôi nao nao nhớ lại hồi năm 1949-1950, giặc pháp dồn dân các bản vào những tập trung mà chúng gọi là trại "tàn cư", như kiểu "áp chiến lược" của Mỹ và bọn tay sai hiện nay ở miền Nam. Ngày ấy bà con các dân tộc ốm đau, lê chân không nổi, bước không vững, có người nhấc không nổi cánh tay. Ngày đêm đi moi từng cái lá gói bánh chung, từng chiếc bao tải rách ở xó chợ, ở chân đôn Tây về nấu lấy nước ăn, nếu là bao gạo thì ăn thay gạo, nếu là bao muối thì ăn thay muối. Không nhặt được thì mò lên rừng chặt lá giang, cây nứa về đốt ăn thay muối. Ăn uống cực khổ, chết lả, chết đói hàng loạt. Những ngày mà họ phải đem con mình đi để lấy bơ gạo ở các nhà tạo, phỉa để sống qua ngày. Nghĩ đến những ngày ấy, tôi càng thấy thêm quý những cảnh đổi thay như ở cửa hàng này. Và quý những hạt muối ấm lòng, ấm dạ từ biển xa đã đưa đến tận tay đồng bào; những cánh kiến, sa nhân ở trong rừng Cò Mạ, Pá Đông heo hút đã được chuyển về xuôi qua cửa hàng này.

Chiều xuống, xã Cò Mạ lặng lẽ trong sương. Trong bản, trên các nhà sàn, khói trắng đục vờn lên trên không những hình chữ chi rồi tỏa ra hòa với không khí lạnh lùng của mùa đông. Chắc các cửa hàng khác đã đóng cửa, nhưng cửa hàng Cò Mạ thì vẫn còn hoạt động. Ngoài cổng, đoàn ngựa rầm rập kéo đến, tiếng hí ran, tiếng nhạc leng keng. Trên lưng chúng thồ những bao hàng nặng trĩu.

Muôn đang ăn cơm, anh vội vàng và nuốt miếng cơm rồi bỏ bát xuống bảo tôi:

– Anh ăn no nhá! Tôi phải ra đón hàng.

Muôn cởi chiếc áo bông quảng vào đầu giường. Anh mặc chiếc áo chàm đã bạc màu giống chiếc áo cũ anh thường mặc ở nhà cách đây ba năm. Trên ngực anh dính chiếc huy hiệu Đoàn. Tôi hỏi:

– Sớm mai nhận hàng có được không?

– Anh em phải về ngay Thuận. Lần nào cũng thế đấy! Có khi mười một mười hai giờ đêm vẫn còn thức để nhận hàng.

Muôn xắn tay áo vác những bao tải hàng năm, sáu chục cân vào kho nhanh thoăn thoắt, trông rất ngon mắt. Quần áo anh lấm

láp, mặt bị nhọ từng vệt dài như trề con nghịch nhọ nổi mà quệt vào mặt. Thịnh thoảng các anh trong đoàn vận chuyển lại nói đùa: "Anh Muôn khỏe hơn ngựa của chúng tôi". Muôn chỉ cười hà hà: "Chả khỏe thì để ai làm cho. Để các anh làm thì mệt chết, vừa mới đi xa đến đây phải nghỉ ngơi một lúc...".

Đoàn ngựa đi đã lâu lắm rồi. Muôn còn hí hục mãi trong kho; khuôn sọt bát vào phòng này, lại xếp bì muối vào phòng kia.

Mười một giờ khuya. Muôn và tôi đặt mình xuống giường. Trời rét như cắt da cắt thịt. Không ngủ được, tôi nằm nhớ lại những ngày ở nhà. Tôi với Muôn tuy mỗi người một bản, nhưng không bao giờ người ta thấy tôi mà không thấy Muôn. Muôn mồ côi cha từ khi mới biết đi, mẹ Muôn tái giá. Muôn ở với ông chú nghèo. Từ năm lên mười, Muôn đã phải theo chú đi làm. Muôn ít được ăn no, mặc lành. Nước da anh bị nắng nhuộm thành màu ngăm ngăm đen. Muôn vốn tính nhút nhát, giận ai, anh cũng chỉ im lặng mà không cáu gắt, nhưng làm lụng thì không ai sánh kịp.

Người thiếu niên dân tộc Thái ấy, mới ngày nào còn nấp nách chú, nay đã vững vàng như cây gỗ lim, làm chủ một cửa hàng. Tôi mừng thầm cho Muôn, người tôi thấy hết cả mệt nhọc.

Muôn cũng không ngủ được chắc có lẽ vì thức khuya quá giấc, anh bảo tôi kể chuyện cho anh nghe tình hình gia đình và bạn bè, rồi anh nói:

– Cậu ạ, mình về Cò Mạ này cũng thích lắm, nhưng mà rét thì quá quắt, quanh năm không được rời áo bông. Gió lúc nào cũng thổi ù ù. Suong mù không bao giờ tan. Có khi ban ngày mà trong nhà phải thắp đèn đầy. Suối Tong ngoài kia có những ngày cứng lại, sáng như mặt gương. Cái thú nhất là hoa quả mùa nào cũng có. Quả lê cậu ăn vừa rồi là của đồng bào cho đấy. Khi nào cậu về Thuận, mang một ít mà ăn. Tôi có bố mẹ nuôi tốt lắm, quý tôi lắm.

– Ở đây chắc ít khách thôi nhỉ? – Tôi hỏi anh.

– Chính ít khách mới khổ, cậu ạ. Đầu năm ngoái, tôi vận động mãi mới làm được cái cửa hàng này. Lúc ấy xã viên chưa thông, ủy ban xã thiếu quyết tâm giúp đỡ. Mãi đến cuối năm mới làm xong. Những cột nào đẹp đẹp là chính tôi vác rìu vào rừng chọn lấy đấy. Cái giá đặt hàng, cái bàn làm việc tôi cũng tự đóng lấy. Nhân dân có biết làm nghề đục đẽo đâu. Mình ở nhà có biết nghề mộc đâu,

đến đây buộc phải làm, ấy thế mà cũng làm được! Có cửa hàng lại lo việc đi lấy hàng về bán. Đường xuống châu xa lắm. Có lần tôi gánh hai cái chảo gang to lên dốc Pú Viêng đang lúc trời mưa, đường như đổ mỡ trượt chân suýt chết. Nhưng từ khi làm được con đường mới này thì sướng quá lắm rồi. Đoàn ngựa thồ ngày nào cũng lui tới. Các xã viên đỡ vất vả, mà hàng rất đầy đủ. Càng ngày càng nhiều khách. Có ngày bận ghê lắm. Vì thế mình có chủ nhật chủ nhật gì đâu. Năm ngoài cậu về chắc khó mà gặp được tôi, vì ngày nào cũng gánh hàng xuống các bản cho các xã viên ở xa. Rồi tôi tổ chức các tổ mua bán lưu động đưa hàng xuống bán cho hợp tác xã, rồi mua hàng của xã viên sản xuất, đưa lên cửa hàng. Bông ở trong kho là do các tổ đưa về bản đấy. Mới mua được có năm tấn mà đã đầy kho rồi.

Nghe Muôn nói, tôi không ngờ Muôn có những sáng kiến như vậy. Tôi thầm khen và hỏi băng quơ:

– Khúc gỗ ở ngoài mang về làm gì hở anh?

– Cái... cái ấy à, tôi với anh Páo, cán bộ chi đoàn thanh niên xã, mang về xẻ ván để đóng tủ đựng hàng. Nếu không thì chuột cắn hết. Không biết có làm được không?

– Anh cũng biết kéo cưa à?

– Mình về đây tự nhiên cái gì cũng biết làm cả. Nhưng còn xoàng lắm. Á thôi chết rồi, suýt nữa quên.

Nói đoạn, Muôn lục xục dây buộc áo, cầm đèn ra ngoài. Tôi định đi theo anh, nhưng rét quá gió cứ lùa vào trong nhà. Tôi lại trùm kín chắn lại. Trở người là thấy buốt như có gai rừng đâm vào thịt. Hai cái chân bông và cái nệm dày thế mà vẫn cứ như nằm trong vũng nước.

Lâu lắm Muôn vẫn chưa về. Tôi toan dậy đi tìm Muôn, thì anh đã vào.

Tôi hỏi:

– Anh đi đâu lâu quá?

– Đi đánh bắt chuột. Những sáu mươi cái. Ấy thế mà vẫn chưa đủ. Đạo trước nó định khiêng cả tôi đi ăn đấy. Đây này!

– Úi! Vừa mới xong mà đã bắt được những ngần ấy ư? Sáu mươi con chuột?

– Nó mắc từ sáng ngày ấy chứ.

– Thôi anh đi ngủ đi, khéo bị cảm đấy. Suốt cả ngày mà không có lúc nghỉ tay. Ốm thì gay go lắm.

Muôn cười:

– Hà, mình khỏe thế này, ốm sao được!

Chúng tôi lại quặp chân nhau ngủ. Muôn ngủ trước tôi, có lẽ chưa được một giờ, bỗng có người gọi bên ngoài cổng. Muôn lật tung chăn nhồm dầy như không có rét buốt và buồn ngủ. Anh chạy ra cổng, giọng anh ngái ngủ nhưng vẫn niềm nở. Muôn nói với một khách hàng, tôi nghe rõ mồn một:

– Mua thuốc đau bụng à? Khổ quá! Sao không gọi tôi ngay. Tôi không sợ cái rét đâu, lần sau thì cứ gọi ngay nhé. Người khỏe chịu rét một tí thì có việc gì đâu. Nhớ uống với nước nóng nhé, thuốc này hay lắm đấy.

Tiếng Muôn nói, nghe trầm trầm. Tôi thấy anh đang lo lắng cho người mắc bệnh chứ không lo mình mất ngủ. Khi anh vào, tôi hỏi:

– Bán thuốc à?

– Có người sợ tôi ngủ, không dám gọi. Khổ quá, mình có tiếc giấc ngủ đâu.

Tôi không nói gì thêm, giục Muôn nằm xuống ngủ tiếp. Muôn khỏe lắm. Anh đặt mình xuống là ngủ ngay. Tôi nghe tiếng thở đều đều của anh.

Chỉ có ba năm xa nhau, mà lần này gặp Muôn, tôi thấy ở anh có nhiều thay đổi. Tôi nhìn anh ngủ ngon lành và bỗng nhiên thấy yêu anh vô cùng.

Cao Duy Sơn (dân tộc Tày) tên khai sinh: Nguyễn Cao Sơn. Năm sinh: 28 tháng 4 năm 1956 tại Cô Sầu, Trùng Khánh, Cao Bằng. Quê quán: Trùng Khánh, Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Người lang thang (1992); Cúc Lạc (1995); Những chuyện ở lưng Cô Sầu (truyện ngắn 1996).

Giải thưởng văn học: Giải A Văn học dân tộc thiểu số của Hội Nhà Văn Việt Nam 1993

NGƯỜI SĂN GẤU

Con đường đá rộng hai bước chân nằm nép bên sườn núi. Phía bên phải là vách núi dựng đứng nhìn xuống mặt sông Gâm. Chỗ ngoặt của con sông dưới chân núi, dòng nước lao xuống dừng lại thăm thẳm xanh ngắt gây cảm giác rờn rợn lạnh lẽo. Mặt trời như bị những chàng núi khổng lồ vớt xuống sau lưng, nhưng vẫn cố nhô lên rọi xuống mặt sông và con đường những luồng sáng vàng nhạt, thẳng tắp hình rẽ quạt.

Ông Thim đưa bàn tay to xù xoa lên mái tóc đã điểm bạc, thấy mồ hôi đã khô bỗng giật mình như nhớ ra điều gì đó... Ông vội đưa bàn tay gân guốc sứt sẹo lên túi ngực trái... Một cảm giác hồi hộp thúc đôi chân ông đứng dậy. Xóc chiếc ba lô bạc trắng chạt cứng thư báo lên vai, ông vội vã sỏi những bước dài trên con đường đá thẫm màu nắng vàng nhạt trong chiều sắp lụi.

Hơn ba mươi năm làm chân đưa thư lưu động, đôi chân ông hầu như đã đặt đến khắp vùng hẻo lánh trong tỉnh, nhưng không nơi nào ông ở quá ba năm. Chẳng phải vì mâu thuẫn với cơ quan, cũng chẳng phải nơi ông sống có điều gì đó làm ông khó chịu. Tính ông thích vậy. Ngày mới ở quân đội về, với quân hàm chuẩn úy, người ta xếp cho ông vị trí phó phòng hành chính của Ty, nhưng ông không thích, ông tình nguyện xin về huyện làm chân đưa thư lưu động. Vậy là lãnh đạo phải chấp thuận ý muốn kì quặc của ông. Thế rồi cứ ba năm một lần ông lại xin chuyển vùng. Mới đầu nhiều người cho ông là gàn và dở người, nhưng sau người ta để ý thấy

ông chẳng họ hàng thân thuộc, cũng chẳng vợ con gì cả... Cho mãi gần đây, khi đã gần sáu mươi tuổi, ông xin về Bảo Lạc, nơi đã sinh ra ông, nơi ông có một thời trẻ trung chất đàng. Một chàng trai Thim mồ côi có sức khỏe kì lạ, làm nghề săn gấu bằng giáo. Cây giáo bằng lõi nghiêng bịt sắt nhọn ở đầu cách mũi giáo hai gang tay là một thanh sắt vuông xuyên ngang. Với loại vũ khí này bọn có súng đã phải nhìn Thim bằng ánh mắt kiêng nể. Nhưng trong lũ bọn con nhà giàu có đứa giấu trong bụng một ý nghĩ xấu với Thim, đó là thằng Sài Vắn, con trai của "Coằng" một chức dịch có vị trí cao ở thôn quê vùng Pác Miếu.

Sài Vắn cùng lũ bọn con nhà giàu hay đi săn bằng ngựa. Sài Vắn được bọn đàn em kính nể lắm, nó có thể cưỡi trên lưng ngựa vừa chạy vừa bắn đuổi theo con thú mà viên đạn vẫn trúng vào đầu hay vào mắt con thú tùy ý. Nhưng Sài Vắn chỉ bắn được con huơ con hoẵng thôi, chưa bao giờ nó bắt được con hổ, con gấu, vì đi săn con hổ, con gấu không thể cưỡi trên lưng ngựa mà bắn được, mà phải đi bộ, vạch cỏ tranh vào những khu rừng già, núi đá mới có con thú to. Muốn bắt được con thú to thì cái gan phải to, cái mật phải dày, cái tay không run thì mới bắn được. Sài Vắn muốn đi lắm nhưng "Coằng" không cho đi vì sợ trời không phù hộ, con ma rừng sẽ cướp mất đứa nối dõi tông đường của dòng tộc. Mỗi lần thấy Thim mang cây giáo trên vai, cúc áo mở tung để ra bộ ngực vuông vức căng tròn, lưng đeo tấm da bọc xương con gấu, cùng với cái mật to bằng bát con vẫn còn đỏ máu trên tay đến đổi muối với nhà "Coằng", trong bụng Sài Vắn như con suối lũ nổi những bọt bắn. Nó ức lắm! Ngày trước người vùng Pác Miếu nói chuyện săn bắn là người ta nhắc đến tên Sài Vắn, nhưng giờ người ta lại quay sang nói giọng kính phục về tài săn gấu của Thim. Không được! Sài Vắn đi ra đường người già người trẻ vùng này thấy nó phải úp mặt xuống đất, nó đi xa mới dám ngẩng lên, thế mà giờ Sài Vắn thấy những lời tán phục, khen ngợi không thuộc về nó nữa, nó bắt đầu nghĩ đến điều xấu.

Thim sống một mình trong một túp lều lẻ loi cuối bản, cái gia sản cuối cùng của người cha để lại. Nghĩ đến cái ngày khủng khiếp đó, giờ nhắm mắt lại Thim vẫn thấy hiện ra rõ lắm. Buổi sớm giá buốt của mùa đông năm ấy khi con gà rừng gáy lần cuối cùng gọi ông mặt trời lên thì Thim theo gót cha đến cánh rừng xa nhất, đây

rậm nhất. Hai người bám vào vách đá lung chừng núi gần như dựng đứng nhìn xuống bên dưới là vực sâu hút đến chóng mặt. Phía trên đầu bỗng hiện ra một cửa hang cao bằng tầm người đứng. Người cha dừng lại, đưa giáo cho Thim, hai tay ông bám chắc vào vách đá du người lên một cách nhẹ nhàng rồi ông ra hiệu cho Thim nắm chắc vào gốc giáo, ông kéo lên theo. Trước cửa hang, một triền đá thoải thoải rộng bằng chiếc chiếu nan. Một mùi tanh nồng từ trong hang bay ra người cha bỗng hạ giọng: – Cẩn thận con, có gấu dẻ – Thim hiểu những điều nguy hiểm mà cha vừa nói. Con gấu cái khi dẻ bản năng tự vệ và tấn công của nó quyết liệt hơn bình thường. Không một tiếng gầm, chỉ nghe tiếng hộc hộc gấp gấp lao đến, một bóng đen ập xuống như con sóc – Người cha chỉ kịp kéo Thim về phía sau mình thì con gấu đã đến ngay trước mặt. Trong giây lát ngắn ngủi ông hiểu mối nguy hiểm đối với người đi săn ở khoảng cách không đầy một tầm tay với loài thú dữ này. Thim chỉ thoáng nhìn thấy người cha lao lên như một mũi tên, cúi người tránh được hai cái tát của con thú, nhanh như chớp ông chớp được hai tay của nó kéo mạnh về phía mình, đầu húc ngược lên cổ, toàn thân ông căng lên, từng bước, từng bước một ông đẩy lùi con thú mỗi lúc một sát mép vực. Hai tay con gấu có những vuốt nhọn cắm sâu vào đôi vai lực lưỡng của ông và nó cũng không chịu buông đôi thủ đang đẩy nó dần ra phía vực. Cảnh tượng ấy đau đớn, khủng khiếp suốt đời Thim không bao giờ quên – Người cha đã đẩy lùi con thú bằng sức mạnh kỳ diệu nhưng ông ta đã không thoát được trong những chiếc vuốt cong nhọn hoắt của nó, người và gấu đã cùng lao xuống đáy vực hun hút. Hồi ấy Thim mới mười hai tuổi. Những người tốt bụng cùng làng đi tìm thấy chú bé sau hai ngày đói khát đang lả đi bên cửa hang nhưng đôi bàn tay nhỏ bé vẫn cầm chắc cây giáo nặng trịch của người cha để lại.

Không ngờ mười năm sau đứa con người săn gấu đã nổi nghiệp cha. Giờ đã là một chàng trai, cây giáo cha để lại chỉ còn cách đầu Thim hơn một gang tay. Hơn mười đôi tay gấu đã được treo trên vách. Mỗi khi săn được con gấu to, Thim thường gọi dân bản cùng vào rừng khiêng về, xẻ thịt ra rồi chia đều cho mọi người. Thim chỉ nhận về cho mình một phần nhỏ và đôi tay gấu (theo tục lệ của người đi săn), còn bộ xương, da và mật phải mang nộp cho "Coàng" và chỉ được trả công một chén muối gặt bằng miệng. Như thế cũng

đã quý lắm! Thiếu hạt ngô, hạt gạo còn có củ nâu, củ mài trên rừng, thiếu hạt muối thì không thể được, người sẽ phù, mất mòi, chân tay run, yếu đi không làm được việc, không có ăn rồi chết. Nhưng muối chỉ riêng "Coằng" có, "Coằng" có cả hơn mười người ở, luôn đi địu muối từ Nguyên Bình, từ Mục Mã về cho. Đường xa phải mất hơn mười ngày đi bộ mới về đến nơi, nên hạt muối quý lắm, đi rừng ai cũng đeo bên hông một cái ống nứa, trong đựng mấy hạt muối như một thứ bùa bên mình.

Một lần khi nhận được chén muối từ tay người nhà "Coằng" đưa, Thim bỗng thấy lạ – chén muối đầy hơn những lần trước...? Thấy Thim đang lúng túng trước một sự hào phóng lạ lùng đó, người đàn bà đưa mắt nhìn quanh một lượt rồi hạ giọng: – Cô Phón bảo tôi cho thêm đấy! – Nói rồi người đàn bà đó đi vào nhà. Thim đưa mắt nhìn theo thấy một cái gật đầu kín đáo của người ở với một đôi mắt đang nhìn Thim qua ô cửa sổ. Thim biết đấy là buồng của cô con gái "Coằng". Thim chợt cúi xuống thoáng xấu hổ với cách ăn mặc của mình – rách rưới quá, chắc cô chủ thương hại nên bố thí cho mình như bố thí cho một kẻ ăn mày đây. Nghĩ... Thim bỗng thấy bực mình, định quay lại đem trả... Nhưng đôi mắt nhìn Thim lúc ấy, Thim bỗng nhận ra có cái gì đó như một câu nói, như một sự cảm thông như... một điều gì nữa Thim không dám nghĩ đến...

Một lần, rồi một lần nữa cũng lại thế, và đôi mắt ấy vẫn nhìn Thim qua ô cửa không chớp. Thim lúng túng. Thim không thích như vậy, sẵn được con gấu "Coằng" trả cho mình một chén muối bằng miệng, thế là được. Việc cho thêm "Coằng" phải nói, nếu không rắc rối lắm. "Coằng" mà biết việc này chắc sẽ không bỏ qua. Thim bỗng thấy lo nhưng mọi việc xảy ra đều không qua nổi đôi mắt một mí của Sài Vắn, nó đã nhìn thấy hết.

Rừng động! Đã hơn năm ngày đêm những ngọn lửa bắt đầu từ đầu đó đang liếm vào những khu rừng, thỉnh thoảng một cơn gió thổi đến làm cái lưỡi đỏ máu cong tón bốc cao lên những ngọn cây cao vút, những con thú to nhỏ từng bầy, từng bầy kéo nhau về những cánh rừng gần bản. Những đám ngô, đám lúa bị một trận mưa đá làm xơ xác gãy nát. Trong bản có người đã gặp hổ, có người bị gấu tát lật cả da mặt. Không khí căng thẳng trùm lên khắp nơi. Không ai dám ra cửa lúc trời nhá nhem.

Thim đi vào rừng lúc trời vừa sáng rõ. Cây giáo lên nước đen bóng trên vai. Hai bắp chân đỏ như lõi cây nghiêng nhằm hướng rừng trước mặt rảo bước tự tin. Thim nhớ từng lời của người cha để lại về những kinh nghiệm đi rừng – Khi hiểu kỹ từng chiếc lá, ngọn cỏ thì rừng với con người không có một khoảng cách xa lạ, một sự huyền bí nào nữa. Với đặc điểm của từng loại thú Thim chẳng lạ như hổ, một loài thú rất tinh, khi tấn công con mồi thường bất ngờ từ phía sau và hai bên cạnh dùng hai chân trước đẩy ngã đối phương, lập tức những chiếc nanh nhọn hoắt cắn ngập vào dưới cổ và hút máu tươi. Với người, hổ rất thận trọng, phải thật tinh mới phát hiện ra tiếng động nhỏ và mùi hôi như măng thối và rất khét của nó. Khi đối mặt phải thật bình tĩnh nhìn nó bằng cặp mắt thách thức giao chiến. Khi bị một đòn bất ngờ hổ thường quay đầu bỏ chạy. Khác với hổ, gấu thường chủ động tấn công người từ mọi hướng, khi bị thương gấu không bỏ chạy như hổ mà vết thương chỉ càng làm cho nó tăng thêm kích thích và tấn công đối thủ dữ dội hơn. Thợ săn gấu bằng giáo phải có sức khỏe và lòng dũng cảm phi thường. Khi tấn công gấu thường đứng lên bằng hai chân sau và vồ xuống đối thủ bằng cả thân hình nặng nề cùng với những cái tát dút ra từng mảng thịt. Lợi dụng vào đặc điểm đó, thợ săn phải thật nhanh ghi chắc đuôi giáo xuống đất, hướng mũi giáo về phía trước, khi vồ xuống gấu sẽ bị mũi giáo xuyên từ ngực ra sau lưng, thanh sắt ngang cách mũi giáo hai gang tay sẽ là vật cản chắn ngang ngực, lúc đó gấu không thể với đến người được. Thợ săn xoay hai chân trong tư thế tấn công, giữ chắc thân giáo, trong hơn hai mươi phút gấu yếu dần, hai tay cào cấu đã đuối, lúc ấy thợ săn dồn hết sinh lực bất ngờ giật mạnh cây giáo sang một bên – đột ngột bị mất thăng bằng một chân con thú bị nhấc lên khỏi mặt đất và đổ ngang xuống. Cú thứ hai là cú đâm quyết định tuyệt đối chính xác – rút nhanh mũi giáo phóng thẳng vào hốc mắt xuyên qua óc giữ chắc cây giáo, trong ít phút con thú giãy giụa và chết hẳn lúc đó mới chấm dứt cuộc giao chiến.

Bầu trời đã hừng, những tia nắng đầu tiên vọt tung ra đuổi bóng râm lạnh lẽo đọng trên những tán lá dày trên ngọn núi cao vút làm bốc lên những đụn sương mờ đục. Thim hít căng lồng ngực không khí trong lành của buổi sớm thoảng hương nấm và cỏ rừng ngai ngái dễ chịu.

Bồng: – Rắc!... một tiếng gãy khô rất nhẹ làm Thim búng tỉnh. Đôi tai hướng về phía nơi phát ra tiếng động... Không phải thú!... Thim khẳng định đây là tiếng chân người: Ai thế nhỉ? Người nào lại vào rừng sớm vậy? Thim bỗng giật mình bàng hoàng: – Phón! – Cái tên khê rung lên bồi hồi trong lòng như một tiếng đàn. Phón gạt nhẹ những ngọn cây ngang ngực bước ra con đường nhỏ. Đôi bàn chân để trần nòn nà đặt nhẹ từng bước trên thảm cỏ vẫn còn ướt sương đang bước về phía Thim. Đôi mắt có đuôi dài mở to nhìn Thim không chớp. Thim bỗng thấy ngẩn ngại do dự, chợt nhớ đến chén muối đầy ngọn và đôi mắt nhìn mình không chớp qua ô cửa sổ... Thim nhìn xuống bộ quần áo trên người đôi má nóng bừng, Thim vội rẽ sang lối nhỏ bên cạnh.

– Anh Thim...! – Tiếng gọi pha chút giận dỗi làm đôi chân Thim chậm lại nhưng vẫn không dám ngừng lên.

– Con hổ, con gấu trong rừng anh chẳng tránh, sao anh tránh em? Hay em không đáng cho anh nói một lời như thường nói với người khác?

Thim không dám tin vào đôi tai của mình. Lời trách móc giận dỗi của Phón như đẩy ra khỏi lòng Thim một phần ngờ vực... Thim lấp bắp từng lời:

– Không...! Không... Phón đừng nghĩ sai về tôi như vậy, cho đến giờ tôi vẫn nghĩ rằng mình chỉ là người...

Chùng như hiểu điều Thim không nói hết, đôi mắt Phón thoáng một nỗi xót xa thương cảm, giọng Phón đã dịu xuống:

– Con chim có tiếng hót tìm bạn, lời em nói chẳng rơi vào lòng anh, em muốn được gánh cái nghèo cùng anh nhưng anh chẳng cho...

Một làn gió nhẹ thổi qua. Có một điều gì đó như ngọn lửa đang bùng lên trong thâm tâm người con trai mới lớn cái ngưỡng cửa của ngõ ngàng hồi hộp muốn cồn lên ồ ạt như một luồng gió mạnh mẽ làm nghiêng ngả trời đất, nhưng trạng thái hư thực thoáng gọi tự ti như tạo một khoảng trống vô hình níu hờ ý nghĩ của Thim lại. Thim im lặng ngẩng lên nhìn Phón, đôi mắt Thim đã thay tiếng nói của lòng mình, Phón đã đọc được tất cả.

Khoảng không bình yên của núi rừng bị vỡ ròn từng mảnh trong tiếng vó ngựa đập dồn dập xuống con đường mòn rải đá khô

khóc. Linh tính như báo cho Thim một điều không lành. Đôi mắt Phón cũng thoáng bối rối lo lắng. Thim khẽ nói qua hơi thở: Phón về đi! Hình như có người nhà ra tìm đấy!...

Phón khẽ gạt đầu nhưng đôi mắt nhìn Thim không muốn dứt. Vừa định rẽ vào bụi cây bên đường thì một tiếng quát như hét lên giân dữ:

– Phón, về ngay! – Phón giật bắn người, đôi chân như muốn khuyu. Sài Văn nhảy từ trên lưng ngựa xuống. Đôi mắt một mí của Sài Văn ánh lên dữ tợn, nó bỏ cương bước về phía Phón:

– Ai cho mày ra đây?

Nhìn người anh nét mặt dữ tợn, Phón chống chế yếu ớt:

– Sớm nay... em muốn vào rừng chơi...!

– Muốn vào rừng chơi...! – Thằng Sài Văn kéo dài tiếng "chơi" đây ngụ ý rồi hất hàm nói:

– Máy hôm nay rừng động có nhiều thú dữ, mày không sợ chết à...! Bố bảo tao đi tìm mày. Về ngay! Có người bên Bắc Mê sang hỏi mày làm vợ đấy, đi đi!

Phón ngo ngác:

– Làm gì có chuyện đó! Có ai nói gì với tôi đâu?

– Không nhiều lời, về ngay! – Sài Văn gằn giọng, Phón đưa mắt nhìn Thim lo ngại như muốn nói điều gì nhưng thấy Sài Văn nhìn lại thôi. Phón bước nhanh quay sang con đường cũ. Sài Văn đến trước mặt Thim, hai chân đứng dặng, nó nhìn Thim trùng trùng rồi đột ngột hạ giọng vui vẻ:

– Thim! Mày cho tao mượn cây giáo này một lát được không?
– Từ lúc Sài Văn xuất hiện Thim vẫn lo lắng cúi đầu, giờ bỗng giật mình khi nghe nó hỏi, chưa kịp suy nghĩ Sài Văn định mượn để làm gì thì nó đã giật nhanh cây giáo trong tay Thim rồi nói: – Tao cũng muốn có một cây giáo như mày, chờ tao một lát tao mang về cho bọn thợ xem để nó làm cho tao, tao sẽ trả cho mày ngay! – Vừa dứt lời Sài Văn nhảy lên lưng ngựa phi thẳng về phía sau những âm thanh khô khốc lộp cộp – lộp cộp – xa dần. Thim ngồi xuống mồm đá bên vệ đường trong người vẫn chưa hết bàng hoàng. Chưa khi nào Thim dám nghĩ mình sẽ có một tình yêu, thế mà mới đây thôi, tất cả vẫn như còn ấm nóng. Cái giọng nói trách móc chứa

trong đó là cả nỗi lòng chân thành của Phón. Tất cả như vừa qua một giấc mơ kỳ diệu mà chưa lúc nào Thim dám nghĩ đến. Nhưng cũng nhanh như một chớp mắt, Sài Vắn lại mang đến một tin sét đánh: "Có người đến hỏi Phón làm vợ". Thim thoáng buồn, một nỗi buồn bất ngờ như tình yêu của Thim, một tình yêu mà Thim vẫn chưa được đụng tay, chưa nói được một lời mềm ngọt như ngọn gió, bỗng chốc tan đi như làn sương mỏng dưới ánh nắng chói chang. Nhưng rồi Thim lại tự an ủi: – Cũng phải thôi, đời nào ai lại gả một đứa con gái, con nhà quyền thế nhất vùng cho thằng con trai nghèo khổ như Thim! Thôi không nghĩ đến chuyện đó nữa. Thim bỗng lắc mạnh đầu như muốn xua đuổi những ý nghĩ đó, rồi khẽ nhếch mép cười, một nụ cười chua chát làm khuôn mặt méo hằn.

Tiếng vó ngựa khô khốc lại nổi lên trên con đường rải đá trắng. Thim chẳng buồn để ý Sài Vắn đã quay lại, nó nhảy từ trên lưng ngựa xuống, tay cầm cây giáo bước đến trước mặt Thim:

– Nay trả mày đây! Hai ngày nữa tao cũng có một cây giáo như mày!

Thim vẫn lặng im nhìn nó mà vẫn chẳng để ý nó nói, chỉ khẽ gật đầu cho qua chuyện. Sài Vắn nhảy lên lưng ngựa, con ngựa bị ghìm cương một bên quay một vòng tại chỗ bỏ móng côm cộp chùng chùng như sốt ruột. Sài Vắn nhìn Thim rồi tiếp bằng một giọng vui vẻ hiếm có:

– Lần này được con gấu to về tao cho mày thêm một chén muối nữa, còn chuyện lúc nãy mày đứng với con Phón em tao coi như không có, được chưa? Hì hì hì! – Sài Vắn nhếch môi cười phoi ra ngoài một loạt răng bít vàng, một kiểu cười đắc ý khó hiểu. Ngoắt một cái con ngựa lại đưa nó quay về bản.

Thim chẳng còn bụng dạ nào để ý đến những điều mà Sài Vắn nói, nhắm hướng rừng trước mặt chân bước đi mà đầu chẳng còn nghĩ đến chuyện săn thú nữa. Bứt một chiếc lá cây bên đường Thim đưa lên môi, một điệu kèn lá như bơi vào giữa cánh rừng bạt ngàn, bầu trời cao rộng ngăn ngắt khe khẽ nghiêng tai lắng nghe cái điệu kèn buồn như làn khói trấu gieo chầm trong nắng vàng vắng lặng. Điệu kèn Thim dành riêng cho mình, một nỗi buồn mà chỉ riêng mình mới thấm được hết nó mà chẳng muốn rơi vào tai ai.

Bỗng có tiếng kêu thất thanh từ phía dốc rừng trước mặt, Thim giật mình dừng lại. Trạng thái linh hoạt như khi phát hiện thú dữ đã truyền khắp cơ thể: "Có người gặp thú dữ"! Một phán đoán nhanh làm đôi chân Thim đột ngột bật vút đi lao về phía có tiếng người kêu cứu. Thim dừng phắt lại. Trước mặt một con gấu đang đuổi một cô gái quanh một gốc cây nghiêng. Cô gái quần áo tả tơi vòng khăn đã vướng ra khỏi đầu, tóc rũ xuống không nhìn thấy rõ mặt. Một mảng áo ở lưng đã rách toạc, để lộ ra những vết cào róm máu trên làn da trắng mịn. Con thú hồng hộc đuổi theo, những cú tát trượt vào gốc cây, càng làm nó lồng lộn tức tối, Thim hét lên: – Chạy về hướng này! – Cô gái vụt ra khỏi gốc cây, lao về hướng Thim. Thim chầm chầm nhìn con vật lao về hướng mình. Đôi mắt bình tĩnh đến lạnh lùng, từ trong hai đốm lửa đỏ bật lên ý nghĩ dữ dội và quả quyết. Một khối đen khổng lồ đứng lên bằng hai chân sau bất ngờ lao vào Thim, Thim gồng người cúi xuống trong tư thế tấn! – Phập! – Mũi giáo đón nhận chính xác vào giữa ức con thú, một tiếng rú lên rừng rợn man dại. Ngay lúc đó Thim cảm giác cây giáo trong tay nhẹ bẫng, con gấu vươn đôi tay cào cấu đã đổ nghiêng sang một bên. Mũi giáo nằm sâu trong ngực con thú đột nhiên gãy gọn, lộ ra một đường cắt rất nhỏ ngay sát chuôi mũi giáo... Trong đầu Thim bỗng hiện ra bộ mặt Sài Văn lúc nó đem trả cây giáo, một nỗi đắng cay giận dữ đến nghẹt thở. Thim đã hiểu ra tất cả. Con gấu chồm dậy rất nhanh, từ ngực nó một dòng máu đỏ sẫm trào ra ướt đẫm mảng lông ngực. Cây giáo không còn tác dụng nữa, vừa né người tránh hai cái tát, nhanh như chớp Thim luồn sát ngực chộp nhanh hai tay của nó đẩy ra, đầu húc ngược dưới hàm, bằng tất cả sức lực cùng với miếng võ hiểm bất kỳ thợ săn nào cũng phải biết, con thú bị đẩy lùi từng bước sát vách núi dựng đứng, Thim dồn sức vào chân phải đập mạnh vào bụng nó đồng thời hai tay đẩy bật con thú ra khỏi người – Một khối đen sì nặng nề vùn vụt lao xuống chân núi sâu hút, một lát sau dội lên một tiếng va đập nặng trịch như tiếng giã gạo. Không gian trở lại yên tĩnh một cách tàn nhẫn, một thứ yên tĩnh giả tạo như ở đây chưa bao giờ xảy ra điều dữ dội, khủng khiếp. Chợt có tiếng chim họa mi lãnh lót như căng lại những âm thanh bằng lặng yên ả. Lung vẫn dựa vào vách đá, Thim lim dim mắt như muốn thu hút tất cả những âm thanh và ánh nắng

của núi rừng vào bộ ngực vuông vức phập phồng. Cảm giác bàng hoàng như vừa trải qua một giấc mơ khủng khiếp.

Tiếng rên khe khẽ kéo Thim trở về với thực tại. Thim mở choàng mắt chợt nhớ đến cô gái lúc nãy – giờ đang ngồi tựa lưng vào gốc cây, tóc xõa xuống đôi vai áo đã bị rách, lộ ra những vết cào bầm máu. Thim vội vàng chạy đến. Vừa cúi xuống, bất ngờ Thim kêu lên:

Phón! – Ruột gan Thim như thắt lại, đôi mắt Phón từ từ mở, miệng mấp máy:

– Anh ơi! Em cứ nghĩ là anh đã... có thật là vẫn còn sống sao?

Thim quỳ xuống bên cạnh Phón lo lắng, đôi bàn tay gân guốc giờ như thừa thãi, lúng túng không biết đặt vào đâu, Phón thì thào:

– Anh ơi, đỡ em dậy đi...

Giọng khe khẽ như từ một cõi xa xăm đến truyền sang Thim một cảm giác lo lắng xúc động, phá vỡ tất cả mọi khoảng cách hoài nghi trong lòng. Cái ngõ ngang lúng túng đã qua đi, thay vào đó là niềm thương cảm nghẹn nghẹn dâng đầy ngực, lấn át những cơ cực cay đắng, những hiểm họa kinh hoàng vừa qua đi. Thim đỡ Phón trên cánh tay rắn chắc như sợ làm rơi mất điều kỳ diệu, ngay cả trong những giấc mơ cũng không bao giờ dám mơ đến:

– Em đã quay về rồi cơ mà? – Thim buông tiếng nói của mình ra mà trong lòng vẫn chưa hết ngây ngất như mơ... như thực, Phón nhìn vào đôi mắt như cầu cứu:

– Sao anh nghĩ em về nhà? Anh không nghĩ người ta bắt em đi làm đâu nhà khác sao... Em không thể... biết anh qua đây nên em đã...

Tiếng thì thào của đôi trai gái như tiếng lá rừng cọ lung nhau bỗng bị bẻ vụn ra trong tiếng ngựa hí xé lên từ phía chân dốc. Hai người giật mình nhìn xuống một đoàn ngựa đao, súng nai nịt, hồi hải leo lên.

Đi đầu đám gia nhân là Sài Vắn, toàn thân nằm rạp trên mình ngựa. Nhìn thấy Sài Vắn đôi mắt Thim có cục than đỏ rực, nhưng giọng nói lo lắng cầu khẩn của Phón đã kéo ý nghĩ đang ùn lên trong lòng Thim sững lại: – Anh ơi, đừng bỏ em... đưa em đi với... đi đi, nhanh lên anh! Thim bàng hoàng nhìn Phón, nỗi lo sợ làm cô

gái mỗi lúc như lả đi trên cánh tay Thim. Chùng như đã hiểu tất cả, những điều Phón vừa nói. Thim đứng dậy xốc Phón lên lưng cầm đầu chạy vào rừng. Nhưng cùng lúc ấy bọn Sài Văn đã phát hiện ra. Tiếng vó ngựa xen lẫn tiếng ngựa hí cùng với tiếng tù và rúc làm râm rĩ cả khu rừng:

– Không được giết! Không được giết, phải bắt sống lấy nó!

Đạn nổ quanh người cũng không làm đôi chân Thim chậm lại, mặc gai cào vào mặt bàn chân, Thim lao về hướng núi trước mặt. Chỉ cần qua ngọn núi này thôi sẽ đến Bắc Mê, đến đấy bọn Sài Văn sẽ không dám đuổi theo nữa vì vùng đất đó đã thuộc của "Coàng" khác. Cuộc sống sẽ ra sao? Thim không cần biết! Miễn sao lúc này thoát khỏi tay Sài Văn.

Thim biết điều gì sẽ xảy ra nếu lúc này rơi vào tay nó, nhưng đôi chân của Thim đã không làm nổi ý nghĩ trong đầu mình. Như từ trên trời nhảy xuống, Sài Văn xuất hiện ngay trước mặt. Bị ghìm cương đột ngột con ngựa hồng đang đà lao bỗng chồm hai vó trước lên như múa trên không rồi bổ mạnh xuống đất. Nòng súng đen sì gí vào ngực làm cho Thim vừa công Phón vừa lùi lại: – Thim mày đã làm gì...? Bỏ em tao xuống! – Sài Văn nén chặt câu nói lạnh lùng đầy thuyết phục. Một thẳng, lại một thẳng nữa nhảy từ trên lưng ngựa xuống, bộ mặt đứa nào cũng dữ tợn.

Thim quần quai mê man trong những tiếng quát tháo như từ một cõi hư vô vắng đến:

Muối! Muối nữa, bỏ hết ra, cả cái ống của nó nữa... xát mạnh vào chỗ kia, chỗ kia! Đấy phải trả cho nó thư thế mới xứng.

Cảm giác bỏng rát như ngọn lửa cháy đến tận gan ruột, Thim quần người ngất lịm. Đã bao nhiêu chiếc roi song gãy nát Thim không biết. Những hạt muối hiểm hoi đã bao lần phải đánh đổi bằng sức lực và lòng dũng cảm trước cái chết luôn đe dọa mới có được, thế mà chính nó làm cho Thim phải chịu bao đau đớn xé gan ruột.

– Nó chết rồi, cụ chủ ơi! – Một đứa trong đám gia nhân ngẩng lên khúm núm. Sài Văn lạnh lùng ra hiệu cho đám gia nhân lùi ra, nó tiến gần cái xác đặt chân đạp mạnh, cái xác bất động nghiêng sang một bên. Ngó nghiêng một lúc nó lên tiếng với lũ gia nhân:

– Nó chưa chết hẳn đâu, nhưng đêm nay cũng phải để cho thú dữ có thịt tươi ăn!

Sài Văn quay lại, Phón đã ngắt lịm từ lúc nào, nó bước tới đỡ em gái lên lưng ngựa rồi cùng lũ gia nhân đạp ngựa quay về bản.

Cái đêm ấy đã qua đi hơn hai mươi năm, mỗi khi nhớ lại Thim vẫn cảm giác một nỗi cay đắng, chua chát dâng bùng lên mặt. Đêm ấy nếu không có trận mưa như trút không biết rồi số phận sẽ ra sao. Mưa đã rửa sạch những hạt muối mặn chát trên mình chàng trai săn gấu như muốn rửa hết nỗi oan trái trong lòng. Hơi đất ẩm ướt và tiếng thì thầm đã làm Thim tỉnh lại. Đôi mắt mệt mỏi của Thim khi vừa mở thấy mình đang nằm trong một hang đá, giữa hai người đàn ông lạ mặt. Thim ngơ ngác định nhòm người ngồi dậy – Một người đàn ông có khổ người to, cao, nét mặt nhắc nhìn rất dữ bởi bộ râu quai nón rậm xù đã đưa tay ấn Thim nằm xuống rồi nói bằng giọng rất trầm ấm:

– Bọn tao đã nhìn thấy mày ở dốc "Kéo Lùm", và đã đưa về đây! Mày thấy trong người khá hơn rồi chứ?

Thim khẽ gật đầu nhưng vẫn chưa hết ngạc nhiên. Người đàn ông có bộ râu quai nón với tay lấy bát rượu đặt trên hòn đá đưa cho Thim:

Mày uống đi! Cái mật gấu bọn tao tìm thấy trong **túi** ao của mày đấy!

Rượu thôi mà, một phần xoa trên người mày rồi, uống cái này chỉ mấy tiếng nữa là đi được ngay! Xong mày hãy kể cho bọn tao nghe, sao mày đến nông nổi này!

Cử chỉ nhân hậu và tiếng nói trầm ấm của người đàn ông lạ đã làm Thim tan đi mọi nghi ngại. Hơi rượu đã truyền khắp cơ thể làm Thim bớt đi những đau đớn.

Khi nghe Thim kể xong, hai người đã nhìn Thim bằng ánh mắt thông cảm như muốn nói từ trong đó những lời an ủi. Rồi họ cũng cho Thim biết – họ là những người cùng cảnh ngộ đang rủ nhau đi tìm Việt Minh là những người cầm súng đánh bọn quan châu, bọn "Coằng", bảo vệ những người nghèo như Thim và tất cả những người nghèo khổ khác. Rồi họ rủ Thim cùng đi. Ba người đã tìm thấy một đơn vị và cùng tham gia chiến dịch Biên Giới rồi đến chiến dịch

Điện Biên. Năm tháng qua đi, tuổi xuân của Thim đã gửi gắm ở khắp các chiến trường nhưng hình ảnh Phón vẫn không sao phai mờ trong tâm trí chàng trai săn gấu. Mỗi khi nhớ về vùng quê xa ấy, nơi Thim đã có một thời trẻ trung chất đặng, nơi có người con gái yêu mình bằng tất cả tấm lòng trong trắng chân thật. Cô gái ấy như không sinh ra từ cái gia đình quyền quý nhất vùng Pác Miều, mà sinh ra từ hạt gạo thủy chung, nhân hậu. Tình nguyện đánh đổi tất cả để đến với chàng trai săn gấu nghèo khổ mồ côi, để rồi cùng phải chịu những bất hạnh của chính gia đình giáng xuống mỗi tình như cánh hoa đầu tiên mới nhú, đã bị dập nát tổn thương dưới cánh đập phũ phàng của loài chim ác.

Thim rời quân ngũ sau ngày đất nước hòa bình được bốn năm. Nổi khao khát được gặp lại người yêu như ngày đông lạnh giá gọi mặt trời đầy nắng. Sau khi nộp giấy tờ chuyển ngành, Thim đi bộ hơn mười ngày ròng không nghỉ và về đến bản mình, cái bản Pác Miều xa xưa giờ đã khác lạ. Dân bản nhìn thấy anh cứ ngỡ như hồn ma hiện về, vì ngày ấy mọi người đều khao nhau: Anh đã bị nhà "Coằng" giết mất xác trong rừng. Nhà nào cũng muốn kéo anh vào ăn cơm. Anh vào nhà nào, già, trẻ, lớn, bé trong bản đều kéo nhau đến để được nghe anh kể chuyện về mình. Vui lắm nhưng anh vẫn buồn vì chưa có ai cho anh biết về cô gái ấy giờ ra sao? Rồi có người cũng đã cho anh biết – Từ ngày cán bộ và bộ đội Việt Minh đến, bố con nhà "Coằng" đã trốn biệt sang Trung Quốc. Còn cô gái ấy khi đưa từ trong rừng về đến nhà đã tỉnh lại, có người cho cô biết – Thim đã bị giết trong rừng. Suốt hai ngày cô không ăn uống gì. Thế rồi vào một đêm cô gái ấy đã bỏ đi và không bao giờ thấy trở lại nữa. Nhà "Coằng" cho người đi tìm và họ đã thấy xác một người con gái trôi sông, xác đã trương phình không nhận ra hình thù ai. Nhà "Coằng" đưa về làm ma ba ngày theo phong tục rồi mới đem chôn. Mấy ngày sau đưa ma có người gặp một gia đình ở bản Nà Nu, làng trên Pác Miều cũng đi tìm con. Họ cho biết đứa con gái lớn trong nhà ra sông tắm không thấy về. Biết nhà "Coằng" có thế lực nhất trong vùng, chẳng ai dám vào xem có phải đứa con gái xấu số của mình không?...

Những câu chuyện như mảnh nứa cứa vào gan ruột, Thim không muốn ở lại nữa. Mấy ngày sau Thim trở lại cơ quan. Nhưng những điều chấp nối nghe dân bản kể, Thim linh cảm có điều gì đó

trong lòng mình giống như đông lửa hồng âm ỉ, chờ một luồng gió mạnh thổi vào sẽ bùng cháy lên niềm hy vọng bất ngờ. Thế là anh khéo léo từ chối cái chúc phó phòng hành chính mà cơ quan giao cho. Thim tình nguyện chọn cái nghề âm thầm vất vả nhất mà chẳng ai muốn nhận đó là chân đưa thư báo lưu động đi các làng, xã. Thim giấu trong mình một niềm hy vọng, niềm hy vọng này sẽ vĩnh viễn không thể rời khỏi ý nghĩ mình nữa. Có thể điều bất ngờ tìm thấy bóng dáng xưa sẽ không đến với anh, nhưng đâu sao như thế vẫn hơn! Anh tự nhủ trong lòng mình như vậy, và thế là Thim đã đóng chặt tất cả những cánh cửa của lòng mình và chỉ để ngỏ một lối duy nhất cho tình yêu ban đầu ấy vĩnh viễn tồn tại – lấp ló một đốm sáng vĩnh cửu. Đã hơn ba mươi năm tìm kiếm qua đi nhưng cái đốm lửa nhỏ nhoi đó vẫn bỏng rát trong lòng.

Giờ đã là ông già Thim – trầm tĩnh – ít nói – tóc đã điểm sương. Màn chiều đã buông, trời đã bắt đầu nhá nhem, Bản Vạn đây rồi – ánh lửa bập bùng trong bếp những nếp nhà sàn, hắt những tia sáng vàng rực qua kẽ liếp. Ông Thim dừng lại, hồi hộp đưa tay lên túi ngực trái rồi từ từ rút một lá thư, đọc lại một lượt nữa. Những dòng chữ hiện ra trước mắt ông nhảy nhót, lấp lóe như những ánh lửa làm đôi tay bỗng run lên như lúc sáng. Ông cầm nó trên tay khi soạn thư ông đã bắt gặp. – Sầm Kim Bảo... Hôm thư. Gửi mẹ: Sầm Thị Phón... bản Vạn, xã Đồng Mu, Bảo Lạc, Cao Bằng...

Ông không nhớ là ông đã hỏi, ai đó đã chỉ cho ông ngôi nhà ở phía cuối bản. Nhưng rồi ông lại chợt phân vân nghi ngại: – "Có thể là sự trùng lặp chẳng" – Và đứa con nữa, con ai? Sao lại họ mẹ? Con nuôi hay con riêng? – Một loạt những câu hỏi đua nhau lao vào đầu ông chầm chích nhưng vô ích. – Không! Ông không cần biết điều đó, vì trong ông cái linh cảm ông nên hơn ba mươi năm nay có gì đó ông tin là sẽ không nhầm. Ngôi nhà hiện ra trước mắt ông, cánh cửa khép hờ như suốt ba mươi năm sau vẫn khép hờ như vậy, chờ ai đó đến mở ra.

Nông Viết Toại (dân tộc Tày) tên khai sinh: Nông Đình Hân. Năm sinh: 15/5/1926. Tại xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Quê quán: Bắc Kạn.

Tác phẩm đã xuất bản: *Kin ngày phôi khát* (truyện tiếng Tày, 1962), *Boòng tàng tập éo* (văn xuôi tiếng Tày, 1973), *Đét chang nâu* (thơ tiếng Tày, 1976), *Đoạn đường nguyệt* (truyện ngắn, 1982), *Con đường Nam tiến* (hồi ký của Nông Văn Quang, 1995).

THẤY MA!

Bà Sáng đi chợ về, nước mắt lưng tròng. Ông Sáng hỏi mấy câu liền, bà mới đáp: "Còn cái gì nữa ông ơi, từ nay chẳng bao giờ thấy mặt con nữa!". Bà nói rồi lại nghẹn ngào nức nở.

Ông Sáng trở mắt chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra làm sao hỏi dồn:

– Người ta nói như thế nào?

– Có riêng ai nói! Người ta đồn khắp chợ kia kìa! – Lo sợ quá bà dậm ra cằn nhằn cả với chồng.

Phiên chợ hôm nay cũng có kẻ lấm mồm, thực ra chuyện thì bé nhưng họ cứ đồn đại thành thử lại xé ra to. Người ta xầm xì rằng: thằng Sáng ở Khau Mu năm trước đi chợ biên giới tại mạn Cao Bằng bị lính của Choóng Cái Xạch¹ bắt để sung quân đã bị chết rồi! Bà Sáng nghe người ta đồn như vậy, liền bật khóc và quày quả về nhà ngay. Thằng Sáng thật cũng chả ra làm sao, đi biệt hai, ba năm trời mà không một lời, một chữ về nhà. Cha mẹ ở nhà trông ngày trông đêm cũng chẳng thấy tăm hơi. Bữa ăn không ngon, đêm ngủ không tròn cũng vì con. Ngày nào cũng vậy, nghe thấy tiếng chó sủa ngoài đầu bản, bà Sáng lại lật đật chạy ra ngóng nhưng lần nào cũng thất vọng. Nào có như những thằng bé nhà khác, thằng Sáng từ ngày còn nhỏ, theo mẹ đi thăm bà con, vào nhà người ta,

1. Choóng Cái Xạch: Tướng Giới Thạch.

muốn nghỉ lại một đêm cũng không được. Nói thế nào thì nói, đỡ thế nào thì đỡ, nó cứ khóc lè nhè đòi về nhà mình mới ngủ. Vẫn biết rằng, bây giờ nó đã lớn rồi, nhưng có phải là lớn rồi thì quên nhà quên cửa đâu! Là con mắt trông thấy! Đám đàn ông, lắm người cứ muốn nói xỏ xiên. Kể thì bảo: "Bà Tính ngồi ở xó bếp mà nói chuyện đại dương", có người còn nói: "Luối không xương lắm đường lắt léo"... Sao mà khó nghe thế!

Đám đàn ông mồm miệng lúc nào cũng nói là không tin ma. Chả nhẽ bà ấy không nhìn thấy mà lại dám nói là thấy à?! Những người già và đám đàn bà thì mười người cũng có đến chín người tin và phục bà Tính sát đất! Mỗi khi con cái ốm đau, cũng đi mua mấy viên thuốc nhưng nếu bảo không đến nhờ bà Tính cũng không thấy yên tâm! Vừa đuổi ma quỷ, vừa trị bằng thuốc, đi hai đường một lúc, không đúng đường này cũng đúng đường kia! Cốt cho con cái được khỏi bệnh tật, bát gạo đồng tiền cúng bái nào đáng bao nhiêu lắm? Ai cũng nghĩ như thế cho nên những khi trái gió trở trời, bà Tính nào có được rảnh rỗi, chẳng ngày nào được ở nhà, bận bịu hơn cả ông tào, ông put già. Người sáng mắt có khác thật!

Bà Sáng rón rén đặt gói phong bao lên trên ống gạo đầy có ngọn. Cắm ba nén hương lên, bà Tính ngồi xếp bằng tròn đối diện với mâm hương. Bà ta tự mở nắp trầu thuốc có gắn một mảnh gương rồi đặt dưới mâm gạo cúng. Khói hương nghi ngút bay cuốn lên từng vòng, từng vòng. Bà ta mím miệng như nín thở nhìn chằm chằm vào mảnh gương, hết nhìn góc này lại nhìn sang góc khác. Mảnh gương chết tiệt hình như bé quá, nhìn thế nào cũng chỉ thấy cái mặt của mình. Nhìn đi nhìn lại cũng chỉ thấy mặt mũi và hai con mắt lắc láo của bà Tính! Cúi xuống thấp chút nữa chỉ thấy thêm xà ngang, xà dọc mạng nhện bám bồ hóng đen xì dưới mái nhà! Thế này thì làm sao mà nhìn thấy ma của thằng Sáng ở tận bên Tàu! Nếu có ma thật đi chẳng nữa thì liệu bà ta có nhìn thấy hay không? Hay là chỉ chăm chú vào gói tiền phong bao đặt đằng sau hộp trầu thuốc?

Mấy nén hương đã cháy tàn đến nửa gang. Bà đồng mới mở miệng phán: "Thằng Sáng nay đã chết rồi! Hai người chôn một hố! Bữa trưa, bữa tối nó cũng có tìm về ăn nhưng lại xách cái đầu ở tay..."

Bà Sáng đang ngồi bên cạnh bỗng òa lên khóc: – "Ồi con ơi! Bố mẹ còn sống cứ mong ngóng ngày con trở về, bây giờ dù có ngàn năm, chín kiếp cũng chẳng còn được thấy mặt con nữa con ơi! Áo ướt chẳng chỗ phơi, muốn ăn chẳng có chỗ con ơi!"...

Bà Sáng vừa kể lễ vừa khóc như mưa như gió. Bà đồng Tính đến lúc ấy mới len lén vào lấy phong bao, nhặt chiếc nón ở góc nhà rồi ù ra cửa.

*

Hai ông bà Sáng nói chuyện với nhau mà lăm lăm tưởng cãi nhau đến nơi. Sau khi thiếp đồng được hai ngày, ông Sáng vẫn cứ lừng khờ lừng khùng.

– Hôm qua tôi đã hỏi mấy người đi chợ Sóc Giang về, ở ngoài đó chẳng có ai nói đến chuyện này. Người ta đi tận biên giới hàng mấy ngày đường mà còn chưa biết rõ hướng hồ cái người ngồi xếp bằng ở trên giường lại đòi nhìn thấy rõ như thế à!"

Nghe chồng nói vậy, bà Sáng quay mặt đi đáp:

– Nếu nó còn sống, thì thế nào cũng vui mừng chạy đến với mẹ với cha chứ sao lại quay đi? Thế này đúng là nó thành ma thật rồi.

Bà Sáng ngồi kể về giấc mơ ấy đến tận sáng. Ông Sáng vẫn chưa tin nhưng chẳng biết nói thế nào hơn được vì dẫu sao đứa con cũng đã đi được mấy năm rồi chẳng có tin tức gì, ai mà chẳng nhớ, chẳng thương con.

Hôm sau, bà Sáng nhờ người đi mời thầy tào về làm ma cho Sáng nhưng đến ông nào cũng đều mắc bận. Bà Sáng lại đến nhà ông sàng Sán ở bản Sảng, người ta cũng đồn sàng Sán phép thuật linh thiêng lắm. Vẫn biết rằng làm pụt làm sàng thì không thể làm ma cho người chết được nhưng đây là ma chết đường chết chợ, ông sàng Sán thừa sức phun dầu, đi qua than lửa, phá ngục, lên thang kiếm, vượt đường vôỉ, thả đèn, lập đàn...¹. Chẳng có món nào là ông ta chịu bó tay, phù phép của sàng Sán có khi còn thiêng hơn phù phép của mấy ông thầy tào già. Bà Sáng đến thỉnh ông nhận lời

1. Những lễ tiết trong khi làm ma của thầy tào.

ngay. Ông này chẳng phải như mấy ông tào Nhì, tào Choóng cú viện có này, có khác để thoái thác. Trong bụng bà rất biết ơn sàng Sán, phù phép thì linh thiêng nhưng lại dễ thỉnh cầu!

Bà Sáng lo liệu, sắm sửa gạo nước rượu thịt để làm ma cho con độ năm bảy ngày đêm. Tuy thằng Sáng chưa thành gia thất, vẫn còn một thân một mình, nhưng chỉ có mỗi một đứa con, nếu chỉ làm một đêm, bà Sáng thấy không đành lòng. Hết bao nhiêu của cải cũng được miễn là để cho nó ở trên ấy được sung sướng mát mẻ!

Sau một đêm cúng bái, ngày hôm sau là ra cánh đồng để làm phép phá ngục. Hôm thiếp đồng, nghe nói: "Hai người chôn chung một hố", nay bà Sáng nghĩ nếu không phá ngục sợ nó sống không được yên ổn. Phá ngục xong rồi lại phun dầu, rồi đi qua than lửa, sàng Sán nói với bà: "Thằng Sáng nó chết đường chết chợ cho nên oan hồn của nó không có chỗ trú ngụ. Nay dù đã làm phép phun dầu, qua than lửa rồi nhưng nếu không đốt những quần áo cũ của nó đi thì quanh năm thế nào cũng có lúc hồn của nó theo hơi hướng cũ mà lần về. Mỗi một lần hồn nó về tìm, thế nào nó cũng ám, trong nhà có muốn nuôi con lợn con gà cũng không yên ổn. Thứ nữa, nếu mình không đốt để đưa về mộ trên cho nó thì những lúc mưa to, nước lũ, nó có ướt át cũng chẳng có đồ thay!".

Bà Sáng nghe ông ta nói vậy càng thêm thấm thiết. Nước mắt tuôn đầy mặt, bà cúi thủi chạy về nhà lục lọi tìm hết quần áo của con để lại mang ra đồng cho sàng Sán đốt sạch sành sanh. Làm xong mọi thứ, ông bà Sáng cũng cảm thấy yên lòng cho đứa con một vắn số của mình.

Đám ma nguội¹ cúng bái xập xèng qua bốn năm ngày đêm mới xong. Tính ra cũng chẳng tốn kém bao nhiêu! Hai ba con lợn, mỗi con mới chừng ba bốn yến. Con trâu nái giờ cũng chẳng còn kéo cày bừa được nữa. Còn gạo nước thì cũng chẳng tính đến làm gì. Mấy hôm ấy trong lòng buồn khổ, bà Sáng cũng bỏ mặc đám trẻ con trong bản đến giúp dân xay dần sàng. Đứa con dứt ruột đẻ ra, là máu thịt của mình, dù có hết bao nhiêu ai còn tính đến, cốt sao cho nó có nơi ăn, chốn ở yên lành chốn mộ trên. Bà Sáng không biết con chết vào ngày tháng nào, nhắm mắt nghe bà đồng Tính nói

1. Đám ma nguội là đám ma khi người chết đã chết lâu.

là con chết, cũng chỉ biết nói là chết chứ có rõ hơn đâu! Tính ra từ ngày làm ma đến giờ cũng đã được một trăm ngày rồi. Giá như nó đã có vợ, có con thì cũng đặt một chiếc bàn thờ có bài vị để biết tháng, biết năm nhưng đằng này nó còn một thân một mình, làm ma xong rồi, thấy trong nhà vắng vẻ trống trải quá.

Có một hôm, vừa mới chập choạng tối, gà vừa lên chuồng bỗng con chó già nằm ngoài cửa rít ư ử, vẫy đuôi rất mừng rỡ.

– Mẹ ơi, nhà đã ăn cơm chưa?

Nghe có tiếng gọi, bà Sáng đang xào rau ở nhà trong vội vàng chạy ra, đưa bàn tay lên che mắt để nhìn cho rõ và hỏi:

– Cháu đến chơi à?

– Mẹ ơi, Sáng đây mà!

Bà Sáng rụng rời cả người, lập cập đến nhìn sát vào tận mặt người vừa đến, vừa nói vừa khóc:

– Con ơi! Mẹ những tưởng con chết ở đâu rồi! Giời đất ơi! Con ở tận đâu về thế này? Nào có khác gì rơi từ trên trời xuống con ơi! Ôi chao, biết thế mẹ cũng chưa vội làm...

Bà Sáng định nói: "Biết thế mẹ cũng đừng vội làm ma cho con". Nhưng đến đây sợ nói ra miệng, con lại trách, bà liền thôi.

Nghe nói Sáng đã về, trong bản từ già đến trẻ đều kéo đến thăm hỏi và xem mặt! Mọi người thi nhau hỏi làm Sáng không kịp đáp. Mấy bà già thăm thì vào tai nhau: "Phen này mẹ Tính xem còn dám bước chân qua cửa nhà này nữa không? Hừ, nói bừa, nói liều! Thế mà dám nói là nhìn thấy ma! Phen này thì thấy thật! Thấy ma xay lúa"! Bà này chưa nói xong thì bà khác đã lại tiếp: "Chẳng riêng gì bà Tính thấy ma xay lúa chuyện này. Còn lão sàng Sán nữa. Mồm miệng lúc nào cũng ba hoa, lần này, xem lão còn hồn vía nào nữa không? Đốt sạch cả quần áo của người ta rồi...". Còn đám thanh niên và trẻ con thì cứ nhìn Sáng không thể nhịn được cười!

Riêng bà Sáng thì cứ chạy ra rồi lại chạy vào, cười chẳng ra cười, khóc chẳng ra khóc. Con trở về thì vui nhưng nghĩ đến việc đã qua lại sợ nó trách mình nhẹ dạ, tin người!

Ông Sáng đi tìm trâu giờ mới về đến nhà. Thấy bà con kéo đến đầy nhà, ông mới vào cửa vừa lo lắng nhìn xem có việc gì.

- Trời ơi! Thằng Sáng, mày ở đâu về hả con?

- Con ở Lòong Chu về! Bố đi đâu về tối thế?

- Bố đi tìm con trâu mộng kéo xe. Còn con trâu nái già của nhà thì vừa rồi đã...

Bà Sáng vội vàng ra hiệu cho chồng và thầm dặn: Đừng có vội nói ra cho nó biết việc ấy. Thằng Sáng nhà mình tính nóng như lửa ấy!

- Tôi đã bảo mà! Bà thì cứ vội vội vàng vàng hấp ta hấp tấp. Bây giờ chóng mặt ra mà nhìn! Lại đi nghe cái con mẹ lảm mồm ấy! Ngồi ở xó bếp mà đòi thấy... Gớm, nào là "Đến bữa biết về tìm ăn, nhưng hai tay xách chiếc đầu lâu!". Thế có đáng cắt lưỡi nó đi không cơ chứ!

Bà Sáng thấy chồng càng nói càng như điên lên vội vàng nài nỉ:

- Khe khẽ chứ ông ơi, nói in ít thôi, đằng nào mình cũng đại rồi, cũng bị nó lừa rồi!

- Cũng tại bà hết! Nó nói gì cũng nhắm mắt nhắm mũi mà nghe. Nhẹ dạ, cả tin quá mà. Có ai lại thấy ma? Thấy cái chó gì? Ma nó ở đâu? Ma ở cái mồm thối của nó mà ra, bà biết không?

Ăn cơm xong, Sáng bắc nồi nước tắm rồi hỏi mẹ lấy quần áo để thay. Bà Sáng giả vờ đi vào buồng lục lọi hòm xiềng nhưng quần áo của Sáng nào có còn lấy một manh! Không làm sao được nữa, bà đành loanh quanh rào trước đón sau rồi cuối cùng cũng đành phải kể đầu đuôi cho Sáng hay.

Nghe bố mẹ kể xong, Sáng nổi nóng đập bàn, đập ghế rầm rầm chửi bọn tào, put.

Ngày hôm sau là mồng ba, phiên chợ Pù Ngăn. Người họp chợ ai cũng kể chuyện đám ma sống Sáng ở Khau Mu, câu chuyện lan khắp chợ, già trẻ ai cũng tỏ. Nghe nói có người đến nhà sàng Sán để bói áo, tìm lần nào cũng không gặp. Hỏi người trong bản ai cũng nói "Không rõ bác sàng Sán đi đâu từ phiên chợ trước. Đám người chăn trâu, kẻ thì bảo thấy ở rừng Khuổi Bốc, người lại bảo gặp ở khu rừng Lũng Páng! Chẳng hiểu vì ma làm hay vì cái gì mà ông ta cứ trốn chui, trốn nhủi hết rừng này đến núi khác như vậy!"

Bà Tính cũng thế, cả bản chẳng ai biết bà ta đi đâu! Mãi đến một tháng sau người ta mới biết rằng: Cái đêm Sáng trở về nhà thì ngay sớm hôm sau bà ta vội vàng đeo tay nải trốn tận Háng Slo.

KỶ

Bốp! Ắng ắng! Bốp! Ắng ắng!

– Trên mái đã nghe rõ chưa? Có phải kiêng khem gì không đấy?

Thằng Lài hướng lên mái nhà hét oang oang, nó vốn bạo mồm bạo miệng, gặp gì nói nấy chẳng cần nghĩ và cũng chẳng nề mặt ai.

Trên mái nhà, có tiếng nói xuống: "Gớm! Nhanh quá nhỉ! Nhớ là cho "mác mặt" xuống nhiều một tý nhé!".

– Lá "mác mặt" cũng không bằng củ sả!

Mấy ông đứng ở dưới đất chuyển ngó lên mái cũng góp chuyện: "Phải rồi! Nhưng nếu dai ngoách mình cũng đến chịu".

– Thịt chó nếu muốn chóng nhừ, tốt nhất là bỏ mấy chiếc thìa bằng sứ vào trong chảo thịt rồi đảo lên, đập vung lại. Làm cách ấy, tớ cho rằng nếu không bắc xuống nhanh có khi thịt còn nát ra thành nước!

Người này góp một câu, người kia tán một câu, trên mái nhà, dưới sân tiếng cười, tiếng nói ồn ã. Các bà các cô gánh ngói chẳng nói một câu nào, có kẻ còn nhổ nước bọt với vẻ ghê tởm. Chỉ có đám đàn ông, con trai là thi nhau kể, đúng là lắm người thì nhiều miệng! Có ông nói: "Ăn bữa thịt chó, bỏ chần ba đêm". Người khác liền đáp: "Có mà bỏ được khối ấy, đêm tháng chạp lại đúng hôm vọ về bên bà vãi xem ông có bỏ được chần không! Những ba đêm cơ à! Tôi lo, một đêm cũng đủ run như cây sậy". Mấy cô dâu mới nghe nhưng chỉ muốn bịt tai lại. Người ta nói, người ta đùa âm ỉ mà bác sàng Tuất cứ im như thóc chẳng hé một câu nào. Chú Chấn thò cổ ở trên mái nhìn xuống gọi:

– Cháu rể Ma ơi!

– Có việc gì nữa hả chú? – Lài ngẩng đầu lên thưa.

Chú Chấn nháy nháy mắt với Lài như muốn nói thầm nhưng lại hét oang oang: "Con gà nhốt trong lồng có lẽ nhỏ quá. Cháu lấy

ít thóc như con gà trống hoa mơ để thịt nửa thì mới đủ. Chúng mình ăn thịt chó chẳng sao chứ như bác Tuất với dì Pin và cô Điều thì không được, tết tới này họ định làm lễ "cái pút"¹ đấy.

Lúc này bác Tuất đang ngồi lợp cạnh đấy mới nói thêm: "Chú Chấn nói với bọn trẻ nó giữ gìn, kiêng khem dao thớt với; bát đĩa cũng thế, cất riêng ra mấy chiếc. Tôi thì không giống như mọi người, như người ta nói, tôi ăn bát gạo cứng, con người mình thì dễ chứ như con ở bóng tối thì chẳng biết thế nào được! Chỉ dính một tý hôi hôi là không được rồi, chú không biết chứ, năm trước tôi đã bị một lần rồi đấy. Lần ấy, ma tổ sư lôi tôi đi chìm xuống nước hai ngày hai đêm, nào chỉ chìm xuống nước không thôi, lại còn mang lên treo trên ngọn tre một buổi sáng nữa!".

Người ta đồn rằng bác sàng Tuất thiêng ghê lắm!

Nếu ông ta thả kim xương² phun tí nước lã nữa là cành cây mác mặt gãy lìa ngay! Ông này có ma tổ sư linh vô cùng nên phù phép của ông ta mới cứng như thế chứ! Mỗi lần cúng bái ông ta ngồi trên cả một bó gai, chiếc nào chiếc nấy nhọn hoắt, dài hàng gang thế mà vừa ngồi vừa rung tí lên một lát, mỗi chiếc gai đều mềm oặt, mềm oeo! Đến cúng cho người ốm, khi ma tướng nhập vào người, ông ta đòi hỏi: "Xì chúng, xì phì"? Ai mà ngựa mồm bảo là "**Xì phì**" xem, ông ta cắn vỡ chén, nhai rôm rốp rồi nuốt hết! Nhà nào có con cái bị ốm đến ông ta bói áo xem con ma gì làm, biết hết! Đồ đạc bị mất, trâu bò lạc, đến ông ta độn cho một quẻ, không ai linh bằng! Nếu ông ta bảo rằng đồ vật bị mất ở chỗ cao thì y như rằng không thấy ở trên gác bếp thì cũng ở trên đình màn! Ông ta bảo trâu bò lạc ở hướng mặt trời lặn, đi tìm nếu không thấy ở trong lũng trong khe cũng thấy ở trên núi! Ai cũng nói ông này bói thiêng lắm, mười lần đúng cả mười một!

*

Chỉ riêng chú Chấn gọi Lài là: Cháu rể Ma, còn thì cả bản đều gọi là thằng Lài. Bởi vì từ lúc mới đầy tháng, Lài bị bệnh lở,

1. *Lễ cái pút*: lễ học truyền nghề làm bột.

2. *Thả kim xương*: các thầy mo thả phù phép vào móng một hàng tháng (BT).

hai móng toàn là sẹo chi chít như vỏ quả "mác mật". Bố mẹ gọi là thằng Lài, trong bản nghe ngổ ngỗ cũng gọi theo, gọi mãi thành tên.

Lài nghịch ngợm từ ngày còn bé. Khi thì bắt gà bẻ quặt đầu cho rúc vào cánh quay tít cho gà chóng mặt rồi thả ra để làm trò "gà say rượu". Lúc thì đá lên máng nước để làm trò "nước lủ". Nếu không, trong ngày có đám cưới, đám ma thế nào nó cũng nấp vào chỗ thật kín rồi hú dọa người ta; đám con gái nhiều khi giật nẩy mình đến bủn rủn người vì những trò ma mãnh của nó.

Lớn lên, mỗi khi có đám ma, người ta bảo nó đi làm bếp hoặc giúp việc thế nào nó cũng nghĩ ra những trò tai ác. Gặp ông thầy tào nào ba hoa rằng phù phép linh thiêng, Lài lại nghĩ cách đùa cho một mẻ để lật tẩy. Có lần khi chuẩn bị mâm cúng, nó để một ngọn măng vầu vào trong bát rồi đổ đầy gạo lên. Đến khi ông thầy tào, phù thủy, mỗi lần đập chiếc xích lĩnh¹ xuống mâm những hạt gạo rụng xuống và ngọn măng cứ như dần lên nhọn hoắt, ông thầy tào phù phép toát mồ hôi, càng đập xích lĩnh thì ngọn măng càng cao lên...

Không chỉ trêu đùa thầy tào, đến cả bụt, then nó cũng không tha. Khi người ta đã đặt mâm cúng rồi, Lài mới lén nhét một gói kiến kim vào dưới mâm. Lúc ma nhập vào xác, các bà Then bắt đầu rung đùi lúc lắc toàn thân, kiến thấy động bò ra đốt làm cho các bà muốn ngồi yên cũng không được...

Bây giờ, nghe ông sàng Tuất nói với chú Chấn như vậy, Lài đã thấy ngứa tai lắm rồi. Nó nghĩ bụng: "Được rồi, tôi sẽ làm cho ông của quý, để xem ăn rồi ông ta sẽ bị ma lôi đi chìm xuống nước hay lại xoa bụng, đắp chăn đánh một giấc!".

Nhìn con chó thui răng trắng nhợt, Lài vừa nghĩ vừa tủm tỉm cười một mình.

Ngày trước, lúc còn nhỏ, Lài trêu đùa ông pụt, ông tào để cười cho vui. Nhưng từ ngày lớn lên, anh thấy ghét những kẻ cứ mở mồm ra là kiêng khem, nên cố tình làm cho họ mắc hợm. Hồi đám ma chánh Tốc, Lài cũng làm cho mấy cô gái phải ê mặt. Lần ấy, đám con gái Cốc Ngỏ đến viếng, khi nhìn thấy đám con trai đang

1. *Xích lĩnh*: ấn bắt quết trừ ma.

mổ trâu, họ thi nhau khạc nhổ và chạy thật nhanh làm như kinh tởm lắm. Lài nghĩ bụng: "Các em ạ, không biết rồi ai nhổ bọt, ai nuốt?". Bữa cơm hôm ấy, Lài tự sửa soạn. Lài lấy thịt trâu thái lẫn với thịt lợn rồi xào lên, sau đó lại còn lấy thịt trâu tươi bôi vào từng gói xôi một rồi mới bung vào trong buồng. Đến khi dọn mâm thấy bát thịt trâu lẫn thịt lợn chỉ còn thừa vài miếng. Bụng mâm ra đến cửa buồng, Lài mới e hèm thật lớn rồi lắm bầm: "Khiếp! Thế mà họ cũng ăn được!". Đám con gái ngồi trong buồng, nghe thấy, biết là bị Lài xỏ xiên, ngượng quá chẳng dám bước ra khỏi buồng.

Hôm nay, Lài cũng chọn miếng thịt chó thật ngon rồi thái lẫn với thịt lợn, miếng nào cũng như miếng nấy thái thật mỏng, thật đều. Mấy bát thịt đầy ụ, bóp thêm tí rượu cho thật thơm phức. Đến khi xào tái lên, miếng nào cũng khum khum như tấm ngói, bốc hơi nghi ngút, thơm điếc mũi. Lài nghĩ bụng: thơm thế này thì đến diêm vương cũng nuốt nước bọt chứ đừng nói đến ma quỷ nữa, ai mà biết được rằng chó và lợn đã chung một chuồng rồi! Lài lấy măng trúc luộc rồi xé nhỏ, lại chọn những chiếc to nhất để làm món măng nhồi thịt. Miệng thì kêu: "Nào đưa cho tôi mấy chiếc cổ, cánh gà để băm làm nhân nhồi măng" nhưng thật ra trên thớt toàn là lòng chó. Lòng chó băm thật kỹ, trộn với bột nếp, rau răm rồi mới nhồi vào trong từng cái măng một, hấp cách thủy cho chín lên, thơm phức, có trời mà biết là thịt con gì nữa. Mà đâu có biết đi chẳng nữa, thơm phưng phức như vậy thì có ma nào nữ quật!

Cả một bát mỡ chó Lài cũng đổ vào chảo để xào với chỗ măng xé. Hai bát ô tô măng trúc xào bóng mỡ.

Lọp hết mái trước và mái sau vẫn còn sớm, họp thêm được hai chái nhà nữa thì vừa bữa cơm tối. Bẩy tám mâm cơm, mỗi mâm tám người rủ nhau ngồi xuống chia bát, chia đĩa lách cách. Mọi người đều ngồi xếp bằng, lúc này ai cũng thấy chân căng kên càng quá. Mọi người đều quay đầu gối về hướng mâm chỉ có Lài thuận tay trái nên phải quay mặt lại với người khác. Từ khi ngồi vào mâm, Lài đã thấy tức cười. Riêng mâm của những người ăn kiêng, Lài đã cố ý đặt ở chiếc giường tận gần cối xay thóc. Chú Chấn thấy không được tiện lắm, bèn bảo Lài:

– Cháu rẽ Ma chuyển mâm ấy lên chiếc giường trước bàn thờ rồi đem xẻ ra làm hai mâm, kéo dì Pín và cô Điêu ngại ngồi với đàn ông.

Lài tùm tùm cười đáp:

– Mâm đặt ở đó cho xa ra một chút. Cháu sợ đặt ở trên ấy hơi lá mác mặt, lá sả những mâm này bay sang... Lúc này cháu đã định xẻ làm hai mâm nhưng thiếu bát, vả lại cũng hết cả mâm rồi. Hay là dùng tạm sàng vậy, nhưng lại sợ mất sàng thua rồi người lại bị mất kém...

– Ủ, thôi một mâm cũng được, nào có phải anh chồng với em dâu đâu cơ chứ. Nhưng cứ chuyển mâm lên trên này cháu ạ.

Lài thật chẳng muốn chuyển mâm ấy lên trên giường trước bàn thờ tí nào nhưng nể chú Chấn chủ nhà, đành phải vâng lời.

Mâm trên ấy chỉ ngồi có ba bốn người. Sàng Tuất ngồi trên, hai bên là pụt Pín và then Diêu. Chú Chấn là chủ nhà ngồi tiếp mấy người "mắt sáng" không ăn tạp. Tọt một ngum rượu rồi đặt chén xuống thành mâm đánh cóc một tiếng. Chú Chấn cầm đĩa đưa một vòng quanh mâm rồi nói: "Nào các bác, đĩa mãi đi chứ!".

Sàng Tuất, mỗi lần gấp miếng măng tuồng cong cả dũa. Mồm nhai chom chép, vừa nhai vừa nói: "Chà! Măng trúc này xào kỹ ăn có ngon, có thơm thật!". Sàng Tuất gấp gần nửa bát măng mới nhớ đến ớt, ông ta quay xuống gọi:

– Trong nhà có ớt ngâm không? Bảo cháu rể lấy cho hai quả!

Chú Chấn chưa kịp bảo thêm thì Lài đã vội thưa:

– Lúc này cháu đã thái hai quả xào lẫn với măng rồi, định cho thêm hai quả nữa nhưng măng với ớt kỵ nhau cháu sợ cay quá không ăn được!

Sàng Tuất đang đẩy một miếng nói lúng búng:

– Ủ, nếu thế thì... ược rồi!

Sàng Tuất đã ăn phải ớt của Lài mà vẫn chưa biết cay!

Lài ngồi ở mâm mà cứ giả vờ lúc thì bảo bát này nhạt muối, khi thì nói bát kia còn ít ớt, chạy ra chạy vào lấy muối lấy ớt. Thật ra, anh ta chạy ra cửa sau ôm bụng cười một mình. Đến khi dọn mâm bát, Lài bung chiếc mâm trên giường trước bàn thờ thì thấy tất cả mười mấy chiếc bát đã xếp lên nhau làm ba bốn chồng cả rồi! Vừa dọn dẹp, Lài vừa lẩm bẩm trong bếp: "Bây giờ xem còn thấy kiêng kỵ gì nữa không? Sao không thấy ma quỷ nào xuống quật!".

Hữu Tiến (dân tộc Tày) tên khai sinh: Nguyễn Hữu Tiến. Năm sinh: 10-10-1952. Quê quán: Hòa An – Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Trăng gần (tập truyện 1993); Ngọn suối chân rừng (tập truyện 1997).

Giải thưởng văn học: Giải nhì cuộc thi truyện ngắn Cao Bằng 1996.
Giải thưởng Báo Thiếu nhi dân tộc. Giải thưởng Báo Thiếu niên.

NGÔI NGỌN SUỐI CHÂN RỪNG

Nhà tôi, ngoài những đám ruộng to, rộng ở gần bản còn có mấy thửa ruộng bậc thang nằm trong khe núi. Nơi đó gọi là Khuổi Áng. Ruộng ở Khuổi Áng bao giờ cũng chín sau cùng vì thiếu nắng. Một buổi tối, trong bữa cơm mẹ tôi bàn với ông:

– Mai bố ở nhà phơi thóc, để con đi gặt ruộng ở Khuổi Áng, bố nhé!

Ông tôi ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

– Ở đó khe sâu, rừng vắng nguy hiểm lắm! Để bố đi cho!

Mẹ tôi không nhất trí và đưa ra một lô lý do, nào sợ ông tuổi già, sức yếu, nào cả vụ gặt ông chưa được nghỉ ngày nào. Những lý do mà mẹ tôi đưa ra đều bị ông gạt phất đi. Cuối cùng buộc mẹ tôi phải nhượng. Mẹ tôi nói:

– Vậy thì mai ông mang liềm đi cắt lúa trước. Con phơi xong mẻ thóc sẽ vác "Loóng" (dụng cụ đập lúa, hình cái thuyền) theo sau.

– Thế cũng được! – Ông tôi vừa nói vừa nâng chén rượu lên môi.

Nhắc đến Khuổi Áng tự nhiên lòng tôi háo hức hẳn lên. Thú thực, tôi cũng chẳng mê gì cái khe núi sáng chập nhanh tối kia đâu. Điều làm háo hức lòng tôi chính là dòng suối Khuổi Áng với những chú cá đắt đầu béo tròn cơ. Chao ôi! Cá đắt mới dễ dàng và thú vị làm sao. Giống cá đắt đầu không hiểu sao rất hay say mồi và ngu ngơ đến tội nghiệp. Người đi câu chỉ cần mắc con cào cào non vào lưỡi câu rồi thả xuống nước. Đắt đầu ở trong hang nhìn thấy mồi vội lao ra đón, cũng có con ngấm ngấm, lượn quanh mồi

một lúc mới thông thả há mồm. Có thể nói loài cá này háu ăn và dũng cảm. Ở những chỗ nước trong, nhìn thấy người ngồi trên bờ hẳn hoi nhưng chúng chẳng biết sợ là gì.

Tôi ước tính vừa câu, vừa chơi, một buổi sáng cũng kiếm đầy giỏ cá. Nghĩ vậy, tôi liền thưa với ông:

– Ông ơi! Mai cho cháu đi cùng nhé!

– Con đi làm gì? Chỉ tổ vương chân ông! Mẹ tôi vội lên tiếng.

– Thằng Sáng cứ ăn cho no, ngủ cho ngon! Mai ông cho đi cùng! Ông nói thế quay sang mẹ tôi: Thằng Sáng lớn rồi, cứ để nó quanh quẩn với mấy cái cột nhà, sau này bước chân không được dài, cái nhìn không được xa đâu! Nó thích cứ cho nó đi con ạ!

Mẹ tôi không nói gì. Xem ra mẹ chưa muốn rút lui ý kiến của mình, nhưng vì ông nói thế, mẹ đành phải theo. Xưa nay mẹ tôi chưa bao giờ dám bần lại với ông việc gì cả.

Được ông ủng hộ, tôi mừng quá. Tuy bụng đã no nhưng tôi cố lèn thêm một bát nữa để chứng tỏ mình thừa sức tham gia vào những công việc của người lớn.

*

Buổi đi gặt ở Khuổi Áng, ngoài hai ông cháu còn có thêm con ngựa và chú chó xồm. Gặt ruộng xa phải mang theo ngựa thồ là lẽ đương nhiên rồi. Nhưng còn chú chó xồm, chẳng có việc gì cũng nhằng nhẵng đòi theo. Lúc chạy phía trước, lúc chạy phía sau, con xồm chốc chốc lại sủa vang. Hình như nó còn sung sướng hơn tôi gấp bội. Được theo chủ vào rừng có lẽ con xồm cũng vui như tôi được theo mẹ đi chợ vậy.

Đến nơi, ông tôi ngồi vắn điều thuốc, hút vài hơi rồi cầm liềm cầm cúi cắt lúa. Tôi thì cúi lom khom ở bờ ruộng bắt cào cào, châu chấu làm mỗi câu cá. Con ngựa của ông tôi thả vào bãi cỏ. Buổi sáng cỏ ngậm sương, chắc ngọt lắm nên nó cứ chúc mồm lia lưỡi vor những ngọn cỏ xanh non, vừa nhai vừa thở phì phì. Con xồm thật là hiếu động. Sục trong ruộng lúa chán chê, nó lao lên sườn núi sủa vang. Những con gà gô và bìm bịp bay loạn xạ vì tiếng sủa của nó. Với con xồm hình như trong rừng cái gì nó cũng thấy lạ. Chẳng thế mà nó cứ sục sạo lung tung, bất chấp gai góc. Có lẽ đây là dịp để nó thử sức, thử chân chẳng! Sợ nó bị lạc, ngồi bên bờ suối vừa mắc con cào cào vào lưỡi câu, tôi vừa gọi: "Êu! Xồm! Lại đây". Mọi lần

khác bất cứ ở đâu, nghe tiếng gọi là nó chạy đến bên tôi ngoe nguẩy đuôi mừng quýnh. Vậy mà lần này, mặc cho tôi gọi, con xồm cứ sủa âm ỉ trong bụi rậm. "Được rồi! Mày không nghe tao, bữa nay tao không cho mày ăn cá, để mày chết thèm". Tôi thâm mắng yêu con chó và thong thả buông câu.

Con mỗi vừa chìm đến lưng chừng vũng nước thì một chú dắc đầu đã lao đến đớp liền. Không việc gì phải vội vàng, tôi chờ nó nuốt ngập con mỗi mới giật cần câu. Chỉ một loáng, chú dắc đầu to bằng ngón chân cái đã giẫy giụa vô vọng trong bàn tay tôi. Tôi đứng lên, giơ con cá khoe với ông:

– Vớ được một con rồi ông ạ!

Ông tôi ngừng tay liềm, ngẩng lên nhìn:

– Cháu giỏi quá! Cứ câu thoải mái đi, thời gian còn dài lắm.

Được ông khen, tôi thấy sung sướng hơn là câu được cá. Đúng vào thời điểm đó, tự nhiên con xồm lao từ trên sườn núi đến bên chân ông tôi. Đuôi nó cúp xuống, kêu ăng ăng như bị đòn. Con ngựa cũng chẳng thiết gì gặm cỏ nữa, nó quỳ xuống đất, toàn thân run bần. Tôi thật sự ngạc nhiên trước cảnh tượng lạ lùng này. Chưa thấy như thế bao giờ, tôi đâm hoảng. Ông tôi bỏ liềm, cầm lấy khẩu súng kíp tựa ở bờ ruộng. Ông nói với tôi:

– Sáng, đưa củ tỏi cho ông!

Tôi vội đưa củ tỏi cho ông. Sáng nay, trước khi đi ông nhắc tôi dứt một vài củ tỏi vào túi mang theo. May mà dọc đường tôi không vứt đi. Ông đưa cả củ tỏi vào mồm nhai rồi phun vào mũi con ngựa. Một lúc sau con ngựa vùng dậy gặm cỏ bình thường. Ông chỉ vào cây dâu da mọc gần đấy và bảo tôi trèo lên ngọn cây quan sát. Còn ông nhắm nhắm khẩu súng chui lên sườn núi rậm. Con xồm như quần lấy chân của ông, há mồm kêu ăng ăng.

Trèo lên ngọn cây dâu da, tôi thấy vũng dạ hãn. Tay bám chắc vào cành cây, tôi bình tĩnh quan sát xung quanh. Và kìa, tôi nhìn thấy con gì giống con mèo nhưng mà to lắm. To hơn con ngựa nhiều. Nó đang ở tư thế vồ mồi. Chắc nó nhắm vào con ngựa. Hãn đây là con hổ rồi. Con hổ mới to gan như thế! Tôi vội gọi ông:

– Ông ơi! Con hổ! Nó ở trong đám cây guột kia kìa.

– Đâu? – Ông tôi lên tiếng và hướng nòng súng về bụi cây guột. Ông tôi vừa dứt tiếng, con hổ chồm lên, lao thẳng vào tôi.

"Vụt, soạt" con hổ lao qua dưới chân tôi chỉ cách chừng vài tay. Nó phi xuống đám ruộng gặt dở rồi lao lên sườn núi bên kia nhanh như ngọn gió. Ông tôi giương súng lên nhưng lại hạ xuống, khoác vào vai. Ông gọi tôi:

– Sáng ơi! Cháu có sao không?

– Không sao ông ạ! Tôi đáp.

– Tụt xuống thôi! Hổ đi xa rồi! Ông tôi gọi tôi và ngồi xuống cạnh gốc cây, gỡ thuốc lá ra hút. Tôi tụt nhanh xuống đất, đến ngồi bên ông. Nhìn con ngựa đang ung dung gặm cỏ, chợt nhớ ra điều thắc mắc ban nãy, tôi liền hỏi ông:

– Ông phun nước tãi vào mũi con ngựa làm gì vậy, hổ ông?

Ông tôi thông thả nhả khói thuốc và giải thích:

– Cháu biết không? Con ngựa rất sợ con hổ. Ngủ thấy mùi con hổ nó đã quỳ xuống để chờ chết. Phun tãi vào mũi con ngựa chẳng qua là để cho con ngựa không ngủ được mùi con hổ mà thôi, loài hổ rất ghét ai phát hiện ra nó. Chính vì thế mà nó lao vào cháu đấy. May mà cháu leo lên cao, không thì nguy với nó rồi!

À ra thế, sống ở rừng đâu phải dễ. Tôi thầm nghĩ.

– Ông ơi! Ban nãy sao ông không bắn nó. Bắn không trúng cũng làm nó sợ chứ ông? Tôi hỏi.

– Loài thú vốn sợ người rồi. Ta không nên làm nó sợ thêm nữa cháu ạ.

– Ông được nhìn thấy hổ nhiều chưa? Tôi hỏi.

– Nhiều! Nhưng là ngày xưa cơ! Hai chục năm nay đây là lần đầu ông được nhìn lại hổ cháu ạ. Từ ngày khu rừng này chết, hổ cũng không về nữa. Hổ về, tức là rừng sống lại rồi đấy. Mừng lắm cháu ạ!

– Thế bố cháu được thấy hổ như cháu chưa?

– Từ ngày bố cháu đi bộ đội thì ông không biết. Nhưng hồi ở nhà thì chưa. Cháu may mắn hơn bố cháu nhiều đấy! – Ông tôi vui vẻ trả lời.

Hai ông cháu nói chuyện một lúc rồi ai làm việc nấy. Ông tiếp tục đi cắt lúa. Tôi lại xuống bờ suối câu cá. Con ngựa vẫn ung dung gặm cỏ. Chỉ có con xồm là chưa hết sợ, nó quần quanh bên chân ông tôi không rời nửa bước.

Vương Trung (dân tộc Thái) tên khai sinh: Lương Văn Trung. Năm sinh: 20-10-1938 Thuận Châu – Sơn La. Quê quán: Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản: *Ing éng (thơ 1967); Sóng Nậm Róm (thơ 1979); Mối tình Mường Sinh (tiểu thuyết 1994); Nhà sàn cổ người Thái Việt Nam.*

Giải thưởng văn học: Giải B về thơ, Sở Văn hóa Khu tự trị Thái Mèo 1958. Giải A Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam 1995.

MỐI TÌNH MƯỜNG SINH

Trong bối cảnh Tây Bắc sau giải phóng khỏi ách thực dân, thổ ty, bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới, tiểu thuyết tập trung miêu tả công cuộc xây dựng nền giáo dục mới, thông qua nhân vật anh giáo Suong, những nỗ lực ở thời kỳ đầu vạn sự khởi đầu nan gây dựng trường lớp của anh và đặc biệt là ở mối tình sôi nổi, đắm thắm, dang dở của anh với cô giáo dạy võ lòng. Tác phẩm có nhiều trang viết đậm đà hương vị trữ tình và giàu tính hiện thực, đặc biệt là trong miêu tả các phong tục tập quán của đồng bào dân tộc.

Dưới đây là một đoạn trích của tiểu thuyết:

CHƯƠNG VII

Mùa xuân đã về. Núi rừng Mường Sinh nhộn nhịp sửa khăn thay áo, biết bao thứ áo, thứ khăn rực rỡ. Biết bao thứ tiếng cười, tiếng hát hòa tấu rộn vang, trầm bổng, thiết tha. Mùa xuân uyển chuyển mùa, chào mời người Mường Sinh vào xuân.

Bao đời người đã mang mùa xuân Mường Sinh đi. Xuân nào cũng như xuân nào, hoa ban là chủ xuân Mường Sinh. Hoa ban làm cho người Mường Sinh thêm mơ mộng, là kỷ niệm mùa xuân của người Mường Sinh. Và, không thiếu một ai, khi từ già cỗi đời cũng đều mang theo ký ức mùa xuân hoa ban. Cây ban chia sẻ với người biết bao niềm vui sướng, nỗi nhớ nhung, nỗi buồn đau trầm lắng. Đến khi không còn mọc lá, đơm hoa nữa, cây vẫn thấm đọng tình

người trong thớ mục. Người nào đã hưởng nhiều mùa hoa ban, càng thấu hiểu cây ban. Cây ban chẳng quản khe thẳm, núi cao, đồi cằn, can trường bám rễ, vươn thẳng lớn cao, không chịu thua kém loại cây nào. Cây không tham lá xum xuê, sống theo cách của mình. Từ cuối thu sang đông, cây rụng hết lá đứng trơ thân, chẳng sợ sương muối, gió buốt. Đừng vội nghĩ là cây đang chết khô, chết đứng. Chính cây đang mài mê tích nhựa, ẩn giấu trong mình một sức sống mãnh liệt. Để rồi đến mùa xuân, hoa trắng hồng, hoa trắng muốt. Hoa kín cành, kín cuống. Hoa vin cành cong, cuống cong. Cây ban đứng bên nhau, sát bên nhau làm sáng rừng sáng núi.

Các cụ, cảm thấy sức sống đã đi xa dần, khi con cháu đến hỏi thăm: "Dạo này cụ vẫn khỏe chứ?". Thì các cụ cố thở ra từng tiếng phều phào: "Có lẽ... cụ... không... được... thấy... hoa... ban... nữa...". Các ông, các bà đã xa sức lên núi chỉ còn đi lại được trong bản trong nhà, ra ngồi ngoài quán, ngoài sàn ngóng lên núi hoa ban. Họ chẳng còn nhìn rõ nét đậm đà của hoa ban nữa, chỉ thấy trắng xóa, trắng mờ tít tắp. Cháu lên núi chơi, mang chùm hoa ban về tặng bà. Bà hồ hởi đón hoa, cười với hoa, ngắm hoa, thưởng thức hương hoa, đưa tay vuốt ve hoa rồi xoa lên mặt, lên tóc, miệng lẩm bẫm:

– Hồn vía chó xiêu chó lạc, hãy lại mừng hoa ban. Đời hãy hồi sinh như ban nở, tươi tỉnh như ban đua!

Rồi bà ngắt bông hoa đẹp nhất cài lên mái tóc đã bạc phơ.

Có những ông bà về già, đời vợ chồng đã bị lệch gánh, đành đứng vậy nương nhờ con cháu. Mùa hoa ban, nhớ tình cũ nghĩa xưa, cụ ông diện áo mới, khăn mới, chống gậy ra đi thăm người tình cũ. Cụ bà ngạc nhiên chào hỏi:

– Trời đất ơi... sao mấy khi thấy bác đến chơi!

Cụ ông gắng lấy lại nụ cười của thời đã qua và hắng giọng:

– U... hứ... é... hé! Chủ tâm và chủ tính từ nhà, chủ tâm mặc áo lụa, thăm lại mùa hoa ban thuở trước!

Thế là cụ bà tươi tỉnh hẳn lên, vội mở bèm lấy bộ váy áo mới, để dành lúc qua đời, ra mặc ngay. Sai con cháu dọn mâm, hai người tình già ngồi sát nhau. Họ nói với nhau, hát với nhau những lời tình tứ của thời trai gái tìm hiểu nhau, thời chơi hoa ban thể thốt. Họ gắng sức cười làm duyên cố lấy hơi mà hát, chẳng còn hát được

tiếng to, họ hát tiếng nhỏ. Hát mệt, họ nói bằng thơ... Cứ thế suốt ngày. Đến khi cụ ông sắp về, cụ bà gọi con trai đến bảo:

– Khi mẹ qua đời, con hãy tiễn hồn vía mẹ lên đàng bác ấy. Lúc làm người, mẹ đã sống với bố con trọn đời. Sang kiếp ma, cho mẹ được sống với người đã từng thể thốt dưới cành hoa ban.

Lúc này anh con trai mới vỡ lẽ mẹ mình là người tình cũ của ông khách già.

Những bậc cha mẹ, họ chẳng có thời gian để ngắm, để chơi hoa ban, mà chỉ bận lo toan với mùa hoa, người ta thường gọi là mùa tháng ban. Mùa tháng ban là mùa ăn vui, mùa tiếng trống, tiếng chiêng vang rùng vang núi, mùa chuẩn bị cho công việc làm ăn: Cúng nhà, đón rể, gả dâu và các lễ cúng giỗ khác. Người bố cần toan tính chỗ làm nương rẫy, sửa muong phai lấy nước vào ruộng, đánh cá, săn bắn... Người mẹ bận rộn suốt ngày với việc rẫy, việc nhà. Có khi bà gắt với con gái:

– Mày thêu hoa ban thế này à! Mày dệt hoa ban thế này à? Mất với mũi, làm thế này chứ!

Những cặp vợ chồng trẻ, mùa chơi hoa ban vẫn còn mới nguyên trong lòng họ. Nhưng họ đã bị ràng buộc, không còn được chơi hoa ban một cách vô tư thỏa thích nữa. Những lúc lên rừng, lên núi lấy củi, hái rau, họ mới có dịp tìm đến cây hoa ban, chơi một lúc, hát vài câu cho vơi nỗi nhớ. Có khi họ đón những trai gái đi chơi hoa ban về để chia sẻ nỗi thèm khát:

– Hôm nay có vui không? Có ai và ai nữa? Có gì đặc biệt đáng nhớ không?...

Lúa trai gái, người ta gọi họ là lúa hoa. Hoa ban là họ, họ là hoa ban. Câu thơ tự ngàn xưa truyền lại mãi:

Muốn chơi hãy chơi thời ban nở

Muốn vui hãy vui thời ban đua

Mấy khi và mấy chốc

Ban trắng rừng ban sẽ phai

Ban trắng đồi ban sẽ úa

Như câu thơ đã dạy, họ tranh thủ với mùa hoa đời mình. Họ chơi say sưa, thỏa thích, chơi để có những kỷ niệm suốt đời chẳng

hề phai. Họ chơi bù cho những năm tháng sau này sẽ chẳng có thời gian mà chơi, sẽ chẳng còn sức lực mà chơi.

Lúa em họ, rủ nhau chạy ùa lên núi, bẻ lấy cành, lấy chùm hoa ban, vác chạy về, chơi ở bãi cát ven suối hay ngang đường hoặc giữa sàl...

Cô đi chơi hoa ban, cũng nhớ mang hoa về cho cháu, mẹ đi rừng, mẹ cũng nhớ mang hoa về cho con. Người mẹ đưa chùm hoa cho con và bảo con nên gọi tên hoa:

- Hoa ban, nói đi con!
- Hoa... pan! - Con ngọng nói.
- Hoa... ban - Mẹ sửa lại.
- Hoa... ban!

Người mẹ sung sướng ôm chầm lấy con, đặt vào má nó những nụ hôn hạnh phúc.

- Con mẹ giỏi lắm! Hãy nhanh lớn để chóng biết chơi hoa.

Cả vùng Mường Sinh đều có hoa ban, nhưng nơi ít nơi nhiều, rải rác xen kẽ rừng cây khác, hoặc trên những địa thế hiểm trở... Quanh thung lũng có hai nơi toàn là rừng ban, lại mọc trên vạt núi gianh thoải thoải, đó là vạt núi sau bản Én và vạt núi trên mé đồng, giữa bản Khoan và bản Bánh. Trai gái những bản trong thung lũng dọc suối Sinh hay tập trung chơi hoa ban ở hai nơi này. Hàng năm, cứ đến mùa hoa ban nở, trai gái từ bản Pục trở xuống, thường chơi hoa ban ở vạt núi sau bản Én. Từ bản Phé, bản Khoan trở lên, trai gái thường chơi ở vạt núi trên mé đồng, giữa bản Khoan và bản Bánh. Bản Chiềng An ở giữa hai nơi này nên trai gái muốn chơi vùng nào, tùy thích.

Sáng nay chủ nhật. Suong có dịp lên chơi hoa ban cùng bạn bè và On. Anh theo đoàn trai gái Chiềng An đi. Đến ngã ba, trên bản Khoan thì gặp đoàn trai gái bản Bông, hai đoàn hòa vào nhau, kéo đi. Đoàn của Suong đến chân vạt núi đã gặp thua thót những cây ban nở trắng. Tiếng cười, tiếng hát vang vang trên lưng chừng ngọn núi trước mặt. Mù còn phủ rừng ban. Một người gọi với lên:

- Sao quá vội! Ai trèo núi vội chết sớm!

Lập tức có tiếng cô gái vọng xuống:

– Ai lên sau đuối súc, leo chẳng nổi, chết rớt đằng sau!
Các cô trong đoàn chọc tức các chàng:
– Biết tay chị chưa?
– Thôi xin làm em út đi thôi!
– Ơ... ơ, làm gì có chuyện. Đòi nào để phụ nữ lên trên – Các chàng trai chẳng chịu.
– Thế giỏi thì lên xem nào! – Các cô khích thêm.
Một chàng đồng dục gọi với lên:
– Ai tham hoa trước lúa, vội hái hoa trước đàn, là lòng tham năm chồng một đêm!

Tiếng cười của đoàn trên vọng xuống, tiếng một chàng trai trên đó ủng hộ:

– Hay quá! Giỏi quá! Bồi thêm nữa đi!

... Đoàn của Sương đã gần đuổi kịp đoàn bản Khoan đang đứng cụm giữa vạt, nơi có nhiều cây ban san sát. Lúc này cũng nghe tiếng hát, tiếng nói cười của đoàn bản Dữn, bản Bánh lên mé vạt bên kia đang tạt sang.

Giọng hát của một cô gái vang lên:

*Hỡi ai, chơi hoa chó để hoa tàn
Yêu hoa đừng để hoa héo
Vui tình chó phải tình phai
Đừng cho ban rộ rụng bay theo gió...*

Phía sau đoàn Sương cũng vang vọng tiếng cười nói, tiếng hát của đoàn bản Phé đi lên. Giọng hát một cô gái đoàn bản Phé vút cao:

*Đội mình hãy ngắm hoa
Chờ ta hãy gửi hương ngào ngạt
Ai trộm nhìn sắc, mất hoa
Ai tham ngửi hương đa tình!*

.....

Giọng hát của một chàng trai bản Ban bay bổng đáp lại:

*Hỡi ai, bảo chân mau lẹ
Giục đầu gối nhanh nhanh
Nhu én bay vun vút
Lên với rừng ban chờ*

*Lên với cành ban đợi
Mắt sánh mắt ta mới chơi hoa!*

.....

Tiếng hát từ ba ngã bốn bên chảy dần vào giữa vạt rừng ban san sát, thành màn hợp xướng vang rừng vang núi. Sóng hát xô đám mù bông bênh, du đi du lại. Mù tần ngần, vương vấn, vòn cành, vòn chùm hoa ban. Những chùm hoa nhẹ nhàng, kéo đung đưa những sợi mù. Các đoàn trai gái hòa nhập vào nhau, như từng đàn bướm nối nhau bay tứ phía, đổ vào đám mạ non. Đoàn nào thấy Suong cũng reo mừng.

– A... hôm nay có cả anh giáo, vui quá!

– Máy khi anh giáo đến chơi hoa!

– Anh giáo ơi, hôm nay hoa đẹp thêm đấy!

Suong vui vẻ:

– Tôi đang lo hoa vườn quá cao, với chẳng tới!

Các chàng tán đồng:

– Nào, hoa có cao thật không nào?

Các cô nhao lên:

– Không đâu, chẳng có hoa nào dám cao hơn thầy giáo đâu!

– Hoa thấp lắm anh giáo ạ! E không ngang tầm anh giáo hái thôi!

– Đã có hoa ngang tầm rồi chứ! – Các chàng chêm vào.

– A... a chúng mình quên... – Rồi các cô phá lên cười.

– Trèo hái hoa đi! Trèo đi anh giáo ơi! Có trèo được không? Các chàng trai vừa rủ nhau vừa trêu Suong.

Các chàng trai tản ra, trèo lên những cây ban xung quanh. Các cô cũng chia từng tốp đứng xung quanh gốc. Các chàng ngắt từng chùm hoa thả xuống cho các cô đỡ lấy. Người trên cành, người dưới gốc gọi bảo nhau đỡ hoa, hái hoa, tiếng cười đùa huyền ảo cả vạt ban. Chỉ vài chùm thả từ tế chiếu lệ, rồi các chàng nhắm vào đầu, vào người các cô mà ném xuống tới tấp. Các cô càng đỡ, mua hoa càng trút xuống, tiếng bông đùa, tiếng mắng yêu ròn rã.

Suong cũng ngắt hoa ném bạn gái. Anh ném trúng má một cô đang đi lại dưới gốc. Cô vội ngẩng lên. Anh vờ ngắt hoa, làm như

không phải mình vừa ném. Nhưng cô cũng biết ngay, mỉm cười và quay sang hỏi cô đứng bên:

– Cái On đâu mà?

– Hỏi nó làm gì?

Bỗng cô cũng bị ném trúng ngực, ngã lên ngo ngắc. Cô bị ném trúng má bầm sần cô kia và chỉ chéo lên Suong. Hai cô cùng cười và gạt đầu với nhau. Họ đưa mắt tìm On.

– Kia kia! Nó ở cây đằng kia!

Cô bị ném trúng má gọi to:

– On ơi! Sang đây tí này, nhanh lên!

Biết các cô định trêu mình, Suong vội tụt xuống. Suong chia hoa cho hai cô, mỗi cô một chùm to và đẹp. Các chàng trai cũng lần lượt xuống, rồi chia từng tốp nhỏ hay từng đôi, tản đi trong rừng ban bát ngát trắng, hồng.

Suong và On leo xuyên vạt lên. Suong hỏi On:

– Em có mang dao theo không?

– Có!

Lên được một lát, On rú:

– Dừng lại đây đi anh, đẹp quá!

Suong ngấm cây ban chưa đạt ý định:

– Ta cứ ngấm thật nhiều cây, mấy khi được lên chơi khắp rừng ban. Em có đồng ý không?

– Chính em cũng muốn thế. Chỉ sợ anh mệt!

Họ leo thẳng lên. Thỉnh thoảng họ chéo phải, chéo trái. Đến một cây, gốc rất to, giữa chùng chia ra nhiều cành lớn, rồi tỏa tán thành vòm, nở đầy hoa, trông không khác gì chiếc ô trắng lớn.

– Ta chơi ở đây, em thấy thế nào?

– Đẹp không thể tả nhưng nó cao, anh sẽ phải tốn sức trèo lấy hoa.

– Ta cùng trèo!

– Em trèo sao nổi.

– Ta sẽ có cách.

Sương lấy dao chặt những cành, những cây con xung quanh. On đứng dưới chuyển những đoạn cây lên cho Sương. Sương ngắt hai đoạn to vào bốn chạc cây ngang nhau, xếp sít những đoạn cây nhỏ làm thành sàn. Rồi họ cắt cỏ gianh non, đưa lên phủ cho thật dày, thật êm. Họ trèo lên sàn ngồi, phóng mắt nhìn toàn cảnh rừng ban.

On thốt lên:

– Lần đầu tiên em được thấy thế này!

Sương vít cành hoa ban trên đầu xuống. On lấy những sợi chỉ đã xe sẵn để tết hoa ban. Sương vừa ngắt từng bông cho On tết, vừa hỏi:

– Bông này được chưa? Hay em thích bông nào?

– Anh cứ hỏi. Anh thích bông nào thì em thích bông ấy thôi.

– Hay anh trèo lấy hoa trắng muốt để em tết xen cho đẹp nhé.

Sương hỏi vậy bởi trong rừng ban có những cây hoa trắng hồng và cây hoa trắng muốt xen kẽ, cây mà Sương và On đang ngồi là cây trắng hồng.

– Đừng đi nữa anh ạ, em thích loại này thôi!

– Sao em chỉ thích loại này?

– Trước đây em thích cả hai loại. Nhưng từ khi gặp anh, màu trắng phơn phớt hồng hôm gặp nhau dưới cây sâng ấy in đậm vào tim em! Em cứ hay so sánh, nó giống màu gì nhỉ, rồi em nhớ ra màu cánh hoa ban phơn phớt hồng. Thế là lúc nào em cũng muốn ngắm màu hoa này! Tình yêu thật lạ, anh nhỉ.

– Vậy em cho rằng hoa này đẹp nhất phải không?

Bốn mắt gặp nhau âu yếm. On khe khẽ lắc đầu:

– Không, ta đẹp hơn hoa chứ!

Gió hiu hiu thổi, tiễn màn mù lên đỉnh núi. Nắng vàng làm chủ rừng hoa ban trắng bao la. Sương bỗng nhớ nhà, nhớ quê! Quê Sương cũng có rừng ban trắng rải rác khắp đồi núi bát ngát. Hồi còn bé, Sương thường trèo lên tít ngọn, bẻ lấy những chùm hoa đẹp nhất. Một hôm mẹ bảo Sương: "Con trèo hoa thì trèo vừa vừa thôi, chớ vì hoa mà trèo tít ngọn, kéo bị ngã".

– Phóng mắt nhìn núi cao, núi thấp, núi gần, núi xa, núi xanh, núi mờ. Sương lại nhớ tới thời còn chăn trâu. Hồi ấy Sương cũng

ngồi trên sàn làm trên thân cây thế này để quan sát đàn trâu... Khi nào buồn ngủ thì ngủ luôn trên sàn đó, rất mát. Tự dung Suong muốn ngả lưng hóng mát, để hưởng lại thi vị hồi ấu thơ trong chốc lát, Suong bảo On:

– Em để anh nằm một lát nhá!

– Anh cứ nằm. Nếu buồn ngủ thì ngủ đi cũng được. Nhớ khi anh mê giấc trở mình, đã có em giữ chẳng lo rơi.

– Cứ để anh rơi, có xuống quá đất đâu mà lo – Suong đùa – Anh chỉ sợ như chàng Lú nàng Ủa ngày xưa thôi!

– Chuyện thế nào, anh kể em nghe đi!

– Theo truyền cổ, người ta kể thế này: Nàng Ủa lên trời, chàng Lú vác dùi trâu chạy theo để mời nàng ăn và nối lại tình. Chàng đuổi kịp nàng ngang đường. Chàng và nàng ngồi tâm sự. Chàng mệt, liền gồi dùi nàng nằm ngủ thiếp đi. Khi chàng tỉnh dậy, chỉ thấy gồi dùi trâu của mình, chẳng thấy nàng đâu nữa.

– Em có biết đường lên trời đâu mà lo! – On mỉm cười, vừa nhìn Suong vừa hạ khăn piêu trên đầu xuống, gấp thành hình vuông, rồi luồn một tay nâng gáy Suong lên, một tay đặt piêu vào và bảo – Anh gồi piêu em nhá!

Suong nằm ngửa, nhìn lên những đám mây trắng mỏng, cao tít, đi lại giữa nền trời xanh mênh mông. Từng đám mây thi nhau luôn đổi dạng. Mây thật tự do uốn éo, bay liệng, du chơi thỏa chí. Có hai đám mây nhỏ bay đến và dừng lại ở chính giữa sàn của Suong và On. Chúng sánh nhau đứng lơ lửng, như đang tần ngần suy tính sẽ bay đi ngả nào. Lát sau, mỗi đám định xòe cánh, bay biệt nhau. Nhưng rồi hai cánh hơi co lại, như hai cánh tay từ từ vươn về phía nhau, rồi hòa lẫn vào nhau, thành một đám mây to và dày. "Hay thật! Mây cũng biết ước thủ trước khi nhập vào nhau" – Suong vừa nghĩ vậy thì lại thấy nhô ra hai núm dài, nhọn như hai ngọn nến song song, Suong bỗng nhớ lại hồi cúng mừng ở nhà On (vì bố On làm chủ áo mừng). Đêm hôm ấy, Suong cũng đến. Về khuya, những người đứng tuổi đã đi ngủ. Riêng gái, trai toàn xã thì được một dịp gặp mặt vui chơi. Gà gáy canh một, bà cúng đã hát cúng lên đến Niết Bàn, lên nhà Then. Bà cúng nghỉ, bảo mọi

người đến chơi trò sánh mệnh. Trai gái đến ngồi vòng quanh chẳng thiếu mặt ai.

Lấy hai cây nến bằng sáp ong cắm trên bát gạo, một cây tượng trưng cho mệnh nam, một cây tượng trưng cho mệnh nữ. Định sánh mệnh cho đôi nam nữ nào thì người ta xướng họ, tên của họ, châm lửa đốt hai cây nến, rồi bà cúng hoặc ai đó hát bài cầu sánh mệnh. Ngọn lửa nến tượng trưng cho số mệnh: Nếu cháy yếu ớt là mệnh mờ, mệnh thấp; cháy to thì mệnh sáng, mệnh cao; chưa hát hết bài cầu sánh mệnh mà ngọn nến đã tắt là mệnh chẳng thọ; cháy ngọn thấp ngọn cao là mệnh của hai người bị lệch; hai ngọn nến cháy ngang nhau và tạt cuốn vào nhau là mệnh của hai người ngang nhau và yêu nhau thắm thiết; nếu cùng tạt ra ngoài là không yêu nhau; một ngọn tạt ra, một ngọn tạt vào là một người yêu, một người chẳng yêu...

Nhiều người cùng hô lên: "Sánh mệnh cho anh giáo và cô On". Thế là họ sánh mệnh cho Suong và On. Lúc đầu hai ngọn nến đều tạt ra ngoài, họ bảo "Chưa ai yêu ai". Lát sau, hai ngọn nến đứng thẳng song song, họ lại reo "– A...a, bắt đầu ngó thử rồi". Ngọn nến mệnh Suong hơi nghiêng về phía ngọn nến mệnh On, họ reo: "Anh giáo bắt đầu tìm hiểu rồi đấy, cô On còn làm cao cứ tảng lờ". Một lát, ngọn nến mệnh On tạt cuốn vào ngọn nến mệnh Suong, thế là nổi lên một trận reo cười: "Đấy! Đấy! Cô On bá cổ anh giáo rồi! Góm! Còn ra vẻ phớt lờ, hóa ra thích bỏ cha...". On thẹn đỏ mặt, Suong cũng vậy...

Thuở nhà ai tưởng bao giờ, Suong và On cùng sánh mệnh, giờ đây lại thế này, Suong cùng On trên cây ban, giữa màu xanh non bát ngát của đất và màu xanh thăm thẳm mệnh mộng của trời. Nghĩ vậy, môi Suong từ từ nở nụ cười.

– Anh cười gì đấy? Kể em nghe được không? – On bỗng hỏi.

– Được chứ, cũng là chuyện của ta thôi!

Suong chợt nhớ tới câu thơ dân gian tả tình giữa màu xanh. Suong nảy ra ý đồ On phóng tác lại:

– Anh đổ câu này nhá – On gật đầu, Suong tiếp – Mẹ cha ta thường hát:

*Ta yêu nhau trên lều nương không có phen, ta cởi áo
làm phen*

*Ta thương nhau trên lều ruộng không có sần, ta cởi áo
làm sần.*

Bây giờ em nói ta đi, có được không?

– Được chứ! – Ông gật đầu – Nhưng để em nghĩ đã... xem nào?

– lát sau Ông bảo – Giờ anh nghe nhá.

*Ta yêu nhau giữa cây ban hồng không có phen, ta cởi
áo làm phen*

*Ta thương nhau trên cành ban trắng không có sần, ta
cởi áo làm sần.*

Thế có được không anh?

Sương lật nghiêng sang phía Ông, Sương ngấm eo lưng Ông cân đối.

– Lưng em có thể viết thay bằng được đấy! – Sương khen.

Ông bỗng cười:

– Anh nghĩ ra lắm thú thật! Viết thế nào ra chữ được.

– Được quá đi chứ. Anh không mang phấn thôi, giá có phấn thì anh sẽ thử viết để em xem.

– Anh định viết gì?

– Yêu!

– Vậy chỉ yêu mỗi lưng thôi ư?

– Không, đấy là phòng xa, bởi con người ta khó mà nhìn thấy sau lưng mình, em ạ.

Sương ngấm cạp váy trắng, vừa ngấm vừa đoán thử nó giống cái gì. "A... giống trăng lưỡi liềm".

– Em có đồng ý để anh cấy hoa trên lưng không?

– Ờ... anh cấy thế nào nời? – Ông ngạc nhiên.

– Sẽ có cách, nếu em đồng ý.

Sương giắt những bông hoa vào cạp váy Ông. Lúc này Ông mới hiểu ra:

– A... lại chơi trò này cơ đấy!

Sương vừa ngấm vừa khen:

– Đẹp quá! Ước gì em ngấm được lung mình.

– Anh là gương rồi còn gì, anh nói đi, em nghe cũng bằng nhìn thấy thôi mà.

– Thế em có hay ngấm trăng luôi liềm không?

– Có, ngấm trăng non em thấy rất dễ chịu.

– Em cứ tưởng tượng là những bông hoa ban nở trên trăng luôi liềm.

On phì cười:

– Thôi, thôi! Ngồi với anh có lẽ em biến thành trăng sao mất.

Hết chuyện này sang chuyện khác, họ kể cho nhau nghe chuyện tiếp chuyện, pha lẫn câu bông đùa vui nhộn và tình tẻ.

– Cũng trưa rồi, ta ăn cơm đi anh!

– Cứ thế này chẳng ăn cũng no! – Suong đùa.

– Thế thì nhìn nhá! – On cười ý nhị, vừa lôi các gói trong lớp ra: một gói xôi, một gói cá bống cuốn lá chuối nướng, hai miếng thịt nai sấy khô, bốn quả trứng luộc, một gói ớt muối.

Họ vừa ăn vừa nũng nịu, chiều chuộng, đồ dành nhau ăn. On lấy miếng xôi lên cá bống, trộn lòng đỏ trứng, bón cho Suong. Suong cắn giữ ngón tay On. On nhăn mặt, nhưng lại đổi nét mặt tươi tỉnh:

– Đố anh cắn đứt!

Suong từ từ nhả ra và hỏi:

– Nếu anh cắn đứt thật thì thế nào?

– Em sẽ chỉ cười mà chịu, chẳng mấy ai có được kỷ niệm bón cơm cho nhau đến đứt tay như ta.

Dù vừa ăn vừa chơi đùa, bữa ăn của họ cũng đến lúc phải dọn. Suong ngồi dựa lưng thân cây, khe khẽ hát:

*Thuở nào ta đi qua và lượn lại
Mắt ngoài nhìn có lúc gặp nhau
Câu bông đùa bóng gió
Lời trao lời nhớ nhưng
Cùng ghế mây áp má
Bá cổ suốt đêm thâu!*

.....

On dịch lại dựa sát vào Suong, giục:

– Hát, nữa đi anh!

– Chẳng hát nổi nữa!

– Sao lại không hát nổi?

– Tại em...

– Nghe anh hát thế...

Họ nhìn nhau âu yếm! On từ từ để cánh tay Suong luôn gáy, quàng qua vai bên kia, vắt sang ngực. On đưa sợi chỉ cho Suong và bảo:

– Anh cầm hộ em, để em tết kiểu chùm hoa phong lan.

Giữa trưa, lồng lộng gió ngàn. Trên cao, những đám mây trắng nổi đuôi nhau, trôi bồng bềnh giữa nền trời xanh. Dưới thấp, rừng giang sau khi bị đốt một thời gian đang lên non ngang đầu gối, bay dạt theo gió tạo thành từng đợt sóng nhấp nhô. Rừng ban trắng đứng giữa biển sóng màu xanh mênh mông, dập dờn, đu đưa, nghiêng ngả. Những cánh hoa lìa cuốn bay liệng dập dùi theo gió. Những cánh ban bay xuyên qua nhau đan chéo vào nhau, lả tả, không ngớt rơi xuống những ngọn sóng cỏ gianh non, như mưa tuyết trên biển xanh. Hương hoa ngào ngạt. Cánh ban đậu đầy người, đầy dẫu, đầy sần của Suong và On.

– Hương hoa thúc dậy bay đi đấy, anh nhỉ? Nó bay đi liệu nó có tan biến mất không? – On thủ thỉ.

– Nó chẳng mất đâu. Hương hoa ban ta hòa vào muôn loài hương hoa trên khắp thế gian, thoảng mãi giữa bầu trời bao la.

– Nó có quay lại với ta nữa không?

– Có, nó lại đến, rồi nó vào đây – Suong chỉ ngực On.

Cây ban của họ vẫn không ngừng đu đưa theo gió. Họ như những người ngồi dựa cột buồm trên con thuyền lênh đênh giữa mặt nước. Cứ để mặc thuyền mãi miết trôi, lúc lặng êm, lúc bay bổng theo ngọn sóng...

On quàng vòng hoa ban vào cổ Suong. Suong cũng quàng vòng hoa vào cổ On. Tay họ dùng trên vai trên cổ nhau. Ngực họ sáng rực những vòng hoa tết nhiều kiểu.

On thốt lên, giọng thốn thức:

– Sau này anh có cho em đi chơi hoa nữa không?

– Điù con theo càng hay. Người ta thường dẫn nhau "Con khóc hãy bế con vào vườn hoa nghe chim hót, hãy bồng con vào vườn quả nghe ngoảng ngân!"

– Anh rào vườn hộ em nhé!

Má On áp vào ngực Suong. Vòng tay họ càng siết lại, ghì chặt lấy nhau. Suong cúi xuống, trán tỳ trán, mũi kề mũi, môi kề môi, hơi thở hòa lẫn vào nhau...

Tùng đàn chim gáy, chim hãnh, chim khuơu... thi nhau bay lượn trên nền rừng ban trắng. Gió vẫn thổi. Các cánh hoa vẫn bay đến đâu tới tấp vào đâu, vào người, vào sàn của họ. Hương hoa vẫn bay ngan ngát. Suong và On vẫn dập dềnh theo nhịp cây ban múa mừng gió.

– Em hát đi! – Suong bảo On.

Tiếng hát nhẹ nhẹ, ấm áp của On bay lên từ ngực Suong.

*– Em để mặt trời hồng phía sau
Phòng khi lưng ón lạnh
Trước mặt, mắt phòng xa
Hai bên tai đã ngóng
Mặt trời lên về, gáy chẳng hay
Gió tạt ngang, tai nghe thính
Tối siết mặt, mắt nhìn xuyên
Suong nặng đầu, lửa thân bốc
Em, vẫn đợi tình yêu!*

CHƯƠNG VIII

Đã mấy ngày nay, cả xã Mường Sinh kháo nhau: thầy cúng Lào Sy ở bản Ban sẽ kin lầu nó, tức là tổ chức ăn mừng công trạng của âm binh đã mấy năm đuổi ma, trừ tà, phù hộ người ốm đau khỏi chết chóc.

Khi nghe đến việc "kin lầu nó", những người chưa phải mời thầy cúng cúng ma cho mình và, nhất là lớp trẻ thì phấn khởi chờ đón vì có dịp vui chơi. Những người đã từng mời thầy cúng về cúng đuổi ma cho mình hoặc con cái thì lo lắng vì phải chuẩn bị mọi thứ đến nộp lễ, ai đã mời cúng nhiều càng phải nộp nhiều.

Người ta kể rằng: Lào Sy là thầy cúng cao tay trong vùng. Cứ ba năm Lào Sy lại tổ chức "kin lẩu nó" một lần. Việc Lào Sy tổ chức "kin lẩu nó" ít nhiều đã ảnh hưởng đến lớp học của Suong. Một số em mà Lào Sy đã từng cúng cho sẽ phải có mặt trong ngày "kin lẩu nó", ngoài ra các em cũng muốn đến vui chơi. Lễ "kin lẩu nó" có thể sẽ kéo dài tới ba ngày hoặc năm ngày do thầy cúng gieo quẻ bói hỏi âm binh. Dù mấy ngày chẳng nữa cũng chỉ có một ngày lễ chính. Suong trù tính nếu cứ học vào ngày lễ chính thì, đông lắm cũng chỉ một phần ba số học sinh đến lớp, do đó, anh đồng ý để các em nghỉ học vào ngày lễ chính và sẽ học bù vào chủ nhật. Và lại, cách một tuần trước khi "kin lẩu nó", Lào Sy đã thân hành đến tận nhà, trình trọng mời Suong cố sắp xếp thời gian đến dự ngày lễ chính, Lào Sy có một đứa con trai học lớp anh. Ở nhà Lào Sy, người ta đã dựng "săng bók"¹ vui chơi từ chiều hôm trước, đến tối là nổi "cong"², chiêng, trai gái vui chơi suốt đêm. Hôm sau mới vào ngày lễ chính.

Tiếng cong, tiếng chiêng, tiếng chũm chọe và tiếng tăng bu³ hòa nhịp vang dậy không ngừng. Những hòa tấu ấy vọng đến mọi ngọn cỏ, gốc cây, cửa hang, vách đá, khe thẳm, núi cao, thức tỉnh các loài cầm thú ngủ đêm lẫn các loài cầm thú ngủ ngày.

Những người ở xa đến dự lễ đã tới từ chiều tối qua. Những người ở Muồng Sinh và muồng lân cận sáng ngày mới lần lượt kéo đến.

Mặt trời càng lên cao, căn nhà sàn năm gian của Lào Sy càng chật ních những người.

Săng bók được dựng chính giữa, dưới xà ngang thứ hai, tính từ xà thung vách hồi sàn trở vào. Khi dựng săng bók, người ta lấy một đoạn cây thẳng, một đầu luồn qua giát xuống buộc vào dầm, một đầu buộc lên xà ngang làm trụ cột rồi dựng những cây chuối rừng, cây báng con còn nguyên lá tươi, buộc túm xung quanh, xen lẫn là những cành hoa ban nở rộ, tết những lá báng bọc xung quanh,

1. *Săng bók*: giàn hoa.

2. *Cong*: một loài trống, thân dài, tiếng trầm và vang xa.

3. *Bu*: là một giống tre, một đầu để hở, một đầu có mấu, gõ đầu có mấu xuống tấm ván kêu pung pung. Nhiều cái gõ cùng lúc thì có tiếng vang lớn gọi là tăng bu.

trông như một lùm cây. Khắp lùm cây nhiều loại ấy, cắm đầy những que bằng thanh tre, đầu các thanh tre treo những hông may, giống chiếc đèn lồng vuông có các hình nộm: con ve, chùm quả dâu tằm bằng chỉ màu hoặc bằng nan giang nhuộm các màu. Người ta còn xâu những quả trứng luộc hoặc trứng được nhuộm các màu thành từng chuỗi dài ở dưới có tua tằm bằng chỉ màu. Chùm dây bằng sợi dài ngang cánh tay, to bằng chiếc đũa, tết những chỉ màu dính vào thành từng ngấn, từng ngấn, giống hoa cây coi nên gọi là soi sôm. Trong thời gian từ lễ kin lâu kỳ trước đến lễ kin lâu kỳ này, thấy cúng đã cúng cho bao nhiêu người thì có bấy nhiêu sợi dây soi sôm được treo vào săng bók... Săng bók được trang trí nhiều hình vẽ rất rực rỡ. Xung quanh chân săng bók xếp những chum rượu cần, vòng trong vòng ngoài, có chum đã mở cắm đầy cần, ngang mỗi cần có treo một dải tua bằng vải đỏ, dài khoảng gang tay, rộng bằng ba ngón tay, đầu cắt hình chóp, thêu thêm các chỉ màu rất đẹp. Bên những chum rượu có từng sọt, từng sọt đựng đầy măng đắng, măng ngọt, đựng đầy những đoạn lõi cây chuối rừng.

Một sợi dây bằng nhiều sợi chỉ xoắn vào nhau, dính đầy tua các màu, một đầu buộc que cắm vào xà, giữa ngọn săng bók kéo dòng qua cửa sổ, buộc vào đỉnh cột trước cửa sổ. Cái cột đó chôn dưới đất, cao ngang mái nhà; thân cột quét từng ngấn màu vàng, xanh, đỏ, tím. Đỉnh cột được xỏ ngang hai đoạn cây bắt chéo để đỡ một vòng tròn treo đầy những hình nộm nhuộm đủ các màu. Đó là cột buộc voi, buộc ngựa của âm binh. Sợi dây dòng qua cửa sổ gọi là dây của cột voi, cột ngựa.

Một băng thổ cắm rực rỡ và một băng vải trắng, song song, một đầu vắt trên ngọn săng bók, kéo dòng sang vắt một đầu trên hình một gọi là cầu vải cầu tơ, để cho âm binh từ hình một sang chơi săng bók.

Giàn cong chiêng, trống bu được đặt ở ngoài hiên sàn.

Sương lách đám đông xuống thang đi chơi thăm nhà các em học sinh. Qua nhà xã đội trưởng, anh ta trông thấy liền xuống thang đón lên chơi. Sương ngồi chưa ấm chỗ, anh ta đã bầy mâm và bảo:

– Hai anh em ta ăn cơm đã, kéo đôi uống rượu chóng say.

Nói thế theo tục lệ, khách đến nhà đã có cơm là phải có rượu. Anh mang ra một chai đầy:

– Hai anh em ta, dù không nhiều cũng phải hết chai này.

– Anh phải hứa chỉ một chai thôi, em mới vào mâm – Suong nói chặn trước, vì Suong biết đã ngồi vào mâm là chai tiếp chai.

– Anh em ta nói gì nhiều – Anh xă đội cười – Vội lại, để xem nhà dưới làm sớm hay muộn, nếu muộn ta đại gì ngồi chờ suông.

Hai người vừa cạn chai đã thấy con trai Lào Sy đến mời. Suong nhìn đồng hồ, đã mười một rưỡi trưa.

Hai anh em đi đến nhà Lào Sy đã thấy bày sẵn hai dãy mâm: dãy mâm trên kéo dài từ gian thờ ma nhà đến giàn hoa; dãy mâm dưới, kéo từ bếp lửa hóng ra sát vách hiên quần, Suong chủ động ngồi vào góc mâm dưới, gần cửa ra vào. Anh biết rằng dãy mâm trên dành cho các ông già, bà cả và những người đặc biệt đáng quý trọng, còn mâm dưới dành cho những người trẻ tuổi. Nhưng chủ nhà lại nằng nặc mời anh ngồi mâm trên. Anh phải xin phép mãi mới được ngồi nguyên chỗ. Khoảng tiếng sau, rượu ngấm, hơi men bốc lên mặt, lên mắt, người ít nói lại nói nhiều, người nói nhỏ biết nói to, người nói to, nói nhiều thì tăng gấp bội. Tiếng cười tiếng nói ồn ào, át cả tiếng của người hát mừng.

Ngồi mãi, đã nhiều người lần lượt đứng lên. Nhìn thấy Suong, Lò Văn Sơn lên tiếng:

– Ô... sao anh giáo lại ngồi đây, không lên ngồi mâm trên?

– Em xin phép ngồi đây thôi anh ạ! – Suong lễ phép trả lời.

– Chẳng đẹp đâu, chẳng hay đâu! – Vừa nói Sơn vừa vỗ cánh tay Suong kéo dậy – Đi, đi lên ngồi mâm trên cùng tôi.

– Em ngồi đây rồi, xin anh cho phép – Suong vừa nói, vừa gỡ tay Sơn khỏi tay mình.

Sơn hiểu chẳng thể ép được Suong, nên nói:

– Anh giáo không lên thì tôi ngồi đây với anh giáo thôi.

Lò Văn Sơn là một cây rượu, thế nào cũng xảy ra một cuộc đo rượu, nếu mình bị kẹp vào giữa sẽ nguy, nghĩ vậy, Suong vội vòng ra sau lưng, đẩy Sơn vào trong bảo:

– Anh ngồi trong, để em ngồi ngoài – Rồi ấn Sơn ngồi xuống.

Thế là Suong vẫn ngồi gần cửa, khi cần sẽ dễ trốn.

Những người ngồi mâm đã có vài người xin phép thôi rượu, vì họ phải phục dịch ngày lễ. Cuối cùng, chỉ còn lại khoảng một phần ba ngồi rải rác khắp các dãy mâm, lúc này Sơn mới đề xướng.

– Tôi có ý kiến thế này nhá! Mấy khi ta có dịp gặp mặt đông đủ như thế này. Hôm nay ta vui rượu với anh giáo, anh em ta đồng ý không? – Nhiều người đồng thanh ủng hộ, Sơn tiếp – Thế thì ta ngồi dồn sang phía này.

Sau khi mọi người đã dồn lại yên chỗ, Sơn gọi ý:

– Ta uống chén cũ hay chén mới?

Một số ít người vẫn uống chén cũ. Còn phần nhiều là số thanh niên ở các bản, đã từng độ rượu với Suong thì nhao nhao đòi thay chén to. Trúng ý, Sơn gật gù khen hay, khen phải. Sau khi các chén vai đã được rót đầy rượu. Sơn nâng chén của mình:

– Bây giờ chúng ta mời rượu, ai để sót mỗi giọt phạt hai chén. Tôi uống trước.

Nói đoạn, Sơn ngậm môi vào miệng chén rồi từ từ ngửa lên, để dốc rượu vào miệng, nuốt ừng ực hai lần và hút mạnh đến kêu chút một tiếng cho khô rượu mới rút chén khỏi miệng. Đầu cúi gập theo đà tay hạ mạnh chén xuống mâm kêu cộp rồi ngẩng đầu lên như cần bẫy bập, thở hắt ra đằng mồm một hơi dài, trừng mắt nhìn khắp mọi người đang cầm chén, hô to:

– Nào uống!

Mọi người nhất loạt uống, rồi nhất loạt hạ chén xuống mâm những tiếng cộp cộp... Sau đấy, các chén lại được rót đầy.

– Lần này chúng ta noi theo anh giáo!

Biết rằng có từ chối cũng chẳng xong, Suong nhẹ nhàng nâng chén uống cạn rồi dốc ngược chén. Mọi người lại nhất loạt uống làm như Suong. Có một người bị nhỏ từ miệng chén xuống một giọt, ai cũng reo ầm lên:

– Phạt ngay hai chén... Phạt ngay, phạt ngay...

Thế là anh ta bị phạt luôn hai chén. Rồi lần lượt từng người uống trước, để cho những người sau cứ theo cách của người uống trước mà uống: Có người uống xong lẳng lẳng đặt chén xuống mâm, một lúc sau mới cầm ngược chén lên để tự xem có còn giọt nào rơi không; có anh uống xong thì đặt nằm chén xuống và quay miệng đi

hướng khác; có anh uống xong úp chén xuống mâm... Nếu ai vô tình không làm đúng cũng bị phạt hai chén. Uống kiểu này đến tuần thứ tám, Suong hơi choáng. "Không xong rồi, tính nước chuẩn thôi", nghĩ vậy Suong vắt chéo đũa làm hiệu xin phép ra ngoài, rồi đứng dậy. Son vội bật dậy theo, vỗ cánh tay Suong.

– Tôi đi theo anh giáo. – Son định kèm không cho Suong "thoát".

Suong vừa gỡ tay Son vừa nhẹ nhàng:

– Anh mặc em khắc đi.

Hai thanh niên cũng đứng dậy và bảo:

– Anh Son cứ ngồi đi, để chúng em đi mới đúng.

Giữa lúc đang dùng dằng, Nói từ đâu chạy tới:

– Để cháu, để em, đưa thầy đi! Chú Son và các anh cứ ngồi.

– Không được! Không được – Son dần từng tiếng – Thằng Nói mày không thể giữ thầy nổi đâu!

Nói tròn xoe mắt làm bộ ngạc nhiên:

– O... thế chú chẳng tin cháu à. Không tin cháu còn tin ai nữa
– Nói đưa cánh tay mập mập gạt Son và hai thanh niên lại, dẹp lối cho Suong đi – Cháu không đưa thầy đi mới thật không xứng đáng để chú tin chứ!

Nghe Nói nói thế, Son chẳng cự được nữa, chỉ răn đe:

– Nếu anh giáo không quay lại mày vỡ đầu với tao, Nói nhớ!

– Chú yên tâm!

Xuống sân, Nói nói nhỏ với thầy:

– Thầy uống cho họ gục thầy ạ!

– Thằng thế nào nổi họ! Họ nhiều người thì họ nhiều mẹo, nhiều sức hơn chứ.

– Có chúng em cơ mà thầy, nhất định chúng em chẳng để thầy gục đâu.

Hai thầy trò ngoắc tay nhau trở lại. Trong lúc Suong ra ngoài, Son đã đặt sẵn hai chén rượu vào đĩa, bảo hai thanh niên ngồi gần cửa khi Suong trở vào thì mời Suong, gọi là để mừng Suong ra ngoài về. Gần hai chục em học sinh, đứng túm tụm xem cuộc độ rượu đã

xung phong đảm nhiệm công việc đó. Cái lý của các em là: thầy hay chiều các em, các em mời thì thầy sẽ uống ngay.

Sương vừa lên khỏi thang, các em đã mang đĩa rượu ra tận ngoài hè. Một số đứng kín cửa, không cho người trong nhà nhìn thấy. Các em vừa mừng vừa mời:

- Chúng em xin đón mừng thầy!
- Chúng em xin mời thầy uống đỡ khô họng.
- Chúng em xin mời thầy cạn.

Sương thấy em bê rượu nháy Núi, liền hiểu ý, vồn vã lớn tiếng đáp liền các em:

- Thầy xin uống mừng các em!

Núi và một em nữa cầm mỗi người một chén uống cạn, rồi trao chén không cho thầy. Các em lại reo:

- Hoan hô! Thầy uống cạn rồi...!

Mỗi tay Sương cầm ngược một chén đi vào. Hai thanh niên ngồi gần đây, cùng đứng dậy, đỡ lấy trên tay Sương mỗi người một chén. Sơn cũng bật dậy nắm cánh tay Sương, reo to:

- Hay quá! Tôi đã bảo mà, anh giáo chẳng bao giờ bỏ ta cả!

Vừa ngồi xuống, Sơn nhắc luôn chén đầy rượu:

- Nào, ta cùng uống mừng lòng tốt của anh giáo - Mèo của Sơn là, Sương vừa uống hai chén, rượu chưa kịp trôi lại bồi thêm chén nữa cho ứ cổ.

"Thế này thì có thể bơm thêm được" - Sương nghĩ thầm. Sau khi mọi người cạn chén, không để xảy ra, Sương tán công luôn:

- Em xin có ý kiến thế này, anh Sơn ạ!

Sơn vội gơ bàn tay trước mặt, vừa xua xua vừa bảo:

- Nghe nghe, chúng ta nghe anh giáo nói.

Mọi người đổ mắt sang, Sương nói tiếp:

- Nếu anh thật sự nhận là người anh để em tin theo thì anh lấy đôi rượu này làm chứng!

Sương vừa dứt lời, một số người lên tiếng ủng hộ ngay:

- Đúng rồi, đúng rồi! Nhưng anh giáo cũng một đôi.

– Nếu tôi cũng cùng uống một đôi thì ngang vai rồi, chẳng còn ngồi thứ nữa. Để tôi uống sau mới phải.

Muốn kết thân với Suong từ lâu, nhưng Son chưa có dịp. Giờ thời cơ đã đến, Son chớp lấy ngay. Son hăng tiết, xắn tay áo.

Hái đà này! – Son nhặt luôn chén không của Suong, đặt cạnh chén mình – Rót đi!

Tay phải Son cầm một chén đặt vào môi, tay trái cầm chén kia đổ vào chén đang uống, chén trên cạn thì chén dưới cũng cạn. Xong, Son dốc ngược hai chén, giờ thẳng ra lắc lắc trước mặt.

– Tất cả chúng giám nhé!

Mọi người vỗ tay khen tài. Suong lệ làng đồ lấy cả hai chén trên tay Son tuyên bố luôn:

– Anh Son thật đúng là người anh đáng tin cậy! Tôi là người em không thể bước ngang hàng. Tôi xin vịn tay, nhờ anh dẫn dắt, tượng trưng là mỗi người một chén.

Thế là hai chén được rót ngay trên tay Suong. Ngay cùng lúc, cả hai cùng uống cạn. Son quay sang Suong:

– Anh ở hẳn với chúng tôi chứ? – Son nhấn mạnh và kéo dài tiếng "ở hẳn".

– Người quyết định điều đó là các anh!

– Nói làm gì nhiều, anh Son – Anh thanh niên ngồi bên trái Suong lên tiếng – Chuyện anh giáo ở hẳn với chúng ta, rõ quá rồi còn gì.

– Anh giáo cũng sẽ như anh xã đội trưởng ấy thôi! – Một thanh niên ngồi đầu mâm bên kia chêm vào.

– O... anh này – Son cau mày và dằn tiếng – Xã đội trưởng khác, anh giáo khác, ví sao nổi. Tôi cấm!

– Các anh đã uống kết nghĩa – Một người đã đứng tuổi, ngồi phía trên khích – Anh sẽ là người lo liệu việc nhà cửa giúp anh giáo đấy, anh Son ạ.

– Rõ quá đi chứ – Son rạng mặt, hăng giọng nhưng vẫn ề a ròi rạc vì đã quá chén – Đối với ai chứ, tôi với bác Khốn... nhà bác Khốn cũng như nhà tôi... tôi muốn sao bác Khốn chiều ngay... còn

ai định phá ngang chuyện anh giáo thì Son này – Anh chỉ vào ngực – Róc da đầu ngay tức khắc.

Giữa lúc mọi người đang nâng chén tuần rượu, Nổi đứng ngoài bỗng kêu toáng lên:

– Ơ... chén anh kia chưa rót đầy!

Lập tức ai cũng đổ dồn mắt sang phía đầu mâm bên kia.

– Ai? Đâu?

– Phạt, phạt! Phạt ngay!

Giữa lúc ấy Suong thấy động cánh tay, quay sang đã thấy một bàn tay nhỏ luồn vào lấy chén rượu của anh, một bàn tay khác luồn qua nách, đưa anh một chén khác. Anh vội đỡ lấy và giọng cao:

– Nào, ta uống đi chứ!

Suong đưa chén lên miệng, sục mùi lá dong. "Hay quá! Nước ngâm nõn dong". Suong tu cạn trước tiên.

Thỉnh thoảng được uống một chén nước ngâm nõn dong do các em rót tráo vào cho. Suong tỉnh hẳn. Đến khi phần lớn đã nói ngọng vì tê lưỡi. Suong nói thêm:

– Tôi muốn làm người Mừng Sinh lâu dài – Vừa nói, Suong vừa nhặt chén không đặt vào cạnh chén mình – Anh em ta ai công nhận tôi thì uống cùng tôi mỗi người một đôi.

– Tôi công nhận – Son hưởng ứng ngay, tự nhặt chén nữa đặt vào cạnh chén mình.

Tiếp sau đó, ai cũng tự đặt đôi chén trước mặt. Tất cả cùng cạn chén, chúc mừng Suong sống hạnh phúc trên mảnh đất Mừng Sinh.

Từng người lẳng lẳng đứng dậy, chuênh choạng bước ra ngoài. Cuối cùng chỉ còn lại Suong và Son và vài người nữa.

Trời đã về chiều. Các dây mâm đã dọn, nhường chỗ cho xòe "lầu nó". Son bỗng hỏi Suong.

– Anh xòe cùng tôi nhá!

– Sao anh lại gọi em bằng anh – Suong trách.

– Ờ nhỉ! Quên. Từ nay trở đi gọi chú. Thế chú có xòe không?

– Em chưa quen xòe, chỉ thích xem thôi.

– Thế thì ngồi đây nhé!

Tất cả con nuôi – những người đã được Lào Sy cúng cho – tập trung đủ mặt, xếp thành vòng tròn quanh giàn hoa. Riêng ông Khốn được dự cuộc xòe múa. Giàn cong chiêng cũng cất cử người khéo đánh. Lào Sy tay cầm quạt, đầu vấn khăn và lưng thắt đai rực rỡ, đi từ mâm cúng vào giữa vòng tròn, đứng sát giàn hoa. Con nuôi cả – người được Lào Sy cúng đầu tiên, sau lễ kìn lầu nó kỳ trước – cùng đứng với Lào Sy. Lào Sy lấy những sải vải, sải thổ cẩm vắt dây giàn hoa, phát cho từng con nuôi để xòe, rồi lớn tiếng xướng mời âm binh:

*Mời tào lớn chủ mừng Một¹
Các khun, quan xuống đủ mặt²
Mọi già trẻ xuống đông vui
Xuống xòe khấu cùng nàng
Xuống múa pang cùng chủ!
Nổi cong lớn mừng tào
Thức chiêng chín mắt âm mừng
Dậy bu xà vui dân!
Sế...e...! Sế...ê...!*

Các con nuôi đồng thanh hú họa theo:

– Siu... iu...siu! Siu...iu...siu!...

Bắt đầu múa. Cùng lúc, cong, chiêng, chũm chọe, tăng bu nổi lên hòa nhịp âm âm dẫn dắt động tác múa rầm rập. Mọi người đều ngửa hai bàn tay, cầm dang sải khăn thổ cẩm rực màu hai sải khăn vải trắng, vung tay phải lên, hạ tay trái xuống và, ngược lại, nhịp nhàng theo nhịp nhún nhảy của chân. Những đầu khăn vải trắng xen lẫn với thổ cẩm vung lên vung xuống nhịp nhàng, vòng quanh giàn hoa. Lào Sy múa vòng quanh giàn hoa, đi chiều nào thì vòng múa quay theo chiều ấy. Lào Sy dừng múa thì vòng múa cũng dừng. Thỉnh thoảng Lào Sy lại xướng, mọi người lại hú họa theo:

*Tào chủ mừng cưới rồng lớn ra lầu
Tào chủ bản cưới rồng vẫn ra cung
Rồng cánh hoa rực rỡ
Rồng mào xanh, mào đỏ lung linh*

-
1. Mừng một: Mừng của âm binh ở.
 2. Khun, quan: tên các chức dịch âm binh.

*Xuống xòe khấu cùng nàng
Xuống múa pang cùng chủ
Sê...ê...!
- Siu...iu...sú!... Siu...iu...sú!...*

Lào Sy thấy quật rồi vừa đi vừa múa. Vòng múa xoay rập rập theo nhịp giàn cong, chiêm hòa tấu lên xuống.

*- Nàng O người gan sắt
- Nàng Han người tim gang
Cuối thiên lý mã bay vù
Xuống xòe khấu cùng nàng
Xuống múa pang cùng chủ
Sê...ê...! - Lào Sy xuống
- Siu...iu...sú!...Siu...iu...sú...!*

Vòng múa vẫn rập rập quay tròn:

*- Mồn¹ lớn cuối voi hùng
Chủ trời cuối bò đồng
Xuống xòe khấu cùng nàng
Xuống múa pang cùng chủ
Sê...ê...
- Sú...iu...sú! Siu...iu...sú...*

Lào Sy thấy quật ngược trở lại, vòng múa quay tròn trở lại. Giàn cong, chiêm vẫn nhịp nhàng vang vang:

*- Ba mươi mồn hùng ở cung cao
Cuối voi ngà lửa, chân trắng
Đi đường dài vượt nhanh
Chín mươi mồn mạnh ngựa lâu lớn
Cuối voi ngà ngọc lông đen
Đi đường không gặm cỏ
Há miệng nuốt gió hanh
Xuống xòe khấu cùng nàng
Xuống múa pang cùng chủ
Sê...ê...
- Siu...iu...sú! Siu...iu...sú!*

Vòng múa vẫn quay ngược chiều:

1. Mồn: chủ tướng của âm binh.

– Ba muôn quân xuống đủ người
 Chín mươi chủ tướng xuống đủ mặt
 Giáo mác như rừng lau
 Khiên đen ngợp tối trời
 Rục rừng cờ vắn chéo
 Xuống xòe khẩu cùng nàng
 Xuống múa pang cùng chủ
 Sê...ê...!...Sê...ê...!
 – Siu...iu...sú! Siu...iu...sú!
 – Muôn quân cầm dây lẳng
 Vững vàng quanh giàn hoa muông lớn!
 Sê...ê...!

– Lào Sy thấy quạt ngược chiều, giang tay ra hiệu.

Lập tức mọi người nắm tay nhau, những dải khăn trắng xen lẫn những dải khăn thổ cẩm nối liền nhau thành vòng dây rục rờ, quay ngược trở lại, với những tiếng hú họa mạnh mẽ. Múa càng nhanh càng khỏe, bước nhảy càng cao. Người đánh cong say sưa nhún nhảy theo nhịp, hai tay gõ mặt cong: pum pum pum, pum pum pum pum pum... Người đánh chiêng người chao đi chao lại theo nhịp một, tay cầm chiếc dùi mềm bằng gỗ, được bện như bện thùng, luôn phiên gõ hai chiếc chiêng đục và chiêng cái: Pùng pùng pinh, pinh pinh pinh pinh pùng... Người giập chũm chọc đứng giữa, đang mãi mê rung thân, nhún nhảy theo nhịp giập, liên tục chao người sang phía người đánh chiêng, đánh cồng: chập chập cheng, cheng cheng cheng chập... Những người chơi tăng bu vây kín tấm ván dầy, rộng, dài, nhảy theo nhịp tay cầm bu giập xuống tấm ván, xoay vòng quanh đi rồi xoay vòng quanh lại, xoay lại rồi xoay đi: pung pung pung, pung pung pung pung pung...

Tất cả đều nhảy múa, giàn hoa càng nhảy múa, những ngọn nến sáng rục trên hình một càng nhảy múa...

– Mừng rượu gà bên phải
 Vui rượu cá dăng trái
 Đầu lợn chắt đầy mâm
 Bã rượu vãi đầy nhà
 Sê...ê! – Lào Sy lại xuống.
 – Siu...iu...sú! Siu...iu...sú...! Siu...iu...sú...!

Những người đứng ngoài, lấy bã rượu cần trong các chum, tung qua đầu mọi người. Họ vừa tung bã đậu vừa hô, và tiếng hú họa vang dậy:

– *Sê...ê...sế!...*

– *Siu...iu...sú! Siu...iu...sú!*

Bã rượu vẫn tung lả tả. Không khí nồng mùi rượu, say men rượu. Lão Sy lại xướng:

– *Gùng, muối tuôn nguồn noi chân thành*

Thóc, bông tuôn nguồn noi chân lữ

Sê...ê...!

– *Siu...iu...sú!*

Tro bốc lên khỏi bếp, bụi mọt tung tóe, bồ hóng lơ lửng, tất cả cùng với bã rượu, hạt bông, hạt thóc bay mù mịt bởi gió của những chiếc khăn múa...

– *Tung dây lẳng pháp phối bay*

Nhảy chập đôi vỗ cánh

Sà xuống, vút lên!

Sê...ê...sế!

– Lão Sy giang hai tay, phẩy quạt múa. Mọi người vừa hú họa, vừa chuyển đội hình. Họ chia thành từng cặp múa...

Đang múa say sưa bỗng Lão Sy hét tướng:

– *Đầu voi đầu ngựa mừng mình kẻ đầu voi đầu ngựa mừng người, đầu voi đầu ngựa mừng người gãy gục! Trâu sùng nhon mừng ta húc trâu mừng người, trâu mừng người gãy sùng! Sế...ê! Sê...ê...!*

Tức khắc mọi người ngừng múa. Phụ nữ vắt khăn qua gáy thả hai đầu xuống ngực; nam giới thắt khăn ngang lưng. Mọi người, ai nấy xông vào rút lấy mỗi người một đoạn chuỗi hay cái măng to ở các sọt xếp quanh giàn hoa. Dạt ra hai bên, bên nam bên nữ đứng đối diện nhau. Lão Sy nhảy múa giữa hai hàng người. Khi Lão Sy hô:

– *Sê...ê! Sế...ê...!*

Mọi người nhất loạt dùng hai tay nâng đoạn chuỗi lên quá đầu múa. Cả đoàn người, dàn hai hàng ngang cùng nhảy, cùng tiến tới, cùng vung tay lúc tản rộng ra, lúc thu hẹp lại, lúc mạnh mẽ, lúc uyển chuyển, đều tằm tấp.

Đầu tiên ai cũng nghiêm trang, dần dần họ bắt đầu bông đùa, khi nhảy lao mạnh qua nhau thì ngáng chân nhau, nam giới húc đầu đoạn chuối vào người, vào hông chị em. Chị em trả miếng, những tiếng cười, tiếng mắng đùa khi sôi cay, khi nhẹ nhàng, ồn ào.

Ông Pan cũng nhập đám nhảy múa, lúc này mới lên tiếng oang oang:

– Xoe đi! Xoe cẩn thận đi! Chẳng mấy khi được xoe múa thế này, ai không xoe là chó!

Cuộc xoe đầu tiên của ngày lễ đã kết thúc. Lào Sy ngồi nghỉ trên chiếc đệm gập tư thường ngồi cúng. Đang đà vui chơi nhiều người còn nhảy múa tự do theo những điệu múa mà mình thích nhất. Lò Văn Sơn đến ngồi né xuống, nói nhỏ với Lào Sy. Lào Sy mở tròn mắt, hất lông mày lên tận trán, dồn ép những vết nhăn lên chân tóc, nhoẻn miệng cười để lộ hai hàm răng nhuộm đen đã hơi bạc và hai hàng lợi đỏ sẫm. Lào vợ lấy chiếc quạt, đặt trên mâm cúng, vẫn để nguyên khăn cúng trên đầu và đai thắt ngang lưng, nhảy mấy bước đến chỗ Lò Kầm Khốn đang giang tay múa giữa nhà. Lào Sy đồng dục xuống to:

*– Đầu muông vang tiếng mỗi con khun cháu Lò ta mạnh
Lấy lòng mỗi tạo lớn Lò hùng
Sế...ê! Sế...ê!*

Lào Sy nhảy vòng quanh Lò Kầm Khốn. Lập tức những người đang nhảy múa, dồn lại xếp vòng tròn, chẳng phải vây quanh giàn hoa mà vây quanh Lò Kầm Khốn. Trong khi đó, trưởng bản Én bước tới, chập chiếc khăn của mình đang múa vào chiếc khăn của chủ tịch Muôn. Thế là hai người cầm tay nhau múa theo điệu cầu bập bênh, ngoài vòng.

Vừa vào cuộc múa một lúc, Lò Văn Sơn mang chiếc rổ đựng chiếc đĩa lớn, trên đĩa đặt hai cốc rượu to đang sủi tăm, đến mời chủ tịch Muôn uống đầu tiên để mở đầu cho cuộc vui vừa xoe vừa uống rượu.

Uống rượu à? Ai chứ Muôn này chẳng bao giờ biết chê rượu. Ngày xưa, Muôn là dân nghèo, chỉ biết đi phu, hầu hạ tạo phía. Tạo phía phê phỡn uống rượu cả ngày lẫn đêm, hết đám này đến đám kia. Muôn chỉ biết nhìn người ta ăn uống, chỉ biết hầu hạ, chạy nhiều đến khoeo chân thành ống nước. Chẳng ngờ trời lại xoay

văn, bản muông được giải phóng, Muôn được làm chủ tịch xã Muông Sinh. Muông Sinh về tay Muôn rồi. Trời của Muôn, đất của Muôn. Những kẻ đã từng ăn không ngồi rồi chớ có ho he, Muôn chẳng tha. Muôn chẳng bao giờ lùi bước trước khó khăn. Muôn vận động nhân dân làm theo chính sách, nên bản nào Muôn cũng cần thường xuyên đi đến. Muôn đến đâu cũng được mời ăn, mời uống, nhưng không phải như tạo phỉa trước đây, chúng đến đâu vì sợ dân phải bán nghèo làm giàu, mời chúng ăn uống, để cho qua cái nạn "rắn lên nhà, tạo đến cửa". Muôn thì khác, Muôn hòa mình với dân, dân quý mời ăn thì ăn, mời uống thì uống. Năm tháng trôi qua, Muôn chẳng cần tính đến lợi lộc hay thua thiệt, cứ thế say sưa làm việc. Duy chỉ có một điều, nó theo thời gian ngấm dần vào mọi đường gân thớ thịt của Muôn, đó là thói uống rượu.

Cứ mỗi lần ngồi vào mâm rượu thì "e hèm", người ta mời uống, Muôn cứ uống. Uống cả ngày, uống cả đêm cũng được, uống cho đã đời. Còn công việc hôm nay không xong thì để ngày mai; ngày mai không xong thì để ngày kia. Có việc cần thì Muôn vừa uống rượu vừa bàn. Những lúc như thế, bàn việc lại càng hăng, và Muôn cũng có thêm gan quyết định công việc một cách dễ dàng, chóng vánh như ngửa bàn tay. Khi tỉnh rượu, người khác bảo việc đó chủ tịch Muôn đã đồng ý, xem ra thì đâu đã vào đấy rồi, rất khó sửa lại. Đã nhiều lần, Muôn tự thề với mình, rằng sẽ không bao giờ tái diễn nữa. Nhưng khốn nỗi, thói quen hay mâu thuẫn với lý trí. Cứ uống rượu vào đến độ, Muôn không thể nào cưỡng nổi mình nữa, vẫn thói nào tật ấy như thường.

Bấy giờ, Lò Văn Sơn lại nâng rượu mời chủ tịch Muôn. Sơn là tiểu đội trưởng dân quân, ở cùng bản, chủ tịch Muôn đi đâu nó hay đi theo, nói là để bảo vệ. Sơn cũng hay bày ra nhiều trò, nhiều cách vui vẻ để mời Muôn uống nhiều. Khi Muôn say là Sơn dịu lấy và chăm sóc cẩn thận. Từ lúc ngồi mâm, Muôn đã được chuốc nhiều đôi, giờ lại thêm hai cốc rượu mạnh nữa, chỉ chốc lát đã lão đảo đứng không vững, người ta phải dìu Muôn sang nhà khác nghỉ.

Khi chủ tịch Muôn vừa đi khỏi, Lò Kầm Khốn hét tướng, ra lệnh:

– Tún cong sông!¹

Lập tức Lò Văn Sơn lao đi, lệnh cho giàn cong, chiêng, trống bu đang vang động nhịp nhàng, ngừng bắt. Rồi Sơn cất cử những người đứng tuổi, biết nhịp tón cong sông đứng vào vị trí: Người cầm dùi cong, người cầm dùi chiêng, người cầm chũm chọe, và một đoàn người, mỗi người cầm một cái bu sẵn sàng. Đâu vào đấy rồi, Sơn mới chạy vào thua với Lò Kầm Khốn. Trưởng bản Ẽn chọn những người biết múa, xếp vòng quanh Lò Kầm Khốn cũng vừa xong. Lò Kầm Khốn ngẩng cao đầu, dẫn giọng hô to từng tiếng một:

– Hãy nổi lên... cong lên!... Cong lớn dài ba sải, mặt chín năm, thân bảy khuỷu!... Hãy nổi lên chiêng lên, chiêng lớn chiêng chín núm, chũm chọe lớn kêu vang, chiếc bu to tiếng vọng! Hãy nổi cong lên...! Thúc dậy những ngàn quân, giục hàng muôn binh lớn! Hãy nổi cong lên! Múa lẳng vui lấy mừng, múa khiên mừng trận thắng; Cong lớn hãy nổi lên như sấm rền! Vang rền giữ diêm xấu khỏi mừng! Vang động thúc mệnh mừng đứng vững! Vang vọng tận muôn phương, người muôn phương vui đến hầu! Vang tận muôn rừng, chim muôn rừng bay đến họp! Vang vọng tận muôn suối sông, cá muôn suối sông bơi về tụ – Ngừng một lát lại hét lớn – Tón cong sông!

Tức khắc, chiêng, chũm chọe, bu cùng nổi lên âm âm hòa tấu theo nhịp cong dẫn...

Khi bộ gõ đã nổi lên nhịp nhàng thì Lò Kầm Khốn ngẩng đầu, ưỡn ngực, thẳng lưng, tay phải nắm đầu kia chiếc khăn thổ cẩm rực rỡ, giơ cao lên trước mặt ba lần, tay trái nắm đầu này, kéo chiếc khăn thẳng dọc cánh tay phải xuống ngực; mỗi lần giơ lên thì cử động nắm tay làm như rấn hổ mang ngoe nguẩy đầu; khi giơ cánh tay lên lần thứ tư thì đồng thời co chân phải lên, trụ chân trái, lấy đà quay tròn quanh mình ba lần (những lần sau quay năm vòng,

-
4. Ngày xưa khi quân Thái ra trận, mang theo chiếc cong lớn (chiều dài ba sải tay, khoảng 5m, đường kính mặt chín năm, khoảng 0,84m) và những trống nhỏ, chiêng, chũm chọe, sáo, kèn. Khi dàn trận thì nổi các thứ đó lên âm âm, vừa áp đảo tinh thần quân địch, vừa động viên quân mình thêm khí phách.

Tất cả các nhạc cụ trên cùng nổi lên hòa tấu theo nhịp điệu nhất định, đồng thời múa lẳng, múa khiên (múa mừng chiến thắng) thì gọi là tón cong sông. Về sau, tón cong sông được giữ lại trong các nghi lễ, nhất là lễ xên cha.

bấy vòng); sau đó hạ cánh tay phải xuống ngang vai, tay trái nâng đầu khăn này lên quá vai, rung rung như con công rung đuôi múa...

Khi Lò Kầm Khốn quay tròn quanh mình thì đoàn người vung khăn múa xung quanh ông. Khi ông dừng quay, tay trái nâng đầu khăn lên rung rung thì đoàn người cũng dừng, giơ khăn rung rung. Lão Sy nhảy lò cò quanh Lò Kầm Khốn, vừa nhảy vừa khăn cầu, mỗi lần khăn là phẩy quạt, quạt vào Lò Kầm Khốn:

– Hãy dậy, những thần thánh lộc cao! Những dòng tạo Lò Kầm chủ lớn!... Hãy đến phù hộ tạo chủ áo Muồng Sinh!... Tạo chủ áo muồng tốt lành như rồng nằm trên gác lầu cao!... Sáng như mặt trăng tròn!... Chiếu sáng đến muôn sao!... Sáng xuyên mây chín tầng!... Làm chủ lớn nhiều muồng!... Giáo mác càng mai nhọn!... Lưỡi kiếm cứng thêm sắc!... Bao việc lớn đang chờ!... Đường đi của họ Lò hùng đang tiếp!...

Lò Kầm Khốn ngẩng cao vòng khăn xếp, thỉnh thoảng chao đi chao lại, không cười nhưng nét mặt rạng rỡ, tà áo dài lụa đen hoa lồng tà áo dài lụa trắng hoa, dung đưa đen trắng, khi quay tròn thì tà áo xòe bay như hai lần cánh. Những chiếc khăn nhiều màu của vòng múa tập thể nhịp nhàng tung lên tung xuống, giơ thẳng rung rung, nghiêng ngả, chao đi chao lại. Như bấy công xòe đuôi, giơ cánh, rung, vỗ, bay, nhảy, lượn vòng... Người đẩy nhà, ai nấy đều đứng im lặng, chăm chú xem.

Đến chiều tối, lại tiếp tục bày mâm ăn uống. Để tránh rượu, trước khi người ta bày mâm, Suong đã trốn đi chơi loanh quanh. Thấy Suong, nhà nào cũng mời lên chơi...

Chờ cho tối hẳn. Suong về bản Bông, vào nhà ông Khốn lấy ngựa rồi phóng trở lại bản Ban. Anh buộc ngựa dưới gầm nhà ông Pan rồi đến nhà Lão Sy. Suong chơi đánh cong, gõ chiêng, tăng bu cùng thanh niên ở ngoài hiên sà.

Đến khuya, cuộc ăn uống rã đám. Các cụ các bác trong bản tranh nhau sai con cháu thắng ngựa nhà mình để Lò Kầm Khốn về. Đúng lúc Sơn dắt ngựa của nhà ai đó đến chân thang nhà Lão Sy cho Lò Kầm Khốn thì Suong cũng vừa dắt con ngựa tới, Lò Kầm Khốn thốt lên ngạc nhiên:

– O... ngựa của tôi đây rồi!

Sương giữ chặt dây cương cho ngựa đứng yên và mời:

– Mời bố lên ngựa!

– Thế, mạn phép anh giáo nhé – Nói đoạn ông lên ngựa.

Sương đi trước dắt ngựa. Ông theo sau, ra khỏi bản một quãng xa, bỗng dung ông Khốn bảo:

– Sương này...

– Dạ!

– Đưa dây cương cho bố!

Sương lật ngược dây cương cho ông Khốn.

– Con tránh ngựa đi – Ông Khốn bảo Sương rồi ngoảnh lại bảo Ông – Ông này, các con đi sau nhé, bố chẳng say đâu – Rồi ông giật cương phóng ngựa đi.

Lần đầu tiên ông Khốn gọi Sương bằng "con" như khoác vào Sương chiếc khăn đang đầy hơi ấm. Vừa cảm động, vừa vui sướng, Sương đứng lặng người! Tiếng "các con" đối với Ông như sự công nhận của bố. Vừa bất ngờ, vừa cuống, Ông cũng sờ quên bước. Sương và Ông đứng lặng nhìn nhau rồi hai người mới từ từ tiến lại, mắt nhìn vào mắt không chớp. Họ ôm chầm lấy nhau! Ông thì thầm:

– Anh có say không?

– Không!

– Lúc trưa em lo anh bị say quá. Em phải chạy đi tìm khắp, đến nhà títt đầu bản mới có dong, em lấy nồn về bảo Nói ngâm nước cho anh uống đấy.

Nồn dong giữ cho Sương không say ban trưa mà để đêm say. Giờ Sương mới thật say! Ông cũng thật say! Cả hai cùng say bởi một chất men đã từng ủ bấy lâu nay! Tất cả đều dính chặt vào nhau, như hai ngọn lửa chập làm một, cháy càng mạnh. Bốn cánh tay, đan chéo phía trước, đan chéo phía sau, siết chặt ngang thân nhau. Tất cả cỏ cây, cành lá nín lặng. Mùi khuya và bóng đêm rờ lỏi. Thỉnh thoảng Sương cúi xuống, Ông ngẩng lên, hai cặp môi dính chặt. Bóng họ, lúc chìm vào bóng đêm đen đặc, lúc lại hiện ra dưới ánh trăng khuya, xuyên rừng thấp thoáng...

Hoàng Quảng Uyên (dân tộc Nùng) tên khai sinh: Hoàng Quảng Uyên. Các bút danh khác: Quang Uyên, Hoàng Nguyễn, Bắc Uyên. Năm sinh: 27-9-1950. Quê quán: Quốc Phong, Quảng Hòa, Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản: Kim Đồng (1996); Buồn... vui (Ký 1996); Một mình trong cõi thơ (ký 2000).

Giải thưởng văn học: Giải B (không có giải A) thi ký đề tài Đại học, trung học chuyên nghiệp 1988. Giải thưởng ký 1997 Đài tiếng nói Việt Nam. Giải C (tập Buồn... vui) 1999 của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

HƯƠNG DẺ

Quả thật, trời đã ban tặng cho Trùng Khánh không ít báu vật, mà một trong những báu vật ấy là hạt dẻ "Mác Lích" – Từ "quả" nghe đúng và sang hơn từ "hạt" bé nhỏ, lọ lem! Nhưng thôi, chẳng mất thì giờ mổ xẻ làm gì, đang mùa hạt dẻ chín rộ hãy đi mà thưởng thức và suy ngẫm.

Trên "con" WIN màu xanh, Phó chủ tịch huyện Hoàng Đức Nguyên và tôi rong ruổi trên những con đường trong vùng trọng điểm dẻ Trùng Khánh: Nà Sơn, Pò De, Phja Bó, Cô Bay, Nà Mẩn... Những nơi đường làng băng qua vườn dẻ, tôi cứ bấm sườn người cầm lái: "Cẩn thận, phải gai dẻ là bại!" – Quả dẻ, cả thứ còn hạt và thứ chỉ còn vỏ gai rụng đầy vườn, mùi thơm dịu, béo ngậy dậy lên, phảng phất một vùng. Đến vườn nào cũng muốn dừng muốn ngắm. Chúng tôi tạt vào một nhà ở Khua Khảo, chủ nhà vừa ở ngoài đồng về, chưa vội mời khách uống nước mà ra vườn nhà lượm đầy một sọt quả mang về bóc tách lấy hạt, những hạt dẻ đen nhánh, to mẩy, dấu hiệu của sự già dặn, trông thật thích mắt. Nồi nước vừa kip sôi ông bỏ hạt dẻ vào đun nhỏ lửa chừng hai mươi phút sau là được một thứ hạt dẻ luộc vỏ vẫn đượm màu. Dem rang khô nữa là xong. Bữa "chiêu đãi" dẻ vườn nhà và thứ rượu cất từ gạo V10 của Thái Bình làm cho tôi chẳng màng tới bữa cơm thịt gà của

ông chủ Khua Khảo dọn ra ngay sau đó. Đến tận lúc ấy, tôi mới hiểu thêm giá trị của sự trinh nguyên, bởi thứ hạt dẻ vừa mới hái từ trên cây xuống, vượt xa về độ tươi, thơm và tươi màu so với thứ hạt dẻ bày bán ở chợ, là thứ đã hái từ dăm bảy ngày hay nửa tháng. Mới hay vua, chúa ngày xưa thưởng thức hoa quả là thưởng thức những thứ còn trinh nguyên: quả hái từ quả còn nguyên tuyệt và cành lá còn đọng sương đêm.

Đây chỉ là một cách ăn theo kiểu dân dã, trên cuộc sống hái lượm một bậc. Không chỉ có vậy người Trùng Khánh còn trộn nhân hạt dẻ với cốm tạo nên một thứ cốm đặc sản. Giả sử có cuộc thi cốm ngon không hiểu rồi cốm hạt dẻ Trùng Khánh hay cốm làng Vong sẽ chiếm ngôi đầu bảng trong các làng cốm nổi tiếng nước Nam mình! Dư âm còn lại của một lần ăn cốm hạt dẻ Trùng Khánh cho tôi giả định ấy.

Và đây là một cách ăn hạt dẻ nữa: Hạt dẻ ninh chân giò, cách làm cầu kỳ lắm, còn làm giản đơn thì thế này: Chọn loại chân trước của con lợn tầm sáu bảy chục cân trở lại, lợn lai trên tạ là tốt.

Dem thui chân giò tới độ, cạo sạch khi nấu còn vương một chút hơi khói. Thịt chặt chân chì, bỏ bớt phần mỡ, ướp gừng, rượu và một chút nghệ để tạo màu. Hạt dẻ khô, tách vỏ, rửa sạch cho vào ninh lẫn. Cho thêm một ít "mác mật" khô, nhưng đừng để vị "mác mật" át vị hạt dẻ mà chỉ đủ tôn thêm vị của thứ hạt quý phái đó... "Đây chỉ có thế, nhưng ăn nhau ở tỷ lệ và thời khắc" nghe một ông nghệ thuật ẩm thực hẳn là trên tài giao tế phán như vậy; Tự nhiên những món thịt gà luộc, vịt quay, cá dìm cà chua, măng nhồi... Ở một nơi vào loại sang nhất tỉnh bỗng trở nên nhạt nhẽo. đành rằng mỗi một nơi có một cách làm. Nhưng phong cách riêng ở ta còn lâu mới có.

Đôi điều lan man, nói qua cách ăn cho vui. "Trước đây là vậy, nhưng nay phải khác – Dẻ Trùng Khánh phải trở thành một thứ hàng hóa có giá trị kinh tế cao". Hoàng Đức Nguyên nói vậy khi trở lại Văn phòng ủy ban nhân dân huyện – Thời thịnh vượng, Trùng Khánh đã có 450 ha dẻ được thu hoạch, nhưng sau bảy chín, dân chặt phá chỉ còn hơn trăm ha. Sản lượng năm 1998 cũng chỉ đạt gần một trăm tấn. Kế hoạch đến năm 2000 Trùng Khánh phải có từ ba đến năm ngàn ha dẻ. Đó là con số lớn so với một trăm ha khởi đầu.

Ngành nông, lâm nghiệp huyện đã có kế hoạch cụ thể để trồng mà kinh phí chủ yếu dựa vào chương trình 327 và chương trình 06. Khâu đầu tiên là giống, tưởng đơn giản nhưng gian nan lắm. Kinh nghiệm dân gian là chọn quả có 3 hạt lấy hạt giữa uơm trồng sẽ được cây tốt sai quả, sau từ năm đến bảy năm, những quả ba hạt ít lắm, không thể đủ để làm giống được. Nếu gieo uơm đại trà, chắc chắn sẽ đủ cây giống nhưng kết quả là ta sẽ có những rừng dẻ, vườn dẻ để khai thác gỗ, chứ không thể có những vườn dẻ có quả. Vấn đề đặt ra là cần thiết có giải pháp. Thì đây, giải pháp kỹ thuật của Trùng Khánh là cây ghép! Lấy hạt của đồng cây sai quả gieo uơm rồi lấy mắt của cây sai quả ghép vào gốc cây con, đảm bảo tính di truyền. Cán bộ kỹ thuật của Trùng Khánh đã nghiên cứu làm thử nhưng tỷ lệ đạt thấp, sau có mời chuyên gia Hội làm vườn, học hỏi, tham khảo kinh nghiệm kỹ thuật lai ghép chỗ chị Nuong, chị Bình, tỷ lệ có cao hơn nhưng số lượng chưa nhiều. Để đảm bảo đủ giống có chất lượng cao, đòi hỏi sự cố gắng vượt bậc của các cấp lãnh đạo, các ngành nông lâm nghiệp Trùng Khánh, khó khăn sừng sừng trước mặt, day dứt lắm, trần trở lắm.

Hạt dẻ giống như một cô gái đẹp – mà đã đẹp thường là kiêu kỳ, đồng đánh, khó chiều. Trái ý một tý là hỏng ăn! Bảo quản hạt dẻ sau khi thu hoạch cũng vậy. Chợt nhớ một lần, cơ quan có việc đi "quan hệ" ở Hà Nội, anh em bàn nhau kiếm món quà gì có ý nghĩa! Thỏ cẩm, mật ong, rượu tắc kè... bàn mãi chưa ngã ngũ, chợt cô hành chính kêu lên: Hạt dẻ. Tất cả à lên nhất trí. Lập tức các cô nhao ra chợ, rồi luộc, rồi đóng gói kíp cho sáng hôm sau đoàn lên đường. Đến Hà Nội, sau mấy ngày họp hành mới có thời gian đi thăm và tặng quà. Lúc giở các túi quà ra thì ôi thôi, hạt đã biến màu thâm xỉn, mùi thơm không còn mà ngược lại. Hú vía! May mà chưa đem biếu! Vì vậy cùng với việc gieo trồng và chăm sóc cần tính đến công nghệ bảo quản. Thời vụ thu hoạch chỉ là một tháng, cần phải bảo quản để dùng trong một năm, đó là bài toán cần có lời giải và đây là lời giải của Trùng Khánh có tên gọi: *Dự án phục trang, phát triển cây dẻ bảo quản và chế biến hạt dẻ*. Phó chủ tịch huyện Lý Thiệu Kiêm là người chịu trách nhiệm chính cùng Sở Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp lập dự án. Theo dự án đó, tập đoàn Áo Việt sẽ bao tiêu toàn bộ sản phẩm, bước đầu họ sẽ viện trợ không hoàn lại 20.000 USD. Vậy là hướng đã mở – Nhưng rộng hay hẹp còn do người khai phá nữa.

Chủ tịch huyện Phương Tiến Châu, trước sau vẫn là con người thực tế. Đang đàm đạo về hạt dẻ, anh bỗng tạt ngang qua cây đỗ tương và cây ngô: sản lượng đỗ tương năm nay Trùng Khánh ước tính đạt chừng một nghìn tấn, còn ngô là tám nghìn tấn. Đỗ tương và ngô của Trùng Khánh cứ ùn ùn chảy về xuôi. Nhìn mà xót. Giá như Cao Bằng có một cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm thì giá trị kinh tế của hạt đỗ tương, hạt ngô và đặc biệt là hạt dẻ sẽ được nâng cao. Ý tưởng về một cơ sở chế biến như vậy (mà xưởng chế biến hạt dẻ là một bộ phận) đã có trên bàn Chủ tịch huyện lâu lắm rồi. Các cấp lãnh đạo của tỉnh cũng có ý tưởng ấy, nhưng hiện thực vẫn chưa thể cầm nắm, bởi một tỉnh giàu truyền thống cách mạng mà nghèo về kinh tế như Cao Bằng có biết bao dự án, mà dự án nào cũng cần làm ngay! Nhiều xí nghiệp, nhà máy lớn có số vốn gấp hàng trăm, hàng ngàn lần đã và đang xây dựng, tiền của cứ đổ vào mà hiệu quả kinh tế còn xa tít mù tắp, xót tiền dân lắm lắm. Chắc hẳn Trùng Khánh sẽ không đi theo vết xe đổ nhưng bằng cách gì để có một cơ sở chế biến với quy mô phù hợp. "Liệu cơm gắp mắm" Câu thành ngữ ấy vẫn là bài học của ngày hôm nay.

Đi trong chợ phiên Trùng Khánh giữa mùa hạt dẻ, ồn ã tiếng chào mời, tiếng đếm hạt dọc các dãy phố, hương dẻ nhẹ bay dịu dịu tôi như thấy lại hình bóng các cô gái hái dẻ thấp thoáng dưới tán rừng dẻ bạt ngàn với nụ cười lúng liếng, son cước. Cùng với dư âm hương dẻ là kỷ niệm về thác Bản Giốc hùng vĩ, hư ảo và câu thơ mênh mang của nhà thơ Hoàng:

*Chợ Cô Sầu, nhưng em không sầu
Anh đợi em hoài, em ở đâu?*

Chợ Cô Sầu – Mùa hạt dẻ – 1998

III. KỊCH BẢN VĂN HỌC

Nông Ích Đạt *dân tộc Tày.*

CHỜ GÀ GÁY *kịch nói một màn*

NHÂN VẬT

ANH KHANH	25 tuổi	Bần nông, người Tày, tham gia phong trào Việt Minh bí mật.
BÀ KHANH	47 –	Mẹ Khanh, quần chúng tốt của đoàn thể Việt Minh.
DUỆNG KHANH	50 –	Bố dưỡng Khanh, nghiện thuốc phiện, lạc hậu, tham lợi.
ÔNG CẤP	45 –	Tổ trưởng Việt Minh.
CHÁNH TỔNG	50 –	Phân tử phản cách mạng.
TOÀN	35 –	Cán bộ cách mạng, người Kinh, lãnh đạo phong trào (lúc đầu Toàn giả làm Bang tá).

LÍNH DŨNG I.

LÍNH DŨNG II.

BỐN LÍNH KHỔ XANH.

MỘT ĐỘI KHỔ XANH.

Chuyện xảy ra vào cuối năm 1944, lúc phong trào Việt Minh đã lên cao ở vùng Cao – Bắc – Lạng, nhân dân miền núi đã hoàn toàn tin tưởng và đi theo cách mạng. Chuyện kể lại những giờ phút tối tăm cuối cùng ở rừng núi đang tan rã và bình minh sáng sủa bắt đầu hừng lên trong sự ra đời lịch sử của Đoàn Giải phóng quân Việt Nam.

- BÀ KHANH – *Đang sửa soạn đồ đạc để mai dọn nhà.*
- Không biết đi đâu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy về cho thế này? *(Có ánh lửa ngoài phía cầu thang bên trái)*. Dượng thẳng Khanh đấy à?
- Tiếng bên ngoài đáp*
- Em thôi, bá ạ.
- BÀ KHANH – Chú Cấp đấy à? Lên nhà đã. Chú đi đâu đấy?
- ÔNG CẤP – Lại gần bếp sưởi lửa.
Em chạy qua các nhà dặn bà con một chút. Bác trai đi đâu rồi?
- BÀ KHANH – Đi chợ.
- ÔNG CẤP – Đi chợ làm gì?
- BÀ KHANH – Đi tìm mua thuốc phiện.
- ÔNG CẤP – Lại thuốc phiện.
- BÀ KHANH – Nhà còn hơn đồng bạc định để mua muối ăn Tết thì nài nỉ lấy đi bằng hết. À chú chẻ dùm tôi mấy cái lạt để buộc cái gánh nhé.
Bà Khanh đi lấy dao và mảnh tre đưa cho ông Cấp.
- ÔNG CẤP – Dâu, đưa em chẻ cho.
- BÀ KHANH – *Càng lộ bực bội.*
Lắm lúc chỉ muốn đập nát cái bàn đèn của nó đi.
- ÔNG CẤP – Phải cái lão nghiện ngập thì để khuyên bảo dần thôi, đập đi rồi nó lại làm cái khác, có khó gì đâu.
- BÀ KHANH – Bực mình quá lắm rồi, chú ạ. Tôi càng nghĩ càng khổ tâm. Ngày bố thẳng Khanh chết đi cháu nó còn nhỏ quá, tôi lại đang ốm, không bước đi bước nữa thì không có nơi nương tựa, nên buộc lòng phải lấy nó.
- ÔNG CẤP – Có ai bảo sao đâu bác? Nhà có người đàn ông vẫn hơn.
- BÀ KHANH – Nhưng nào có nhờ vả được nó cho cam! Làm được bao nhiêu cũng không đủ cho nó hút, mẹ con tôi lại phải nuôi bảo cô nó. Mà từ ngày thẳng Khanh đi tham gia cách mạng thì nó dần vật tôi mãi.

- ÔNG CẤP – Cái nghề thuốc sái thì nó hay lừa, nó mong cháu Khanh về là để đỡ chân đỡ tay bá, cho nó rảnh thân nằm khoèo hút thuốc đấy thôi.
- BÀ KHANH – Ở nhà thì thế, còn thằng Khanh tám tháng nay không thấy tin đâu cả. Tôi lo cho nó mà sốt ruột quá, chú ạ.
- ÔNG CẤP – Đi bí mật phải thế mới được, có khi nó vẫn quanh quẩn ở vùng này mà mình cũng không thể biết được đâu. Khi nào nó cần liên lạc với chúng mình thì mới lộ ra thôi. Không việc gì mà lo, người ta không bằng mấy mình ấy chứ.
- KHANH – Nhẹ nhàng ở phía bên phải ra.
Chú, mé!
- ÔNG CẤP – Kia cháu Khanh. Làm chú giật cả mình!
- BÀ KHANH – Con!
- ÔNG CẤP – Ở đâu hiện về thế này?
- BÀ KHANH – Sao mấy tháng nay con không cho mé biết tin tức gì cả?
- KHANH – Con bận lắm mé ạ.
- BÀ KHANH – Chết thôi này, ướt hết cả người rồi, đi vào đây sưởi lửa đã.
- ÔNG CẤP – Cháu về có việc gì đấy, bao giờ đi?
- KHANH – Cháu về tìm chú có việc cần rồi lại đi ngay thôi.
- ÔNG CẤP – Việc gì thế?
- KHANH – Bây giờ chú với mé đi vận động ngay lấy năm ống gạo đem vào hang nấu cháo để lát nữa các đồng chí đi qua đây ăn nhé.
- BÀ KHANH – Bao giờ thì qua?
- KHANH – Gà gáy.
- ÔNG CẤP – Gà gáy à?
- KHANH – Vâng, đúng gà gáy.
- ÔNG CẤP – Có bao nhiêu người mà ăn những năm ống gạo cháo?
- KHANH – Độ hai mươi lăm người.

- BÀ KHANH – A lúi¹! Đi đâu mà đông thế hả con? Không sợ lộ à?
- KHANH – Mé đừng hỏi nhiều, đi đi đã.
- ÔNG CẤP – Này, nhưng mai chúng nó về đồn làng này ra bản "cải", cháu biết chưa?
- KHANH – Cháu biết rồi.
- ÔNG CẤP – Ra ngoài ấy rồi liên lạc hơi khó khăn đấy. Ngoài ấy nhiều chó săn lắm, mà lại xa núi nữa.
- KHANH – Gặp lúc khó khăn như thế thì phải vượt qua, chú ạ. Nhất định ta vẫn hoạt động được như thường. Nhưng thôi, chú đi lo việc này cho cháu đi đã.
- ÔNG CẤP – Không chắc cả xóm có còn nổi năm ống gạo.
- KHANH – Tìm thêm bột báng nấu lẫn vào cũng được, miễn là có cái ăn cho đỡ đói để đi ngay, kéo trời sáng mà còn quanh quẩn ở vùng này thì nhờ hết việc. Đi đi chú, mé! Đi ngay đi! Để con nhể cái gai rồi con đi theo ngay.
- BÀ KHANH – Đâu, để mé nhể cho.
- KHANH – Ấy không, để con nhể lấy, mé cũng đi đi, đi ngay giúp chú thì mới kịp!
- ÔNG CẤP – Nhưng đi đâu nhiều thế nhỉ?
- KHANH – Chú đừng hỏi nhiều nữa, cứ đi đi rồi sẽ biết sau, tò mò thế là hay hỏng việc lắm đấy.
- ÔNG CẤP – Ờ, đi thôi bá ạ.
Ông Cấp vào cửa trái, bà Khanh định vào theo.
- KHANH – À, đừng đâu mé?
- BÀ KHANH – Đừng đi mua thuốc phiện, con ạ.
- KHANH – Lúc nào cũng thuốc phiện! Kim mé để đâu?
- BÀ KHANH – Có cành gai buổi lúc chiều mé ngắt cúng còn kia, lấy gai buổi mà nhể, đừng nhể kim có hơi sắt, nó thối chân ra đấy.

1. A lúi: tiếng kêu đầu lúi, tỏ sự ngạc nhiên hoặc lo lắng.

Tiếng ông Cấp gọi ở ngoài.

Di thôi bá ơi!

BÀ KHANH – Vào.

Tôi ra ngay đây!

Khanh với cảnh buổi bẻ gai ngồi xuống ghế.

Sân khấu im lặng một phút.

Có tiếng động ngoài sân bên phải.

KHANH – Tay sờ vào súng lục, lùi vào buồng.

Lão Quang về.

KHANH – Dượng đây à?

LÃO QUANG – Ô anh Khanh đã về đây à? Tiếng ai xì xào đi qua sau vườn nhà ta vậy?

KHANH – Mé với chú Cấp đấy.

LÃO QUANG – Họ đi đâu thế?

KHANH – Đi có việc, dượng đi đâu về khuya thế?

LÃO QUANG – Ai già, hôm nay lính đoan nó về rình suốt ngày, quanh quần mãi mới mua được lạng thuốc. Anh về còn đi nữa không?

KHANH – Có, con về thăm mé, thăm dượng một lát rồi con lại đi ngay. Bảo dượng cai dân đi thì dượng chẳng nghe!

LÃO QUANG – Dượng cũng cai mấy lần rồi đấy nhưng thử lần nào là nó vật vã đến khổ. *(Lục bàn đèn trong gánh ra chuẩn bị hút).* Ừ, tốt lắm, dượng đang mong anh về.

KHANH – Mong con về làm gì?

LÃO QUANG – Chắc hẳn anh cũng biết rồi, tình thế bây giờ nó khác lắm, các anh ở trong ấy mãi không yên đâu. Rồi không chóng thì chầy đến bị bắt hết về nhà pha thôi.

KHANH – Ai bảo dượng thế?

LÃO QUANG – Dượng biết chứ, dượng còn biết nhiều chuyện lắm cho nên dượng tìm người nhắn tin cho anh về nói chuyện mà không nhắn được. Hôm nay anh về thật là may.

KHANH – Những chuyện gì mà nhiều?

- LÃO QUANG – Nó lồi thoi rắc rối lắm, mình mà không nhanh thì đến bị tù oan vì chúng nó hết.
- KHANH – Vì ai?
- LÃO QUANG – Còn ai nữa, cái bọn đồng chí Toàn của anh ấy chứ ai.
- KHANH – Sao? Ai bảo dưỡng thế?
- LÃO QUANG – Đâu đâu người ta cũng nói, bàn đèn nào cũng bàn tán suốt đêm suốt ngày không hết chuyện về bọn thằng Toàn, nên dưỡng lo cho anh lắm.
- KHANH – Chuyện bàn đèn có một thì họ nói mười, chả nên nghe họ đâu.
- LÃO QUANG – Để dưỡng nói hết đã nào! Thiên hạ này không có chuyện gì là lọt qua họ đâu. Anh có biết thằng Toàn là người thế nào không?
- KHANH – Dưỡng còn lạ gì người ta nữa mà hỏi, đồng chí Toàn là cán bộ.
- LÃO QUANG – Không đâu anh ơi! Người ta biết rõ tông tích của nó rồi. Đây này, nó là người Kinh, năm kia nó ở dưới xuôi lên đây làm phu chở đồ ở sông Máng chán rồi lại xoay ra cắt tóc, loanh quanh thế nào ăn hết cả vốn mới mò mẫm sang Háng Tháng, Táp Ná dạy học cho trẻ con nuôi miệng, dần dà rồi ra vùng Nguyên Bình này.
- KHANH – Thế thì có làm sao đâu hả dưỡng?
- LÃO QUANG – Ấy thế thì còn cách mạng, cách miếc gì nữa, chỉ là đi tha phương cầu thực thôi. Cái bọn người Kinh thì tài cái miệng lắm.
- KHANH – Dưỡng đừng đi nghe người ta mà nói nhảm thế!
- LÃO QUANG – Nhảm là thế nào? Người ta nói âm chợ, âm châu lên đấy thôi. Bây giờ nó lại tụ tập thêm mấy thằng Nùng ở Lục Khu, mấy thằng Mán, mấy thằng học trò to đầu ở Nước Hai đi theo cho có vây có cánh. Khéo rồi chúng nó đến thành một bọn cướp mất đấy anh ạ. Nghe nói nó sấm sủng rồi đấy.

- KHANH – Sao mà dượng dễ tin thế, bọn quan lại tổng lý nó phao chuyện lên như thế để nói xấu chúng tôi mà dượng cũng tin.
- LÃO QUANG – Ủi chào! Nói với anh thật khổ, đến một vạn đũa Kinh còn chưa chắc có một đũa tốt, huống hồ là một thằng lang thang như thế.
- KHANH – Kinh hay Tây thì có khác gì nhau, ở đâu chẳng có người thế nọ kẻ thế kia.
- LÃO QUANG – Đũa nào chả mua đắt bán rẻ, chẳng bắt nạt, khinh rẻ chúng mình; đũa nào chả liến thoắng cái mồm để kiếm ăn!
- KHANH – Dượng cứ vợ đũa cả nắm. Đồng chí Toàn nhất định là người tốt. Người ta phải rời bỏ gia đình, cha mẹ, vợ con ra đi, lặn lội từ dưới xuôi lên trên này, chịu đói, chịu khổ, tin yêu chúng mình, rủ chúng mình cùng nhau đánh đuổi Tây, Nhật để chúng mình khỏi khổ mà dượng lại không tin người ta.
- LÃO QUANG – Ban đầu dượng cũng tin thế nhưng biết tung tích chúng nó rồi, thôi dượng không tin nữa.
- KHANH – Tung tích gì, đi làm cách mạng thì phải đi khắp đó đây để giác ngộ, tổ chức mọi người chứ!
- LÃO QUANG – Hừ! Đi khắp mọi nơi, làm cách mạng, có đi lừa người ta để ăn thì có. Bao nhiêu gia đình ở vùng này bị chúng nó lừa, nhà mình đi đào từng củ pấu, đe từng hạt muối ăn mà mé anh cứ phải dành gạo, dành muối cho chúng. Nay nói đánh Tây mai nói đánh Nhật, gần hai năm giờ nay có làm được cái trò gì đâu?
- KHANH – Dượng đừng nói quàng, nói bậy rồi khổ đến thân đấy!
- LÃO QUANG – Anh có lớn mà chẳng có khôn, dượng thay bố anh nuôi anh khôn lớn, dượng nói thì anh phải biết nghe chứ.
- KHANH – Nhưng dượng nói tôi không nghe được!
- LÃO QUANG – Chuyện nó rành rành ra đấy, đừng có theo chúng nó nữa, về nhà với dượng, với mé làm ăn, không có thì

lụy đến thân đây, con ạ. Cách mạng gì cái bọn lang thang ấy!

- KHANH – Khổ quá! Chỉ mấy tháng tôi không về thôi mà sao dưỡng lại thay đổi thế, dưỡng đâm ra u mê rồi đấy.
- LÃO QUANG – Mẹ con anh sao mà giống nhau thế, cứng đầu cứng cổ, nói thế nào cũng không biết nghe, cứ đi chui rúc ở rừng ấy, nào còn biết tin tức ở ngoài này nữa đâu!
- KHANH – Dưỡng tưởng thế đấy chứ, có việc gì ở ngoài này mà chúng tôi không biết.
- LÃO QUANG – Thế anh có biết rằng các đồn hiện nay đều tăng thêm binh lính súng đạn không? Thầy Chánh cũng được thêm đông không? Nay mai quan quân người ta đi lùng bắt sạch các anh về không?
- KHANH – Chúng tôi biết lắm chứ.
- LÃO QUANG – Thế thì phải liệu thân trước đi!
- KHANH – Nhiều lính nhiều súng thì làm gì? Mà bắt sao nổi chúng tôi?
- LÃO QUANG – Đến con hùm con hổ là chúa sơn lâm mà người ta còn sẵn được hưởng hổ các anh. Thầy Chánh bảo tôi khuyên anh nên ra thú.
- KHANH – A... thôi chết tôi rồi! Dưỡng lại đi mon men với Chánh Tổng rồi. Tôi đã dặn ông thế nào ông lại quên hết rồi. Đã bảo bọn tổng lý là tay chân của Tây, thế mà lại còn cứ đi giao thiệp với bọn chó săn ấy.
- LÃO QUANG – Sao tôi lại không nhớ lời anh. Nhưng mỗi lúc một khác, tôi cũng phải suy xét chứ. Người ta khôn bằng vạn mình ấy, có quyền thế, có binh lính, có súng đạn, mình thì thấm thía gì... mà nhất là mấy thằng ấy, tôi càng rõ chúng có tài năng như thế nào rồi.
- KHANH – Thế là ông lầm to rồi đấy. Ông nên biết nghĩ lại ngay đi mà tiếp tục giúp đỡ cách mạng, chớ nghe theo bọn chúng làm hại cách mạng thì hối không kịp! Thôi, tôi đi đây.
- DỒNG – Thét – Đứng im! Giơ tay lên! (*Vụt hiện ra cửa trái*)

- KHANH – Nhìn lão Quang, chột hiếu – A mày hại tao rồi.
- CHÁNH TỔNG – Vụt ra nhanh.
- Im! (*Lại phía Khanh, rút khẩu súng lục của Khanh*). Cho tao mượn khẩu súng. (*Cầm lấy khẩu súng bước lui ra*). Được rồi, bây giờ bỏ tay xuống (*Nói với lão Quang*). Sao lúc chiều gặp tôi, lão không cho tôi biết, là có nó ở nhà?
- LÃO QUANG – Dạ, thưa thầy, nó mới về lúc nãy đây ạ.
- CHÁNH TỔNG – À, ra thế (*Bảo đông*). Đứng ra ngoài cửa kia, cầm chắc súng đấy! (*Nói vọng ra ngoài*). Mấy đứa kia đâu? (*Có thêm ba tiếng dạ ở phía ba góc nhà*). Đứng đâu đứng đấy, nhìn cho tỉnh nghe không! (*Có ba tiếng dạ*). Hề đứa nào chạy ra là bắn (*Dạ vang*). Đấy, mày cứ yên tâm ở đây, đừng đi đâu vội mà đại dột nhé, lính tao nó bắn tin lắm đấy... Này Khanh ạ, mày nên về nhà đi thôi, thế là khôn, đi mãi sao thoát, mà tội gì lại rủ nhau chui rúc vào rừng, ra làng to mà ở có vui không?
- KHANH – Chúng tôi không thích ở làng to.
- CHÁNH TỔNG – Thì bây giờ các quan cho về ở đấy.
- KHANH – Không cần.
- CHÁNH TỔNG – Sao mày đại thế, bố mày ngày xưa cũng vì đại dột buống bình với các quan Tây lục lộ nên mới chết oan. Bây giờ mày lại cũng muốn thế hay sao?
- KHANH – Phải, bây giờ tôi cần trả thù cho bố tôi.
- CHÁNH TỔNG – Nghĩa là mày định giết các quan Tây?
- KHANH – Đúng thế.
- CHÁNH TỔNG – Thế mày lấy gì mà đánh, lấy súng gỗ đi đập vỡ được pháo đài à? Tay không đấu sao nổi với súng Tây?
- KHANH – Thế mà rồi chúng tôi sẽ thắng oanh liệt, còn các anh sẽ thất bại nhục nhã.
- LÃO QUANG – Anh nói với thầy Chánh thì phải liệu lời chứ!
- KHANH – Không việc gì đến mày.

CHÁNH TỔNG – Thôi lão Quang để tao nói, bây giờ mày nói nó có nghe đâu nữa mà nói. (Với Khanh) Vừa này, lão Quang nói đúng đấy; các quan tăng lính, tăng súng đạn khắp các nơi, quan bây giờ như ong như kiến ấy, đi đến đâu là vàng cả cánh đồng; súng to, súng nhỏ, súng dài, súng ngắn có đủ. Mày đừng dại mà đi theo bọn Việt Minh cộng sản chống lại các quan nữa, chống không nổi đâu.

KHANH – Ai chống nổi ai, sau này sẽ biết.

CHÁNH TỔNG – Mày ngốc lắm, đi theo mấy thằng giặc ấy làm gì? Về theo tao, tao sẽ dẫn lên thú với các quan châu, quan đồn; tao cam đoan cho mày sẽ không phải tù tội mà còn có thể làm việc quan nữa. Dẫm cút trâu thì đại, dẫm cút ngựa thì khôn, mày ạ.

KHANH – Hừ! Nói dễ nghe thế! Tôi không có tài ra luôn vào cũi như các người đâu.

CHÁNH TỔNG – Mày biết thằng Cát chứ gì? Nó cũng đi bí mật với mày hồi năm ngoái đấy, chữ nghĩa nó còn giỏi hơn mày, nó lại khôn ngoan bằng mấy mày mà nó còn về thú nữa là mày. Bây giờ quan cho nó làm thầy kí ở đồn, sướng bao nhiêu!

KHANH – Kể gì cái thằng nhát gan ấy.

CHÁNH TỔNG – Nó được thưởng cả tiền lẫn muối đấy... Mày mà về cũng sẽ được như thế và có khi còn hơn nữa...

LÃO QUANG – Phải đấy, việc này thầy Chánh đã nói với dượng, nhưng lúc này anh nóng quá, dượng chưa kịp nói thì anh đã át đi. Anh mà nghe thầy thì nhà ta có thể được bạc nghìn và hàng tạ muối đấy.

CHÁNH TỔNG – Rồi cả dượng cả con ra châu mà làm việc quan, thế có sướng không?

LÃO QUANG – Thầy Chánh đã hứa xin quan cho dượng làm Kỳ mục đấy.

KHANH – Mày cứ tối mắt lại vì tiền, vì thuốc phiện, vì muối, vì Kỳ mục thì rồi mày chết không ai thương đâu.

- CHÁNH TỔNG – Thôi lão Quang đừng nói nữa, đã xung khắc thì ai người ta nghe mình nữa mà nói. Chắc mày cũng biết rằng tao đã làm đến Chánh Tổng thì cũng không phải là thằng ngu xuẩn gì nữa. Tao biết nghĩ lắm. Tao nghĩ rằng mày, mé mày và dương mày cũng là người Tày cả, tao không muốn làm cùng giống, cùng nòi phải khổ. Tao chỉ cần mày giúp tao triệt mấy thằng Kinh nó lén lút ở vùng này, rủ rê bọn mày quấy rối địa phương thôi. Mày nên suy nghĩ cho kĩ, đừng đi với chúng nó nữa.
- KHANH – Tôi càng suy nghĩ kĩ, càng thấy cần phải đi theo người ta, vì người ta làm việc tốt. Thế các quan cũng có người Kinh sao ông không triệt?
- CHÁNH TỔNG – Ấy chết! Thằng này ngu quá, nói thế tức là mày không biết phân biệt người Kinh các quan là những người Kinh tốt, người ta có học rộng tài cao, cho nên mới làm được dân chi phụ mẫu. Sao mày lại đem bì với bọn giặc!
- KHANH – Giặc mà lại biết thương yêu mọi người, biết đi làm việc cứu nước cứu nòi!
- CHÁNH TỔNG – Hừ (*cười đếu cẳng*) mấy cái thằng lang thang trong rừng như cáo đi ăn đêm, như chuột rúc bờ tre mà gọi là đi cứu nước cứu nòi! Cứu cái mồm ấy à? Rắn nhái mà cũng đòi biến thành rồng! Mày không biết câu người ta nói "bạn với Kinh chết đói" hay sao? Chúng nó chỉ lấy miệng đi tán ăn thôi, còn mấy thằng Nùng Lục Khu thì chỉ tài trộm trâu, mấy thằng Mán đói kia, thì làm sao lại đi đánh bạn với chúng nó? Chúng nó rửa chân cho người Tày mình cũng không đáng đấy chứ!
- KHANH – Các quan "dân chi phụ mẫu" học rộng tài cao của các ông dạy các ông cách ăn nói buộc đuôi ngựa đá nhau như thế đấy. Từ nay trở đi thì đừng hòng xúc xiểm cho dân tộc này ghét dân tộc nọ nữa. Kinh hay Tày, Nùng hay Mán cũng sẽ càng ngày càng tốt, một lòng một dạ với nhau thôi. Chỉ những đứa đi bám

gót giặc làm hại giống nòi thì mới không đáng rửa chân cho chúng tôi!

CHÁNH TỔNG – Thằng này khó dạy thật!

KHANH – Không ai dạy được ai ở đây cả, mà trái lại tôi nói cho các người biết: các quan của các người sắp đến lúc không có chỗ đi rồi đấy. Các người có khôn hồn thì nên cải tà quy chính ngay đi, đi theo Cách mạng, lấy công mà chuộc tội thì hơn. Để sau này còn mong sống với vợ con, bố mẹ.

CHÁNH TỔNG – Lại giọng lưỡi của mấy thằng Kinh nó móm cho, tao mà bắt được chúng nó thì tao cắt hết lưỡi cho hết đời nói láo. Các quan nói không sai lý nào. Bọn chúng mày đi đến đâu là cũng thuyết, thuyết cả chúng tao. Một đảng các quan có đầy đủ súng đạn, quân lính hùng mạnh, chẳng theo lại đi theo chúng nó hai tay không với ba tác lưỡi à?

KHANH – Tôi không thuyết mà tôi nói thật để cho các người có thân thì lo.

CHÁNH TỔNG – Đúng là cộng sản nó móm cho chúng mày. Bây giờ mày sống hay chết cũng ở tay tao mà còn mở mồm! Lưỡi tao chỉ đảo một một cái là viên đạn ở cửa kia sẽ bay xuyên qua ngực mày ngay.

KHANH – Tôi không sợ điều đó đâu.

CHÁNH TỔNG – Thôi, câm mồm: Bây giờ tao ra hai điều kiện cho mày chọn. Một là mày nghe tao, quay về thú và khai thằng Toàn ra thì sẽ được tha tội lại được thưởng; hai là chính mày sẽ bị bắt nộp quan rồi bị chém đầu bên chợ Nguyễn Bình. Đấy, muốn chọn đảng nào thì chọn.

KHANH – Tôi chẳng phải khai ai cả. Tôi không chọn những con đường ấy, tôi chỉ có một con đường cách mạng.

CHÁNH TỔNG – Thét.

Trời nó lại, lão Quang! Đồng dẫu đưa thùng vào đây!

KHANH – Không cần phải trói, tao không thèm trốn. Có phải một mình tao làm việc cách mạng đâu, còn hàng nghìn hàng vạn người, bắt sao hết được.

Dồng quăng thùng vào, lão Quang ngộp ngừng.

CHÁNH TỔNG – *Thét.*

Trói lại! Mày còn thương nó à? Nó có cho mày một lúc được mấy lạng thuốc phiện, mấy yến muối không? Trói!

KHANH – Không!

CHÁNH TỔNG – Trói! Hề động tao bắn chết ngay!

Lão Quang cầm thùng trói

KHANH – Hừ! Chúng mày tưởng thế là đắc thắng rồi sao? Liệu rồi mày có chui được vào ống quần các quan nhà mày ở được mãi không?

CHÁNH TỔNG – Câm mồm! Nào, bây giờ tao xem mày đi con đường nào? Đến gà gáy, các quan về đây thì mày sẽ thấy con đường của mày.

KHANH – Đúng, đến gà gáy sẽ...

Ngoài cửa có tiếng thét:

"Ai! Đúng lại!"

Có tiếng đáp:

"Tôi về nhà tôi thôi!"

LÃO QUANG – Ấy, người nhà đấy các anh ạ. Thừa thầy, mé thằng Khanh nó về đấy ạ.

CHÁNH TỔNG – Nói to.

Cho nó vào.

BÀ KHANH – Thôi chết rồi! Con! Dượng Khanh! Sao thế này?

LÃO QUANG – Đấy, mẹ về mà bảo con.

BÀ KHANH – Thầy Chánh, thầy ở đâu đến đây? Cháu nó về thăm tôi, sao thầy lại trói nó?

CHÁNH TỔNG – Nó đi làm giặc, nó nói láo, cứng đầu cứng cổ.

BÀ KHANH – Con... sao con bảo...

KHANH – Mé đừng sợ, mé ạ.

- CHÁNH TỔNG – Nó to gan lắm.
- BÀ KHANH – Dượng Khanh, sao ông không xin thầy Chánh cho nó?
- LÃO QUANG – Ủi chao, bảo nó có nghe thì mới xin được chứ! Đấy, con bà thì bà về mà bảo, mà xin!
- KHANH – Nói với nó làm gì nữa cho thêm bản mồm, mé à. Nó đã thậm thọt đi bám gót bọn tổng lý để được ăn được hút rồi. Nó đi báo Chánh tổng về đây quây làng không cho ta rút vào lán đấy.
- BÀ KHANH – *Đau đớn.*
Trời ơi, có thật không dượng Khanh?
- LÃO QUANG – Mẹ con mày ngu lắm. Tao nghĩ chín lắm rồi. Tao sợ nó chết nên tao mới...
- KHANH – Nên mày mới định đem tao nộp cho các quan để có nhiều tiền, nhiều thuốc phiện chứ gì, đồ khốn nạn!
- BÀ KHANH – Mười mấy năm giới mẹ con tôi ăn ở với ông như bát nước đầy mà ông nỡ...
- LÃO QUANG – O hay khổ lắm! Thì bây giờ tao vẫn tốt...
- BÀ KHANH – Tốt thế này à, tốt mà đi gọi người về bắt làng xóm, bắt con à?
- CHÁNH TỔNG – Ấy, mày phải nể tao chứ! Âm i lên, tao lại cho lôi cổ nó đi ngay bây giờ?
- BÀ KHANH – Vâng, tôi xin lỗi thầy, nhờ thầy làm phúc tha cho cháu.
- CHÁNH TỔNG – Thì tao có muốn bắt nó đâu, mày về bảo nó nghe thì tha ngay thôi mà.
- KHANH – Mé đừng cuống lên thế, mé. Nó bắt con khai đồng chí Toàn đấy, mé có đồng ý không?
- BÀ KHANH – Khai đồng chí Toàn à?
- CHÁNH TỔNG – Phải đấy, thằng Toàn người Kinh làm cộng sản đấy mà!
- KHANH – Khai cho nó bắt đi nộp quan chặt đầu người ta để chúng nó lấy thưởng.
- BÀ KHANH – Ngấm ngấm.
Không, không! Đồng chí Toàn là người tốt lắm.

- CHÁNH TỔNG – Đấy, cả mày cũng muốn bị trói đấy, mày cũng bênh
thằng Toàn đấy. Không khai thằng Toàn ra thì
phạm tội.
- BÀ KHANH – Tôi tưởng đi ăn trộm ăn cướp của người ta, đi hà
hiếp người ta mới phạm tội chứ nó thì phạm tội gì?
- CHÁNH TỔNG – Im! Đừng có già mồm! Nó đi làm cộng sản chứ còn
tội gì nữa.
- BÀ KHANH – *Chỉ lão Quang rồi bù lu bù loa*
Ông ơi, ông giết mẹ con tôi rồi, ông ơi!
- CHÁNH TỔNG – Im!
- BÀ KHANH – Ông phải cởi trói cho nó, cứ cởi nó ra đã.
- CHÁNH TỔNG – Muốn cởi trói thì phải khai ra. Ha ha, có khó gì đâu!
- BÀ KHANH – *Uất giận lên tận cổ, chạy lại lấy đòn gánh toan phang*
lão Quang.
Chỉ tại cái thằng chó này! Cha bố cái thằng nghiện
oạt, thằng so vai rứt cổ vào báo hại nhà tao!
Lão Quang chạy nép vào Chánh tổng.
- CHÁNH TỔNG – Im! Không thì ông trói nốt mày vào bây giờ!
Ngoài cửa lại có tiếng thét
"Ai? Đứng lại!"
Mọi người đều lắng tai nghe, có tiếng bên ngoài nói
"Cho tôi vào gặp thầy Chánh"
- CHÁNH TỔNG – Việc gì đấy?
Tiếng ở ngoài
"Bẩm thầy, đèo Sam Kha báo về nói có một đoàn
quan kéo về đây".
Có tiếng gà gáy
- CHÁNH TỔNG – Tốt! Đấy, vừa đúng gà gáy, quan đồn kéo quân về
giúp vây làng đấy. Mẹ con mày liệu đi, quan về kia
rồi. Liệu nghĩ cho mau đi, có nghe lời tao thì được
yên lành, không thì chết đến nơi rồi đấy.
- LÃO QUANG – Bẩm thầy thế quan cũng về?
- CHÁNH TỔNG – Chứ sao! Tao cho đồng đi báo quân về giúp vây làng
này để sáng mai đồn làng cho yên trí, kéo có dứa

nào lại trốn đi nữa thì phiền. Cái làng này là ghê lắm có thể trốn cả làng đi chứ không chơi.

LÃO QUANG – Dạ (*Quay lại nói với bà Khanh*). Thế có phải mẹ con mày ngu không? Sao tao lại không biết nghĩ, tao đã biết trước tình thế này kia mà!

KHANH – Mày đi bám gót người ta thì làm gì mà mày không biết.

LÃO QUANG – Quan quân đã kéo về kia rồi, không phải chuyện cãi vã nhau nữa đâu, đừng có ương gàn, buồng hão nữa. Mê muội gì với mấy cái thằng tha phương cầu thực ấy nữa. Quay về khai mẹ chúng nó ra là tốt đẹp mọi đường.

BÀ KHANH – Con ơi! Làm thế nào bây giờ? Giời đất ơi!

KHANH – Mé à, cứ yên tâm.

LÃO QUANG – *Hoi chột dạ, nói riêng với Chánh tổng*
Thưa thầy... hay là... có thể...

CHÁNH TỔNG – Có thể cái gì?

LÃO QUANG – Hay là có thể quân Việt Minh đang kéo về?

CHÁNH TỔNG – *Cũng ngại*
Ai bảo! Mày chỉ nói láo! (Ngẫm nghĩ một giây).
Đồng đâu?
Tiếng bên ngoài:
"Dạ"

CHÁNH TỔNG – Một đứa chạy đi ngay ra phía Sam Kha xem cho đích xác quân nào kéo về đây rồi chạy về báo cho tao ngay!
Tiếng bên ngoài:
"Dạ"

LÃO QUANG – Hay cởi trói cho nó thầy ạ!

CHÁNH TỔNG – Ngần ngừ, hoang mang một phút.
Làm gì mà cuống mẹ lên thế!
Tiếng ở ngoài:
"Ai? Đứng lại!"
Tiếng đáp:
"Tôi, đồng đây, cho tôi vào gặp thầy Chánh ngay!"

- CHÁNH TỔNG – Bảo lão Quang
 Đây! (*Hỏi ra ngoài*). Thằng Nho đây phải không!
Tiếng bên ngoài:
 "Dạ, bẩm phải ạ"
- CHÁNH TỔNG – Đổi sắc mặt, mừng rỡ.
 Thế nào?
Dông II ra
- DÔNG II – Bẩm thầy...
- CHÁNH TỔNG – Ô, tốt lắm! Thế nào, có gặp quan không? Đi nhanh nhĩ.
- DÔNG II – Dạ, con đi một mạch không nghỉ, thua thầy có gặp quan ạ.
- CHÁNH TỔNG – Quan bảo sao?
- DÔNG II – Bẩm thầy, quan đồn đi vắng. Con gặp quan Bang mới đổi về ở đây, con đưa giấy, quan xem rồi khen tốt, rồi bảo con chạy về báo trước với thầy rằng phải ở đây chờ quan đến, có bao nhiêu lính đồng cho sắp mǎng¹ ở đầu xóm.
- CHÁNH TỔNG – Mày chạy ra gọi chúng nó đi sắp mǎng đón quan. Khi quan tới thì trình quan là tao đang bận bắt Việt Minh và mời quan vào đây nghe không?
- DÔNG II – Dạ!
Vào
- CHÁNH TỔNG – *Gọi to ra ngoài*
 Chúng mày đâu?
Các đồng thua bên ngoài:
 "Dạ"
- CHÁNH TỔNG – Chúng mày đi theo thằng Nho lên đầu xóm đón quan.
- CÁC DÔNG – Dạ!
- CHÁNH TỔNG – Hừ! – Mẹ cha mày! Mày tưởng mày đánh lừa được cả bố mày đấy hǎn.
- LÃO QUANG – Dạ! Thầy quả là người sáng suốt ạ.

1. *Sắp mǎng*: xếp hàng.

- CHÁNH TỔNG – Thôi bây giờ thì không còn thì giờ để nói chuyện nhiều nữa đâu. Nghe tao nhắc lại đây này: Khanh! Mày về thú và khai thằng Toàn ra thì sẽ được một nghìn đồng bạc với một tạ muối không thì về âm phủ.
- LÃO QUANG -- Thôi đừng trù trù nữa, anh ơi, một nghìn đồng bạc, lại một tạ muối nữa! Mỗi chén muối bây giờ những một hào bạc! Đi tìm đâu một lúc được ngần ấy của hả con ơi!
- CHÁNH TỔNG – Còn phần thuốc phiện của lão nữa.
- LÃO QUANG – Dạ, còn mười lạng thuốc nữa, mười lạng hút được nửa năm trời.
- CHÁNH TỔNG – Còn chân kỳ mục nữa.
- LÃO QUANG – Dạ. Anh Khanh ơi! Bà nó, tôi sẽ được làm kỳ mục! Bà không mừng à? Anh không vui à! Anh khai đi! Anh nghe thầy Chánh đi.
- KHANH – Hừ! Thế là đủ cả tiền bạc, thuốc sái, danh vọng nhỉ! Thật là khốn nạn cho mày quá!
- CHÁNH TỔNG – Khổ lắm, cứ ương gàn bướng hão mãi! Mày không ăn thì mày cho chúng tao ăn với chứ. Quan đã đến kia rồi! Về đi, khai chúng nó ra thì chúng mình đều có lợi, đều sung sướng cả. Tao cũng được mê đây! Kia bà Khanh bảo cháu đi, không thì nó chết đến nơi rồi!
- BÀ KHANH – Con ơi! Khổ tâm mẹ lắm!
- LÃO QUANG – Dượng xin con, dượng van con, con nói đi, con nhận với thầy Chánh đi!
- CHÁNH TỔNG – Kia ánh đuốc đã sáng cả đầu làng kia rồi!
- BÀ KHANH – Khanh ơi!
- KHANH – Mé cứ mặc con.
Có tiếng gà gáy xung quanh xóm.
- CHÁNH TỔNG – Khổ quá! *(Nhìn ra ngoài)*. Kia! Kia! Lão Quang, mày nhìn ra xem có phải không?
- LÃO QUANG – *Cũng ngó theo ra phía ngoài*
Dạ, phải ạ, đi theo quan đều là lính khố xanh.

- CHÁNH TỔNG – Đấy, mẹ con mày ra mà nhìn, mở mắt cho to xem quân nào kia.
Bà Khanh và Khanh cùng ngó ra, bà Khanh có vẻ hơi sợ hãi, Khanh vẫn bình tĩnh
- BÀ KHANH – Trời ơi chúng nó đến thật rồi, giăng ra đi con!
- CHÁNH TỔNG – Thế nào, mày điên rồi hay sao thế? Hay sợ quá mà câm rồi, khai đi chứ! (*Quay bảo lão Quang, bảo bà Khanh*). Kia đồ nó đi, để nó chết không thì uống quá!
- LÃO QUANG – Dượng van anh, dượng lạy anh, kìa mé nó, bảo con đi!
- BÀ KHANH – Con ơi làm thế nào bây giờ?
- KHANH – *Ngấm nghĩ*
 Mẹ để con khai.
- CHÁNH TỔNG – *Mừng rỡ.*
 Ô, thế thì tốt lắm.
Thêm bang tá và hai lính khố xanh
- CHÁNH TỔNG – Bẩm lạy quan lớn.
(Chào xong lui vào)
- BANG TÁ – *Bảo đông I*
 Cho mày xuống với chúng nó dưới kia! (*Đông lui. Hai lính khố xanh thay thế, một gác cửa, một đứng gần Bang tá*). Chánh tổng đâu?
- CHÁNH TỔNG – Dạ bẩm quan lớn, con đây ạ.
- BANG TÁ – Chánh Tam đấy hả?
- CHÁNH TỔNG – Dạ, bẩm phải. Chính con ạ.
- BANG TÁ – Đông của thầy lên xin quân về giúp thầy, quan đồn bận nên tôi về đây ngay. Tôi khen thầy làm việc quan đặc lực lắm. Đâu? Việt minh đâu? Đứa nào?
Bà Khanh lạy rồi rít, toan nói
- CHÁNH TỔNG – Im, con mẹ kia, để quan hỏi. Bẩm quan lớn nó đấy ạ!
(Chỉ vào Khanh)
- BANG TÁ – Tốt lắm! Thế những đứa này?
(Chỉ bà Khanh và lão Quang)
- LÃO QUANG – Dạ bẩm quan lớn, con là bố dượng nó còn đây là mẹ nó.

- BANG TÁ – *Gật gù*
 À... Thế thầy về bao vây làng mà sao lại gọi được nó về thú?
- CHÁNH TỔNG – Dạ bẩm quan lớn, bây giờ thật quả không dám giấu quan lớn. Con rình mò mấy tháng nay, mất ăn mất ngủ, vất vả lặn lội gần một năm giờ khuyên dỗ nó, hôm nay nó mới nghe đấy ạ.
- BANG TÁ – À nó nghe rồi à?
- CHÁNH TỔNG – Bẩm quan, vâng ạ!
- BANG TÁ – Thầy giỏi lắm.
- LÃO QUANG – Bẩm quan lớn, con cũng...
- CHÁNH TỔNG – *Dằng hắng át giọng*
 E hèm!
Lão Quang cụt hứng
- CHÁNH TỔNG – Bẩm quan lớn, con đang khuyên nó khai cả tên Toàn và bọn chúng nó ra ạ.
- BANG TÁ – Thế à? Thế thì thầy sẽ được hậu thưởng
- CHÁNH TỔNG – *Đưa khẩu súng lục của Khanh cho Bang tá*
 Bẩm quan lớn, đây là khẩu súng của tên Khanh ạ.
- BANG TÁ – Tốt! Đưa tôi! Còn giấy má gì nữa không? Không có truyền đơn à?
- CHÁNH TỔNG – Dạ, bẩm không còn gì ạ.
- BANG TÁ – Thế nó đã khai với thầy những gì rồi?
- CHÁNH TỔNG – Bẩm quan lớn nó chưa khai gì cả.
- BANG TÁ – Thật không?
- CHÁNH TỔNG – Dạ, bẩm nó gan lắm ạ.
- BANG TÁ – Tốt! Phen này thì nó sẽ phải khai. Nếu bắt được thằng Toán thì thầy Chánh nhất định được mề đầy.
- CHÁNH TỔNG – Dạ, dôi ơn quan lớn. Bẩm quan, con theo gót các quan, con cũng mong có ngày các quan thấy công lao của con. Lão Quang này cũng giúp đỡ con nhiều, và hiện nó đã nộp đơn lên châu xin quan chân kỳ mục đang khuyết đấy ạ.

- BANG TÁ – Được, tôi sẽ tư lên cụ Tuấn cho.
- LÃO QUANG – *Vái tận đất*
Dạ đội ơn quan lớn vạn bội ạ.
- BANG TÁ – *Chỉ vào mặt Chánh Tổng, thét lính*
Trối nó lại! (*Bỏ kính, bỏ khăn xếp, hiện ra khuôn mặt đồng chí Toàn cán bộ Việt Minh lãnh đạo đội Tuyên truyền giải phóng quân*). Nhưng Bác Quang này, bác chóng quên tôi quá!...
Hai lính khố xanh chìa súng về phía Chánh tổng và lão Quang thét:
"Tình chí"¹
- LÃO QUANG – *Run bắn người*
Giời ơi! Đồng chí Toàn!
- CHÁNH TỔNG – *Khuyu xuống sụp lạy*
Lạy các quan.
Vâng, Toàn đây bác ạ. (*Quay chào bà Khanh*). Chào bà.
- BÀ KHANH – *Cuống quýt*
Ồi! Đồng chí Toàn, sao đồng chí lại ăn mặc quần áo của chúng nó?
- TOÀN – Mặc quần áo của chúng nó để đi đánh chúng nó cho dễ, bác ạ. Chúng tôi đã đánh xong đồn Phai Khắt rồi.
- BÀ KHANH – Thế à đồng chí? Thế bọn quan, bọn lính đâu?
- TOÀN – Chúng nó theo mình hết rồi, cả lính cả quan đều xin hàng cả. Đồng chí Khanh làm thế nào để bắt nó được thế?
- KHANH – Tại lão này đây. Nó đi dẫn Chánh tổng về đây vây làng giữa lúc tôi vừa về tới nhà.
- TOÀN – Sao bác Quang lại thế? Năm ngoái, tôi dặn bác là nên giúp đỡ chúng tôi làm cách mạng mà sao bây giờ lại đi báo Chánh tổng về bắt cách mạng?
- LÃO QUANG – Dạ, xin đồng chí tha tội cho lão ngu dốt tối tăm không biết gì. Chánh tổng nó dỗ con.

1. *Tình chí*: đứng yên (tiếng Tây).

- BÀ KHANH – Chỉ biết thuốc phiện, biết tiền, biết muối, rõ dơ cái mặt!
- KHANH – Lại còn tấp tểnh định làm kỳ mục nữa đấy! (*Quay sang Chánh Tổng*). Còn thằng này! Mày đã thấy rõ ai mạnh ai yếu chưa? Những thằng Kinh, thằng Nùng, thằng Mán của mày đấy! (*Chỉ vào hai lính khố xanh*)
- CHÁNH TỔNG – Bẩm lay các ông, lay các quan, các quan tha tội cho con.
- KHANH – Châm rồi.
- CHÁNH TỔNG – Dạ, con biết tội...
- KHANH – Các quan mày binh hùng tướng mạnh, súng ống tối tân, mạnh sao bằng mọi người chúng tao, toàn dân Việt Nam cùng đứng lên đánh chúng mày!
- TOÀN – Các đồng chí, trối tên Chánh tổng rồi giải nó đi.
(*Chánh tổng, lão Quang, lay van rồi rít. Một lính khố xanh trối Chánh tổng lại*)
- LÍNH KHỐ XANH – Im! Đứng yên!
- TOÀN – *Nói với Khanh*
Chúng tôi vừa chuyển xong kho súng, đang thu dọn đồn, thì thấy đồng đến báo. Biết là đồng chí gặp nguy hiểm nên phải kéo về ngay.
- KHANH – Tôi vẫn bình tĩnh chờ các đồng chí về. (*Quay lại bà Khanh*). Mé hết lo rồi chứ?
- BÀ KHANH – Tôi sợ quá, đồng chí Toàn ạ. Tôi không hiểu ra sao cả, cứ tưởng phen này thì thằng Khanh chết mất thôi!
- TOÀN – Chết sao được, chúng tôi còn phải sống lâu để đuổi hết Tây hết Nhật đi rồi còn hưởng độc lập chứ! Phải không các đồng chí?
- HAI LÍNH KHỐ XANH – Phải.
- TOÀN – Còn bác Quang từ nay phải nhớ sửa đổi tính nết và cai dần thuốc phiện đi nhé. Chúng tôi không bắt bác đâu.

KHANH

– Đấy, người Kinh tốt hay xấu? Từ nay thì bỏ cái đầu óc bần thiú ấy đi, đừng có ghét Kinh, khinh Nùng, rẻ Mán nữa.

Tiếng gà còn gáy quanh làng. Trời ứng hồng.

MÀN HẠ

*Tuyển tập kịch Việt Bắc
Nxb Việt Bắc 1974*

Quách Ngọc Thiên *dân tộc Mường.*

TIẾNG CÔNG MẶT TRỜI

NHÂN VẬT

- VIỆT: Cán bộ Việt Minh, thầy giáo của Hòa
LANG: Lang cun một vùng
HÒA: Con gái Lang, học trò của Việt
MUÔNG: Người hầu của Lang
VŨN: Người hầu của Lang, người yêu của Muông
BỐ ÒN: Người Mường – Cán bộ Việt Minh
Những chiến sĩ
Kịch xảy ra tại nhà Lang, ở vùng Hòa Bình
Vào một buổi tối, thời kỳ sắp nổ ra Cách mạng Tháng Tám

CẢNH

Giữa sân khấu phía trong kê bộ sập để ngồi. Trên vách bên phải treo một thanh kiếm. Cạnh thanh kiếm treo một chiếc đèn đang cháy.

MÀN MỞ

Tùng hồi công từ bên trong nghe nặng nề, bức bối. Trên sân khấu Lang đi đi lại lại vẻ suy nghĩ. Một lúc Lang lại chỗ treo kiếm, lấy kiếm xuống, rút kiếm khỏi bao, nhìn chiếc kiếm chăm chăm. Lang treo vỏ kiếm lên rồi cầm kiếm nhẹ nhàng vào tay. Bỗng Lang quay vào trong nói như ra lệnh: "Thôi"! Tiếng công im bật.

Hòa vào

HÒA – Bố! Sao bố lại không cho nổi công nữa?

- LANG – (*Chống kiểm đi lại*). Việc vui để hôm khác.
- HÒA – Nhưng hôm nay là ngày làm xong nhà mới?
- LANG – Nhà mới! Cái việc còn to hơn nhà mới đã xong đâu.
- HÒA – Việc gì đấy bố?
- LANG – Mày hỏi thầy giáo mày ấy.
- HÒA – Thầy giáo của con?
- LANG – Ủ! Thầy giáo của mày (!). Thế nó dạy mày những gì?
- HÒA – Thầy chỉ dạy con học chữ.
- LANG – Thì tao ngày trước cũng tưởng thế mà, nên tao mới thuê nó từ xuôi lên dạy mày (*Thở dài*). Tao có biết đâu những chữ của nó như có bom nổ, phá hết quyền hành nhà lang ta.
- HÒA – Sao lại thế, bố?
- LANG – Hỏi cái đầu mày ấy! Hừ, tao mới nghe nói nó vẫn đi xuống các bản xúi dân nổi loạn.
- HÒA – (*Giật mình*). Loạn thế nào bố?
- LANG – Nó bảo dân không nghe lang, không nghe tao – không nghe mày.
- HÒA – Thầy chỉ bảo là phải yêu Mường, đừng để thằng Tây, thằng Nhật nó cướp hết. Thầy còn nói là phải giành độc lập cho Nước, cho Mường mà.
- LANG – Cho Nước là cả Nước, cho Mường là cả Mường, chứ có cho nhà mình đâu.
- HÒA – Cả Mường là có nhà lang ta chứ, bố?
- LANG – Tao biết mà, nó đã đưa nhiều chữ vào đầu mày, để cái chữ ấy thành cái bẫy bắt vào đầu bố mà.
- HÒA – Học chữ, đầu phải rộng, mắt phải sáng ra chứ bố!
- LANG – (*Về bực tức*). Sáng ra để đi với nó, để bỏ nhà, bỏ bố à?
- HÒA – Bố đừng nói lời độc lá ngón thế.
- LANG – Lời tao độc, còn lời nó ngọt? Chính cái lời ngọt của nó mới làm dân ghét lang, bỏ việc nhà lang, không ai muốn đến hầu nhà lang nữa. Nó bảo dân theo Việt Minh, chính là để làm cái việc loạn ấy.

- HÒA – Lang hay dân mà Việt Minh nói lời phải, là đánh thằng Tây, thằng Nhật thì mình cũng nên theo đánh đến cuối cùng để giành độc lập cho Nước, cho Mường bố à!
- LANG – Lời con trẻ dại lắm. Tao chỉ biết: Lang như cái cây, cây muốn sống, phải có dân làm đất, nghe chưa! Không có bọn dân thì ai là người hầu mày, ai là người đi cấy ruộng nhà lang, ai là người đến làm cái cửa, cái nhà cho lang? Tao là một cái cây to, tao xòe lá đến đâu là chiếm được đất đến đấy. Nên tao nghĩ phải giữ lấy cái đất riêng của mình, nghe chưa?
- HÒA – Nhưng đất riêng của bố có còn nữa đâu? Thằng Tây, thằng Nhật nó đến bắt dân Mường mình đi lính, đi làm đường to cho nó, nó bắt nộp trâu, nộp lúa cho nó, bố có giữ được đâu. Nó đến, nó giết người Mường mình, bố có nói được đâu? Đến cả mẹ, nó đòi bố phải để mẹ tiếp nó, bố cũng cho. (*Uất ức*). Thằng Tây, thằng Nhật ác như con hổ, con loài thế, bố lại quý nó à?
- LANG – (Thở dài). Nhưng Tây, Nhật còn mạnh, nó lại có tiền nhiều; còn theo Việt Minh có cái gì? Việt Minh là của dân nghèo thôi. Mình theo Việt Minh không được cái gì, lại còn mất thêm, mất hết. Con phải nghe lời của bố, nghe ý bố.
- HÒA – Lời bố, ý bố thế nào?
- LANG – (Cười gằn). Ta làm con dao như dao của thằng Tây có hai lưỡi. Cắt bên nào cũng được; đứa nào cầm tay không khéo cũng chảy máu. (*Cười to*). Thằng Việt mà là Việt Minh, bảo dân nổi loạn, thì ngày mai nó không còn thấy ông mặt trời trên đất của ta (*cười to*).
- HÒA – Bố! Bố đừng làm thế! Bố làm thế người ta bảo bố ác, Việt Minh sẽ về hỏi tội đấy.
- LANG – Hừ! Không ác thì làm gì có lang? Việt Minh à? Ừ, Việt Minh... Được, tao có cách làm cho Việt Minh có biết cũng không thể đổ tại tao.
- HÒA – (*Hoảng hốt*). Cách gì đấy bố?
- LANG – Mày biết để làm gì? Chúng nó sẽ giết lẫn nhau. Việt Minh mà tới đây, ta vẫn có công, tao không nuôi nó là gì!

- HÒA – Bố đừng làm thế!
- LANG – Tao cầm mày nói với nó. (*Móc trong túi lấy ra chuỗi giây hạt quý có vàng, có ngọc óng ánh, tung trên tay*). Đây là của quý của nhà ta; nhiều đứa đã định cướp đồng họ này, cướp của quý này nhưng nó đã đại dột đưa cổ để tao chặt, đưa thêm của để tao làm đồ chơi. (*Đưa chuỗi giây hạt quý cho Hòa*)
- HÒA – Bố cho con à? (*Đeo vào cổ ngắm thử*)
- LANG – Bố cho con, nhưng con phải giữ nó như giữ dòng giống của nhà ta. Bữa cơm tối nay con phải cùng bố bảo thằng giáo Việt phải yêu Lang, ở đây với Lang, nếu không thì nó sẽ như những đứa khác, không thấy ông mặt trời nữa. (*Quay vào gọi*). Muồng đâu?

Muồng vào

- MUỒNG – (*Khúm núm, quỳ*). Bẩm Lang, Lang gọi con có việc gì sai bảo ạ?
- LANG – Ù! Mày lo cái ấy cho tao. Lúc nào tao gọi thì mang đến!
- MUỒNG – Bẩm Lang, con xin nghe lời phán bảo của Lang.
- LANG – Thôi, đi lo việc cơm rượu buổi tối. (*Muồng lạy xong đứng dậy đi ra. Lang quay về phía Hòa*). Cả con nữa vào bảo chúng nó làm cở nhanh đi.
(*Hòa vào. Lang vung kiếm đi lại trên sân khấu rồi nhìn chiếc kiếm cười chua chát và như muốn tâm sự với chiếc kiếm*): "Lúc nào cần đến mày là lúc ấy mày lại được nhuộm đỏ máu người. Nhưng lần này không phải tay tao cầm mày, mà là tay của chúng nó" (*Cười gằn*)

Việt vào

- VIỆT – Kính chào quan Lang.
- LANG – (*Chống kiếm*). Chào thầy giáo "tài giỏi" đã về!
- VIỆT – Lang cũng là người thạo cung kiếm của nhà võ?
- LANG – Thấy quá khen đấy. Tôi chỉ ngó lại xem nó có bị con nhện làm nhà cửa vào nó không thôi.

Hòa vào

- HÒA – Bố à, bọn hầu lo việc cơm rượu chậm quá. (*Quay sang Việt*). Thầy giáo đã về?
- VIỆT – Tôi vừa về nàng Hòa à!
- LANG – Chúng nó làm lâu à? Thầy ở đây nói chuyện với nàng Hòa để tôi vào bảo lũ nó làm nhanh lên mới được. (*Lang cầm kiếm đến chỗ treo tra kiếm vào vỏ, treo kiếm vào chỗ cũ rồi đi ra*)
- HÒA – (*Lúng túng*). Thầy giáo à...!
- VIỆT – Sao Hòa gọi tôi lạ thế? Có chuyện gì vậy?
- HÒA – Nếu phải xa thầy... em nhớ lắm...
- VIỆT – Hòa có ý nghĩ ấy từ bao giờ?
- HÒA – Ngay chiều nay thôi.
- VIỆT – Hòa không muốn học chữ nữa à?
- HÒA – Em muốn học, em muốn... Thầy mãi mãi ở đây để... dạy em... Nhưng mà...
- VIỆT – Nhưng mà sao vậy Hòa?
- HÒA – (*Buồn*). Thầy đã dạy em biết chữ, từ chữ em biết yêu con suối, yêu trái núi, yêu ruộng lúa của Mường, yêu dân mình còn khổ...
- VIỆT – Hòa vẫn nói, vẫn nhắc với tôi như thế rồi mà.
- HÒA – Em muốn nói lại để thầy biết lòng em, đầu em vẫn như con suối chảy một dòng trong đầu thầy nghĩ ấy.
- VIỆT – Tôi vẫn tin Hòa chứ có nghĩ khác đi đâu.
- HÒA – Nhưng có lúc nào thầy không tin em không?
- VIỆT – Cái đó còn chờ ở việc làm của Hòa. Bây giờ thì Hòa không muốn tôi là thầy giáo của Hòa nữa phải không?
- HÒA – Đấy, thầy vẫn chưa tin em mà. (*Lấy chuỗi hạt quý*). Thầy giữ lấy nó để nếu thầy có xa em, thầy hãy nhớ em, nhớ Mường, về tìm em. (*Trao chuỗi hạt cho Việt*)
- VIỆT – (*Cầm chuỗi giây hạt quý ngắm*). Có ngọc, có vàng thế này, Hòa giữ lấy, tôi không nhận đâu.

- HÒA – Thầy không nhận là thầy... (*Muốn khóc*). Không thì thầy cho em đi với thầy. Em không muốn ở trong nhà này như ở trong cái cũi, cái lồng nữa.
- VIỆT – Đi đâu bây giờ? Hòa đã nói có việc gì xảy ra đâu?
- HÒA – Thầy không nhận chuỗi giây hạt em không nói.
- VIỆT – Thôi được, tôi xin cầm giữ giúp Hòa, nhưng có việc gì xảy đến không vui thế Hòa ơi?
- HÒA – Em yêu chữ, em yêu cả... Vâng thầy, em như ở trong đêm, như không nghe tiếng suối hát, không được nhìn ông mặt trời mặc áo hồng trên núi...
- VIỆT – (*Cảm động cầm tay Hòa*). Nhưng có điều gì Hòa chưa muốn nói?
- HÒA – Thầy hãy nói lòng của thầy với em đi đã.
- VIỆT – Tôi... (*Bối rối*). Tôi... nhưng phải chờ cách mạng thành công đã, tôi mới nói được.
- HÒA – Em đợi thầy mà (*Bước sát lại Việt, vui sướng*)
- VIỆT – Đợi cách mạng thành công Hòa nhé! Nào Hòa nói có việc gì đi!
- HÒA – Bố em... Bố em biết thầy là Việt Minh, bố em có ý xấu.
- VIỆT – Thật vậy à Hòa?
- HÒA – (*Nức nở*). Vâng! Thầy đi đi. Thầy xa em, rồi thầy tìm ngày về với em. Tối nay bố em... Nếu mà thầy không... đi thì... (*Bật khóc*)...
- VIỆT – Nín đi, Hòa đừng yếu đuối thế! Chẳng có việc gì đáng sợ cả, Hòa đừng lo.
- HÒA – Không mà! Bố em có bọn Mường, bọn hâu khác nữa, chúng kèm thầy kỹ lắm rồi đấy.
- VIỆT – Không sao. Dù bố Hòa có ý xấu cũng không thể có hành động lộ liễu như trước đây được. Tôi chẳng phải đi đâu cả. Nếu tôi đi, Lang sẽ có có nói xấu, sẽ làm hại anh em cán bộ Việt Minh.
- HÒA – Dầu của thầy sao mà rộng thế. Rộng hơn cánh đồng của Mường. Em chỉ như ngọn gió bay lượn được ở trong cánh

đồng ấy thôi. Nhưng thầy cứ giữ lấy chuổi giầy hạt ấy. Nó là của em, là em... em mãi mãi ở bên thầy.

VIỆT – Trong chuổi giầy hạt quý ấy có hạt đẹp như lòng Hoa, nhưng chắc có hạt được đem về bằng tội lỗi.

HÒA – Sao lại thế thầy ơi?

VIỆT – Sự giàu sang và quyền lực của lang đều có tội lỗi, gian ác. Nhưng những gì là của nhân dân rồi nó lại trở về với nhân dân cả thôi Hoa ạ!

HÒA – Thầy lại nhắc lại lời thầy giảng cho em hôm nào rồi. Em vẫn nhớ mà. *(Âu yếm nhìn Việt)*

Bố Òn vào

BỐ ÒN – *(Nghĩ ngại nửa muốn đi ra, nửa muốn vào, rồi mạnh dạn đi vào)*

Chào ả nàng, chào thầy giáo!

Hòa, Việt bối rối

VIỆT – Chào bố!

HÒA – Bố có việc gì tìm Lang à?

BỐ ÒN – Không tìm Lang đâu, ả nàng à! Tôi đến chào ả nàng, chào thầy giáo để về nhà. Tôi đã làm xong nhà mới cho Lang, tôi muốn xin thầy giáo ít chữ về học.

VIỆT – Bố muốn xin chữ ngay à?

BỐ ÒN – *Vâng (Lại gần Việt. Hòa ra)*

VIỆT – Bố! Tôi đang nghĩ cách để ra gặp bố. Thế mà bố đã vào được đây.

BỐ ÒN – Vào được đây nhưng thấy việc hỏng mất rồi.

VIỆT – Sao vậy bố? Thế thì kế hoạch của ta bị nhờ hết cả à?

BỐ ÒN – Không phải thế. Dân bản bây giờ ai cũng muốn làm con nước lũ đầu nguồn dâng cao ấy.

VIỆT – Thế thì tốt rồi, ta sẽ cùng với lực lượng vũ trang chiếm châu ly, sau đó tiến qua đây ra giành chính quyền ở thị xã.

BỐ ÒN – Bọn lang đạo phản động, bọn giặc Nhật sẽ được một trận lũ của nhân dân thôi. Nhưng mà...

- VIỆT – Còn gì khó khăn nữa, bố?
- BỐ ỒN – Lời ngọt như mía nướng chính là cái bẫy. Ăn phải nó, chẳng còn đi được đâu.
- VIỆT – Tôi chưa hiểu. Bố nói gì?
- BỐ ỒN – Đồng chí việc gì cũng sáng, mà việc này tối đầu thế. Tim của đồng chí có còn ở chỗ ngực nữa không, hay đã rơi vào tay nàng Hòa như quả còn rơi?
- VIỆT – Ôi, bố! Tôi có điều gì sai bố cứ chỉ bảo (*Muốn ôm lấy bố Ồn*). Bố nói thế làm tôi lo quá.
- BỐ ỒN – Lo chú! Muồng mất đồng chí như mất con tim, con mắt ấy.
- VIỆT – Bố à! Những mũi tên độc ác của kẻ thù hướng vào mình không sợ bằng những mũi tên hiểu lầm của đồng chí, bè bạn hướng vào mình đâu. Tôi có gì sai, xin bố cứ nói. Chỉ xin bố đừng hiểu lầm.
- BỐ ỒN – Lo cho đồng chí là tôi lo cho Muồng mà.
- VIỆT – Nhiệm vụ cấp trên giao là phải tranh thủ những người tích cực trong nhà Lang để nắm Lang, bố à!
- BỐ ỒN – (*Cười*). Thật không?
- VIỆT – Thật đấy bố ạ! Nàng Hòa còn cho tôi biết: Tối nay Lang có ý hại tôi, nếu tôi không nghe lời của nó.
- BỐ ỒN – Thế thì đúng đấy. Đồng chí phải chuyển ngay đi thôi.
- VIỆT – Nhưng như vậy ta sẽ không tìm hiểu hết được ý đồ của Lang. Và nếu tôi đi Lang biết sẽ tập hợp lực lượng phản động đối phó.
- BỐ ỒN – Thế thì tôi ở lại với đồng chí.
- VIỆT – Bố phải về để cùng các đồng chí ở nhà tổ chức lực lượng chứ!
- BỐ ỒN – Còn đồng chí?
- VIỆT – Tôi sẽ tùy tình hình diễn biến để đối phó. Tôi tin nàng Hòa.
- BỐ ỒN – Có tin được không?
- VIỆT – (*Lấy ra, chuỗi dây hạt quý đưa cho bố Ồn xem*). Đây, nàng Hòa đưa cả cho tôi cái này để tỏ lòng tin cơ mà, bố.
- BỐ ỒN – (*Cầm xem, ngơ ngàng khi trông thấy hạt ngọc*). Ôi trời!... (*lặng đi*). Người chết đang nhìn tôi nay...

- VIỆT – Có gì trong chuỗi hạt thế bố?
- BỐ ÒN – Cái hạt ngọc quý của bạn tôi đây rồi.
- VIỆT – Bạn nào?
- BỐ ÒN – Bạn tôi mà! Bạn tôi đi suốt lấy được hạt ngọc này đây. Thằng Lang nó biết, nó giết bạn tôi để cướp lấy.
- VIỆT – Thật vậy à bố?
- BỐ ÒN – Tôi có biết nói sai đâu. Tôi đến thì nó đã chém bạn tôi gần chết. Bạn tôi chỉ còn kịp chỉ vào nơi treo con dao nhọn có nắm bằng sừng hươu bảo: trả thù... cho... tao!...
- VIỆT – *(Xúc động, lặng lúc lâu)*. Bố ơi, thế còn vợ con bố ấy?
- BỐ ÒN – Vợ bạn tôi nó bắt uống lá ngón chết. Còn thằng con...*(buồn)*, giờ nó như con khỉ độc lạc đàn rồi.
- VIỆT – Ai vậy bố?
- BỐ ÒN – Muồng, thằng Muồng đó. Lang đưa nó về nuôi từ lúc tuổi nó chưa tới ông trăng tròn.
(Muồng vào đột ngột, Việt vội cầm chuỗi hạt từ tay bố Òn gói lại bỏ vào túi)
- MUỒNG – Bố già kia! Cái chân mày không sợ Lang chặt hay sao mà mày dám vào đây? *(Xông lại kéo tay bố Òn)*
- VIỆT – Bố Òn làm việc xong cho Lang, vào đây xin cho tôi vài chữ rồi về ngay thôi, anh Muồng à!
- MUỒNG – Ở đây là nơi Lang để khách quý đến. Thầy làm thế Lang không bằng lòng đâu. *(Quay sang bố Òn)*. Mày về đi! Lang ra thì đầu mày được lăn như củ chuối ấy. *(Muồng ra)*
- BỐ ÒN – Những hạt com thừa của Lang làm tối mắt, tối đầu của nó rồi.
- VIỆT – Lang làm cả Muồng tối thì đầu nó sáng làm sao được. Ta phải làm cho Muồng sáng ra như lúc mặt trời mọc thì đầu nó mới sáng ra được bố ạ!
- BỐ ÒN – Phải. Thôi, tôi về đây, đồng chí còn dặn gì thêm không?
- VIỆT – Tình hình đến rồi đấy. *(Ghé vào tai bố Òn nói nhỏ)*. Đó là nhiệm vụ đấy bố ạ! Nếu cần bố gửi cái ấy ngay nhé!

BỐ ỒN – Tôi nghe lời đồng chí (*Bố Ồn bồng sò vào ngực Việt*). Tìm đồng chí còn ở đây không? (*Ghé tai vào ngực Việt*). Còn. Cứ đập ở đây mãi nhá

VIỆT – Vâng! Con sẽ không để tim con bay lên trời đâu, bố ạ. (*Bố Ồn đi Việt nhìn theo, nói một mình*). Một mạch nước ngầm của Mường đang được khơi chảy, nó làm tung những tảng đá của chế độ lang đạo phong kiến.

(*Lang, Hòa vào*)

LANG – Nào, mời thầy vui rượu với tôi.
(*Vũn bung cổ có rượu, các đồ ăn và 5 cái cốc ở trong khay ra, để ở giường phản, Vũn quỳ thưa*)

VŨN – Bấm Lang, bấm ả nàng, bấm thầy giáo! Con đã dọn xong com rượu, mời Lang, mời ả nàng, mời thầy giáo uống rượu, ăn com (*Đứng dậy lùi vào bên sân khấu như chờ lệnh*)

LANG – Nào! (*Chỉ tay lên mâm cỗ*). Mời thầy lên vui rượu.
(*Lang, Việt ngồi đối diện phía trên. Canh Việt phía ngoài, Hòa ngồi*)

VIỆT – Hôm nay Lang có việc vui nên làm cỗ?

LANG – Mừng nhà mới, mừng thầy dạy chữ đã nên cho nàng Hòa, nên tôi có ít rượu mời thầy cùng vui mà. (*Nhìn Vũn ra hiệu. Cuộc ăn uống bắt đầu. Vũn nhẹ nhàng cầm khay đựng cốc múa "mừng rượu". Nhạc công nổi lên làm nền cho điệu múa. Vũn múa và rót rượu vào cốc đưa cho Hòa. Hòa đỡ khay rượu ngang mặt mời*)

HÒA – Con mời bố uống rượu. Em mời thầy uống rượu.
(*Vũn trao khay rượu cho Hòa, múa sang bài "Múa hoa"*)

LANG – (*Cầm cốc*). Nào! Mời thầy! (*uống*)

VIỆT – (*Cầm cốc*). Kính mời Lang! (*uống*)

LANG – (*Chỉ Vũn đang múa*). Thầy đi nhiều, biết lắm, nhưng đã được hái, được nhởi với những bông hoa này chưa? Đẹp chứ thầy?

VIỆT – Thưa Lang, hoa này đẹp nhưng cố nén buồn vì nỗi lo chưa nở đã tàn trên vùng đất còn khắc nghiệt.

- LANG – Hà hà... Ý tứ mọc cả trong lời của thầy (*Cắm cốc*). Mời thầy. (*Uống*).
- VIỆT – Xin mời Lang (*Uống*)
- LANG – Thầy mà ở đây với tôi mãi mãi thì dòng họ nhà này càng được thêm cành thêm lá. (*Gio tay khoa một vòng*). Nó sẽ vươn ra khắp đất Mường. Các Lang em Mường khác sẽ phải quy phục quay về đây hết.
- VIỆT – On lời mời của Lang, nhưng cái ý của tôi lại do ý dân, ý nước định ra.
- LANG – Ý của mình cả mới sướng. Tôi mới có tay khỏe, cái đầu biết nghĩ điều sâu nhưng đầu thầy còn rộng hơn vì đầu thầy nhiều chữ. Thầy ở lại với tôi (*chỉ Hòa*) với nó. Ta mở đất riêng, rộng con chim bay phải mổi, con ngựa đi phải nhọc. Ta có mường dân hầu hạ. Thế có sướng không? Thầy muốn cái gì cũng có. (*Nhìn Hòa*). Con muốn thầy giáo ở lại không?
- HÒA – Con muốn, nhưng mà...
- VIỆT – Nàng Hòa "nhưng mà" là muốn Lang có ý nghĩ như nàng Hòa đấy.
- LANG – Làm gì có nhiều ý nghĩ thế? Ý Lang là ý dân, ý nó rồi.
- VIỆT – Ý Lang là ý riêng. Ý riêng khôn ngoan là biết theo thời thế!
- LANG – Hú! Thời thế. Tôi tạo ra nó mà.
- VIỆT – Thời thế như dòng thác. Nếu ai cố tình làm ngược thì nó bị cuốn.
- LANG – Cái lý của thầy như trái núi trước mặt tôi. Nhưng thầy xem, ở đây nhiều núi mà tôi cứ đi, cứ qua được hết đấy. Mường này, dân này vẫn là của tôi cả thôi.
- VIỆT – Người ta có thể vượt qua được nhiều ngọn núi, nhưng người ta không thể vượt qua được nhiều cái đầu của những con người có lý trí (*lắc đầu*). Lang không vượt qua được nhiều cái đầu đâu.
- LANG – Thầy thích cái lý cứng lắm. Có lẽ thầy xem múa kiếm hay hơn.

- VIỆT – Múa kiếm đẹp và vui đấy. Bọn Nhật cũng thường khoe giỏi kiếm mà đã thua Liên Xô rồi.
- LANG – *(Cười guơng)*. Hà hà... Thầy nói xa quá! Tôi chỉ bảo múa vui ở đây để thầy xem thôi mà. *(Quay vào gọi)*. Muồng! *(Muồng ra quỳ lạy)*. Mày múa kiếm cho thầy giáo xem. *(Muồng lạy Lang rồi đến chỗ treo kiếm, rút kiếm khỏi vỏ, vung kiếm múa. Điệu múa của Vủn như bướm lượn, hoa nở, gây một cảm giác hỗn nhiên, tươi mát khác hẳn với điệu múa kiếm của Muồng khỏe, xông xáo như hổ sắp vào mồi. Hai điệu múa trái ngược nhau đan đi đan lại trong tiếng công trầm lắng)*
- VIỆT – Lang có được thú vui lạ đấy *(Chỉ vào Muồng đang múa)*. Nhưng cái tay vung kiếm thế kia thì đối phương sẽ tóm được kiếm và bẻ quặt cánh tay ra sau mất.
- LANG – *(Bối rối)*. Thầy cũng biết kiếm à?
- VIỆT – Biết một đôi đường để thưởng thức thôi Lang à.
- LANG – Thầy lại thạo cả võ nữa? *(Giơ cánh tay lên)*. Cánh tay của tôi cũng biết múa. *(Chỉ Muồng)*. Tay nó cũng biết múa. Thế là bốn cái tay biết múa thì không ai bẻ tay, bắt kiếm được.
- VIỆT – Kiếm có được ở tay nhiều người, nhưng nó sẽ hết tác dụng khi chủ nó bất lực.
- LANG – Nhưng bây giờ tôi còn nguyên bốn cái tay biết múa kiếm, hà hà.. *(Chỉ Muồng, Vủn)*. Nào các con lại đây *(Vủn, Muồng đến quỳ lạy. Lang tự tay lấy chai rượu rót vào hai cốc rồi đưa cho Muồng và Vủn)*. Các con đã làm đẹp mắt ta, bây giờ uống đi. Rồi chúng mày được uống với nhau như chim có đôi. *(Muồng, Vủn đỡ cốc rượu, lạy Lang rồi uống, uống xong rồi lại lạy. Lang cười gật đầu)*. Thôi thằng Muồng đã xong việc. *(Muồng đứng lên đến chỗ treo kiếm, tra kiếm vào vỏ, treo vào chỗ cũ, đi ra. Vủn đứng về một góc)*
- VIỆT – Lòng Lang đúng là sâu hơn cái hang trong núi.
- LANG – Thế mà thầy cũng dò thấy con vệt sâu của lòng tôi rồi. Lòng thầy như dây bò trong rừng rậm, lúc bò lên cành, lúc lại nấp trong lá, chỉ thấy ngọn, chẳng thấy gốc ở đâu.

- VIỆT – Tôi muốn nói ngay cái gốc ấy với Lang.
- LANG – Ủi chà! Thế thì tốt quá.
- VIỆT – Tôi muốn Lang ủng hộ Việt Minh.
- LANG – Việt Minh... Việt Minh à? *(Bối rối)*.
- VIỆT – Vâng! Việt Minh muốn Lang ủng hộ.
- LANG – Việt Minh... Việt Minh... tôi có nghe nói, cứ tưởng Việt Minh thế nào chứ lại ngay là thầy à?
- VIỆT – Việt Minh có phải là thần thánh đâu. Việt Minh là những người yêu nước cả thôi.
- LANG – Thầy còn trẻ mà đã là Việt Minh thì tài quá. Việt Minh muốn đánh Tây, đánh Nhật nhưng chúng nó có nhiều súng, khó đánh lắm đấy.
- VIỆT – Mọi người cùng một lòng, cả nước vùng lên thì nhất định thắng Tây, thắng Nhật phải thua.
- LANG – Thế Việt Minh bây giờ cần những gì?
- VIỆT – Lang mà đi với Việt Minh thì tốt nhất, nếu không, Lang giúp Việt Minh của cải, hay vùng đất trong núi để tập luyện cũng được.
- LANG – *(Cầm cốc)*. Nào mời thầy uống đã! Đừng mãi bàn việc lớn mà quên mất rượu. Mời thầy! *(Uống cạn cốc)*.
- VIỆT – *(Rót một cốc mời Hòa)*. Nào mời nàng Hòa cùng vui chuyện. *(Hòa rót một cốc khác mời Việt)*.
- HÒA – Em mời thầy giáo.
- LANG – *(Nhìn Việt và Hòa cười ranh mãnh, quay vào trong gọi)* Muồng đâu? *(Muồng vào đem theo quả mìn, quỳ lạy đưa Lang)*
- VIỆT – *(Hỏi bối rối một chút)*. Chắc là Lang đem mìn biếu Việt Minh?
- LANG – *(Cười)*. Hơ hơ... Tôi sẽ đốt quả mìn này. Nếu nó nổ tức là trời không cho ta đánh Tây, đánh Nhật. Còn nếu nó không nổ thì trời cho rồi đấy, thầy giáo ạ! *(Lang đặt quả mìn ở giữa mâm, bật lửa châm vào giây mìn. Khói mìn bay mù mịt. Vùn, Muồng, Hòa sợ hãi bỏ chạy. Việt hồi hộp chăm chú theo dõi cử chỉ của Lang. Lang vờ đứng dậy định đi)*

- VIỆT – *(Đã bình tĩnh trở lại)*. Mời Lang ở lại đây với tôi? Mìn không nổ đâu?
- LANG – *(Chột dạ)*. Thầy biết được cả trong lòng trái mìn không nổ à?
- VIỆT – Nhìn mắt Lang, tôi biết.
- LANG – *(Cuời về khoai trá một cách gương gạo)*. Ha ha... Thầy thật là giỏi. Cán bộ Việt Minh thật là giỏi. Được, ngày mai tôi cho thầy trâu, bò, lợn, gà, gạo để cùng với dân vào rừng tập luyện. *(Lại cuời lớn)*
- VIỆT – Lòng Lang như lời Lang nói thì Việt Minh nhớ mãi đấy.
- LANG – Nào, ta lại vui rượu mừng lòng vàng gặp nhau đi. *(Cầm cốc uống)*
- (Vũn, Hòa vào tiếp tục cuộc vui rượu)*
- VIỆT – Xin mời Lang. *(Uống)*
- LANG – Nhưng còn việc này nữa tôi mới tin thầy.
- VIỆT – Việc gì Lang cứ bảo.
- LANG – *(Giọng say)*. Tôi quý thầy mà không có gì để nói rõ lòng tôi. *(Gật gù chỉ Vũn)*. Kia, nó kia, cái hoa đẹp kia, tối nay thầy được hái, thầy được nhởi. Vui lắm đó, thầy giáo à. Đất lạ dâng hoa lạ mà...
- VIỆT – *(Giọng vờ say)*. Bây giờ tôi nhìn hoa nào cũng đẹp... hoa nào cũng không đẹp. Lang để cho khi khác thôi.
- LANG – *(Gật gù)*. Thầy say men rồi! Đã bảo là lòng quý của tôi thì thầy đừng chối mà. Say ư men, lại say ư tình mới thật ư là say... chứ thầy!
- VIỆT – *(Vờ say)*. Ôi... cái nhà Lang đang quay, cái ngọn đèn đang múa... *(Từ từ nằm xuống)*
- HÒA – *(Hốt hoảng)*. Ôi, thầy giáo.
- LANG – Không sao cả đâu. Nó say rồi nó tỉnh thôi mà.
- HÒA – *(Cầm tay Việt lắc lắc)*. Thầy giáo! Thầy giáo ơi!
- LANG – Nàng Hòa vào lấy nước ra đây, con Vũn dọn mâm đi. *(Hòa, Vũn bê mâm ra)*

- LANG – *(Lay lay Việt vẫn không thấy Việt động dậy). Mày muốn chết à? Được. Nhưng để lúc khác. (Đứng lên chỉ vào Việt). Mày không muốn ở với tao sung sướng, mày không muốn gái đẹp. Gan mày to, mày không sợ kiếm, không sợ mìn nổ. Thì mày cũng đã sợ rượu nhà tao rồi. Nó làm gan to của mày mềm nhũn lại rồi. Mày muốn tao cho trâu bò, lợn, gà à? (Đá vào Việt). Rồi thằng Muồng sẽ giết mày. (Ngừng một lát). Nó giết mày xong, tao lại báo Việt Minh về giết nó. Thế là xong cả. Tao để thằng Muồng ở bên tao lâu rồi, nó biết chuyện cũ mất thôi. Nó sẽ với mày hại tao à? Hừ! Chúng mày cùng phải chết chứ. Chỉ có tao, chỉ có tao, chính quan lang xứ Muồng này là còn. Ha ha... (Hòa, Vùn vào. Vùn bê theo chậu nước. Hòa lau mặt cho Việt, Vùn bôi vôi vào chân Việt)*
- LANG – Vùn?!
- VÙN – *(Vội quỳ)*. Bẩm Lang, con xin nghe lời Lang.
- LANG – Tội nay mày ở đây, lúc nào thấy giáo hết say mày làm nạng hầu tiếp nó nghe chưa?
- VÙN – *(Run sợ)*. Bẩm Lang, con xin nghe lời Lang.
- HÒA – Bớ đừng làm thế! Lệ của Muồng có tiếp khách bằng nạng hầu đâu?
- LANG – Mày im đi. Bây giờ tao muốn thì tao làm. Mày đi đi. *(Hòa ra, Lang quay sang Vùn)*. Mày nhớ chưa?
- VÙN – Bẩm Lang, con đã nhớ.
- LANG – Không nghe lời tao, tao chém đầu. Đến ngồi bên nó đi. *(Vùn run, lập cập đến ngồi bên Việt)*
(Lang ra. Việt từ từ mở mắt nhìn quanh rồi ngồi dậy. Vùn giật mình run sợ)
- VIỆT – Vùn ở đây lâu chưa?
- VÙN – (!?)... *(Không nói nổi)*
- VIỆT – Tôi vờ say thôi mà đừng sợ.
- VÙN – Em lay thầy, thầy tha cho em. *(Lùi dần)*
- VIỆT – Vùn sợ tôi à? Tôi có làm gì hại Vùn đâu?
- VÙN – Lay thầy, lay quan Việt Minh tha cho em *(Lùi)*

- VIỆT - Vùn có tội gì mà tha? Tôi cũng không phải là "quan", tôi muốn Vùn giúp mà (*Đến bên Vùn*)
- VÙN - (*Quỳ lạy*). Em lạy thầy... em sắp lấy chồng. Chồng em biết thì em chết.
- VIỆT - À! Tôi hiểu rồi. Nàng hầu tiếp khách là... Thế đấy, Vùn đứng lên đi, đừng sợ, tôi không làm ác như Vùn nghĩ đâu. Vùn đứng lên đi.
- VÙN - (Đúng đây vẫn còn run). Thầy tha cho em.
- VIỆT - Tôi không như bọn quan Tây, quan Nhật đâu. Vùn đừng sợ, tôi không động đến Vùn đâu mà
- VÙN - Thầy không như quan Tây, quan Nhật thật à?
- VIỆT - Đúng thế, Vùn ạ! Bọn Tây, bọn Nhật, bọn Lang xấu muốn chúng ta làm những việc nhục nhã để hiểu lầm, giết hại lẫn nhau đấy.
- VÙN - (*Vui lên*). Lúc thầy say, em tưởng thầy chết.
- VIỆT - Chết thế nào được, Vùn. Tôi phải vờ say để nghe hết lời độc ác từ lòng dạ thật của Lang.
- VÙN - Sao thầy không đi dạy ở đâu mà thầy đến đây cho khổ thế?
- VIỆT - Vì cách mạng, vì nhân dân, vì những người còn khổ nên tôi đến đây. Vùn sống làm thú vui cho cái bụng phệ nò nê của chúng nó. Còn Vùn thì vẫn cam chịu để cái bụng lép kẹp. Có phải đến giờ Vùn vẫn chưa ăn không?
- VÙN - Vâng thầy bảo còn vì cả em nữa à?
- VIỆT - Đúng đấy! Thế Vùn có thương Việt Minh không?
- VÙN - Thế thì em thương Việt Minh, thương thầy chứ!
- VIỆT - Vùn có giúp Việt Minh được không?
- VÙN - Thầy cần em giúp việc gì?
- VIỆT - Ngay bây giờ Vùn đến nhà bố Òn nói với bố ấy là: "Tiếng công... mặt trời". Rồi Vùn bảo bố cho tôi mượn con dao nhọn có nắm bằng sừng hươu.
- VÙN - Em xin mang lời thầy đi ngay.

(*Vùn ra, Hòa vào*)

- HÒA - (*Về bọc dục*). Thầy Việt!

- VIỆT – Gì đấy Hòa?
- HÒA – Lời thầy nhiều như rừng, lời thầy hay như tiếng suối. Nhưng bây giờ cũng không ở lại trong đầu em tý nào nữa.
- VIỆT – Kia! Hòa nói gì lạ thế?
- HÒA – Thầy nói dối. Lòng thầy như cái lá lật đi lật lại trước gió rồi.
- VIỆT – Tôi không hiểu Hòa nói gì! Cái gió và cái lá nào thế?
- HÒA – Cái gió của con Vùn. Thầy nói thầy dối, thầy yêu em, thế mà thầy... (*Uất ức muốn khóc*)
- VIỆT – A! (*Như sực nhớ*). Đây là ý xấu của bố Hòa xếp đặt. Những con người sợ mất lòng tin thì bao giờ cũng mất lòng tin trước. Hòa cũng thế à?
- HÒA – Miệng thầy nói hay, lòng thầy ở khác. Thầy không đáng giữ chuỗi hạt quý nữa.
- VIỆT – Tôi có cần gì của ấy. Nhưng tôi muốn giữ nó để làm một bằng chứng.
- HÒA – Thầy đưa nó đây. Thầy dối em, lừa em thì thầy gặp con ma lừa, ma dối thôi.
- VIỆT – Hòa hãy đợi ông thần thời gian trung thực trả lời.
- HÒA – Em không tin nữa. Thầy trả chuỗi hạt quý đây.
- VIỆT – Hòa cố đòi tôi xin trả. (*Định đi ra thì Vùn vào*)
- VÙN – Chào ả nàng! (*Đến bên Việt*). Em đã nói như lời thầy dặn. Con dao của thầy đây. (*Đưa dao nhọn có nắm bằng sừng hươu cho Việt*)
- VIỆT – Cảm ơn công giúp đỡ của Vùn.
- HÒA – (*Xông đến Vùn*). Vùn! Thầy giáo đã làm gì mày? (*Túm cổ áo*). Nói đi
- VIỆT – (*Đến can*). Sao Hòa lạ thế. Hòa không nghĩ được điều đúng nữa à?
- HÒA – Thầy không phải nói nữa. (*Buông tay*). Con Vùn nói đi, mày đã bị thế nào?

- VŨN – (*Run sợ*). Bẩm ả Nàng, thầy Việt không làm gì đến em mà! Thầy còn nói lời hay, lời đẹp. Thầy bảo em đi có việc từ lúc ấy mà.
- HÒA – Thật không ?
- VŨN – Bẩm ả Nàng, miệng em không dám nói sai.
- VIỆT – Trước sau tôi cũng trả lời lại Hòa (*Nói với Vùn*). Vùn hãy ra chúng kiến giúp tôi việc này (*Đi ra*).
- HÒA – (*Bối rối*). Thôi, thầy giáo à! Cái lửa đốt trong lòng em đã nguội rồi (*Chạy theo gọi*). Thầy giáo ...!
- VŨN – (*Định đi ra nhưng gặp Muồng vào*). Anh Muồng!
- MUỒNG – Vùn đi đâu ?
- VŨN – (*Vừa đi ra vừa nói*). Anh đợi em một tí, em ra chỗ thầy giáo rồi em vào ngay. (*Ra hẳn. Lang vào*).
- LANG – Muồng!
- MUỒNG – (*Quỳ*). Bẩm Lang, Lang muốn phán bảo lời lạ cho con.
- LANG – À! Mày được tao nuôi bấy giờ đã đẹp, đã tròn, tao coi mày có khác gì con dâu. Đứng dậy con. (*Đỡ Muồng đứng dậy*).
- MUỒNG – Con vẫn ơn Lang, chỉ mong được Lang sai bảo việc lớn.
- LANG – Mày đã có cánh tay khỏe biết giữ đất, giữ Muồng cho Lang, mày có làm được không ?
- MUỒNG – Con xin làm ngọn cỏ để Lang đi cho êm chân. Con xin làm cái gió để Lang được mát. Con xin chết vì Lang.
- LANG – Ừ! (*Vẻ buồn*). Mày biết nghĩ cái hay, để làm việc lớn, còn đây là việc của mày.
- MUỒNG – Việc của con ?
- LANG – Ừ! (*Càng ra vẻ buồn hơn*). Thằng Việt, nó là Việt Minh, lúc ăn cơm, uống rượu nó cứ đòi phải để con Vùn làm nàng hầu tiếp nó. Tao thương mày nhưng sợ bụng nó nên tao nhận lời. Con Vùn đã ở với nó rồi.
- MUỒNG – Thằng Việt dâu rồi! (*Nghẹn ngào*).
- LANG – Cứ yên bụng con ạ! (*Đến rút kiếm đưa cho Muồng*). Dậy! Con đừng cho nó nhìn thấy ông mặt trời. Chặt đầu nó, chặt cả đầu con Vùn nữa. Tao lấy vợ khác đẹp hơn cho.

Lo mà làm đi. *(Lang ra Muồng đứng lặng như trời trồng thì Vùn vào. Vùn đến bên Muồng, Muồng không bỏ nhìn. Một lúc sau Muồng đẩy Vùn ngã).*

VỦN – Anh Muồng làm sao thế?

MUỒNG – Mày lừa tao, mày đi với thằng Việt.

VỦN – Em không thể đâu anh Muồng à! Em không như con chim ăn ở hai lòng, miệng em nói yêu, lòng em ở khác đâu.

MUỒNG – Cái mồm mày trơn như bôi mỡ, đến nước bọt cũng không ở lại được chứ nói gì đến lời thề.

VỦN – Anh Muồng ơi! Anh Muồng không thương Vùn. *(Khóc).*

MUỒNG – Nước mắt mau khô chảy ra làm gì?

VỦN – Anh Muồng ơi!

MUỒNG – Mày đã thề với tao: hễ bị ai làm nhục mày ăn lá ngón, mày cắn lưỡi để chết; rồi tao cũng chết theo. Bây giờ mày có giữ được không? *(Nghẹn ngào căm giận).*

VỦN – Lang bắt em...

MUỒNG – Thề mày ăn lá ngón mà chết, đừng để cái lưỡi kiếm này đưa vào cổ *(Giơ kiếm).*

VỦN – Không! Em không có tội, em không có lỗi. Lang bắt em đến, Lang bắt thầy giáo đến. Thầy giáo không làm gì em. Em không phải ăn lá ngón để chết phí, chết uống mất người anh thương.

MUỒNG – *(Vung kiếm cao hơn).* Mày còn nhiều mồm nói ngọt lừa tao. *(Xông tới, từ từ đưa mũi kiếm sát mặt Vùn. Vùn ngã người, lấy hai tay đỡ mặt, Việt vào)*

VIỆT – Sao lại thế kia?

MUỒNG – *(Dùng kiếm quay về phía Việt).* A! Mày đã đến. Bọn Việt Minh, bọn thù của tao. *(Xông lại vung kiếm chém, Việt tránh được, Muồng lùi lại lấy tư thế xông tới chém tiếp. Việt đưa tay bắt được kiếm)*

VIỆT – *(Bình thản).* Bây giờ thì anh định làm gì nữa?

MUỒNG – *(Điên cuồng).* Tao bóp cổ mày! *(Hồi cú. Hai tay xòe ra xông đến)*

- VIỆT – *(Vừa lùi vừa nói)*. Sao anh không tỉnh ngộ, chính Lang mới mưu hại anh. Anh hỏi Vùn đi *(chỉ Vùn)*.
- VÙN – Không phải như anh Muồng nghĩ đâu *(Vùn lắc tay Muồng, Muồng đẩy Vùn ngã)*
- MUỒNG – Tao không nghe lời độc, lời xấu của chúng mày.
- VIỆT – Kẻ thù biết nuôi tội ác để chờ dịp gây ra tội ác bằng bàn tay lương thiện của anh. Anh hãy bình tĩnh lại.
- MUỒNG – Tao không biết nói lời hay như mày. Lời hay là lời lừa, lời xấu.
- VIỆT – Đã đến lúc đánh sập bầu trời tội ác. Chính nó, tên Lang đã ném cho anh những miếng cơm thừa để làm mất anh mờ đi khi bước vào tội lỗi. Không! Chúng tôi muốn cứu anh.
- MUỒNG – Cứu tao để lấy vợ tao à! Mày muốn, mày giết tao đi. Mày giết tao đi *(Phanh áo xông tới. Vùn đến kéo tay Muồng)*.
- VIỆT – Giết anh làm gì. *(Ném lại chiếc kiếm xuống đất. Rút trong áo ra con dao nhọn của bố Ôn đưa)*. Đây, tôi cũng có dao nhưng tôi đã dùng đến đâu.
- MUỒNG – *(Ngỡ ngàng)*. Con dao kia! Con dao kia mày lấy được ở đâu?
- VIỆT – Dao của người thân trao cho tôi.
- MUỒNG – Không mà! Con dao ấy của bố tôi. Bố tôi lúc còn sống vẫn cho tôi cầm lên nương mà. Cái nắm bằng sừng hươu có khắc mắt người. Anh lấy được ở đâu?
- VIỆT – *(Giơ dao lên nhìn rồi đưa cho Muồng, Vùn chạy tới)*. Đúng nó có mắt người. Vậy của bố anh à?
- MUỒNG – *(Khóc)*. Đúng mà! Lúc mẹ tôi sắp đi bảo thấy ai cầm con dao này thì người ấy là bạn, là người tìm ra đứa cướp hạt ngọc quý mà.
- VÙN – Em đã nói mà anh Muồng chưa muốn nghe. Thầy Việt là người tốt đấy.
- VIỆT – Anh có nhận tôi là bạn không?
- MUỒNG – Có chứ! *(Quý)*. Bạn ơi! Đứa thù của tôi ở đâu?
- VIỆT – *(Đỡ Muồng)*. Anh đừng làm thế, tôi sẽ chỉ cho anh kẻ thù.
- MUỒNG – Anh lấy được con dao này ở đâu?

- VIỆT – Ở người bạn của bố anh: bố Ôn.
- MUÔNG – Thế à? Sao bố Ôn không nói với tôi?
- VIỆT – Trong lúc anh còn u mê vì những lời lừa phỉnh thì ai đã dám bảo ngay cho anh đường quang.
- MUÔNG – Nhưng đứa nào giết bố tôi; anh nói ngay đi.
- VIỆT – Mế anh không kịp dặn đứa nào giết bố, giết mế anh à?
- MUÔNG – Mế tôi chỉ kịp bảo nó giết bố để lấy hạt ngọc quý. Nhưng mế tôi chưa kịp nói thêm đứa giết bố tôi, hay mế tôi sợ nó mà không nói nên chỉ bảo tìm người cầm con dao này; thế rồi mế tôi bỏ tôi... *(Khóc)*
- VIỆT – Chính tên Lang vẫn nuôi anh.
- MUÔNG – Không! Anh không được động đến Lang của tôi.
- VIỆT – Lang của anh! Kẻ thù xảo quyệt định che lấp, rửa sạch tội lỗi bằng tội lỗi. *(Nhìn Vùn)*. Vùn ra bảo nàng Hòa cầm bộ giây hạt quý vào *(Vùn ra, Lang vào)*
- LANG – Mày làm việc đi Muông, đừng để nó thấy mặt trời.
- VIỆT – Kẻ có tội lỗi sợ mặt trời thì mặt trời cứ đến.
- LANG – Muông! *(Chỉ Muông)*. Sao mày đứng ngây ra như cây chết khô.
- VIỆT – Lang đã chặt gốc, hút hết nhựa từ đời bố của cái cây ấy rồi. Bây giờ Lang phải trả lại cuộc sống cho cái cây đó.
- LANG – A, thằng Việt Minh, cái mồm mày như lưỡi dao.
- VIỆT – Lưỡi dao với kẻ thù.
- LANG – *(Liếc nhìn chiếc kiếm nằm ở đất, đi dần lại. Muông vẫn đứng như người câm. Vùn, Hòa vào. Hòa như không để ý tới Lang vội trao chuỗi giây hạt quý cho Việt)*
- HÒA – Thầy đừng giận em nữa. Chuỗi hạt quý này thầy lại giữ lấy.
- LANG – *(Bối rối)*. Con Hòa! Sao mày làm hỏng lời tao?
- VIỆT – *(Cầm chuỗi giây hạt chỉ vào hạt ngọc)*. Đây, hạt ngọc như mắt người đã chết chỉ chúng ta biết rõ kẻ thù.
- MUÔNG – *(Chạy lại nhìn)*. Bố ơi! *(Cầm lấy chuỗi hạt đứng lặng)*

- LANG – Con Hòa! Mày không còn là máu của tao nữa rồi. *(Cầm kiếm xông tới đâm Hòa. Việt vội gạt nhưng Hòa bị thương vào chân. Lang định xô tới đâm tiếp. Việt kéo Hòa tránh được, Muồng ngược nhìn Lang vội bỏ chuỗi hạt vào túi).*
- MUỒNG – *(Thét to).* Tên Lang độc ác! *(Cầm dao xông tới Lang).* *(Lang không đuổi Hòa, vung kiếm đón đường dao của Muồng. Vùn đến xé vạt áo bằng vết thương cho Hòa. Bên ngoài, tiếng cồng, tiếng bước chân vang vọng từ xa tới gần nghe rung trời chuyển đất. Mặt trời mọc sáng dần. Bồ Ôn vai đeo túi, tay cầm kiếm cùng với các chiến sĩ, người cầm súng, người cầm mã tấu đi vào. Những chiến sĩ tiếp sức với Muồng cùng hướng vũ khí về phía Lang. Lang điên cuồng chạy trong vòng vây và cuối cùng sợ hãi bỏ kiếm quỳ xin hàng).*
- BỒ ÔN – *(Bước đến bên Việt).* Báo cáo đồng chí, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ đồng chí giao và cho một đội quân tới đây.
- VIỆT – *(Ôm lấy bồ Ôn).* Đồng chí đã về...
- HÒA – *(Lại bên Việt).* Thầy vẫn còn... vẫn còn là thầy của em.
- BỒ ÔN – Ôi các đồng chí! Ôi toàn thể anh em, chúng ta đã về với nhau như anh em một nhà rồi.
- VIỆT – *(Chỉ tay về phía xa).* Hỡi anh em! Chúng ta lại lên đường cùng các Muồng bạn tiến ra thị xã lấy tỉnh thôi. *(Đoàn người đứng vào hàng, trong tư thế lên đường. Che lấp tên Lang. Tiếng cồng, tiếng bước chân xa dần, xa dần).*

MÀN HA

Cầm Kỷ dân tộc Thái.

HAI NGƯỜI MẸ

Truyện phim Hai người mẹ viết về tình hữu nghị cao cả của hai dân tộc Việt, Lào sát cánh bên nhau chiến đấu chống kẻ thù chung để giải phóng hai dân tộc, giành lại độc lập, tự do.

Câu chuyện bắt đầu từ năm 1952, khi giặc Pháp buộc phải rút khỏi căn cứ Nà Sản thuộc Sơn La, chạy qua đất Lào. Trên đường rút chạy chúng đã bắt mang theo một thiếu phụ người Thái. Người chồng thiếu phụ đã chống lại chúng để cứu vợ nhưng bị giặc giết hại. Đứa con đầu lòng của anh chị mới tám tháng tuổi cả cha lẫn mẹ được bộ đội ta đem về nuôi và đặt tên là Trung Dũng, lớn lên trở thành một cán bộ chỉ huy trong đơn vị quân đội.

Chị Bua, người thiếu phụ Thái bị địch lôi lên máy bay, khi nghỉ lại Viên Chăn đã lừa địch, trốn thoát vào rừng. Chị đã được Đuông Chăn, một thiếu phụ Lào có chồng là chiến sĩ cách mạng cứu sống khi chị đã kiệt sức. Từ đây hai thiếu phụ Lào, Việt trở thành hai chị em thân thiết cùng sống trong túp nhà nhỏ ven rừng và cũng là địa điểm liên lạc của các chiến sĩ du kích Lào. Niềm vui của họ là bé Phim Pha con gái yêu của Đuông Chăn. Đuông Chăn hằng hái hoạt động cách mạng. Để che mắt địch Bua được nhận là em ruột Đuông Chăn với cái tên Lào Xi Vi Lay.

Nhưng rồi Đuông Chăn bị lộ đã anh dũng hy sinh. Chồng chị cũng bị địch bắt rồi giết. Xi Vi Lay, "em gái" Đuông Chăn đã đem dòng sữa của mình thay Đuông Chăn nuôi bé Phim Pha khôn lớn, đồng thời tiếp tục làm cơ sở cho các chiến sĩ du kích. Dân làng và bà con quen biết không ai hay biết tung tích chị, chỉ biết chị là em ruột Đuông Chăn. Chị hằng hái hoạt động và trở thành một cán bộ Lào có uy tín ở địa phương.

Trong niềm an ủi đó không lúc nào chị nguôi nổi nhớ đứa con để rút ruột bị địch giăng khỏi tay ở Nà Sản năm nào.

Sau khi đánh bại thực dân Pháp, hai dân tộc Việt, Lào lại tiếp tục đánh Mỹ. Và trong một buổi liên hoan văn nghệ của quân đội giải phóng Lào, Phim Pha và Trung Dũng đã gặp nhau. Khi con gái dẫn anh bộ đội Việt Nam về nhà, bà Xi Vi Lay đã nhận ra Trung Dũng là đứa con bị bỏ lại ở Nà Sản năm 1952. Cả Phim Pha và Trung Dũng đều không hiểu nỗi lòng của mẹ. Trung Dũng chỉ được các đồng chí trong quân đội cho biết tên mẹ là Bua và chắc là mẹ đã bị địch bắt không biết còn sống hay chết. Còn Phim Pha từ nhỏ đến lớn cũng chỉ biết có mẹ Xi Vi Lay.

Trong phút gặp nhau nửa mừng nửa tủi đó bà Xi Vi Lay chưa thể nói rõ sự thật cho Phim Pha và Trung Dũng hiểu được. Nhưng sau này bà đã kể cho Phim Pha nghe rõ sự tình. Phim Pha vô cùng cảm kích mối tình giữa hai thiếu phụ, hai người mẹ Việt, Lào, càng quý mến bà Bua hơn. Rồi trong một buổi đoàn văn công quân đội Giải phóng Lào sang diễn ở Tây Bắc (Việt Nam), có cả Phim Pha là diễn viên, bà Xi Vi Lay cùng đi với đoàn đã chính thức nhận Trung Dũng là con đẻ của mình.

Bà con bên Lào sau khi vỡ lẽ Xi Vi Lay là một thiếu phụ người Thái Việt Nam đã dùng dòng sữa của mình thay Đuông Chăn nuôi Phim Pha, người con gái Lào, đã chiến đấu hết mình cho sự nghiệp giải phóng Lào thì ai cũng cảm động, khâm phục và ai cũng muốn giữ chị ở lại đất nước mình. Chị Bua đã không dứt được mối tình đó, nhất là trách nhiệm với Phim Pha, đứa con gái mà chị đã thực sự coi như con đẻ từ lâu. Chị quyết định ở lại đất nước Lào.

Hai đoạn trích dưới đây là đoạn sau khi Đuông Chăn bị địch bắt, Bua đã thay chị làm mẹ Phim Pha và trở thành chiến sĩ cách mạng Lào. Và đoạn mẹ con Trung Dũng nhận nhau trong buổi đoàn văn công quân đội Lào sang biểu diễn ở Điện Biên Phủ.

*

.... Bua vùng dậy, mắt mở trừng quyết liệt. Người chị căng thẳng, dữ dội, lòng ngực thổ gấp. Chị đã cố thu hết sức để lao vào một việc vô cùng nguy hiểm. Một tràng súng rất tai ập đến, tiếp theo là tiếng lửa cháy, tre nứa nổ, càng làm chị sôi sục ý chí liều thân.

Chị lao ra, men theo khe đá, trong khi ngọn lửa bốc cao và đám khói cuộn cuộn dâng lên tới chị.

Nhưng trong hang, Phim Pha thức giấc, giật mình khóc ré lên!

Bua đau đón đúng sầm. Chị dang tay ôm lấy vách đá cho khỏi ngã. Tiếng lửa cháy, tre nứa nổ, tiếng súng, xen lẫn tiếng khóc của Phim Pha như giằng, xé cả tâm thần chị. Chị bủn rủn tay chân, nhưng cặp mắt lại bỗng mở trừng quyết liệt. Chị vùng chạy vào hang, giật tung khuy áo, vạch vú, bế xốc lấy Phim Pha.

..... Ngồi lều nương đã chìm trong biển lửa. Bà Đuông Chăn đã bị dẫn đi tới đồi. Ghi Ra không dám ngồi trên lưng ngựa nữa, tay áo xắn cao, hấn xách khẩu "Tuyn" đã lên đạn dí sát cạnh Đuông Chăn. Bọn lính đi toả ra bao kín xung quanh.

..... Bua ôm chặt Phim Pha, men theo đường rừng. Chị chui, luồn, băng mình qua các bụi rậm, lao đi để lại phía sau tua tủa những mảnh khăn, mảnh tã, tà áo... móc giữ trên cành gai.

Nhưng chị sa chân té nhào xuống một hố sâu, ngã dập. Phim Pha khóc thét. Chị luống cuống xoa đầu Phim Pha vừa lồm cồm bò dậy, cố ấn đầu vú vào miệng cháu. Trên vai chị, áo rách toạc, gai cào gạch một đường dài tứa máu...

Và nước mắt tuôn trào, ràn rụa, Bua ngồi ôm Phim Pha đau đón nhìn theo Đuông Chăn bị dẫn đi xa dần dưới chân núi.

Xóm Lào Thong, chỉ có già U-ta-ma và đứa cháu nội ở nhà, trông xóm. Mà ông già cũng vừa hốt hải ở đâu chạy về, trên vai mang một bó trúc xinh xắn. (Chắc là cụ vừa lựa kiếm được trên rừng, để đến thay mấy ống đàn la-nát bị rề của Đuông Chăn, Già U-ta-ma chạy thẳng vào gian thờ, nơi treo đầy những đầu huơu, sừng bò tốt, da hổ v.v... chụp lấy cái chiêng to. Đứa cháu nội cũng tíu tít quanh ông.

Tiếng chiêng nổi lên, cấp báo kêu gọi...

"Xoạt! Xoạt! Xoạt! ..."

Các chị Lào Thong đang lấy mây trên núi cao. Khăm Bay chap năm sáu sợi, cuốn mây vòng vào gốc cây, khom người kéo xoạt một nhát. Vỏ gai ngoài tróc tung, tro lại những sợi mây dài vàng óng. Tiếng chuông chiêng vọng tới, Khăm Bay quay nhìn ra cửa rừng và thấy đám khói dâng lên phía lều nương Đuông Chăn... Các chị nhìn nhau rồi vùng chạy khỏi rừng làm mấy con voi thồ ngơ ngác. Nhiều chị chạy ra đến đường mòn mới kịp cho dao vào vỏ bên hông...

Trên bờ suối Năm Khoảng, Đuông Chăn bước đi, đầu ngừng cao, mình khoác chiếc khăn đẫm máu của chồng. Bà không khóc, mà đau lòng nghĩ đến tất cả:

Hình ảnh Xi Thong vai đeo pá-phụ, cúi xuống thom mặt Phim Pha trong tay bà, rồi lẳng lặng ra đi, đầu trần.

Chiếc khăn cắt vội trên khung dệt dở.

Căn cứ Ít-xa-la trên núi cao. Các cụ già hăm hở vót chông. Xi Thong cùng các thanh niên Meo mình đẫm mồ hôi, đang quai búa. Từng đoàn phụ nữ Meo lưng đeo gùi tay dắt ngựa chở than, gạo, sắt vụn... đi tới.

Phim Pha trên lưng người mẹ Thái bước lên hang, Đuông Chăn đưa nốt cây đàn la-nát vào hang rồi hai người mẹ đứng mãi bên nhau không muốn rời...

Hình ảnh chiếc lẳng xôi và bầu canh còn treo ở cạnh ban ập đến đột ngột làm Đuông Chăn trào nước mắt...

Nhưng cặp mắt đẫm lệ của bà bỗng rực lên, đăm đăm, quyết liệt:

- Không! ... Chúng nó giết chồng tôi, đốt cả nhà tôi rồi. Tôi còn ngoan ngoãn theo chúng lên đồn để chúng làm nhục nữa sao! ... Phim Pha! Con ơi! ... Ở đây đã xa nơi con tôi ẩn náu rồi!"

Đuông Chăn đưa mắt nhìn quanh và bất thần vùng chạy. Bà đã chạy gần tới rừng, bọn lính mới sực co cẳng đuổi theo. Ghi Ra cũng nhảy lên ngựa phóng tới chặn đầu. Đuông Chăn quay ngoắt trở lại và lặn nhào xuống bờ suối sâu. Ghi Ra xuống ngựa, hét bọn lính nhảy theo. Trong khi bọn lính đang lò dò bám cây lơ lửng trên thành vực thì Đuông Chăn đã lao qua dòng nước xiết và sắp thoát sang bờ bên kia. Ghi Ra tức tối lia một tràng súng.

*

Ông già U-ta-ma đứng sầm trong rừng như chính cụ bị trúng đạn. Bàn tay rần reo của cụ bóp chặt như muốn vỡ cả chuôi dao.

*

Đuông Chăn sững lại giữa dòng, tay ôm ngực, lão đảo. Bà cố loạng choạng bước tiếp sang bờ bên kia... Nhưng ngã nhào, ôm lấy một khối đá tròn. Bàn tay la-nát bám trên hòn đá trơn, chuội dãn,

chuoì dần... Và con nước xiết đã cuốn người mẹ Lào anh hùng, trôi đi, chìm ngấm trong thác...

..... Trên mom núi cao, đứa cháu nội (đeo vòng bạc ở cổ) của già U-ta-ma, nhắm mắt khóc thút thít.

..... Còn ông già của cháu, vẫn cầm dao lăm lăm, men theo bờ Nặm Khoảng, chạy theo dòng nước xiết...

*

Ngôi nhà nương đã bị cháy trụi. Bua ôm Phim Pha, đầu tựa vào gốc cây hoa ban mà ta đã quen thuộc. Cái lẵng xôi và bầu canh vẫn còn treo đó. Phim Pha mặt nhọ nhem, tóc rối bù, nhưng no nê từ từ nhả vú. Bé ngủ thiếp đi bên đầu vú vẫn rõ tiếp từng giọt sữa trắng. Bàn tay run run, Bua gỡ lẵng xôi trên cành, áp chặt vào ngực. Nước mắt lại ứa ra từ đôi mắt sung mọng, chị thều thào:

– Đuông Chăn... Vùng trắng, vùng trắng! ù! Sắp đến ngày rằm rồi!

Bua gạt nước mắt, nương nhẹ xốc Phim Pha lên lưng, buộc dây dịu lại. Chị cầm lấy con dao, vào rừng. Tất cả mọi cảm xúc suy tư dồn dập, bẽ bối trong lòng chị, đã tích tụ lại, dồn xuống cánh tay chị cầm dao. Chị chặt cây...

Khăm Bay cùng đông đảo các chị Lào Thông chạy đến. Trông thấy Bua đang dịu con chặt ngã cây, họ ngạc nhiên đứng sững lại, thở. Bỗng Khăm Bay chạy vù ra, ôm chầm lấy Bua, oà lên khóc rất to.

Lòng Bua tro tro, đôi mắt chị ráo hoảnh. Không nói một lời. Bua chỉ nhẹ nhàng xoa lưng, an ủi cô gái Lào Thông. Khăm Bay ngẩng lên, mếu máo:

– Chị Xi-vi-lay... Chị mang cháu xuống xóm dưới ở với chúng em!

– Ôi, Khăm Bay ạ (Giọng Bua bình thản). Chị cảm ơn em! Nhưng chị phải ở lại đây thôi... Em giúp chị chặt cây một lúc nhé. Chị sẽ dựng lại nhà. Ngay chỗ cũ này! Và chị sẽ làm tiếp công việc của chị Đuông Chăn!

Khăm Bay chùi nước mắt, ngược nhìn Bua trầu mếu:

– Nhưng... Chị Xi-vi-lay! Chúng nó trông thấy nhà, chúng nó lại sục đến!

- Chúng nó chẳng dám mò lên nữa đâu. Khăm Bay ạ! Chị Duông Chấn đã làm cho chúng phải sợ cái xóm núi này của ta rồi!

- Có gì chị sẽ chạy xuống với em. Không lo. Khăm Bay ạ! Chúng ta... gần nhau thôi!

Bua nắm chặt tay Khăm Bay. Những người Lào thông dứng lặng hồi lâu, rồi cùng rút dao, dùng dùng đi vào rừng chặt cây.

Tiếng dao vang vang trong rừng, rộn rã như phát nương. Tùng bó cây dài ùn ùn tuôn ra, xếp đồng bên nền nhà còn nghi ngút khói.

*

Phon Say dẫn một tổ du kích Ít-xa-la, luồn nhanh trong rừng... Anh vạch lá, và lạ lùng nhìn thấy ngôi nhà nương mới đã dựng gọn gàng trên nền đất cháy. Anh nheo mắt suy tính hồi lâu, rồi rút dao thử chặt cây ra ám hiệu...

Lập tức từ lều nương vọng tới tiếng chày quen thuộc:

- K'rắc tụp! K'rắc tụp! K'rắc tụp!

Phon Say càng ngạc nhiên:

- Bây giờ, các đồng chí mai phục ở kia. Một mình tôi ra xem trước nhé!

Phon Say trùng trùng nhìn xuống ngôi lều, phía sau anh, tổ du kích tản nhanh trong rừng.

*

Bên gốc cây hoa ban, khuôn mặt Phon Say bóng nhẫy mồ hôi lấm lì. Đôi mắt anh hần những tia máu, như lồi lên. Răng nghiến chặt, quai hàm bạnh ra, anh cố nuốt cái gì trong cổ và quay lại phía sau:

- Chị Xi-vi-lay!... Chị cứ yên tâm về với các cháu trên Muồng Ét. Chúng tôi sẽ cử người đưa chị về tận nơi. Tôi sẽ mang theo Phim Pha đi... Cháu sẽ là đứa con chung của cả Đội du kích và lớn lên theo những chặng đường chiến đấu của Mặt trận Ít-xa-la!

- Không... Anh Phon Say ạ! (Bua bình thần nhìn xuống Phim Pha đang ngủ ngon trong tay mình). Tôi sẽ ở lại đây, tiếp tục đưa muối cho các anh! Và nuôi Phim Pha lớn lên trên mảnh đất này đã thấm máu bố mẹ cháu.

Hai người cùng đứng lặng, suy nghĩ lao lung... Bua chớp mắt, nhìn quanh:

– Anh buộc ngựa ở đâu, anh Phon Say? Ta đóng muối vào thổ đi!

Phon Say thở dài, lấy khăn lau mặt:

– Chị cho tôi bế cháu một lát!

Bua nhẹ nhàng chuyển Phim Pha đang ngủ sang tay anh. Phon Say lại nuốt cái gì trong cổ, hai tay nương nhẹ và cúi nhìn rất lâu đứa con của hai chiến sĩ Ít-xa-la đã hy sinh! Phim Pha lại dụi mắt thức dậy. Bé mở mắt ra và ngo ngắc, lạ lẫm nhìn mặt Phon Say với bộ râu quai nón không có thì giờ cạo. Môi bé bỗng mếu xệch.

Bua vội đưa tay ra đón. Nhận ra người thân quen, Phim Pha lại cười, sung sướng ôm chầm lấy cổ Bua...

Phon Say ghen ngào nói:

– Lớn lên cháu sẽ chỉ biết có chị là mẹ của cháu!

Bua ghì chặt Phim Pha vào ngực mình. Bé Phim Pha càng thích thú cười rình rích. Khuôn mặt Phim Pha kháu khỉnh, sáng đẹp như trăng rằm. Đôi mắt bé mở tròn, trong vắt...

*

Chiêng trống nổi lên âm vang khắp núi rừng. Điện bật sáng như sao sa giữa thung lũng. Trên sân khấu ngoài trời, một điệu múa đông người mang tính chất tượng trưng, sôi nổi kết thúc. Hai cô gái Lào và Việt nắm tay nhau tiến ra trước khán giả. Đó là cô Vòng Xềng xinh tươi, chấp tay nói một tràng tiếng Lào vô cùng ngọt ngào. Cô gái Việt dịch ra, giọng cao vút, cũng không kém phần êm ái:

– Chương trình biểu diễn của Đoàn Văn công nhân dân yêu nước Lào tỉnh Hạ Phăn., bắt đầu. Tiết mục thứ nhất, "Kể tội ác A-mê-li-ca!" Sáng tác: Khăm Vòng Xắc, người biểu diễn: Phim Pha Xi-vi-lay. Đệm đàn la-nát: anh Thạo Koong-xi!

Phim Pha hát: (đại ý)

... Ngày tiếp ngày.

Mặt trời mọc trên đất Việt, rồi lặn qua đất Lào.

Đêm nối đêm

Mặt trăng mọc trên đất Lào, lại lặn sang đất Việt
Hai nước bên nhau
Thủy chung gắn bó
Như bản tình ca xưa:
Hai con sông Đà – Mã yêu nhau đua chảy
Đua chảy lại gần nhau
Cho hoà làm một
Nhưng, có con quỷ dữ đến!
Ghen tuông độc ác!
Xô đá ngăn đường...
Sông Mã phải ngoặt sang bên Lào
Sông Đà chảy vòng qua đất Việt.
Ô!... Mỗi tình sông chung thủy!
Đâu có chịu cách chia,
Hai dòng cùng phía Đông chảy thẳng
Và gặp nhau
Chan hoà ngoài biển lớn,
A-mê-li-ca Xát-tu (đế quốc, thực dân)
Khác gì con quỷ ác
Gây đau thương tang tóc,
Nhưng đòi đòi sông núi còn ghi:
Mỗi tình thấm thiết Việt Lào
Còn mạnh hơn mọi lũ xát-tu tàn bạo
Hai nước thương nhau
Hai dòng máu chảy
Sống chết bên nhau, chiến đấu
Không tiếc xương máu
Và Lào – Việt lại gặp nhau, chan hòa
Trong ngày hội lớn đánh đuổi A-mê-li-ca!

Tiếng vỗ tay như sấm dậy, làm Trung Dũng sực tỉnh bên cánh gà sân khấu, Phim Pha kết thúc tiết mục, xúc động chạy ra.

– Phim Pha!

Trung Dũng sung sướng gọi to. Phim Pha đứng sầm, ngơ ngác. Khi quay lại và nhận ra Trung Dũng cô kêu lên một tiếng "Ôi!" rồi đứng lặng, hai tay bung lấy mặt.

Con Trung Dũng cũng đứng ngây ra vì sung sướng, hai tay luống cuống, chưa biết nói thế nào...

Bà Xi-vi-lay từ đâu đột ngột xuất hiện.

– Ôi!... Xin chào bác! (Trung Dũng bước lên nắm tay bà Xi-vi-lay).
Bác cũng sang ạ! Thế mà cháu không biết!

Người mẹ, không nói không rằng, dăm dăm nhìn mặt con và lập tức nước mắt tuôn trào. Từ từ, run rẩy, bà nâng niu cánh tay Trung Dũng lên ngang mặt. Tay áo quân phục mùa hè xắn cao đến khuỷu, để lộ trên bắp tay rắn chắc của Trung Dũng, dòng chữ "Bua-Khay" thích bằng mực chàm. Cặp mắt mẹ mở to, sáng rực, trùng trùng và như ập sát vào dòng chữ bất diệt đó!

– Con!!!...

Người mẹ khóc to, hai tay ghì chặt lấy đứa con trai.

– "Con đau... con xót của mẹ!"

Trước hành động bất ngờ đó, Trung Dũng ngó ra, mắt mở tròn rồi chớp chớp không hiểu gì cả.

Lúc đó, Phim Pha đứng nghiêm trang, lau sạch nước mắt:

– Anh Trung Dũng!... Đây chính là mẹ Bua yêu quý của chúng ta! Là mẹ đẻ của anh đấy! Mẹ đã nhận ra anh từ hôm đó, và kể lại tất cả... Ôi, anh Trung Dũng!... Anh có biết không... Chính dòng sữa mẹ anh đang bú phải bỏ dở đó, đã nuôi em lớn trên đất Lào...

..... Mặt Trung Dũng tái đi, trắng bệch... nhưng cặp mắt anh mở trừng, rực ánh lửa, hết nhìn Phim Pha lại nhìn mẹ... như điên như dại.

Người anh run lên bần bật, trong khi người mẹ hối hả xoa đi xoa lại bộ ngực anh nóng ran, hồn hển. Hai tay buông rã rời, anh cứ thế đứng sững rất lâu.

Cuối cùng anh hét lên, lạc cả giọng:

– Phim Pha!... Trời ơi!... Mẹ!!!

Anh khuyu xuống, ôm lấy đầu gối mẹ và nước mắt rung rung.

– Trời ơi... con cũng nghĩ... ngờ ngờ... Con tin mẹ còn sống... nhưng không ngờ... Ôi, Mẹ ơi!

Như đứa trẻ có lỗi với mẹ, đôi mắt anh nhòa lệ nhìn lên van vỉ đáng thương và anh lại gục vào lòng mẹ, khóc rất to.

Từ lâu, cuộc biểu diễn đã dừng lại. Diễn viên, khán giả, cả các đồng chí lãnh đạo ngồi ở hàng ghế danh dự... Tất cả đều kéo đến.

Tất cả quây quần thành những vòng chặt ních xung quanh ba mẹ con. Và ai cũng rung rung, bụi ngùi, đứng lặng, có người gạt vôi nước mắt.

Trung Dũng cố thoát ra khỏi cơn choáng váng. Anh buông mẹ, tự mình đứng lặng, cố nén. Anh thở trút ra và hơi trấn tĩnh, lau nước mắt quay lại nắm tay mẹ và Phim Pha, giọng khản đặc: "Em Phim Pha... Mẹ ơi, các bác, các chị, các đồng chí ơi!... Tìm thấy mẹ tôi rồi."

Anh guọng cười, khuôn mặt trông khác lạ hẳn đi, nước mắt vẫn còn long lanh trên má.

Đồng chí Phó chủ tịch tỉnh và là Trưởng ban đón tiếp tiến vào, hân hoan bắt tay từng người rất chặt:

– Xin chúc mừng chị Xi-vi-lay!... Chúc mừng đồng chí Trung Dũng! Chúc mừng cô Phim Pha...

Thấy ba mẹ con đã tươi tỉnh hẳn lại, mọi người rất mừng. Một thiếu nữ nhanh nhẩu bung đến một khay rượu. Đồng chí bộ đội cũng nhắc bồng chiếc bàn con ra, phủ lên mặt bàn tấm khăn trắng.

Cô tiếp tân lễ phép bung khay đúng mời. Nhưng đồng chí Phó chủ tịch lại tiếp:

– Các đồng chí trong phái đoàn kính mến! Các bạn, các đồng chí, cùng toàn thể bà con!... (anh ngẩng đầu hân hoan nhìn tất cả).

Cuộc gặp mặt đột ngột này, thật là hạnh phúc và cảm động. Hôm nay thật là một ngày đáng ghi nhớ, một ngày có nghĩa lớn lao! Thật đúng như anh Trung Dũng với cô Phim Pha đây, giờ đã thành hai anh em ruột thịt. Hai nước Lào – Việt cũng chính là hai người anh em thân thích nương dựa vào nhau mà sống ở hai bên bờ sông, núi. Giặc càn bên Việt Nam, thì người Việt chạy qua Lào, được người Lào hết lòng che chở, nuôi giấu. Giặc càn bên Lào, người Lào lại chạy sang Việt Nam nương náu. Nhưng giờ đây, hai anh em Việt Lào đã nắm tay nhau cùng đứng dậy. Kẻ chạy tơi bời bây giờ chính là bọn đế quốc xâm lược. Chạy sang Lào, Lào đánh; chạy sang Việt, Việt đánh. Chúng cùng đường và đã bị tóm cổ như tên giặc lái Mỹ vừa qua!...

Cho nên, mới có cuộc gặp mặt vui mừng, hạnh phúc như ngày hôm nay, đúng vào lúc anh em chúng ta đến đây, cùng nhau chúc

mừng dòng nước thân tình đã chảy liền qua miền biên giới! Xin chúc mừng mọi người hạnh phúc! Chúc tình hữu nghị Việt Lào đời đời thắm thiết!

Những lời mộc mạc, sôi nổi và giọng nói sang sảng hào hùng của nhà thơ đã kéo mọi người khỏi không khí bùi ngùi xúc động. Tất cả hò vang:

– Lào – Việt xa ma khi!

– Việt – Lào là anh em!

Đồng chí Tha Von sung sướng ôm hôn nhà thơ Chi Mai rồi nói to:

– Xin đề nghị tất cả chúng ta cùng múa xoè và lăm vòng tập thể!

– Cho đến sáng! – Chi Mai phấn khởi nói thêm.

Lập tức chiêng, trống, đàn, khèn... nổi lên rộn ràng, quyện cùng tiếng hát thiết tha, âm vang trong núi.

Hàng nghìn người, nắm tay nhau tại chỗ, kết thành những vòng xoè lớn quây quanh lá cờ đỏ sao vàng và lá cờ xanh đỏ có hình trắng tròn ở giữa, phấp phới trên cao... Chiếc áo Thái thon thon với hàng khuy bạc, sáng lấp lánh quán quýt trong dải khăn Lào phấp phới bay lượn. Vai sát vai, chân bước nhịp nhàng, cuộc đại xoè múa hân hoan với hàng chục vòng xoè lớn nhỏ đan lồng nhau sôi sục cuốn đi theo tiếng hát nhịp trống. Ở chính giữa là quốc kỳ hai nước bay quyện trên cao và chân dung hai lãnh tụ kính yêu, tươi sáng trên đỉnh giàn hoa kết đầy đèn...

Đường về quê mẹ, Nxb Văn hóa 1973

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hợp tuyển thơ văn Việt Nam – Tập VI – Văn học dân tộc ít người – Nxb Văn học – in lần thứ 1: 1960 – Tập VI (2 quyển) in lần thứ 2 (có bổ sung) – Nxb Văn học 1979–1981.
2. Hợp tuyển thơ văn các tác gia dân tộc thiểu số Việt Nam (1945–1980) – Nxb Văn hóa – 1981.
3. Tuyển tập văn học các dân tộc thiểu số – Nxb Văn học – 1995.
4. Tuyển tập văn xuôi dân tộc và miền núi thế kỷ XX. Nxb Văn Hóa dân tộc 2000.
5. Hợp tuyển văn học dân gian các dân tộc. Tập I – Nxb Văn hóa dân tộc 1994.
6. Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam – Nxb Văn hóa dân tộc 1997.
7. Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi từ tập I đến tập IX. Nxb Giáo dục – 1998–1999.
8. Tuyển tập Nông Quốc Chấn (Hai tập) Nxb Văn học – 1992. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc – 1998.
9. Tuyển tập Bàn Tài Đoàn – Nxb Văn học – 1992.
10. Núi mọc trong mặt gương – Nxb Văn hóa dân tộc – 1998.
11. Truyện cổ các dân tộc thiểu số miền Nam (Tập I – II) Nxb Văn hóa 1975–1976.
12. Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam (Tập I – II) – Nxb Văn học – 1994.
13. Trường ca Tây Nguyên – Nxb Văn học – 1963.
14. Dân ca Tây Nguyên – Nxb Văn hóa – 1976.
15. Truyện cổ M'Nông – Nxb Văn hóa dân tộc – 1988.
16. Truyện cổ miền núi Nghĩa Bình – Ty VH TT Nghĩa Bình – 1982.
17. Cây nêu Thần – Trường ca M'Nông – Sở VH TT Đắc Lắc – 1994.
18. Truyện cổ dân tộc Mèo – Hà Giang – Ty VH TT Hà Giang – 1975.
19. Truyện cổ Việt Nam (I – II) – Nxb Văn học – 1983.
20. Truyện cổ các dân tộc thiểu số Việt Nam – Nxb Văn hóa dân tộc – 1997.
21. Truyện cổ Văn Kiều – Nxb Văn hóa dân tộc – 1978.

22. Truyện cổ H'Re - Nxb Văn hóa - 1985.
23. Dân ca Dao - Nxb Văn hóa dân tộc - 1990.
24. Đang vắn va - Nxb Văn hóa - 1986.
25. Truyện cổ Tà Ôi - Nxb Văn hóa dân tộc - 1987.
26. Truyện cổ Cao Lan - Nxb Văn hóa - 1983.
27. Nàng Hơ Bia Đơ Rang - Nxb Văn hóa dân tộc - 1987.
28. Truyện cổ Khơ Me Nam Bộ - Nxb Văn hóa - 1983.
29. Văn học dân gian cổ truyền Hà Giang - Ty VH TT Hà Giang - 1971.
30. Dân ca Cao Lan - Nxb Văn hóa - 1981.
31. Nam Kim - Thi Đan, Chiêu Đức - Kim Nự - Nxb Việt Bắc - 1976.
32. Văn học Chăm (Tập I - II) - Nxb Văn hóa dân tộc 1994.
33. Tiễn dặn người yêu (Sống Chụy Sơn Sao) Nxb Văn hóa dân tộc - 2000.
34. Then Tày - Những khúc hát - Nxb Văn hóa dân tộc - 2000.
35. Nụ cười các dân tộc thiểu số Việt Nam - Nxb Văn hóa dân tộc - 2000.
36. Lễ hội Hằng Nga - Nxb Văn hóa dân tộc - 1997.
37. Một số lễ tục dân gian người Kh'Mer đồng bằng sông Cửu Long - Nxb Văn hóa dân tộc - 1999.
38. Truyền thuyết về các Tháp Chăm - Nxb Văn hóa dân tộc - 1995.
39. Sử thi Bah Nar K'riem - Nxb Văn hóa dân tộc - 2000.
40. Văn học dân gian Chăm - Nxb Văn hóa - 1983.
41. Truyện thơ Chăm - Nxb Văn hóa - 1983.
42. Truyện cổ Chăm - Nxb Văn hóa 1982.
43. Truyện cổ Hà Nhì - Nxb Văn hóa - 1981.
44. Truyện cổ Dao - Nxb Văn hóa Dân tộc - 1978.
45. Dân ca Vân Kiều - Nxb Văn hóa - 1979.
46. Trường ca Tiếng Cống ông bà H'Bia Lơ Đả - Hội Văn nghệ dân gian và Hội Văn hóa các dân tộc Phú Yên xuất bản - 2000.
47. Lượn Siương - Nxb Văn hóa dân tộc - 1992.
48. Lượn Cọi - Nxb Văn hóa - 1987.
49. Ca dao - Tục ngữ dân tộc Tày - Hội VHNT Bắc Thái - 1993.
50. Lương Nhân - Truyện thơ Tày - Nùng - Hội VHNT Bắc Thái - 1989.

51. Đính Quân – Truyện thơ Tày – Nxb dân tộc Việt Bắc – 1963.
52. Truyện cổ Dao – Nxb Văn hóa dân tộc – 2000.
53. Văn hóa dân gian Cao Bằng – Hội Văn nghệ Cao Bằng – 1993.
54. Truyện cổ Giáy – Nxb Văn hóa dân tộc – 1995.
55. Truyện dân gian Thái – Nxb Khoa học xã hội – 1986.
56. Truyện cổ dân gian Thái – Sở VH TT Sơn La – 1976.
57. Tục ngữ Thái – Nxb Văn hóa dân tộc – 1978.
58. Khăm panh – Ty Văn hóa Thanh Hóa – 1973.
59. Quam Chiêm lang (phương ngôn, tục ngữ Thái) Hội VN Sơn La – 1986.
60. Hạn Khuống – Sở VH TT – Hội VN Lai Châu – 1991.
61. Dân ca Nùng – Nxb Văn hóa dân tộc – 1992.
62. Dân ca Lô Lô – Nxb Văn hóa – 1975.
63. Truyện cổ Tày – Nùng – Nxb Văn hóa – 1986.
64. Dân ca nghi lễ người Thái Trắng – Nxb Văn hóa dân tộc – 2001.
65. Dân ca Mèo – Nxb Văn học – 1967.
66. Từ điển văn hóa cổ truyền dân tộc Tày – Nxb Văn hóa dân tộc – 1996.
67. Truyện cổ Pu piéo – Nxb Văn hóa dân tộc – 1983.
68. Pút Tày – Nxb Khoa học xã hội – 1992.
69. Truyện thơ nôm Tày – Nxb Văn hóa dân tộc – 1994.
70. Truyện cổ Phù Lá – Nxb Văn hóa – 1982.
71. Dân ca Thái – Nxb Văn hóa – 1982.
72. Truyện cổ Ê Đê – Nxb Văn hóa dân tộc – 1988.
73. Dân ca Gia Rai – Nxb Văn hóa dân tộc – 1993.
74. H Mon Đăm Noi – Nxb Văn hóa – 1985.
75. Truyện cổ Mường – Nxb Văn hóa dân tộc – 1978.
76. Truyện cổ Gia Rai – Nxb Văn hóa dân tộc – 1988.
77. Truyện cổ Cơ Tu – Nxb Văn hóa – 1982.
78. Xing Chơ Niép (Trường ca Ê Đê) – Nxb Văn hóa – 1986.
79. Klei Khan Y ĐAMSAN (Bài ca Chàng ĐamSan) – Nxb Văn hóa dân tộc – 1977.
80. Truyện cổ Xê Đăng – Nxb Văn hóa – 1981.

81. Đẻ đất đẻ nước – Nxb Văn học – 1986.
82. Thường Rạng – Bộ Meng – Ty Văn hóa – TT Hòa Bình – 1973.
83. Tục ngữ dân ca Mường – Nxb Thanh Hóa – 1981
84. Dân ca Mường – Nxb Văn học – 1984
85. Mo Woái – Nxb Văn hóa dân tộc – 1999.
86. Âm nhạc các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Lạng Sơn – Nxb Văn hóa dân tộc – 2000.

MỤC LỤC

TÌNH TUYỂN VĂN HỌC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Quyển 2)

Lời Nhà xuất bản	5
Lời giới thiệu	7
Cùng bạn đọc	9
VĂN HỌC HIỆN ĐẠI	13
I. Thơ	13
HOÀNG VĂN THỤ (dân tộc Tày)	13
Trăng soi	13
Nhấn bạn	13
VƯƠNG ANH (dân tộc Mường)	14
Hoa trong Mường	14
Cơm Mường Vó Lúa – Mường Vang	16
Tình còn tình Chiêng	17
Buộc chỉ cổ tay	18
Lời của lá	19
NGỌC ANH (sưu tầm phỏng dịch)	20
Bóng cây Kơ Nia	20
HOÀNG AN (dân tộc Tày)	21
Con đường hẹn nhau	21
TRIỀU ÂN (dân tộc Tày)	22
Tiếng ngựa hí	22
Nàng Tiên	23
CẨM BIỂU (dân tộc Thái)	24
Chỉ cần một loại người	24
Trèo núi	25
NÔNG VĂN BÚT (dân tộc Tày)	26
Bắc cầu sang làng Cao	26

LÒ VĂN CÂY (dân tộc Thái)	27
Hạt tình	27
Người Mẹ	29
NÔNG QUỐC CHẤN (dân tộc Tày)	31
Bộ đội ông Cù	31
Khâu áo	33
Dọn về làng	34
Lội suối	36
NÔNG MINH CHÂU (dân tộc Tày)	37
Tung còn	37
Đến Ba Bể	37
TRIỆU LAM CHÂU (dân tộc Tày)	39
Một chiều nghe Sli	39
VI VĂN THÊN (dân tộc Thái)	40
Mộ bên đường	40
HỒ CHƯ (dân tộc Vân kiều)	42
Sóng	42
BÀN TÀI ĐOÀN (dân tộc Dao)	43
Muối của cụ Hồ	43
Tìm bạn	44
Người Dao suy nghĩ gì?	45
Quét nhà	46
LƯƠNG ĐỊNH (dân tộc Tày)	47
Mùa Thu dưới lũng	47
Lời người Cha Lũng núi	47
Núi và hòn đá lẻ	48
CAO SON HẢI (dân tộc Mường)	50
Huyền thoại về một loài hoa	50
Lặng lẽ suối xa	50
HOÀNG ĐỨC HẬU (dân tộc Tày)	52
Nhà Pha	52
Thác Quan làng	52
DƯ THỊ HOÀN (còn dân tộc Hoa)	53
Lối nhỏ	53

CẨM HÙNG (dân tộc Thái)	54
Dấu chân người Tây Bắc	54
ĐINH XÃNG HIỂN (dân tộc H'Mông)	55
Giản đơn và yên lặng	55
Hạt sương	55
Thành phố biển	56
HÀ LÂM KỲ (dân tộc Tày)	57
Đi rừng	57
K'PA YLĂNG (dân tộc Ê Đê)	59
Tháng ba Tây Nguyên	59
BÙI THỊ TUYẾT MAI (dân tộc Mường)	60
Mưa xuân	60
TRIỀU THỊ MAI (dân tộc Tày)	61
Ngọn lửa	61
Mây trắng	61
PỜ SẢO MÌN (dân tộc Pa-đi)	63
Cây ống khói	63
Cây hai ngàn lá	64
Tiếng chim Péc Kà	65
Lời dân tộc tôi	66
ĐOÀN NGỌC MINH (dân tộc Tày)	67
Phiên chợ	67
LA QUẢN MIÊN (dân tộc Thái)	68
Bếp nướng	68
Nhà tôi	69
LƯƠNG DUY NHÂN (dân tộc Thái)	70
Đất	70
Núi	71
Dốc	71
Gió	72
HOÀNG NÓ (dân tộc Thái)	73
Ở vùng căn cứ	73
Xuân Bình Ngô	74
MA TRƯỜNG NGUYỄN (dân tộc Tày)	76
Em là riêng anh cùng mưa nắng	76

Gọi em	76
LÒ CAO NHUM (dân tộc Thái)	78
Rượu núi	78
TRẦN THANH PÔN (dân tộc Khơ Me)	80
Thuận tình	80
Lời Thu của Đất	81
Mong nhớ đêm trăng	82
TỪ NGÀN PHỐ (dân tộc Tày)	83
Với Thâm Tâm "một chiều biên giới"	83
Y PHƯƠNG (dân tộc Tày)	85
Tên làng	85
Anh chiến sĩ áo Chàm	86
Em Con mưa rào Ngọn lửa	87
Tiếng mẹ đẻ	88
HÙNG ĐÌNH QUÝ (dân tộc Mông)	89
Làm cỏ ngô	89
Qua dốc Cán Tỷ	90
Người Mông có chữ	91
Qua Mã Pi Lèng	92
LÂM QUÝ (dân tộc Cao Lan)	93
Quê Cọ	93
Nếu em bỏ ôm chống	94
Lời anh	94
Đêm vùng Cao	95
INRASARA (dân tộc Chăm)	96
Con đường lửa thiêng	96
Tháp nắng	97
Đường trở về	98
MÙA A SẤU (dân tộc Mông)	100
Núi mọc trong mặt gương	100
ĐÌNH SON (dân tộc Mường)	102
Đừng nghe lời nói dối của giặc Tày	102
LÒ NGÂN SỦN (dân tộc Giáy)	104
Dạo cảnh	104
Rừng	104
Chiều biên giới	105

Người đẹp	106
Những người con của núi	107
NÔNG VIẾT TOẠI (dân tộc Tày)	109
Đi bộ đội	109
QUÁCH NGỌC THIÊN (dân tộc Mường)	111
Nhà sàn	111
Tiếng sa quay	112
Rời bản ven sông Đà	112
MA ĐÌNH THU (dân tộc Tày)	114
Giữa cánh rừng	114
Nằm Vọng ở Trường Sơn	115
HOÀNG TRUNG THU (dân tộc Tày)	116
Hôn mặt trời	116
VƯƠNG TRUNG (dân tộc Thái)	117
Núi mây và đàn bò	117
Thời gian	117
Chiếc khăn	118
Núi	118
DƯƠNG THUẤN (dân tộc Tày)	120
Lá Giầu	120
Đi tìm bóng núi	120
Ăn theo nước	121
Cực tình	121
VI VĂN THÚA (dân tộc Thái)	123
Thay áo	123
Gởi anh qua vãn thơ Việt Bắc	123
CẨM VĨNH UI (dân tộc Thái)	125
Nhớ vợ	125
BẠC VĂN ỦI (dân tộc Thái)	126
Em tắm	126
CẨM BÁ LAI (dân tộc Thái)	127
Củ nẫu	127
Buồn	128
BÙI NHỊ LÊ (dân tộc Mường)	129
Hát quanh bếp lửa	129

MÃ A LÊNH (dân tộc Mông)	131
Bài ca Lũng Sán	131
Nắng	132
Đá ở Sapa	133
MAI LIỄU (dân tộc Tày)	134
Lời mẹ	134
Lặng thăm	135
Mùa bông	135
Lúc lắc	136
CHU THÙY LIÊN (dân tộc Hà nhì)	137
Lửa sàn hoa	137
KA SÔ LIỄNG (dân tộc Chăm H'roi)	138
Cánh chim	138
Con lạch	138
BẾ THÀNH LONG (dân tộc Tày)	140
Thảo nguyên xanh	140
Hư Không	140
ĐOÀN LƯU (dân tộc Tày)	142
Cối giã gạo	142
ĐINH ĐĂNG LƯỢNG (dân tộc Mường)	144
Đường làng ta	144
Hội cổng mùa xuân	145
TRIỆU KIM VĂN (dân tộc Dao)	146
Mùa Sa nhân	146
Nếu tôi chết	147
Cười mùa Hạ	147
Lời mùa xuân	148
LÒ VŨ VÂN (dân tộc Thái)	149
Xuân bản Thàn	149
HƠ VÊ (dân tộc H'rê)	150
Thương lắm nhớ nhiều	150
Vội gọi	151
Lê loi	151
TÌU VOÔNG (dân tộc Gião)	153
Đỉnh núi Pha Luông	153

MÔ LỘ YCLAVY (dân tộc Ê Đê)	155
Cô gái vót chông	155
MÃ THẾ VINH (dân tộc Nùng)	156
Lũ	156
Đêm tháng sáu	157
VŨ GO XÁ (dân tộc Hà Nhì)	158
Lai Châu thương yêu	158
II. Văn xuôi (Truyện ngắn – Ký – Tiểu thuyết)	159
TRIỀU ẪN (dân tộc Tày)	159
Xứ sương mù	159
SA PHONG BA (dân tộc Thái)	171
Nắng, gió Phiêng Tam	171
VI THỊ KIM BÌNH (dân tộc Tày)	184
Lỡ hẹn	184
NÔNG MINH CHÂU (dân tộc Tày)	197
Muối lên rừng (trích tiểu thuyết)	197
Chè Mèn được đi họp (truyện ngắn)	214
Y ĐIẾNG (dân tộc Ê Đê)	226
Ông già Kơ Rao (truyện ngắn)	226
Chuyện trên bờ sông Hinh	234
HOÀNG HẠC (dân tộc Tày)	263
Kẻ Nằm (truyện ngắn)	263
HÀ LÂM KỲ (dân tộc Tày)	286
Con mốc của bác Luồng (truyện ngắn)	286
ĐỊCH NGỌC LÂN (dân tộc Nùng)	297
Ngôi đình Bản Chang (trích tiểu thuyết)	297
MÃ A LÊNH (dân tộc Mông)	305
Con cáo (truyện ngắn)	305
Người từ trên trời xuống (truyện ngắn)	308
VI HỒNG (dân tộc Tày)	316
Đường về với mẹ chữ	316
BẾ THÀNH LONG (dân tộc Tày)	349
Hổ (truyện ngắn)	349
LA QUÁN MIÊN (dân tộc Thái)	355
Tình yêu của Hổ (truyện ngắn)	355

Hai người trở về bản (truyện ngắn)	356
HỒ LINH NIỀ (dân tộc Ê Đê)	359
Trăng Xí Thoại (kịch)	359
HÀ TRUNG NGHĨA (dân tộc Mường)	365
Vầng sáng đêm thung lũng	365
MA TRƯỜNG NGUYỄN (dân tộc Tày)	376
Rễ người dài (trích tiểu thuyết)	376
HOÀNG HỮU SANG (dân tộc Tày)	394
Người đánh gấu trên núi Suối Mây	394
LÒ VĂN SĨ (dân tộc Thái)	402
Người bán hàng trên hang Cò Mạ	402
CAO DUY SƠN (dân tộc Tày)	407
Người săn gấu	407
NÔNG VIẾT TOẠI (dân tộc Tày)	421
Thấy Ma!	421
Ky	427
HỮU TIẾN (dân tộc Tày)	432
Nơi ngọn suối Chân rừng	432
VƯƠNG TRUNG (dân tộc Thái)	436
Mối tình Mường Sinh (trích tiểu thuyết)	436
HOÀNG QUẢNG UYÊN (dân tộc Tày)	467
Hương Dẻ	467
III. Kịch bản văn học	471
NÔNG ÍCH ĐẠT (dân tộc Tày)	471
Chờ gà gáy (kịch nói một màn)	471
QUÁCH NGỌC THIÊN (dân tộc Mường)	494
Tiếng công mặt trời (kịch nói)	494
CẨM KỶ (dân tộc Thái)	516
Hai người mẹ (kịch bản phim)	516

TÌNH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM

Tập 2

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc VI QUANG THỌ

Biên tập:

Phòng biên tập

NXB Khoa học Xã hội

Sửa bản in:

NHÓM TÁC GIẢ

Kỹ thuật vi tính

NGỌC HUỆ

Biên tập kỹ thuật - trình bày bìa:

VĂN ĐƯỢC - NGỌC ANH

In 1000 cuốn, khổ 16x24cm tại Xí nghiệp in FAHASA,
đóng xén tại DN Ngôi Sao, Đt: 8640798. Giấy phép
xuất bản số 1265/CXB ngày 28-10-2002. In xong và
nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2004.

TINH TUYỂN VĂN HỌC VIỆT NAM

**Bộ sách do các chủ biên dưới đây
sưu tầm và biên soạn:**

GS. TS. KIỀU THU HOẠCH (Tập 1)

Nhà thơ NÔNG QUỐC CHẤN (Tập 2)

PGS. TS. NGUYỄN ĐĂNG NÀ (Tập 3)

PGS. TS. TRẦN THỊ BĂNG THANH (Tập 4)

PGS. NGUYỄN THẠCH GIANG (Tập 5)

PGS. HOÀNG HỮU YÊN (Tập 6)

GS. NGUYỄN ĐĂNG MẠNH (Tập 7)

GS. TS. TRẦN ĐÌNH SỬ (Tập 8)

Giới thiệu

GS. Viện sĩ NGUYỄN DUY QUỲ

*Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội
và Nhân văn Quốc gia*

**Biên tập kỹ thuật - Tổ chức bản thảo
NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**

Thực hiện

Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn - Fahasa